Ký bởi: Sở Y tế
Email: vanthu_soyt@hanoi.gov.vn
Ngày ký: 23/11/2020 18:30:38 +07:00

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
VIÊN CHỨC NĂM 2019

Số: 1051 /TB-HĐXT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2020

THÔNG BÁO
Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 và Triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức năm 2019

Thực hiện các Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12/9/2019 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch Thi tuyển viên chức vào việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở Y tế năm 2019 và Quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND thành phố Hà Nội về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 12 tháng 9 năm 2019.

Căn cứ Kế hoạch số 10533/KH-SYT ngày 23/10/2020 của Sở Y tế về việc Tổ chức triển khai Quyết định số 4650/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của UBND Thành phố Hà Nội và Quyết định số 1805/QĐ-SYT ngày 26/10/2020 của Sở Y tế về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức thay thế Hội đồng thi tuyển viên chức Sở Y tế năm 2019;

Căn cứ báo cáo Kết quả xét vòng 1 của Ban kiểm tra Phiếu dự tuyển ngày 23/12/2020.

Hội đồng xét tuyển viên chức Sở Y tế năm 2019 thông báo dánh sách đủ điều kiện, không đủ điều kiện tham dự vòng 2 và Triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 kỳ xét tuyển viên chức năm 2019, cụ thể như sau:

1. Về danh sách dự xét tuyển vòng 2:

1.1. Danh sách thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham dự vòng 2: *Phụ lục 1 đính kèm Thông báo này.*

1.2. Danh sách thí sinh không đủ điều kiện tiêu chuẩn tham dự vòng 2: *Phụ lục 2 đính kèm Thông báo này.*

1.3. Danh sách thí sinh có đơn không tiếp tục tham gia kỳ tuyển dụng: *Phụ lục 3 đính kèm Thông báo này.*

2. Về triệu tập thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2:

2.1. Danh sách triệu tập thí sinh tham dự vòng 2: Danh sách thí sinh tham dự xét tuyển vòng 2, đã được đánh số báo danh và chia thành hai ngày thi theo từng ca thi:

- *Phụ lục 4 (các ca thi ngày 05/12/2020)*
- *Phụ lục 5 (các ca thi ngày 06/12/2020)* đính kèm Thông báo này.

2.2. Thời gian tổ chức xét tuyển vòng 2 (phỏng vấn):

- Thời gian tổ chức: 02 ngày (ngày 05 và 06 tháng 12 năm 2020).

- Thời gian thí sinh chuẩn bị và trả lời câu hỏi phỏng vấn: Mỗi thí sinh không quá 30 phút (tối đa 15 phút chuẩn bị, tối đa 15 phút trả lời).

2.3. Địa điểm: Trường Tiểu học Gia Thụy (Tổ 10, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội).

2.4. Lịch tổ chức kỳ thi:

a) 09h00' ngày 02/12/2020: Thí sinh tập trung tại các đơn vị đăng ký tuyển dụng (Sở Y tế sẽ thông báo địa điểm tổ chức cụ thể sau) để nghe phổ biến trực tuyến về quy trình tổ chức kỳ thi và học tập nội quy, quy chế kỳ xét tuyển.

b) 09h00' đến 16h00' ngày 04 tháng 12 năm 2020 thí sinh có mặt tại Trường Tiểu học Gia Thụy (phường Gia Thuy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội) để xem số báo danh, phòng thi, sơ đồ địa điểm tổ chức kỳ xét tuyển.

c) Ngày 05 và ngày 06 tháng 12 năm 2020: Thí sinh tập trung để tham dự xét tuyển vòng 2 (Phỏng vấn) tại Trường Tiểu học Gia Thụy (phường Gia Thuy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội), cụ thể:

+ Ca 1: Có mặt tại điểm thi lúc 6h30'

+ Ca 2: Có mặt tại điểm thi lúc 9h00'.

+ Ca 3: Có mặt tại điểm thi lúc 13h00'.

+ Ca 4: Có mặt tại điểm thi lúc 14h30'.

2.5. Các yêu cầu cần lưu ý:

- Thí sinh khi đến tham dự xét tuyển vòng 2, phải mang theo một trong những giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân) để xác minh.

- Về điều chỉnh thông tin cá nhân trong danh sách dự xét tuyển vòng 2: Đối với yêu cầu thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 cần điều chỉnh thông tin, liên hệ với phòng Tổ chức cán bộ của đơn vị mình đăng ký dự tuyển để tổng hợp báo cáo Sở Y tế điều chỉnh (qua phòng Tổ chức cán bộ) trước ngày 30/11/2020.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Sở Y tế (Phòng Tổ chức cán bộ) để tổng hợp, xem xét, xin ý kiến thống nhất giải quyết./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Ban kiểm tra tuyển dụng viên chức Thành phố;
- Ban giám đốc Sở Y tế (để chỉ đạo);
- Ban giám sát kỳ xét tuyển viên chức Sở Y tế (để thực hiện);
- Phòng PA03 Công an tP. Hà Nội (để phối hợp);
- Ban kiểm tra sát hạch Sở Y tế (để thực hiện);
- Các đơn vị y tế có chỉ tiêu xét tuyển (để thông báo thí sinh đăng ký dự xét tuyển biết để thực hiện theo lịch);
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật TP. Hà Nội (để đăng tải trên trang điện tử của Sở Y tế);
- Lưu VT, TCCB.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
CHỦ TỊCH

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Nguyễn Khắc Hiền

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2019

DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THAM DỰ XÉT TUYỂN (VÒNG 2)

(Kèm theo Thông báo số 1051 /TB-HĐXT ngày 25 /11/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2019)

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
		1. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP BÁC SĨ (HẠNG III) - V.08.01.03													
1	1	Thành Xuân	Anh	05/12/1987	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2	2	Phạm Đức	Anh	19/11/1992	Nam	Nguyễn Thái Học, Yên Bái	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	B	C		
3	3	Trần Bảo	Châu	02/10/1988	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	B	B		
4	4	Lê Thị Kim	Chính	11/09/1990	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5	5	Trần Văn	Dũng	02/04/1988	Nam	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
6	6	Đỗ Xuân	Hai	12/03/1985	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	B	B1		
7	7	Đào Xuân	Hải	02/09/1992	Nam	Văn Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths, BSNT	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1	**CĐCĐ**	
8	8	Đặng Thị Thu	Hiền	06/06/1983	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
9	9	Trần Thùy	Linh	06/10/1987	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)	B	B		
10	10	Phạm Quỳnh	Ly	17/09/1991	Nữ	Đông Kinh, Lạng Sơn, Lạng Sơn	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	B	B		
11	11	Nguyễn Thành Sao	Mai	14/09/1991	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	DH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	B	C	**CTB**	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
12	12	Nguyễn Thị	Nga	11/03/1988	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
13	13	Phạm Văn	Nguyên	13/06/1994	Nam	Tiến Lộc, Hậu Lộc, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
14	14	Nguyễn Thị	Nguyệt	15/08/1989	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
15	15	Nguyễn Thanh	Phương	05/07/1994	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
16	16	Nguyễn Khắc	Toản	23/06/1989	Nam	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	B	Tương đương C1	**CTB**	
17	17	Đồng Thu	Trang	17/10/1986	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
18	18	Vũ Thị	Trúc	01/07/1987	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
19	19	Đinh Quang	Trung	13/04/1994	Nam	Việt Hòa, Thành phố Hải Dương, Hải Dương	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
20	20	Phạm Xuân	Trường	14/12/1983	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	C	A2		
21	21	Đinh Trần	Vũ	18/08/1990	Nữ	Thanh Quang, Nam Sách, Hải Dương	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	B	B		
22	22	Phạm Khương	Vũ	12/03/1992	Nam	Hoa Lư, Pleiku, Gia Lai	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
23	23	Nguyễn Ngọc	Anh	14/11/1992	Nữ	Chiềng Sinh, Thành phố Sơn La, Sơn La	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
24	24	Thiều Thị Thanh	Vân	31/08/1991	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	B	C		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
25	25	Lê Ngọc	Anh	01/01/1990	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
26	26	Nguyễn Hoàng	Anh	19/03/1990	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
27	27	Lê Thành	Chung	23/09/1991	Nam	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
28	28	Nguyễn Hoàng	Dương	20/08/1991	Nam	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
29	29	Phạm Đắc	Đông	21/12/1991	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
30	30	Trịnh Thu	Hà	25/08/1992	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
31	31	Trần Thanh	Hà	18/10/1988	Nữ	Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
32	32	Vũ Thị Minh	Hương	14/06/1991	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
33	33	Đinh Thị Lan	Hương	04/07/1993	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
34	34	Nguyễn Văn	Khải	01/01/1987	Nam	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
35	35	Nguyễn Duy	Khoa	29/06/1989	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
36	36	Lê Phương	Linh	29/12/1981	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
37	37	Phan Thị Diệu	Linh	09/04/1991	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
38	38	Hồ Hoàng	Nam	12/03/1991	Nam	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
39	39	Phùng Ngọc	Nam	10/04/1990	Nam	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
40	40	Đỗ Minh	Ngọc	05/12/1991	Nữ	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
41	41	Ngô Minh	Phúc	18/09/1993	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
42	42	Đinh Việt	Phúc	02/09/1991	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
43	43	Phạm Hoài	Phương	04/09/1992	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
44	44	Nguyễn Quang	Tuấn	05/01/1990	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
45	45	Nguyễn Nguyên	Thủy	02/11/1988	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
46	46	Chử Quốc	Công	22/11/1982	Nam	Quang Trung, Sơn Tây, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Chẩn đoán hình ảnh)	B	B1		
47	47	Lê Đỗ	Đạt	01/12/1992	Nam	Đông Cương, Thanh Hóa, Thanh Hóa	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
48	48	Trần Hiệp	Hòa	23/12/1991	Nam	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
49	49	Đỗ Thị Phương	Lan	02/06/1991	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
50	50	Nguyễn Văn	Quân	12/01/1991	Nam	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
51	51	Nguyễn Văn	Thiệu	25/05/1992	Nam	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
52	52	Mầu Thị	Tuyến	01/11/1991	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Huyết học truyền máu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Huyết học truyền máu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
53	53	Nguyễn Thị	Hải	01/11/1991	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Giải phẫu bệnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Giải phẫu bệnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
54	54	Trần Thị Giang	Anh	14/02/1992	Nữ	Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
55	55	Lê Thị Ngọc	Diệp	16/01/1992	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
56	56	Phạm Nhật	Minh	06/07/1991	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
57	57	Đào Ngọc	Mai	10/09/1992	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C1		
58	58	Trần Thị Như	Ngọc	10/03/1994	Nữ	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
59	59	Phạm Văn	Nguyên	23/07/1984	Nam	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
60	60	Trần Hồng	Nhung	02/03/1992	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C2		
61	61	Vũ Thị	Thúy	21/12/1989	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)	B	C		
62	62	Nguyễn Văn	Giáp	03/09/1986	Nam	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
63	63	Trần Vương	Hải	11/09/1987	Nam	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
64	64	Lê Thị	Dịu	31/05/1990	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
65	65	Tôn Việt	Dũng	30/03/1991	Nam	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
66	66	Lê Phi	Hoàng	04/10/1991	Nam	Hải Nam, Hải Hậu, Nam Định	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	BSNT	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Nhãn khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
67	67	Vũ Dương	Hồng	17/12/1991	Nam	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
68	68	Vũ Đình	Nho	18/10/1993	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
69	69	Vũ Tạ Hồng	Quân	06/08/1994	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
70	70	Trương Thị Thanh	Thảo	21/11/1988	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
71	71	Nguyễn Thị Hà	Trang	12/05/1993	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
72	72	Nguyễn Thị Thu	Uyên	12/06/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
73	73	Trương Thị Lan	Anh	10/07/1991	Nữ	Bà Triệu, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
74	74	Lê Thúy	Ngân	18/06/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
75	75	Nguyễn Long	Quân	11/11/1984	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	A2		
76	76	Lương Thị Trà	Giang	17/12/1987	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Xét nghiệm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	
77	77	Vũ Xuân	Ánh	28/11/1989	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	B	A2		
78	78	Trần Mạnh	Hùng	17/05/1993	Nam	Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
79	79	Vũ Thị Mai	Huyền	19/12/1994	Nữ	Diễn Hồng, Diễn Châu, Nghệ An	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
80	80	Đỗ Thùy	Linh	17/09/1992	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C1		
81	81	Cao Xuân	Linh	27/12/1990	Nam	Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
82	82	Lê Hải	Yến	09/10/1994	Nữ	Thượng Trưng, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
83	83	Nguyễn Thị Phúc	An	10/10/1983	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
84	84	Nghiêm Thọ	Thông	04/10/1976	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	B	Tương đương B2		
85	85	Nguyễn Thị	Hương	10/06/1990	Nữ	Thanh Hương, Thanh Liêm, Hà Nam	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Ths	Bác sỹ Y học cổ truyền (thạc sỹ Y học cổ truyền)	B	B		
86	86	Phạm Thanh	Huyền	20/11/1982	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
87	87	Nguyễn Thị	Thảo	12/04/1977	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
88	88	Phan Thị Thu	Thảo	28/02/1990	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
89	89	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	19/08/1987	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
90	90	Chu Thị	Nết	27/10/1984	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
91	91	Nguyễn Trung	Nghĩa	13/09/1988	Nam	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Nha khoa	B	B1		
92	92	Đỗ Thị Lan	Anh	20/05/1995	Nữ	Đồi Ngô, Lục Nam, Bắc Giang	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
93	93	Bùi Thị Bông	Hồng	17/02/1994	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
94	94	Nguyễn Hồng	Nhung	18/02/1994	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	C1		
95	95	Bùi Trí	Thức	01/11/1993	Nam	Xuân Trường, Xuân Trường, Nam Định	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
96	96	Nguyễn Huyền	Trang	21/04/1995	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
97	97	Vũ Phương	Thanh	25/01/1989	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
98	98	Lê Huy	Thành	20/06/1986	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Gây mê hồi sức)	A	A2		
99	99	Lê Thu	Trang	24/11/1987	Nữ	Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Xét nghiệm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
100	100	Đỗ Thị	Huế	04/07/1994	Nữ	Hưng Nhân, Hưng Hà, Thái Bình	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
101	101	Đặng Thị Thư	Linh	17/08/1993	Nữ	Thanh Châu, Phủ Lý, Hà Nam	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
102	102	Lê Bá	Đạt	07/11/1988	Nam	Đồng Tâm, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
103	103	Vũ Thu	Hoài	22/05/1991	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	B	B		
104	104	Ngô Thị	Huê	02/12/1992	Nữ	Tam Giang, Yên Phong, Bắc Ninh	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	BSNT	Bác sỹ Gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
105	105	Lê Thị	Nguyệt	04/06/1982	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
106	106	Hoàng Văn	Ban	08/06/1991	Nam	Liên Phương, Hưng Yên, Hưng Yên	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
107	107	Nguyễn Trí	Cương	19/04/1991	Nam	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
108	108	Lê Xuân	Hiếu	18/02/1990	Nam	Phú Sơn, Thanh Hóa, Thanh Hóa	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
109	109	Nguyễn Hoàng	Hòa	03/05/1972	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
110	110	Trần Việt	Hoàng	04/06/1990	Nam	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
111	111	Cấn Duy	Hùng	28/07/1991	Nam	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
112	112	Nguyễn Hữu	Hùng	27/06/1991	Nam	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C1		
113	113	Phạm Xuân	Hưng	28/09/1991	Nam	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
114	114	Hồ Ngọc	Minh	05/10/1992	Nam	Tân Sơn, Thanh Hóa, Thanh Hóa	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
115	115	Lương Minh	Quang	30/03/1986	Nam	Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	B	B1		
116	116	Trần	Quyết	10/09/1987	Nam	Tam Quan, Tam Đảo, Vĩnh Phúc	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
117	117	Nguyễn Trọng	Quỳnh	10/11/1982	Nam	Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
118	118	Lê Khánh	Trình	22/02/1990	Nam	Minh Hợp, Quỳ Hợp, Nghệ An	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	B	B		
119	119	Phạm Sơn	Tùng	01/10/1992	Nam	Nông Tiến, Tuyên Quang, Tuyên Quang	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
120	120	Nguyễn Hữu	Viện	17/10/1992	Nam	Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	B	Tương đương B2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
121	121	Đỗ Thị Trâm	Anh	27/06/1988	Nữ	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
122	122	Đào Trường	Giang	16/10/1989	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
123	123	Nguyễn Đăng	Hải	01/06/1992	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
124	124	Nguyễn Đăng	Hoàn	29/05/1989	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
125	125	Nguyễn Hoài	Nam	30/11/1989	Nam	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
126	126	Quách Văn	Nam	16/12/1992	Nam	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
127	127	Kiều Thúy	Ngân	05/11/1990	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
128	128	Đặng Quang	Nhật	25/10/1991	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
129	129	Phạm Hồng	Nhung	10/07/1990	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
130	130	Nguyễn Thị	Thảo	30/07/1989	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
131	131	Lê Thị	Thúy	01/02/1993	Nữ	Phú Phúc, Lý Nhân, Hà Nam	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
132	132	Nguyễn Viết	Đăng	06/02/1987	Nam	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
133	133	Trần Đăng	Huân	21/03/1993	Nam	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
134	134	Hoàng Thanh	Huyền	17/08/1992	Nữ	Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Ths	Bác sỹ Hồi sức cấp cứu	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
135	135	Lê Thị	Nhài	22/10/1991	Nữ	Ngọc Thuỵ, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
136	136	Ngô Thị Thu	Trang	06/09/1985	Nữ	Quán Sứ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nội chung)	B	B1	**CBB**	
137	137	Phương Văn	Sơn	15/04/1992	Nam	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
138	138	Trần Duy	Thanh	09/11/1994	Nam	Mỹ Xá, Nam Định, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội soi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội soi tiêu hóa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
139	139	Trần Văn	Thanh	10/09/1990	Nam	Vĩnh Ninh, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội soi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội soi tiêu hóa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
140	140	Bùi Tuấn	Vũ	10/01/1991	Nam	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	**CTB**	
141	141	Võ Hải	Yến	12/03/1993	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
142	142	Đàm Thanh	Hương	07/12/1993	Nữ	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sinh hóa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hóa sinh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
143	143	Đặng Thị	Nga	20/04/1992	Nữ	Vũ Lạc, Thái Bình, Thái Bình	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sinh hóa**	BSNT	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Hóa sinh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
144	144	Hà Danh	Đạo	01/06/1980	Nam	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
145	145	Vũ Thuận Thanh	Trà	16/10/1992	Nữ	Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
146	146	Lưu Hồng	Hạnh	22/11/1992	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
147	147	Trương Thị	Ngà	03/05/1989	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
148	148	Phạm Phương	Thảo	09/06/1982	Nữ	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Răng hàm mặt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
149	149	Hà Mạnh	Hồng	05/01/1991	Nam	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
150	150	Hoàng Huy	Tùng	30/12/1991	Nam	Đông Hưng, Thanh Hóa, Thanh Hóa	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
151	151	Trần Văn	Tuấn	17/08/1993	Nam	Hải Hòa, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
152	152	Vũ Thị Quỳnh	Anh	06/10/1993	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
153	153	Phạm Văn	Biên	06/09/1992	Nam	Vĩnh Lộc, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
154	154	Nguyễn Đình	Công	10/03/1991	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	C		
155	155	Nguyễn Tài	Đạt	07/11/1994	Nam	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
156	156	Bùi Minh	Đạt	05/05/1992	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
157	157	Lê Thị Mỹ	Dung	11/01/1995	Nữ	Hải Triều, Tiên Lữ, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
158	158	Lê Thị Thùy	Dương	14/10/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
159	159	Vũ Thị	Giang	30/08/1995	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
160	160	Nguyễn Văn	Giang	27/05/1989	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
161	161	Dương Thị Hương	Giang	24/06/1992	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
162	162	Đỗ Khánh	Hà	25/11/1993	Nữ	Bình Minh, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
163	163	Nguyễn Đình Hoàng	Hà	30/07/1994	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
164	164	Nguyễn Thị Thu	Hằng	19/02/1992	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
165	165	Đặng Thị	Hằng	04/02/1988	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
166	166	Đinh Thị Hồng	Hạnh	08/01/1994	Nữ	Dĩnh Kế, Bắc Giang, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
167	167	Ngô Thị	Hoa	04/10/1988	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	A2		
168	168	Đinh Văn	Hoàng	25/08/1989	Nam	Tăng Tiến, Việt Yên, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
169	169	Nguyễn Minh	Hoàng	04/11/1993	Nam	Giải Phóng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
170	170	Trần Quốc	Khánh	03/09/1991	Nam	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
171	171	Nguyễn Thị	Linh	11/03/1988	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
172	172	Trương Vinh	Long	17/05/1991	Nam	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
173	173	Nguyễn Hùng	Nam	30/09/1993	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
174	174	Nguyễn Hoài	Nam	10/04/1992	Nam	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
175	175	Hà Viết	Ngọc	01/09/1991	Nam	Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
176	176	Nguyễn Thị Như	Ngọc	15/04/1993	Nữ	Việt Hòa, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
177	177	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	18/07/1990	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
178	178	Đỗ Thị	Nhâm	03/07/1991	Nữ	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
179	179	Trần Thị Hồng	Nhung	27/10/1992	Nữ	Tiên Cát, Việt Trì, Phú Thọ	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
180	180	Nguyễn Thị	Nhung	25/09/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
181	181	Phạm Thị	Oanh	02/11/1995	Nữ	Thanh Hải, Thanh Hà, Hải Dương	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
182	182	Nguyễn Tuấn	Phong	24/07/1992	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	A2		
183	183	Tô Lan	Phương	06/12/1992	Nữ	Bắc Lệnh, Lào Cai, Lào Cai	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
184	184	Nguyễn Trọng	Quyền	10/09/1995	Nam	Thạch Lưu, Thạch Hà, Hà Tĩnh	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CTB**	
185	185	Hoàng Anh	Tài	24/04/1991	Nam	Chính Nghĩa, Kim Động, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	C		
186	186	Vũ Hồng	Thái	03/01/1991	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
187	187	Chu Đức	Thắng	28/05/1993	Nam	Đồng Than, Yên Mỹ, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
188	188	Lê Hương	Thảo	14/06/1989	Nữ	Minh Nông, Việt Trì, Phú Thọ	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
189	189	Lại Việt	Thịnh	13/11/1993	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
190	190	Trần Thanh	Trà	10/11/1993	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
191	191	Ngô Thị	Trang	16/01/1994	Nữ	Nghĩa Hội, Nghĩa Đàn, Nghệ An	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	A2		
192	192	Bùi Anh	Tuấn	06/05/1994	Nam	Lộc Hòa, Nam Định, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
193	193	Lê Thị	Tuyến	09/10/1993	Nữ	Hợp Lý, Triệu Sơn, Thanh Hóa	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
194	194	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	18/10/1989	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Bậc 2		
195	195	Lê Thị Hương	Chà	26/02/1993	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
196	196	Trần Thị	Hằng	07/11/1987	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
197	197	Trịnh Thị Hoàng	Anh	25/08/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
198	198	Trương Quý	Hoàng	15/11/1990	Nam	Đông Ninh, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	B	B		
199	199	Phạm Thị Kim	Huệ	16/08/1989	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
200	200	Nguyễn Hữu	Quân	02/01/1993	Nam	Hoằng Đồng, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
201	201	Đoàn Quang	Tuệ	25/12/1990	Nam	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
202	202	Phạm Thị	Biển	10/08/1989	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
203	203	Nguyễn Ngọc	Quân	08/09/1989	Nam	Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	B	Bậc 2		
204	204	Ngô Thị	Thảo	03/12/1991	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
205	205	Phạm Thị	Liên	23/03/1991	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Huyết học truyền máu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Huyết học truyền máu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	**CTB**	
206	206	Nguyễn Hương	Giang	29/06/1993	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
207	207	Nguyễn Quang	Bình	13/09/1991	Nam	Bồ Xuyên, Thái Bình, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
208	208	Bùi Thế	Hà	22/04/1993	Nam	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
209	209	Phùng Văn	Hiếu	01/03/1992	Nam	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Răng miệng, định hướng Hàm mặt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
210	210	Nguyễn Đức	Khương	16/10/1993	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C1		
211	211	Lê Thị	Thanh	17/07/1981	Nữ	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Răng hàm mặt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
212	212	Nguyễn Thị Bích	Thảo	11/10/1995	Nữ	Trung Hà, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
213	213	Đặng Anh	Dũng	01/01/1988	Nam	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
214	214	Bàn Thị	Dần	25/09/1987	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Vi sinh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Vi sinh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
215	215	Nguyễn Thị Hải	Anh	14/07/1993	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
216	216	Nguyễn Trung	Anh	30/01/1995	Nữ	Trường Minh, Bắc Cường, Lào Cai	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
217	217	Trương Văn	Cường	21/10/1980	Nam	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
218	218	Lê Anh	Dũng	12/10/1989	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
219	219	Nguyễn Thị Mai	Hạnh	07/05/1993	Nữ	Cầu Gồ, Yên Thế, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
220	220	Nguyễn Thị	Hoa	19/11/1991	Nữ	Cao Thượng, Tân Yên, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
221	221	Nguyễn Thị Phương	Hoa	06/02/1992	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
222	222	Nguyễn Thị	Hương	29/05/1994	Nữ	Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
223	223	Lê Thị Thu	Hương	22/05/1993	Nữ	Tuân Chính, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	HSK 4		
224	224	Lương Như	Khôi	10/07/1983	Nam	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	B		
225	225	Nguyễn Thị Phương	Lan	20/12/1987	Nữ	Minh Tân, Kinh Môn, Hải Dương, Hải Dương	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
226	226	Đỗ Thị Thúy	Liên	23/02/1994	Nữ	Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
227	227	Lê Thúy	Linh	24/11/1993	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
228	228	Trần Thị Thúy	Ngân	14/05/1991	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
229	229	Nguyễn Hữu	Tân	30/03/1991	Nam	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
230	230	Nguyễn Thị	Thảo	18/09/1994	Nữ	Phương Khoan, Sông Lô, Vĩnh Phúc	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	B		
231	231	Nguyễn Đình	Tới	04/01/1992	Nam	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
232	232	Phạm Văn	Tuân	03/01/1992	Nam	Tân Khánh, Vụ Bản, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	C	C		
233	233	Lê Thị Ánh	Tuyết	15/10/1983	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
234	234	Dương Minh	Ngọc	28/05/1992	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
235	235	Nguyễn Tiến	Dũng	09/03/1994	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức tích cực**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
236	236	Nguyễn Thị	Hạnh	13/09/1991	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Xét nghiệm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
237	237	Lê Thị	Ngọc	27/11/1992	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Vi sinh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Vi sinh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
238	238	Nguyễn Hồng	Hạnh	06/12/1994	Nữ	Đa Lộc, Ân Thi, Hưng Yên	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
239	239	Trần Thị Tuyết	Mai	07/01/1992	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
240	240	Quách Văn	Thảo	05/12/1991	Nam	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
241	241	Tiêu Thị Thu	Trang	14/12/1991	Nữ	Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
242	242	Nguyễn Đình	Tuyên	14/09/1995	Nam	Đào Mỹ, Lạng Giang, Bắc Giang	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
243	243	Phạm Thị Cẩm	Vân	09/09/1991	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
244	244	Hoàng Thị	Sen	03/11/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tim mạch**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tim mạch)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
245	245	Trần Thị	Hiền	21/09/1992	Nữ	Tiến Đức, Hưng Hà, Thái Bình	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
246	246	Nguyễn Thị Minh	Hoài	12/02/1990	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
247	247	Hoàng Cao	Tân	09/05/1991	Nam	Nguyên Lý, Lý Nhân, Hà Nam	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	B	B		
248	248	Hoàng Thị	Anh	04/03/1993	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
249	249	Quách Thị	Lan	20/01/1988	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông , Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
250	250	Ngô Thị	Phương	08/10/1994	Nữ	An Khê, Quỳnh Phụ, Thái Bình	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
251	251	Nguyễn Đức	Hiếu	10/09/1992	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
252	252	Đặng Thị	Hạnh	24/06/1994	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
253	253	Nguyễn Đức Quang	Huy	07/12/1994	Nam	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
254	254	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/01/1994	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
255	255	Nguyễn Thị Hồng	Vân	06/12/1991	Nữ	Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
256	256	Kiều Vân	Anh	20/12/1991	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
257	257	Đào Hải	Anh	11/12/1993	Nữ	Ngô Quyền, Bắc Giang, Bắc Giang	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
258	258	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
259	259	Nguyễn Đức	Cường	26/03/1993	Nam	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
260	260	Ngô Minh	Đạt	23/04/1993	Nam	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
261	261	Nguyễn Thị	Dung	25/05/1992	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
262	262	Nguyễn Văn	Dũng	02/12/1994	Nam	Văn Cẩm, Hưng Hà, Thái Bình	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
263	263	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/12/1993	Nữ	Chăm Mát, Hòa Bình, Hòa Bình	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
264	264	Bùi Thanh	Hải	20/03/1995	Nam	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
265	265	Trần Thị	Hòa	09/07/1991	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
266	266	Nguyễn Vũ	Hoàn	26/03/1983	Nam	Đức Chính, Cẩm Giàng, Hải Dương	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
267	267	Vũ Quốc	Hùng	04/09/1994	Nam	Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
268	268	Nguyễn Thu	Hương	28/10/1987	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
269	269	Phạm Thị	Hương	25/11/1995	Nữ	Chí Hòa, Hưng Hà, Thái Bình	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
270	270	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	26/12/1993	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
271	271	Nguyễn Văn Tuấn	Khang	28/11/1994	Nam	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
272	272	Nguyễn Phương	Linh	26/09/1994	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
273	273	Vũ Thị	Lý	26/07/1994	Nữ	Toàn Thắng, Tiên Lãng, Hải Phòng	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
274	274	Ngô Thị	Phượng	28/12/1991	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
275	275	Lê Hồng	Quân	09/10/1994	Nam	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
276	276	Phạm Văn	Thanh	10/02/1992	Nam	Phù Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
277	277	Nguyễn Thị	Thòa	07/09/1993	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
278	278	Nguyễn Thị	Thuần	16/03/1992	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
279	279	Nguyễn Thu	Thủy	04/11/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
280	280	Dương Thị Thu	Thủy	02/06/1990	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
281	281	Phùng Huyền	Trang	24/11/1994	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
282	282	Đào Quỳnh	Trang	15/10/1993	Nữ	Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
283	283	Nguyễn Thu	Trang	11/06/1993	Nữ	Thượng Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
284	284	Vũ Thị	Trang	26/07/1991	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
285	285	Hoàng Bá Xuyên	Trường	07/10/1992	Nam	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
286	286	Đỗ Sơn	Tùng	16/03/1994	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
287	287	Nguyễn Xuân	Việt	30/09/1995	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
288	288	Nguyễn Đôn	Dũng	10/10/1992	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
289	289	Nguyễn Duy	Hiệp	20/11/1991	Nam	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
290	290	Nguyễn Đức	Mạnh	10/03/1992	Nam	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
291	291	Nguyễn Trọng	Nghĩa	22/06/1992	Nam	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
292	292	Phạm Văn	Thắng	13/09/1993	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
293	293	Trần Quyết	Tiến	29/05/1994	Nam	Phú Phúc, Lý Nhân, Hà Nam	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
294	294	Nguyễn Xuân	Trường	01/09/1994	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại chung)	B	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
295	295	Hoàng Văn	Vạn	09/02/1992	Nam	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại chung)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
296	296	Nguyễn Đình	Duy	15/06/1994	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
297	297	Lưu Thị Phương	Thảo	27/09/1993	Nữ	Thái Long, TP Tuyên Quang, Tuyên Quang	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	
298	298	Nguyễn Thị Vân	Trang	15/07/1991	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4		
299	299	Nguyễn Thị Hà	Trang	10/03/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
300	300	Vũ Thị Hồng	Duyên	08/12/1993	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
301	301	Nguyễn Thiện Thanh	Thúy	02/07/1991	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C1		
302	302	Trần Duy	Hoàng	26/07/1993	Nam	Hợp Thành, Cao Lộc, Lạng Sơn	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	
303	303	Đỗ Minh	Thu	28/08/1991	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	**CTB**	
304	304	Bùi Bích	Ngân	12/09/1992	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
305	305	Nguyễn Thị	Thúy	13/05/1994	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
306	306	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/06/1993	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
307	307	Vũ Nhật	Tuấn	10/09/1990	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung bướu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung bướu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
308	308	Mai Thủy	Dung	16/04/1993	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
309	309	Trần Đình	Thăng	02/04/1992	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
310	310	Nguyễn Thị Diệu	Liên	20/12/1993	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội tiết**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội tiết đái tháo đường)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
311	311	Lưu Việt	Cường	18/10/1982	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa trung Y**	TS	Trung y (tiến sỹ Ngoại khoa trung y)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
312	312	Đinh Kim	Chi	27/10/1991	Nữ	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
313	313	Nguyễn Thị Hương	Giang	10/11/1991	Nữ	Hoa Thành, Yên Thành, Nghệ An	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
314	314	Nguyễn Thị Mai	Hương	09/07/1994	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
315	315	Phùng Thị Mai	Hương	01/12/1993	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	B		
316	316	Đỗ Thị	Hường	29/04/1992	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
317	317	Đinh Lê	Huy	20/11/1987	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
318	318	Trần Phương	Linh	16/01/1995	Nữ	Phường II, Thị xã Quảng Trị, Quảng Trị	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
319	319	Hoàng Ngọc	Minh	07/10/1987	Nam	Triều Khúc, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
320	320	Lê Thị	Ngoan	08/10/1993	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
321	321	Nguyễn Thị	Thảo	08/07/1988	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
322	322	Nguyễn Thị Thu	Trang	09/09/1993	Nữ	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
323	323	Trần Thị Thảo	Uyên	16/05/1993	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
324	324	Trần Thị Vân	Anh	02/02/1994	Nữ	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	DTTS	
325	325	Nguyễn Tiến	Anh	11/05/1992	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
326	326	Phạm Khắc	Cẩn	20/10/1982	Nam	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
327	327	Nguyễn Thành	Chi	02/11/1993	Nam	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
328	328	Vũ Văn	Đại	23/08/1991	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
329	329	Nguyễn Hải	Đăng	11/08/1993	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
330	330	Nguyễn Mạnh	Đạt	11/12/1992	Nam	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
331	331	Đặng Mạnh	Hà	21/03/1991	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
332	332	Hoàng Thị	Hiên	03/03/1993	Nữ	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
333	333	Hoàng Thị Hồng	Hoa	15/03/1993	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
334	334	Quách Trọng	Huế	18/05/1995	Nam	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
335	335	Phạm Văn	Huế	10/01/1993	Nam	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
336	336	Nguyễn Việt	Hùng	17/04/1995	Nam	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
337	337	Nguyễn Diệu	Hương	25/04/1992	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
338	338	Trần Xuân	Khải	08/01/1991	Nam	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CTB**	
339	339	Lưu Thị	Nhàn	06/02/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
340	340	Bùi Thị Hạnh	Quyến	13/02/1995	Nữ	Đông Lai, Tân Lạc, Hòa Bình	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	
341	341	Nguyễn Thế	Thiên	29/07/1992	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
342	342	Đinh Thúy	Thơm	05/12/1992	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CTB**	
343	343	Nguyễn Thị Bích	Thụy	07/04/1993	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
344	344	Nguyễn Văn	Toản	01/05/1987	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CTB**	
345	345	Lê Thanh	Tuyền	19/09/1995	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
346	346	Hoàng Thị Thanh	Hương	22/11/1994	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
347	347	Phạm Thị Kim	Chi	08/07/1991	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Ths	Bác sỹ Y học cổ truyền (thạc sỹ Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
348	348	Dương Thị	Diệp	26/08/1992	Nữ	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
349	349	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	04/11/1994	Nữ	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
350	350	Đoàn Thị Thu	Hằng	30/08/1993	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	CTB	
351	351	Nguyễn Thị	Phương	03/06/1993	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
352	352	Trịnh Thị Thanh	Tâm	21/04/1995	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
353	353	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	11/03/1992	Nữ	Hồng An, Hưng Hà, Thái Bình	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
354	354	Lưu Thị	Chinh	26/09/1991	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
355	355	Nguyễn Việt	Cường	23/05/1994	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
356	356	Nguyễn Tiến	Đạt	09/11/1994	Nam	Ngô Đồng, Giao Thủy, Nam Định	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
357	357	Nguyễn Thị	Hưng	20/06/1991	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
358	358	Chu Thị	Huyền	26/08/1992	Nữ	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
359	359	Nguyễn Thị Phương	Loan	01/11/1992	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
360	360	Nguyễn Thị	Ngân	23/02/1988	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
361	361	Hoàng Công	Nghĩa	27/03/1983	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
362	362	Trần Thị Bích	Phương	01/11/1992	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
363	363	Đoàn Thị Ngọc	Quyên	14/07/1989	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
364	364	Hoàng Văn	Quỳnh	13/01/1995	Nam	Đoàn Tùng, Thanh Miện, Hải Dương	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
365	365	Đỗ Anh	Sơn	01/10/1990	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	A2		
366	366	Trần Thị Thu	Thảo	12/02/1994	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
367	367	Hoàng Thị	Thoa	07/03/1992	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
368	368	Phan Thị	Thu	25/02/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
369	369	Trần Đình	Thuận	24/12/1992	Nam	Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
370	370	Nguyễn Thị	Thủy	17/03/1991	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
371	371	Lê Thị	Thủy	17/12/1994	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
372	372	Ngô Thị Lan	Trang	26/10/1988	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
373	373	Trinh Thị Linh	Trang	08/09/1993	Nữ	Phú Yên, Thọ Xuân, Thanh Hóa	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
374	374	Nguyễn Mạnh	Tường	06/07/1991	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
375	375	Nguyễn Thu	Yên	30/09/1987	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Dị ứng miễn dịch lâm sàng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Dị ứng miễn dịch lâm sàng)	B	C		
376	376	Cao Văn	Thụ	16/08/1979	Nam	Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
377	377	Đỗ Thị Bích	Thủy	30/03/1987	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Đông y (định hướng Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
378	378	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/1991	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
379	379	Nguyễn Thị	Nhung	12/09/1993	Nữ	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Phục hồi chức năng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phục hồi chức năng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
380	380	Nguyễn Hoàng	Hải	09/06/1993	Nam	Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
381	381	Đào Công	Thường	20/04/1991	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
382	382	Nguyễn Trọng	Đạt	14/10/1990	Nam	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
383	383	Nguyễn Văn	Khước	06/08/1991	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
384	384	Trần Hoài	Nam	08/09/1990	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	HTNV	
385	385	Phan Tiến	Dũng	09/06/1994	Nam	Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
386	386	Nguyễn Thị	Mai	11/06/1994	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
387	387	Phan Thị	Phương	26/05/1994	Nữ	Liên Khê, Khoái Châu, Hưng Yên	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
388	388	Lê Mạnh	Trường	17/06/1991	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
389	389	Nguyễn Chí	Hiếu	07/04/1990	Nam	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Phẫu thuật tạo hình**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
390	390	Phạm Duy	Linh	09/06/1991	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Phẫu thuật tạo hình**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phẫu thuật tạo hình)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
391	391	Phạm Văn	Nghĩa	17/08/1992	Nam	Diễn Tháp, Diễn Châu, Nghệ An	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Phẫu thuật tạo hình**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phẫu thuật tạo hình)	B	C		
392	392	Lê Tuấn	Anh	27/07/1986	Nam	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Giải phẫu bệnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Giải phẫu bệnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
393	393	Phạm Kim	Dung	28/07/1981	Nữ	Thuỵ Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	**CTB**	
394	394	Tô Thanh	Tâm	17/06/1995	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
395	395	Hà Thị Kiều	Trang	25/11/1992	Nữ	Đông Dương, Đông Hưng,Thái Bình	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
396	396	Đặng Tiến	Anh	03/07/1991	Nam	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
397	397	Lê	Bách	22/01/1993	Nam	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
398	398	Bùi Thị	Nhung	10/12/1993	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
399	399	Trần Thị Kim	Hoa	27/10/1989	Nữ	Đại Cường, Ứng Hoà, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
400	400	Trần Minh	Thu	22/10/1993	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
401	401	Phạm Thị Thanh	Bình	12/12/1991	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	IC 3	A2		
402	402	Chu Thị Khánh	Chi	18/02/1994	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
403	403	Hà Minh	Đức	22/11/1995	Nam	Thái Thịnh, Thái Thuỵ, Thái Bình	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
404	404	Trần Tuyết	Dung	03/10/1995	Nữ	Trung Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
405	405	Nguyễn Thị	Hà	28/10/1987	Nữ	Thuỵ Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
406	406	Nguyễn Thị Việt	Hà	18/08/1993	Nữ	Diễn Phúc, Diễn Châu, Nghệ An	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	HSK 3	**CĐCĐ**	
407	407	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	27/10/1995	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
408	408	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/10/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	HSK 3		
409	409	Hồ Thị	Hoa	15/04/1994	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
410	410	Bùi Thị Kim	Hoa	23/11/1988	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
411	411	Ngô Thị	Hòa	10/05/1995	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
412	412	Ngô Quỳnh	Hương	10/10/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C1		
413	413	Trần Thị Thanh	Huyền	16/08/1985	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
414	414	Lê Trung	Kiên	12/09/1994	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4		
415	415	Trịnh Thị Mai	Liên	23/11/1984	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
416	416	Trần Diệu	Linh	14/11/1993	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
417	417	Nguyễn Thị Thùy	Linh	15/06/1995	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
418	418	Lại Phú Tâm	Linh	15/02/1985	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
419	419	Chu Thị Hà	Ly	16/08/1992	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hoà, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
420	420	Phạm Thị Thái	Minh	11/11/1993	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
421	421	Trần Thị Hồng	Minh	03/02/1980	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
422	422	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	24/09/1994	Nữ	Móng Cái, Quảng Ninh	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học bằng tiếng nước		
423	423	Phạm Minh	Ngọc	27/09/1994	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
424	424	Trương Xuân	Nhân	24/08/1994	Nam	Hoằng Phụ, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
425	425	Trần Thị Hồng	Nhung	11/10/1994	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
426	426	Vũ Thị	Phương	10/08/1995	Nữ	Yên Kiện, Đoan Hùng, Phú Thọ	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
427	427	Nguyễn Thị	Phương	05/11/1994	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
428	428	Lê Minh	Phương	26/12/1994	Nam	Vực Trường, Tam Nông, Phú Thọ	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
429	429	Trần Như	Quỳnh	04/12/1993	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
430	430	Hoàng Văn	Sĩ	06/06/1991	Nam	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
431	431	Lê Kim	Thoa	19/07/1992	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
432	432	Bùi Minh	Thuận	12/12/1980	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
433	433	Nguyễn Hồng	Trang	21/07/1995	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
434	434	Trần Thị Thùy	Trang	11/12/1990	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
435	435	Vũ Thị	Trang	20/10/1991	Nữ	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
436	436	Phan Thị Thục	Trinh	16/06/1995	Nữ	Diễn Thành, Diễn Châu, Nghệ An	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
437	437	Nguyễn Xuân	Trường	21/03/1988	Nam	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
438	438	Lê Mạnh	Tường	01/04/1989	Nam	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
439	439	Vũ Thị Ánh	Tuyết	26/09/1995	Nữ	Tam Sơn, Sông Lô, Vĩnh Phúc	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
440	440	Nguyễn Thị Lệ	Uyên	19/10/1995	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
441	441	Phạm Thị	Xuân	01/04/1993	Nữ	Phú Thứ, Kinh Môn, Hải Dương	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
442	442	Ngô Thế	Cường	11/11/1994	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
443	443	Nguyễn Như	Đức	13/06/1995	Nam	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
444	444	Nguyễn Phương	Dũng	16/09/1994	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
445	445	Ngô Thanh	Hùng	05/01/1994	Nam	Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
446	446	Nguyễn Thanh	Huyền	11/04/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	Tương đương B1		
447	447	Nguyễn Thị	Lan	26/05/1993	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
448	448	Phạm Diệu	Linh	02/03/1994	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
449	449	Nguyễn Thị Hoàng	Linh	31/05/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
450	450	Nguyễn Văn	Ngọc	16/11/1991	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
451	451	Đào Thị Mai	Ngọc	20/10/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
452	452	Nguyễn Văn	Nguyện	14/03/1993	Nam	Yên Thường, Gia Lâm,Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
453	453	Phạm Thanh	Nhan	08/04/1991	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	A2		
454	454	Cao Thị Kim	Oanh	06/04/1993	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh,Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
455	455	Nguyễn Thạch	Phong	30/04/1990	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
456	456	Hoàng Thị	Phương	20/12/1991	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh,Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
457	457	Chu Hoàng	Sơn	04/11/1995	Nam	Cổ Loa, Đông Anh,Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
458	458	Lê Thế	Thành	06/10/1994	Nam	Sơn Dương, Sơn Dương,Tuyên Quang	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
459	459	Nguyễn Phương	Thảo	14/10/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
460	460	Bùi Trọng	Thượng	25/06/1995	Nam	Chi Lăng Nam, Thanh Miện, Hải Dương	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
461	461	Nguyễn Thu	Thủy	17/10/1995	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
462	462	Nguyễn Thị Thu	Trang	11/09/1991	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
463	463	Ngô Thùy	Trang	09/10/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
464	464	Đặng Hữu	Tùng	20/09/1989	Nam	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
465	465	Nguyễn Thị	Tươi	16/11/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
466	466	Hoàng Hải	Vân	20/12/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C1		
467	467	Dương Thị Hải	Yến	15/08/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
468	468	Trịnh Đắc	Chung	27/04/1989	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
469	469	Nguyễn Thu	Giang	28/10/1990	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
470	470	Đồng Thị	Phương	26/04/1989	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
471	471	Nguyễn Minh	Vương	01/04/1983	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	CKI	Bác sỹ Răng hàm mặt (chuyên khoa cấp I Răng hàm mặt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
472	472	Ngô Văn	Hải	11/08/1986	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
473	473	Nguyễn Đức	Hùng	16/11/1994	Nam	Hưng Yên	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
474	474	Nguyễn Hồng	Quân	01/11/1994	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
475	475	Tạ Văn	An	04/11/1989	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
476	476	Vương Thị Thùy	Chung	06/03/1995	Nữ	Tân Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
477	477	Nguyễn Mạnh	Dũng	18/05/1986	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
478	478	Nguyễn Thị	Hảo	12/05/1995	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
479	479	Nguyễn Thị	Hậu	09/06/1990	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
480	480	Nguyễn Tùng	Lâm	02/10/1995	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	CBB	
481	481	Danh Thị	Lan	14/03/1995	Nữ	Dưỡng Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
482	482	Nguyễn Thị Phương	Liên	23/10/1993	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
483	483	Bùi Thị Thùy	Linh	01/05/1995	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
484	484	Nguyễn Quang	Mạnh	04/11/1994	Nam	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
485	485	Nguyễn Thị	Tâm	12/10/1983	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
486	486	Nông Thị Thanh	Tần	22/03/1991	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	
487	487	Nguyễn Thị Hồng	Anh	09/06/1991	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
488	488	Nguyễn Thị Lan	Anh	28/05/1994	Nữ	Đông Xuân, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	
489	489	Dương Ngọc	Bích	27/07/1991	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
490	490	Nguyễn Đức	Cường	25/06/1983	Nam	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**SQQN**	
491	491	Phạm Thế	Giang	12/02/1987	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
492	492	Phan Thị	Hà	18/11/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4		
493	493	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	03/08/1991	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
494	494	Đào Văn	Minh	21/05/1993	Nam	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
495	495	Tạ Thị	Phương	14/08/1993	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
496	496	Nguyễn Thùy	Linh	15/02/1992	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
497	497	Nguyễn Thị	Oanh	09/12/1993	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
498	498	Kiều Văn	Háo	03/02/1982	Nam	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CTB**	
499	499	Nguyễn Đình	Quyền	04/09/1993	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
500	500	Chu Hồng Ngọc	Linh	05/12/1993	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
501	501	Nguyễn Thị Hải	Yến	30/10/1991	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
502	502	Dương Nam	Thắng	17/11/1989	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
503	503	Nguyễn Bá	Anh	26/09/1990	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
504	504	Nguyễn Thị	Anh	05/11/1988	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B	**DTTS**	
505	505	Vũ Thị Ngọc	Ánh	10/12/1994	Nữ	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
506	506	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/1992	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	**DTTS**	
507	507	Nguyễn Đức	Đa	12/07/1992	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
508	508	Trần Xuân	Điệp	05/09/1989	Nam	Khánh Thượng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
509	509	Nguyễn Thị	Dung	26/05/1992	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	B1		
510	510	Phùng Hương	Giang	19/08/1993	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
511	511	Nguyễn Ngân	Hà	01/10/1991	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
512	512	Phương Thị	Hà	23/12/1994	Nữ	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
513	513	Vũ Thị	Hạnh	22/08/1994	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
514	514	Trương Cộng	Hòa	24/06/1993	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
515	515	Đào Thị Mai	Hương	30/03/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
516	516	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/11/1993	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
517	517	Phan Tiến	Lăng	26/04/1991	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
518	518	Nguyễn Thế	Quân	17/11/1992	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	DTTS	
519	519	Đỗ Hồng	Quang	18/10/1989	Nam	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
520	520	Nguyễn Minh	Quyền	19/04/1992	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
521	521	Nguyễn Tiến	Sang	29/09/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
522	522	Lê Hữu	Sỹ	09/03/1985	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CBB	
523	523	Lê Minh	Thuấn	22/06/1994	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
524	524	Phạm Thu	Trang	31/08/1995	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
525	525	Phùng Công	Trang	13/09/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
526	526	Hoàng Mạnh	Trung	15/01/1994	Nam	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
527	527	Trần Thanh	Tùng	24/10/1994	Nam	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
528	528	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	20/02/1995	Nữ	Dậu Dương, Tam Nông, Phú Thọ	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
529	529	Vũ Thị	Vân	15/09/1994	Nữ	Khánh Thượng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
530	530	Phan Kim	Long	20/11/1991	Nam	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
531	531	Nguyễn Thị Thu	Hà	20/05/1988	Nữ	Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
532	532	Ngô Hoàng	Sơn	06/04/1991	Nam	Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4		
533	533	Lê Minh	Thắng	24/07/1992	Nam	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	B1		
534	534	Nguyễn Thị Mai	Anh	20/09/1991	Nữ	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
535	535	Nguyễn Tiến	Chung	21/09/1991	Nam	Cổ nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
536	536	Nguyễn Việt	Hà	29/09/1995	Nữ	Tuần Giáo, Tuần Giáo, Điện Biên	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
537	537	Hà Thu	Hương	04/09/1990	Nữ	Đồng Tiến- Quỳnh Phụ, Thái Bình	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
538	538	Phạm Thị	Lan	19/10/1993	Nữ	Khu 5, Tiên Lãng, Hải Phòng	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
539	539	Nguyễn Thị Thùy	Liên	22/09/1994	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3	CTB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
540	540	Phạm Thị Kim	Ngân	16/04/1994	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
541	541	Đặng Việt	Phong	19/01/1994	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
542	542	Vũ Minh	Phương	29/01/1990	Nam	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
543	543	Trần Thị	Thúy	28/03//1992	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
544	544	Trần Bảo	Trung	16/10/1991	Nam	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
545	545	Nguyễn Thị	Đào	19/02/1972	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
546	546	Nguyễn Khắc	Ba	04/04/1987	Nam	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
547	547	Lê Hồng	Chung	12/09/1990	Nam	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
548	548	Trịnh Thị	Huệ	20/12/1982	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
549	549	Nguyễn Việt	Hùng	10/10/1989	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
550	550	Đào Văn	Hướng	19/11/1991	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
551	551	Lê Văn	Kiên	25/06/1995	Nam	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
552	552	Trần Trọng	Tường	27/07/1989	Nam	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
553	553	Lê Công	Định	30/11/1984	Nam	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
554	554	Nghiêm Thị	Ngân	06/04/1991	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	B		
555	555	Chu Như	Viên	02/06/1990	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
556	556	Nguyễn Thùy	Linh	26/11/1993	Nữ	Bùi Thị Xuân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tâm thần**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tâm thần)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
557	557	Phùng Ngọc	Thương	20/04/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tâm thần**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tâm thần)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
558	558	Đỗ Quang	Vinh	23/02/1993	Nam	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tâm thần**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tâm thần)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
559	559	Trần Đức	Cường	29/09/1969	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
560	560	Nguyễn Thị Huyền	My	14/01/1995	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
561	561	Võ Hằng	Nga	02/01/1995	Nữ	Tân Thịnh, Hòa Bình, Hòa Bình	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
562	562	Lê Thị Thu	Nguyệt	17/09/1995	Nữ	Thọ Xuân, Thọ Xuân, Thanh Hóa	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1	**CTB**	
563	563	Lê Thị	Phượng	29/01/1995	Nữ	Phù Hòa, Lương Tài, Bắc Ninh	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C2		
564	564	Nguyễn Văn	Trọng	26/06/1988	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
565	565	Nguyễn Xuân	Tú	14/10/1989	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	C		
566	566	Vũ Thị Thủy	Tươi	06/06/1994	Nữ	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
567	567	Lê Quang	Đại	05/12/1982	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
568	568	Nguyễn Thị	Gấm	06/03/1991	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
569	569	Nguyễn Chí	Tâm	17/09/1985	Nam	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
570	570	Trần Thị	Sáu	17/02/1988	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
571	571	Bùi Phương	Thảo	18/12/1993	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm,Hà Nội	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
572	572	Nguyễn Trọng	Quyết	17/01/1994	Nam	Đông Hưng, Đông Hưng, Thái Bình	BV 09	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
573	573	Phạm Thị	Trang	16/06/1989	Nữ	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV 09	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
574	574	Nguyễn Ngọc	Văn	18/05/1976	Nam	Xuân Ninh, Xuân Trường, Nam Định	BV 09	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
575	575	Nguyễn Huy	Vinh	20/12/1992	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	BV 09	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
576	576	Dương Việt	Anh	28/09/1984	Nam	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
577	577	Nguyễn Trọng	Bình	25/10/1972	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
578	578	Hoàng Đức	Chính	13/07/1991	Nam	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
579	579	Nguyễn Văn	Công	29/08/1990	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
580	580	Nguyễn Văn	Dũng	10/03/1991	Nam	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
581	581	Lê Bá	Duy	01/11/1992	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
582	582	Nguyễn Việt	Hà	15/03/1995	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
583	583	Đào Thúy	Hằng	18/06/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
584	584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/11/1993	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
585	585	Nguyễn Thị	Huyền	08/04/1990	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	A2		
586	586	Hoàng Ngọc	Lâm	23/08/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
587	587	Kim Thị	Lụa	19/02/1991	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
588	588	Nguyễn Thị	Ly	05/09/1993	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	DTTS	
589	589	Nguyễn Thành	Nam	21/11/1993	Nam	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
590	590	Hoàng Đình	Ngọc	22/01/1993	Nam	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
591	591	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt	19/03/1995	Nữ	Xuân Lôi, Lập Thạch, Vĩnh Phúc	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
592	592	Trần Hương	Quỳnh	16/10/1994	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
593	593	Đàm Thị Thanh	Tâm	03/03/1992	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
594	594	Nguyễn Thọ	Thành	15/08/1995	Nam	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
595	595	Đỗ Quang	Thiết	01/12/1992	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Bậc 2		
596	596	Nguyễn Quang	Trung	03/03/1972	Nam	Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
597	597	Lương Đức	Tuyến	05/09/1990	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
598	598	Triệu Thị	Xuân	16/01/1991	Nữ	Cao Sơn, Bạch Thông, Bắc Kạn	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	A2	**DTTS**	
599	599	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	09/08/1995	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
600	600	Đàm Thận	Dũng	20/04/1983	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Ngoại khoa)	B	A2		
601	601	Nguyễn Thế	Tuyên	17/11/1983	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	CKI	Bác sỹ Y học lâm sàng (chuyên khoa cấp I Ngoại khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
602	602	Phạm Thị	Liên	17/05/1993	Nữ	Thịnh Đức, Thái Nguyên, Thái Nguyên	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
603	603	Lê Nhật	Linh	24/10/1995	Nam	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
604	604	Lê Thị	An	22/12/1993	Nữ	Vạn Xuân, Thường Xuân, Thanh Hóa	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	**DTTS**	
605	605	Võ Thị Lan	Anh	30/01/1973	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	**CTB**	
606	606	Nguyễn Khánh	Linh	19/12/1984	Nữ	Hoàng Hoa Thám, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
607	607	Nguyễn Thị	Mười	13/11/1993	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
608	608	Nguyễn Đình	Phòng	30/07/1979	Nam	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
609	609	Nguyễn Bá	Phổ	10/09/1979	Nam	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
610	610	Nguyễn Thị	Phương	23/10/1994	Nữ	Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
611	611	Đoàn Minh	Quang	12/06/1987	Nam	An Đức, Ninh Giang, Hải Dương	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2	CBB	
612	612	Hoàng Đặng An	Sinh	07/06/1992	Nam	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
613	613	Phạm Thị	Thọ	05/11/1987	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
614	614	Trần Thị	Nga	10/07/1979	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
615	615	Trần Thị	Hương	07/08/1988	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
616	616	Phùng Hải	Yến	11/05/1995	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
617	617	Phạm Thị Hồng	Loan	10/09/1991	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
618	618	Tạ Đình	Hiếu	29/08/1985	Nam	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Truyền nhiễm**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Truyền nhiễm)	B	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
619	619	Trần Ngọc	Anh	20/05/1990	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	B	C		
620	620	Nguyễn Đức	Phú	22/10/1986	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
621	621	Ngô Doãn Trung	Anh	27/10/1995	Nam	Tương Giang, Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
622	622	Đoàn	Anh	07/11/1994	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
623	623	Lưu Thế	Anh	17/04/1994	Nam	Phú Sơn, Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
624	624	Tạ Văn	Cường	07/10/1992	Nam	Hùng Sơn, Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
625	625	Mai Thị	Duyên	21/07/1994	Nữ	Yên Lâm, Yên Mô, Ninh Bình	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	A2		
626	626	Đỗ Thị Thu	Hà	13/08/1994	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
627	627	Nguyễn Thi	Hậu	21/02/1994	Nữ	Châu Quế Hạ, Văn Yên, Tỉnh Yên Bái	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
628	628	Đoàn Huy	Hoàng	18/06/1993	Nam	Đức Xuân, Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
629	629	Tống Khánh	Linh	23/12/1995	Nữ	Tiền An, Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
630	630	Lê Văn	Quang	01/01/1991	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
631	631	Nguyễn Trung	Sơn	01/10/1995	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
632	632	Nguyễn Phúc	Sơn	01/04/1995	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
633	633	Lê Minh	Sơn	25/10/1994	Nam	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
634	634	Đàm Thị	Thảo	14/10/1993	Nữ	An Lạc, Sơn Động, Bắc Giang	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
635	635	Ngô Thị Hải	Yến	15/05/1992	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
636	636	Lương Trung	Kiên	05/05/1983	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
637	637	Đào Thị Mai	Hương	24/07/1990	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
638	638	Nguyễn Xuân	Trường	21/12/1985	Nam	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
639	639	Trần Thanh	Minh	21/06/1987	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
640	640	Phạm Thị Thanh	Thủy	22/08/1993	Nữ	Thị trấn Phát Diệm, Kim Sơn, Tỉnh Ninh Bình	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	B	B		
641	641	Lại Thị Kiều	Trang	19/08/1992	Nữ	Đồng Tiến, Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)	B	Tương đương B1		
642	642	Khuất Duy Đức	Anh	02/06/1993	Nam	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
643	643	Khuất Thị Thu	Hương	14/06/1991	Nữ	Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
644	644	Khuất Văn	Phúc	20/03/1994	Nam	Than Uyên, Than Uyên, Lai Châu	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
645	645	Hoàng Tiến	Quyền	31/07/1991	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
646	646	Chu Hòa	Sơn	06/07/1991	Nam	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
647	647	Lương Thị	Thơm	20/08/1994	Nữ	Minh Tiến, Phù Cừ, Hưng Yên	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
648	648	Nguyễn Đức	Thụ	25/01/1992	Nam	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CĐCĐ	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
649	649	Hà Thị	Vân	03/01/1991	Nữ	Tân Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	
650	650	Nguyễn Đức	Việt	30/04/1985	Nam	Tân Cương, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
651	651	Nguyễn Anh	Tuấn	24/11/1995	Nam	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
652	652	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	25/01/1995	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
653	653	Lê Thị	Thủy	14/12/1995	Nữ	Hải Thanh, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
654	654	Nguyễn Thị	Xuân	11/06/1992	Nữ	Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
655	655	Đỗ Đình	Đăng	20/01/1993	Nam	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
656	656	Chẩu Quỳnh	Giang	01/10/1992	Nữ	Na Hang, Na Hang, Tuyên Quang	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	A	A2	**DTTS**	
657	657	Tô Thị	Loan	06/11/1994	Nữ	Khánh Thủy, Yên Khánh, Ninh Bình	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 3		
658	658	Nguyễn Huy	Tiến	18/10/1993	Nam	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	A2		
659	659	Nguyễn Thùy	Trang	27/02/1994	Nữ	Trường Thị, Thanh Hóa, Thanh Hóa	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
660	660	Vũ Thị Vân	Anh	19/09/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
661	661	Đỗ Xuân	Cát	23/09/1995	Nam	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
662	662	Nguyễn Thị Mai	Châm	12/03/1993	Nữ	Trực Thái, Trực Ninh, Nam Định	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
663	663	Nguyễn Thị Phương	Duy	11/09/1993	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	A	B		
664	664	Lê Đoàn	Dũng	06/10/1990	Nam	Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
665	665	Nguyễn Thùy	Dương	29/10/1991	Nữ	Vạn Phúc,Thanh Trì, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	B		
666	666	Trần Thanh	Duy	28/08/1992	Nam	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
667	667	Nguyễn Thái	Dũng	05/04/1991	Nam	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
668	668	Vương Đắc	Giang	05/07/1987	Nam	Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CTB**	
669	669	Lê Thị Hồng	Gấm	15/02/1985	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CĐCĐ**	
670	670	Nguyễn Thị	Hòa	15/02/1994	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
671	671	Bùi Thị	Huệ	06/03/1990	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
672	672	Phạm Thị Hồng	Hạnh	22/06/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
673	673	Nguyễn Thị	Hiệp	12/02/1994	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CBB**	
674	674	Lương Thị Thu	Huyền	18/03/1995	Nữ	Long Xuyên, Kinh Môn, Hải Dương	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	HSK 3		
675	675	Hà Thị	Hương	30/10/1993	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
676	676	Trần Thị Thu	Hà	27/10/1993	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
677	677	Phạm Ngọc	Hân	27/11/1994	Nữ	Thị Trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
678	678	Nguyễn Việt	Hùng	28/08/1991	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
679	679	Phùng Huy	Hùng	04/11/1995	Nam	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	HSK 4		
680	680	Phạm Quang	Huy	25/05/1992	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
681	681	Ngô Thọ	Huy	18/05/1987	Nam	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài	CTB	
682	682	Trần Thu	Hiền	01/11/1987	Nữ	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Trung y (định hướng Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
683	683	Phạm Thị	Hải	27/12/1987	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Ths	Bác sỹ Y học cổ truyền (thạc sỹ Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
684	684	Vũ Viết	Ký	29/10/1992	Nam	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	C	C		
685	685	Lê Việt	Linh	19/08/1992	Nam	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
686	686	Trần Diệu	Linh	27/10/1989	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
687	687	Vũ Thị	Linh	06/09/1993	Nữ	Chương Dương, Thường Tín, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
688	688	Hoàng Thị Ly	Ly	24/06/1995	Nữ	Sơn Dương, Sơn Dương, Tuyên Quang	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
689	689	Nguyễn Thị Như	Mai	29/10/1986	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
690	690	Nguyễn Thị	My	09/5/1994	Nữ	Thanh Thủy, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CTB**	
691	691	Nguyễn Thị Thúy	Nga	16/6/1993	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
692	692	Kiều Thị Thủy	Nguyên	12/04/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	HSK 4		
693	693	Đào Thiện	Quang	04/12/1992	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
694	694	Nguyễn Đắc	Sơn	27/01/1993	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
695	695	Nguyễn Hồng	Phương	14/08/1995	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
696	696	Nguyễn Thị Thu	Phương	31/03/1995	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
697	697	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	25/10/1995	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
698	698	Trần Thị Thu	Thảo	19/11/1991	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
699	699	Trần Phương	Thảo	20/11/1993	Nữ	Đề Thám, Cao Bằng, Cao Bằng	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
700	700	Vi Thị	Thảo	25/07/1994	Nữ	Quảng Lạng, Lạng Sơn, Lạng Sơn	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
701	701	Cao Phương	Thảo	04/10/1994	Nữ	Nguyễn Lương Bằng, Đống Đa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
702	702	Dương Thu	Trang	13/02/1995	Nữ	Quỳnh Trang, Quỳnh Phụ, Thái Bình	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
703	703	Nguyễn Thị	Thái	09/11/1991	Nữ	Trung Tú, Ứng Hoà, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
704	704	Dương Thị Thanh	Trà	19/10/1992	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
705	705	Nguyễn Trung	Tuấn	03/11/1992	Nam	Dị Nậu,Thạch Thất, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
706	706	Ngô Đức	Thịnh	10/11/1992	Nam	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
707	707	Từ Thị	Thuần	20/12/1993	Nữ	Liên Phương,Thường Tín, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
708	708	Vũ Văn	Thắng	10/01/1993	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
709	709	Nguyễn Thị	Út	15/10/1993	Nữ	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
710	710	Lê Thanh	Xuân	10/05/1991	Nữ	Thị trấn Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
711	711	Nguyễn Thị Diệu	Xuân	04/02/1993	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
712	712	Hà Văn	Chiến	26/01/1994	Nam	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
713	713	Phi Mạnh	Đạt	19/05/1991	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
714	714	Kiều	Loan	19/12/1992	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
715	715	Đoàn Văn	Phú	07/02/1993	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
716	716	Phùng Thanh	Phương	06/04/1990	Nam	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
717	717	Nguyễn Văn	Qúy	18/08/1992	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
718	718	Nguyễn Văn	Tùng	03/07/1990	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
719	719	Khuất Duy	Thành	01/06/1977	Nam	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
720	720	Nguyễn Thạc	Thụ	18/07/1992	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
721	721	Nguyễn Quốc	Trường	13/06/1994	Nam	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
722	722	Đoàn Thị Thanh	Thư	18/04/1994	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	**CTB**	
723	723	Đỗ Thị	Hồng	18/09/1993	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
724	724	Nguyễn Thị	Cảnh	13/09/1989	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
725	725	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/06/1993	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
726	726	Nguyễn Thị Thu	Hà	04/12/1992	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
727	727	Bùi Thị	Thơ	03/01/1994	Nữ	Nuông Dăm, Kim Bôi, Hòa Bình	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
728	728	Cao Thị	Lan	11/12/1995	Nữ	Long Thành, Yên Thành, Nghệ An	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
729	729	Lê Thị Kim	Dung	16/11/1988	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
730	730	Nguyễn Thị	Duyên	29/11/1994	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
731	731	Nguyễn Thị	Thanh	10/06/1991	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
732	732	Nguyễn Quang	Huynh	14/02/1992	Nam	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
733	733	Lê Thị Thanh	Mến	28/02/1993	Nữ	Bản Ngoại, Đại Từ, Thái Nguyên	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
734	734	Nguyễn Thị Kim	Tri	06/06/1995	Nữ	Bắc Phong, Cao Phong, Hòa Bình	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
735	735	Nguyễn Văn	Vĩnh	25/07/1991	Nam	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
736	736	Nguyễn Đức	Tim	07/11/1994	Nam	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
737	737	Lê Ngọc	Ánh	02/03/1993	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
738	738	Phan Thị	Thành	20/02/1990	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
739	739	Nguyễn Thị	Thanh	25/07/1990	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
740	740	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/01/1994	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
741	741	Kiều Thanh	Quang	28/08/1986	Nam	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CBB**	
742	742	Nguyễn Thị Vũ	Hường	25/06/1993	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
743	743	Khuất Thị Thúy	My	06/10/1994	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
744	744	Chu Quỳnh	Trang	15/09/1990	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
745	745	Đặng Đức	Tâm	16/09/1991	Nam	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	B	CTB	
746	746	Nguyễn Nhật	Lệ	17/08/1991	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	Bậc 3		
747	747	Nguyễn Thị	Thúy	17/11/1991	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
748	748	Nguyễn Hữu	Dũng	23/07/1988	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
749	749	Nguyễn Ngọc	Tiến	13/05/1985	Nam	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
750	750	Nguyễn Văn	Ân	12/01/1989	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
751	751	Đào Thị Vân	Anh	03/12/1993	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
752	752	Nguyễn Lan	Anh	14/01/1995	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
753	753	Nguyễn Văn	Chính	20/11/1992	Nam	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
754	754	Lê Trần	Diễm	07/01/1984	Nam	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
755	755	Nguyễn Đức	Hải	03/12/1983	Nam	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
756	756	Đỗ Thu	Hiền	23/11/1992	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
757	757	Chu Thị	Huyền	10/02/1992	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
758	758	Lê Văn	Minh	14/04/1993	Nam	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
759	759	Trần Thị	Nữ	19/04/1992	Nữ	Xã Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
760	760	Nguyễn Thị	Oanh	08/05/1991	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
761	761	Đỗ Thị	Phương	15/08/1995	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
762	762	Nguyễn Văn	Tuấn	29/07/1992	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
763	763	Nguyễn Thạc	Vũ	06/11/1992	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
764	764	Đào Thị	Xuê	02/04/1992	Nữ	Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
765	765	Nguyễn Phú	Cường	17/05/1989	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
766	766	Nguyễn Thu	Hà	18/09/1990	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
767	767	Nguyễn Trung Hồng	Hạnh	28/11/1990	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
768	768	Nguyễn Trọng	Hòa	19/12/1987	Nam	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
769	769	Nguyễn Thị	Lương	12/10/1988	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
770	770	Đỗ Văn	Tuấn	29/05/1984	Nam	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
771	771	Phi Thúy	An	10/09/1990	Nữ	Tân Bình, Tam Điệp, Ninh Bình	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
772	772	Nguyễn Thị	Bích	29/06/1993	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
773	773	Nguyễn Quang	Cận	04/06/1988	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
774	774	Nguyễn Thị	Hà	08/11/1992	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
775	775	Lê Thị Thu	Hằng	29/07/1995	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
776	776	Nguyễn Thị Bích	Hằng	11/12/1990	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
777	777	Trần Lê Thùy	Linh	07/08/1991	Nữ	Ba Hàng, Phổ Yên, Thái Nguyên	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
778	778	Trần Khánh	Ly	19/12/1991	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
779	779	Lưu Ngọc	Mai	26/07/1992	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
780	780	Nguyễn Văn	Thắng	13/02/1993	Nam	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
781	781	Bá Thị	Thảo	12/01/1990	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
782	782	Nguyễn Quang	Tích	20/09/1991	Nam	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
783	783	Nguyễn Thị Hà	Trang	27/03/1994	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
784	784	Nguyễn Văn	Trường	28/12/1995	Nam	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
785	785	Đặng Thị	Tâm	30/08/1993	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
786	786	Phùng Minh	Nhật	19/09/1992	Nam	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
787	787	Vi Thị Hương	Thanh	16/06/1992	Nữ	Thanh Bình, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	A2	DTTS	
788	788	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/11/1989	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	CTB	
789	789	Đào Thị	Thư	23/03/1994	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
790	790	Nguyễn Duy	Tuyển	02/06/1991	Nam	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
791	791	Phạm Công	Anh	14/10/1993	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
792	792	Nguyễn Trung	Đức	12/07/1992	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
793	793	Nguyễn Chính	Đường	02/03/1992	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
794	794	Nguyễn Thị	Huệ	16/07/1993	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
795	795	Phạm Thị Ngọc	Huyền	26/07/1993	Nữ	Phương Trung Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
796	796	Nguyễn Thị	Nghĩa	15/06/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
797	797	Trương Như	Sáng	28/02/1994	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
798	798	Lê Quỳnh	Trang	20/08/1992	Nữ	TT Ngọc Lặc, Ngọc Lặc, Thanh Hóa	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
799	799	Lê Quang	Tú	19/07/1983	Nam	Xuân Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
800	800	Nguyễn Văn	Cao	21/03/1988	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
801	801	Phạm Huyền	Chang	04/05/1986	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
802	802	Đào Quang	Hưởng	22/10/1991	Nam	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
803	803	Nguyễn Thị	Quyên	26/07/1993	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
804	804	Trần Văn	Tuấn	10/08/1982	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
805	805	Phạm Thị	Xuân	12/02/1994	Nữ	Quang Trung, Thái Bình, Thái Bình	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
806	806	Lưu Thị Thu	Hà	27/11/1994	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
807	807	Nguyễn Thị Khánh	Linh	09/03/1994	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
808	808	Lương Thị	Luyên	16/07/1993	Nữ	Thư Phú, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
809	809	Trần Thị Mai	Hương	28/10/1989	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
810	810	Đồng Thị Diệu	Thu	01/06/1994	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
811	811	Lê Thái	Thành	07/08/1991	Nam	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
812	812	Phạm Thị	Phương	11/02/1995	Nữ	Xuân Ninh, Xuân Trường, Nam Định	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
813	813	Phạm Lý	Thành	24/09/1990	Nam	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
814	814	Vũ Thị Ánh	Nguyệt	04/05/1995	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
815	815	Trần Vũ	Thắng	11/02/1992	Nam	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
816	816	Nguyễn Thị	Thúy	14/10/1985	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
817	817	Nguyễn Bảo	Linh	20/01/1990	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
818	818	Nguyễn Thị Thanh	Hà	03/09/1990	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
819	819	Nguyễn Thị	Hiền	30/06/1993	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
820	820	Vũ Kim	Khánh	20/09/1994	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
821	821	Nguyễn Đắc	Long	02/10/1989	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
822	822	Vũ Văn	Sáng	20/05/1995	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
823	823	Nguyễn Tuấn	Tú	03/12/1987	Nam	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
824	824	Phạm Văn	Vinh	09/05/1990	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
825	825	Lưu Thị Hải	Anh	10/08/1993	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
826	826	Tô Yến	Chi	25/02/1990	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
827	827	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	22/11/1991	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
828	828	Phạm Quang	Hảo	02/11/1995	Nam	Văn Hoàng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
829	829	Nguyễn Thị Bích	Liên	03/01/1995	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
830	830	Phạm Thị Thanh	Loan	19/08/1990	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
831	831	Nguyễn Văn	Tới	10/04/1990	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
832	832	Nguyễn Văn	Đông	08/03/1990	Nam	Bình Sơn, Lục Nam, Bắc Giang	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
833	833	Lăng Thị	Hảo	15/02/1993	Nữ	Xuân Hòa, Hà Quảng, Cao Bằng	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	
834	834	Bùi Thị	Hồng	28/03/1993	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	**DTTS**	
835	835	Tạ Khắc	Lâm	19/10/1994	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
836	836	Đặng Thanh	Nhàn	30/12/1994	Nữ	Cẩm Bình, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
837	837	Trần Thị	Nụ	20/04/1990	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
838	838	Phạm Thanh	Sơn	15/08/1990	Nam	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
839	839	Trần Thanh	Toàn	24/10/1993	Nam	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	Tương đương A2	DTTS	
840	840	Hồ Thị	Vân	11/11/1994	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
841	841	Nguyễn Tiến	Hiệp	01/04/1994	Nam	Tiến Châu, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
842	842	Nguyễn Tiến	Mạnh	14/03/1986	Nam	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
843	843	Nguyễn Thị	Mùa	04/06/1992	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
844	844	Nguyễn Thị	Oanh	28/10/1995	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
845	845	Lê Khắc	Quảng	03/11/1983	Nam	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	A2		
846	846	Trương Văn	Quý	05/03/1993	Nam	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
847	847	Đỗ Văn	Thuận	19/03/1995	Nam	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
848	848	Lê Thị	Thùy	02/09/1994	Nữ	Chí Đám, Đoan Hùng, Phú Thọ	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
849	849	Đặng Duy	Trai	04/11/1994	Nam	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
850	850	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/11/1992	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
851	851	Trịnh Tuấn	Dương	13/06/1990	Nam	Phú Sơn, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
852	852	Nguyễn Viết	Hùng	14/12/1986	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
853	853	Nguyễn Hà	Phương	20/12/1993	Nữ	Thăng Bình, Nông Cống, Thanh Hóa	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
854	854	Nguyễn Phúc	Thành	15/08/1992	Nam	Bình Hàn, TP Hải Dương, Hải Dương	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
855	855	Đặng Thị	Thúy	13/03/1993	Nữ	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
856	856	Nguyễn Thị Minh	Thúy	08/05/1993	Nữ	Phù Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
857	857	Nguyễn Thị	Tuyết	12/01/1995	Nữ	An Phượng, Thanh Hà, Hải Dương	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
858	858	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/12/1991	Nữ	TT Quất Lâm, Giao Thủy, Nam Định	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
859	859	Đoàn Ngọc	Trung	24/05/1992	Nam	Quang Trung, TP Hưng Yên, Hưng Yên	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
860	860	Đinh Thị	Khuyên	12/12/1991	Nữ	Yên Lộc, Ý Yên, Nam Định	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
861	861	Đỗ Thị	Thoa	02/10/1994	Nữ	Lạc Hồng, Văn Lâm, Hưng Yên	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
862	862	Phạm Chu Long	Gia	02/09/1993	Nam	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
863	863	Nguyễn Đăng	Tùng	08/08/1981	Nam	Ninh Hiệp, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
864	864	Hoàng Thị	Thu	07/03/1993	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
865	865	Nguyễn Quang	Minh	30/12/1991	Nam	Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B	HTNV	
866	866	Nguyễn Đức	Quý	20/03/1993	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
867	867	Đào Công	Giang	26/05/1993	Nam	Nông Tiến, Tuyên Quang, Tuyên Quang	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
868	868	Nguyễn Thị	Hoa	11/08/1995	Nữ	Xuân Lộc, Thanh Thủy, Phú Thọ	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	A2		
869	869	Nguyễn Thị Hải	Yến	14/10/1992	Nữ	Văn Yên, Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
870	870	Hà Mạnh	Cường	07/05/1995	Nam	Quảng Hà, Hải Hà, Quảng Ninh	TT Giám định y khoa Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	**DTTS**	
871	871	Nguyễn Thu	Hường	13/06/1986	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	TT Giám định y khoa Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B1		
872	872	Phạm Ngọc	Toản	10/02/1982	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Giang, Hà Giang	TT Giám định y khoa Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
873	873	Nguyễn Thị Yến	l.y	28/03/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
874	874	Nguyễn Khánh	Toàn	22/05/1995	Nam	Hòa Vượng, Lộc Hòa, Nam Định	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C1		
875	875	Đặng Thị Thu	Trang	15/03/1981	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
876	876	Nguyễn Huy	Tú	29/03/1994	Nam	Tú Thịnh, Sơn Dương, Tuyên Quang	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
877	877	Nguyễn Thúy	Hằng	01/01/1978	Nữ	Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	B	B		
878	878	Nguyễn Thị	Hoa	05/01/1983	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	**CTB**	
879	879	Nguyễn Minh	Hương	22/03/1993	Nữ	Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
880	880	Trần Quang	Khánh	27/12/1989	Nam	Võng La, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
881	881	Nguyễn Thị Huyền	Trang	01/10/1992	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài	CTB	
882	882	Phạm Thị	Hà	28/03/1993	Nữ	Tân Trào, Thanh Miện, Hải Dương	TTYT Ba Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
883	883	Nguyễn Văn	Khiêm	09/06/1994	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
884	884	Trịnh Ngọc	Diệp	05/7/1982	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	A	B		
885	885	Đỗ Duy	Thắng	25/07/1994	Nam	Thiệu Tân, Thiệu Hóa, Thanh Hóa	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
886	886	Lê Thị Quỳnh	Trang	29/12/1993	Nữ	Xuân Trường, Xuân Trường, Nam Định	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
887	887	Phạm Thị Hồng	Anh	28/08/1990	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
888	888	Nguyễn Văn	Ánh	26/10/1994	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	IC 3	B1		
889	889	Nguyễn Thị Thu	Hương	29/06/1991	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
890	890	Nguyễn Thị	Huyền	20/7/1990	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
891	891	Nguyễn Thị Thanh	Loan	31/07/1986	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Đông y (định hướng Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
892	892	Lê Thị	Phượng	18/07/1990	Nữ	Hoằng Anh, Thanh Hóa, Thanh Hóa	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
893	893	Nguyễn Đức	Tâm	18/09/1990	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
894	894	Trần Thị	The	07/3/1983	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
895	895	Nguyễn Huyền	Trang	14/01/1988	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	A2		
896	896	Ngô Xuân	Tú	22/05/1986	Nam	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
897	897	Đặng Thiên	Hương	08/03/1991	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
898	898	Lê Thị Thùy	Trinh	06/03/1993	Nữ	Tân Quang, Bắc Giang, Hà Giang	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
899	899	Hồ Trọng	Hân	04/06/1987	Nam	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
900	900	Nguyễn Đức	Hiệp	29/01/1981	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CBB, CĐCĐ**	
901	901	Lã Thị Cẩm	Ngọc	11/04/1989	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	CKI	Bác sỹ Y học cổ truyền (chuyên khoa cấp I Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
902	902	Nguyễn Tiến	Vui	17/09/1981	Nam	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
903	903	Hà Phương	Uyên	15/8/1975	Nữ	Phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
904	904	Hoàng Thái	Hà	06/10/1992	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
905	905	Nguyễn Đắc	Lộc	01/02/1992	Nam	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
906	906	Lê Tuấn	Dũng	08/10/1993	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
907	907	Lê Mỹ	Hạnh	26/08/1994	Nữ	Nam Toàn, Nam Trực, Nam Định	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
908	908	Nguyễn Thị Thu	Hoài	27/04/1995	Nữ	Cao Kỳ Vân, Thọ Xuân, Bắc Giang	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
909	909	Đỗ Minh	Luân	11/11/1994	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
910	910	Phạm Công	Bình	24/10/1972	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
911	911	Cù Ngọc	Hà	22/12/1988	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
912	912	Trần Văn	Cường	14/08/1982	Nam	Trung Hà, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	TTYT Hoàng Mai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
913	913	Phạm Thị	Nguyệt	15/10/1983	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
914	914	Nguyễn Hằng	Nga	06/11/1992	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
915	915	Đỗ Thị	Ngọc	07/09/1980	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
916	916	Đỗ Văn	Hiếu	01/11/1986	Nam	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Long Biên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
917	917	Lê Quyết	Thắng	08/09/1978	Nam	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Long Biên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
918	918	Nguyễn Thanh	Thủy	20/01/1989	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
919	919	Nguyễn Linh	Hà	14/10/1993	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ**	ĐH	Bác sỹ y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
920	920	Nguyễn Thị	Lụa	31/03/1991	Nữ	Đại Đồng, Tiên Du, Bắc Ninh	TTYT Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ**	ĐH	Bác sỹ y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
921	921	Bùi Thị Thúy	Anh	01/05/1995	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
922	922	Nguyễn Thị	Hậu	10/12/1992	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
923	923	Trần Thị	Nga	27/01/1983	Nữ	Thị Trấn Đông Anh,Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
924	924	Đinh Thị Hương	Thảo	04/03/1991	Nữ	Thị Trấn Đông Anh,Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B		
925	925	Đỗ Hà	Châu	28/09/1993	Nữ	Lam Sơn, Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa	TTYT Bắc Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
926	926	Đồng Thế	Dũng	14/07/1991	Nam	Cát Thành, Trực Ninh, Tỉnh Nam Định	TTYT Bắc Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
927	927	Trần Phan	Giang	27/02/1989	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Đông y (định hướng Y học cổ truyền)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
928	928	Nguyễn Thị Thùy	Dương	25/06/1995	Nữ	Cốc Lếu, Lào Cai, Lào Cai	TTYT Nam Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	IC 3	B1		
929	929	Bùi Thị Kim	Liên	17/10/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
930	930	Trần Thu	Phương	19/02/1991	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
931	931	Nguyễn Vân	Anh	30/01/1994	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	HSK 4 (B2)		
932	932	Nguyễn Công	Đạt	29/11/1986	Nam	Vạn Phúc -Thanh Trì-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
933	933	Lê Thị Vân	Anh	25/06/1988	Nữ	Hùng Quan, Đoan Hùng, Phú Thọ	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
934	934	Hoàng Thị	Hương	30/08/1987	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
935	935	Đinh Thị	Huyền	08/04/1991	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	B1		
936	936	Bùi Thành	Long	10/10/1988	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
937	937	Nguyễn Thị Thu	Phương	20/10/1985	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
938	938	Lê Đức	Thắng	01/10/1990	Nam	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
939	939	Nguyễn Thị	Yến	09/05/1990	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
940	940	Nguyễn Thị Thùy	Chi	07/05/1993	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
941	941	Hoàng Thanh	Bình	04/08/1991	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	HSK 5 (C1)		
942	942	Trần Thị Thu	Hoài	12/12/1993	Nữ	Hòa Hậu, Lý Nhân, Hà Nam	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
943	943	Nguyễn Thị	Lâm	05/11/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
944	944	Nguyễn Ngọc	Linh	14/08/1993	Nam	Hạ Hòa, Hạ Hòa, Phú Thọ	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
945	945	Vương Ngọc	Mừng	06/04/1994	Nam	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
946	946	Phan Ngọc	Nam	27/01/1993	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
947	947	Nguyễn Thị	Ngọc	05/04/1992	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
948	948	Nguyễn Đức	Nhân	03/07/1992	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	HSK 3 (B1)		
949	949	Nguyễn Thị	Oanh	27/09/1993	Nữ	Ninh Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
950	950	Đỗ Thành	Tâm	26/03/1993	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
951	951	Nguyễn Văn	Thịnh	10/10/1985	Nam	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	**CĐCĐ**	
952	952	Nguyễn Thu	Trang	30/08/1992	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
953	953	Nguyễn Văn	Tuấn	20/10/1995	Nam	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
954	954	Hoàng Duy	Tùng	01/06/1986	Nam	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
955	955	Phạm Thị Bích	Xuân	11/04/1992	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
956	956	Phùng Tuấn	Anh	14/07/1990	Nam	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	A2		
957	957	Nguyễn Hoàng	Duyệt	26/01/1990	Nam	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
958	958	Nguyễn Thị	Hằng	20/04/1991	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
959	959	Nguyễn Thị	Hòa	29/08/1988	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
960	960	Đào Thị	Hoạt	17/01/1989	Nữ	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	A2	**DTTS**	
961	961	Nguyễn Quang	Huy	01/06/1986	Nam	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
962	962	Phí Ngọc Yến	Nhi	11/04/1994	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
963	963	Đỗ Anh	Quyền	18/12/1992	Nam	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
964	964	Phạm Kiên	Trung	23/05/1993	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
965	965	Khuất Duy	Tùng	06/10/1990	Nam	Tản Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	A2		
966	966	Cao Hải	Yến	03/05/1992	Nữ	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	
967	967	Nguyễn Mạnh	Cường	31/01/1995	Nam	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
968	968	Nguyễn Thị Thu	Hoài	02/09/1992	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
969	969	Đặng Thị	Huyền	12/10/1995	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
970	970	Lê Thị Thanh	Loan	26/01/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	**CBB**	
971	971	Hoàng Thị	Tươi	07/07/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
972	972	Nguyễn Văn	Huy	07/06/1977	Nam	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
973	973	Nguyễn Ngọc	Tiến	15/02/1984	Nam	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	B	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
974	974	Phùng Văn	Hưởng	22/11/1985	Nam	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
975	975	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/05/1993	Nữ	Đại Thành, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	IC 3	A2		
976	976	Nguyễn Huyền	Trang	25/11/1988	Nữ	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
977	977	Lê Xuân	Bách	08/10/1995	Nam	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
978	978	Nguyễn Thị	Hồng	26/01/1994	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
979	979	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	07/03/1994	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
980	980	Nguyễn Trí Khánh	Linh	27/08/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
981	981	Nguyễn Thị Phương	Mai	14/04/1995	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
982	982	Nguyễn Thị Mai	Ngọc	04/10/1993	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
983	983	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	17/04/1994	Nữ	Thanh Long, Yên Mỹ, Hưng Yên	TTYT Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
984	984	Lê Thị	Ngoan	02/01/1988	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
985	985	Nguyễn Xuân	Sà	15/03/1976	Nam	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
986	986	Đinh Công	Toàn	25/10/1982	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
987	987	Phạm Thị Ngọc	Mai	16/06/1993	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
988	988	Phùng Thế	Tài	12/05/1987	Nam	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
989	989	Nguyễn Hồng	Tiến	06/09/1988	Nam	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
990	990	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	29/05/1985	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
		2. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG (HẠNG III) - V.08.02.06													
991	1	Đinh Việt	Anh	15/05/1994	Nam	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C1		
992	2	Nguyễn Việt	Anh	31/07/1993	Nam	Thanh Miếu, Việt Trì, Phú Thọ	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
993	3	Mai Thị Hồng	Ánh	23/11/1994	Nữ	Xuân Trường, Xuân Trường, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
994	4	Trần Thị Thùy	Dung	16/04/1990	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	
995	5	Nguyễn Đức	Dũng	08/07/1991	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
996	6	Hoàng Thu	Giang	02/11/1995	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
997	7	Nguyễn Thu	Hà	13/11/1995	Nữ	Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
998	8	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	27/01/1993	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
999	9	Nguyễn Hòa	Hiệp	22/07/1995	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		Quy đổi theo Q
1000	10	Nguyễn Bá	Hoàn	21/09/1995	Nam	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1001	11	Nguyễn Công	Huy	26/08/1989	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	B	B1		
1002	12	Nguyễn Ngọc	Huy	06/04/1994	Nam	Khắc Niệm, Bắc Ninh, Bắc Ninh	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
1003	13	Nguyễn Thị Thanh	Hương	25/12/1995	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
1004	14	Bùi Thiên	Hương	04/10/1994	Nữ	Chi Nê, Lạc Thủy, Hòa Bình	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
1005	15	Lâm Hùng	Khoa	15/07/1993	Nam	Chi Lăng, Lạng Sơn, Lạng Sơn	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	IC 3	B1	DTTS	
1006	16	Nguyễn Văn	Khiêm	09/08/1989	Nam	Hải Toàn, Hải Hậu, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1007	17	Nguyễn Thị Mai	Lan	12/07/1992	Nữ	Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
1008	18	Phùng Thảo	Linh	14/10/1995	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
1009	19	Nguyễn Thị Phương	Linh	23/09/1994	Nữ	Kênh Dương, Lê Chân, Hải Phòng	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1010	20	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/06/1994	Nữ	Nam Hải, Nam Trực, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1011	21	Phạm Thị Kiều	Loan	24/09/1995	Nữ	Yên Mạc, Yên Mô, Ninh Bình	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1012	22	Đỗ Hồng	Lữ	26/08/1993	Nữ	Hồng Tiến, Phổ Yên, Thái Nguyên	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	IC 3	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1013	23	Đỗ Thị	Nga	23/01/1995	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1014	24	Vũ Trung	Nghĩa	03/12/1994	Nam	Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
1015	25	Nguyễn Thị Như	Ngọc	20/09/1995	Nữ	An Bài, Quỳnh Phụ, Thái Bình	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C1		
1016	26	Nguyễn Bích	Nguyệt	12/01/1994	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
1017	27	Đỗ Thị	Nhung	07/02/1991	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1018	28	Đinh Văn	Quý	01/08/1995	Nam	Giao Thịnh, Giao Thủy, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1019	29	Hoàng Ngọc	Sơn	18/06/1992	Nam	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1020	30	Nguyễn Tiến	Toàn	10/03/1988	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1021	31	Nguyễn Anh	Tuấn	11/11/1993	Nam	Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1022	32	Trần Văn	Tuấn	31/08/1995	Nam	Đoàn Đào, Phù Cừ, Hưng Yên	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1023	33	Trần Thị	Thanh	06/08/1995	Nữ	Phương Xá, Cẩm Khê, Phú Thọ	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	IC 3	Tương đương A2		
1024	34	Hoàng Thị Kim	Thi	03/02/1992	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	IC 3	A2		
1025	35	Phạm Thị	Thơm	20/07/1993	Nữ	Xuân Thủy, Xuân Trường, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	IC 3	A2		
1026	36	Vũ Thị	Thu	05/08/1995	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1027	37	Nguyễn Thị	Trang	05/01/1995	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
1028	38	Phạm Ngọc	Trâm	26/05/1989	Nữ	Thủy Lai, Thạch Thất, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
1029	39	Danh Thị	Vân	28/03/1993	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1030	40	Đinh Thị Mỹ	Hương	11/08/1995	Nữ	Giếng Đáy, Hạ Long, Quảng Ninh	TTYT Ba Đình	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1031	41	Vũ Hồng	Quân	02/09/1993	Nam	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1032	42	Phạm Thị Thùy	Dương	28/05/1994	Nữ	An Vinh, Quỳnh Phụ, Thái Bình	TTYT Đống Đa	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1033	43	Nguyễn Thị	Nhung	28/11/1993	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1034	44	Bùi Phương	Thảo	03/04/1995	Nữ	Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1035	45	Phạm Quang	Trung	04/08/1989	Nam	Trương Định, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1036	46	Nguyễn Thị	Linh	24/10/1994	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1037	47	Trần Nguyệt	Quỳnh	10/08/1990	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1038	48	Đỗ Mạnh	Hùng	19/10/1994	Nam	Khoái Châu, Khoái Châu, Hưng Yên	TTYT Long Biên	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1039	49	Nguyễn Hữu	Hiệp	07/06/1995	Nam	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1040	50	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18/02/1990	Nữ	Mỹ Đình I, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1041	51	Bùi Văn	Quân	10/01/1995	Nam	Đồng Minh, Vĩnh Bảo, Hải Phòng	TTYT Long Biên	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1042	52	Lê Thị	Dung	21/03/1990	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1043	53	Trịnh Thị	Kiện	15/03/1983	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1044	54	Triệu Thị	Hồng	26/08/1995	Nữ	Mỹ Phương, Ba Bể, Bắc Kạn	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	
1045	55	Nguyễn Thị Lệ	Thu	18/08/1995	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1046	56	Lê Đàm Hải	Yến	04/03/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1047	57	Lê Thị Hoàng	Anh	13/11/1995	Nữ	Trường Thịnh, Phú Thọ, Phú Thọ	TTYT Nam Từ Liêm	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1048	58	Vũ Thị	Hoài	13/06/1995	Nữ	Kim Thái, Vụ Bản, Nam Định	TTYT Thanh Trì	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1049	59	Trần Thu	Phương	10/07/1992	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1050	60	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/09/1993	Nữ	Bắc Sơn, Bắc Sơn, Lạng Sơn	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	IC 3	B		
1051	61	Dương Thị Thanh	Hải	24/11/1995	Nữ	Vũ Xá, Lục Nam, Bắc Giang	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
1052	62	Nguyễn Thị	Hiền	03/10/1991	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1053	63	Hoàng Hà	My	17/06/1995	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1054	64	Lường Thành	Nhơn	13/12/1994	Nam	Điền Mặc, Định Hóa, Thái Nguyên	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**DTTS**	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1055	65	Nguyễn Thái	Sơn	24/01/1995	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1056	66	Hoàng Thị	Toản	20/02/1992	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1057	67	Nguyễn Đức	Tuấn	24/01/1991	Nam	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	B	A2		
1058	68	Phạm Thị	Hiếu	23/05/1990	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	B	A2		
1059	69	Ngô Thị Thùy	Dung	10/10/1993	Nữ	Diễn Tháp, Diễn Châu, Nghệ An	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1060	70	Nguyễn Trung	Dũng	10/09/1993	Nam	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1061	71	Nguyễn Thị	Liên	31/05/1995	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1062	72	Nguyễn Thị	Nhàn	10/11/1995	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	**CTB**	
1063	73	Trần Thị Thanh	Tâm	20/04/1995	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1064	74	Vương Công	Thắng	10/09/1994	Nam	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1065	75	Đỗ Hồng	Ngọc	17/05/1991	Nữ	Đông Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1066	76	Bùi Phương	Nhung	04/04/1995	Nữ	Bình Sơn, Kim Bôi, Hòa Bình	TTYT Chương Mỹ	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	**DTTS**	
1067	77	Phạm Thùy	Liên	29/03/1995	Nữ	Đống Đa, Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc	TTYT Mê Linh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1068	78	Nguyễn Thị	Mai	28/10/1994	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
		3. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP Y SỸ (HẠNG IV) - V.08.03.07													
1069	1	Nguyễn Văn	Cầu	28/06/1993	Nam	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1070	2	Nguyễn Quốc	Đại	15/05/1990	Nam	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1071	3	Nguyễn Hoàng	Hải	17/11/1992	Nam	Đồng Tiến, Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1072	4	Nguyễn Văn	Giảng	01/06/1994	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1073	5	Nguyễn Văn	Lâm	19/10/1991	Nam	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1074	6	Lưu Đình	Sơn	10/08/1989	Nam	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1075	7	Ngô Văn	Toản	03/09/1977	Nam	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1076	8	Trần Năng	Mai	20/09/1992	Nam	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1077	9	Hoàng Văn	Sơn	17/03/1991	Nam	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1078	10	Trịnh Việt	Đức	26/06/1989	Nam	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1079	11	Nguyễn Văn	Khải	10/10/1987	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1080	12	Nguyễn Thị Khánh	Linh	08/08/1995	Nữ	Đông Ninh, Khoái Châu, Hưng Yên	TT Pháp y Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1081	13	Phạm Đăng	Quảng	10/02/1987	Nam	Thống Nhất, Gia Lộc, Hải Dương	TT Pháp y Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1082	14	Đào Đức	Anh	09/02/1993	Nam	Yên phụ, Tây Hồ , Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1083	15	Nguyễn Xuân	Bách	18/08/1996	Nam	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1084	16	Nguyễn Tiến	Lực	28/01/1986	Nam	Trương Định, Hai Bà trưng, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
1085	17	Phạm Văn	Nhân	21/07/1990	Nam	Khánh Dương, Yên Mô, Ninh Bình	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1086	18	Phạm Thi	Nhung	24/08/1996	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1087	19	Nguyễn Minh	Thùy	31/01/1994	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1088	20	Trần Minh	Toàn	19/04/1993	Nam	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1089	21	Dương Thị Thu	Phương	16/02/1989	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1090	22	Nguyễn Minh	Đức	01/06/1996	Nam	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1091	23	Lê Đức	Hoàng	16/11/1994	Nam	Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1092	24	Phạm Ánh	Ngọc	15/11/1992	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1093	25	Lê Thị Ngọc	Dung	26/10/1972	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ Sản nhi	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1094	26	Kiều Hải	Hồ	21/04/1994	Nam	Đội Bình, Ứng Hoà, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1095	27	Nguyễn Thị	Huyền	09/12/1986	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1096	28	Hoàng Đức	Anh	26/11/1995	Nam	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1097	29	Nguyễn Thị	Dung	01/11/1992	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1098	30	Đặng Thị Minh	Giang	15/08/1992	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1099	31	Nguyễn Hải	Hưng	25/07/1998	Nam	Hải Minh, Hải Hậu, Nam Định	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1100	32	Ngô Hùng	Sơn	25/06/1983	Nam	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B	HTNV	
1101	33	Nguyễn Vũ Thanh	Thảo	22/07/1978	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1102	34	Hoàng Thị Lệ	Thu	10/02/1992	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1103	35	Nguyễn Thúy	Phương	10/08/1991	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1104	36	Phạm Thị	Lan	10/11/1996	Nữ	Tây Tựu, Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1105	37	Nguyễn Thị	Nụ	12/10/1993	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1106	38	Dương Minh	Việt	12/07/1992	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1107	39	Trần Thị Thanh	Bình	02/10/1994	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1108	40	Phạm Sơn	Hải	18/11/1994	Nam	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1109	41	Nguyễn Thị	Huyền	17/08/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1110	42	Nguyễn Mai	Linh	14/07/1992	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1111	43	Cung Thanh	Tân	15/11/1988	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1112	44	Phạm Phương	Thảo	02/08/1999	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1113	45	Nguyễn Thị	Hòa	18/03/1997	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1114	46	Nguyễn Thị	Hoan	24/11/1980	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1115	47	Nguyễn Văn	Mạnh	18/09/1991	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1116	48	Phạm Hồng	Trang	26/09/1986	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1117	49	Nguyễn Thành	Đạt	30/10/1992	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1118	50	Đinh Thị Hương	Giang	27/08/1993	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1119	51	Ngô Ngọc	Hà	18/10/1997	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1120	52	Vũ Xuân	Hải	07/11/1986	Nam	Thị trấn Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1121	53	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12/07/1993	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1122	54	Nguyễn Văn	Hùng	05/07/1991	Nam	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1123	55	Hà Thị Thanh	Hương	19/06/1991	Nữ	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1124	56	Nguyễn Thị	Hương	27/06/1996	Nữ	Long Hưng, Văn Giang, Hưng Yên	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1125	57	Nguyễn Minh	Phương	30/10/1993	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1126	58	Nguyễn Phương	Thúy	29/12/1988	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1127	59	Dương Thị Thu	Trang	11/09/1989	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1128	60	Trần Đức	Anh	22/09/1997	Nam	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1129	61	Tài Phương	Hòa	22/11/1997	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1130	62	Nguyễn Văn	Minh	03/01/1990	Nam	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1131	63	Phạm Thị Anh	Đào	25/09/1994	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1132	64	Nguyễn Đình	Dũng	16/02/1995	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1133	65	Trần Thu	Hương	16/11/1993	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1134	66	Đinh Ngọc	Lan	20/11/1993	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1135	67	Nguyễn Đức	Phong	07/10/1993	Nam	Cổ Nhuế, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	HTNV	
1136	68	Trần	Phương	20/10/1994	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1137	69	Trần Thị Thanh	Tâm	10/03/1995	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1138	70	Lê Thị	Tình	13/03/1985	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Trung cấp Tin học	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
1139	71	Trần Thị Hồng	Xiêm	19/11/1989	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1140	72	Trần Thị	Yến	26/06/1987	Nữ	Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1141	73	Phạm Thúy	Quỳnh	20/09/1993	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1142	74	Nguyễn Đình	Thành	04/01/1991	Nam	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1143	75	Trần Thị	Ánh	25/06/1996	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1144	76	Đỗ Thị	Dung	01/11/1993	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1145	77	Đinh Thành	Hiển	28/02/1991	Nam	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1146	78	Nguyễn Mạnh	Hùng	06/11/1992	Nam	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1147	79	Phí Thị Thu	Huyền	26/03/1999	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1148	80	Nguyễn Khắc	Lợi	08/01/1991	Nam	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1149	81	Nguyễn Thành	Nam	22/10/1981	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1150	82	Nguyễn Kiều Tố	Nga	31/05/1990	Nữ	Võng Xuyên, Phúc thọ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1151	83	Vũ An	Ninh	16/08/1988	Nam	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1152	84	Bùi Thị	Oanh	18/05/1990	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	A		
1153	85	Hoàng Việt	Thắng	17/08/1994	Nam	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1154	86	Nguyễn Thị	Xuân	27/07/1994	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
1155	87	Nguyễn Thị Hải	Yến	13/10/1991	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1156	88	Nguyễn Trung	Hiếu	16/11/1984	Nam	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1157	89	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	20/11/1995	Nữ	Vân Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1158	90	Nguyễn Kim	Anh	14/06/1995	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1159	91	Vũ Tuấn	Anh	21/11/1987	Nam	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1160	92	Nguyễn Thị Kim	Ánh	06/12/1979	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1161	93	Ninh Thị	Châm	03/08/1991	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	C		
1162	94	Đào Linh	Chi	09/11/1996	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1163	95	Lưu Viết	Chính	16/10/1990	Nam	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1164	96	Nguyễn Quang	Huy	08/10/1993	Nam	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1165	97	Nguyễn Minh	Hưng	23/10/1993	Nam	Đại Áng, Thanh Trì , Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1166	98	Đoàn Trọng Lan	Hương	30/07/1995	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1167	99	Lê Mạnh	Khỏe	08/08/1988	Nam	Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1168	100	Nguyễn Anh	Vũ	16/10/1994	Nam	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1169	101	Nguyễn Phương	Anh	14/11/1993	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1170	102	Lê Thị Phương	Anh	30/03/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1171	103	Nguyễn Đức	Doanh	15/08/1979	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1172	104	Nguyễn Văn	Đốc	15/08/1991	Nam	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1173	105	Nguyễn Trọng	Đức	22/07/1993	Nam	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	A2		
1174	106	Nguyễn Văn	Giang	13/01/1989	Nam	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1175	107	La Thị Thu	Hằng	29/09/1994	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1176	108	Nguyễn Văn	Hảo	05/09/1989	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A		
1177	109	Lê Xuân	Hùng	09/08/1995	Nam	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1178	110	Nguyễn Thị Bích	Hường	22/05/1992	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1179	111	Nguyễn Thị	Lai	02/09/1991	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1180	112	Nguyễn Tùng	Lâm	07/05/1994	Nam	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1181	113	Nguyễn Ánh	Phượng	27/07/1995	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1182	114	Ngô Minh	Quân	07/10/1988	Nam	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1183	115	Đào Xuân	Quyền	22/02/1982	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1184	116	Đỗ Văn	Quyết	08/08/1990	Nam	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1185	117	Lê Văn	Thanh	05/09/1989	Nam	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1186	118	Nguyễn Viết	Tiến	19/10/1995	Nam	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1187	119	Bùi Thị	Tính	10/03/1988	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
1188	120	Hà Thị	Tình	09/01/1993	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1189	121	Nguyễn Quang	Tuyền	02/02/1974	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1190	122	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	28/11/1993	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1191	123	Nguyễn Văn	Trọng	27/11/1990	Nam	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1192	124	Nguyễn Anh	Tuấn	30/01/1993	Nam	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1193	125	Nguyễn Tu	Tuyến	05/09/1979	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1194	126	Hoàng Thị	Liên	23/01/1972	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ sản nhi**	TC	Y sỹ định hướng sản nhi	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1195	127	Phùng Văn	Công	04/10/1993	Nam	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1196	128	Phùng Thị	Đào	28/11/1990	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1197	129	Phùng Anh	Đức	12/11/1994	Nam	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1198	130	Nguyễn Thị	Dung	12/09/1995	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1199	131	Phùng Anh	Dũng	12/03/1988	Nam	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	A2	**HTNV**	
1200	132	Trần Thị	Dưỡng	02/07/1980	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CBB**	
1201	133	Phùng Đình	Giáp	03/04/1994	Nam	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1202	134	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	19/05/1998	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1203	135	Chu Thị	Hương	12/09/1988	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1204	136	Nguyễn Thị	Hương	22/08/1994	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1205	137	Nguyễn Viết	Huy	25/08/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1206	138	Phùng Bá	Khanh	11/08/1984	Nam	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1207	139	Nguyễn Thị Thúy	Linh	06/07/1994	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1208	140	Phùng Thị	Loan	14/11/1991	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1209	141	Phùng Phương	Ly	12/05/1998	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1210	142	Nguyễn Thị	Nương	17/04/1994	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1211	143	Nguyễn Duy	Phong	28/03/1986	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1212	144	Nguyễn Thùy	Phương	16/09/1994	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1213	145	Nguyễn Thị	Phượng	15/10/1993	Nữ	Thuần Mỹ, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1214	146	Đỗ Thị	Thu	06/08/1989	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1215	147	Nguyễn Thị Hà	Thu	13/05/1994	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1216	148	Vương Thị	Thủy	27/07/1988	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1217	149	Phùng Thị Ngọc	Trâm	30/09/1995	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1218	150	Phương Văn	Tuyên	29/12/1995	Nam	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1219	151	Lê Thị	Yến	02/06/1993	Nữ	Khánh Thượng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1220	152	Lê Văn	Đức	03/06/1998	Nam	Võng xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1221	153	Phan Thị Thúy	Hảo	12/07/1996	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1222	154	Lê Đức	Hòa	03/10/1995	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1223	155	Nguyễn Thị	Hồng	22/10/1990	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1224	156	Nguyễn Thị	Hồng	22/12/1995	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
1225	157	Đinh Thị	Lan	12/01/1995	Nữ	Thị Trấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1226	158	Hoàng Diệu	Linh	23/12/1995	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Giao tiếp B		
1227	159	Tô Thị	Linh	06/10/1995	Nữ	Thị Trấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	**CBB**	
1228	160	Quách Mạnh	Long	20/12/1994	Nam	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CBB**	
1229	161	Vương Thị	Lương	13/11/1980	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1230	162	Nguyễn Thành	Nam	25/04/1995	Nam	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1231	163	Phạm Thị Kim	Ngân	07/06/1998	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1232	164	Trần Thị	Ngọc	11/04/1989	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1233	165	Nguyễn Thị	Phượng	06/10/1993	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1234	166	Lê Thị	Thái	07/05/1990	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	C	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1235	167	Đinh Thị Huyền	Thanh	09/06/1998	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1236	168	Nguyễn Văn	Thanh	08/09/1988	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B	HTNV	
1237	169	Nguyễn Thị	Thắm	25/12/1986	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1238	170	Nguyễn Thị	Thảo	15/11/1997	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1239	171	Hà Thị Thu	Trang	09/10/1993	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1240	172	Lê Thị	Trang	11/12/1995	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1241	173	Hoàng Thị Kim	Yến	10/02/1994	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1242	174	Nguyễn Ngọc	Anh	13/09/1995	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1243	175	Nguyễn Duy	Gia	03/06/1990	Nam	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1244	176	Lê Thị Thu	Hằng	08/08/1994	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1245	177	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	23/07/1976	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1246	178	Quách Thị Mỹ	Hạnh	16/04/1995	Nữ	Phú Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	DTTS	
1247	179	Bùi Thị	Hồng	17/02/1994	Nữ	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1248	180	Nguyễn Thị Ba	Huế	30/05/1996	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1249	181	Nguyễn Thị Việt	Hương	10/11/1991	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	**DTTS**	
1250	182	Trịnh Duy	Khánh	11/06/1997	Nam	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1251	183	Trịnh Duy	Linh	21/01/1993	Nam	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1252	184	Khuất Hoàng	Nam	25/08/1998	Nam	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1253	185	Đỗ Thị	Phương	03/02/1991	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1254	186	Công Thị	Quyên	15/11/1991	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1255	187	Vương Thị	Quyên	06/02/1994	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1256	188	Nguyễn Thị	Thanh	21/10/1991	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1257	189	Vinh Thị	Thúy	02/04/1991	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1258	190	Kiều Doãn	Trọng	22/10/1992	Nam	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1259	191	Đinh Duy	Tùng	22/09/1994	Nam	Yên Trung, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	**CBB**	
1260	192	Nguyễn Thanh	Tùng	18/03/1995	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
1261	193	Nghiêm Thị	Vân	06/08/1992	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1262	194	Đinh Tuấn	Anh	07/01/1992	Nam	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1263	195	Nguyễn Văn	Đoàn	07/07/1995	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	A	A		
1264	196	Hoàng Khánh	Linh	13/05/1991	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1265	197	Đỗ Thị	Lương	31/03/1995	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1266	198	Nguyễn Thị	Thơ	14/07/1994	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1267	199	Hoàng Trung	Tín	13/12/1996	Nam	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1268	200	Nguyễn Khánh Đức	Anh	16/09/1994	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1269	201	Kiều Thị	Dư	27/03/1991	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1270	202	Nguyễn Thế	Duy	11/08/1994	Nam	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1271	203	Đặng Thị	Hòa	15/07/1991	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1272	204	Nguyễn Trung	Huy	23/06/1994	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1273	205	Đinh Thế	Luân	23/08/1983	Nam	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1274	206	Nguyễn Mậu	Mạnh	01/08/1997	Nam	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1275	207	Nguyễn Thị	Phượng	06/11/1991	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1276	208	Đặng Đình	Quyền	05/03/1993	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1277	209	Đinh Hữu	Sang	02/03/1993	Nam	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1278	210	Nguyễn Văn	Toàn	31/01/1993	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1279	211	Nguyễn Chí	Trung	27/09/1996	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
1280	212	Nguyễn Thị	Tuyết	06/05/1991	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1281	213	Nguyễn Thị	Vi	19/12/1991	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1282	214	Phi Thị	Vinh	03/04/1986	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1283	215	Đỗ Thị Kim	Xuyến	01/09/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
1284	216	Khuất Thị Hải	Yến	19/02/1995	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
1285	217	Dương Thanh	An	12/05/1993	Nữ	Nam Phương Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1286	218	Lê Thị	Chuyên	24/12/1996	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1287	219	Lê Thanh	Dung	30/09/1990	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1288	220	Đoàn Thái	Hà	08/10/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B	CTB	
1289	221	Nguyễn Thị	Hoàn	05/09/1990	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1290	222	Nguyễn Thị	Huế	13/04/1992	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1291	223	Lê Đức	Hùng	17/08/1996	Nam	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1292	224	Nguyễn Văn	Hùng	09/07/1994	Nam	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1293	225	Nguyễn Minh	Huyền	09/08/1995	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1294	226	Nguyễn Quốc	Khánh	22/09/1991	Nam	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1295	227	Nguyễn Văn	Khoa	10/10/1976	Nam	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	**CTB**	
1296	228	Bùi Thị Phương	Linh	20/10/1992	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1297	229	Trần Nguyệt	Linh	16/05/1995	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1298	230	Nguyễn Thị	Lừng	02/02/1980	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1299	231	Nguyễn Thị	Lương	05/11/1991	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1300	232	Trần Bá	Lý	28/01/1989	Nam	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1301	233	Đỗ Thị	Ngọc	05/05/1993	Nữ	Tân Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1302	234	Trần Văn	Thịnh	04/11/1997	Nam	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1303	235	Vũ Thị Thanh	Trà	15/04/1991	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1304	236	Nguyễn Đình Minh	Trung	14/07/1999	Nam	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1305	237	Đỗ Thị	Vân	04/12/1989	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1306	238	Lê Đức	Việt	06/01/1995	Nam	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
1307	239	Trần Thị Hoàng	Anh	25/12/1995	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1308	240	Lâm Tăng	Bình	04/09/1981	Nam	Kim Thư, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1309	241	Phạm Thế	Giáng	19/05/1994	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1310	242	Lê Thị	Hằng	28/02/1985	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1311	243	Đỗ Thị Phương	Hậu	02/05/1980	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1312	244	Hoàng Thị Thu	Hiền	27/07/1992	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1313	245	Phạm Thị Trà	My	02/07/1998	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
1314	246	Âu Thành	Nho	04/07/1993	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1315	247	Trương Duy	Tiến	25/10/1979	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1316	248	Nguyễn Thị	Trang	30/11/1992	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1317	249	Tô Đình	Tuân	02/02/1984	Nam	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B	HTNV	
1318	250	Phạm Thị	Riệu	24/01/1992	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	B	C		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1319	251	Nguyễn Tuấn	Anh	21/01/1994	Nam	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1320	252	Nguyễn Thu	Giang	09/12/1992	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1321	253	Vũ Văn	Hải	16/10/1993	Nam	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1322	254	Trần Liên	Hoa	29/08/1991	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1323	255	Nguyễn Thị	Hòa	23/04/1994	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1324	256	Trịnh Văn	Hoàn	17/10/1991	Nam	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1325	257	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	29/04/1993	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**CTB**	
1326	258	Phùng Thị Mai	Khuyên	19/09/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1327	259	Nguyễn Thanh	Lịch	30/12/1991	Nam	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1328	260	Nguyễn Thị Nhật	Linh	26/02/1994	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1329	261	Nguyễn Tiến	Long	02/06/1991	Nam	Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1330	262	Đinh Hồng	Như	07/11/1988	Nam	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1331	263	Phạm Thị Ngọc	Oanh	01/07/1997	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1332	264	Mai Thị	Phương	23/03/1993	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1333	265	Đỗ Thị Thanh	Sâm	25/05/1991	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1334	266	Nguyễn Xuân	Sinh	14/07/1990	Nam	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1335	267	Đào Quyết	Thắng	25/09/1994	Nam	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1336	268	Nguyễn Thị	Thảo	16/09/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1337	269	Lương Thị	Tình	05/09/1983	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1338	270	Trương Văn	Văn	19/12/1993	Nam	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B	HTNV	
1339	271	Trần Văn	Vũ	06/07/1994	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1340	272	Phạm Hùng	Duy	06/08/1995	Nam	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1341	273	Trần Thị Thanh	Huyền	20/10/1993	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1342	274	Nghiêm Thị Anh	Nhung	28/10/1991	Nữ	Tiền Phong, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	A2		
1343	275	Trần Ngọc	Trâm	16/06/1996	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1344	276	Tạ Xuân	Trường	06/01/1998	Nam	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1345	277	Nguyễn Hồng	Hạnh	15/04/1993	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1346	278	Lại Thị	Hạnh	01/11/1991	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1347	279	Nguyễn Thế	Anh	30/09/1997	Nam	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1348	280	Lại Vân	Anh	30/11/1995	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1349	281	Nguyễn Hùng	Anh	29/10/1990	Nam	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	A	B		
1350	282	Nguyễn Xuân	Chính	06/02/1990	Nam	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2	HTNV	
1351	283	Đỗ Mạnh	Dũng	14/07/1996	Nam	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Trung cấp Công nghệ thông tin	C		
1352	284	Trần Thu	Hà	24/10/1994	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1353	285	Phạm Danh	Hải	20/03/1997	Nam	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Trung cấp quản trị CSDL	Tương đương A2		
1354	286	Nguyễn Trung	Hiếu	26/11/1995	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1355	287	Trần Thị Thanh	Hương	14/07/1993	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1356	288	Nguyễn Thị	Mến	14/04/1991	Nữ	Tri Thủy, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	A2		
1357	289	Bạch Thị	My	03/11/1995	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1358	290	Đặng Thanh	Ngà	12/05/1995	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1359	291	Phan Thị	Ngân	05/02/1992	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1360	292	Đào Mai	Nhi	14/05/1998	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1361	293	Nghiêm Hồng	Nhung	14/07/1997	Nữ	Hoàng Long,Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1362	294	Đào Thị	Sáng	28/09/1987	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1363	295	Hoàng Văn	Tĩnh	12/10/1979	Nam	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CLS	
1364	296	Vũ Đức	Tùng	23/10/1996	Nam	Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1365	297	Nguyễn Thị Hồng	Tuyến	24/11/1992	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1366	298	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	14/04/1993	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1367	299	Dương Thị Thanh	Trang	04/10/1990	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1368	300	Đào Hoàng Thiên	Trang	22/08/1992	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1369	301	Nguyễn Thị Mộng	Vân	26/10/1993	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Giao tiếp B		
1370	302	Chu Ngọc	Anh	20/06/1995	Nam	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1371	303	Giang Công	Đảm	04/04/1995	Nam	Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	HTNV	
1372	304	Nguyễn Thị	Hằng	09/05/1994	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1373	305	Phạm Thị	Hương	13/09/1982	Nữ	Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1374	306	Vũ Văn	Thưng	05/02/1979	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1375	307	Phan Thị	Hằng	12/04/1993	Nữ	Bến Cả, Yên Lập, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1376	308	Khuất Thị Đài	Trang	19/08/1995	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1377	309	Nguyễn Thị	Thuỳ	20/07/1990	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1378	310	Nguyễn Hải	Anh	05/5/1991	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1379	311	Nguyễn Tiến	Đạo	09/05/1992	Nam	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1380	312	Nguyễn Thị	Dung	28/12/1989	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1381	313	Nguyễn Văn	Dũng	01/02/1990	Nam	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1382	314	Đặng Văn	Duy	28/02/1996	Nam	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1383	315	Nguyễn Thị	Hà	17/11/1991	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1384	316	Tạ Trọng	Hán	10/06/1997	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	HTNV	
1385	317	Vũ Thị Thu	Hiền	02/06/1994	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1386	318	Đỗ Công	Huân	26/03/1993	Nam	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1387	319	Nguyễn Thị Mai	Hương	20/07/1991	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1388	320	Nguyễn Thị	Hương	06/06/1989	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1389	321	Nguyễn Sỹ	Huy	26/10/1994	Nam	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1390	322	Nguyễn Thị	Huyền	28/03/1995	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1391	323	Nguyễn Thị Thu	Huyền	16/10/1994	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1392	324	Trần Huy	Khôi	16/08/1997	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1393	325	Lưu Thị Thùy	Linh	21/12/1991	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1394	326	Nguyễn Mỹ	Linh	01/10/1994	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1395	327	Chu Thị	Long	27/03/1988	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1396	328	Nguyễn Thị	Ly	09/11/1994	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1397	329	Phạm Thị	Lý	31/07/1993	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1398	330	Nguyễn Ngọc	Sơn	27/09/1993	Nam	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1399	331	Nguyễn Khắc	Sơn	26/05/1992	Nam	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	HTNV	
1400	332	Lê Thị Thanh	Tâm	10/02/1994	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1401	333	Đoàn Văn	Thái	23/01/1990	Nam	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1402	334	Đinh Quang	Thành	20/04/1992	Nam	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1403	335	Dương Thị Phương	Thảo	11/08/1993	Nữ	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1404	336	Nguyễn Thị	Thảo	22/11/1992	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1405	337	Tạ Đức	Thiện	27/09/1995	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1406	338	Nguyễn Văn	Thoan	24/03/1994	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1407	339	Lê Thị	Thu	02/06/1983	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1408	340	Trịnh Thị Quỳnh	Trang	03/11/1992	Nữ	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	**CTB**	
1409	341	Bùi Văn	Tùng	25/02/1994	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1410	342	Trần Trọng	Việt	25/01/1993	Nam	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1411	343	Nguyễn Bằng Lộc	Thành	13/10/1983	Nam	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1412	344	Lê Thị Thu	Thìn	27/03/1990	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	B	B	**CTB**	
1413	345	Ngô Huy	Lượng	02/02/1993	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1414	346	Đỗ Bùi Trà	My	20/12/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1415	347	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	17/07/1994	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1416	348	Nguyễn Phúc	Nguyên	09/11/1999	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1417	349	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/06/1994	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1418	350	Nguyễn Đình	Sơn	22/01/1987	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
1419	351	Nguyễn Xuân	Trọng	05/11/1990	Nam	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1420	352	Ngô Huy	Tú	01/06/1998	Nam	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	B		
1421	353	Lê Sỹ	Đức	08/05/1988	Nam	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Bậc 2		
1422	354	Bùi Đình	Hùng	15/01/1996	Nam	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1423	355	Nguyễn Thị	Hương	03/11/1995	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
1424	356	Hà Minh	Luân	15/01/1994	Nam	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1425	357	Lưu Thị	Mai	03/06/1990	Nữ	Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1426	358	Phạm Thị Thu	Trang	12/07/1993	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Bậc 2		
1427	359	Nguyễn Anh	Văn	01/11/1994	Nam	Tiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Bậc 2		
1428	360	Nguyễn Thị	Vui	01/06/1990	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Bậc 2		
1429	361	Trần Thị	Xuyến	10/10/1985	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
		4. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) - V.08.04.10													

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1430	1	Dương Thị	Nhương	22/04/1994	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1431	2	Phạm Anh	Tuấn	06/02/1993	Nam	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
1432	3	Vũ Huyền	Anh	30/09/1993	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Y tế công cộng (hạng III)	**Bác sỹ Y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ Y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở . nước ngoài		
1433	4	Nguyễn Văn	An	20/12/1991	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	**HTNV**	
1434	5	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/01/1990	Nữ	Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
1435	6	Hán Minh	Hằng	14/11/1991	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
1436	7	Ngô Thị Vân	Hằng	08/06/1990	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	B	Đào tạo thạc sỹ toàn thời gian bằng Tiếng Anh		
1437	8	Hồ Phương	Mai	28/12/1994	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	B	B		
1438	9	Đinh Thị	Minh	07/04/1994	Nữ	Thượng Hòa, Nho Quan, Ninh Bình	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	B	B		
1439	10	Nguyễn Công	Thành	17/10/1991	Nam	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1440	11	Nguyễn Huyền	Trang	26/02/1987	Nữ	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	B	B		
1441	12	Vũ Thị Lan	Anh	11/05/1991	Nữ	Khu đô thị An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1442	13	Lê Xuân	Dũng	06/11/1994	Nam	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	B	B		
1443	14	Hoàng Thu	Hà	05/12/1997	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1444	15	Nguyễn Văn	Hùng	04/08/1992	Nam	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	B	A2		
1445	16	Lê Thị Thu	Phương	16/12/1995	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1446	17	Vũ Thị	Hằng	01/06/1988	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	Ths	Xã hội học (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1447	18	Hoàng Thị	Ngân	21/11/1993	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1448	19	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	28/07/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
1449	20	Nguyễn Thị	Hiền	25/08/1992	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1450	21	Nguyễn Thu	Huyền	29/09/1986	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
1451	22	Nguyễn Thị	Lập	27/10/1990	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BV Thận HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	B	C		
1452	23	Phạm Hà	Linh	07/12/1997	Nữ	Yên Phong, Yên Mô, Ninh Bình	BV Thận HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	DH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1453	24	Đỗ Thị Thúy	Hường	25/01/1993	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1454	25	Cao Bùi Bích	Phương	23/08/1995	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1455	26	Nguyễn Thị	Hà	20/11/1995	Nữ	Thị Trấn Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1456	27	Hà Ngọc	Anh	24/11/1996	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	ĐTTS	
1457	28	Lê Thị Quỳnh	Anh	27/11/1993	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	B	B		
1458	29	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	24/11/1989	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1459	30	Đoàn Lê	Duyên	21/04/1994	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1460	31	Nguyễn Thiên	Đức	20/01/1997	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
1461	32	Phạm Thu	Hiền	09/09/1994	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1462	33	Vũ Thị Kim	Hoàn	12/04/1996	Nữ	An Lạc, Lạc Thủy, Hòa Bình	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1463	34	Phạm Thị	Hương	26/05/1996	Nữ	Khánh Lợi, Yên Khánh, Ninh Bình	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1464	35	Nguyễn Hoài	Linh	10/11/1995	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1465	36	Nguyễn Thị	Ngân	09/01/1990	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1466	37	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	19/02/1996	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1467	38	Trần Thị	Ngọc	25/05/1990	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1468	39	Đỗ Duy	Phương	24/05/1991	Nam	Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1469	40	Nguyễn Viết	Sơn	06/08/1997	Nam	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1470	41	Cao Ngọc	Tân	19/05/1991	Nam	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1471	42	Chu Anh	Tú	05/12/1991	Nam	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1472	43	Nguyễn Quang	Tuấn	19/11/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1473	44	Nguyễn Hiền	Thanh	12/06/1994	Nam	Trung Nghĩa, Yên Phong, Bắc Ninh	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
1474	45	Nguyễn Thị Diệu	Thu	13/10/1993	Nữ	Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1475	46	Nguyễn Thành	Trung	03/03/1993	Nam	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2	DTTS	
1476	47	Nguyễn Hiền	Vương	04/04/1986	Nam	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1477	48	Đỗ Thị Hà	Linh	06/10/1994	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1478	49	Phạm Thị Thái	Hà	03/09/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1479	50	Đoàn Thu	Trang	21/07/1992	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1480	51	Lê Thanh Diệu	Huyền	20/06/1995	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
1481	52	Lê Thu	Hiền	15/11/1992	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1482	53	Nguyễn Thành	Hưng	10/04/1997	Nam	Thanh Sơn, Thanh Sơn, Phú Thọ	TTYT Cầu Giấy	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1483	54	Vũ Thị Kim	Ngân	11/12/1990	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1484	55	Đỗ Thị Thùy	Chi	11/06/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1485	56	Nguyễn Mạnh	Tiến	17/02/1996	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1486	57	Phạm Yến	Linh	23/01/1994	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1487	58	Trần Quang	Vinh	08/03/1995	Nam	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	IC 3	B		
1488	59	Đỗ Thị Thu	Hà	19/09/1991	Nữ	Dịch Vọng Hậu - Cầu Giấy -Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1489	60	Ngô Thị Ngọc	Ánh	27/12/1993	Nữ	Ia Chia, Iagrai, Gia Lai	TTYT Sóc Sơn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	B	B		
1490	61	Lê Thị	Dung	05/07/1992	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1491	62	Đỗ Thị	Hà	05/06/1994	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1492	63	Đỗ Thanh	Hoài	04/08/1995	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1493	64	Đào Thị	Nhung	14/06/1993	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	DH	Y tế công cộng	B	C		
1494	65	Nguyễn Thị Thu	Thủy	08/07/1991	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1495	66	Đinh Hà	Trang	13/11/1996	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
1496	67	Nguyễn Văn	Chấn	25/01/1997	Nam	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1497	68	Bùi Thị	Hồng	16/03/1994	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
1498	69	Nguyễn Thị Thu	Hường	04/03/1997	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1499	70	Nguyễn Thu	Ngân	24/01/1992	Nữ	Vân Canh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1500	71	Nguyễn Thị	Bằng	10/04/1982	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	B	B		
1501	72	Trịnh Thị Khánh	Trà	19/09/1994	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1502	73	Nguyễn Thị	Hiên	08/02/1994	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1503	74	Đỗ Tú	Anh	18/12/1997	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1504	75	Vũ Thị	Huyền	06/12/1992	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1505	76	Nguyễn Trần Bảo	Yến	24/07/1993	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1506	77	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	30/08/1996	Nữ	Cam Thượng, Ba vì, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1507	78	Đào Thị Lan	Phương	12/12/1993	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1508	79	Lê Thị	Liên	20/05/1997	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1509	80	Nguyễn Thu	Phương	06/09/1995	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1510	81	Triệu Hương	Quỳnh	18/07/1997	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1511	82	Phùng Đình	Huấn	26/12/1994	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1512	83	Nguyễn Thị	Nhung	16/01/1995	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1513	84	Nguyễn Thị	Tâm	10/02/1993	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	B	Bậc 2		
		5. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III - V.08.05.12													
1514	1	Nguyễn Tuấn	Anh	15/02/1988	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1515	2	Nguyễn Thị Việt	Anh	22/02/1994	Nữ	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1516	3	Phi Mạnh	Công	01/03/1997	Nam	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1517	4	Nguyễn Thị	Diệu	17/06/1987	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1518	5	Phạm Thị	Duyên	20/10/1993	Nữ	Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	C		
1519	6	Lê Thị	Hằng	25/12/1985	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1520	7	Phương Thu	Hồng	20/09/1985	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1521	8	Lê Thị	Hồng	08/04/1987	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1522	9	Phạm Thị	Hương	09/11/1988	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
1523	10	Nguyễn Thị Thu	Hương	30/12/1983	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1524	11	Dương Thị	Loan	04/01/1986	Nữ	Bắc Cường, TP Lào Cai, Lào Cai	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1525	12	Trương Thị	My	20/11/1993	Nữ	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1526	13	Nguyễn Thị	Nhung	05/10/1982	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1527	14	Lương Thị	Nhung	25/11/1990	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	CBB	
1528	15	Nguyễn Thị	Tâm	18/09/1989	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1529	16	Dương Thị Vân	Anh	18/06/1988	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1530	17	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/05/1995	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1531	18	Đăng Thu	Hằng	01/11/1994	Nữ	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1532	19	Phạm Hoàng Mai	Huyền	16/11/1995	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1533	20	Phạm Tiến	Luận	16/03/1997	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1534	21	Trần Thị	Mến	10/09/1993	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	CBB	
1535	22	Đoàn Thị	Ngoan	30/04/1994	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1536	23	Nguyễn Thị	Quyên	10/05/1992	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông,Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1537	24	Nguyễn Thị	Thảo	24/06/1993	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1538	25	Tạ Thị Phương	Thảo	28/02/1995	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1539	26	Mai Thị Thanh	Thủy	10/03/1994	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1540	27	Đinh Thị Kim	Chi	24/04/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1541	28	Tạ Thị	Đức	29/07/1994	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1542	29	Nguyễn Thu	Hà	21/07/1992	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1543	30	Nguyễn Thị	Huệ	22/08/1987	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1544	31	Lưu Thị	Nhung	29/10/1993	Nữ	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1545	32	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	24/07/1993	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1546	33	Bùi Thị	Thơm	08/04/1988	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1547	34	Đỗ Thị	Lương	22/09/1993	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1548	35	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	05/11/1979	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	DII	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1549	36	Lê Thị	Hiệp	30/04/1993	Nữ	Hai Bà Trưng, Phủ Lý, Hà Nam	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Điều dưỡng gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1550	37	Hoàng Thị	Thu	06/12/1992	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Điều dưỡng gây mê hồi sức	IC 3	B1		
1551	38	Chu Thị	Thúy	19/09/1995	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Điều dưỡng gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1552	39	Đỗ Hoàng	Anh	30/11/1981	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1553	40	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/06/1993	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1554	41	Trần Thị Hải	Anh	07/10/1994	Nữ	Cổ Lễ, Trực Ninh, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1555	42	Nguyễn Thị	Cúc	17/08/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
1556	43	Phạm Thị	Dung	10/01/1995	Nữ	Hải Lộc, Hải Hậu, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1557	44	Mã Thị	Hà	25/12/1992	Nữ	Nga Tân, Nga Sơn, Thanh Hóa	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1558	45	Nguyễn Thu	Hiếu	13/07/1985	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1559	46	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	09/09/1992	Nữ	Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1560	47	Trần Thị Thúy	Hồng	18/10/1969	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1561	48	Nguyễn Thị	Huệ	03/07/1981	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1562	49	Hồ Thanh	Hương	12/07/1983	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1563	50	Dương Thị Lan	Hương	20/06/1995	Nữ	Đông Lỗ, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1564	51	Vũ Thị	Hường	14/10/1981	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1565	52	Lê Thị	Huyền	14/04/1981	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1566	53	Đoàn Thị	Linh	02/09/1994	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1567	54	Trần Thị Tuyết	Mai	29/03/1976	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1568	55	Lê Thị Ngọc	Mai	07/10/1993	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1569	56	Lã Thị Nguyệt	Minh	10/02/1994	Nữ	Thanh Miếu, Việt Trì, Phú Thọ	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1570	57	Nguyễn Thanh	Minh	13/02/1984	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1571	58	Hàn Thị	Năm	17/01/1996	Nữ	Liêm Túc, Thanh Liêm, Hà Nam	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1572	59	Vũ Thị	Nga	09/08/1993	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1573	60	Nguyễn Thị Thúy	Nga	10/04/1993	Nữ	Phạm Đình Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1574	61	Ngô Thị Kim	Ngân	25/11/1986	Nữ	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1575	62	Nguyễn Thị	Nguyệt	24/05/1985	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1576	63	Bùi Thanh	Nhàn	22/07/1981	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1577	64	Dương Thị Hồng	Nhung	15/02/1980	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1578	65	Đỗ Thị Minh	Phương	18/01/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1579	66	Nguyễn Thị Mai	Phương	17/12/1984	Nữ	Yên Ngưu, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1580	67	Trần Hà	Quang	19/10/1994	Nam	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1581	68	Ngô Thị	Tâm	26/01/1994	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1582	69	Nguyễn Thị	Thắm	25/02/1996	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1583	70	Phạm Minh	Thúy	29/08/1982	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1584	71	Phạm Thị	Thúy	25/10/1987	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1585	72	Nguyễn Thị	Toan	01/05/1977	Nữ	Mễ Trì Thượng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1586	73	Đặng Quỳnh	Trang	04/04/1997	Nữ	Quang Trung, Thành phố Nam Định, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1587	74	Hoàng Thị Huyền	Trang	23/04/1987	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1588	75	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	04/01/1996	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1589	76	Đào Thị Hồng	Vân	08/11/1990	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1590	77	Ngô Văn	Vinh	18/10/1992	Nam	Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1591	78	Trần Thị	Hải	22/06/1989	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1592	79	Đào Thị Việt	Hiền	03/03/1983	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1593	80	Nguyễn Thị Thu	Hoa	28/10/1985	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1594	81	Đinh Thị	Hồng	11/05/1995	Nữ	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1595	82	Đào Thị Thu	Hường	23/06/1982	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1596	83	Đỗ Phương	Huyền	19/04/1994	Nữ	Điền Xá, Nam Trực, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1597	84	Trần Văn	Kha	18/04/1993	Nam	Văn Tự, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1598	85	Nguyễn Thị	Liên	05/09/1988	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1599	86	Phạm Thị	Liễu	16/05/1991	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	Giao tiếp B		
1600	87	Lê Thị Thùy	Linh	23/02/1995	Nữ	Hợp Lý, Triệu Sơn, Thanh Hóa	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1601	88	Trần Thị	Mai	13/05/1989	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1602	89	Trương Thảo	My	27/11/1995	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1603	90	Nguyễn Trà	My	06/03/1983	Nữ	Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
1604	91	Nguyễn Thị	Nhung	16/02/1996	Nữ	Khuyến Nông, Triệu Sơn, Thanh Hóa	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1605	92	Đỗ Thị Kim	Oanh	16/12/1996	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1606	93	Lê Thị	Phong	30/08/1990	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1607	94	Chu Thanh	Thúy	15/01/1987	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1608	95	Phan Thị	Thúy	08/05/1997	Nữ	Xuân Phú, Xuân Trường, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1609	96	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/12/1991	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1610	97	Chu Thị	Yên	30/07/1990	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1611	98	Vũ Thị Thanh	Hiền	29/07/1993	Nữ	Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1612	99	Hoàng Thị	Hợi	13/03/1995	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1613	100	Nguyễn Thị	Huế	24/01/1990	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1614	101	Phạm Thùy	Linh	14/05/1995	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1615	102	Nguyễn Thị	Mai	11/03/1995	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
1616	103	Nguyễn Thị	Nga	07/02/1995	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1617	104	Dương Thị Hồng	Ngát	11/05/1993	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1618	105	Hoàng Thị	Trang	16/04/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1619	106	Đỗ Linh	Trang	28/12/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1620	107	Đặng Xuân	Hướng	05/07/1990	Nam	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1621	108	Nguyễn Thị	Hường	27/11/1995	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1622	109	Phạm Thị	Khanh	02/03/1992	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1623	110	Đỗ Thị Kim	Liên	27/07/1995	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1624	111	Nguyễn Thị	Lụa	28/04/1997	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1625	112	Nguyễn Thị	Miền	15/10/1991	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1626	113	Phạm Văn	Phúc	24/11/1990	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1627	114	Nguyễn Thị Bích	Thảo	05/01/1993	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1628	115	Nguyễn Thị	Thúy	24/07/1993	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1629	116	Nguyễn Quỳnh	Lan	22/07/1986	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1630	117	Nguyễn Thị	Tình	08/05/1989	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1631	118	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/10/1988	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1632	119	Nguyễn Mạnh	Cường	26/06/1984	Nam	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1633	120	Hoàng Thị Thúy	Ngần	11/02/1990	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1634	121	Hoàng Thu	Phương	15/01/1991	Nữ	Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1635	122	Nguyễn Tuấn	Thanh	13/12/1976	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1636	123	Tô Thị	Thu	25/04/1989	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1637	124	Kiều Thị	Hiền	24/02/1996	Nữ	Đông yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1638	125	Đào Ngọc	Huỳnh	16/07/1997	Nam	Nghĩa Giang, Toàn Thắng, Kim Động, Hưng Yên	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1639	126	Cấn Thị	Liên	01/10/1997	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1640	127	Đỗ Thị	Liên	28/12/1992	Nữ	Phũ Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1641	128	Đỗ Thị	Linh	10/10/1997	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1642	129	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/03/1991	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1643	130	Nguyễn Thị	Thúy	27/05/1997	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1644	131	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/07/1988	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1645	132	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/03/1995	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1646	133	Đỗ Thị	Mai	03/07/1993	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Điều dưỡng gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1647	134	Đặng Thị	Thủy	01/03/1996	Nữ	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Điều dưỡng gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1648	135	Phùng Thị	An	28/07/1995	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1649	136	Phùng Thị Thanh	Huyền	01/05/1997	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1650	137	Trần Thị Hồng	Khuyên	10/07/1997	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1651	138	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/11/1992	Nữ	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1652	139	Lã Quốc	Việt	06/06/1995	Nam	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1653	140	Đỗ Thị	Nhung	02/11/1989	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1654	141	Ngô Thị Thu	Hiền	12/11/1979	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	Tương đương A2		
1655	142	Nguyễn Thị Bích	Thu	24/06/1990	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1656	143	Trần Thị Thu	Trang	05/02/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1657	144	Trương Thị	Tuyết	17/02/1985	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1658	145	Hoàng Ngọc	Hà	02/05/1990	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1659	146	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	16/10/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1660	147	Đỗ Thị	Lý	04/10/1997	Nữ	Tiêu Động, Bình Lục, Hà Nam	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1661	148	Đỗ Thanh	Tâm	08/03/1996	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1662	149	Nguyễn Thị	Thành	09/12/1995	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1663	150	Nguyễn Ngọc	Anh	18/01/1984	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1664	151	Ngô Thị	Hoa	21/09/1995	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
1665	152	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/08/1983	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1666	153	Bùi Thị Thu	Hường	30/01/1983	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3	CTB	
1667	154	Hồ Thị	Ngân	10/08/1991	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1668	155	Nguyễn Xuân	Ngũ	19/05/1966	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1669	156	Phạm Phương	Nhung	12/10/1997	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1670	157	Hoàng Thị Lệ	Mỹ	01/11/1991	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1671	158	Đào Thị	Thu	10/02/1989	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1672	159	Đặng Thị	Luyến	11/05/1996	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	IC 3	A2		
1673	160	Nguyễn Thị	Yến	04/05/1994	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1674	161	Nguyễn Thị	Duyên	16/12/1996	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1675	162	Đào Thị Hồng	Hạnh	17/10/1992	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1676	163	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	19/07/1995	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1677	164	Lê Thị	Huyên	19/04/1990	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1678	165	Nguyễn Thanh	Mai	29/12/1997	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1679	166	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	02/05/1993	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1680	167	Nguyễn Hương	Giang	23/09/1993	Nữ	Xã Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1681	168	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/05/1988	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1682	169	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	16/11/1997	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1683	170	Phí Thị	Lành	12/10/1997	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1684	171	Phạm Thị	Liễu	04/06/1996	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1685	172	Nguyễn Thị	Phúc	19/04/1989	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1686	173	Nguyễn Thị	Tâm	27/08/1994	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1687	174	Nguyễn Thị	Thảo	11/05/1997	Nữ	Thị trấn Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	A2		
1688	175	Tạ Minh	Thơm	30/10/1996	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1689	176	Phan Thị	Thơm	11/12/1996	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1690	177	Đỗ Thị	Trang	12/10/1990	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1691	178	Trần Quỳnh	Anh	27/10/1995	Nữ	Hữu Văn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1692	179	Nguyễn Thị Vân	Anh	05/01/1995	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
1693	180	Nguyễn Thị	Hà	14/12/1990	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1694	181	Đỗ Thị	Hiền	12/02/1978	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1695	182	Nguyễn Thị	Hường	18/08/1990	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1696	183	Nguyễn Thị	Hường	17/01/1993	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1697	184	Tống Thị	Kiên	25/05/1983	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1698	185	Nguyễn Thị Thùy	Nhung	05/06/1992	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1699	186	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	17/12/1994	Nữ	Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1700	187	Đào Thị	Phương	15/07/1988	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
1701	188	Vũ Thị Băng	Thanh	05/03/1991	Nữ	Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1702	189	Đỗ Duy	Thông	07/02/1987	Nam	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1703	190	Phạm Thị Kiều	Trinh	15/03/1994	Nữ	Ân Hòa, Kim Sơn, Ninh Bình	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	B1		
1704	191	Phạm Thị	Hoa	30/01/1991	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1705	192	Nguyễn Diệu	Linh	27/06/1994	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1706	193	Phạm Thị Thanh	Vân	23/04/1996	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1707	194	Tạ Lan	Phương	28/10/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1708	195	Phạm Thị	Thơm	10/08/1992	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1709	196	Lê Thúy	Quỳnh	19/11/1992	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1710	197	Vũ Thị	Ngọc	24/03/1994	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1711	198	Lê Thị	Hường	11/02/1989	Nữ	Lê Hồng Phong, Phủ Lý, Hà Nam	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1712	199	Phạm Thị	Huyền	18/08/1996	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1713	200	Tô Thị	La	14/03/1995	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
1714	201	Phạm Thị	Nguyên	03/09/1993	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1715	202	Vũ Thị Hồng	Nhung	09/09/1993	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1716	203	Nguyễn Ngọc	Bích	22/09/1993	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	IC 3	A2		
1717	204	Nguyễn Thị	Châm	17/04/1993	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1718	205	Nguyễn Thị	Chinh	04/01/1990	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1719	206	Nguyễn Thị	Cúc	18/11/1991	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1720	207	Nguyễn Thị	Hằng	27/12/1992	Nữ	Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
1721	208	Nguyễn Thị	Thu	05/10/1996	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1722	209	Hán Thị	Việt	24/06/1993	Nữ	Đạo Đức, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1723	210	Nguyễn Thị Hồng	Huyên	11/07/1982	Nữ	Nghĩa Trụ, Văn Giang, Hưng Yên	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	CĐCĐ	
1724	211	Trịnh Thị	Oanh	26/04/1993	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1725	212	Nguyễn Thị	Thúy	16/01/1989	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1726	213	Lê Thị Kim	Hoa	29/05/1980	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1727	214	Lý Thị	Chinh	12/02/1993	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1728	215	Mai Lý Hoài	Linh	29/06/1996	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C	CĐCĐ	
1729	216	Tạ Thị Kim	Huệ	18/12/1992	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1730	217	Nguyễn Thị Hà	Anh	08/10/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1731	218	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26/10/1989	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1732	219	Trần Thị	Hiền	23/08/1987	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1733	220	Lê Ngọc	Anh	12/04/1990	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1734	221	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	14/11/1993	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1735	222	Kim Anh	Tuấn	24/09/1992	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	IC 3	B1		
1736	223	Nguyễn Thị	Hường	27/08/1992	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1737	224	Vũ Phương	Thảo	14/04/1994	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
1738	225	Nguyễn Thu	Hậu	18/11/1993	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1739	226	Đinh Thị	Duyên	20/06/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1740	227	Nguyễn Thị	Thúy	22/06/1983	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1741	228	Nguyễn Thị Thu	Thủy	10/09/1989	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1742	229	Tô Thị	Hồng	18/01/1994	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1743	230	Nguyễn Thị	Phượng	04/02/1993	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
		6. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV - V.08.05.13													
1744	1	Nguyễn Vân	Anh	17/04/1984	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
1745	2	Trương Thị	Anh	22/01/1982	Nữ	Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1746	3	Lê Thị Phương	Anh	05/09/1994	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1747	4	Nguyễn Thị	Ánh	27/08/1991	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
1748	5	Nguyễn Kim	Chung	13/06/1989	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1749	6	Nguyễn Phương	Dung	01/05/1986	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1750	7	Nhân Thị Thùy	Dung	03/03/1992	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1751	8	Nguyễn Thị Khánh	Hà	04/09/1988	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1752	9	Nguyễn Thị	Hân	27/10/1980	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2	CLS	
1753	10	Chu Thị Bích	Hằng	08/01/1992	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1754	11	Lê Thị	Hằng	28/02/1993	Nữ	Tân Châu, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1755	12	Nguyễn Thị	Hiền	15/11/1991	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
1756	13	Lê Thị Thu	Hiền	25/11/1986	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1757	14	Chu Thị	Hoa	30/05/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1758	15	Nguyễn Thị	Huyền	04/03/1997	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1759	16	Phạm Thanh	Huyền	09/12/1985	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1760	17	Triệu Ngọc	Huyền	02/06/1996	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1761	18	Vương Hoàng	Lan	01/04/1998	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1762	19	Nguyễn Hiền	Lương	13/04/1992	Nữ	Mễ Trì Thượng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1763	20	Nguyễn Thị	Mơ	18/02/1980	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1764	21	Nguyễn Thị	Nga	14/10/1985	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1765	22	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	04/12/1980	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1766	23	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/05/1989	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1767	24	Lê Thị Hồng	Ngọc	22/02/1990	Nữ	Tĩnh Hải, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CTB	
1768	25	Đỗ Thị	Nhật	08/10/1992	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1769	26	Hoàng Thị Trang	Nhung	21/05/1989	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1770	27	Nguyễn Bích	Phương	20/03/1989	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	DTTS	
1771	28	Hoàng Thu	Thảo	11/05/1997	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1772	29	Phùng Thị	Thơ	03/09/1993	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1773	30	Bùi Thị	Thúy	25/07/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1774	31	Nguyễn Thu	Trang	24/10/1990	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1775	32	Hoàng Thu	Trang	08/03/1984	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A		
1776	33	Mai Thị Quỳnh	Trang	02/09/1997	Nữ	Nga Bạch, Nga Sơn, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
1777	34	Trần Thị Đài	Trang	22/12/1992	Nữ	Đông Kết, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1778	35	Nguyễn Thị Thúy	Trang	29/07/1990	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1779	36	Nguyễn Mạnh	Tuấn	20/02/1994	Nam	Thống Nhất, Thành phố Nam Định, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1780	37	Nguyễn Hồng	Vân	08/03/1977	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	C		
1781	38	Phạm Hải	Yến	23/11/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1782	39	Phan Khánh	Duy	19/08/1993	Nam	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng Gây mê hồi sức**	CĐ	Điều dưỡng Gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1783	40	Nguyễn Hà	My	01/10/1994	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng Gây mê hồi sức**	CĐ	Điều dưỡng Gây mê hồi sức	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1784	41	Nguyễn Hải	Bình	27/11/1995	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1785	42	Bùi Phương	Châm	31/01/1991	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1786	43	Lê Minh	Châu	25/08/1994	Nữ	Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	**CTB**	
1787	44	Lê Thị	Chúc	05/08/1991	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1788	45	Cảnh Thị	Hà	23/09/1992	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1789	46	Nguyễn Thị	Hiên	18/07/1996	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1790	47	Phạm Thị	Hòa	13/08/1997	Nữ	Hóa Thượng, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1791	48	Bùi Thị Diệu	Linh	15/01/1996	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1792	49	Phùng Thị Minh	Lý	24/02/1992	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1793	50	Phạm Thị Bích	Ngọc	24/04/1995	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1794	51	Lê Hoa	Phương	05/05/1993	Nữ	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1795	52	Trần Hồng	Thanh	11/03/1993	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1796	53	Đinh Thị	Thắm	30/07/1994	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1797	54	Nguyễn Mạnh	Thắng	27/08/1997	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1798	55	Nguyễn Thu	Trang	19/04/1995	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1799	56	Nguyễn Văn	Trọng	15/09/1988	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1800	57	Phạm Thị	Xuân	23/07/1992	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1801	58	Nguyễn Thị Hải	Yến	18/06/1995	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1802	59	Đỗ Thị Mai	Anh	16/08/1995	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1803	60	Vũ Thị Ngọc	Ánh	13/10/1996	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1804	61	Phan Nữ Quý	Diệp	05/04/1993	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1805	62	Nguyễn Thị	Dịu	12/12/1994	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1806	63	Bùi Thị	Hằng	16/09/1987	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1807	64	Nguyễn Thị	Hiền	21/03/1995	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1808	65	Nguyễn Thị	Hương	21/01/1997	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1809	66	Trương Thu	Hương	06/04/1985	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1810	67	Nguyễn Trọng	Long	18/12/1992	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1811	68	Nguyễn Quang	Minh	15/01/1989	Nam	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1812	69	Nguyễn Thị	Quyên	04/09/1990	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1813	70	Ngô Tiến	Quyết	09/08/1991	Nam	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
1814	71	Nguyễn Phương	Thảo	22/06/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1815	72	Hoàng Thị	Thủy	14/12/1995	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1816	73	Bùi Đăng	Toàn	28/03/1991	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1817	74	Nguyễn Chu	Toàn	17/06/1986	Nam	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1818	75	Phạm Thị Thu	Trang	20/03/1996	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1819	76	Đỗ Thị	Tú	04/03/1995	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1820	77	Đỗ Đắc	Tuyển	16/08/1994	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1821	78	Đỗ Thị Thảo	Vân	12/03/1995	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1822	79	Nguyễn Thị	Châm	27/07/1990	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
1823	80	Đoàn Thị Kim	Chi	01/09/1994	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
1824	81	Phan Danh	Đạt	18/03/1994	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1825	82	Đặng Văn	Đức	24/12/1991	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1826	83	Lê Thị	Giang	23/09/1993	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1827	84	Tạ Thu	Hiền	12/05/1994	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1828	85	Nguyễn Thị	Linh	08/06/1994	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1829	86	Hoàng Xuân	Mai	28/08/1996	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1830	87	Nguyễn Thị Hương	Mơ	27/10/1995	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1831	88	Nguyễn Thị Trà	My	14/04/1997	Nữ	Phú Long, Nho Quan, Ninh Bình	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1	DTTS	
1832	89	Nguyễn Như	Ngọc	10/09/1998	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
1833	90	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt	04/02/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1834	91	Đoàn Tuyết	Nhung	30/04/1984	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1835	92	Đinh Nữ Thủy	Tiên	17/05/1989	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1836	93	Đặng Đình	Tuấn	17/02/1995	Nam	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1837	94	Trần Thị	Tuyết	10/06/1986	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1838	95	Nguyễn Thị	Tuyết	13/08/1992	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1839	96	Bùi Thị Thanh	Thanh	26/04/1993	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1840	97	Lưu Thị Phương	Thảo	30/12/1996	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1841	98	Cấn Thị	Thắng	12/03/1983	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1842	99	Phùng Thị	Thêu	26/10/1996	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1843	100	Vũ Ngọc	Thủy	16/04/1994	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1844	101	Lê Thị	Thư	17/11/1993	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1845	102	Nguyễn Thị Diệu	Thương	06/11/1994	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1846	103	Vương Huy	Thưởng	15/10/1991	Nam	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1847	104	Đặng Thị Tuyết	Trinh	06/09/1987	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1848	105	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	09/09/1993	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1849	106	Trần Thanh	Vân	24/05/1993	Nữ	Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1850	107	Vũ Thị	Vân	28/09/1990	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	C	B		
1851	108	Nguyễn Thị Thanh Thủ	Yến	05/12/1997	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1852	109	Nguyễn Văn	Yêu	01/12/1998	Nam	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
1853	110	Thái Thu	Hương	11/12/1995	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1854	111	Trần Kim	Oanh	02/10/1995	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1855	112	Hoàng Hà	Phương	30/05/1994	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1856	113	Phùng Nhã	Phương	09/12/1984	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1857	114	Nguyễn Thị Phương	Thúy	21/12/1994	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1858	115	Đỗ Huyền	Trang	02/02/1994	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1859	116	Nguyễn Văn	Sự	13/09/1991	Nam	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1860	117	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/01/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1861	118	Chử Thị Lan	Anh	03/06/1980	Nữ	Vạn Phúc,Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1862	119	Trương Thị Ngọc	Ánh	04/08/1990	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1863	120	Trần Thị Hồng	Ánh	19/12/1990	Nữ	Nhật Tân,Tây Hồ, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1864	121	Nguyễn Thị Thúy	Dung	06/07/1984	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1865	122	Chu Thị Hương	Giang	15/10/1981	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1866	123	Nguyễn Trương Ngân	Hà	24/05/1995	Nữ	Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	IC 3	Bậc 2		
1867	124	Nguyễn Thị	Hiền	23/08/1981	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1868	125	Thế Thị	Hiền	30/03/1989	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1869	126	Nguyễn Thị	Hồng	24/02/1992	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1870	127	Phan Thị Thu	Huệ	27/06/1987	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1871	128	Lê Thị Lan	Hương	29/03/1990	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1872	129	Vũ Thị Thu	Huyền	03/06/1985	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1873	130	Trần Thị Phương	Lan	22/12/1987	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1874	131	Nguyễn Thùy	Linh	19/08/1998	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1875	132	Nguyễn Thanh	Loan	26/03/1976	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1876	133	Nguyễn Phương	Nga	05/06/1976	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
1877	134	Lê Đăng Thảo	Nguyên	10/04/1991	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
1878	135	Hoàng Thị	Nhuận	01/09/1977	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
1879	136	Đặng Thị Cẩm	Nhung	27/09/1993	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1880	137	Bùi Thị	Oanh	23/02/1984	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
1881	138	Đặng Thị	Phương	01/02/1992	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1882	139	Phạm Thị Thu	Phương	10/12/1982	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1883	140	Nguyễn Hồng	Quân	13/03/1991	Nam	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1884	141	Nguyễn Thị	Tần	04/06/1980	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1885	142	Đặng Tiến	Thịnh	06/04/1987	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1886	143	Đặng Hồng	Thu	13/09/1983	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1887	144	Nguyễn Thị	Thúy	10/01/1994	Nữ	Tứ Dân, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
1888	145	Nguyễn Thị	Toan	19/03/1974	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1889	146	Cao Thu	Trang	02/02/1991	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1890	147	Trần Thu	Trang	18/03/1995	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1891	148	Chử Thị	Trang	03/01/1993	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1892	149	Bùi Đức	Trung	30/01/1983	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	A	A2	CBB	
1893	150	Đỗ Mạnh	Tuấn	28/09/1988	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1894	151	Lê Thị	Tươi	23/05/1987	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1895	152	Ngô Thị Kim	Tuyến	11/05/1995	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
1896	153	Nghiêm Huy	Việt	09/06/1989	Nam	Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
1897	154	Nguyễn Thị Nga	Linh	18/08/1992	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1898	155	Nguyễn Thị	Yến	30/09/1988	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1899	156	Đặng Thị Lan	Anh	22/04/1979	Nữ	Hàng Đào, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1900	157	Võ Thị Lan	Anh	19/08/1979	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1901	158	Nguyễn Vân	Anh	09/07/1996	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1902	159	Phương Lai	Anh	15/07/1992	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1903	160	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	02/05/1994	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1904	161	Đặng Thị	Bích	25/09/1992	Nữ	Yên Bình, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1905	162	Lê Thị Kim	Chi	24/07/1984	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
1906	163	Phạm Thị Tuyết	Chinh	28/02/1987	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1907	164	Đỗ Phương	Đào	18/02/1996	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Cử nhân tin học	A2		
1908	165	Nguyễn Hữu	Đồng	25/11/1997	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1909	166	Trần Bá	Đức	13/11/1995	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1910	167	Nguyễn Thắm Thùy	Dương	05/03/1981	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1911	168	Nguyễn Thị Thùy	Dương	13/10/1982	Nữ	Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1912	169	Lê Hương	Giang	09/02/1992	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1913	170	Hà Văn	Hải	15/08/1979	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1914	171	Đỗ Thị Thu	Hằng	16/08/1980	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1915	172	Lê Thị	Hằng	08/07/1986	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1916	173	Trần Thị	Hạnh	24/11/1983	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1917	174	Nguyễn Thị	Hạnh	30/07/1979	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1918	175	Nguyễn Thị	Hậu	28/11/1998	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1919	176	Nguyễn Thị Thu	Hiền	26/11/1975	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1920	177	Nguyễn Văn	Hiếu	18/04/1995	Nam	Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1921	178	Phùng Thị Minh	Hiếu	25/05/1980	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1922	179	Trần Thị	Hoa	08/02/1996	Nữ	Đồng Văn, Duy Tiên, Hà Nam	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Tin học B1	A2		
1923	180	Chu Thị	Hồng	06/11/1981	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1924	181	Đỗ Thị	Hồng	16/05/1978	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1925	182	Đinh Thị	Huệ	19/10/1998	Nữ	An Đạo, Phù Ninh, Phú Thọ	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1926	183	Nguyễn Thị	Hương	05/07/1986	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1927	184	Nguyễn Thị Mai	Hương	29/12/1996	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1928	185	Nguyễn Thị Lan	Hương	13/09/1996	Nữ	Thanh Văn, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1929	186	Ngô Thị Mai	Hương	01/11/1979	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1930	187	Nguyễn Thu	Hương	22/12/1980	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1931	188	Đào Thị	Hương	05/05/1979	Nữ	Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1932	189	Nguyễn Thị Mai	Hương	12/07/1997	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1933	190	Đinh Thị Thu	Hường	29/10/1987	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1934	191	Chu Thị Thu	Huyền	05/12/1984	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1935	192	Nguyễn Thị Thương	Huyền	15/06/1995	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
1936	193	Nguyễn Như	Huỳnh	18/01/1981	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1937	194	Nguyễn Xuân	Kha	20/08/1996	Nam	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1938	195	Cảnh Chi	Khánh	22/11/1987	Nam	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1939	196	Lê Thị	Khiêm	23/11/1993	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1940	197	Vũ Trung	Kiên	20/07/1991	Nam	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1941	198	Bạch Hồng	Lê	06/06/1979	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1942	199	Cao Thị Mỹ	Linh	24/11/1994	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1943	200	Vũ Diệu	Linh	13/12/1995	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1944	201	Đinh Ngọc	Linh	15/09/1994	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1945	202	Đặng Thị Hiền	Lương	19/01/1979	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1946	203	Trịnh Thị Khánh	Ly	18/08/1995	Nữ	Thanh Đa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1947	204	Vương Thị	Ngát	11/06/1983	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1948	205	Tạ Bảo	Ngọc	13/01/1996	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1949	206	Khắc Thị	Ngọc	26/09/1994	Nữ	Tây Tựu, Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1950	207	Nguyễn Thị	Nguyên	08/09/1984	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1951	208	Nguyễn Thị	Nhung	08/07/1985	Nữ	Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1952	209	Dương Mạnh	Phú	23/05/1994	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CTB	
1953	210	Ngô Văn	Phú	09/05/1995	Nam	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1954	211	Lê Thị Thu	Phương	06/07/1994	Nữ	Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1955	212	Nguyễn Thu	Phương	17/04/1980	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1956	213	Nguyễn Thị Minh	Phương	07/07/1992	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1957	214	Nguyễn Thị	Phượng	18/08/1990	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
1958	215	Nguyễn Trọng	Quý	29/08/1993	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1959	216	Nguyễn Thị	Quý	19/09/1986	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1960	217	Hà Thị Mai	Quyên	04/06/1995	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1961	218	Nguyễn Thị Minh	Tâm	22/03/1976	Nữ	Hàng Mã, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1962	219	Đặng Thị	Tâm	10/07/1993	Nữ	Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1963	220	Đinh Thị	Thắm	15/08/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1964	221	Đỗ Thị Thanh	Thanh	18/02/1996	Nữ	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1965	222	Vũ Thị	Thơ	04/04/1975	Nữ	Ô Chợ dừa, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1966	223	Nguyễn Thị	Thoan	19/10/1997	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1967	224	Phương Thị	Thơm	06/10/1979	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1968	225	Đặng Thị	Thu	05/04/1996	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1969	226	Trần Thị	Thương	04/04/1987	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1970	227	Nguyễn Thị	Thương	17/05/1987	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1971	228	Bùi Thị	Thúy	08/11/1992	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1972	229	Nguyễn Thị	Thúy	08/12/1985	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1973	230	Bùi Phương	Thùy	25/11/1997	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1974	231	Ngô Văn	Tiến	08/05/1991	Nam	Phù Ủng, Ân Thi, Hưng Yên	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1975	232	Nguyễn Ngọc	Tiến	24/03/1984	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1976	233	Ngô Thu	Trà	21/10/1994	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1977	234	Lê Thị	Trang	16/07/1987	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1978	235	Vũ Thị Kim	Trang	12/10/1977	Nữ	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1979	236	Nguyễn Thu	Trang	11/06/1991	Nữ	Trung Văn, Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1980	237	Nguyễn Thị	Trang	07/07/1996	Nữ	Lâu Thượng, Võ Nhai, Thái Nguyên	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1981	238	Nguyễn Văn	Trọng	29/05/1990	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1982	239	Vũ Anh	Tuấn	06/09/1993	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
1983	240	Nguyễn Văn	Tuấn	04/11/1993	Nam	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1984	241	Nguyễn Hồng	Tuyết	06/06/1998	Nữ	Di Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1985	242	Nguyễn Thị	Vân	26/10/1985	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
1986	243	Đỗ Thị Hải	Vân	25/12/1979	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
1987	244	Nguyễn Thị	Vé	01/11/1993	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
1988	245	Lê Thị	Xuân	02/04/1985	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1989	246	Đặng Thị Hải	Yến	30/01/1977	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1990	247	Lê Thị Việt	Anh	14/09/1985	Nữ	Hồng Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1991	248	Phạm Thị Phương	Anh	23/09/1979	Nữ	Duyên Hà, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1992	249	Nguyễn Vân	Anh	18/11/1991	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1993	250	Đỗ Hải	Anh	26/03/1995	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1994	251	Vương Thị Lan	Anh	30/07/1992	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
1995	252	Lê Tuấn	Anh	20/10/1989	Nam	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
1996	253	Nguyễn Thị Vân	Anh	08/09/1980	Nữ	Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
1997	254	Vũ Phương	Anh	21/12/1998	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
1998	255	Nông Thị Ngọc	Ánh	06/05/1991	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	DTTS	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1999	256	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/10/1997	Nữ	Tràng An, Bình Lục, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2000	257	Trần Văn	Cảm	21/12/1989	Nam	Đan Hội, Lục Nam, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	HTNV	
2001	258	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	05/08/1993	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2002	259	Trần Thị Huyền	Chang	31/08/1993	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2003	260	Trịnh Lan	Chi	29/11/1996	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2004	261	Nguyễn Thị	Cúc	26/03/1994	Nữ	An Lão, Bình Lục, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2005	262	Ngô Ngọc	Diệp	26/01/1998	Nữ	Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2006	263	Ngô Thị	Điệp	01/05/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2007	264	Trần Quang	Đức	08/08/1994	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2008	265	Trương Văn	Đức	04/02/1993	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
2009	266	Trương Khánh	Dương	20/02/1988	Nam	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2010	267	Nguyễn Thị	Gấm	15/07/1989	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
2011	268	Phan Thị Hương	Giang	01/09/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2012	269	Hứa Thị	Hà	26/03/1992	Nữ	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2013	270	Chu Thị	Hà	31/08/1988	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2014	271	Nguyễn Thị	Hà	22/09/1990	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
2015	272	Nguyễn Lệ	Hằng	07/06/1995	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2016	273	Phạm Thị Thúy	Hằng	26/01/1983	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2017	274	Bùi Thanh	Hằng	16/08/1981	Nữ	Yên Phụ, Ba Đình, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2018	275	Nguyễn Thị	Hạnh	17/02/1991	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
2019	276	Hoàng Thị Hồng	Hảo	10/10/1991	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2020	277	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/12/1993	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2021	278	Trần Trung	Hiếu	18/08/1994	Nam	Tây Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2022	279	Nguyễn Xuân	Hoa	03/03/1994	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2023	280	Nguyễn Thị Như	Hoa	16/05/1992	Nữ	Lâm Lợi, Hạ Hòa, Phú Thọ	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	A	B	HTNV	
2024	281	Phi Thúy	Hoài	17/05/1995	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2025	282	Lưu Thị Hải	Hoài	12/10/1997	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2026	283	Nguyễn Duy	Hoàn	01/09/1995	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2027	284	Đinh Thị	Hồng	12/07/1988	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2028	285	Nguyễn Thị Thu	Hương	01/03/1980	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2029	286	Nghiêm Thị	Hương	23/04/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2030	287	Nguyễn Thị	Hương	12/04/1984	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2031	288	Nguyễn Thị Mai	Hương	20/05/1992	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2032	289	Nguyễn Thị Thanh	Hương	22/10/1997	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2033	290	Nguyễn Thị	Hường	06/11/1978	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2034	291	Lê Thị	Hường	12/07/1990	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2035	292	Phạm Thị	Hường	04/07/1996	Nữ	Trần Hưng Đạo, Phủ Lý, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2036	293	Trịnh Thị Thu	Hường	24/05/1991	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2037	294	Hoàng Quốc	Huy	02/08/1996	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2038	295	Nguyễn Quốc	Huy	09/04/1994	Nam	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2039	296	Lê Văn	Huy	28/07/1990	Nam	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
2040	297	Đỗ Ngọc	Huyền	15/05/1992	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2041	298	Bùi Công	Khanh	19/03/1969	Nam	Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2042	299	Bùi Văn	Khoa	28/02/1990	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2043	300	Trương Ngọc	Linh	04/03/1984	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2044	301	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/11/1994	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2045	302	Đỗ Thị	Lương	11/07/1992	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2046	303	Nguyễn Thùy	Lương	11/10/1992	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2047	304	Nguyễn Thị Hương	Lý	16/07/1993	Nữ	Thanh Hà, Thanh Hà, Hải Dương	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2048	305	Nguyễn Ngọc	Mai	18/05/1993	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2049	306	Nguyễn Thị Thanh	Mai	30/01/1982	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2050	307	Phạm Ngọc	Mạnh	20/11/1995	Nam	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2051	308	Đỗ Hữu	Mừng	16/10/1992	Nam	Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2052	309	Lê Thị Quỳnh	Nga	15/03/1978	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Trung cấp Tin	B		
2053	310	Nguyễn Thị	Ngọc	03/12/1991	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2054	311	Nguyễn Thị	Ngọc	25/12/1991	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2055	312	Nguyễn Hồng	Ngọc	05/01/1994	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2056	313	Chu Thị	Nhàn	16/07/1989	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2057	314	Nguyễn Thị	Nhớ	25/11/1989	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2058	315	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	17/12/1994	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2059	316	Phạm Thị	Nhung	06/08/1988	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
2060	317	Nguyễn Thị	Nhung	09/04/1995	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2061	318	Phạm Tuyết	Nhung	26/03/1988	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	C		
2062	319	Nguyễn Mạnh	Ninh	10/10/1992	Nam	Tứ Dân, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2063	320	Phạm Thị	Nữ	30/11/1992	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2064	321	Nguyễn Thị	Phương	27/04/1994	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2065	322	Nguyễn Thị	Phượng	30/10/1977	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2066	323	Trần Mạnh	Quân	20/01/1994	Nam	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2067	324	Lê Thị Lệ	Sa	08/05/1993	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2068	325	Bùi Văn	Thắng	07/10/1991	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2069	326	Trần Thị	Thanh	07/04/1991	Nữ	Thanh Hà, Thanh Liêm, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2070	327	Lê Duy	Thành	13/05/1991	Nam	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
2071	328	Hoàng Thị	Thảo	20/06/1995	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2072	329	Nguyễn Phương	Thảo	05/03/1986	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2073	330	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/05/1996	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2074	331	Nguyễn Thị	Thoa	06/04/1997	Nữ	Toàn Thắng, Kim Động, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2075	332	Vũ Hoài	Thu	06/09/1982	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2076	333	Nguyễn Thị	Thủy	25/11/1997	Nữ	Thuần Hưng, Khoái Châu, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2077	334	Vũ Thị Thanh	Thủy	15/11/1990	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2078	335	Từ Thị Thu	Thủy	14/12/1993	Nữ	Liên Phương, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2079	336	Trần Ngọc	Tiến	11/01/1991	Nam	Dương Hà, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
2080	337	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/09/1986	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2081	338	Nguyễn Thị	Trang	08/02/1996	Nữ	Đồng Du, Bình Lục, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2082	339	Nguyễn Tuyết	Trinh	25/06/1991	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2083	340	Nguyễn Đức	Tùng	22/03/1987	Nam	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CTB	
2084	341	Vũ Thị	Tươi	20/06/1979	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2085	342	Chu Thị Tố	Uyên	21/01/1989	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2086	343	Nguyễn Thị	Vân	06/11/1991	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
2087	344	Nguyễn Hoàng	Yến	01/06/1997	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2088	345	Hồ Thị	Yến	10/03/1996	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2089	346	Đỗ Thị Phương	Anh	18/08/1993	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2090	347	Nguyễn Thị	Bích	17/05/1990	Nữ	Ngã tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2091	348	Đặng Trần	Cương	30/04/1984	Nam	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2092	349	Đặng Thị Phương	Dung	30/04/1990	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2093	350	Trịnh Thị	Giang	21/02/1995	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2094	351	Vũ Thanh	Huyền	26/10/1987	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2095	352	Dương Thị	Lý	31/07/1991	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2096	353	Lê Thị Hoa	Mai	19/01/1991	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2097	354	Nguyễn Quỳnh	Nga	30/10/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2098	355	Lê Thị Thu	Ngân	17/08/1988	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2099	356	Nguyễn Thị	Ngân	25/10/1994	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2100	357	Đào Thị Kim	Ngân	08/02/1992	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2101	358	Trần Thị	Thắm	02/09/1985	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
2102	359	Trương Đức	Thắng	28/12/1995	Nam	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2103	360	Ngô Văn	Tình	27/09/1987	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2104	361	Nguyễn Văn	Vượng	22/09/1990	Nam	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2105	362	Nguyễn Thị Kiều	Anh	28/08/1991	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2106	363	Nguyễn Thị Kim	Anh	18/01/1993	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2107	364	Nguyễn Ngọc	Anh	14/09/1993	Nam	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2108	365	Nguyễn Thị Thảo	Anh	08/10/1996	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2109	366	Nguyễn Thị	Ánh	02/09/1993	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2110	367	Lê Đình	Chiến	28/08/1997	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2111	368	Nguyễn Thị Kim	Dung	02/12/1989	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2112	369	Nguyễn Thị Phương	Dung	25/11/1990	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2113	370	Kiều Thị	Dung	15/05/1987	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông,Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
2114	371	Nguyễn Văn	Dũng	11/01/1986	Nam	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2115	372	Lê Trung	Dũng	24/06/1987	Nam	Hưng Giáo, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2116	373	Phạm Tùng	Dương	20/10/1995	Nam	Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2117	374	Bùi Thị	Duyên	02/06/1989	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2118	375	Nguyễn Thị	Giang	04/08/1997	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2119	376	Nguyễn Đăng Ngọc	Hà	01/07/1996	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2120	377	Nguyễn Trọng Hoàng	Hà	06/10/1997	Nam	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2121	378	Nguyễn Thu	Hà	10/02/1995	Nữ	Tích Giang, Phú Thọ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2122	379	Nguyễn Bá	Hải	09/03/1993	Nam	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2123	380	Nguyễn Thị	Hằng	07/03/1994	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2124	381	Phạm Thị Thúy	Hằng	07/08/1994	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2125	382	Dư Thúy	Hằng	07/11/1995	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2126	383	Trần Thị Hồng	Hạnh	26/04/1995	Nữ	Liên bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2127	384	Đỗ Minh	Hảo	22/03/1994	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2128	385	Đỗ Thị	Hậu	14/08/1992	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2129	386	Nguyễn Phương	Hiên	25/05/1992	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2130	387	Nguyễn Thu	Hiền	09/06/1996	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2131	388	Hoàng Thu	Hiền	29/11/1996	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2132	389	Phạm Thị Thanh	Hiền	02/10/1990	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2133	390	Hoàng Minh	Hiếu	14/10/1995	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
2134	391	Lê Thị	Hoa	29/07/1991	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2135	392	Vũ Thị Mai	Hoa	23/12/1994	Nữ	Ninh Giang, Hoa Lư, Ninh Bình	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2136	393	Bùi Văn	Hòa	16/05/1992	Nam	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2137	394	Nguyễn Thị	Hòa	03/06/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2138	395	Võ Thị	Hồng	23/03/1991	Nữ	Thị trấn Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2139	396	Bùi Thị	Hợp	15/01/1994	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2140	397	Nguyễn Thị	Hương	22/10/1994	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2141	398	Nguyễn Thị Thu	Hương	13/01/1993	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2142	399	Nguyễn Thị Thúy	Hường	10/12/1995	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2143	400	Đặng Thị	Huyền	23/07/1993	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2144	401	Đào Thanh	Huyền	18/09/1994	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2145	402	Đỗ Thị	Huyền	31/08/1995	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2146	403	Lưu Thị	Huyền	09/05/1993	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2147	404	Lương Thị	Khương	27/04/1991	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2148	405	Cao Thị Thanh	Kiều	13/07/1992	Nữ	Biên Giang, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2149	406	Nguyễn Thị	Lan	14/08/1997	Nữ	Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
2150	407	Nguyễn Thị	Lân	30/06/1991	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2151	408	Bùi Thị Thanh	Liễu	20/10/1991	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2152	409	Trần Thị	Liễu	30/04/1990	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2153	410	Trần Thị Phương	Linh	06/01/1998	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2154	411	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/03/1998	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2155	412	Nguyễn Thị	Loan	22/10/1995	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	C		
2156	413	Đặng Đình	Long	01/10/1993	Nam	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2157	414	Nguyễn Văn	Lực	13/02/1995	Nam	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2158	415	Lê Thị	Lương	24/06/1993	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2159	416	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	07/02/1995	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2160	417	Đỗ Thanh	Mai	13/09/1997	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
2161	418	Trương Thị Thanh	Mai	19/05/1998	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2162	419	Nguyễn Thị Bích	Mai	15/12/1991	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2163	420	Trịnh Thị	Mến	23/06/1998	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
2164	421	Bùi Thị	Miền	08/01/1997	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2165	422	Đỗ Thị	Mơ	16/09/1992	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2166	423	Hoàng Thị	Ngân	05/10/1991	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2167	424	Trần Thị Minh	Ngọc	26/12/1996	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2168	425	Đào Bích	Nguyệt	01/01/1994	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2169	426	Nguyễn Thị	Nhung	02/03/1995	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2170	427	Tống Thị	Nhung	20/10/1997	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2171	428	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/11/1998	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2172	429	Phạm Phương	Ninh	15/10/1997	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2173	430	Lưu Bá	Oai	11/08/1996	Nam	Bích Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2174	431	Đặng Thị Anh	Phương	18/03/1995	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2175	432	Nguyễn Thị Thu	Phương	11/10/1990	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông,Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2176	433	Nguyễn Thị Thu	Phương	26/01/1996	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2177	434	Bùi Thị	Phượng	03/06/1992	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2178	435	Phùng Thị Nguyệt	Quý	24/03/1993	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2179	436	Nguyễn Thị	Quyên	18/10/1997	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2180	437	Nguyễn Hồng	Sơn	08/09/1993	Nam	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2181	438	Nguyễn Thị	Sử	13/09/1992	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2182	439	Nguyễn Thị	Thảo	18/11/1991	Nữ	Nghĩa Hương, Hương, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2183	440	Vũ Phương	Thảo	10/09/1991	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2184	441	Lê Thị Phương	Thảo	08/12/1995	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2185	442	Nguyễn Phương	Thảo	02/05/1998	Nữ	Trần Đăng Ninh, Thành phố Nam Định, Nam Định	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2186	443	Nguyễn Thị	Thúy	19/10/1993	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2187	444	Lê Thị Thu	Thủy	06/08/1994	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2188	445	Nguyễn Thanh	Thủy	29/12/1991	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2189	446	Nguyễn Thị Bích	Thủy	20/11/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2190	447	Nguyễn Quang	Tôn	20/08/1990	Nam	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
2191	448	Đinh Thị	Trang	07/08/1991	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2192	449	Vũ Thị Huyền	Trang	16/07/1996	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2193	450	Lê Thị Huyền	Trang	12/07/1992	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2194	451	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/07/1992	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2195	452	Đào Thị Thu	Trang	26/05/1991	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2196	453	Nguyễn Thu	Trang	18/09/1996	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2197	454	Nguyễn Thị	Trinh	19/05/1996	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2198	455	Nguyễn Thị	Tươi	21/10/1988	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2199	456	Lã Thị Kim	Tuyến	04/08/1985	Nữ	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2200	457	Nguyễn Thị	Tuyết	10/11/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2201	458	Hoàng Thị	Út	01/05/1991	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2202	459	Đỗ Thị	Vân	21/10/1992	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2203	460	Đặng Thị	Vân	26/01/1994	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2204	461	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/04/1996	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2205	462	Nguyễn Thị Hải	Yến	21/07/1995	Nữ	Giao Xuân, Giao Thủy, Nam Định	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2206	463	Trần Thị	Yến	09/05/1997	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2207	464	Nguyễn Thúy	An	02/05/1998	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2208	465	Bùi Hoàng	Anh	10/01/1998	Nam	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2209	466	Mai Ngọc	Anh	11/07/1995	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2210	467	Nguyễn Thị	Anh	17/09/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2211	468	Quản Duy	Anh	07/04/1997	Nam	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2212	469	Nguyễn Việt	Anh	03/04/1998	Nam	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2213	470	Lương Ngọc	Ánh	22/03/1996	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2214	471	Phạm Thị Ngọc	Ánh	23/06/1989	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2215	472	Đinh Thị	Ánh	04/01/1997	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2216	473	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/03/1998	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2217	474	Nguyễn Thị Kim	Chung	24/10/1998	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2218	475	Nguyễn Thị	Cúc	02/11/1992	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	A2		
2219	476	Nguyễn Trung	Đạt	11/07/1998	Nam	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2220	477	Nguyễn Thị	Đạt	06/11/1992	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2221	478	Phạm Thị	Định	26/09/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2222	479	Chu Minh	Đức	06/07/1994	Nam	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2223	480	Nguyễn Linh	Duy	07/06/1991	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2224	481	Lê Thị	Duyên	08/02/1992	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CBB	
2225	482	Nguyễn Văn	Hải	11/11/1991	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2226	483	Vũ Ngọc	Hải	12/09/1995	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2227	484	Đinh Thị	Hằng	20/4/1994	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2228	485	Bá Thị Hồng	Hạnh	30/01/1994	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2229	486	Nguyễn Thị	Hạnh	16/03/1993	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2230	487	Nguyễn Thị Thu	Hiền	08/01/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2231	488	Nguyễn Thị	Hiền	23/6/1993	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2232	489	Chu Thị Nguyệt	Hoa	17/11/1994	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2233	490	Cao Thị	Hoa	18/08/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2234	491	Nguyễn Thị Lý	Hồng	26/07/1994	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2235	492	Nguyễn Thị	Hồng	11/07/1991	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2236	493	Phạm Thị Ánh	Hồng	16/01/1993	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2237	494	Dư Thanh	Hồng	14/02/1998	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2238	495	Phạm Thị	Huệ	29/09/1992	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2239	496	Đỗ Duy	Hưng	17/02/1993	Nam	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2240	497	Nguyễn Thị	Hương	10/08/1993	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2241	498	Nguyễn Thị Thu	Hường	16/11/1991	Nữ	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
2242	499	Nguyễn Văn	Kiểm	30/05/1993	Nam	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2243	500	Vũ Thị Hoa	Lệ	18/08/1992	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2244	501	Nguyễn Thị	Liên	05/09/1992	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	C	A2		
2245	502	Nguyễn Thị	Liên	22/02/1994	Nữ	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
2246	503	Nguyễn Thị Huyền	Linh	04/01/1990	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
2247	504	Vương Thị Diệu	Linh	14/03/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2248	505	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	04/10/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2249	506	Trịnh Thị	Linh	28/05/1995	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2250	507	Nguyễn Thị	Mai	21/12/1993	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2251	508	Ngô Thị	Mai	30/06/1991	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
2252	509	Nguyễn Thị Bình	Minh	18/10/1983	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2253	510	Kiều Thị	Nga	02/06/1988	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2254	511	Nguyễn Thị	Nga	22/06/1988	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2255	512	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	22/05/1995	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2256	513	Lê Thị	Ngọc	24/01/1993	Nữ	Thống Nhất, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2257	514	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04/01/1991	Nữ	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2258	515	Ngô Thị Kim	Oanh	16/8/1994	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2259	516	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/07/1994	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2260	517	Đoàn Thị	Phấn	16/08/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2261	518	Trần Thị Lan	Phương	04/08/1993	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2262	519	Nguyễn Thị Hà	Phương	25/05/1995	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2263	520	Nguyễn Thị Hà	Phương	25/9/1995	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2264	521	Dương Như	Quỳnh	12/12/1997	Nữ	Thị trấn Cồn Lễ, Trực Ninh, Nam Định	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2265	522	Đoàn Thị Hồng	Thắm	07/04/1993	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2266	523	Phạm Thị	Thanh	09/03/1993	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2267	524	Nguyễn Thị	Thảo	29/09/1996	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2268	525	Nguyễn Thu	Thảo	27/10/1996	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2269	526	Phùng Thị	Thảo	19/03/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2270	527	Trương Công	Thích	05/05/1992	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2271	528	Nguyễn Thị	Thoa	03/02/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2272	529	Nguyễn Thị	Thoa	26/12/1998	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2273	530	Thế Thị	Thơm	30/10/1992	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2274	531	Vũ Thị	Thơm	15/01/1993	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1	CBB	
2275	532	Nguyễn Thị	Thực	18/03/1993	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2276	533	Hoàng Minh	Thúy	09/02/1998	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2277	534	Trịnh Thị	Thúy	01/11/1991	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2278	535	Bùi Thị	Thùy	18/09/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2279	536	Trần Thị Thủy	Tiên	21/05/1995	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2280	537	Mai Văn	Tiệp	08/03/1993	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2281	538	Nguyễn Thị Minh	Trang	11/07/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2282	539	Đặng Thị Kiều	Trang	03/01/1996	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2283	540	Lê Thị	Trang	10/11/1997	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2284	541	Nguyễn Thị Minh	Trang	17/02/1996	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2285	542	Nguyễn Văn	Trung	11/06/1993	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2286	543	Nguyễn Ngọc	Tuyên	22/03/1995	Nam	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2287	544	Bạch Thị	Tuyết	29/12/1989	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2288	545	Nguyễn Thị Hải	Yến	15/10/1994	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2289	546	Vương Thị	Yến	22/12/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2290	547	Dương Thị Hà	Anh	25/03/1993	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2291	548	Đỗ Ngọc	Anh	09/02/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2292	549	Ngô Thị Hải	Anh	22/01/1994	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2293	550	Chu Mai Ngọc	Anh	17/09/1998	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2294	551	Nguyễn Duy	Dương	08/03/1988	Nam	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2295	552	Lã Thị Thùy	Dương	29/06/1990	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2296	553	Lê Thu	Hà	18/10/1996	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2297	554	Vũ Thị Thúy	Hằng	14/06/1994	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2298	555	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	18/07/1980	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Trung cấp Tin học	Bậc 2		
2299	556	Nguyễn Thu	Hoài	22/01/1995	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2300	557	Đỗ Huy	Hoàng	18/09/1994	Nam	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2301	558	Đặng Thị	Hồng	22/11/1992	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2302	559	Nguyễn Thu	Hương	23/09/1987	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
2303	560	Nguyễn Thị Mai	Hương	19/09/1989	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2304	561	Nguyễn Thị	Liễu	24/04/1993	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2305	562	Phạm Mạnh	Linh	20/04/1992	Nam	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2306	563	Nguyễn Diệu	Linh	04/01/1993	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2307	564	Lưu Thùy	Linh	07/06/1990	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
2308	565	Nguyễn Thị	Ly	29/12/1992	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2309	566	Hồ Thị	Mai	02/03/1991	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2310	567	Nguyễn Bảo	Ngọc	12/01/1991	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2311	568	Nguyễn Hồng	Ngọc	14/08/1992	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2312	569	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	16/04/1992	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2313	570	Trương Ngọc	Quyền	22/07/1989	Nam	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2314	571	Lê Ngọc	Sơn	24/08/1995	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2315	572	Ngô Thị Thu	Thảo	09/06/1996	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2316	573	Nguyễn Phương	Thảo	23/10/1992	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2317	574	Nguyễn Thị	Thúy	21/03/1991	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2318	575	Trần Thị Thu	Thủy	16/11/1991	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2319	576	Nguyễn Thủy	Tiên	09/12/1995	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2320	577	Phạm Thị Minh	Trang	23/02/1994	Nữ	Lạc Long Quân, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2321	578	Hoàng Thị Phương	Trang	03/09/1994	Nữ	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2322	579	Nguyễn Thị	Xiêm	08/08/1994	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2323	580	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	21/04/1989	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	C		
2324	581	Phạm Kiều	Anh	26/02/1994	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2325	582	Lê Thị Mai	Anh	19/04/1996	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
2326	583	Chu Văn	Biên	04/11/1992	Nam	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2327	584	Nguyễn Thuỷ	Dung	20/11/1996	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2328	585	Nguyễn Thị Thủy	Dương	03/03/1994	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2329	586	Phan Thị	Hằng	26/06/1998	Nữ	Nguyễn Uý, Kim Bảng, Hà Nam	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2330	587	Nguyễn Trung	Hiếu	07/04/1992	Nam	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2331	588	Lê Thị Bích	Hoa	01/11/1995	Nữ	Mỹ Đình II, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2332	589	Vương Thị	Hoa	28/03/1995	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2333	590	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/11/1994	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
2334	591	Tạ Thị	Lương	27/04/1993	Nữ	Hiền Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2335	592	Đoàn Khánh	Ly	21/10/1993	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2336	593	Trần Thị	Nga	19/12/1994	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
2337	594	Đào Thị	Nhung	18/07/1996	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2338	595	Lê Thị	Nhung	10/12/1994	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2339	596	Bùi Văn	Ninh	25/09/1995	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2340	597	Đỗ Thị	Phượng	08/10/1994	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
2341	598	Lê Thị	Thuý	15/02/1994	Nữ	Vĩnh Hùng, Vĩnh Lộc, Thanh Hoá	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2342	599	Dương Thị	Thúy	20/10/1992	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
2343	600	Quàng Mai	Trinh	20/05/1996	Nữ	Thuận Châu, Thuận Châu, Sơn La	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
2344	601	Nguyễn Thị Thúy	An	23/03/1994	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2345	602	Lê Lan	Anh	08/09/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2346	603	Hoàng Ngọc	Anh	16/10/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2347	604	Nguyễn Thị Phương	Anh	12/07/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2348	605	Mai Thị Vân	Anh	15/06/1990	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2349	606	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	16/12/1998	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2350	607	Trần Thị Hồng	Anh	30/12/1997	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A		
2351	608	Tô Ngọc	Ánh	06/11/1997	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2352	609	Lê Thị Yến	Chi	08/06/1995	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2353	610	Ngô Hồng	Chiêm	02/09/1989	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2354	611	Hoàng Thị	Chiên	22/07/1989	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2355	612	Lê Thị Hồng	Chiên	15/08/1992	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2356	613	Nguyễn Thị	Dịu	09/03/1985	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2357	614	Lê Thùy	Dương	17/02/1993	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2358	615	Nguyễn Thị Tân	Duyên	01/01/1992	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2359	616	Nguyễn Thị	Duyên	24/10/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2360	617	Lê Thị Linh	Giang	22/03/1983	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2361	618	Phạm Thế	Giáp	23/01/1995	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2362	619	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/12/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2363	620	Trần Thị Thu	Hằng	03/08/1995	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2364	621	Nguyễn Thị	Hạnh	25/08/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2365	622	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	07/05/1993	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2366	623	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	14/05/1996	Nữ	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2367	624	Trần Thị	Hạnh	15/05/1994	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2368	625	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	20/07/1989	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2369	626	Dương Thị	Hảo	26/12/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
2370	627	Nguyễn Thị	Hiền	27/12/1992	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2371	628	Vương Thị	Hiền	29/10/1992	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2372	629	Chử Thị	Hiền	02/09/1994	Nữ	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2373	630	Nguyễn Thị Thu	Hoài	18/01/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2374	631	Đỗ Minh	Huệ	03/07/1995	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2375	632	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/09/1994	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2376	633	Nguyễn Thị	Hương	07/11/1992	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2377	634	Vương Thị	Hương	20/05/1993	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2378	635	Phan Thị Thu	Hường	13/12/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2379	636	Nguyễn Thu	Hường	27/06/1994	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2380	637	Nguyễn Thị	Hường	14/09/1991	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2381	638	Nguyễn Thị Thu	Huyền	26/09/1991	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2382	639	Trần Thị Thu	Huyền	09/05/1993	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
2383	640	Phạm Thị Thu	Huyền	18/05/1988	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2384	641	Chu Thị Phương	Lan	16/12/1990	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2385	642	Ngô Thị	Lệ	05/12/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2386	643	Nguyễn Thị	Lệ	11/05/1993	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2387	644	Cao Thị	Liên	20/02/1992	Nữ	Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2388	645	Nguyễn Thị	Loan	16/04/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2389	646	Nguyễn Thị	Lương	16/08/1992	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2390	647	Nguyễn Thị	Luyến	18/01/1997	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2391	648	Nguyễn Thị	Mai	20/10/1991	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2392	649	Hoàng Thị Thúy	Nga	12/07/1994	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2393	650	Dương Tuyết	Ngân	10/10/1989	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2394	651	Vũ Thị	Ngân	08/07/1986	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2395	652	Lê Thị Bích	Ngọc	12/10/1987	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2396	653	Nguyễn Thị	Nguyệt	11/12/1990	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2397	654	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	18/01/1990	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2398	655	Nguyễn Thị Phương	Nhung	08/11/1991	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2399	656	Trần Thị Hồng	Nhung	05/07/1995	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2400	657	Lê Thị	Nhung	08/06/1991	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2401	658	Lê Thị Mai	Phương	19/08/1989	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2402	659	Nguyễn Huy	Quế	03/07/1991	Nam	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2403	660	Nguyễn Khắc	Quý	18/07/1990	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2404	661	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/07/1990	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2405	662	Ngô Thị	Thắm	05/12/1992	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2406	663	Phạm Văn	Thắng	11/01/1995	Nam	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2407	664	Huỳnh Thị	Thanh	09/04/1993	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2408	665	Nguyễn Thị	Thanh	31/07/1996	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2409	666	Lê Yến	Thanh	19/06/1998	Nữ	Tàm Xá, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
2410	667	Đào Thị Thu	Thảo	22/04/1996	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2411	668	Đỗ Thị	Thơm	26/03/1991	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
2412	669	Đào Thị	Thu	14/06/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2413	670	Đặng Minh	Thúy	30/05/1992	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2414	671	Nguyễn Thị Phương	Thúy	01/02/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2415	672	Nguyễn Minh	Thùy	02/04/1987	Nữ	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2416	673	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	27/10/1990	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2417	674	Trần Thị	Trang	28/03/1992	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2418	675	Nguyễn Thuỳ	Trang	09/10/1989	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2419	676	Đỗ Thị	Trang	28/11/1994	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
2420	677	Nguyễn Hồng	Trang	25/10/1996	Nữ	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2421	678	Nguyễn Thị	Trang	22/08/1991	Nữ	Hòa Tiến, Yên Phong, Bắc Ninh	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2422	679	Trịnh Thị	Tươi	03/05/1994	Nữ	Đông Thọ, Yên Phong, Bắc Ninh	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2423	680	Đào Thu	Tuyên	04/01/1989	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2424	681	Đỗ Thị Tú	Uyên	04/10/1991	Nữ	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2425	682	Hoàng Thị	Xuân	21/10/1996	Nữ	Tàm Xá, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2426	683	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/09/1990	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2427	684	Bùi Thị Hải	Yến	28/09/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2428	685	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/08/1995	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2429	686	Nguyễn Ngọc	Anh	14/12/1996	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2430	687	Đỗ Văn	Đức	05/9/1989	Nam	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2431	688	Kiều Văn	Dụng	02/06/1991	Nam	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2432	689	Nguyễn Thị	Duyên	21/7/1994	Nữ	Đồng quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2433	690	Phạm Thị	Hằng	20/9/1990	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2434	691	Nguyễn Thị	Hòa	05/06/1994	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	DTTS	
2435	692	Đoàn Thị	Hợi	18/02/1996	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
2436	693	Nguyễn Bá	Hưng	07/08/1996	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2437	694	Bùi Thị Thu	Hương	18/5/1991	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2438	695	Nguyễn Thị	Lý	28/01/1992	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	C		
2439	696	Bùi Đức	Mạnh	19/05/1991	Nam	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2440	697	Hoàng Thế	Minh	19/03/1994	Nam	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2441	698	Nguyễn Công	Nguyên	11/11/1991	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2442	699	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/10/1993	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2443	700	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	07/10/1997	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2444	701	Lê Văn	Thơm	24/11/1993	Nam	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2445	702	Đinh Công	Tín	25/12/1991	Nam	Phú Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
2446	703	Trần Thị	Tranh	29/11/1991	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2447	704	Cao Thị	Tuyết	10/04/1993	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	A2		
2448	705	Bùi Thị	Tuyết	23/01/1991	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
2449	706	Phạm Thị	Ánh	14/06/1996	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2450	707	Kiều Thị	Hà	28/10/1998	Nữ	Ngọc Liệp, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2451	708	Dương Thị Thanh	Hằng	27/10/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2452	709	Trần Thị Thanh	Hương	23/05/1998	Nữ	Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2453	710	Nguyễn Văn	Huynh	14/11/1993	Nam	Đồng quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	HTNV	
2454	711	Nguyễn Quang	Phong	14/02/1998	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2455	712	Phạm Thảo	Phương	13/7/1996	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
2456	713	Tạ Thị Lan	Phương	08/07/1997	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2457	714	Vương Thị	Thảo	23/12/1992	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2458	715	Tạ Văn	Vân	28/02/1995	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	A	A2		
2459	716	Phạm Thị	Xuyến	16/03/1995	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2460	717	Dương Thị Lan	Anh	31/05/1996	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2461	718	Phùng Trung	Anh	21/11/1997	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2462	719	Bùi Kim	Anh	22/12/1994	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2463	720	Tạ Thị Ngọc	Ánh	09/05/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2464	721	Đinh Thị Ngọc	Bích	06/12/1997	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	DTTS	
2465	722	Phan Văn	Chính	09/02/1993	Nam	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2466	723	Nguyễn Thị Kim	Dung	25/05/1997	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2467	724	Vũ Thị	Dung	20/10/1986	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	A2		
2468	725	Lê Thị Thùy	Dương	25/09/1984	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
2469	726	Phùng Thị Chà	Giang	23/10/1984	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2470	727	Lê Ngân	Hà	12/04/1983	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2471	728	Nguyễn Thu	Hà	13/07/1996	Nữ	Phan Thiết, Tuyên Quang, Tuyên Quang	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2472	729	Nguyễn Bá	Hải	14/12/1998	Nam	Cam Thượng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2473	730	Nguyễn Thị	Hằng	15/11/1993	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2474	731	Chu Thị Hồng	Hạnh	25/10/1998	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2475	732	Nguyễn Thị	Hiếu	29/12/1984	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2476	733	Vũ Thị Thanh	Hương	07/07/1984	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2477	734	Nguyễn Thị	Huyền	05/02/1998	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2478	735	Lê Thị	Lan	19/11/1990	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2479	736	Phùng Thị Mai	Liên	16/01/1992	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
2480	737	Ngô Thị Quỳnh	Liên	23/07/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2481	738	Phạm Thị	Ly	20/02/1992	Nữ	Bắc Cường, Lào Cai, Lào Cai	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2482	739	Nguyễn Thị	Mai	14/07/1995	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB, CBB, CĐCĐ	
2483	740	Chu Thị	Mai	13/09/1992	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2484	741	Chu Thị	Mai	14/04/1998	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2485	742	Nguyễn Thị	Nga	07/10/1992	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2486	743	Đinh Thị Bích	Ngọc	16/07/1997	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2487	744	Đỗ Thị	Nhi	14/06/1995	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2488	745	Lê Thị Thúy	Quỳnh	07/12/1996	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2489	746	Lê Hồng	Thắm	04/04/1980	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2490	747	Phùng Tiến	Thanh	27/06/1998	Nam	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2491	748	Nguyễn Thị	Thảo	18/09/1993	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2492	749	Bùi Ngọc	Thảo	01/12/1992	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2493	750	Nguyễn Thị	Thới	25/08/1996	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2494	751	Phùng Thị	Thu	12/09/1993	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2495	752	Lê Văn	Thủy	09/10/1994	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2496	753	Nguyễn Phương Thanh	Thủy	07/11/1994	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2497	754	Đỗ Thị	Thủy	01/11/1994	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
2498	755	Nguyễn Đình	Tiến	20/07/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2499	756	Doãn Thị Huyền	Trang	12/12/1989	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2500	757	Trần Thị Tuyết	Trang	11/10/1991	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2501	758	Lê Thị Huyền	Trang	29/05/1991	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2502	759	Nguyễn Đàm	Tùng	01/04/1997	Nam	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2503	760	Trần Thị Ngọc	Vân	13/02/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2504	761	Trần Thị Hồng	Dung	09/09/1997	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2505	762	Nguyễn Thị	Huyền	06/04/1977	Nữ	Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2	CTB	
2506	763	Nguyễn Thị Đào	Linh	21/01/1990	Nữ	Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2507	764	Kiều Thị	Nhung	01/09/1990	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2508	765	Vũ Thanh	Thủy	25/04/1997	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2509	766	Lê Ngọc	An	17/07/1995	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2510	767	Nguyễn Thị	Duyên	01/10/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
2511	768	Nguyễn Thị	Giang	07/07/1993	Nữ	Cổ nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2512	769	Nguyễn Hoài	Giang	10/08/1996	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
2513	770	Hoàng Thị Thu	Hà	02/04/1994	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2514	771	Phạm Ngọc	Hà	26/09/1992	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2515	772	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	19/09/1997	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
2516	773	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/10/1996	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2517	774	Nguyễn Thị Hồng	Hương	18/05/1998	Nữ	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2518	775	Lê Thị	Lệ	13/10/1992	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2	CTB	
2519	776	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07/07/1997	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2520	777	Vũ Thị	Lý	30/7/1996	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
2521	778	Lã Đức	Mạnh	15/11/1995	Nam	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2522	779	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/12/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
2523	780	Phạm Hồng	Thắm	25/11/1990	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2524	781	Tạ Quang	Thật	06/09/1993	Nam	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2525	782	Ngô Thị	Thu	17/11/1994	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2526	783	Nguyễn Thị Bích	Thúy	08/11/1992	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2527	784	Nguyễn Thị Việt	Hằng	22/12/1987	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
2528	785	Nguyễn Thị	Liên	28/04/1984	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2529	786	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/08/1996	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2530	787	Phan Thị	Lý	20/10/1993	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2531	788	Nguyễn Thị	Nết	02/08/1987	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2532	789	Nguyễn Thị	Ngà	10/01/1987	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2533	790	Nguyễn Thị	Phương	05/06/1991	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
2534	791	Phạm Thị Thanh	Tâm	19/05/1992	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	C		
2535	792	Nguyễn Thị	Thảo	17/10/1997	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2536	793	Bùi Thị Thanh	Thơ	12/12/1991	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	C		
2537	794	Đào Thị	Bình	15/02/1991	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2538	795	Chu Thị	Dâu	05/01/1989	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2539	796	Nguyễn Phương	Dung	05/01/1994	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2540	797	Nguyễn Thùy	Dung	16/07/1992	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2541	798	Nguyễn Thùy	Dung	27/09/1990	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2542	799	Dương Thị Thu	Hà	27/05/1996	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2543	800	Lương Thu	Hà	09/05/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2544	801	Nguyễn Bích	Hạnh	15/07/1984	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2545	802	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	11/11/1997	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2546	803	Đàm Minh	Hiền	14/02/1986	Nam	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2547	804	Nguyễn Thị Thu	Hồng	15/12/1994	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	Tương đương A2		
2548	805	Đỗ Thị Phượng	Huế	04/02/1995	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2549	806	Chu Cao	Huy	06/11/1992	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B	HTNV	
2550	807	Đặng Thị Thu	Hường	26/08/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2551	808	Vũ Thị Thanh	Lam	11/05/1995	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2552	809	Nguyễn Thị Hồng	Lưu	24/11/1997	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
2553	810	Đặng Quế	Ngân	20/12/1989	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2554	811	Phạm Thị	Nhung	14/10/1995	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2555	812	Trần Thị Thùy	Nhung	26/05/1986	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2556	813	Nguyễn Lan	Phương	04/01/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2557	814	Nguyễn	Sơn	18/01/1995	Nam	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2558	815	Bùi Đức	Thắng	02/12/1992	Nam	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2559	816	Nguyễn Thị	Thành	05/02/1971	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	HTNV	
2560	817	Đỗ Thị Phương	Thúy	03/03/1994	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2561	818	Nguyễn Thị Bích	Thủy	21/04/1994	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2562	819	Phạm Thanh	Thủy	25/09/1985	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2563	820	Nguyễn Tiến	Vũ	13/07/1990	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2564	821	Nguyễn Thị Hải	Yến	19/10/1993	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2565	822	Kim Văn	An	27/8/1998	Nam	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2566	823	Nguyễn Lan	Anh	20/4/1996	Nữ	Cao Thành, Ứng Hòa, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2567	824	Đặng Thị Ngọc	Ánh	06/11/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2568	825	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	17/3/1993	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2569	826	Trần Thị	Điệp	11/10/1991	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2570	827	Đỗ Văn	Đức	27/11/1993	Nam	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2571	828	Trần Thị Thu	Hằng	10/03/1993	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
2572	829	Vũ Thị	Hiên	21/3/1991	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2573	830	Nguyễn Thị	Hiền	09/10/1993	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2574	831	Mai Thị	Hòa	18/3/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2575	832	Nguyễn Thị	Hường	05/6/1995	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2576	833	Đinh Thị	Lệ	06/06/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2577	834	Đinh Văn	Thăng	12/11/1996	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2578	835	Đào Thị	Thanh	19/9/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2579	836	Vũ Thị	Thủy	13/11/1993	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2580	837	Đỗ Huyền	Trang	16/12/1997	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2581	838	Trần Thị	Trang	11/04/1994	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2582	839	Trần Thị	Yến	21/10/1997	Nữ	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2583	840	Trần Thị Hải	Yến	01/06/1993	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2584	841	Hà Huy	Điệp	02/05/1985	Nam	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2585	842	Lê Thị Thanh	Giang	22/3/1989	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2586	843	Phạm Hùng	Dũng	15/11/1993	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2587	844	Nguyễn Thị	Hương	13/02/1993	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2588	845	Vũ Tuấn	Anh	30/09/1992	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2589	846	Bùi Ngọc	Anh	05/10/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2590	847	Lê Văn	Cơ	24/11/1998	Nam	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2591	848	Nguyễn Tấn	Dũng	30/12/1998	Nam	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
2592	849	Nguyễn Thị Thùy	Dương	26/09/1993	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2593	850	Nguyễn Thị	Duyên	10/02/1994	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2594	851	Nguyễn Thị	Hoa	29/01/1975	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2595	852	Phạm Văn	Hoàn	03/03/1987	Nam	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
2596	853	Trần Thị Mai	Hương	15/11/1997	Nữ	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2597	854	Nguyễn Thị	Huyền	07/09/1989	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2598	855	Vũ Thị	Minh	04/07/1981	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2599	856	Nguyễn Thị	Nga	01/08/1995	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2600	857	Đỗ Bích	Ngọc	02/10/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2601	858	Nguyễn Thị Mai	Phương	10/08/1994	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2602	859	Phan Văn	Quang	27/10/1978	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	HTNV	
2603	860	Lê Thị	Sen	06/08/1993	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2604	861	Nguyễn Trường	Tấn	25/12/1991	Nam	Giao Xuân, Giao Thủy, Nam Định	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2605	862	Nguyễn Văn	Thuận	22/04/1995	Nam	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2606	863	Nguyễn Văn	Thương	15/10/1979	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
2607	864	Nguyễn Văn	Thủy	23/02/1991	Nam	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2608	865	Lê Mạnh	Trường	16/07/1982	Nam	Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
2609	866	Nguyễn Thị	Tuyết	01/05/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2610	867	Nguyễn Thị Kim	Anh	05/11/1996	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2611	868	Đoàn Thanh	Đông	10/01/1984	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2612	869	Nguyễn Thị	Hằng	06/08/1991	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2613	870	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	20/07/1984	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2614	871	Nguyễn Thị	Luyến	12/01/1982	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2615	872	Ngô Thị	Mừng	10/06/1987	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
2616	873	Vũ Thị Thúy	Nga	30/06/1993	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2617	874	Trương Minh	Ngọc	02/10/1997	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2618	875	Vũ Thị Thúy	Quỳnh	02/08/1987	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2619	876	Nguyễn Văn	Áng	01/01/1991	Nam	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	HTNV	
2620	877	Bùi Thị Hoàng	Anh	18/7/1984	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
2621	878	Trần Vân	Anh	18/7/1997	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2622	879	Lê Hải	Anh	01/09/1996	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2623	880	Trần Thị	Bình	19/02/1994	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2624	881	Nguyễn Thị	Chiên	10/3/1994	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2625	882	Đỗ Thị	Duyên	17/12/1996	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2626	883	Nguyễn Thị	Duyên	31/08/1980	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2627	884	Đỗ Thị Minh	Giang	28/10/1995	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2628	885	Nguyễn Thị	Hà	16/4/1988	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2629	886	Đoàn Thị Thu	Hà	01/10/1997	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2630	887	Dương Thị	Hiên	11/3/1992	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2631	888	Nguyễn Thị Hoa	Hiên	08/12/1977	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2632	889	Đỗ Ngọc	Hiến	21/12/1976	Nam	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
2633	890	Hoàng Trọng	Hiệp	22/9/1993	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2634	891	Nguyễn Thị	Hoa	07/7/1992	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2635	892	Đỗ Đình	Huệ	21/7/1994	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2636	893	Tạ Việt	Hùng	03/6/1996	Nam	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2637	894	Nguyễn Thanh	Hương	08/10/1996	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2638	895	Phạm Thị Thu	Hương	18/12/1991	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
2639	896	Ngô Thị	Hường	18/01/1992	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2640	897	Phạm Thị	Hường	20/10/1985	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2641	898	Ngô Thị Thu	Hường	12/9/1979	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2642	899	Ngô Thị Thu	Huyền	04/9/1995	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2643	900	Đỗ Thị Thanh	Huyền	21/12/1981	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2644	901	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	24/5/1994	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2645	902	Lê Thị	Huyền	01/10/1997	Nữ	Khu Y na, Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2646	903	Nguyễn Thị Thu	Huyền	15/12/1987	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	A	A		
2647	904	Ngô Quang	Khải	20/10/1996	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2648	905	Nguyễn Thị Thanh	Lan	30/10/1981	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2649	906	Dương Ngọc	Lân	24/8/1994	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2650	907	Nguyễn Thị	Lệ	05/8/1991	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2651	908	Lê Thị	Liêm	16/12/1993	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2652	909	Lê Thị	Liên	10/5/1987	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2653	910	Nguyễn Thị	Lụa	28/8/1993	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2654	911	Lâm Thị Hồng	Ly	15/3/1992	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2655	912	Trần Thị Thiên	Lý	01/3/1985	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	Giao tiếp B		
2656	913	Trần Thị	Mai	07/3/1993	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2657	914	Nguyễn Thị	Mai	30/4/1993	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2658	915	Lê Thị	Mến	16/3/1991	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2659	916	Chu Thị	Ngần	13/11/1991	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2660	917	Nguyễn Thị	Ngọc	13/12/1992	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2661	918	Đỗ Thị	Ngọc	24/4/1992	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2662	919	Đặng Bảo	Ngọc	12/01/1998	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2663	920	Nguyễn Thị	Nhàn	11/03/1994	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2664	921	Nguyễn Thị	Nụ	06/03/1991	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2665	922	Hoàng Thị	Phượng	27/09/1995	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2666	923	Nguyễn Thúy	Quỳnh	14/12/1995	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2667	924	Nguyễn Thị	Thanh	15/7/1986	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
2668	925	Nguyễn Kim	Thao	27/5/1992	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
2669	926	Trần Phương	Thảo	15/9/1981	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CĐCĐ	
2670	927	Nguyễn Thị Hương	Thảo	06/10/1998	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2671	928	Phạm Thị Thu	Thủy	28/9/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2672	929	Phạm Thị Thanh	Thủy	11/8/1987	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2673	930	Chu Thị	Thủy	27/01/1998	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2674	931	Nguyễn Thảo	Trang	22/4/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2675	932	Đặng Thị	Trang	20/7/1986	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2676	933	Nguyễn Thị	Tươi	17/10/1991	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2677	934	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/10/1994	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2678	935	Khuất Thị Phương	Chinh	19/3/1996	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2679	936	Nguyễn Thị	Định	17/01/1994	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2680	937	Trần Văn	Duy	13/8/1997	Nam	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2681	938	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	23/01/1988	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2682	939	Ngô Thu	Hà	11/5/1997	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	A	A		
2683	940	Nguyễn Thanh	Hằng	18/7/1989	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2684	941	Lê Thị	Hiền	06/5/1993	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2685	942	Nguyễn Thị	Hồng	16/8/1992	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2686	943	Khuất Thị Thanh	Hương	29/11/1992	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2687	944	Phùng Thị Thu	Hương	09/01/1997	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2688	945	Trần Thu	Hương	09/11/1989	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2689	946	Nguyễn Thị	Liên	11/11/1993	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2690	947	Cấn Thị Thu	Phương	03/10/1988	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2691	948	Lê Hồng	Phương	28/10/1986	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2692	949	Nguyễn Huyền	Phương	15/12/1990	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2693	950	Đoàn Văn	Tài	12/6/1994	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2694	951	Hoàng Thị Thu	Thắm	20/02/1991	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2695	952	Nghiêm Thị	Thanh	03/02/1991	Nữ	Hải Lực, Sông Lô, Vĩnh Phúc	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2696	953	Trịnh Tiến	Thành	06/01/1991	Nam	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2697	954	Lê Thị Phương	Thảo	26/10/1997	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
2698	955	Đỗ Thị	Thu	26/3/1996	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2699	956	Phùng Thị Anh	Thư	21/8/1997	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2700	957	Kiều Thị	Thủy	20/2/1995	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2701	958	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	02/8/1991	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2702	959	Đỗ Phương Huyền	Trang	28/7/1995	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	IC 3	A2		
2703	960	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/10/1995	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2704	961	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/10/1996	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2705	962	Phạm Tú	Trinh	09/7/1996	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2706	963	Đặng Kim	Tuyến	08/02/1994	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2707	964	Nguyễn Thị Minh	Tuyết	22/10/1987	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2708	965	Phan Thị	Út	22/12/1991	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2709	966	Hoàng Thị	Yến	11/6/1991	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2710	967	Phạm Thị	Bé	17/05/1990	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2711	968	Nguyễn Mạnh	Cường	26/07/1994	Nam	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2712	969	Vũ Thị	Hằng	05/12/1992	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2713	970	Đặng Thị	Hằng	29/12/1991	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2714	971	Nguyễn Thị Thu	Huyền	22/12/1992	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2715	972	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/11/1986	Nữ	Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
2716	973	Nguyễn Thị	Hương	18/05/1991	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2717	974	Trần Thị	Hường	28/08/1990	Nữ	Nguyễn Khoái, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2718	975	Nguyễn Thị	Lan	28/09/1990	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2719	976	Tạ Thị	Mây	26/08/1990	Nữ	Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
2720	977	Nguyễn Thị	Mây	19/09/1993	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
2721	978	Nguyễn Thị Tuyết	Oanh	22/05/1992	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2722	979	Bùi Thị	Tuyết	11/03/1993	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	A2		
2723	980	Nguyễn Thị Biên	Thùy	03/03/1991	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	A2		
2724	981	Nguyễn Thị	Chung	18/3/1996	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2725	982	Trương Thành	Công	19/08/1995	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2726	983	Bùi Thị	Huệ	01/8/1990	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2727	984	Nguyễn Văn	Hưng	04/5/1997	Nam	Liên Phương, Thường Tín, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2728	985	Trần Thị Thu	Hiền	03/5/1998	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2729	986	Nguyễn Thị	Hiền	15/07/1992	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2730	987	Trần Thị Thanh	Hoa	01/12/1991	Nữ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2731	988	Trịnh Thị Phương	Hạnh	02/7/1996	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B	CTB	
2732	989	Bùi Thị Diệu	Linh	14/10/1995	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức , Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2733	990	Trần Thị Phương	Mai	31/12/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2734	991	Trần Thị	Nhinh	06/01/1993	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2735	992	Ngô Thị	Phụ	10/9/1987	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2736	993	Nguyễn Thị Hà	Phương	17/11/1994	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2737	994	Nguyễn Khắc	Tiến	16/09/1997	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2738	995	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	28/2/1994	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2739	996	Vũ Châu	Yến	14/11/1997	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2740	997	Hoàng Thị Hải	Yến	18/12/1994	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2741	998	Đặng Thị Vân	Anh	08/02/1995	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2742	999	Đỗ Thị	Duyên	19/11/1998	Nữ	Xuân Phú. Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2743	1000	Khuất Thị Thùy	Dương	20/07/1995	Nữ	Đông Anh, Hà Nội, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
2744	1001	Nguyễn Thị	Hải	02/09/1990	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2745	1002	Đỗ Thị	Hiền	18/05/1996	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2746	1003	Kiều Lan	Hương	06/06/1994	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2747	1004	Khuất Thị	Hường	30/11/1995	Nữ	Quang Trung, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2748	1005	Nguyễn Thị Hồng	Loan	22/07/1994	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2749	1006	Nguyễn Thị	Mai	23/05/1992	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2750	1007	Đỗ Mạnh	Phú	08/05/1988	Nam	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2751	1008	Nguyễn Thị Hải	Phương	13/10/1991	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2752	1009	Dương Thị	Phương	18/04/1995	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2753	1010	Lê Thị Lan	Phương	18/08/1994	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2754	1011	Hà Cao	Sơn	12/02/1996	Nam	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2755	1012	Đoàn Văn	Tân	06/10/1994	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2756	1013	Vũ Mạnh Cường	Tươi	10/12/1995	Nam	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2757	1014	Nguyễn Thị	Thanh	13/06/1992	Nữ	Xuân Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	CBB	
2758	1015	Hà Đức	Thành	06/02/1994	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2759	1016	Nguyễn Thị	Thảo	14/08/1997	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2760	1017	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/11/1996	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2761	1018	Nguyễn Thị	Hằng	21/12/1990	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2762	1019	Lê Thị Ngọc	Mai	21/08/1994	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2763	1020	Lê Hồng	Minh	27/10/1994	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2764	1021	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	11/09/1994	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
2765	1022	Nguyễn Thị	Tuyết	11/09/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2766	1023	Đào Thu	Uyên	27/01/1997	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2767	1024	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/02/1993	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2768	1025	Vương Ngọc	Anh	19/12/1993	Nam	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2769	1026	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/01/1993	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2770	1027	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/06/1993	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2771	1028	Lê Thị Hồng	Anh	10/09/1998	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2772	1029	Đào Thị Ngọc	Ánh	14/04/1991	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2773	1030	Nguyễn Thị	Bích	04/05/1993	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2774	1031	Nguyễn Thị Kim	Dung	23/11/1995	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2775	1032	Kiều Thị	Đương	25/10/1992	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2776	1033	Nguyễn Thu	Giang	11/02/1990	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2777	1034	Vương Thị	Giang	20/07/1993	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2778	1035	Đỗ Thị Thu	Hà	11/10/1983	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2779	1036	Phạm Thị Thu	Hà	16/02/1996	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	Tương đương B1		
2780	1037	Kiều Hồng	Hà	26/04/1994	Nữ	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2781	1038	Trần Thị Bích	Hằng	31/10/1992	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
2782	1039	Nguyễn Thị Thu	Hằng	18/07/1995	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2783	1040	Phí Thị	Hiền	08/07/1994	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2784	1041	Đỗ Thị Yến	Hoa	21/07/1990	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
2785	1042	Nguyễn Thị	Hồng	02/11/1995	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2786	1043	Nguyễn Thị	Huệ	27/03/1995	Nữ	Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2787	1044	Nguyễn Thị	Hương	19/06/1996	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2788	1045	Vương Thị	Huyền	30/09/1989	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2789	1046	Nguyễn Thị	Khá	24/12/1990	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	Giao tiếp B		
2790	1047	Đỗ Thị	Mai	22/11/1998	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2791	1048	Nguyễn Thế	Mạnh	26/10/1990	Nam	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
2792	1049	Nguyễn Thị	Minh	21/03/1993	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
2793	1050	Nguyễn Đức	Phước	08/08/1992	Nam	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2794	1051	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	23/01/1996	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2795	1052	Phí Thị	Quyết	21/09/1992	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2796	1053	Nguyễn Thị	Thảo	10/06/1990	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2797	1054	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/09/1993	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2798	1055	Đặng Thị	Trang	11/09/1995	Nữ	Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2799	1056	Phí Thị Hồng	Vân	13/03/1998	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2800	1057	Chu Thị Kim	Anh	17/07/1991	Nữ	Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2801	1058	Chu Thị	Duyên	14/01/1995	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2802	1059	Phạm Thị	Hằng	03/04/1993	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2803	1060	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/06/1993	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2804	1061	Nguyễn Thị Phương	Lan	14/08/1991	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2805	1062	Nguyễn Thị	Nguyệt	17/09/1996	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2806	1063	Nguyễn Hữu	Sâm	23/02/1996	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2807	1064	Nguyễn Mai	Trang	20/02/1996	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2808	1065	Nguyễn Thị Vân	Anh	23/07/1998	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2809	1066	Nguyễn Văn	Đức	10/04/1995	Nam	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2810	1067	Nguyễn Thị Thanh	Dung	29/10/1995	Nữ	Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2811	1068	Hoàng Thị Thùy	Dung	12/10/1988	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2812	1069	Nông Tiến	Dũng	27/04/1995	Nam	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
2813	1070	Nguyễn Thị	Giang	05/09/1990	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2814	1071	Nguyễn Thị Thu	Hà	17/01/1995	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
2815	1072	Lê Ngọc	Hân	29/01/1998	Nam	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2816	1073	Nguyễn Thị	Hằng	29/11/1995	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
2817	1074	Hoàng Thị Thu	Hằng	06/10/1994	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng,Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2818	1075	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	22/01/1994	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2819	1076	Tạ Thúy	Hiền	16/05/1997	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2820	1077	Nguyễn Thị	Hoa	11/03/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2821	1078	Quách Thị Mai	Hoa	28/03/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
2822	1079	Nguyễn Thị Thu	Hoài	06/12/1996	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2823	1080	Nguyễn Thị	Hương	16/04/1995	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2824	1081	Nguyễn Thị	Hường	06/02/1990	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2825	1082	Nguyễn Thị	Huyền	10/08/1993	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
2826	1083	Đỗ Thị Ngọc	Khanh	04/09/1992	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2827	1084	Chu Thị Hồng	Liên	16/10/1998	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2828	1085	Nguyễn Thị	Loan	07/01/1989	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2829	1086	Lê Thị Kim	Luyến	07/08/1997	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2830	1087	Nguyễn Thị	Mai	24/03/1993	Nữ	Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2831	1088	Ngô Thu	Nga	02/02/1994	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2832	1089	Tạ Thị	Như	07/04/1994	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2833	1090	Lê Thị Hồng	Nhung	23/09/1993	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2834	1091	Tạ Thị	Quyên	13/10/1991	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2835	1092	Trần Thị Thanh	Thu	23/09/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
2836	1093	Nguyễn Thị	Thùy	15/01/1991	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2837	1094	Nguyễn Thị Thu	Thủy	15/11/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2838	1095	Vũ Thu	Thủy	24/03/1992	Nữ	Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2839	1096	Lệnh Thị	Thủy	30/11/1996	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2840	1097	Phan Thanh	Thủy	01/12/1991	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CTB	
2841	1098	Đào Thị	Thúy	15/11/1992	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2842	1099	Đỗ Thị Huyền	Trang	04/03/1992	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2843	1100	Nguyễn Xuân	Trường	15/06/1991	Nam	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2844	1101	Nguyễn Văn	Trường	29/01/1992	Nam	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2845	1102	Nguyễn Doãn Thị	An	20/11/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2846	1103	Nguyễn Hoài	Anh	18/11/1991	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2847	1104	Hà Huệ	Anh	16/12/1995	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2848	1105	Nguyễn Thái	Bình	13/03/1998	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2849	1106	Lê Thị	Châm	19/01/1996	Nữ	Vân Canh , Hoài Đức,Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
2850	1107	Lý Thị	Chủy	30/11/1991	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2851	1108	Hữu Thị	Đào	25/07/1992	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2852	1109	Nguyễn Như	Được	03/08/1996	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2853	1110	Doãn Thị Thùy	Dương	04/04/1995	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2854	1111	Mầu Thị	Duyên	15/08/1996	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
2855	1112	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/07/1997	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2856	1113	Phạm Thị	Hà	25/06/1994	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2857	1114	Nguyễn Thị	Hải	23/11/1998	Nữ	La Phù, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2858	1115	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	11/06/1985	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2859	1116	Trần Thị Thu	Hạnh	07/09/1996	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2860	1117	Nguyễn Thị	Hoa	24/09/1992	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2861	1118	Nguyễn Tuyết	Hoa	04/05/1998	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2862	1119	Trần Thị	Hoa	15/08/1993	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2863	1120	Nguyễn Thị	Hòa	06/11/1998	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2864	1121	Nguyễn Thị	Hồng	28/11/1996	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
2865	1122	Nguyễn Kim	Hồng	10/06/1995	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2866	1123	Phi Thị	Huệ	19/08/1993	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2867	1124	Chu Thanh	Hương	16/08/1993	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2868	1125	Mầu Thị	Hương	17/09/1994	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2869	1126	Nguyễn Thị	Hương	21/10/1992	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
2870	1127	Lương Thị	Hường	25/05/1994	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2871	1128	Hoàng Diệu	Huyền	02/05/1990	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2872	1129	Trần Thu	Huyền	10/09/1994	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2873	1130	Nguyễn Minh	Huyền	07/09/1993	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2874	1131	Vương Thu	Huyền	11/11/1988	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2875	1132	Nguyễn Trung Thị Thanh	Huyền	28/06/1998	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2876	1133	Nguyễn Thị	Lan	10/08/1990	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2877	1134	Phan Thị Phương	Liên	20/02/1991	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2878	1135	Nguyễn Như Thị Phương	Linh	07/02/1997	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2879	1136	Trần Thị	Linh	01/09/1998	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2880	1137	Đào Huyền	Linh	13/12/1995	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2881	1138	Hoàng Phương	Linh	24/04/1994	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2882	1139	Ngô Thị	Loan	16/10/1987	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 1		
2883	1140	Trần Thị Chi	Mai	31/03/1994	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2884	1141	Trung Thị	Mai	25/05/1992	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2885	1142	Nguyễn Thị	Mùi	02/12/1993	Nữ	Phúc Thuận, Phổ Yên, Thái Nguyên	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2886	1143	Nguyễn Thị	Nam	06/03/1997	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2887	1144	Nguyễn Như	Nam	18/03/1988	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2888	1145	Nguyễn Hoàng Thị	Nga	29/06/1993	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2889	1146	Nguyễn Thị	Nga	19/01/1993	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2890	1147	Lê Thị	Nga	08/11/1993	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2891	1148	Nguyễn Thị	Ngân	30/10/1995	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2892	1149	Trần Thị Hồng	Nhung	22/11/1993	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2893	1150	Nguyễn Thị	Oanh	04/03/1992	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2894	1151	Nguyễn Phương	Oanh	19/01/1993	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2895	1152	Đỗ Thị	Oanh	27/10/1998	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2896	1153	Trần Thị Hoài	Phương	15/01/1995	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2897	1154	Hoàng Thị Thu	Phương	28/07/1988	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2898	1155	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/04/1993	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2899	1156	Nguyễn Thị	Quyên	22/11/1992	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2900	1157	Đỗ Thị	Quỳnh	06/03/1994	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2901	1158	Nguyễn Thị	Thiệp	30/03/1991	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2902	1159	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/11/1995	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
2903	1160	Ngô Thị	Thoa	10/08/1992	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2904	1161	Nguyễn Thị Bích	Thủy	27/03/1994	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2905	1162	Đỗ Thị	Thúy	23/01/1990	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2906	1163	Đinh Thị	Thủy	08/03/1993	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2907	1164	Nguyễn Ngọc	Trang	20/10/1995	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2908	1165	Nguyễn Huyền	Trang	01/06/1990	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2909	1166	Nguyễn Thị Vân	Trang	04/09/1998	Nữ	Tiền Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2910	1167	Hoàng Thị Thùy	Trang	30/04/1993	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2911	1168	Đỗ Thị Thủy	Trang	24/10/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2912	1169	Đỗ Thị	Vân	19/01/1995	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CĐCĐ	
2913	1170	Nguyễn Thị Thúy	Vân	12/11/1989	Nữ	Thị trấn trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2914	1171	Nguyễn Thị	Vui	27/07/1991	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2915	1172	Đào Kim	Xuân	07/10/1994	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2916	1173	Tô Thị	Yến	16/11/1998	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2917	1174	Trương Thị Vân	Anh	24/04/1997	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2918	1175	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/05/1995	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2919	1176	Nguyễn Thị	Ánh	01/06/1992	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
2920	1177	Đỗ Thị	Dung	25/09/1998	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2921	1178	Trịnh Thị	Hà	10/07/1992	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2922	1179	Chu Thị	Hân	17/12/1994	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2923	1180	Cao Thị	Hiền	17/10/1996	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2924	1181	Vương Thị	Hoa	28/12/1993	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2925	1182	Nguyễn Minh	Hòa	19/09/1997	Nữ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2926	1183	Trần Thị	Hòa	02/09/1996	Nữ	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2927	1184	Nguyễn Thị	Hương	02/01/1997	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2928	1185	Nguyễn Thanh	Hường	27/06/1990	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2929	1186	Trần Đình	Hữu	14/05/1988	Nam	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2930	1187	Nguyễn Thị Thu	Huyền	10/06/1993	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2931	1188	Phạm Thị	Huyền	27/08/1987	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2932	1189	Nguyễn Thị	Khuyên	23/03/1992	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2933	1190	Đặng Thị Quỳnh	Lương	11/10/1987	Nữ	Thị trấn Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2934	1191	Đỗ Thị	Nga	28/04/1994	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2935	1192	Nguyễn Thị	Nga	06/12/1995	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2936	1193	Nguyễn Thúy	Nga	28/01/1990	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2937	1194	Nguyễn Như	Ngọc	24/01/1996	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2938	1195	Nguyễn Thị Hà	Phương	15/04/1997	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2939	1196	Vũ Thị	Thảo	19/06/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2940	1197	Phùng Thị	Thảo	06/05/1995	Nữ	Hữu Văn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2941	1198	Hoàng Thị	Thủy	17/02/1993	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2942	1199	Dương Huyền	Trang	04/11/1997	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2943	1200	Nguyễn Thị Huyền	Trang	13/03/1993	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2944	1201	Nguyễn Thị Minh	Ánh	05/07/1996	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2945	1202	Phạm Văn	Đạt	20/06/1998	Nam	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2946	1203	Lê Minh	Điệp	24/06/1994	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2947	1204	Quách Thị	Hằng	06/05/1988	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2948	1205	Đoàn Thị	Hiền	26/05/1992	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2949	1206	Hoàng Trung	Hiếu	11/10/1990	Nam	Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2950	1207	Lê Thị Kim	Huệ	17/11/1995	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2951	1208	Đỗ Thị	Hương	24/08/1991	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2952	1209	Lê Diệu	Hương	07/12/1995	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2953	1210	Trần Thị	Huyền	10/05/1990	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2954	1211	Nguyễn Thị	Lan	04/08/1990	Nữ	Bích Hòa, Thanh Oai Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2955	1212	Đỗ Thị Quỳnh	Mai	01/11/1995	Nữ	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2956	1213	Nguyễn Thị	Mơ	10/11/1996	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2957	1214	Nguyễn Thị Thu	Nga	10/07/1995	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2958	1215	Nguyễn Thị	Phượng	20/02/1983	Nữ	Thanh Cao, Thanh Oai Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2959	1216	Lê Huy	Tân	23/09/1993	Nam	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
2960	1217	Phạm Đăng	Thiếu	16/05/1995	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
2961	1218	Phạm Thị	Thúy	28/10/1992	Nữ	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
2962	1219	Nguyễn Thị Thu	Thùy	27/09/1993	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2963	1220	Phan Thị Thu	Uyên	17/02/1998	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
2964	1221	Nguyễn Thị	Vân	28/02/1989	Nữ	Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2965	1222	Đặng Thanh	Đông	01/11/1995	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2966	1223	Vũ Thị Thu	Hà	11/04/1992	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2967	1224	Lương Thu	Hà	01/04/1994	Nữ	Chương Dương, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
2968	1225	Hoàng Đình	Hải	27/11/1992	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2969	1226	Hoàng Thị Ngọc	Hải	10/06/1998	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2970	1227	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	30/05/1996	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
2971	1228	Lê Thị	Huế	12/03/1992	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2972	1229	Phạm Thị	Lan	23/09/1997	Nữ	Thống Nhất, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2973	1230	Nguyễn Thị	Lan	12/05/1980	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2974	1231	Nguyễn Thị	Liễu	06/12/1991	Nữ	Văn Phú, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
2975	1232	Đinh Thị Thùy	Linh	19/04/1996	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2976	1233	Bùi Mỹ	Linh	17/04/1998	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2977	1234	Lê Thị Thúy	Linh	29/04/1995	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2978	1235	Nguyễn Thị	Luận	25/10/1990	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2979	1236	Nguyễn Thị	Mai	26/11/1987	Nữ	Văn Phú, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
2980	1237	Hoàng Văn	Mạnh	20/05/1992	Nam	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2981	1238	Hoàng Phương	Nam	13/12/1994	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2982	1239	Dương Quang	Nhật	24/08/1995	Nam	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2983	1240	Nguyễn Thị	Như	29/12/1995	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	C	C		
2984	1241	Ngô Thị	Nhung	03/10/1986	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2985	1242	Từ Thị	Oanh	24/04/1991	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2986	1243	Đào Thị	Oanh	02/05/1990	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2987	1244	Lê Thị	Oánh	27/11/1993	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2988	1245	Đỗ Trường	Quân	04/09/1993	Nam	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	C		
2989	1246	Đỗ Hồng	Thanh	08/01/1991	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2990	1247	Hoàng Thị Phương	Thảo	20/01/1989	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
2991	1248	Đàm Thị Phương	Thảo	27/11/1995	Nữ	Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2992	1249	Lương Thị	Thoan	06/12/1994	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2993	1250	Phạm Thị	Thư	04/11/1994	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2994	1251	Lê Thị Bích	Thuần	30/12/1991	Nữ	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
2995	1252	Vũ Thị Minh	Thúy	21/04/1997	Nữ	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2996	1253	Lê Thị	Thúy	15/08/1990	Nữ	Ngọc Hồi,Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2997	1254	Khúc Thị Phương	Thúy	13/11/1996	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
2998	1255	Phạm Thị	Thùy	30/12/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
2999	1256	Nguyễn Thị Thu	Thủy	12/02/1992	Nữ	Văn Tảo, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3000	1257	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/02/1991	Nữ	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3001	1258	Lê Thị Lan	Anh	03/04/1994	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3002	1259	Ngô Thị Vân	Anh	04/09/1992	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3003	1260	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/09/1990	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
3004	1261	Trần Thị Nguyệt	Cầm	15/05/1992	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Trung cấp Công nghệ thông tin	B		
3005	1262	Lê Thị Huyền	Cầm	09/07/1998	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3006	1263	Dương Văn	Đang	10/09/1996	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3007	1264	Phan Thị	Đáng	03/05/1993	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3008	1265	Đào Bích	Diệp	28/08/1991	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3009	1266	Nguyễn Tiến	Dũng	27/05/1994	Nam	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3010	1267	Cao Văn	Dũng	13/03/1993	Nam	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B	HTNV	
3011	1268	Vũ Thúy	Hà	22/11/1996	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3012	1269	Phạm Thị Thanh	Hằng	20/01/1996	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	IC 3	B1		
3013	1270	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/01/1996	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3014	1271	Đỗ Thúy	Hồng	03/12/1996	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3015	1272	Phạm Thị	Huệ	19/09/1993	Nữ	Châu Giang, Duy Tiên, Hà Nam	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3016	1273	Nguyễn Thị	Huyền	08/06/1995	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3017	1274	Nguyễn Thị Thu	Huyền	30/03/1993	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
3018	1275	Hoàng Công	Liêm	30/04/1992	Nam	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3019	1276	Nguyễn Thị	Linh	29/11/1995	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3020	1277	Nguyễn Khánh	Linh	13/02/1998	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3021	1278	Đinh Xuân	Mạnh	04/04/1994	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3022	1279	Nguyễn Thị	Miền	29/01/1994	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3023	1280	Nguyễn Thị Bích	Ngoan	05/04/1995	Nữ	Vân Từ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3024	1281	Ngô Thị Bích	Ngọc	02/08/1997	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3025	1282	Nguyễn Bích	Ngọc	25/03/1997	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3026	1283	Nguyễn Thị	Nhàn	22/07/1991	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3027	1284	Nguyễn Hồng	Nhung	14/08/1998	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3028	1285	Nguyễn Thị Mai	Phương	24/07/1994	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3029	1286	Nguyễn Thị	Thanh	19/08/1991	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3030	1287	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	19/07/1993	Nữ	Vân Từ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3031	1288	Lương Thị Thanh	Thảo	09/07/1998	Nữ	Quang Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
3032	1289	Phạm Thu	Thảo	15/06/1995	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3033	1290	Phạm Thị	Thơm	24/11/1993	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
3034	1291	Nguyễn Thanh	Thư	10/04/1995	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3035	1292	Nguyễn Thị	Trang	09/03/1996	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3036	1293	Vũ Thị Quỳnh	Trang	26/08/1995	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3037	1294	Vũ Thị	Trang	30/09/1994	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3038	1295	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	11/11/1989	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3039	1296	Đào Thị Hồng	Vân	16/06/1997	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3040	1297	Nguyễn Thị	Viên	10/09/1989	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3041	1298	Lưu Thị Ngọc	Anh	21/11/1996	Nữ	Hoàng Kim, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3042	1299	Nguyễn Thị Kim	Anh	08/11/1997	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3043	1300	Nguyễn Thị	Hà	02/07/1989	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3044	1301	Nguyễn Thị	Hà	13/11/1984	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3045	1302	Phan Thị Thu	Hà	05/05/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3046	1303	Nguyễn Thu	Hằng	16/04/1994	Nữ	Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	A	B		
3047	1304	Lê Thị	Hiền	06/04/1992	Nữ	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3048	1305	Nguyễn Thu	Hiền	24/05/1990	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3049	1306	Trần Thị	Hoa	04/04/1994	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3050	1307	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/12/1992	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3051	1308	Nguyễn Thị Thanh	Hương	30/09/1981	Nữ	Hùng Vương, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 1		
3052	1309	Đỗ Thanh	Huyền	15/12/1997	Nữ	Cao Minh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3053	1310	Nguyễn Thị Hương	Lan	07/10/1994	Nữ	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3054	1311	Lê Thị	Liên	30/05/1994	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3055	1312	Bùi Diệu	Linh	20/08/1998	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3056	1313	Ngô Thị Bích	Ngâm	02/01/1992	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3057	1314	Nguyễn Thị	Ngân	27/04/1986	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3058	1315	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/07/1992	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3059	1316	Trần Thị Kim	Ngân	06/04/1990	Nữ	Hùng Vương, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3060	1317	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	02/11/1987	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3061	1318	Nguyễn Văn	Ngọc	30/01/1994	Nam	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3062	1319	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	30/12/1988	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3063	1320	Phan Thị	Nhung	08/01/1989	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
3064	1321	Lê Anh	Phòng	10/05/1990	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3065	1322	Nguyễn Thị	Phương	18/02/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3066	1323	Phạm Thị	Sang	10/03/1985	Nữ	Mê Linh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
3067	1324	Đỗ Thị	Thu	07/06/1988	Nữ	Vạn Yên, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3068	1325	Nguyễn Thị	Thu	08/06/1991	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3069	1326	Nguyễn Thị	Thư	25/10/1995	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3070	1327	Đỗ Thị Thu	Thủy	13/10/1995	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3071	1328	Đặng Thị	Thủy	08/06/1992	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3072	1329	Bùi Thị Huyền	Trang	26/07/1994	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3073	1330	Đỗ Thị	Triển	05/10/1986	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
3074	1331	Đinh Thị	Văn	25/05/1988	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3075	1332	Lê Thị Phương	Giang	10/06/1982	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
3076	1333	Nguyễn Xuân	Hiền	04/07/1990	Nữ	Tiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	A		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3077	1334	Phan Thị	Hoa	05/09/1985	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
3078	1335	Đỗ Thị	Linh	06/11/1996	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3079	1336	Hoàng Thị Hằng	Nga	09/11/1983	Nữ	Đồng Xuân, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
3080	1337	Nguyễn Hồng	Nguyệt	16/10/1995	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3081	1338	Lê Thị	Thường	26/05/1988	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
3082	1339	Nguyễn Thị	Châm	30/04/1996	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3083	1340	Nguyễn Ngọc	Dương	08/09/1993	Nam	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3084	1341	Nguyễn Thị	Hiền	19/09/1992	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3085	1342	Vũ Thị	Hoa	07/02/1993	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3086	1343	Lê Văn	Hoàng	20/06/1985	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3087	1344	Nguyễn Thị Phương	Ly	04/04/1996	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3088	1345	Nguyễn Thanh	Nhi	13/11/1997	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3089	1346	Phan Nữ Thái	Minh	05/08/1997	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3090	1347	Bùi Thanh	Thảo	05/05/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3091	1348	Đinh Thị	Thủy	13/06/1991	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3092	1349	Nguyễn Thị	Thủy	18/10/1991	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3093	1350	Hoàng Thị	Thúy	10/12/1996	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3094	1351	Nguyễn Thị Thu	Thủy	01/09/1992	Nữ	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3095	1352	Ngô Cao	Xuân	15/02/1991	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3096	1353	Ngô Thế	Anh	02/09/1996	Nam	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3097	1354	Đỗ Thị Bích	Đào	15/09/1996	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3098	1355	Cao Thị	Điệp	16/06/1988	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3099	1356	Ngô Thị	Hà	19/05/1997	Nữ	Yên Nhân, Ý Yên, Nam Định	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
3100	1357	Nguyễn Thu	Hường	28/07/1991	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3101	1358	Trần Vinh	Quang	08/02/1984	Nam	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3102	1359	Nguyễn Minh	Tú	02/10/1994	Nam	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3103	1360	Nguyễn Thị	Vân	15/01/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3104	1361	Đặng Hải	Yến	04/09/1990	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3105	1362	Phùng Văn	Chương	30/04/1987	Nam	Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3106	1363	Nguyễn Minh	Đức	03/03/1995	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3107	1364	Chu Thị Kim	Hiền	01/06/1994	Nữ	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3108	1365	Nguyễn Thị	Hồng	12/12/1993	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3109	1366	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	27/09/1994	Nữ	Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giao tiếp B		
3110	1367	Vũ Thị Thu	Huyền	04/05/1994	Nữ	Nghĩa Lâm, Nghĩa Hưng, Nam Định	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	C		
3111	1368	Nguyễn Thị Trang	Linh	30/04/1993	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3112	1369	Bùi Thị Tuyết	Nhung	08/11/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3113	1370	Phan Thị	Thương	28/03/1997	Nữ	Liêm Cần, Thanh Liêm, Hà Nam	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3114	1371	Đỗ Xuân	Thưởng	25/05/1995	Nam	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3115	1372	Nguyễn Thị	Trang	13/09/1992	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3116	1373	Nguyễn Thị Hải	Yến	06/02/1992	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
3117	1374	Đỗ Thị	Liễu	02/03/1993	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TT Giám định y khoa Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3118	1375	Nguyễn Đình	Toàn	09/11/1996	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	TT Giám định y khoa Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3119	1376	Phạm Hương	Giang	11/07/1991	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3120	1377	Nguyễn Thị	Hằng	17/11/1991	Nữ	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Cao đẳng Tin học	A2	CTB	
3121	1378	Vũ Thị Hồng	Nhung	14/10/1994	Nữ	Cát Thành, Trực Ninh, Nam Định	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3122	1379	Bùi Thị	Trang	03/04/1996	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3123	1380	Đoàn Linh	Chi	18/3/1994	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3124	1381	Đinh Công	Đoàn	01/8/1995	Nam	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3125	1382	Nguyễn Thị	Giang	18/8/1991	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3126	1383	Nguyễn Thu	Hằng	17/5/1994	Nữ	Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3127	1384	Hà Thị	Hạnh	07/02/1982	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
3128	1385	Lê Thị	Hiền	07/12/1994	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3129	1386	Vũ Thanh	Hoa	10/11/1995	Nữ	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3130	1387	Trần Thị	Huệ	09/9/1992	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3131	1388	Nguyễn Công	Hưng	17/4/1996	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3132	1389	Vũ Thị Bích	Liên	14/12/1995	Nữ	Phương Canh, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3133	1390	Nguyễn Phương	Nhi	07/10/1995	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3134	1391	Trịnh Thị	Oanh	12/3/1995	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3135	1392	Chí Thị	Phượng	23/02/1994	Nữ	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3136	1393	Trịnh Thị	Phượng	28/8/1992	Nữ	Tả Thanh Oai,Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3137	1394	Lê Thị	Thư	21/01/1991	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3138	1395	Đinh Thị Ngọc	Thủy	13/9/1995	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3139	1396	Nguyễn Thị	Toàn	14/5/1989	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3140	1397	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	02/06/1995	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3141	1398	Phạm Việt	Anh	30/10/1997	Nam	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3142	1399	Hoàng Quỳnh	Giang	22/10/1995	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3143	1400	Nguyễn Minh	Hằng	03/01/1994	Nữ	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3144	1401	Quản Thị	Liên	29/04/1988	Nữ	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3145	1402	Nguyễn Thị	Ngọc	27/05/1994	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3146	1403	Nguyễn Thị	Phương	10/07/1993	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3147	1404	Nguyễn Thị	Tuyết	20/03/1996	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3148	1405	Nguyễn Thành	Công	05/9/1995	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3149	1406	Lê Thị	Dơn	19/5/1987	Nữ	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3150	1407	Đinh Thị Thùy	Dung	01/9/1995	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3151	1408	Vũ Thị Thanh	Hoa	16/5/1990	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3152	1409	Lê Thị	Hoa	05/7/1987	Nữ	Cẩm Ngọc, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
3153	1410	Nguyễn Thị	Hưng	27/04/1994	Nữ	Trí Quả, Thuận Thành, Bắc Ninh	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3154	1411	Nguyễn Thị Thu	Hương	09/12/1990	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3155	1412	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	18/04/1994	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3156	1413	Nguyễn Thị Thanh	Lam	29/05/1993	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3157	1414	Nguyễn Thị Hồng	Liên	03/03/1992	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3158	1415	Trần Thị	Mai	01/01/1990	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3159	1416	Lê Hoài	Nam	02/10/1989	Nam	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3160	1417	Lê Thúy	Nga	15/05/1996	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3161	1418	Nhân Thị	Nga	07/01/1994	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3162	1419	Trần Thị Thanh	Nga	09/09/1994	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3163	1420	Vũ Thị	Nga	25/06/1992	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
3164	1421	Trần Thanh	Ngọc	04/09/1995	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3165	1422	Công Đình	Nguyên	13/01/1993	Nam	Phú Thượng Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3166	1423	Kim Thị Thu	Thảo	13/03/1993	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
3167	1424	Nguyễn Cẩm	Tú	04/07/1994	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3168	1425	Đinh Thị	Tươi	26/05/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3169	1426	Nguyễn Thị	Yến	14/06/1995	Nữ	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3170	1427	Vũ Minh	Anh	24/12/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3171	1428	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	19/10/1990	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3172	1429	Nguyễn Thị Hương	Giang	11/09/1993	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3173	1430	Đặng Thị	Hường	11/12/1992	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3174	1431	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	21/11/1995	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3175	1432	Nguyễn Thị	Lan	12/04/1993	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3176	1433	Đặng Thị	Ngân	07/04/1991	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3177	1434	Trần Danh	Nghĩa	04/11/1990	Nam	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3178	1435	Đặng Bích	Ngọc	09/10/1993	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3179	1436	Hồ Thị Minh	Nguyệt	03/11/1992	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3180	1437	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/07/1996	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3181	1438	Nguyễn Thị	Phượng	24/04/1987	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3182	1439	Trần Thị Anh	Thư	27/06/1994	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3183	1440	Hà Thị	Trang	03/01/1993	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3184	1441	Đỗ Thị Kim	Anh	11/6/1993	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3185	1442	Trần Minh	Anh	29/12/1997	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3186	1443	Nguyễn Thị	Dung	23/8/1998	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3187	1444	Ngô Hương	Giang	28/7/1998	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3188	1445	Đức Thị	Hải	15/10/1992	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3189	1446	Nguyễn Thị Thanh	Hải	13/3/1995	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
3190	1447	Phạm Thị	Hoa	10/8/1990	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2	CTB	
3191	1448	Nguyễn Thị	Hoa	20/7/1996	Nữ	Đông La, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3192	1449	Ứng Thị	Hồng	24/3/1994	Nữ	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3193	1450	Nguyễn Thị	Hồng	30/11/1980	Nữ	Phù Phương, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3194	1451	Bùi Thu	Hương	04/9/1990	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	A	A2		
3195	1452	Phạm Thị	Phương	17/02/1990	Nữ	Phù Lưu, Ứng hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3196	1453	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	30/7/1996	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3197	1454	Tạ Thị	Thảo	19/4/1994	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3198	1455	Nguyễn Thị	Thúy	05/01/1992	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3199	1456	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20/11/1998	Nữ	Đại Hùng, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3200	1457	Kim Thị	Thúy	18/10/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3201	1458	Đoàn Thị	Trâm	10/11/1991	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3202	1459	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	15/5/1997	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3203	1460	Nguyễn Thanh	Hải	15/08/1993	Nam	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3204	1461	Phạm Thị	Hương	20/03/1993	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3205	1462	Lê Thị	Thúy	04/05/1991	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B	CTB	
3206	1463	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	24/05/1994	Nữ	Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3207	1464	Phạm Tuấn	Anh	04/10/1995	Nam	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3208	1465	Bùi Ngân	Hà	22/03/1996	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3209	1466	Nguyễn Thị	Hà	17/02/1984	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3210	1467	Trần Thị Thu	Hà	10/05/1994	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3211	1468	Cấn Thị Thanh	Hằng	01/12/1997	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3212	1469	Hoàng Thị	Hằng	10/11/1997	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3213	1470	Nguyễn Thị	Hoa	29/01/1993	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3214	1471	Nguyễn Thị	Huế	05/08/1996	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3215	1472	Hoàng Diệu	Linh	16/03/1995	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3216	1473	Trần Thị Ánh	Nguyệt	10/05/1983	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3217	1474	Nguyễn Thùy	Nhung	21/01/1998	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3218	1475	Đỗ Thị	Phấn	07/05/1991	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3219	1476	Lê Thị	Thủy	06/09/1990	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3220	1477	Trần Thị	Uyên	04/11/1992	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3221	1478	Nguyễn Hữu	Báo	14/10/1995	Nam	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3222	1479	Ngô Thị Kim	Dung	09/07/1990	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3223	1480	Nguyễn Thị Thùy	Dương	03/09/1995	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3224	1481	Nguyễn Thị	Giang	24/12/1992	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3225	1482	Phạm Thị Thanh	Hải	10/11/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3226	1483	Phạm Thị	Hoa	02/04/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3227	1484	Nguyễn Thị	Hoa	25/11/1995	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3228	1485	Hoàng Thị Diệu	Linh	22/05/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3229	1486	Lê Thị Thùy	Linh	24/10/1995	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3230	1487	Đỗ Hoài	Thanh	06/04/1996	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3231	1488	Vương Thị	Thơ	17/09/1993	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3232	1489	Nguyễn Thị	Thoa	10/07/1995	Nữ	Đồng Nguyên, Từ Sơn, Bắc Ninh	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3233	1490	Phạm Thị	Thủy	20/09/1993	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3234	1491	Lê Thị Ngọc	Trang	13/05/1995	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3235	1492	Nguyễn Thị Linh	Anh	22/01/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3236	1493	Vũ Thị Hồng	Hà	12/02/1986	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3237	1494	Nguyễn Thu	Hằng	09/12/1997	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3238	1495	Nguyễn Thị	Hường	11/01/1991	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3239	1496	Nguyễn Thanh	Ngân	12/11/1983	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3240	1497	Phạm Thị Thu	Thủy	02/03/1993	Nữ	Nghĩa Lộ, Cát Hải, Hải Phòng	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3241	1498	Đỗ Thị	Thủy	10/10/1997	Nữ	Trưng Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3242	1499	Nguyễn Hải	Yến	29/10/1994	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3243	1500	Đặng Thị Hồng	Hạnh	31/05/1994	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3244	1501	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	21/01/1993	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3245	1502	Nguyễn Thị Thu	Hiền	06/07/1992	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3246	1503	Ngô Xuân	Hiệp	01/01/1993	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3247	1504	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/08/1992	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3248	1505	Nguyễn Thanh	Lan	31/08/1991	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3249	1506	Ngô Thị	Lượng	15/07/1994	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3250	1507	Bùi Thị Thúy	Ngần	28/08/1989	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
3251	1508	Hồ Thị Bích	Ngọc	25/11/1997	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3252	1509	Bùi Thanh	Thư	05/05/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3253	1510	Nguyễn Ngọc	Thủy	29/12/1990	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3254	1511	Trần Thị	Đông	01/10/1985	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3255	1512	Nguyễn Thị	Dung	11/07/1991	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3256	1513	Lê Thị Thùy	Dương	22/10/1997	Nữ	Tàm Xá, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3257	1514	Nguyễn Thu	Hằng	19/08/1993	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3258	1515	Lê Thanh	Hằng	01/03/1993	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3259	1516	Đào Lan	Hương	10/06/1994	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3260	1517	Nguyễn Thị Lan	Hương	25/05/1995	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3261	1518	Nguyễn Thu	Hương	26/10/1997	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3262	1519	Lê Thanh	Huyền	08/12/1996	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3263	1520	Lê Đinh	Kỳ	20/05/1990	Nam	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	HTNV	
3264	1521	Nguyễn Thị Phương	Lan	15/01/1992	Nữ	Thị Trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3265	1522	Nguyễn Thị Phương	Thảo	31/07/1993	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3266	1523	Nguyễn Thị Thanh	Thư	11/08/1994	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3267	1524	Nguyễn Thu	Trang	27/09/1986	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
3268	1525	Trần Quế	Anh	03/02/1997	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3269	1526	Nguyễn Văn	Đại	15/09/1994	Nam	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3270	1527	Mai Thu	Hiền	06/03/1996	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3271	1528	Đoàn Thị Hương	Lan	12/05/1998	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3272	1529	Nguyễn Thị Diễm	Mi	30/09/1994	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3273	1530	Đinh Thị Bích	Thành	27/02/1987	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3274	1531	Nguyễn Khắc	Tú	27/05/1992	Nam	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3275	1532	Nguyễn Thị	Xuyến	20/07/1991	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
3276	1533	Phạm Thị Hải	Yến	12/07/1990	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	B	B		
3277	1534	Lê Thanh	Hà	22/11/1991	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3278	1535	Nguyễn Thị Thu	Hằng	24/05/1992	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3279	1536	Phan Thúy	Hằng	19/02/1995	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3280	1537	Ngô Thị Thu	Hồng	01/11/1995	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3281	1538	Chu Thị	Huế	25/09/1992	Nữ	Bình Minh, Khoái Châu, Hưng Yên	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3282	1539	Hoàng Thị	Ly	05/10/1992	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3283	1540	Phan Thị	Mừng	26/09/1994	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3284	1541	Tuấn Thị Hoài	Phương	23/06/1991	Nữ	Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3285	1542	Nguyễn Thị	Quyên	03/12/1994	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
3286	1543	Thế Thị Thu	Trang	20/09/1989	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3287	1544	Đỗ Thị	Thu	29/08/1989	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3288	1545	Nguyễn Thị	Thủy	16/03/1990	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3289	1546	Nguyễn Thị Hải	Yến	01/09/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
3290	1547	Đào Kiều	Anh	29/08/1993	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3291	1548	Hoàng Thị	Liên	13/09/1993	Nữ	Ngọc Hồi-Thanh Trì-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3292	1549	Nguyễn Thị	Phượng	26/10/1988	Nữ	Khánh Hà, Thường Tín-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3293	1550	Lê Thị Minh	Tâm	03/09/1991	Nữ	Văn Võ -Chương Mỹ-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3294	1551	Hoàng Thị	Thủy	09/03/1992	Nữ	Ngọc Hồi-Thanh Trì-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3295	1552	Nguyễn Hà	Trang	08/02/1994	Nữ	Đông Mỹ -Thanh Trì-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3296	1553	Lã Thị Huyền	Trang	13/02/1994	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì -Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3297	1554	Nguyễn Thị Bảo	Anh	11/10/1995	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3298	1555	Nguyễn Diệu	Anh	17/12/1995	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3299	1556	Nguyễn Thị Kim	Anh	12/10/1996	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3300	1557	Lê Mai	Anh	11/10/1998	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3301	1558	Nghiêm Thị Thúy	Bích	04/01/1995	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	C	C		
3302	1559	Nguyễn Thị	Biên	22/12/1992	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3303	1560	Hoàng Thị	Dung	07/10/1990	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3304	1561	Lê Thị	Dung	03/12/1993	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
3305	1562	Nguyễn Thị	Dung	08/12/1995	Nữ	Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3306	1563	Trịnh Thị	Hà	18/10/1992	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3307	1564	Nguyễn Thị	Hà	27/09/1984	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3308	1565	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/12/1996	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3309	1566	Lê Thị	Hạnh	16/11/1991	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3310	1567	Nguyễn Thị	Hiên	06/10/1995	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3311	1568	Nguyễn Thị	Hòa	07/04/1994	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3312	1569	Hà Thị Ngọc	Huệ	31/05/1994	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
3313	1570	Cao Thị	Hương	02/12/1995	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3314	1571	Trần Thị Thanh	Huyền	13/10/1996	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3315	1572	Nguyễn Thị	Huyền	07/07/1997	Nữ	Quân Chu, Đại Từ, Thái Nguyên	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3316	1573	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/12/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3317	1574	Nguyễn Thị	Lan	15/12/1991	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3318	1575	Phan Thị	Lan	04/07/1997	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3319	1576	Lê Thùy	Linh	15/11/1995	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3320	1577	Ngô Thị Thúy	Loan	09/09/1990	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3321	1578	Trần Thị	Luật	29/08/1991	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3322	1579	Phạm Thị	Minh	09/08/1993	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3323	1580	Nguyễn Thanh	Nga	24/12/1992	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3324	1581	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	24/08/1995	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3325	1582	Trần Kim	Ngọc	09/08/1993	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3326	1583	Trần Thị	Nhung	13/06/1990	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3327	1584	Phạm Thị Hồng	Nhung	05/03/1994	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3328	1585	Nguyễn Thị	Oanh	01/04/1992	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3329	1586	Trần Ngọc	Quyên	29/12/1993	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3330	1587	Phạm Bảo	Quyên	07/08/1994	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3331	1588	Nguyễn Thị	Sen	11/04/1995	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3332	1589	Đào Thị	Sinh	27/01/1994	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3333	1590	Trần Thị Thu	Thanh	17/01/1995	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3334	1591	Trần Thị	Thanh	28/06/1995	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3335	1592	Nguyễn Thị	Thơm	10/02/1988	Nữ	Xuân Hòa, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3336	1593	Hoàng Thị	Thu	06/05/1992	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3337	1594	Nguyễn Thị	Trang	05/09/1990	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3338	1595	Trịnh Hồng	Vân	26/11/1984	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3339	1596	Dương Thị	Yến	26/02/1995	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3340	1597	Nguyễn Thị	Yến	02/03/1991	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3341	1598	Trần Thị Hồng	Chiêm	27/11/1989	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3342	1599	Phan Mạnh	Cường	07/04/1993	Nam	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3343	1600	Nguyễn Mạnh	Dũng	14/09/1991	Nam	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3344	1601	Nguyễn Thị Bích	Hà	13/07/1985	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	C		
3345	1602	Nguyễn Thị	Hằng	10/06/1995	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3346	1603	Trần Thị Mỹ	Hằng	26/11/1993	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3347	1604	Phan Thị Thu	Hằng	12/05/1993	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3348	1605	Trịnh Thị Bích	Hảo	15/02/1995	Nữ	Cam Thượng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3349	1606	Nguyễn Thu	Hiền	18/06/1996	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3350	1607	Nguyễn Thị	Hiệp	14/09/1986	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3351	1608	Phan Thị	Hương	22/11/1993	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3352	1609	Chu Thanh	Huyền	22/08/1997	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3353	1610	Phạm Thùy	Linh	30/07/1997	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3354	1611	Hứa Thị	Linh	21/05/1996	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3355	1612	Nguyễn Thị Diệu	Linh	01/12/1991	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3356	1613	Chu Ngọc	Mây	08/09/1996	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3357	1614	Nguyễn Thị	Nga	27/07/1993	Nữ	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3358	1615	Phạm Thị	Ngọc	10/10/1982	Nữ	Minh Quang, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3359	1616	Khuất Phương	Nhâm	14/04/1990	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3360	1617	Phùng Thị Thanh	Nhạn	08/09/1996	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3361	1618	Lê Thị Tuyết	Nhung	19/09/1994	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3362	1619	Nguyễn Thị	Oanh	10/08/1994	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3363	1620	Nguyễn Thanh	Phương	24/09/1995	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3364	1621	Phùng Thị	Thái	03/09/1992	Nữ	Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3365	1622	Hoàng Thị Phương	Thanh	11/01/1985	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3366	1623	Nguyễn Thị Trung	Thành	13/08/1982	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3367	1624	Phan Thị	Thiết	09/10/1993	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3368	1625	Đỗ Thị Hoài	Thu	06/06/1995	Nữ	Yên Bài, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B2		
3369	1626	Nguyễn Thị	Thuận	20/10/1995	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CĐCĐ	
3370	1627	Lý Thị	Thùy	03/04/1996	Nữ	Ba Vì, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3371	1628	Dương Thị Thu	Trang	26/12/1997	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3372	1629	Vũ Thị	Trang	15/03/1989	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
3373	1630	Vũ Phương	Tú	02/05/1982	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3374	1631	Đào Ngọc	Tuân	10/10/1993	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3375	1632	Lê Thị Ánh	Tuyết	01/09/1990	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
3376	1633	Lê Nguyễn Mộng	Vân	14/11/1995	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3377	1634	Nguyễn Thị	Bích	24/05/1992	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3378	1635	Nguyễn Thị Kim	Chung	22/07/1995	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
3379	1636	Bùi Thị	Hiền	01/11/1984	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3380	1637	Khuất Thị Bích	Hiên	02/12/1991	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3381	1638	Đặng Thị Thanh	Hoa	16/08/1992	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3382	1639	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/04/1991	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	Giao tiếp B		
3383	1640	Nguyễn Thị	Lan	17/09/1983	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	A	A		
3384	1641	Kiều Thu	Ngân	19/03/1993	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3385	1642	Nguyễn Thị	Phúc	24/11/1993	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3386	1643	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/11/1988	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
3387	1644	Vũ Thị	Thu	20/08/1984	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3388	1645	Nguyễn Thị	Bích	22/05/1993	Nữ	Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3389	1646	Bùi Thị	Chuyền	24/05/1994	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3390	1647	Trần Thị Ngọc	Diệp	11/01/1997	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3391	1648	Đỗ Thị Bích	Hằng	30/09/1995	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3392	1649	Cấn Thị	Hương	15/09/1989	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3393	1650	Nguyễn Mai	Loan	05/04/1991	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3394	1651	Nguyễn Thị Kim	Oanh	23/06/1995	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3395	1652	Trịnh Thị Bích	Phượng	19/08/1996	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3396	1653	Nguyễn Thị	Thà	27/04/1996	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3397	1654	Vương Thị	Tươi	14/10/1989	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3398	1655	Đỗ Thị	Tuyết	29/08/1992	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3399	1656	Vương Thị	Cúc	10/02/1993	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3400	1657	Nguyễn Thị	Dung	20/02/1991	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3401	1658	Phùng Hương	Giang	22/12/1993	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3402	1659	Bùi Thị	Hải	27/10/1992	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3403	1660	Kiều Thị	Hằng	01/11/1990	Nữ	Đồng Trúc, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3404	1661	Lý Thị	Hòa	14/12/1994	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3405	1662	Bùi Thị Thu	Hoàn	11/12/1994	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
3406	1663	Bùi Thị	Huệ	07/06/1990	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3407	1664	Tạ Thị	Lan	11/06/1993	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
3408	1665	Nguyễn Thùy	Linh	27/10/1994	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3409	1666	Đỗ Thành	Luân	09/09/1992	Nam	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3410	1667	Nguyễn Thị	Nga	26/12/1995	Nữ	An Lạc, Chí Linh, Hải Dương	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3411	1668	Phong Thị	Nguyệt	09/11/1996	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3412	1669	Nguyễn Thị Hương	Nhài	14/08/1993	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3413	1670	Nguyễn Thị	Thoa	17/12/1995	Nữ	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3414	1671	Nguyễn Bá	Thường	31/08/1994	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3415	1672	Trần Thị Minh	Thúy	10/08/1993	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3416	1673	Nguyễn Song	Toàn	23/10/1988	Nam	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
3417	1674	Nguyễn Thị Hương	Tuyền	14/10/1996	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3418	1675	Nguyễn Thị Thùy	Anh	01/10/1997	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3419	1676	Phạm Thị	Ánh	04/04/1994	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3420	1677	Nguyễn Thị	Hiền	16/04/1994	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3421	1678	Nguyễn Thị	Huế	15/06/1994	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3422	1679	Phạm Thị Huyền	Nga	20/09/1996	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3423	1680	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	26/10/1993	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3424	1681	Nguyễn Thị Mai	Ngọc	10/03/1995	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3425	1682	Đàm Thị	Thúy	29/04/1993	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3426	1683	Hoàng Thị	Thủy	14/09/1994	Nữ	Thanh Đa, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3427	1684	Bùi Thị	Thức	25/10/1993	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3428	1685	Nguyễn Hà	Trang	25/04/1993	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
3429	1686	Đông Thị Huyền	Trang	21/07/1993	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3430	1687	Nguyễn Thị Hoài	An	12/10/1997	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3431	1688	Trần Thị	Dung	03/12/1997	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3432	1689	Dương Thị	Duyên	24/10/1997	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3433	1690	Phạm Văn	Điền	31/10/1992	Nam	Cổ Bì, Bình Giang, Hải Dương	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3434	1691	Phạm Thị	Hà	22/06/1990	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3435	1692	Nguyễn Thị	Hoa	14/12/1996	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3436	1693	Viết Thị	Huyền	27/11/1993	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3437	1694	Trần Thị	Linh	27/09/1998	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3438	1695	Nguyễn Trang	Ly	21/08/1997	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
3439	1696	Xuân Thị	Mơ	17/07/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3440	1697	Nguyễn Thị	Ngọc	28/11/1996	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3441	1698	Nguyễn Mai	Phương	09/01/1997	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
3442	1699	Doãn Thị	Phượng	30/05/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3443	1700	Nguyễn Thị	Thắm	28/05/1997	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
3444	1701	Nguyễn Phương	Thúy	17/05/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3445	1702	Phí Thị Huyền	Trang	17/09/1992	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3446	1703	Trung Thị	Vân	29/04/1994	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3447	1704	Đỗ Thị Lan	Anh	16/06/1994	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3448	1705	Đàm Thị	Hằng	15/09/1986	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	B		
3449	1706	Đào Thị	Hiền	20/04/1994	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3450	1707	Hà Thị	Hồng	26/11/1993	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3451	1708	Cao Thị	Huệ	29/05/1998	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3452	1709	Tạ Thị	Liên	15/07/1989	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3453	1710	Nguyễn Thị	Linh	18/07/1993	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3454	1711	Đỗ Thị Thu	Mùi	05/01/1991	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3455	1712	Tống Thị	Nguyệt	15/03/1995	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B	CTB	
3456	1713	Phùng Thị Hồng	Nhung	21/11/1998	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3457	1714	Đinh Thị	Nhung	10/10/1991	Nữ	Hòa Chính, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3458	1715	Nguyễn Thị	Thương	10/02/1987	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3459	1716	Đỗ Minh	Thúy	19/07/1996	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3460	1717	Trịnh Thị	Thúy	09/12/1992	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3461	1718	Phùng Thị	Trang	07/07/1993	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3462	1719	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	07/06/1996	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
3463	1720	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	04/03/1993	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	A	B		
3464	1721	Phạm Mai	Thanh	17/07/1985	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
3465	1722	Phùng Thị	Cúc	09/08/1987	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	B		
3466	1723	Phạm Thị	Dung	16/07/1989	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
3467	1724	Hoàng Thị Hồng	Hà	03/10/1995	Nữ	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3468	1725	Đào Thị	Hoa	10/02/1991	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3469	1726	Nguyễn Thị Thanh	Hương	26/11/1993	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3470	1727	Đinh Thị	Hương	26/02/1992	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3471	1728	Nguyễn Thị	Khiên	04/09/1989	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3472	1729	Lưu Thị	Lan	23/07/1995	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
3473	1730	Văn Thị	Loan	26/03/1991	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3474	1731	Nguyễn Thị	Luyến	30/05/1995	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3475	1732	Phạm Xuân	Ly	21/01/1996	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3476	1733	Tô Thị	Nga	19/06/1991	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3477	1734	Nguyễn Thị	Ngoan	02/05/1985	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3478	1735	Nguyễn Thanh	Phán	20/11/1985	Nam	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3479	1736	Nguyễn Thị	Phương	27/03/1995	Nữ	Thượng Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3480	1737	Lê Thị Phương	Thảo	01/01/1994	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3481	1738	Tạ Thị	Tuyên	21/02/1991	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CĐCĐ	
3482	1739	Nguyễn Thị	Yến	27/11/1992	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3483	1740	Phạm Thị Tuyết	Chinh	17/12/1995	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3484	1741	Nguyễn Thị	Hà	08/03/1990	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3485	1742	Lưu Thanh	Hà	02/12/1993	Nữ	Văn Tự, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	B	C		
3486	1743	Hà Thị Thu	Thanh	15/02/1992	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3487	1744	Nguyễn Thị	Thủy	27/05/1992	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3488	1745	Nguyễn Thị Thùy	Vi	10/12/1979	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	A2		
3489	1746	Nguyễn Kim	Anh	05/03/1995	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3490	1747	Nguyễn Thị Phương	Bích	04/06/1993	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3491	1748	Trần Thị Phương	Hà	01/01/1995	Nữ	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3492	1749	Vũ Thị Thu	Hà	07/06/1996	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3493	1750	Phan Thị Thúy	Nga	10/04/1991	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3494	1751	Lương Thị	Nga	29/11/1993	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3495	1752	Bùi Minh	Nhật	20/09/1994	Nữ	Thụy Phú, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3496	1753	Nguyễn Thị	Nhung	26/05/1993	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3497	1754	Đặng Thị Thu	Phương	12/10/1993	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3498	1755	Đào Thanh	Tuyền	12/12/1988	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3499	1756	Trịnh Phương	Thảo	28/03/1995	Nữ	Thao Chính, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3500	1757	Trần Thị	Thảo	10/12/1988	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3501	1758	Nguyễn Nữ Hoàng	Anh	18/04/1997	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3502	1759	Đỗ Thị Ngọc	Anh	08/04/1995	Nữ	Lê Lợi, Thường Tín, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3503	1760	Võ Tiến	Dũng	19/01/1989	Nam	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	HTNV	
3504	1761	Chu Thị	Hà	15/08/1987	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3505	1762	Khuất Thị Minh	Huyền	11/09/1996	Nữ	Ngô Quyền, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3506	1763	Lê Ngọc	Lan	21/02/1992	Nữ	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3507	1764	Đặng Hồng	Nhung	15/11/1993	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3508	1765	Phan Thị Huyền	Tâm	04/11/1982	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
3509	1766	Đặng Phương	Thảo	07/08/1995	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
3510	1767	Nguyễn Thị	Thân	06/10/1992	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3511	1768	Lê Thị Kiều	Trang	07/02/1994	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3512	1769	Lương Thị Minh	Trí	24/07/1992	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	A		
3513	1770	Hà Tố	Uyên	03/08/1995	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3514	1771	Nguyễn Thị	Hằng	01/3/1992	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3515	1772	Nguyễn Thị Mai	Hương	06/10/1992	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3516	1773	Vương Thị	Hường	11/9/1998	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3517	1774	Đoàn Thị	Lan	22/01/1990	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3518	1775	Phạm Thị Hồng	Mai	04/7/1987	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3519	1776	Nguyễn Thị Trà	My	20/8/1998	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3520	1777	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/7/1997	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3521	1778	Nguyễn Thị Mai	Phương	07/05/1988	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3522	1779	Ngô Văn	Tiệp	06/01/1994	Nam	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3523	1780	Lê Thị	Trang	28/3/1995	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3524	1781	Cao Huyền	Trang	17/7/1997	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3525	1782	Nguyễn Thị	Xoan	26/5/1985	Nữ	Sơn Công, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3526	1783	Nguyễn Thị	Hải	20/11/1988	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B		
3527	1784	Đào Thị	Hiền	04/06/1990	Nữ	Đông La, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	B	CTB, CBB	
3528	1785	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	08/09/1990	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3529	1786	Lê Thị	Huyền	15/03/1988	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3530	1787	Tạ Mỹ	Linh	31/12/1993	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3531	1788	Nguyễn Khánh	Linh	02/08/1996	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3532	1789	Đặng Thị Thanh	Ngoan	24/12/1996	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3533	1790	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	27/06/1992	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3534	1791	Nguyễn Thư	Quỳnh	01/03/1997	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3535	1792	Nguyễn Thị	Thúy	11/04/1988	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3536	1793	Trần Đăng	Tuấn	24/10/1994	Nam	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3537	1794	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	06/01/1998	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3538	1795	Nguyễn Thị	Dung	20/07/1995	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3539	1796	Nguyễn Thị	Lan	25/02/1994	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3540	1797	Lê Thị Thùy	Linh	20/12/1994	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3541	1798	Nguyễn Thị	Loan	07/10/1992	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
3542	1799	Nguyễn Thị Kim	Loan	28/01/1998	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3543	1800	Nguyễn Thị Minh	Phương	16/03/1984	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	B	Bậc 2		
3544	1801	Nguyễn Thị	Thoa	08/09/1989	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CĐCĐ	
		7. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HỘ SINH HẠNG IV - V.08.06.16													
3545	1	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/08/1995	Nữ	Cẩm Lĩnh, Ba Vì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3546	2	Lê Thị	Định	29/05/1990	Nữ	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	C		
3547	3	Dương Thị	Duyến	28/01/1988	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	A2		
3548	4	Lê Thị	Giang	25/08/1987	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3549	5	Lưu Thị Thu	Hằng	12/05/1986	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	A2		
3550	6	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	01/02/1985	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3551	7	Trần Thị Thanh	Hảo	13/07/1988	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3552	8	Nguyễn Thị	Hậu	02/09/1989	Nữ	Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3553	9	Cao Thị	Hương	05/09/1998	Nữ	Giao An, Giao Thủy, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3554	10	Nguyễn Mai	Hương	30/08/1996	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3555	11	Nguyễn Thị	Lan	04/10/1989	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3556	12	Chu Thị	Luyến	17/06/1987	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3557	13	Trần Thị Xuân	Mai	14/10/1996	Nữ	Thị trấn Mỹ Lộc, Mỹ Lộc, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	A2		
3558	14	Dương Ngọc	Mai	16/02/1994	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3559	15	Bùi Trà	My	22/11/1998	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
3560	16	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/07/1984	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3561	17	Nguyễn Thị Thu	Ngân	10/03/1991	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3562	18	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	28/01/1997	Nữ	Năng Tĩnh, Nam Định, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3563	19	Nguyễn Minh	Phượng	26/10/1994	Nữ	Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3564	20	Lê Thị	Quỳnh	23/10/1990	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3565	21	Phạm Hồng	Thanh	28/10/1997	Nữ	Lộc Hòa, Nam Định, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3566	22	Nguyễn Thị	Thanh	12/09/1993	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3567	23	Hoàng Thị Thu	Thảo	08/05/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B2		
3568	24	Đặng Thị Hà	Thu	20/12/1988	Nữ	Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3569	25	Nguyễn Thị	Thuận	02/06/1989	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3570	26	Trần Thị Phương	Thúy	08/09/1985	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3571	27	Nguyễn Thị Thu	Thủy	12/11/1986	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3572	28	Vương Thị Minh	Trang	20/09/1995	Nữ	Kim Chung, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3573	29	Vũ Huyền	Trang	14/12/1993	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3574	30	Nguyễn Thị	Tứ	11/08/1984	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3575	31	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	24/06/1994	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3576	32	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/03/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3577	33	Ngô Thị	Hải	26/06/1995	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3578	34	Đinh Thị	Hằng	21/08/1994	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3579	35	Nguyễn Thị Thu	Hiền	06/12/1996	Nữ	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3580	36	Đặng Thúy	Huyền	21/01/1992	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3581	37	Nguyễn Thị Nhật	Linh	15/10/1995	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3582	38	Lê Thị	Luyến	23/10/1989	Nữ	Long Hưng, Văn Giang, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3583	39	Lê Thanh	Nhã	19/05/1992	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3584	40	Cao Thị	Phượng	25/11/1993	Nữ	Gia Đông, Thuận Thành, Bắc Ninh	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	A2		
3585	41	Phạm Thị	Sao	22/08/1988	Nữ	Hồng Châu, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3586	42	Hoàng Minh	Thoa	03/11/1994	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3587	43	Đào Thị Hà	Thư	07/02/1994	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3588	44	Dương Hoài	Thương	10/06/1995	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3589	45	Nguyễn Thị Thu	Hiền	29/05/1987	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3590	46	Nguyễn Quỳnh	Hoa	15/11/1995	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3591	47	Vũ Thị Nụ	Hòe	04/12/1986	Nữ	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3592	48	Nguyễn Thanh	Huyền	04/01/1996	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3593	49	Hoàng Hạnh	Linh	02/03/1993	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3594	50	Đinh Thị Thu	Ngân	12/01/1994	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3595	51	Phạm Thị Lâm	Oanh	12/08/1995	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3596	52	Nguyễn Lê Tú	Uyên	01/12/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3597	53	Lê Thị	Diêm	20/05/1984	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3598	54	Đinh Thị	Hà	20/04/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3599	55	Nguyễn Thị	Lan	14/05/1986	Nữ	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3600	56	Phùng Thị	Liên	02/11/1996	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3601	57	Bùi Thị	Linh	28/11/1996	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3602	58	Lê Thị	Nga	28/12/1992	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3603	59	Đoàn Thị	Ngân	30/10/1992	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	A2		
3604	60	Nguyễn Thị	Nhàn	13/03/1995	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3605	61	Phạm Thị	Nhân	03/09/1991	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3606	62	Đinh Thị	Phương	08/08/1997	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3607	63	Đào Thị Thảo	An	27/01/1998	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3608	64	Nguyễn Thị	Duyên	09/12/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
3609	65	Lưu Ly	Linh	07/12/1992	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3610	66	Vũ Thị	Thanh	17/02/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3611	67	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	07/10/1998	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3612	68	Nguyễn Thị	Thùy	07/10/1988	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3613	69	Trần Thu	Trang	17/03/1991	Nữ	Thị trấn Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3614	70	Tống Khánh	Linh	04/07/1994	Nữ	Nam Phương Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3615	71	Vũ Thị Hồng	Ngọc	29/04/1995	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3616	72	Trần Thị Vân	Anh	24/09/1995	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh,Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3617	73	Nguyễn Thị	Dịu	18/07/1996	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3618	74	Đào Thị	Dung	20/3/1993	Nữ	Minh Trí, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3619	75	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/08/1995	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3620	76	Nguyễn Thị	Hiền	23/10/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
3621	77	Nguyễn Thị Mai	Hương	10/10/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3622	78	Nguyễn Hồng	Ngọc	19/06/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3623	79	Phạm Thị Kiều	Oanh	04/09/1995	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3624	80	Đỗ Thị Phương	Oanh	05/02/1993	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3625	81	Đặng Thị	Quyên	09/04/1992	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3626	82	Nguyễn Anh	Thư	18/05/1993	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3627	83	Đỗ Thị	Huệ	26/12/1996	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3628	84	Cấn Thị	Huyền	02/03/1997	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3629	85	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/05/1989	Nữ	Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3630	86	Nguyễn Thị	Mai	02/10/1993	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3631	87	Nguyễn Thị	Ngọc	15/10/1987	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3632	88	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	09/11/1992	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3633	89	Bùi Thị Kiều	Thu	30/04/1997	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3634	90	Nguyễn Thị	Thu	11/02/1992	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3635	91	Nguyễn Thị	Thu	29/08/1987	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3636	92	Khổng Thị Cẩm	Anh	10/11/1996	Nữ	Tân Hồng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3637	93	Nguyễn Thúy	Hồng	12/12/1998	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3638	94	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	17/07/1996	Nữ	Tân Hồng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3639	95	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/01/1998	Nữ	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	CBB	
3640	96	Dương Thị	Nhung	30/01/1997	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3641	97	Đoàn Thị	Tình	02/05/1990	Nữ	Nam Phong, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
3642	98	Nguyễn Thị Hồng	Anh	06/10/1991	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3643	99	Nguyễn Thị	Hằng	15/04/1995	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3644	100	Tạ Thị Lan	Hương	05/08/1998	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3645	101	Tào Thị	Hường	15/08/1992	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3646	102	Vũ Thị Mỹ	Dinh	02/09/1996	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3647	103	Nguyễn Thị	Trang	29/01/1996	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
3648	104	Bùi Thị Phương	Anh	03/05/1995	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3649	105	Nguyễn Thị	Châm	04/02/1991	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3650	106	Nguyễn Thu	Hà	28/10/1996	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3651	107	Nguyễn Thị	Hiền	22/08/1994	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3652	108	Bá Thị	Hiền	07/10/1996	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3653	109	Nguyễn Thị Lan	Hương	20/07/1991	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3654	110	Tạ Thị Ngọc	Mai	05/09/1996	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3655	111	Bùi Thị	Phương	05/05/1996	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3656	112	Đỗ Thị	Phượng	18/11/1998	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3657	113	Đoàn Thị Thùy	Trang	19/10/1998	Nữ	Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3658	114	Trần Thị Hạ	Vân	12/06/1997	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3659	115	Đỗ Thị	Hiên	03/04/1987	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3660	116	Phạm Thị	Hồng	08/09/1992	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3661	117	Nguyễn Thị	Lan	01/11/1992	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3662	118	Nguyễn Thị	Thanh	04/11/1989	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3663	119	Bùi Thị	Thu	07/09/1998	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3664	120	Trịnh Thị	Vân	25/09/1995	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3665	121	Lâm Thị Thanh	Thúy	15/10/1997	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3666	122	Ngô Thị Kim	Anh	12/02/1998	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3667	123	Trần Thị Thu	Hương	24/07/1993	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3668	124	Phạm Thị	Phương	18/05/1992	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3669	125	Vũ Thị Minh	Phương	24/06/1997	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3670	126	Nguyễn Thanh	Thúy	09/10/1990	Nữ	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	B	B		
3671	127	Phùng Thị Hương	Giang	11/02/1995	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3672	128	Nguyễn Thị	Mùi	24/02/1993	Nữ	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	Bậc 2		
3673	129	Ngô Thị Hồng	Phượng	13/06/1988	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	A2		
3674	130	Nguyễn Thị	Thắm	08/01/1993	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3675	131	Trịnh Thị	Thùy	25/11/1994	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	A2		
3676	132	Nguyễn Thị Minh	Tuyến	08/10/1993	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3677	133	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/05/1984	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3678	134	Kiều Thị	Hường	03/03/1995	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3679	135	Cù Thanh	Huyền	13/02/1996	Nữ	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CTB	
3680	136	Doãn Thị	Lý	26/12/1988	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3681	137	Đào Thị	Hằng	16/06/1989	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	A	A		
3682	138	Phạm Hồng	Anh	18/10/1993	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3683	139	Khiếu Thị Như	Ngọc	26/10/1994	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	A2		
3684	140	Đặng Thị	Thủy	24/9/1991	Nữ	Hồng Phong, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3685	141	Lê Thị	Trang	19/5/1995	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	B	A2		
3686	142	Ngô Mai	Anh	18/07/1996	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3687	143	Nguyễn Thị	Liễu	27/01/1993	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh , Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3688	144	Hà Thục	Anh	07/09/1996	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3689	145	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	24/09/1995	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3690	146	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/08/1985	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3691	147	Vương Thị	Vui	30/06/1994	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3692	148	Nguyễn Thị	Dung	23/10/1992	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	C		
3693	149	Phan Thị	Hoàn	11/07/1994	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh , Hà Nội	TTYT Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3694	150	Nguyễn Hồng	Lê	02/11/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh , Hà Nội	TTYT Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	B		
3695	151	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	12/02/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh , Hà Nội	TTYT Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3696	152	Nguyễn Thu	Cúc	23/09/1995	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3697	153	Chử Thị Thanh	Huệ	25/02/1988	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	B	B		
3698	154	Nguyễn Thị	Hường	05/07/1990	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai,Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	A2		
3699	155	Đỗ Thị Vân	Anh	11/07/1994	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3700	156	Nguyễn Thị	Dinh	25/09/1996	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3701	157	Trần Thị	Liễu	26/02/1990	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	B	B		
3702	158	Nguyễn Thị	Ngát	14/08/1996	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3703	159	Phùng Thị	Hậu	03/06/1993	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3704	160	Lê Thị	Khuyên	06/09/1994	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	B	A2		
3705	161	Nguyễn Thị Kim	Oanh	02/01/1993	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3706	162	Trần Thị	Thoa	15/11/1994	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3707	163	Vương Thị	Chinh	15/02/1998	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3708	164	Nguyễn Thị Thu	Hiền	25/09/1996	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3709	165	Nguyễn Thị	Hoa	08/11/1989	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3710	166	Nguyễn Thị Thu	Huyền	03/07/1997	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3711	167	Khương Thị Thùy	Linh	18/02/1996	Nữ	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3712	168	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	03/03/1994	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3713	169	Vương Thị Thu	Hằng	24/11/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3714	170	Cấn Thị Huyền	Trang	27/08/1995	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3715	171	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/11/1996	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3716	172	Nguyễn Thị Lan	Anh	08/12/1996	Nữ	Minh Khai, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3717	173	Nguyễn Thị	Hà	15/07/1989	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3718	174	Bùi Thị	Huyền	15/08/1994	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3719	175	Nguyễn Thu	Thủy	19/06/1995	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3720	176	Chu Thị	Yến	28/11/1995	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3721	177	Đỗ Thị	Dung	19/11/1987	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3722	178	Nguyễn Thị Phương	Dung	01/12/1986	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3723	179	Trịnh Thị	Gấm	16/04/1996	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3724	180	Ngô Thị	Hoa	25/10/1996	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3725	181	Nguyễn Thị	Hương	23/10/1994	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3726	182	Nguyễn Thị	Huyền	24/03/1992	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3727	183	Trung Thị	Huyền	10/06/1996	Nữ	Tốt Động, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3728	184	Nguyễn Thị Chung	Kiên	14/03/1987	Nữ	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3729	185	Nguyễn Thị	Mai	07/12/1990	Nữ	Hữu Văn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3730	186	Đặng Thị Minh	Nguyệt	10/03/1987	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3731	187	Nguyễn Thị	Nhung	01/11/1996	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3732	188	Xuân Thị Nguyệt	Oanh	30/01/1994	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3733	189	Nguyễn Thị	Phương	17/07/1989	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3734	190	Phạm Thị	Phượng	28/02/1991	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3735	191	Đặng Thị	Thảo	27/08/1996	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3736	192	Trần Lệ	Thu	23/08/1998	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3737	193	Cấn Thị Thu	Trang	15/04/1992	Nữ	Đông Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3738	194	Vũ Thị Lan	Anh	06/4/1988	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	B	B		
3739	195	Nguyễn Thị Lệ	Bình	24/12/1985	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	B	B		
3740	196	Vũ Thị	Quỳnh	29/01/1990	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3741	197	Nguyễn Thị	Khuyến	12/10/1989	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3742	198	Trương Thị	Điển	01/01/1993	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3743	199	Nguyễn Thị	Hoa	09/08/1991	Nữ	TT Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	B	B		
3744	200	Vũ Thị	Toàn	02/03/1994	Nữ	Đại Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3745	201	Ngô Hoài	Thu	27/04/1995	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3746	202	Lê Thị	Thảo	18/08/1986	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3747	203	Chu Thanh	Hằng	15/10/1995	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3748	204	Nghiêm Thị Diệu	Linh	01/8/1994	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3749	205	Phạm Thị	Long	01/11/1996	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3750	206	Phạm Thị	Thúy	03/02/1996	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3751	207	Nguyễn Thị	Thúy	21/06/1988	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
3752	208	Phan Thị Huyền	Trang	03/09/1997	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
		8. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ THUẬT Y HẠNG III - V.08.07.18													
3753	1	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	15/03/1996	Nữ	Yên Đồng, Ý Yên, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
3754	2	Trần Thị	Hằng	22/09/1996	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3755	3	Nguyễn Thị Mai	Hương	25/07/1989	Nữ	Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3756	4	Ngô Tuấn	Khanh	22/12/1981	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học	B	Tương đương Bậc 2		
3757	5	Bùi Thị	Nga	15/10/1992	Nữ	Sơn Dương, Lâm Thao, Phú Thọ	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3758	6	Nguyễn Thị	Thức	27/04/1986	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
3759	7	Trần Thị	Thùy	06/11/1988	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3760	8	Nguyễn Hùng	Anh	26/12/1995	Nam	Tôn Đức Thắng, Đống Đa, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3761	9	Nguyễn Thị	Hằng	10/09/1991	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3762	10	Nguyễn Tiến	Lượng	10/11/1995	Nam	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3763	11	Nguyễn Thị	Thùy	12/12/1990	Nữ	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3764	12	Giang Văn	Dũng	18/05/1992	Nam	Hàng Mã, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	ĐH	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3765	13	Hoàng Thị	Yến	12/09/1997	Nữ	An Lương, Thanh Hà, Hải Dương	BV Mắt Hà Đông	Kỹ thuật y hạng III	**Khúc xạ nhãn khoa**	ĐH	Khúc xạ nhãn khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3766	14	Nguyễn Thị Mai	Anh	08/04/1994	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
3767	15	Nguyễn Thị	Hường	29/01/1994	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
3768	16	Hà Minh	Khải	02/09/1984	Nam	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3769	17	Phan Thị Thu	Thủy	06/05/1991	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật y học	B	C		
3770	18	Vũ Thị Thùy	Trang	19/05/1992	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3771	19	Trần Tuấn	Anh	16/10/1993	Nam	Lê Thanh Nghị, Thành phố Hải Dương, Hải Dương	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3772	20	Phạm Văn	Đức	10/08/1992	Nam	Văn Tố, Tứ Kỳ, Hải Dương	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CBB	
3773	21	Nguyễn Văn	Hải	26/06/1997	Nam	Như Quỳnh, Văn Lâm, Hưng Yên	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3774	22	Phạm Thế	Linh	20/12/1993	Nam	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3775	23	Nguyễn Quyết	Thắng	01/12/1995	Nam	Vĩnh Lộc, Chiêm Hóa, Tuyên Quang	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3776	24	Nguyễn Đức	Hồng	20/12/1990	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	ĐH	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3777	25	Vũ Thị	Châm	29/03/1993	Nữ	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3778	26	Lê Thị Thu	Hà	27/07/1996	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
3779	27	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	15/09/1997	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3780	28	Nguyễn Tiến	Long	31/10/1993	Nam	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3781	29	Đinh Thị	Mai	30/09/1996	Nữ	Gia Minh, Gia Viễn, Ninh Bình	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3782	30	Trần Thu	Trang	19/08/1993	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3783	31	Phạm Đình	Văn	11/02/1997	Nam	Vĩnh Lập, Thanh Hà, Hải Dương	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3784	32	Dương Thu	Nga	22/09/1991	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3785	33	Nguyễn Thị	Hằng	10/10/1996	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3786	34	Trịnh Văn	Long	13/10/1994	Nam	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3787	35	Đỗ Bích	Ngọc	14/02/1996	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3788	36	Dương Thị Thu	Hương	16/04/1994	Nữ	Hòa Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3789	37	Dương Thị	Lý	05/05/1996	Nữ	Đồng Tiến, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm y học	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3790	38	Nguyễn Đình Minh	Vương	14/09/1995	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm y học	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3791	39	Vũ Thị	Bắc	03/03/1979	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	Sinh học	ĐH	Sinh học (thạc sỹ vi sinh y học)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
3792	40	Lê Thị	Dung	15/06/1991	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm y học	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3793	41	Nguyễn Thị	Mùi	14/10/1991	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm y học	ĐH	Kỹ thuật y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3794	42	Trần Thị Diệu	Ninh	25/10/1993	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm y học	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3795	43	Nguyễn Tiến	Dũng	11/12/1994	Nam	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm y học	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3796	44	Nguyễn Thị	Thúy	23/03/1991	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm y học	ĐH	Xét nghiệm y học	B	B		
3797	45	Vũ Phương	Dung	18/6/1995	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu	ĐH	Vật lý trị liệu/ phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3798	46	Đỗ Thị	Hằng	04/09/1990	Nữ	Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu	ĐH	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3799	47	Tống Duy	Văn	09/03/1988	Nam	Thanh Trì, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu	ĐH	Kỹ thuật viên vật lý trị liệu	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3800	48	Trần Thị Lan	Phương	16/03/1991	nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng III	Phục hồi chức năng	ĐH	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3801	49	Nguyễn Văn	Cam	10/01/1986	Nam	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng III	Phục hồi chức năng	ĐH	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3802	50	Nguyễn Văn	Dương	18/11/1991	Nam	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng III	Phục hồi chức năng	ĐH	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3803	51	Ngụy Thị	Điệp	19/02/1987	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thận HN	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật y học	Ths	Kỹ thuật y học (thạc sỹ y học chức năng)	B	C		
3804	52	Lê Thị	Hoa	26/08/1990	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật viên xét nghiệm	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3805	53	Phạm Thị	Hương	01/08/1990	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật viên xét nghiệm	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3806	54	Cù Thanh	Tâm	12/05/1996	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật viên xét nghiệm	ĐH	Kỹ thuật y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3807	55	Nguyễn Hải	Yến	08/01/1992	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng III	Kỹ thuật viên xét nghiệm	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3808	56	Nguyễn Thị	Hà	20/09/1992	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm Y học	ĐH	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3809	57	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	29/05/1996	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm Y học	ĐH	Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3810	58	Trịnh Thị Diệu	Linh	12/11/1996	Nữ	TT Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm	ĐH	Xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3811	59	Phan Thị	Nhàn	20/09/1992	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm	ĐH	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3812	60	Hoàng Hải	Yến	15/10/1996	Nữ	Đồng Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm	ĐH	Xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3813	61	Phạm Thị	Nhài	01/10/1994	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm y học	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3814	62	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/01/1996	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm Y học	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3815	63	Nguyễn Thị	Luyến	01/01/1996	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm Y học	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3816	64	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	15/09/1995	Nữ	Trung Hà, Yên Lạc, Vĩnh Phúc	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm Y học	ĐH	Xét nghiệm y học	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3817	65	Trần Thị	Dinh	06/02/1994	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm y học	ĐH	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3818	66	Nguyễn Thị Hà	Giang	05/12/1993	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm y học	ĐH	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3819	67	Khổng Thị Thúy	Kiều	01/10/1995	Nữ	Nam Thanh, Nam Trực, Nam Định	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm y học	ĐH	Xét nghiệm	B	B		
3820	68	Đỗ Thị	Thu	12/12/1991	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng III	Xét nghiệm y học	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
		9. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ THUẬT Y HẠNG IV - V.08.07.19													
3821	1	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	15/12/1996	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3822	2	Đoàn Thị Hồng	Hà	17/08/1997	Nữ	Yên Lương, Ý Yên, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
3823	3	Đoàn Sơn	Hải	11/10/1993	Nam	Yên Lương, Ý Yên, Nam Định	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3824	4	Đặng Thị	Hậu	18/11/1991	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3825	5	Phạm Thị Thanh	Huyền	11/08/1997	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	B	A2		
3826	6	Vương Thị	Thảo	05/09/1993	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3827	7	Nguyễn Thị	Thúy	24/08/1994	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3828	8	Lâm Quang	Đức	24/04/1986	Nam	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	C		
3829	9	Nguyễn Khắc	Huy	06/11/1993	Nam	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3830	10	Vũ Ngọc	Huyền	19/11/1981	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	B		
3831	11	Phạm Văn	Đàn	19/07/1994	Nam	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3832	12	Nguyễn Mạnh	Hiệp	08/06/1998	Nam	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3833	13	Đàm Đình	Linh	04/10/1990	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3834	14	Cấn Đình	Phong	26/06/1990	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3835	15	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/08/1996	Nữ	Chuyên Ngoại, Duy Tiên, Hà Nam	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	B	A2		
3836	16	Nguyễn Thị	Thao	12/06/1993	Nữ	Động Thọ, Yên Phong, Bắc Ninh	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3837	17	Trần Thị Ngọc	Ánh	29/10/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3838	18	Phạm Thị	Mi	22/11/1994	Nữ	Hàng Bạc, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3839	19	Đỗ Minh	Khương	01/09/1990	Nam	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	HTNV	
3840	20	Nghiêm Khắc	Hoàng	06/07/1990	Nam	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	B		
3841	21	Đỗ Thùy	Linh	02/10/1992	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	B		
3842	22	Nguyễn Đình	Quang	12/02/1988	Nam	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	C		
3843	23	Lê Văn	Quỳnh	17/06/1993	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	C		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3844	24	Nguyễn Đức	Xuân	14/10/1981	Nam	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3845	25	Phan Hồng	Quân	28/05/1995	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3846	26	Nguyễn Mạnh	Cường	04/07/1994	Nam	Tân Hòa, Hòa Bình, Hòa Bình	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng**	CĐ	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3847	27	Hà Huy	Hiếu	12/03/1981	Nam	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng**	CĐ	Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3848	28	Nguyễn Quỳnh	Anh	30/04/1991	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
3849	29	Hoàng Kim	Cương	11/03/1989	Nam	Trần Khát Chân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	B	Bậc 2	CTB	
3850	30	Ngô Thu	Hà	20/12/1993	Nữ	Bạch Hạ, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3851	31	Vũ Thị Bích	Hạnh	22/11/1996	Nữ	Thụy Phong, Thái Thụy, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	B	B		
3852	32	Hoàng Thu	Hạnh	16/05/1997	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B	C		
3853	33	Vũ Lan	Hương	23/10/1998	Nữ	Hồng Thái, Kiến Xương, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3854	34	Dương Văn	Min	16/01/1991	Nam	Phú Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3855	35	Dương Hồng	Ngân	27/12/1997	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3856	36	Tống Phương	Nhung	08/11/1994	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3857	37	Dương Đức	Phương	20/01/1993	Nam	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3858	38	Phạm Thị Thanh	Thanh	10/04/1992	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3859	39	Nguyễn Thị Thu	Thủy	08/09/1995	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3860	40	Đặng Thị Thu	Thủy	12/08/1993	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	B	B		
3861	41	Trần Đức	Trung	24/07/1994	Nam	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	B	B		
3862	42	Trần Văn	Viết	10/09/1995	Nam	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3863	43	Lê Thị	Thúy	01/07/1993	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3864	44	Nguyễn Thanh	Tuấn	31/10/1992	Nam	Đại La, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3865	45	Nguyễn Phương	Quỳnh	31/12/1995	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3866	46	Nguyễn Khánh	Huyền	06/07/1990	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3867	47	Nguyễn Mạnh	Linh	22/02/1994	Nam	Hồng Lĩnh, Hưng Hà, Thái Bình	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3868	48	Quách Đức	Quân	23/09/1992	Nam	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3869	49	Nguyễn Đức	Cường	19/11/1994	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3870	50	Lê Ngọc	Hiển	08/03/1983	Nam	Phú Nam An, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	B		
3871	51	Trần Trọng	Lân	09/08/1994	Nam	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3872	52	Lê Văn	Quang	07/12/1996	Nam	Thị Trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Chẩn đoán hình ảnh	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
3873	53	Lã Văn	Tuyến	14/07/1995	Nam	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Chẩn đoán hình ảnh	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3874	54	Lưu Thị Lan	Anh	08/04/1997	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3875	55	Đỗ Tiến	Dũng	09/04/1994	Nam	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3876	56	Quản Trường	Gia	03/04/1993	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3877	57	Nguyễn Văn	Hải	05/10/1990	Nam	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3878	58	Đào Thúy	Hạnh	03/06/1995	Nữ	Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3879	59	Nguyễn Ngọc	Hiến	08/05/1987	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3880	60	Nguyễn Đức	Hiếu	18/05/1989	Nam	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3881	61	Nguyễn Thị Mai	Hương	15/07/1995	Nữ	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3882	62	Đỗ Mai	Hương	22/05/1995	Nữ	Bình Phú, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3883	63	Nguyễn Thị	Khuyên	15/09/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3884	64	Hoàng Thị Thùy	Linh	06/11/1995	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3885	65	Phạm Thị Trà	My	03/06/1995	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3886	66	Nguyễn Thị	Phương	22/10/1993	Nữ	Thạch Đồng, Thanh Thủy, Phú Thọ	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3887	67	Nguyễn Bá	Toàn	09/09/1995	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3888	68	Nguyễn Thị Huyền	Trang	04/05/1995	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3889	69	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/05/1994	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3890	70	Chu Thị	Doan	25/06/1992	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
3891	71	Nguyễn Trung	Hiếu	09/11/1995	Nam	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3892	72	Trần Thị	Hường	10/09/1996	Nữ	Mỹ Thành, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3893	73	Phạm Thị Hồng	Phúc	15/07/1995	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3894	74	Nguyễn Thị	Yến	28/10/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3895	75	Nguyễn Văn	Chung	05/11/1998	Nam	Thị trấn Thứa, Lương Tài, Bắc Ninh	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
3896	76	Nguyễn Văn	Dũng	04/06/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3897	77	Nguyễn Lâm	Sơn	26/08/1995	Nam	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3898	78	Nguyễn Thái	Sơn	01/07/1995	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
3899	79	Nguyễn Thị Thùy	Dung	09/09/1995	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3900	80	Lại Hải	Hà	12/11/1992	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3901	81	Nguyễn Thị	Hương	11/03/1994	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3902	82	Phạm Xuân	Nam	20/07/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3903	83	Đỗ Thị	Ngọc	31/07/1995	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3904	84	Ngô Thị Phương	Oanh	02/04/1996	Nữ	Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
3905	85	Dương Văn	Quang	26/03/1993	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3906	86	Lương Tuấn	Anh	21/12/1993	Nam	Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Chẩn đoán hình ảnh	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3907	87	Nguyễn Huy	Hòa	14/06/1996	Nam	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Chẩn đoán hình ảnh	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3908	88	Đoàn Tuấn	Linh	18/01/1995	Nam	Hàng Bún, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Chẩn đoán hình ảnh	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3909	89	Bùi Lương	Hà	08/07/1996	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3910	90	Lưu Tiến	Sinh	06/12/1996	Nam	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B	B		
3911	91	Lê Thu	Trang	30/04/1994	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3912	92	Đào Văn	An	08/03/1992	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3913	93	Trần Thị Vân	Anh	07/11/1989	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3914	94	Đỗ Thị Ngọc	Diệp	17/06/1994	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3915	95	Vũ Thị Lê	Dung	28/03/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3916	96	Nguyễn Thị	Giang	27/06/1990	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3917	97	Nguyễn Minh	Hoàng	13/11/1992	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	B	A2		
3918	98	Phạm Thu	Huyền	28/10/1997	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3919	99	Trịnh Ngọc	Luật	16/02/1994	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	B	B		
3920	100	Ngô Văn	Nghĩa	25/09/1992	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3921	101	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13/06/1990	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3922	102	Đào Thị	Nhung	20/01/1992	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3923	103	Đào Thị	Ninh	12/11/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3924	104	Nguyễn Mai	Phương	09/10/1992	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3925	105	Nguyễn Xuân	Tài	24/06/1993	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3926	106	Trần Anh	Tuấn	30/08/1995	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3927	107	Phạm Quang	Vinh	20/02/1991	Nam	Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3928	108	Trần Quang	Xinh	29/01/1993	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3929	109	Nguyễn Thị	Bình	03/10/1989	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Phục hồi chức năng	CĐ	Vật lý trị liệu/phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3930	110	Ngô Mạnh	Hùng	17/05/1994	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Phục hồi chức năng	CĐ	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3931	111	Trần Anh	Chiến	23/09/1989	Nam	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3932	112	Phạm Thị Phương	Liên	28/01/1990	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3933	113	Nghiêm Thị	Mai	26/11/1990	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3934	114	Nguyễn Văn	Phú	24/02/1989	Nam	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3935	115	Nguyễn Tuấn	Việt	06/07/1989	Nam	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3936	116	Đỗ Thu	Hằng	19/09/1996	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật viên xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3937	117	Đỗ Thị Kim	Oanh	17/05/1998	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật viên xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3938	118	Nguyễn Ngọc	Anh	23/04/1998	Nam	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3939	119	Nguyễn Văn	Đông	11/08/1993	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3940	120	Chu Ngọc	Linh	25/09/1996	Nam	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3941	121	Lê Thị Thúy	Nga	23/11/1995	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3942	122	Bùi Hồng	Thảo	21/09/1995	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	B	B		
3943	123	Lương Thị	Thu	21/11/1992	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3944	124	Phùng Kim	Thịnh	01/08/1995	Nam	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	Hình ảnh y học	TC	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3945	125	Phan Anh	Tuấn	05/10/1994	Nam	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	Phục hồi chức năng	CĐ	Kỹ thuật Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3946	126	Bùi Văn	Hiếu	16/12/1990	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	CĐ	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	B	Giao tiếp B		
3947	127	Trần Văn	Phương	21/01/1980	Nam	Hiến Thành, Kinh Môn, Hải Dương	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	TC	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	B	B		
3948	128	Lê Thanh	Tâm	16/03/1996	Nữ	Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	TC	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
3949	129	Dương Thị Thu	Thủy	16/01/1998	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng	CĐ	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3950	130	Dương Văn	Long	18/11/1993	Nam	Xã Phượng Cách, huyện Quốc Oai, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3951	131	Nguyễn Đình	Thành	28/11/1992	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật viên xét nghiệm	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3952	132	Nguyễn Duy	Hải	30/10/1994	Nam	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3953	133	Nguyễn Quốc	Thành	29/06/1995	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 4	HTNV	
3954	134	Trần Văn	Tùng	30/12/1992	Nam	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3955	135	Nguyễn Thị	Khương	30/11/1989	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật xét nghiệm	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3956	136	Đinh Mạnh	Thắng	07/01/1991	Nam	Hạ Thái, Duyên Thái, Thường Tín	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
3957	137	Đoàn Đức	Thiện	20/05/1981	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3958	138	Nguyễn Anh	Đức	20/12/1996	Nam	Tân Quang, Văn Lâm, Hưng Yên	BV Tâm thần HN	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
3959	139	Phan Thị	Toàn	21/10/1992	Nữ	Tây Tựu, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm y học	B	B		
3960	140	Bỳ Việt	Phước	10/11/1997	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Kỹ thuật y hạng IV	Chẩn đoán hình ảnh	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3961	141	Nguyễn Quốc	Tuân	11/12/1989	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3962	142	Nguyễn Đức	Anh	28/11/1994	Nam	Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	TC	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3963	143	Nguyễn Quốc	Huy	29/12/1995	Nam	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3964	144	Nguyễn Thị Kim	Loan	19/05/1995	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3965	145	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/03/1982	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì. Hà Nội	BV 09	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CTB	
3966	146	Phạm Thị Thu	Phương	03/11/1996	Nữ	Xuân Dục, Mỹ Hào, Hưng Yên	BV 09	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
3967	147	Nguyễn Thị	Liên	09/08/1990	nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	Vật lý trị liệu	CĐ	Vật lý trị liệu	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3968	148	Đỗ Minh	Anh	12/01/1994	nam	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3969	149	Lê Quang	Anh	02/01/1995	nam	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3970	150	Đỗ Hồng	Đoàn	23/11/1992	nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3971	151	Nguyễn Thị Thu	Hằng	02/01/1990	nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3972	152	Trần Thị Hồng	Thương	20/11/1993	nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3973	153	Thái Thị Quỳnh	Trang	29/01/1998	nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3974	154	Vũ Thị Lan	Hương	07/04/1994	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3975	155	Tạ Thị	Mùi	30/12/1990	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm	B	B		
3976	156	Vũ Hồng	Ngọc	30/11/1998	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3977	157	Nguyễn Thị	Phương	03/4/1993	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3978	158	Nguyễn Thị Thu	Phương	08/02/1998	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3979	159	Nguyễn Thị	Thắm	08/6/1993	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3980	160	Nguyễn Thị	Thảo	27/01/1997	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3981	161	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/02/1998	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
3982	162	Dương Thị	Yên	05/6/1993	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	TC	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3983	163	Nguyễn Thị Thu	Hằng	30/6/1994	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3984	164	Nguyễn Thị Anh	Thư	10/8/1991	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3985	165	Trần Thị	Chuyên	14/10/1995	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3986	166	Khuất Thị Anh	Chinh	18/01/1993	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	B		
3987	167	Lê Thị	Phượng	12/11/1992	Nữ	Hoằng Anh, Thanh Hóa, Thanh Hóa	BVĐK Sơn Tây	Kỹ thuật y hạng IV	**Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3988	168	Chu Thị	Thi	17/9/1992	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học	B	B		
3989	169	Nguyễn Ngọc	Sơn	19/01/1992	Nam	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	BV Thận HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	A2		
3990	170	Lê Mai	Anh	13/9/1997	Nữ	Thanh Mai,Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3991	171	Vũ Hồng	Quân	05/01/1998	Nam	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
3992	172	Cấn Thị Mỹ	Linh	10/12/1993	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3993	173	Đỗ Thị	Hạnh	26/04/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
3994	174	Nguyễn Thị	Hằng	06/11/1997	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
3995	175	Trần Thị Minh	Ánh	28/08/1998	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
3996	176	Cấn Anh	Tú	18/01/1995	Nam	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	B	B		
3997	177	Đỗ Việt	Hưng	08/09/1993	Nam	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3998	178	Đào Thị Kim	Anh	01/12/1998	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B	B		
3999	179	Bùi Đức	Mạnh	15/03/1995	Nam	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4000	180	Nguyễn Thị	Minh	20/08/1992	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4001	181	Hoàng Ngọc	Vương	03/09/1996	Nam	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4002	182	Đỗ Thị Kim	Ngân	24/05/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4003	183	Bùi Văn	Duy	04/12/1991	Nam	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4004	184	Đinh Gia	Huy	07/12/1996	Nam	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	TC	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4005	185	Nguyễn Phú	Kiên	01/01/1979	Nam	Di Trạch, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Kỹ thuật vật lý trị liệu Phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4006	186	Nguyễn Duy	Hiếu	08/10/1994	Nam	Minh Khai, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4007	187	Nguyễn Duy	Đoàn	19/02/1989	Nam	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4008	188	Đỗ Thị Thu	Hương	07/02/1992	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm	B	A2		
4009	189	Xuân Thị	Huyền	17/03/1995	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4010	190	Nguyễn Khánh	Linh	27/10/1995	Nữ	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4011	191	Nguyễn Đồng	Sơn	19/11/1989	Nam	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4012	192	Nguyễn Thu	Trang	02/12/1996	Nữ	Thị trấn Trạm Trôi, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4013	193	Trương Thị	Hiền	26/12/1991	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4014	194	Nguyễn Phương	Thảo	08/09/1995	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4015	195	Nguyễn Thị	Thiêm	02/10/1992	Nữ	Phú Nam An, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	B	B		
4016	196	Trịnh Thị	Thư	01/08/1993	Nữ	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4017	197	Bùi Hải	Sơn	17/11/1995	Nam	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4018	198	Phạm Quý	Thịnh	08/10/1995	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4019	199	Trần Thị Hoài	Phương	20/01/1995	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4020	200	Đỗ Thị Phương	Linh	26/06/1989	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Xét nghiệm y học	B	B		
4021	201	Trịnh Thị	Thủy	18/04/1987	Nữ	Cẩm Thịnh, Cẩm Phả, Quảng Ninh	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	B	B		
4022	202	Nguyễn Thành	Công	29/10/1995	Nam	Hiền Giang, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng	B	A2		
4023	203	Nguyễn Viết	Dương	27/11/1999	Nam	Đại Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	TC	Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4024	204	Nguyễn Xuân	Khu	27/06/1977	Nam	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật viên X. Quang	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4025	205	Đặng Đình	Giang	12/11/1987	Nam	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Xét nghiệm	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4026	206	Phạm Thúy	Hằng	05/09/1996	Nữ	Sơn Hà, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	TC	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4027	207	Nguyễn Thị	My	04/12/1979	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CTB	
4028	208	Trần Văn	Hải	04/10/1995	Nam	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	B	B		
4029	209	Nguyễn Văn	Quyết	15/08/1995	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	B	B		
4030	210	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	14/10/1998	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4031	211	Nguyễn Văn	Đông	23/10/1994	Nam	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	B	A2		
4032	212	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/10/1997	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4033	213	Trần Văn	Minh	21/10/1994	Nam	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm Y học	B	A2		
4034	214	Nguyễn Thị	Thư	04/07/1995	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4035	215	Đỗ Thị	Mơ	26/06/1989	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	Phục hồi chức năng	CĐ	Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	B	B	CTB	
4036	216	Lê Quốc	Chí	19/08/1994	Nam	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4037	217	Lê Thanh	Phong	13/05/1995	Nam	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Chẩn đoán hình ảnh	TC	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4038	218	Phạm Quang	Tạo	05/06/1990	Nam	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật xét nghiệm	TC	Kỹ thuật xét nghiệm	Cao đẳng Công nghệ thông tin	A2		
4039	219	Nguyễn Kiều	Trang	12/02/1996	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật xét nghiệm	TC	Kỹ thuật xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4040	220	Nguyễn Lan	Hương	25/02/1988	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4041	221	Khổng Hồng	Nhung	12/11/1993	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4042	222	Nguyễn Thu	Trang	11/02/1996	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4043	223	Nguyễn Thanh	Hưng	01/11/1992	Nam	An Lạc, Chí Linh, Hải dương	TTYT Hoàn Kiếm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4044	224	Quách Hải	Yến	04/10/1989	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4045	225	Lê Nhật	Linh	20/6/1993	Nam	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	TC	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4046	226	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/1992	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4047	227	Nguyễn Tiểu	Anh	17/9/1996	Nữ	Trung Tâm, Nghĩa Lộ, Yên Bái	TTYT Cầu Giấy	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
4048	228	Nguyễn Hải	Linh	17/3/1992	Nam	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4049	229	Nguyễn Tuấn	Anh	25/11/1993	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học dự phòng**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4050	230	Nguyễn Thu	Hương	14/12/1990	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4051	231	Nguyễn Thị Thu	Ngân	16/04/1996	Nữ	Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4052	232	Trần Thị	Thúy	19/12/1994	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4053	233	Nguyễn Thị Thu	Hường	13/03/1992	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4054	234	Nguyễn Thị	Nhường	28/09/1995	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4055	235	Đỗ Hằng	Hà	19/11/1996	Nữ	Mỹ đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	HSK 3 (B1)		
4056	236	Trần Minh	Đức	28/06/1997	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
4057	237	Đinh Trọng	Thành	10/06/1998	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4058	238	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/07/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4059	239	Lê Thị Hồng	Nhung	05/12/1993	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4060	240	Đoàn Trọng	Tuấn	13/08/1995	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4061	241	Trịnh Thị Hồng	Minh	28/06/1994	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4062	242	Nguyễn Thị Lệ	Duyên	14/04/1996	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Xét nghiệm	IC 3	A2		
4063	243	Nguyễn Văn	Quân	12/06/1996	Nam	Liên Hồng, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm Y học**	TC	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4064	244	Nguyễn Chí	Dương	14/12/1994	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm đa khoa**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4065	245	Trần Thị Thu	Phương	24/01/1998	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm đa khoa**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4066	246	Hà Quang	Hào	07/08/1995	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4067	247	Lê Văn	Quân	01/10/1995	Nam	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4068	248	Nguyễn Thị	Thắng	06/08/1994	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4069	249	Đặng Thị Ngọc	Anh	01/11/1995	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4070	250	Lê Thị Bích	Ngọc	25/11/1978	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
4071	251	Nguyễn Đức	Đông	17/07/1994	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	B	Bậc 2		
4072	252	Nguyễn Văn	Chiến	27/07/1997	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4073	253	Nguyễn Chi	Khương	08/08/1998	Nam	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4074	254	Phùng Quang	Quang	06/11/1997	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm Y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
		10. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DƯỢC SĨ (HẠNG III) - V.08.08.22													
4075	1	Nguyễn Thị Thùy	Anh	20/11/1995	Nữ	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
4076	2	Lê Thị Cẩm	Giang	05/12/1986	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4077	3	Đào Thị	Hồng	24/04/1994	Nữ	Đông Ngàn, Từ Sơn, Bắc Ninh	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4078	4	Nguyễn Phương	Linh	28/04/1996	Nữ	Đông Thọ, Thành phố Thanh Hóa, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4079	5	Đào Thị	Mai	12/08/1989	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4080	6	Vương Thị	Ngân	11/11/1988	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4081	7	Vũ Thị Hồng	Ngọc	14/09/1994	Nữ	Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4082	8	Nông Thị Thanh	Phương	23/10/1991	Nữ	Tân Hiệp, Yên Thế, Bắc Giang	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược lý lâm sàng)	C	Tương đương B1	DTTS	Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
4083	9	Đỗ Xuân	Thi	20/06/1985	Nam	Xuân Tảo, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	B	B		
4084	10	Vũ Đăng Hoàng	Yến	03/02/1994	Nam	Mão Điền, Thuận Thành, Bắc Ninh	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược học)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4085	11	Điểu Thị Ngọc	Châu	14/01/1996	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
4086	12	Bạch Văn	Dương	04/12/1994	Nam	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4087	13	Nguy Thị	Hằng	11/05/1992	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4088	14	Trần Ngọc	Phương	17/02/1992	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4089	15	Đặng Hoài	Thu	31/10/1994	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
4090	16	Nguyễn Công	Tuấn	15/11/1988	Nam	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4091	17	Nguyễn Thị	Tâm	20/11/1982	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	B	B		
4092	18	Hà Thị Thu	Thương	25/10/1991	Nữ	Phúc Thành, Vũ Thư, Thái Bình	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	CBB	
4093	19	Ngô Anh	Tuấn	29/05/1994	Nam	Trần Phú, Hà Đông, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4094	20	Hoàng Thị Lan	Anh	10/01/1983	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược lý lâm sàng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp sau đại học ở nước ngoài		
4095	21	Nguyễn Thị	Hải	09/07/1985	Nữ	Cao Minh, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
4096	22	Nguyễn Xuân	Hòa	09/10/1996	Nam	Lạc Viên, Ngô Quyền, Hải Phòng	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4097	23	Phạm Lan	Hương	20/11/1984	Nữ	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4098	24	Nguyễn Thị	Lương	28/03/1993	Nữ	Đình Cao, Phù Cừ, Hưng Yên	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
4099	25	Bùi Thị Thúy	Nga	04/03/1996	Nữ	Liêm Túc, Thanh Liêm, Hà Nam	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4100	26	Ngô Thị Kiều	Ngân	15/01/1996	Nữ	Phú Khê, Cẩm Khê, Phú Thọ	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	IC 3	Tương đương B2		
4101	27	Nguyễn Trường	Sơn	24/10/1990	Nam	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4102	28	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/02/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4103	29	Trần Thị Minh	Trang	11/08/1992	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng THs tại nước ngoài		
4104	30	Mẫn Thị Vân	Anh	08/07/1991	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4105	31	Hứa Thị Thu	Huyền	17/07/1986	Nữ	Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	CĐCĐ	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4106	32	Vũ Hồng	Minh	12/04/1995	Nữ	Tiền Phong, Thái Bình, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CĐCĐ	
4107	33	Cao Thị Hồng	Nhung	11/11/1994	Nữ	Bát Xát, Bát Xát, Lào Cai	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4108	34	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	08/03/1991	Nữ	Yên Bình, Yên Bình, Yên Bái	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
4109	35	Vương Thị	Tâm	22/09/1990	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4110	36	Đỗ Thị	Thu	16/12/1996	Nữ	Thanh Bình, Thanh Liêm, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
4111	37	Toàn Thu	Thủy	15/10/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Lạng Sơn, Lạng Sơn	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
4112	38	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/03/1993	Nữ	Việt Quang, Bắc Quang, Hà Giang	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4113	39	Hoàng Minh	Tú	07/07/1996	Nam	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4114	40	Quách Thị Ánh	Tuyết	10/07/1988	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
4115	41	Nguyễn Ngọc	Yến	09/08/1995	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
4116	42	Phạm Hồng	Thái	03/07/1989	Nam	Bùi Xương Trạch, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4117	43	Trần Thị Thu	Quỳnh	05/07/1988	Nữ	Trần Hưng Đạo, Nam Định, Nam Định	BVĐK Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4118	44	Đặng Báo	Tuấn	02/10/1991	Nam	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4119	45	Cao	Minh	10/03/1993	Nam	Dịch Vọng Hậu, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam		
4120	46	Lê Đình	Khoa	23/03/1990	Nam	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	CTB	
4121	47	Trần Thị Thu	An	25/07/1991	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4122	48	Nguyễn Thanh	Hải	28/10/1986	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4123	49	Bùi Hoàng	Hải	16/04/1995	Nam	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
4124	50	Nghiêm Thị	Hảo	07/05/1988	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4125	51	Nguyễn Thúy	Hồng	10/09/1995	Nữ	Thanh Lâm, Lục Nam, Bắc Giang	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4126	52	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	28/10/1987	Nữ	Tân Hồng, Từ Sơn, Bắc Ninh	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược (chuyên khoa I tổ chức quản lý Dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4127	53	Đỗ Thị Bích	Ngọc	06/03/1996	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1	CĐCĐ	
4128	54	Dương Thanh	Tâm	23/07/1994	Nữ	Kim Lũ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4129	55	Nguyễn Văn	Tuyến	26/04/1993	Nam	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	B	A2		
4130	56	Nguyễn Thị	Mai	03/06/1989	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4131	57	Nguyễn Quang	Trường	06/11/1990	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	B	Giao tiếp B		
4132	58	Đỗ Thu	Hương	11/12/1991	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	B	B		
4133	59	Trần Thị	Hiện	12/11/1992	Nữ	Nguyễn Trãi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4134	60	Nguyễn Phương	Lan	16/12/1990	Nữ	Yên Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4135	61	Nguyễn Hoàng	Đạt	14/07/1995	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4136	62	Nguyễn Bích	Huệ	01/5/1982	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	B	A2		
4137	63	Dương Thị Hồng	Anh	22/5/1996	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4138	64	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	03/5/1995	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
4139	65	Bùi Thị Thu	Trang	25/6/1991	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	B	B		
4140	66	Trần Thị Thu	Trang	23/5/1995	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	IC 3	B1		
4141	67	Lê Thị	Tâm	19/03/1994	Nữ	Thụy An, Thái Thụy, Thái Bình	BV Thận HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4142	68	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	01/10/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BV Thận HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4143	69	Nguyễn Tuấn	Anh	02/08/1991	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4144	70	Đỗ Thị Mai	Dung	02/12/1985	Nữ	Khương Hạ, Thanh Xuân, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4145	71	Trịnh Thị Thu	Hiền	19/10/1992	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
4146	72	Hoàng Thị	Huệ	24/02/1995	Nữ	Giao Tiến, Giao Thủy, Nam Định	BVĐK Chương Mỹ	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4147	73	Nguyễn Thu	Huyền	07/12/1995	Nữ	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4148	74	Lương Thị Hải	Yến	11/07/1993	Nữ	Tử Đà, Phù Ninh, Phú Thọ	BVĐK Chương Mỹ	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bằng tốt nghiệp sau ĐH ở nước ngoài		
4149	75	Hoàng Mạnh	Hùng	25/12/1983	Nam	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4150	76	Lưu Vân	Phương	04/02/1996	Nữ	Phú Yên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
4151	77	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/09/1994	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4152	78	Nguyễn Minh	Quý	30/09/1993	Nam	TT Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4153	79	Nguyễn Xuân	Thịnh	10/09/1986	Nam	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	HTNV	
4154	80	Nguyễn Thị	Loan	23/10/1988	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4155	81	Nguyễn Thị Lý	Phương	30/11/1994	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4156	82	Nguyễn Thị Thu	Thủy	13/01/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4157	83	Nguyễn Thị Việt	Anh	03/04/1991	Nữ	Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4158	84	Nguyễn Thúy	Quỳnh	16/10/1990	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4159	85	Phạm Việt	Anh	19/5/1989	Nam	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4160	86	Mai Thị Thanh	Bình	11/5/1975	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4161	87	Hoàng Hạnh	Tâm	15/10/1996	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4162	88	Nguyễn Trọng	Đồng	18/03/1974	Nam	Hà Cầu, Hà Đông,Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược (chuyên khoa cấp I tổ chức quản lý dược)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4163	89	Lưu Thị	Hương	27/10/1983	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4164	90	Lê Thu	Thủy	09/081988	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4165	91	Chu Bá	Sơn	30/03/1980	Nam	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4166	92	Trịnh Thị	Quỳnh	28/01/1987	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4167	93	Đinh Thị Thùy	Dung	01/08/1989	Nữ	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	DTTS	
4168	94	Trần Thị	Nga	14/12/1995	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	IC 3	B1		
4169	95	Trần Nguyên	Ngọc	06/09/1993	Nam	Ba Trại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	B	A2		
4170	96	Nguyễn Thị	Nguyệt	22/05/1991	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4171	97	Ngô Thị	Phượng	06/04/1988	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	B	A2		
4172	98	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	10/01/1993	Nữ	Thạch Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
4173	99	Bùi Quốc	Kiên	23/12/1978	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4174	100	Nguyễn Kim	Ngân	29/09/1992	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4175	101	Nguyễn Thị Kim	Hiếu	24/08/1996	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
4176	102	Nguyễn Thị	Lan	01/04/1991	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4177	103	Hoàng Thị	Minh	17/08/1996	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4178	104	Nguyễn Thị	Tuyết	15/05/1987	Nữ	Phương Đình, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4179	105	Vũ Hồng	Loan	02/12/1992	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4180	106	Nguyễn Thị	Mai	28/02/1995	Nữ	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
		11. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23													
4181	1	Nguyễn Hoàng	Đức	09/04/1986	Nam	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4182	2	Cao Thị	Giang	02/02/1995	Nữ	Hoằng Phong, Hoằng Hóa, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4183	3	Nguyễn Thị	Hằng	13/08/1983	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4184	4	Đào Thị	Hòa	20/12/1990	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4185	5	Phạm Thị Thu	Hương	30/01/1986	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4186	6	Phạm Thu	Huyền	22/07/1996	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4187	7	Nguyễn Thị	Thêu	28/08/1990	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4188	8	Trần Thị	Thoan	17/11/1995	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4189	9	Trần Hồng	Vân	14/03/1990	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4190	10	Cao Hoài	Anh	16/04/1978	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4191	11	Lê Thị Huyền	Trang	03/11/1991	Nữ	Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4192	12	Nguyễn Trung	Kiên	07/07/1988	Nam	Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
4193	13	Bùi Thị Lệ	Hằng	23/02/1985	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4194	14	Nguyễn Thị Hồng	Mai	10/01/1972	Nữ	Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4195	15	Lê Hương	Giang	06/02/1995	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4196	16	Đoàn Nguyễn Thị	Hà	04/04/1994	Nữ	Giao Tân, Giao Thủy, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4197	17	Hà Thị	Hằng	27/10/1984	Nữ	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4198	18	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/03/1983	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4199	19	Trần Hồng	Hạnh	20/10/1983	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4200	20	Đỗ Thị	Hiền	01/07/1984	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CBB	
4201	21	Phạm Thị	Hoàn	21/09/1985	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4202	22	Nguyễn Thị	Liên	10/12/1984	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4203	23	Đoàn Như	Lữ	11/03/1987	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4204	24	Lê Thị Thanh	Nga	07/12/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4205	25	Trần Thị Bích	Ngọc	27/12/1984	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4206	26	Lê Thị	Nguyệt	23/07/1986	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4207	27	Lã Thanh	Phương	13/11/1980	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4208	28	Phạm Thị	Thảo	12/01/1995	Nữ	Bình Nguyên, Kiến Xương, Thái Bình	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4209	29	Nguyễn Huyền	Trang	05/09/1990	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4210	30	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	17/08/1998	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4211	31	Giang Nguyên	Dung	02/09/1984	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4212	32	Nguyễn Thị Thùy	Dung	09/01/1984	Nữ	Yên Quang, Ý Yên, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4213	33	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/08/1982	Nữ	Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	C		
4214	34	Nguyễn Minh	Hiền	27/09/1987	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	Trung cấp		
4215	35	Dương Thị	Hiền	04/10/1997	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4216	36	Đỗ Thị Quỳnh	Hoa	16/10/1983	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4217	37	Lương Thị	Huế	12/11/1993	Nữ	Cao Thắng, Thanh Miện, Hải Dương	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4218	38	Nguyễn Thị	Phương	03/11/1993	Nữ	Quang Minh, Kiến Xương, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4219	39	Nguyễn Hà	Thanh	23/11/1995	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4220	40	Đỗ Thị	Thêu	18/06/1988	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4221	41	Trần Thị	Tho	06/11/1986	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4222	42	Bùi Thị	Thơm	14/09/1998	Nữ	Độc Lập, Hưng Hà, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4223	43	Hoàng Thị Thanh	Thủy	21/10/1988	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4224	44	Lê Thị	Tuyết	24/12/1997	Nữ	An Mỹ, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4225	45	Trương Thị	Vân	07/01/1990	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4226	46	Lê Cẩm	Linh	16/12/1987	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4227	47	Lê Thị	Phương	27/6/1990	Nữ	Hạ Đình,Thanh Xuân,Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4228	48	Nguyễn Thị	Cúc	30/09/1996	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4229	49	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/1991	Nữ	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4230	50	Ngô Thị	Hòa	26/11/1990	Nữ	Đồng Mai, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4231	51	Lê Khánh	Linh	22/10/1986	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4232	52	Phạm Thị Hồng	Sơn	13/01/1980	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4233	53	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	09/06/1989	Nữ	Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4234	54	Nguyễn Hải	Yến	05/08/1996	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4235	55	Vương Quốc	Dũng	08/08/1989	Nam	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4236	56	Trịnh Thị	Hà	10/12/1993	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	C		
4237	57	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	29/01/1992	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
4238	58	Lê Thị	Huê	06/08/1990	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4239	59	Cao Thùy	Linh	29/06/1988	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4240	60	Nguyễn Thị Thanh	Loan	12/06/1994	Nữ	Hoà Phú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4241	61	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	18/12/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4242	62	Lê Anh	Tuấn	19/11/1987	Nam	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4243	63	Đỗ Thị Thanh	Xuân	04/02/1997	Nữ	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4244	64	Nguyễn Thị	Huyền	06/03/1995	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4245	65	Trương Thị	Vân	02/08/1990	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4246	66	Nguyễn Tiến	Dũng	21/10/1995	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4247	67	Nguyễn Thị Phương	Hồng	15/01/1972	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4248	68	Nguyễn Thị	Huệ	20/03/1993	Nữ	Minh Trí, Sóc, Sơn, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4249	69	Nguyễn Thị	Hường	06/01/1986	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4250	70	Cù Thị	Nhỏ	26/10/1990	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4251	71	Nguyễn Phương	Oanh	29/09/1992	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4252	72	Phạm Thị Bích	Trà	09/10/1982	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	A		
4253	73	Võ Thị Thanh	Tú	22/10/1982	Nữ	Thượng Cát, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4254	74	Trương Thanh	Bình	26/08/1992	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B	CBB	
4255	75	Nguyễn Thị	Hoa	29/07/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
4256	76	Hoàng Thị	Huyền	16/10/1986	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4257	77	Lê Thị Hồng	Nhung	29/10/1991	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4258	78	Nguyễn Thị Kim	Thu	01/03/1993	Nữ	Bắc Hồng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4259	79	Hoàng Thị Minh	Trang	13/7/1987	Nữ	Cộng Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
4260	80	Lê Ngọc	Hà	24/06/1986	Nam	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4261	81	Đặng Thị	Hảo	24/08/1992	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4262	82	Trần Thị Mỹ	Huyền	08/04/1994	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4263	83	Đỗ Thị	Lý	05/02/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4264	84	Vũ Thị Hồng	Nhung	11/11/1997	Nữ	Lâm Thao, Lâm Thao, Phú Thọ	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4265	85	Hoàng Minh	Phương	09/07/1994	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4266	86	Nguyễn Thị	Thủy	18/04/1988	Nữ	Tiên Phong, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Dược	C	B		
4267	87	Hoàng Thị Mai	Trang	15/02/1997	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4268	88	Chu Thị Hải	Yến	23/10/1992	Nữ	Phú Đông, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4269	89	Ngô Thùy	Quyên	16/08/1984	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4270	90	Trần Thị Thu	Thủy	18/10/1993	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4271	91	Phạm Thu	Trang	12/09/1991	Nữ	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4272	92	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/12/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4273	93	Nguyễn Thị	Năm	22/04/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4274	94	Nguyễn Thị	Hân	02/12/1993	Nữ	Cát Quế, Hoài Đức, Hà Nội	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4275	95	Nguyễn Đăng	Dũng	30/01/1993	Nam	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4276	96	Đào Thị Thùy	Dung	26/7/1990	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4277	97	Lã Thanh	Hải	06/7/1986	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4278	98	Nguyễn Thị Mai	Hương	22/9/1986	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4279	99	Nguyễn Ánh	Huyền	27/4/1990	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4280	100	Trần Thị Tú	Lệ	16/6/1992	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4281	101	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/05/1997	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4282	102	Nguyễn Thị Mỹ	Ninh	04/11/1997	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4283	103	Nguyễn Văn	Phán	05/02/1984	Nam	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4284	104	Nguyễn Thị	Tâm	08/3/1993	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4285	105	Nguyễn Thị	Thu	06/7/1994	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4286	106	Nguyễn Thị	Thức	12/12/1990	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4287	107	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	04/02/1988	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4288	108	Nguyễn Thị Vân	Anh	08/4/1987	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4289	109	Lê Thị	Bình	18/12/1991	Nữ	Cổ Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4290	110	Nguyễn Văn	Hiệp	30/6/1995	Nam	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4291	111	Hà Ngọc	Tin	09/9/1981	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4292	112	Hoàng Thị Kim	Anh	02/03/1985	Nữ	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Thận HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	IC 3	B1		
4293	113	Phạm Thúy	Hà	29/03/1989	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thận HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4294	114	Đặng Thanh	Nhàn	10/06/1995	Nam	Dũng Tiến, Thường Tín, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4295	115	Nguyễn Trang	Nhung	15/4/1989	Nữ	Mường Thanh, Điện Biên Phủ, Điện Biên	BV YHCT Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4296	116	Bùi Thị Thủy	Anh	13/11/1991	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4297	117	Nguyễn Xuân	Bảo	27/08/1986	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
4298	118	Nguyễn Thị	Đào	20/11/1989	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4299	119	Phạm Thị	Hoa	15/06/1989	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B	CTB	
4300	120	Thiều Thị	Hồng	01/11/1985	Nữ	Trung Châu, Huyện Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4301	121	Nguyễn Thị	Huệ	19/08/1995	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4302	122	Vương Thị	Hường	27/10/1993	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4303	123	Nguyễn Thị	Miền	05/08/1996	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4304	124	Phan Thị	Nhung	17/11/1987	Nữ	Đồng Tháp, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4305	125	Nguyễn Thị	Thắm	07/10/1986	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4306	126	Nguyễn Thị	Thơm	03/07/1983	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CTB	
4307	127	Tạ Thị	Thủy	25/10/1997	Nữ	Thượng Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4308	128	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/08/1996	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4309	129	Nguyễn Anh	Tuấn	02/11/1983	Nam	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	HTNV	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4310	130	Thạc Thị Kim	Tuyến	14/09/1984	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4311	131	Nguyễn Thị Phương	Anh	10/09/1987	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4312	132	Trần Thị Thanh	Dung	10/12/1985	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4313	133	Lương Thị Song	Loan	09/09/1995	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
4314	134	Trịnh Thị	Thảo	23/12/1994	Nữ	Hợp Đồng, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4315	135	Lê Thị	Thu	12/09/1993	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4316	136	Lê Thị Hồng	Sơn	28/12/1991	Nữ	Quất Động, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4317	137	Uông Thị	Ly	14/02/1987	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4318	138	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/05/1987	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4319	139	Trần Thị	Bình	27/10/1990	Nữ	Văn Nhân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4320	140	Nguyễn Thị	Dịu	18/02/1988	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4321	141	Nguyễn Thị Hương	Giang	19/06/1988	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4322	142	Nguyễn Thị	Nhung	06/04/1995	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4323	143	Lê Thanh	Thư	09/12/1996	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4324	144	Lê Thị	Thúy	09/08/1986	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4325	145	Vũ Thị Thanh	Thúy	21/12/1993	Nữ	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4326	146	Trương Thị	Vi	10/04/1991	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4327	147	Đặng Thị	Cúc	12/03/1994	Nữ	Minh Bảo, Yên Bái, Yên Bái	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4328	148	Tạ Thị	Hảo	02/11/1988	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4329	149	Nguyễn Thị Thúy	Hiếu	12/03/1989	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	C	Bậc 2		
4330	150	Nguyễn Thị	Hương	16/11/1983	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CĐCĐ	
4331	151	Phùng Thị	Phương	08/12/1996	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4332	152	Đoàn Thị Bích	Phượng	07/05/1988	Nữ	Chu Phan, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4333	153	Hoàng Thị	Phượng	06/09/1995	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4334	154	Trần Thị	Xuân	13/01/1991	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4335	155	Nguyễn Thị	Thúy	12/05/1986	Nữ	Đại Áng, Thanh Trì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4336	156	Nguyễn Thị	Tuyết	14/03/1991	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4337	157	Nguyễn Trường	Giang	12/12/1996	Nam	Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4338	158	Trần Thị Thu	Hà	16/02/1987	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4339	159	Nguyễn Thị	Nhung	09/12/1982	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4340	160	Lê Tuấn	Việt	10/10/1990	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4341	161	Nguyễn Tiến	Mừng	20/07/1981	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	TT Pháp y Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Trung cấp Tin học	A2		
4342	162	Trần Thị	Hương	23/6/1981	Nữ	Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4343	163	Ngô Minh	Phương	12/01/1995	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4344	164	Cao Thanh	Tâm	27/8/1984	Nữ	Kim Liên,Đống Đa , Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4345	165	Chu Ngọc	Thủy	30/10/1981	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4346	166	Lê Hồng	Hải	16/10/1994	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4347	167	Nguyễn Thị Minh	Huệ	07/01/1998	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4348	168	Phạm Thị Minh	Phượng	13/09/1987	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4349	169	Tuấn Anh	Quân	22/04/1977	Nam	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4350	170	Lê Minh	Châu	20/12/1991	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B1		
4351	171	Trần Thị	Lập	21/11/1978	Nữ	Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4352	172	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	01/06/1998	Nữ	Phúc Thắng, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	TTYT Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4353	173	Tạ Ánh	Tuyết	08/01/1992	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4354	174	Nguyễn Hữu	Lộc	11/12/1990	Nam	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	HTNV	
4355	175	Nguyễn Thanh	Tùng	12/10/1990	Nam	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4356	176	Nguyễn Thành	Trung	16/02/1980	Nam	Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4357	177	Cao Như	Hoa	28/02/1994	Nữ	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4358	178	Trần Thị	Hằng	29/09/1993	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4359	179	Hà Thị Bích	Hồng	09/05/1985	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3	CTB	
4360	180	Phạm Thị Thanh	Huệ	06/11/1985	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4361	181	Nguyễn Thanh	Huyền	24/12/1988	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4362	182	Kiều Thị Quỳnh	Nga	04/12/1998	Nữ	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4363	183	Nguyễn Thị	Thắm	30/03/1994	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	CBB	
4364	184	Lương Thị Quế	Hoa	27/10/1973	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	A2		
4365	185	Nguyễn Thị	Hương	25/04/1978	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4366	186	Dương Thị	Thuật	26/01/1986	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4367	187	Nguyễn Ngọc	Anh	07/06/1987	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4368	188	Nguyễn Trung	Dũng	17/04/1986	Nam	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4369	189	Lê Thị	Hiệp	10/07/1992	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4370	190	Đỗ Thị Mai	Hương	02/11/1992	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4371	191	Lê Thị	Lan	22/12/1985	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
4372	192	Lê Thị	Ninh	21/08/1995	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4373	193	Nguyễn Đức	Quí	16/10/1989	Nam	Nam hồng, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4374	194	Nguyễn Văn	Tân	18/12/1984	Nam	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4375	195	Lại Quang	Thắng	02/08/1994	Nam	Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4376	196	Vũ Thị Phương	Thảo	22/09/1995	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4377	197	Nguyễn Thị Bích	Thảo	08/03/1983	Nữ	Thị Trấn Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4378	198	Dương Kim	Tiến	04/09/1993	Nữ	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4379	199	Phạm Thị	Hiền	29/06/1985	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4380	200	Nguyễn Thị	Phượng	03/12/1980	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
4381	201	Nguyễn Phương	Thảo	30/03/1991	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4382	202	Hoàng Châm	Anh	20/10/1990	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4383	203	Bùi Minh	Dương	20/09/1993	Nam	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4384	204	Vũ Thị	Mai	08/07/1998	Nữ	Kim Sơn, Thị xã Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4385	205	Nguyễn Thị	Loan	15/01/1994	Nữ	Thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4386	206	Nguyễn Huyền	Trang	01/09/1994	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4387	207	Lê Thị	Bích	10/04/1990	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4388	208	Nguyễn Thị	Dưỡng	19/10/1988	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4389	209	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	15/02/1990	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4390	210	Lê Thu	Hằng	14/01/1993	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4391	211	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	01/06/1979	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4392	212	Nguyễn Thị	Hiền	30/01/1985	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	A2		
4393	213	Trần Thị	Hương	15/12/1991	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4394	214	Nguyễn Thị	Hường	20/04/1981	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4395	215	Nguyễn Thị	Lan	10/08/1996	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4396	216	Lê Thị Diệu	Linh	24/04/1997	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	Giao tiếp B		
4397	217	Chu Thị	Loan	08/03/1995	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4398	218	Nguyễn Thị Trà	My	28/12/1990	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4399	219	Nguyễn Thị	Nguyệt	29/01/1995	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4400	220	Nguyễn Thị	Phương	24/04/1988	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B	CBB	
4401	221	Trần Thị	Phương	10/02/1998	Nữ	Bắc Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4402	222	Nguyễn Thị Mai	Trang	10/09/1991	Nữ	Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4403	223	Hồ Thị Hồng	Trinh	08/06/1998	Nữ	Xuân Phú, Eakar, ĐăkLăk	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4404	224	Trần Thị	Tuyết	26/10/1990	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4405	225	Lê Thành	Chung	29/11/1977	Nam	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4406	226	Khất Minh	Hải	27/05/1989	Nữ	Đông Quang, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4407	227	Nguyễn Thị	Hoa	09/08/1993	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4408	228	Hoàng Thị Thanh	Huệ	13/11/1983	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4409	229	Nguyễn Hoàng	Hưng	23/10/1994	Nam	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4410	230	Lý Thị Thanh	Huyền	11/08/1993	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B	DTTS	
4411	231	Nguyễn Thị	Mai	24/04/1991	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4412	232	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	18/01/1990	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
4413	233	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	24/02/1991	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4414	234	Nguyễn Thị Thu	Phương	11/10/1994	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4415	235	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	19/02/1997	Nữ	Minh Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4416	236	Lê Thị	Sen	22/10/1995	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4417	237	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	14/04/1989	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
4418	238	Mai Thị	Thủy	18/03/1988	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4419	239	Hoàng Thị	Dung	30/08/1994	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4420	240	Đặng Thị	Liên	29/05/1992	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4421	241	Nguyễn Thị	Thúy	11/03/1992	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4422	242	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	02/11/1990	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4423	243	Trần Thị	Hằng	15/02/1984	Nữ	Tân Xã, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4424	244	Đỗ Thị	Hồng	11/03/1988	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4425	245	Lê Thị	Mến	14/01/1989	Nữ	Tân Xã, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4426	246	Nguyễn Thị	Nga	29/12/1991	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4427	247	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	31/12/1998	Nữ	Yên Trung, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	DTTS	
4428	248	Phí Thị	Phương	01/12/1995	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4429	249	Nguyễn Thị Hà	Trang	03/03/1996	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4430	250	Nguyễn Thị	Tuyết	09/02/1992	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
4431	251	Nguyễn Thị Hồng	Anh	09/11/1988	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4432	252	Hoàng Thị Quế	Anh	29/09/1989	Nữ	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4433	253	Dương Thị	Ánh	16/09/1990	Nữ	Phượng Cách, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4434	254	Ngô Thị Kim	Dung	04/12/1992	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4435	255	Nguyễn Thị	Hà	16/02/1992	Nữ	Tân Hòa, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4436	256	Bùi Thị Thu	Hà	28/12/1994	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4437	257	Lê Thị	Hiền	28/12/1993	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4438	258	Nguyễn Thị	Hiền	26/12/1990	Nữ	Đại Thành, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4439	259	Trần Thị	Hòa	19/10/1980	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	CĐCĐ	
4440	260	Nguyễn Thị	Hồng	24/09/1990	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4441	261	Nguyễn Văn	Hùng	17/09/1988	Nam	Yên Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	A2		
4442	262	Lương Thị Mỹ	Hương	18/11/1987	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4443	263	Hoàng Thị	Hương	01/03/1998	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4444	264	Dương Thị	Khánh	22/08/1997	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4445	265	Lê Thị	Loan	15/06/1994	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4446	266	Trương Thị	Long	31/12/1990	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4447	267	Phùng Thị	Luân	28/05/1989	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4448	268	Vũ Thị	Nga	14/11/1993	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4449	269	Nguyễn Thị	Ngọc	01/08/1996	Nữ	Trung Sơn Trầm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4450	270	Nguyễn Thị	Nhung	16/12/1993	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4451	271	Nguyễn Thị	Núi	20/06/1984	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
4452	272	Đỗ Thị	Phương	22/02/1989	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4453	273	Lê Thị	Quỳnh	30/11/1991	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4454	274	Nguyễn Hữu	Quỳnh	18/01/1989	Nam	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4455	275	Nguyễn Thị	Thắm	27/08/1995	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4456	276	Kiều Thị	Thao	25/01/1989	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4457	277	Nguyễn Thị	Thảo	13/12/1994	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4458	278	Dương Thị	Trầm	28/06/1995	Nữ	Phùng Xá, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4459	279	Vũ Thị	Trang	17/09/1987	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4460	280	Đặng Thị	Yến	14/07/1992	Nữ	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4461	281	Nguyễn Thị Minh	Tâm	04/03/1996	Nữ	Trung Châu , Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4462	282	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/01/1989	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4463	283	Nguyễn Viết Thị Thu	Dung	09/04/1982	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
4464	284	Nguyễn Thị	Duyên	26/11/1976	Nữ	Đắc Sở, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4465	285	Nguyễn Thị	Đoan	26/10/1996	Nữ	An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4466	286	Nguyễn Thị	Hằng	01/11/1993	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4467	287	Trí Thị	Hiền	25/02/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4468	288	Nguyễn Thị Khánh	Ly	27/09/1985	Nữ	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4469	289	Nguyễn Thị	Tâm	26/09/1986	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
4470	290	Nguyễn Thanh	Tú	16/05/1998	Nam	An Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4471	291	Nguyễn Thị	Cúc	11/12/1991	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4472	292	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/08/1996	Nữ	Phương Trung, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4473	293	Đỗ Thị	Hay	26/09/1984	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4474	294	Nguyễn Thị	Hiền	13/12/1991	Nữ	Tây Lương, Tiền Hải, Thái Bình	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4475	295	Đỗ Thị Nên	Hương	27/02/1991	Nữ	Trần Phú, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4476	296	Đặng Thị	Huyền	24/08/1994	Nữ	Thanh Bình, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4477	297	Cao Thị	Loan	13/01/1988	Nữ	Mỹ Lương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4478	298	Đặng Quỳnh	Mai	10/03/1995	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4479	299	Phạm Thị	Miền	12/09/1985	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4480	300	Bạch Thị	Nhài	28/09/1991	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4481	301	Lê Thị	Thanh	06/02/1995	Nữ	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4482	302	Nguyễn Thị	Thanh	21/10/1990	Nữ	Lam Điền, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4483	303	Nguyễn Phương	Thảo	15/07/1993	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	DTTS	
4484	304	Dương Thị	Thu	12/09/1995	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4485	305	Lê Thị	Thu	01/12/1995	Nữ	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4486	306	Mai Thị	Thúy	28/08/1990	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4487	307	Nguyễn Thị	Thúy	29/12/1991	Nữ	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4488	308	Đỗ Phương	Thúy	04/11/1995	Nữ	Tân Tiến, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4489	309	Nguyễn Thị	Tiếp	28/05/1992	Nữ	Hoàng Diệu, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A1		
4490	310	Nguyễn Thị	Tình	04/04/1990	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4491	311	Nguyễn Văn	Trường	31/03/1986	Nam	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4492	312	Nông Thị	Bích	16/10/1994	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	DTTS	
4493	313	Nguyễn Tiến	Hải	27/07/1989	Nam	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4494	314	Lê Thị	Hạnh	10/06/1985	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4495	315	Nguyễn Hương	Ly	18/01/1995	Nữ	Đỗ Động, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4496	316	Vũ Thị	Thúy	07/08/1996	Nữ	Xuân Dương, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4497	317	Phạm Thị Thu	Trang	17/01/1993	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	C		
4498	318	Phùng Thị Minh	Anh	06/08/1998	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4499	319	Nguyễn Thị	Báo	12/10/1985	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4500	320	Trần Thị	Bích	04/07/1987	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4501	321	Nguyễn Thị	Đào	21/10/1990	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4502	322	Trịnh Thu	Hiền	04/07/1979	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4503	323	Hoàng Thị	Huệ	13/09/1987	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4504	324	Nguyễn Thị	Hường	20/08/1981	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4505	325	Nguyễn Thị	Huyên	16/01/1994	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4506	326	Lê Mỹ	Huyền	25/03/1987	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4507	327	Dương Thùy	Linh	18/06/1993	Nữ	Vạn Kim, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4508	328	Lê Thị Nhật	Linh	17/03/1994	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4509	329	Mai Thị	Luyến	15/05/1990	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4510	330	Bùi Thị	Mai	04/03/1989	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4511	331	Trần Thị	Mái	27/04/1989	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
4512	332	Nguyễn Thị	Nga	05/03/1990	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4513	333	Bùi Thị	Ngân	05/06/1983	Nữ	Hùng Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4514	334	Trần Thị Châu	Nhi	23/02/1997	Nữ	An Phú, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	DTTS	
4515	335	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/10/1984	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4516	336	Lương Văn	Tài	19/06/1991	Nam	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4517	337	Nguyễn Thị	Tâm	03/05/1990	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4518	338	Lê Thị	Thủy	08/02/1988	Nữ	Đồng Tâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4519	339	Đinh Thị	Tuyết	21/04/1996	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4520	340	Chu Thị	Vân	12/12/1991	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4521	341	Bùi Thị Hải	Yến	15/07/1991	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4522	342	Mai Văn	Đúng	01/01/1988	Nam	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4523	343	Đỗ Thị Thu	Hà	19/05/1985	Nữ	Hồng Vân, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4524	344	Ngô Thị	Huyền	13/05/1994	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	Bậc 2		
4525	345	Nguyễn Thị Cẩm	Thạch	11/09/1996	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4526	346	Nguyễn Thị	Châm	20/03/1985	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4527	347	Đào Thị Hồng	Hạnh	14/04/1994	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4528	348	Trần Thị	Hằng	03/02/1993	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B	CTB	
4529	349	Đào Thị	Hằng	01/08/1989	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B1		
4530	350	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	07/12/1984	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4531	351	Nguyễn Phương	Linh	17/09/1994	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4532	352	Lê Thu	Nga	05/12/1992	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4533	353	Nguyễn Thị Hồng	Nhật	15/12/1989	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4534	354	Nguyễn Thị	Nhung	22/03/1990	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	A2		
4535	355	Nguyễn Thị	Phương	09/01/1989	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4536	356	Đinh Thanh	Phương	24/08/1996	Nữ	Vạn Điểm, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4537	357	Đào Thị	Thương	17/04/1995	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4538	358	Đoàn Thị Thu	Trang	19/04/1995	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4539	359	Đinh Thị Kiều	Trang	15/06/1990	Nữ	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4540	360	Đặng Thị Tường	Vi	08/08/1984	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4541	361	Phùng Thị Thu	Huyền	11/02/1977	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4542	362	Phan Thị Thu	Minh	26/03/1989	Nữ	Phúc Hoà, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4543	363	Đào Thị	Cử	10/9/1992	Nữ	Hòa Xá,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4544	364	Nguyễn Thị	Hậu	21/7/1987	Nữ	Kim Đường,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4545	365	Bùi Mạnh	Hùng	28/11/1994	Nam	Trầm Lộng,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4546	366	Đỗ Thị Thu	Huyền	24/4/1990	Nữ	Vạn Thái,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4547	367	Lưu Thanh	Lam	26/4/1994	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4548	368	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/6/1987	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4549	369	Nguyễn Thị	Ngọc	01/9/1998	Nữ	Liên Bạt,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4550	370	Phạm Thị	Nhung	11/11/1992	Nữ	Viên An,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4551	371	Hoàng Thị Thu	Trang	01/02/1998	Nữ	Hồng Quang,Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4552	372	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/10/1989	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	B		
4553	373	Lê Minh	Hiếu	16/08/1992	Nam	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4554	374	Phạm Thị	Quế	14/06/1987	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4555	375	Nguyễn Thị	Dung	16/11/1996	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4556	376	Đỗ Viết	Hải	03/05/1994	Nam	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	Bậc 2		
4557	377	Vũ Nhật Hồng	Hoa	06/11/1994	Nữ	Tam Đồng, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	Bậc 2		
4558	378	Đỗ Thị	Hòa	02/05/1992	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	B	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4559	379	Trương Thị	Hồng	07/03/1986	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	B		
4560	380	Lê Ánh	Ngọc	08/11/1992	Nữ	Trưng Trắc, Phúc Yên, Vĩnh Phúc	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4561	381	Đỗ Thị	Vân	30/07/1997	Nữ	Tiến Thắng, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
		12. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DINH DƯỠNG (HẠNG III) - V.08.09.25													
4562	1	Lê Thị Ngọc	Anh	02/10/1994	Nữ	Hương Sơn, Mĩ Đức, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Dinh dưỡng (hạng III)	Dinh dưỡng	ĐH	Dinh dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4563	2	Nguyễn Thị	Yến	19/11/1995	Nữ	Xuân Hồng, Xuân Trường, Nam Định	BV Phổi Hà Nội	Dinh dưỡng (hạng III)	Dinh dưỡng	ĐH	Dinh dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
		13. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DINH DƯỠNG (HẠNG IV) - V.08.09.26													
4564	1	Lê Hoài	Thương	13/08/1989	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Dinh dưỡng (hạng IV)	Dinh dưỡng	CĐ	Dinh dưỡng tiết chế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
		14. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DÂN SỐ VIÊN HẠNG III - V.08.10.28													
4565	1	Nghiêm Thu	Huyền	06/09/1974	Nữ	Thượng Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng III	**Tài chính (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Tài chính (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4566	2	Phạm Thị Tố	Nga	16/02/1989	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng III	**Bác sỹ Y học cổ truyền (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4567	3	Đoàn Thị	Xuân	12/02/1985	Nữ	Ô chợ dừa, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng III	**Quản trị kinh doanh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Quản trị kinh doanh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4568	4	Nguyễn Thùy	Dương	18/10/1991	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng III	**Quản lý nhà nước (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Quản lý nhà nước (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4569	5	Lý Thị Minh	Phương	27/07/1987	Nữ	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng III	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4570	6	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	14/01/1989	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng III	**Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4571	7	Đỗ Thúy	Hà	03/01/1982	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4572	8	Hoàng Thị	Hảo	10/8/1992	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Văn hóa học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Văn hóa học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4573	9	Đinh Thị	Lý	16/6/1981	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Tài chính ngân hàng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Tài chính ngân hàng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4574	10	Đỗ Bích	Ngọc	25/9/1985	Nữ	Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4575	11	Đặng Thị	Phượng	01/12/1984	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
4576	12	Nguyễn Ánh	Ngọc	02/10/1984	Nữ	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Dân số viên hạng III	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4577	13	Trần Thị Hải	Yến	21/02/1980	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Dân số viên hạng III	**Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	B	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ	CTB	
4578	14	Nguyễn Mạnh	Cường	05/01/1987	Nam	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng III	**Quản trị doanh nghiệp (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Quản trị doanh nghiệp (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Kỹ sư Tin học	A2	CTB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4579	15	Trần Thanh	Hằng	01/09/1994	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng III	**Tâm lý giáo dục (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Tâm lý giáo dục (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4580	16	Lưu Thị Thanh	Huyền	29/11/1992	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dân số viên hạng III	**Chính trị học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Chính trị học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	B	Bậc 2		
4581	17	Nguyễn Thị	Vượng	10/10/1983	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Dân số viên hạng III	**Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4582	18	Đinh Thị	Lộc	04/7/1994	Nữ	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng III	**Kỹ sư hạ tầng và phát triển nông thôn (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	IC 3	B1		
4583	19	Lê Thị Kim	Huệ	20/05/1985	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng III	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4584	20	Đặng Thúy	Ngần	10/08/1989	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng III	**Y tế công cộng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Y tế công cộng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
		15. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DÂN SỐ VIÊN HẠNG IV - V.08.10.29													

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4585	1	Vũ Thị Hương	Chi	17/05/1978	Nữ	Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	B	C		
4586	2	Phạm Thu	Hương	02/06/1992	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm,Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4587	3	Đào Thu	Hà	09/04/1982	Nữ	Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4588	4	Vũ Nhật	Phương	27/04/1991	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4589	5	Vũ Thị	Định	06/10/1982	Nữ	Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng IV	**Hộ sinh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Hộ sinh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4590	6	Mai Thu	Hà	22/10/1995	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4591	7	Nguyễn Lệ	Thương	17/12/1990	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng IV	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4592	8	Nguyễn Thị Huyền	My	02/02/1995	Nữ	Nhân Chính,Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng IV	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4593	9	Vũ Thị Thanh	Huyền	30/07/1990	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Dân số viên hạng IV	Dân số, y tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4594	10	Nguyễn Thanh	Vân	16/01/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Dân số viên hạng IV	Dân số, y tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4595	11	Lê Thị Thu	Hường	29/06/1979	Nữ	TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dân số viên hạng IV	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4596	12	Nguyễn Thị	Phấn	20/10/1972	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dân số viên hạng IV	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4597	13	Phạm Thị Ánh	Nhung	29/06/1990	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Dân số viên hạng IV	**Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4598	14	Nguyễn Ngọc	Mai	03/02/1993	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Dân số viên hạng IV	**Y tế - Dân số (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Xã hội học (chứng chỉ bồi dưỡng nghệp vụ Dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4599	15	Đặng Thị Phương	Ngân	14/12/1989	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Sư phạm mầm non (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Sư phạm mầm non (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4600	16	Nguyễn Thu	Hồng	27/10/1992	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Giáo dục tiểu học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Giáo dục tiểu học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4601	17	Phạm Thị Thùy	Linh	29/08/1996	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4602	18	Phùng Thị	Huyền	17/02/1982	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Trồng trọt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Trồng trọt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệ vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	CBB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4603	19	Nguyễn Thị	Phương	24/10/1988	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4604	20	Nguyễn Thanh	Nga	21/04/1995	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Quản lý kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Quản lý kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
4605	21	Quách Thị	Ánh	06/08/1989	Nữ	Đại Mạch, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4606	22	Bùi Thanh	Hằng	28/10/1981	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4607	23	Đặng Thị Thúy	Linh	24/03/1995	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4608	24	Phạm Thị	Nga	20/02/1970	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4609	25	Nguyễn Thị	Hạnh	21/05/1970	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Tin học văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Tin học văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Trung cấp tin học văn phòng	B		
4610	26	Giang Thị Phương	Hoa	03/10/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4611	27	Đỗ Thị Thu	Hương	09/12/1991	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4612	28	Nguyễn Thị	Khuyên	24/08/1991	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	B	B		
4613	29	Đinh Thị	Ngà	04/02/1986	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4614	30	Phan Kiều	Anh	10/10/1974	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4615	31	Hoàng Thu	Hà	23/05/1997	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4616	32	Phí Thị	Phương	12/07/1986	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4617	33	Đỗ Thị Thu	Vân	25/05/1988	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4618	34	Đoàn Thị Cẩm	Tú	17/02/1991	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4619	35	Nguyễn Thị Lan	Anh	26/11/1984	Nữ	Phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4620	36	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	18/04/1978	Nữ	Phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4621	37	Nguyễn Thanh	Phương	01/10/1989	Nữ	Phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4622	38	Nguyễn Tài	Trí	11/10/1978	Nam	Phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	CBB	
4623	39	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	15/11/1993	Nữ	Xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4624	40	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	06/10/1993	Nữ	Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4625	41	Đỗ Thị Thanh	Thủy	26/08/1993	Nữ	Phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4626	42	Nguyễn Thị	Hiền	29/03/1992	Nữ	Xã Phụng Thượng, huyện Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4627	43	Nguyễn Thị	Thắm	10/04/1988	Nữ	Xã Bình Phú, huyện Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4628	44	Đàm Hữu	Chung	06/06/1975	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Khai thác vận tải sắt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Khai thác vận tải sắt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4629	45	Đoàn Thị	Oanh	24/01/1986	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4630	46	Nguyễn Thị	Oanh	30/11/1989	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4631	47	Đỗ Thị	Thảo	27/05/1985	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Tin học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Công nghệ thông tin (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4632	48	Dương Thị Thu	Trang	24/03/1976	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Tin học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Tin học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4633	49	Đặng Thị Bích	Huệ	26/05/1979	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4634	50	Hoàng Thị Thanh	Huyền	07/08/1993	Nữ	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4635	51	Đỗ Thị Kim	Loan	24/07/1986	Nữ	Phương Độ, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4636	52	Kiều Thị	Thùy	05/07/1979	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4637	53	Nguyễn Thị	Thủy	10/10/1993	Nữ	Thanh Đa, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4638	54	Nguyễn Thị	Tuyết	10/06/1990	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C	CTB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4639	55	Nguyễn Đình	Môn	27/03/1990	Nam	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4640	56	Đinh Thị Thanh	Nhường	29/03/1996	Nữ	Thị Trấn, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	Hành chính văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	TC	Hành chính văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4641	57	Bùi Lan	Anh	02/12/1997	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dân số viên hạng IV	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4642	58	Nguyễn Thị	Quyên	11/03/1986	Nữ	Yên Bình, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dân số viên hạng IV	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	DTTS	
4643	59	Lê Thị	Mến	15/01/1989	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dân số viên hạng IV	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4644	60	Nguyễn Thị	Nga	15/07/1984	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Dân số viên hạng IV	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CBB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4645	61	Nguyễn Thị Xuân	Ngọc	16/02/1997	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4646	62	Trần Quang	Hoàn	15/02/1991	Nam	Trung Châu, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dân số viên hạng IV	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4647	63	Nguyễn Thị	Huế	25/01/1994	Nữ	Hồng Hà, Đan Phượng, Hà Nội	TTYT Đan Phượng	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4648	64	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/05/1987	Nữ	Phụng Châu, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4649	65	Bạch Thị Phương	Thảo	17/05/1993	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Thường Tín	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4650	66	Bùi Thị Thanh	Hoa	04/06/1993	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4651	67	Nguyễn Thị	Lụa	30/09/1985	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4652	68	Phạm Văn	Việt	13/02/1991	Nam	Hồng Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Trung cấp Công nghệ thông tin	A2		
4653	69	Phạm Thị Mỹ	Hương	09/08/1991	Nữ	Quang Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4654	70	Lê Đăng	Sang	05/10/1993	Nam	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4655	71	Đặng Thị Minh	Tuyết	28/04/1991	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4656	72	Nguyễn Trà	Giang	19/5/1993	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4657	73	Nguyễn Thị	Hoa	18/7/1994	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4658	74	Nguyễn Thị	Hường	10/02/1995	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4659	75	Lê Thị Hải	Yến	07/8/1989	Nữ	Đội Bình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4660	76	Ngô Minh	Hải	21/8/1994	Nam	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4661	77	Đặng Thị	Hiên	28/6/1993	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4662	78	Nguyễn Phương	Lâm	04/9/1994	Nam	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4663	79	Nguyễn Viết Ánh	Nguyệt	29/01/1991	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4664	80	Nguyễn Thị	Phương	12/01/1987	Nữ	Viên An, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4665	81	Bùi Thị	Mai	04/11/1989	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng IV	**Quản trị kinh doanh-Tài chính- Kế toán du lịch (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Quản trị kinh doanh-Tài chính- Kế toán du lịch (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4666	82	Lưu Thị Trà	My	30/12/1992	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng IV	**Dân số - Y tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dân số (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4667	83	Nguyễn Phú	Nam	09/11/1996	Nam	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4668	84	Nguyễn Thị	Toàn	09/08/1984	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4669	85	Lê Thị Hồng	Gấm	05/05/1987	Nữ	Thanh Lâm, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	B	B		
4670	86	Nguyễn Thị Ly	Giang	25/09/1983	Nữ	Tráng Việt, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dân số viên hạng IV	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Pháp luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4671	87	Nguyễn Thị	Thiết	10/01/1993	Nữ	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
		16. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CÔNG TÁC XÃ HỘI VIÊN (HẠNG III) - V.09.04.02													
4672	1	Nguyễn Thị Thùy	Dung	23/07/1993	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4673	2	Phạm Khánh	Linh	02/09/1996	Nữ	Phúc Tân, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4674	3	Nguyễn Quốc	Hưng	25/04/1994	Nam	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4675	4	Nguyễn Diệu	Linh	24/10/1993	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	Ths	Công tác xã hội (thạc sĩ công tác xã hội)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4676	5	Nguyễn Minh	Ngọc	14/11/1996	Nữ	Bột Xuyên, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4677	6	Nguyễn Thị Kim	Oanh	19/12/1977	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Ngân hàng (chứng chỉ nghiệp vụ Công tác xã hội trong bệnh viện)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4678	7	Trần Thị	Thành	21/02/1990	Nữ	Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4679	8	Lê Phương	Thúy	16/02/1985	Nữ	Thụy Phương, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	Công tác xã hội	Ths	Khoa học xã hội và nhân văn (thạc sĩ công tác xã hội)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4680	9	Lê Thị Quỳnh	Trang	15/10/1991	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	Công tác xã hội	Ths	Công tác xã hội (thạc sĩ công tác xã hội)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	DTTS	
4681	10	Trần Thị Kim	Anh	10/07/1994	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Công tác xã hội viên (hạng III)	Công tác xã hội	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4682	11	Bùi Thị Thanh	Mai	27/07/1994	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Công tác xã hội viên (hạng III)	Công tác xã hội	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4683	12	Đậu Thị	Tình	04/02/1988	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Công tác xã hội viên (hạng III)	Công tác xã hội	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4684	13	Nguyễn Ngọc	Diệp	05/10/1988	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Công tác xã hội viên (hạng III)	Tâm lý xã hội	ĐH	Tâm lý học xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4685	14	Lê Trần	Anh	08/02/1991	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Công tác xã hội viên (hạng III)	Quan hệ công chúng	ĐH	Quan hệ công chúng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4686	15	Nguyễn Thảo	Anh	05/05/1993	Nữ	Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Công tác xã hội viên (hạng III)	Công tác xã hội	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4687	16	Đinh Thúy	Quỳnh	05/07/1995	Nữ	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Công tác xã hội viên (hạng III)	Công tác xã hội	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4688	17	Phương Thị Thanh	An	17/02/1996	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	Công tác xã hội	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4689	18	Bùi Thu	Hằng	19/09/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	Công tác xã hội	ĐH	Công tác xã hội	IC 3	B1		
4690	19	Phùng Thị Thanh	Huyền	06/03/1991	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	Công tác xã hội	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4691	20	Phùng Thị	Ngà	13/07/1992	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	Công tác xã hội	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4692	21	Đặng Thị Kim	Tuyến	03/09/1993	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	Công tác xã hội	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4693	22	Cù Thị Thu	Hà	14/05/1995	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4694	23	Dương Thị Oanh	Thanh	16/07/1987	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4695	24	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19/12/1974	Nữ	Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Giáo dục chính trị (chứng chỉ công tác xã hội)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4696	25	Lê Thị	Hà	10/05/1980	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý học**	ĐH	Tâm lý học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4697	26	Hoàng Thị Thu	Hiền	26/05/1992	Nữ	Yên Lộc, Kim Sơn, Ninh Bình	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý học**	Ths	Tâm lý học (thạc sỹ tâm lý học)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4698	27	Nguyễn Thị	Khanh	08/11/1992	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý học**	ĐH	Tâm lý học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4699	28	Nguyễn Mậu	Thái	23/10/1994	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý giáo dục**	ĐH	Tâm lý giáo dục	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4700	29	Tô Thị	Thanh	15/07/1985	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý giáo dục**	Ths	SP tâm lý giáo dục (thạc sỹ Tâm lý học)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
4701	30	Nguyễn Thị Thùy	Liên	15/11/1996	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4702	31	Phùng Thị Lan	Thương	17/12/1994	Nữ	Thanh Mỹ, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4703	32	Lý Thị Phương	Thảo	11/12/1994	Nữ	Vân Hòa, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	DTTS	
4704	33	Nguyễn Thị	Thúy	12/6/1993	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4705	34	Nguyễn Minh	Châu	17/03/1985	Nam	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4706	35	Đào Thu	Hiền	30/11/1997	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4707	36	Nguyễn Hương	Ly	08/04/1994	Nữ	Thị Trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4708	37	Tống Quang	Mạnh	10/08/1985	Nam	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
		17. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI (HẠNG IV) - V.09.04.03													
4709	1	Nguyễn Thị Phương	Châm	08/10/1991	Nữ	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Nhân viên công tác xã hội (hạng IV)	**Công tác xã hội**	CĐ	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4710	2	Nguyễn Thị	Hồng	29/05/1983	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Nhân viên công tác xã hội (hạng IV)	**Công tác xã hội**	CĐ	Công tác xã hội	B	B		
		18. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ SƯ (HẠNG III) - V.05.02.07													
4711	1	Trần Anh	Đức	31/08/1988	Nam	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	ĐH	Kỹ thuật điện tử viễn thông	B	B		
4712	2	Mai Trọng	Thiên	24/11/1988	Nam	Nga Nhân, Nga Sơn, Thanh Hóa	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	ĐH	Điện tử viễn thông	B	B		
4713	3	Nguyễn Thị	Vững	20/10/1979	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	ĐH	Điện tử viễn thông	B	C		
4714	4	Nguyễn Tiến	Đông	04/10/1987	Nam	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	C		
4715	5	Nguyễn Quang	Hưng	24/01/1994	Nam	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		
4716	6	Lê Đào Mai	Trang	13/10/1985	Nữ	Hàm Tử Quan, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	C		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4717	7	Nguyễn Sơn	Lâm	24/04/1979	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật y sinh**	ĐH	Kỹ thuật y sinh	Kỹ sư Công nghệ thông tin	C		
4718	8	Nguyễn Chí	Đức	01/09/1992	Nam	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ sư điện công nghiệp và dân dụng**	ĐH	Điện công nghiệp và dân dụng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4719	9	Hoàng Anh	Đức	06/03/1984	Nam	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Tương đương A2		
4720	10	Đặng Duy	Vũ	21/04/1991	Nam	Ngọc Lâm Long Biên, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		
4721	11	Trần Nhật	Tân	25/07/1983	Nam	Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện**	Ths	Điện (bằng thạc sĩ chuyên ngành sư phạm kỹ thuật)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4722	12	Lê Hà	Thêm	29/12/1982	Nam	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện**	ĐH	Kỹ thuật điện	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4723	13	Đặng Văn	Kiên	15/04/1985	Nam	Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	B		
4724	14	Nguyễn Ngọc	Linh	14/06/1985	Nam	Hàng Mã, Hoàn Kiếm, HN	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		
4725	15	Dương Anh	Nam	23/03/1990	Nam	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	B		
4726	16	Nguyễn Thị	Thủy	03/09/1987	Nữ	Mê Linh, Đông Hưng, Thái Bình	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	Ths	Tin học (có bằng thạc sỹ Khoa học máy tính)	Kỹ sư Tin học	Tương đương A2		
4727	17	Trần Minh	Việt	16/04/1968	Nam	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Điện tử viễn thông**	ĐH	Điện tử viễn thông	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Tương đương A2		
4728	18	Phí Kim	Bảo	19/12/1990	Nam	Trần Quốc Toản, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ sư (hạng III)	**Sư phạm kỹ thuật điện tử**	ĐH	Sư phạm kỹ thuật điện tử	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4729	19	Nguyễn Đình	Nhất	25/12/1987	Nam	Chuyên Mỹ, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2	HTNV	
4730	20	Hồng Ngọc	Giang	14/12/1991	Nam	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ sư (hạng III)	**Tin học ứng dụng**	ĐH	Tin học ứng dụng	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4731	21	Lê Thị Tố	Uyên	25/11/1996	Nữ	Nam Thành, TP Ninh Bình, Ninh Bình	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4732	22	Hoàng Thanh	Tú	13/09/1986	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4733	23	Nguyễn Minh	Tiến	19/04/1988	Nam	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học	B	B	CTB, CĐCĐ	
4734	24	Bùi Đăng	Quân	01/08/1984	Nam	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2	CBB	
4735	25	Bùi Hưng	Nam	15/08/1981	Nam	Yết Kiêu, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		
4736	26	Lê Thị	Hường	12/02/1995	Nữ	Phù Lưu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Bậc 2		
4737	27	Lê Thị Đích	Thạo	05/03/1987	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		
4738	28	Lưu Quang	Trung	25/05/1991	Nam	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		
4739	29	Võ Văn	Hùng	29/03/1984	Nam	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật y sinh**	ĐH	Kỹ thuật y sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4740	30	Bùi Quang	Toàn	01/08/1992	Nam	Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật y sinh**	ĐH	Kỹ thuật y sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4741	31	Lưu	Quang	18/12/1990	Nam	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		
4742	32	Trần Thị	Thêu	15/08/1979	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Bậc 2		
4743	33	Đào Đức	Tùng	09/11/1987	Nam	Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Bậc 3		
4744	34	Nguyễn Sơn	Lâm	08/05/1986	Nam	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4745	35	Quách Giang	Nam	07/03/1993	Nam	Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Tương đương B1	CTB	
4746	36	Khuất Tiến	Quân	27/5/1982	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Tin học	Cử nhân Tin học	A2		
4747	37	Đinh Xuân	Hải	20/03/1986	Nam	Thị Trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BV 09	Kỹ sư (hạng III)	Tin học ứng dụng	ĐH	Tin học ứng dụng	Kỹ sư Tin học ứng dụng	A2		
4748	38	Vũ Minh	Châu	29/08/1997	Nữ	Lò Đúc, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		
4749	39	Phạm Bùi	Hải	19/09/1995	Nam	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	B1		
4750	40	Nguyễn Đăng	Khoa	31/12/1987	Nam	Xuân Thu, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ sư (hạng III)	Tin học ứng dụng	ĐH	Tin học ứng dụng	Kỹ sư Tin học ứng dụng	A2		
4751	41	Nguyễn Văn	Công	07/02/1990	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ sư (hạng III)	Điện tử viễn thông	ĐH	Điện tử viễn thông	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4752	42	Đỗ Tuấn	Long	27/5/1985	Nam	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Thạc sĩ Công nghệ thông tin	Bậc 3		
4753	43	Nguyễn Lan	Hương	03/10/1991	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4754	44	Hứa Minh	Tùng	22/11/1987	Nam	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	B		
4755	45	Đỗ Thanh	Hải	23/02/1985	Nam	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thận HN	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Tương đương Bậc 2		
4756	46	Tống Thị	Hương	05/12/1995	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Hệ thống thông tin	Kỹ sư Hệ thống thông tin	B		
4757	47	Trần Thị Thanh	Hồng	25/09/1989	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ sư (hạng III)	Khoa học máy tính	ĐH	Khoa học máy tính	Cử nhân khoa học máy tính	B		
4758	48	Nguyễn Sơn	Hà	28/02/1986	Nam	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ sư (hạng III)	Khoa học máy tính	ĐH	Khoa học máy tính	Cử nhân khoa học máy tính	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4759	49	Nguyễn Thanh	Tuấn	07/10/1982	Nam	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ sư (hạng III)	Khoa học máy tính	ĐH	Khoa học máy tính	Cử nhân khoa học máy tính	A2	CTB	
4760	50	Phí Văn	Mạnh	30/09/1990	Nam	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kỹ sư (hạng III)	Kỹ thuật y sinh	ĐH	Kỹ thuật y sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4761	51	Trần Huy	Long	03/01/1989	Nam	Tam Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	B1		
4762	52	Đỗ Hữu	Minh	04/08/1984	Nam	Song Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		
4763	53	Nguyễn Thị	Yến	30/05/1994	Nữ	Tân Hội, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Tương đương A2		
4764	54	Nguyễn Thị Thu	Hằng	23/07/1988	Nữ	Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	B		
4765	55	Đặng	Hữu	25/10/1980	Nam	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		
4766	56	Lỗ Thị Thanh	Xuân	30/03/1989	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		
4767	57	Lê Huy	Cường	02/04/1990	Nam	Phù Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	B1		
4768	58	Nguyễn Đức	Nam	09/10/1989	Nam	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	B		
4769	59	Nguyễn Phương	Anh	26/12/1993	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thực phẩm	Ths	Công nghệ kỹ thuật môi trường (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
4770	60	Trần Như	Hiếu	03/10/1994	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thực phẩm	ĐH	Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
4771	61	Nguyễn Thị Hồng	Lê	06/08/1982	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thực phẩm	ĐH	Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4772	62	Trần Thị Trang	Liên	08/10/1993	Nữ	Cổ Đô, Ba Vì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thực phẩm	ĐH	Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4773	63	Phạm Thị Thanh	Lịch	02/07/1987	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	Ths	Công nghệ thực phẩm (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4774	64	Nguyễn Thị	Tuyết	05/07/1992	Nữ	Long Hưng, Văn Giang, Hưng Yên	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	Ths	Công nghệ thực phẩm (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp sau đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam		
4775	65	Đỗ Thị Thạch	Thảo	02/04/1994	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4776	66	Phạm Thị	Trang	21/04/1989	Nữ	Vũ Lạc, Thái Bình, Thái Bình	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Công nghệ thực phẩm	B	B		
4777	67	Nguyễn Trường	Giang	19/07/1980	Nam	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học môi trường**	ĐH	Công nghệ môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4778	68	Hoàng Thị Trung	Hiếu	16/06/1980	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học môi trường**	Ths	Khoa học môi trường (có bằng thạc sỹ khoa học môi trường)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4779	69	Mai Thị Thu	Huyền	15/03/1987	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học môi trường**	Ths	Môi trường (có bằng thạc sỹ Khoa học môi trường)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
4780	70	Vũ Quỳnh	Hương	13/11/1993	Nữ	Thắng, Hiệp Hòa, Bắc Giang	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học môi trường**	Ths	Địa lý (thạc sỹ Khoa học môi trường)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	CBB	
4781	71	Nguyễn Tiến	Đạt	15/11/1990	Nam	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Sinh học**	Ths	Sư phạm sinh học (có bằng thạc sỹ Sinh học)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
4782	72	Nguyễn Thị Thu	Hiền	07/05/1990	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4783	73	Lại Thị	Phượng	08/12/1989	Nữ	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4784	74	Hoàng Thị Thu	Hà	24/04/1995	Nữ	Đức Ninh Đông, Đồng Hới, Quảng Bình	TT Pháp y Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	Sinh học	ĐH	Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4785	75	Đỗ Thị Hồng	Yến	03/01/1991	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ sinh học	ĐH	Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4786	76	Nguyễn Thị	Loan	02/09/1987	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin và công nghệ máy tính	ĐH	Công nghệ thông tin và công nghệ máy tính	Kỹ sư Công nghệ thông tin và công nghệ máy tính	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam		
4787	77	Tạ Thị	Thắm	09/01/1986	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thực phẩm	ĐH	Đại học Công nghệ thực phẩm	Bằng nghề Tin học	C	CLS	
4788	78	Nguyễn Thị	Thủy	01/06/1991	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thực phẩm	ĐH	Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4789	79	Đào Đình	Quyết	23/03/1984	Nam	Vân Hà, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Long Biên	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thực phẩm	Ths	Công nghệ sinh học (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4790	80	Trần Thị	Hà	02/7/1981	Nữ	Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2		
4791	81	Lê Thị Minh	Châu	24/12/1991	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thực phẩm	ĐH	Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4792	82	Nguyễn Thùy	Linh	04/03/1995	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Nam Từ Liêm	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thực phẩm	ĐH	Công nghệ thực phẩm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4793	83	Nguyễn Ngọc	Anh	15/08/1992	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ sinh học	ĐH	Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4794	84	Phan Thanh	Phương	10/09/1990	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ sinh học	ĐH	Công nghệ sinh học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4795	85	Mai Trọng	Nghĩa	23/02/1989	Nam	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ thông tin	ĐH	Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
		19. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ THUẬT VIÊN (HẠNG IV) - V.05.02.08													
4796	1	Lê Cao	Quý	11/09/1982	Nam	Thái Hòa, Triệu Sơn, Thanh Hóa	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Điện công nghiệp**	TC	Điện công nghiệp	B	B		
4797	2	Ngô Thị	Nhung	19/05/1991	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Công nghệ thông tin	Cao đẳng Công nghệ thông tin	A2		
4798	3	Vũ Mạnh	Cường	28/08/1993	Nam	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kỹ thuật viên thiết bị điện tử y tế**	CĐ	Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4799	4	Trương Đức	Lợi	10/07/1997	Nam	Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kỹ thuật viên thiết bị điện tử y tế**	CĐ	Điện tử y tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4800	5	Đỗ Thúy	Lệ	17/02/1996	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Công nghệ thông tin	Cao đẳng Công nghệ thông tin	B		
4801	6	Nguyễn Xuân	Quý	03/04/1985	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Điện lạnh**	CĐ	Điện lạnh	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4802	7	Lê Văn	Bình	21/08/1982	Nam	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Cơ điện**	CĐ	Cơ điện	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4803	8	Nguyễn Duy	Quý	13/11/1983	Nam	Phú Thọ	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Công nghệ thông tin	Cao đẳng Công nghệ thông tin	A2		
4804	9	Lại Duy	Tiến	24/06/1987	Nam	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Sư phạm tin học	Cao đẳng sư phạm Tin học	A2		
4805	10	Vũ Ngọc	Ánh	29/10/1987	Nam	Cửa Đông, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	TC	Điện tử viễn thông	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4806	11	Đỗ Phương	Trường	08/10/1991	Nam	Đốc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Mỹ Đức	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kĩ thuật thiết bị điện tử y tế**	CĐ	Kĩ thuật thiết bị điện tử y tế	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Bậc 2		
4807	12	Bùi Thị Thanh	Giang	21/11/1991	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Bảo quản và chế biến nông sản**	ĐH	Bảo quản và chế biến nông sản	B	B	CTB	
4808	13	Chu Thị Minh	Hằng	27/5/1991	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kỹ thuật môi trường**	CĐ	Kỹ thuật môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4809	14	Nguyễn Văn	Tú	12/12/1989	Nam	Thị trấn Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Lập trình máy tính	CĐ	Lập trình máy tính	Cao đẳng lập trình máy tính	A2		
4810	15	Trần Thị Kim	Dung	15/08/1988	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Công nghệ thông tin	ĐH	Tin học	Kỹ sư Công nghệ thông tin	C		
4811	16	Nguyễn Thành	Long	06/08/1988	Nam	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Công nghệ thông tin	CĐ	Công nghệ thông tin	Cao đẳng Công nghệ thông tin	A2		
4812	17	Nguyễn Anh	Tuấn	29/06/1993	Nam	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Công nghệ thông tin	TC	Công nghệ thông tin	Trung cấp Công nghệ thông tin	A2		
4813	18	Nguyễn Bá	Bình	26/02/1969	Nam	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Kỹ thuật viên (hạng IV)	Công nghệ thông tin	CĐ	Công nghệ thông tin	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
		20. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP PHÓNG VIÊN (HẠNG III) - V.11.02.06													
4814	1	Ngô Thùy	An	10/08/1993	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Phóng viên (hạng III)	Báo chí	Ths	Báo chí (có bằng thạc sỹ Báo chí)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4815	2	Đặng Văn	Diện	27/06/1983	Nam	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Phóng viên (hạng III)	Báo chí	ĐH	Báo chí	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4816	3	Tạ Duy	Tuân	13/12/1989	Nam	Cần Kiệm, Thạch Thất, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Phóng viên (hạng III)	Báo chí	ĐH	Báo chí	Ứng dụng CNTT cơ bản	Giao tiếp B		
		21. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP LƯU TRỮ VIÊN (HẠNG III) - V.01.02.02													
4817	1	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/09/1991	Nữ	Trưng Vương, Thành phố Uông Bí, Quảng Ninh	BVĐK Xanh Pôn	Lưu trữ viên (hạng III)	Lưu trữ học và quản trị văn phòng	ĐH	Lưu trữ học và quản trị văn phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
		22. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN VIÊN - 01.003													
4818	1	Phạm Thanh	Duyên	04/11/1992	Nữ	Quảng An, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Chuyên viên	Quản lý bệnh viện	ĐH	Quản lý bệnh viện	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4819	2	Đỗ Thanh	Hải	17/09/1995	Nữ	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Chuyên viên	Quản lý bệnh viện	ĐH	Quản lý bệnh viện	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4820	3	Nguyễn Phương	Nhung	05/01/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Chuyên viên	Quản lý bệnh viện	ĐH	Quản lý bệnh viện	B	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4821	4	Lê Thanh	Ngân	01/11/1991	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ThS	Quản trị nhân lực (thạc sỹ quản trị nhân lực)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4822	5	Bùi Thị Ngọc	Bích	27/06/1992	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Chuyên viên	**Kinh tế đầu tư**	ĐH	Kinh tế đầu tư	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4823	6	Đỗ Nguyễn Thúy	Hằng	02/04/1986	Nữ	Xuy Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	B	C		
4824	7	Ngô Thị Thu	Hương	09/09/1993	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C1		
4825	8	Đặng Thị Thu	Thủy	18/09/1985	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	B	B	CTB	
4826	9	Bùi Đức	Tín	08/09/1993	Nam	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4827	10	Nguyễn Ngọc	Linh	14/08/1996	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4828	11	Vũ Thị	Thảo	02/08/1986	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4829	12	Trần Văn	Thuận	16/10/1980	Nam	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Chuyên viên	**Đồ họa quảng cáo**	ĐH	Đồ họa quảng cáo	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	CĐCĐ	
4830	13	Nguyễn Thị	Hương	13/08/1992	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Chuyên viên	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	IC 3	Bậc 2		
4831	14	Trần Kim	Thanh	09/03/1976	Nữ	Trúc Bạch, Ba Đình, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4832	15	Nguyễn Thị	Yên	27/09/1988	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4833	16	Hà Ngọc	Thành	20/12/1987	Nam	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Chuyên viên	**Kinh tế**	ThS	Kế toán (thạc sỹ Kinh tế)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4834	17	Trần Thị Mai	An	15/12/1974	Nữ	Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Chuyên viên	**Tài chính**	ĐH	Tài chính	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4835	18	Nguyễn Thị Minh	Châu	13/11/1991	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Chuyên viên	Quản lý công và doanh nghiệp	Ths	Tiếng Pháp (thạc sỹ Quản lý công và doanh nghiệp)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
4836	19	Vương Hoài	Anh	02/10/1991	Nữ	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Chuyên viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam		
4837	20	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	19/07/1972	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Chuyên viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	CTB	
4838	21	Dương Hải	Yến	25/05/1991	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4839	22	Ngô Quý	Dương	11/11/1983	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	Kỹ sư Kinh tế xây dựng	ĐH	Kỹ sư Kinh tế xây dựng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2	CTB	
4840	23	Hoàng Thị Diệu	Thúy	05/01/1983	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	Kỹ sư Kinh tế xây dựng	ĐH	Kỹ sư Kinh tế xây dựng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
4841	24	Nguyễn Chí	Hiếu	02/12/1973	Nam	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	Quản lý kinh tế	ĐH	Quản lý kinh tế	B	B		
4842	25	Vũ Thị	Xuân	14/06/1988	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4843	26	Đặng Thị Hương	Giang	06/05/1979	Nữ	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4844	27	Trần Thị Thu	Hà	18/11/1985	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh	ĐH	Quản trị kinh doanh	B	B		
4845	28	Vương Thị	Hậu	07/02/1980	Nữ	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh	ĐH	Quản lý kinh doanh	B	Bậc 2		
4846	29	Nguyễn Thị	Hoa	26/02/1988	Nữ	Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4847	30	Nguyễn Văn	Thanh	28/06/1987	Nam	Cẩn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	C	C		
4848	31	Phạm Thị	Thương	15/10/1993	Nữ	Hoành Sơn, Giao Thủy, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CTB	
4849	32	Phạm Minh	Tuấn	30/08/1991	Nam	Mai Động, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4850	33	Nguyễn Đức	Tùng	21/08/1989	Nam	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Kỹ sư Công nghệ thông tin	Bậc 3		
4851	34	Nguyễn Mỹ	Hạnh	16/08/1996	Nữ	Quan Nhân, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4852	35	Nguyễn Thu	Trang	16/01/1995	Nữ	Hữu Nghị, Hòa Bình, Hòa Bình	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4853	36	Lê Thị Thúy	Hải	18/03/1972	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4854	37	Đỗ Minh	Phượng	19/02/1993	Nữ	Liên Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4855	38	Nguyễn Thị	Phượng	12/12/1988	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4856	39	Nguyễn Kim	Phượng	13/08/1993	Nữ	Thị trấn Chũ, Lục Ngan, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	Ths	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ tài chính ngân hàng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
4857	40	Nguyễn Thanh	Thiệp	03/02/1993	Nam	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	B	Tương đương A2		
4858	41	Võ Thị Cẩm	Vân	28/02/1991	Nữ	Kim Lũ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4859	42	Trương Thị Hà	Thu	18/09/1986	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Thông tin thư viện**	ĐH	Thông tin thư viện	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Nơi thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4860	43	Nguyễn Quỳnh	Thu	27/07/1993	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4861	44	Vũ Thị Kim	Anh	20/09/1980	Nữ	hành Công, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	Luật	ĐH	Luật	B	B		
4862	45	Nguyễn Thị	Duyên	14/04/1994	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	Luật	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4863	46	Bùi Thị Hồng	Hạnh	21/07/1988	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	Luật	ĐH	Luật	B	B		
4864	47	La Thị	Lý	27/08/1988	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	Luật	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
4865	48	Phạm Nguyễn Bạch	Mai	11/11/1998	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	Luật	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
4866	49	Lê Thị	Nhớ	21/07/1984	Nữ	Mỹ Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	Luật	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT
4867	50	Trần Toàn	Trung	08/10/1988	Nam	Phan Thiết, Tuyên Quang, Tuyên Quang	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	Luật	ĐH	Luật	Trung cấp Tin học	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
4868	51	Đào Thị Thu	Hiền	02/09/1982	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Chuyên viên	Hành chính học	ĐH	Hành chính học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4869	52	Lê Thị	Thảo	04/12/1978	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Chuyên viên	Quản lý kinh doanh	ĐH	Quản lý kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4870	53	Hoàng Thị Thu	Ngân	10/02/1991	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	Bảo hiểm	ĐH	Bảo hiểm	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4871	54	Đoàn Công	Hoan	02/10/1975	Nam	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	Quản trị kinh doanh	ĐH	Quản trị kinh doanh	B	B1		
4872	55	Đào Mai Anh	Huy	26/05/1981	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	Quản trị kinh doanh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1	HTNV	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4873	56	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/07/1991	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	**Khoa học thư viện**	ĐH	Khoa học thư viện	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4874	57	Phạm Chí	Hùng	04/03/1980	Nam	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Chuyên viên	**Quan hệ quốc tế**	ĐH	Quan hệ quốc tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
4875	58	Trần Hồng	Quân	10/03/1995	Nam	Hoàng Tân, Quảng Yên, Quảng Ninh	BVĐK YHCT Hà Nội	Chuyên viên	**Hành chính công**	ĐH	Quản lý nhà nước	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4876	59	Đoàn Hải	Yến	25/07/1996	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Chuyên viên	**Hành chính công**	ĐH	Quản lý nhà nước	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4877	60	Nguyễn Thị	Ánh	29/07/1992	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4878	61	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	01/10/1992	Nữ	Nguyên Khê, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4879	62	Nguyễn Thị Thu	Phương	16/04/1992	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Chuyên viên	**Hành chính học**	Ths	Hành chính học (thạc sỹ quản lý công)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4880	63	Hoàng Thị Ngọc	Thương	20/10/1991	Nữ	Dục Tú, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Chuyên viên	**Hành chính học**	ĐH	Hành chính học	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4881	64	Tô Thị Ngọc	Hà	09/12/1993	Nữ	Thị Trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4882	65	Nguyễn Mỹ	Hạnh	31/12/1995	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	IC 3	A2		
4883	66	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/11/1990	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	B	A2		
4884	67	Dương Tiến	Tùng	21/12/1991	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4885	68	Bùi Thùy	Linh	29/12/1997	Nữ	Cấn Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4886	69	Dương Thị	Thái	28/01/1993	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản Trị Kinh Doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4887	70	Nguyễn Hoàng	Tú	05/12/1993	Nam	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	Quản trị kinh doanh	ĐH	Quản Trị Kinh Doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4888	71	Nguyễn Thị Quế	Vân	04/05/1987	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	Quản trị kinh doanh	ĐH	Quản Trị Kinh Doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4889	72	Phùng Thị Quỳnh	Anh	18/03/1996	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Chuyên viên	Luật	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4890	73	Nguyễn Bá	Chiến	27/02/1992	Nam	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Chuyên viên	Hành chính học	ĐH	Hành chính học	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4891	74	Nguyễn Thị Minh	Hòa	23/07/1985	Nữ	Thụy An, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Chuyên viên	Tài chính Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
4892	75	Nguyễn Thị Hồng	Sen	05/02/1985	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Chuyên viên	Tài chính Kế toán	ĐH	Tài chính Kế toán	B	A2		
4893	76	Nguyễn Ngọc	Anh	26/12/1993	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	Tài chính ngân hàng	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4894	77	Trần Thu	Huyền	26/10/1975	Nữ	Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	Tài chính ngân hàng	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4895	78	Trần Thị	Nga	27/02/1985	Nữ	Trường Thịnh, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	Công nghệ môi trường	ĐH	Công nghệ môi trường	B	B		
4896	79	Nguyễn Minh	Phước	08/04/1992	Nam	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	Công nghệ môi trường	ĐH	Công nghệ môi trường	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4897	80	Vũ Thị	Lịch	07/07/1987	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Chuyên viên	Quản trị kinh doanh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4898	81	Nguyễn Ngọc	Hoa	27/02/1991	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Chuyên viên	Quản lý bệnh viện	Ths, ĐH	Quản lý bệnh viện (thạc sỹ quản lý bệnh viện)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 3		
4899	82	Nguyễn Văn	Hiếu	19/08/1995	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	Quản trị kinh doanh	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4900	83	Vũ Nguyễn Nhật	Minh	21/02/1997	Nữ	Lệ Chi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	Luật quốc tế	ĐH	Luật quốc tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4901	84	Nguyễn Thị	Nhung	01/12/1991	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4902	85	Nguyễn Thị Xuân	Phương	09/08/1995	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	B		
4903	86	Nguyễn Thị Diệu	Hương	15/10/1991	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4904	87	Dương Thị	Lợi	16/06/1983	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BV 09	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	B		
4905	88	Phạm Thị	Thảo	28/02/1988	Nữ	Thanh Xuân Nam,Thanh Xuân, Hà Nội	BV 09	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	CTB	
4906	89	Hồ Đại Quỳnh	Nga	18/04/1993	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Hệ thống thông tin quản lý**	ĐH	Hệ thống thông tin quản lý	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4907	90	Mai Xuân	Tùng	12/09/1996	Nam	Điện Biên Phủ, Ba Đình, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
4908	91	Ngọ Hồng	Ngọc	09/11/1993	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4909	92	Dương Đức	Long	08/08/1988	Nam	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	B	C		
4910	93	Mai Văn	Cương	30/06/1983	Nam	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	Ths	Kế toán (thạc sỹ Quản trị kinh doanh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4911	94	Nguyễn Thị	Hương	10/10/1991	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CBB	
4912	95	Quách Thị Thùy	Linh	07/11/1993	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4913	96	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	26/10/1995	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4914	97	Đỗ Thị	Hòa	17/9/1994	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực	B	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4915	98	Kiều Thị Thanh	Tâm	09/8/1993	Nữ	Tích Giang, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4916	99	Ngô Thị Thanh	Thảo	13/09/1988	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Thận HN	Chuyên viên	**Thương mại và kinh tế quốc tế**	ĐH	Thương mại và kinh tế quốc tế	B	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
4917	100	Lâm Minh	Thư	10/04/1992	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Thận HN	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4918	101	Bùi Đức	Trọng	02/01/1990	Nam	Trung Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4919	102	Nguyễn Thị	Loan	21/10/1992	Nữ	Trạch Mỹ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4920	103	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	01/11/1989	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4921	104	Lê Văn	Viên	20/03/1989	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4922	105	Chẩu Thị Vân	Anh	19/01/1986	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4923	106	Chu Thị Thu	Hà	22/05/1980	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CĐCĐ	
4924	107	Từ Đức	Thiện	02/11/1993	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4925	108	Nguyễn Thị	Thanh	12/04/1986	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4926	109	Nguyễn Phan	Dương	21/10/1996	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực	IC 3	Tương đương B2		
4927	110	Đinh Thị Quỳnh	Nga	16/01/1993	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4928	111	Bạch Anh	Thuận	06/04/1993	Nam	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4929	112	Lương Minh	Ngọc	05/11/1990	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4930	113	Đào Thị	Nga	24/04/1985	Nữ	Phú Túc, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4931	114	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	05/12/1991	Nữ	Khu ĐT Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam		
4932	115	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/04/1991	Nữ	Đông Dư. Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	B		
4933	116	Nguyễn Thị	Luyến	26/09/1989	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Chuyên viên	**Luật kinh tế**	ĐH	Luật kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam		
4934	117	Nguyễn Hạnh	Hương	10/08/1990	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4935	118	Nguyễn Lê Phương	Thảo	13/08/1994	Nữ	Lương Sơn, Lương Sơn, Hòa Bình	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4936	119	Vũ Thị Tuyết	Hương	01/11/1994	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	IC 3	Bậc 3		
4937	120	Trịnh Phương	Linh	10/05/1991	Nữ	Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4938	121	Hoàng Thị Như	Quỳnh	18/03/1984	Nữ	Lê Trọng Tấn, Thanh Xuân, Đống Đa	TTYT Hoàn Kiếm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	B		
4939	122	Ngô Thị Phương	Chi	22/02/1992	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Ba Đình	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4940	123	Trần Thị	Kiều	01/10/1990	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4941	124	Nguyễn Thị Khánh	Linh	18/12/1995	Nữ	Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4942	125	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	12/4/1995	Nữ	Đại Mỗ, Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4943	126	Phạm Đức	Tâm	14/7/1987	Nam	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Đống Đa	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4944	127	Vũ Phương	Anh	19/05/1983	Nữ	Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	B		
4945	128	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/09/1989	Nữ	Trụng Phụng, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4946	129	Nguyễn Hà	Hải	30/11/1984	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	B		
4947	130	Nguyễn Thị	Hiền	25/01/1988	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4948	131	Phạm Tuấn	Thắng	23/11/1992	Nam	Phúc Lâm, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Chuyên viên	**Kinh tế Quốc tế**	ĐH	Kinh tế Quốc tế	C	C		
4949	132	Nguyễn Việt	Hà	04/12/1992	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4950	133	Nguyễn Thị	Hương	12/9/1986	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Cầu Giấy	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
4951	134	Lưu Thùy	Linh	18/9/1996	Nữ	Chợ Mới, Chợ Mới, Bắc Kạn	TTYT Cầu Giấy	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật	IC 3	A2	DTTS	
4952	135	Nguyễn Thị	Hạnh	07/07/1989	Nữ	Xuân Phú, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4953	136	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/10/1991	Nữ	Mỹ Đình 2- Nam Từ Liêm-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4954	137	Tạ Thị Kim	Dung	30/10/1994	Nữ	Hiền Ninh, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Chuyên viên	**Hệ thống thông tin quản lý**	ĐH	Hệ thống thông tin quản lý	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4955	138	Lê Văn	Chuyển	02/06/1988	Nam	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Kinh tế**	ĐH	Kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 2		
4956	139	Ngô Thị Bích	Hằng	07/11/1992	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Kinh tế**	ĐH	Kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4957	140	Ngô Thừa	Hạo	24/03/1980	Nam	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Kinh tế**	ĐH	Kinh tế	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4958	141	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/02/1997	Nữ	Chu Minh, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4959	142	Nguyễn Thị Hoa	Phượng	03/11/1996	Nữ	Phú Phương, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4960	143	Cao Thị	Thủy	31/12/1989	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4961	144	Nguyễn Thị Thu	Trang	28/09/1993	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4962	145	Nguyễn Mai	Anh	27/04/1993	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	Ths	Quản trị nhân lực (thạc sỹ quản trị nhân lực)	IC 3	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4963	146	Phạm Thị	Loan	11/02/1993	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4964	147	Nguyễn Phan Anh	Tú	08/05/1991	Nam	Đức Giang, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
4965	148	Vũ Thị	Chuyên	09/04/1991	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4966	149	Phạm Thị Thanh	Hương	04/10/1996	Nữ	Kim Thư, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
4967	150	Phạm Thanh	Huyền	28/09/1991	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	B	C		
4968	151	Nguyễn Thu	Hà	03/10/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
4969	152	Dư Thị Hồng	Hảo	18/10/1991	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	Ths	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ tài chính ngân hàng)	B	C		
4970	153	Nguyễn Thị Hồng	Linh	19/10/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam		
4971	154	Nguyễn Thị	Thúy	22/06/1991	Nữ	Kim Bài, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4972	155	Phạm Thu	Trang	19/07/1997	Nữ	Lê Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	IC 3	Tương đương B1		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4973	156	Mai Thu	Trang	22/05/1992	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng tiếng anh	B	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam		
4974	157	Nguyễn Bảo	Lâm	15/08/1995	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Chuyên viên	**Quản lý nhà nước**	ĐH	Quản lý nhà nước	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4975	158	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	08/04/1997	Nữ	Hợp Thanh, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Chuyên viên	**Quản lý nhà nước**	ĐH	Quản lý nhà nước	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4976	159	Nguyễn Thế	Duẩn	22/05/1982	Nam	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
4977	160	Triệu Hương	Giang	03/08/1981	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Chuyên viên	**Quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản lý kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
		23. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CÁN SỰ - 01.004													
4978	1	Phạm Thị Mai	Hoa	20/07/1979	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Cán sự	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4979	2	Phạm Thu	Hằng	15/10/1979	Nữ	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Cán sự	**Thống kê**	CĐ	Thống kê	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
4980	3	Nguyễn Thị	Phương	05/11/1993	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Cán sự	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A1		
4981	4	Nguyễn Thị	Thương	16/04/1988	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Cán sự	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	B		
4982	5	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	08/11/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Cán sự	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	B		
4983	6	Trần Đắc	Thành	02/09/1992	Nữ	Minh Phú, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Cán sự	**Báo chí**	CĐ	Báo chí	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
		24. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VĂN THƯ - 02.007													

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4984	1	Nguyễn Thị Thu	Hương	11/04/1979	Nữ	Cống Vị, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Tiếng Nhật (Trung cấp Văn thư lưu trữ)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ	CTB	
4985	2	Lại Thị Thu	Cúc	09/08/1991	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Thông tin thư viện (Chứng chỉ nghiệp vụ hành chính văn phòng, Văn thư lưu trữ)	B	C		
4986	3	Lê Thu	Hà	02/02/1996	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Lưu trữ học (có bằng tốt nghiệp trung cấp văn thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
4987	4	Nguyễn Thị	Loan	07/07/1995	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Lưu trữ học (chứng chỉ văn thư lưu trữ - Hành chính văn phòng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	DTTS	
4988	5	Lê Thị Thanh	Nga	08/11/1994	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Lưu trữ học (chứng chỉ văn thư lưu trữ - Hành chính văn phòng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
		25. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VĂN THƯ TRUNG CẤP - 02.008													
4989	1	Doãn Thị Phương	Thảo	27/12/1994	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Văn thư trung cấp	**Văn thư - Lưu trữ**	ĐH	Lưu trữ học (chứng chỉ nghiệp vụ văn thư lưu trữ)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
		26. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KẾ TOÁN VIÊN - 06.031													
4990	1	Dương Thị Phương	Anh	07/01/1992	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	IC 3	A2		
4991	2	Nguyễn Ngân	Anh	07/11/1994	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	B		
4992	3	Phạm Thị Ngọc	Ánh	10/10/1988	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Trung cấp tin học ứng dụng	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ	CTB	
4993	4	Nguyễn Thùy	Dương	19/05/1995	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
4994	5	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/02/1991	Nữ	Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	B		
4995	6	Hồ Vĩnh	Long	28/10/1997	Nam	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương C1		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4996	7	Nguyễn Thị	Minh	18/04/1984	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
4997	8	Đào Thị	Mỹ	24/11/1984	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	C	C		
4998	9	Đỗ Thị Bích	Ngọc	22/09/1988	Nữ	Song Phương, Hoài Đức, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	C	B1	CTB	
4999	10	Nguyễn Bích	Ngọc	13/10/1983	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
5000	11	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/04/1980	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
5001	12	Nguyễn Huyền	Trang	07/10/1989	Nữ	Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
5002	13	Nguyễn Thị Hiền	Anh	15/04/1994	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5003	14	Ngô Thị	Oanh	02/08/1985	Nữ	Phú Đô, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán, phân tích và kiểm toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5004	15	Nguyễn Thị Thu	Phương	26/10/1975	Nữ	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5005	16	Nguyễn Phương	Linh	29/09/1989	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	A2		
5006	17	Phạm Thị	Vân	13/02/1982	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5007	18	Vương Đặng Khánh	Linh	07/09/1996	Nam	Tô Hiệu, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	Tài chính kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5008	19	Lê Phương	Ly	22/09/1989	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	Tài chính kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5009	20	Đỗ Thị Thu	Ngân	24/08/1993	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5010	21	Lê Tuấn	Ngọc	27/07/1989	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Kế toán	B	Tương đương B1		
5011	22	Kiều Thị Minh	Tâm	22/12/1989	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
5012	23	Vũ Thị Thu	Thanh	14/07/1982	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Tài chính kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5013	24	Hoàng Đức	Công	15/11/1993	Nam	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5014	25	Đặng Thị Phương	Nhiên	15/09/1987	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Da liễu Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	Giao tiếp B		
5015	26	Lưu Danh	Bút	08/02/1984	Nam	Mỹ Đình 1, Nam Từ Liêm	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5016	27	Trần Thị	Định	18/11/1976	Nữ	Điện Biên, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5017	28	Nguyễn Thị	Hải	05/02/1976	Nữ	Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5018	29	Lê Thị Thu	Hằng	26/08/1978	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5019	30	Phan Thị Mỹ	Hạnh	27/11/1986	Nữ	Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán, phân tích và kiểm toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5020	31	Nguyễn Ánh	Hồng	03/11/1985	Nữ	Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	B	**CBB**	
5021	32	Dương Thị Thu	Hương	15/06/1986	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2	**CTB**	
5022	33	Bùi Thị Thanh	Hương	01/10/1983	Nữ	Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5023	34	Đặng Thị	Hường	10/05/1992	Nữ	Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5024	35	Đỗ Thị Phương	Liên	11/07/1971	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	A	B		
5025	36	Nguyễn Thế Phương	Liên	28/06/1989	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5026	37	Trần Ngọc	Linh	26/10/1993	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5027	38	Lê Yến	Nga	19/01/1992	Nữ	Văn Chương, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
5028	39	Hà Thị	Ngân	05/11/1975	Nữ	Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5029	40	Bùi Quang	Nghĩa	18/09/1993	Nam	Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	Có bằng tốt nghiệp đại học tại cơ sở đào tạo bằng tiếng nước ngoài tại Việt Nam		
5030	41	Lê Minh	Nguyệt	09/02/1997	Nữ	Tân Bình, Hải Dương, Hải Dương	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		
5031	42	Nguyễn Thị	Nhã	15/05/1981	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5032	43	Tạ Thị	Ninh	11/07/1991	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Trung cấp tin học quản lý	A2		
5033	44	Nguyễn Minh	Phương	30/09/1988	Nữ	Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	B	Bậc 3		
5034	45	Vũ Tuyết	Thanh	25/07/1972	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5035	46	Dương Thị	Thanh	19/09/1991	Nữ	Châu Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	Tài chính Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5036	47	Phùng Thị Sáu	Thư	28/11/1996	Nữ	Sơn Đông, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	Tài chính Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5037	48	Nguyễn Thị Ba	Thúy	04/10/1990	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	Tài chính Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5038	49	Nguyễn Thu	Thủy	26/02/1996	Nữ	Phan Đình Phùng, Nam Định, Nam Định	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	Tài chính Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5039	50	Võ Việt	Trang	10/01/1997	Nữ	Đồng Nhân, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	Tài chính Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
5040	51	Đỗ Thị	Tuyết	13/02/1988	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	Tài chính Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5041	52	Nguyễn Ngọc	Anh	24/01/1991	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5042	53	Đỗ Thùy	Dương	30/07/1993	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5043	54	Đồng Thị Hương	Giang	03/10/1989	Nữ	Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5044	55	Trần Thị Thu	Hà	08/08/1991	Nữ	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5045	56	Phạm Thu	Hiền	16/08/1991	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
5046	57	Nguyễn Thị	Hoa	01/05/1977	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5047	58	Ngô Lan	Hương	25/12/1980	Nữ	Bùi Xương Trạch, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5048	59	Phạm Thu	Hương	13/11/1986	Nữ	Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5049	60	Nguyễn Thanh	Huyền	26/08/1995	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5050	61	Phạm Thị Kiều	Khánh	02/09/1978	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	A2		
5051	62	Phan Hải	Lâm	20/02/1980	Nam	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	A2		
5052	63	Lưu Khánh	Linh	04/10/1994	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5053	64	Lê Diệu	Linh	02/11/1996	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5054	65	Nguyễn Phương	Loan	16/01/1988	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5055	66	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	08/09/1997	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5056	67	Huỳnh Thị Kim	Nga	16/09/1974	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
5057	68	Vũ Hải	Ngân	04/09/1976	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán tổng hợp	B	Bậc 2		
5058	69	Lưu Tuấn	Ngọc	17/08/1994	Nam	Duyên Thái, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5059	70	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	05/11/1985	Nữ	Hòa Xá, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5060	71	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	12/12/1989	Nữ	Vạn Phúc, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5061	72	Đỗ Thị	Quy	10/07/1975	Nữ	Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5062	73	Nguyễn Thanh	Quỳnh	30/11/1989	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5063	74	Nguyễn Thị	Tân	10/11/1981	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
5064	75	Cao Thị	Thắm	23/10/1990	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
5065	76	Hà Thị Huyền	Thanh	19/06/1983	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5066	77	Nguyễn Mai	Thanh	25/12/1978	Nữ	Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
5067	78	Vũ Phương	Thảo	30/12/1990	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5068	79	Phạm Thị	Thu	30/08/1987	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5069	80	Phạm Thị	Thu	04/04/1986	Nữ	Tự Nhiên, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5070	81	Đoàn Minh	Thủy	06/10/1977	Nữ	Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B	CTB	
5071	82	Phạm Thị Bích	Thủy	12/10/1987	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5072	83	Chu Huyền	Trang	27/06/1987	Nữ	Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5073	84	Nguyễn Văn	Trung	18/12/1989	Nam	Lưu Hoàng, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5074	85	Bùi Thị Hồng	Vân	12/03/1994	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5075	86	Vũ Thị	Vân	10/11/1989	Nữ	Hoàng Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5076	87	Dương Thị	Yến	14/04/1991	Nữ	Văn Bình, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5077	88	Trần Thị Minh	Hà	08/09/1988	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
5078	89	Nguyễn Thị	Hồng	18/10/1988	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5079	90	Trần Lê	Minh	16/11/1990	Nam	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5080	91	Đào Bá	Quân	26/01/1987	Nam	Ngọc Hòa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5081	92	Trần Thanh	Tú	23/12/1992	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	Kế toán	ThS	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ chuyên ngành Kế toán)	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
5082	93	Trần Thị Lan	Anh	24/08/1985	Nữ	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5083	94	Nguyễn Thị	Bích	04/01/1991	Nữ	Thụy Hương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5084	95	Đỗ Thị	Cần	12/11/1990	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5085	96	Nguyễn Thị	Dư	09/10/1976	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CLS	
5086	97	Nguyễn Thị	Dung	08/09/1980	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5087	98	Đỗ Thị Việt	Hà	28/06/1993	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5088	99	Trần Thị	Hồng	24/06/1991	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3	CTB	
5089	100	Nguyễn Thị Thu	Hường	29/10/1996	Nữ	Đồng Lạc, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5090	101	Đỗ Thị	Tuyền	22/08/1991	Nữ	Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
5091	102	Nguyễn Thùy	Linh	23/10/1989	Nữ	Thạch Thán, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5092	103	Kiều	Linh	09/10/1983	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5093	104	Nguyễn Mỹ	Linh	23/04/1997	Nữ	Nguyễn Trãi, hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5094	105	Lê Thùy	Linh	22/12/1992	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5095	106	Cấn Thị Thùy	Linh	21/09/1997	Nữ	Phú Lãm, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5096	107	Đỗ Hoàng	Minh	25/07/1993	Nữ	Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5097	108	Nguyễn Thị	Minh	22/11/1988	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5098	109	Nguyễn Thị	Mừng	15/04/1985	Nữ	Nguyễn Trãi, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5099	110	Trương Thị Lê	Ngân	02/01/1996	Nữ	Minh Tân, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
5100	111	Đào Thị	Nhiên	06/09/1990	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5101	112	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/04/1992	Nữ	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5102	113	Đinh Thị	Nụ	24/12/1981	Nữ	Phú Kim, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5103	114	Lê Thị	Oanh	20/02/1987	Nữ	Lại Thượng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
5104	115	Phạm Thị Minh	Tâm	05/10/1990	Nữ	Bình Minh, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5105	116	Nguyễn Đình	Thắng	24/08/1989	Nam	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	A2		
5106	117	Kiều Thị	Thơm	12/02/1992	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5107	118	Nguyễn Thị Kim	Thương	27/01/1991	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
5108	119	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	12/07/1993	Nữ	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5109	120	Nguyễn Như	Trang	03/02/1988	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5110	121	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	05/08/1990	Nữ	Trung Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5111	122	Lê Thị	Trang	15/10/1986	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5112	123	Lê Phương	Tú	08/06/1975	Nữ	Phú Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5113	124	Tống Thị	Vân	09/07/1985	Nữ	Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CBB	
5114	125	Nguyễn Thị	Bốn	22/02/1984	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CBB	

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5115	126	Nguyễn Thị Minh	Hằng	02/09/1987	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5116	127	Nguyễn Thị	Hiền	19/10/1990	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5117	128	Đặng Thị	Hiền	05/09/1991	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5118	129	Lê Thị	Hồng	03/06/1987	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5119	130	Trần Thị Thu	Hương	08/08/1991	Nữ	Vạn Thái, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5120	131	Đặng Thanh	Hương	30/07/1990	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5121	132	Lưu Thanh	Huyền	02/01/1993	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5122	133	Nguyễn Thị	Liên	16/08/1990	Nữ	Đồng Tân, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5123	134	Nguyễn Thị	Linh	10/02/1989	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5124	135	Đỗ Thị Hương	Nga	01/08/1991	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5125	136	Phạm Thị	Ngà	29/09/1988	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5126	137	Nguyễn Thị	Nguyệt	18/11/1990	Nữ	Hoa Sơn, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5127	138	Nguyễn Thị	Nhàn	05/11/1990	Nữ	Phùng Xá, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5128	139	Nguyễn Việt	Phương	22/03/1997	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5129	140	Vũ Thị Kim	Thành	10/12/1991	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5130	141	Nguyễn Thị	Thơm	25/03/1993	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5131	142	Trịnh Thu	Trang	18/12/1993	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
5132	143	Nguyễn Tuấn	Anh	28/03/1990	Nam	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5133	144	Phạm Thị Kim	Bảng	07/11/1984	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5134	145	Đặng Hồng	Hà	20/10/1988	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	A2		
5135	146	Lê Thị	Phượng	09/06/1991	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5136	147	Phạm Thu	Hằng	29/12/1984	Nữ	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
5137	148	Bạch Minh	Hằng	02/08/1991	Nữ	Mỗ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5138	149	Vũ Thị	Lâm	27/10/1989	Nữ	Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5139	150	Trịnh Trà	My	01/12/1992	Nữ	Thọ Trường, Thọ Xuân, Thanh Hoá	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5140	151	Đinh Thị Thanh	Mai	14/09/1984	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5141	152	Ngô Thị Ánh	Mai	18/11/1993	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B2		
5142	153	Phạm Thị	Mến	23/09/1985	Nữ	Thái Bình	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5143	154	Trần Thị	Thúy	06/06/1985	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5144	155	Vương Thanh	Thúy	25/11/1997	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5145	156	Ngô Thị Thúy	Vân	26/07/1989	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5146	157	Nguyễn Hải	Yến	19/07/1993	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5147	158	Tạ Thị Ngọc	Hân	17/06/1996	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương Bậc 3		
5148	159	Nguyễn Thị	Huyền	20/9/1986	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5149	160	Đỗ Thị	Lan	11/02/1992	Nữ	Đông Yên, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	Tương đương B1		
5150	161	Nguyễn Thị	Nhung	10/03/1993	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5151	162	Nguyễn Thị Huyền	Oanh	28/11/1982	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5152	163	Trần Thị	Thu	03/02/1991	Nữ	Phú Mãn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	C	DTTS	
5153	164	Nguyễn Thị Linh	Chi	19/11/1989	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5154	165	Vũ Thị Ngọc	Mai	08/09/1989	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5155	166	Vũ Việt	Anh	22/12/1994	Nam	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5156	167	Nguyễn Thị	Lụa	21/3/1983	Nữ	Hồng Sơn, Mỹ Đức, Hà Nội	BVTT Mỹ Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Trung cấp tin học	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5157	168	Vũ Thị Mai	Anh	25/10/1993	Nữ	Minh Khai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV 09	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5158	169	Nguyễn Thị	Hòe	06/05/1986	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5159	170	Nguyễn Thái	Hùng	19/04/1992	Nam	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5160	171	Phạm Thị	Lệ	25/09/1993	Nữ	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5161	172	Nguyễn Thị Thúy	Nga	10/08/1989	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5162	173	Ngô Thị Thanh	Nhu	19/02/1981	Nữ	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	A2		
5163	174	Nguyễn Thị	Yến	17/07/1988	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
5164	175	Nguyễn Thị	Yến	10/02/1993	Nữ	Phú Cường, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5165	176	Nguyễn Thị Vân	Anh	24/10/1990	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5166	177	Đỗ Thị Thu	Giang	08/06/1989	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5167	178	Nguyễn Thị	Hà	01/06/1985	Nữ	Nghiêm Xuyên, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	Giao tiếp B		
5168	179	Trần Thị	Lan	19/06/1989	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5169	180	Nguyễn Phương	Thảo	12/04/1984	Nữ	Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5170	181	Hoàng Thị Hoài	Thu	21/10/1982	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5171	182	Đinh Thị	Thủy	20/10/1991	Nữ	Khánh Hà, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5172	183	Vũ Thị Thanh	Thủy	12/08/1982	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5173	184	Nguyễn Thị	Bích	30/6/1987	Nữ	Viên Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán tổng hợp	B	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
5174	185	Nguyễn Thị	Chanh	27/3/1988	Nữ	Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5175	186	Khuất Sơn	Hà	04/11/1992	Nam	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5176	187	Nguyễn Thị Thúy	Hà	18/3/1973	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	DTTS	
5177	188	Khuất Thị	Hương	21/7/1989	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5178	189	Nguyễn Thị Thu	Huyền	08/10/1990	Nữ	Lê Lợi, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5179	190	Đào Thị Bích	Nguyệt	27/11/1993	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B1		
5180	191	Lê Thị	Thanh	26/9/1991	Nữ	Tản Hồng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5181	192	Cát Thu	Trang	06/12/1990	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5182	193	Nguyễn Thúy	Hằng	12/05/1983	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thận HN	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5183	194	Trần Thị Thu	Hương	27/01/1976	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Thận HN	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5184	195	Trịnh Thị	Nga	01/10/1987	Nữ	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BV Thận HN	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5185	196	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/7/1992	Nữ	Dân Hòa, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5186	197	Nguyễn Thị Phương	Dung	22/11/1992	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5187	198	Nguyễn Thị	Yến	20/08/1991	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5188	199	Nguyễn Thị	Hằng	18/12/1994	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5189	200	Hoàng Thị	Hậu	29/09/1991	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
5190	201	Nguyễn Thị	Hường	01/08/1987	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
5191	202	Đoàn Văn	Khoát	26/07/1983	Nam	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
5192	203	Nguyễn Thúy	Ngà	05/11/1994	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5193	204	Lê Thị Thanh	Tâm	24/08/1989	Nữ	Phúc Hòa, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
5194	205	Kim Thị	Thanh	05/08/1995	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5195	206	Tô Thị Lệ	Thủy	25/07/1997	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5196	207	Nguyễn Thị	Nhung	19/09/1991	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5197	208	Nguyễn Thị	Thúy	27/08/1989	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5198	209	Bùi Thu	Hà	02/02/1995	Nữ	Thị trấn Phùng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5199	210	Nguyễn Thị Thu	Hiền	17/12/1991	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
5200	211	Nguyễn Thị Thu	Thủy	08/05/1991	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
5201	212	Đỗ Thị Kim	Anh	28/09/1992	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5202	213	Nguyễn Thị Thùy	Dung	17/12/1989	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5203	214	Nguyễn Thị Thu	Hà	30/05/1993	Nữ	Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5204	215	Doãn Thị	Hạnh	20/03/1991	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5205	216	Dương Thị	Hiền	15/12/1984	Nữ	Tam Thuấn, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5206	217	Kiều Thị	Hoa	16/01/1990	Nữ	Liệp Tuyết, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	A2		
5207	218	Nguyễn Thị Thu	Hường	16/10/1976	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5208	219	Phạm Thị	Hương	24/09/1989	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	A2		
5209	220	Nguyễn Thu	Hương	09/02/1982	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5210	221	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/02/1986	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
5211	222	Lý Thị Hương	Lam	22/09/1982	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	Kỹ sư Công nghệ thông tin	A2	CTB	
5212	223	Nguyễn Thị Hương	Lan	18/11/1982	Nữ	Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2	CTB	
5213	224	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	16/12/1993	Nữ	Thị trấn Quốc Oai, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5214	225	Nguyễn Xuân Thùy	Linh	14/10/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5215	226	Vũ Thị Kiều	Loan	06/09/1997	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5216	227	Đỗ Thị Kim	Ngân	01/06/1997	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5217	228	Đặng Thị	Nhâm	22/03/1992	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ,Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5218	229	Lê Thị Quỳnh	Như	04/04/1996	Nữ	Đức Thượng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5219	230	Nguyễn Thị Bích	Phượng	16/02/1981	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5220	231	Nguyễn Thị	Phương	08/11/1991	Nữ	Hòa Thạch, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5221	232	Đức Thị	Phương	01/05/1990	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	Tương đương B1		
5222	233	Nguyễn Thị Trung	Thủy	06/04/1990	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5223	234	Nguyễn Thị	Yến	22/10/1996	Nữ	Canh Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương B1		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5224	235	Nguyễn Thị	Chinh	04/12/1984	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5225	236	Nguyễn Thị Minh	Phương	17/04/1990	Nữ	Thanh Bình, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5226	237	Nguyễn Ngọc	Mơ	10/09/1993	Nam	Cao Viên, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5227	238	Đỗ Thị Hạnh	Hồng	17/08/1987	Nữ	Hồng Dương, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Kế toán viên	Kế toán	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	B	B		
5228	239	Nguyễn Bá	Văn	10/05/1986	Nam	Thanh Cao, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5229	240	Nguyễn Hồng	Nhung	07/12/1994	Nữ	Thị Trấn, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5230	241	Phan Thị	Giang	31/10/1992	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	C	C		
5231	242	Lê Thị Kim	Liên	20/11/1985	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
5232	243	Phạm Thanh	Thủy	28/11/1985	Nữ	Thị trấn Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5233	244	Phạm Thị Thu	Uyên	24/01/1983	Nữ	Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5234	245	Phùng Thị Thúy	Linh	01/06/1988	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5235	246	Nguyễn Thúy	Quỳnh	25/07/1990	Nữ	Kim Hoa, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5236	247	Phùng Thanh	Thủy	28/03/1994	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5237	248	Kiều Mạnh	Tùng	19/09/1992	Nam	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5238	249	Mai Kiều	Anh	05/08/1996	Nữ	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5239	250	Nguyễn Thị Khánh	Linh	15/06/1994	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5240	251	Nguyễn Thị Kim	Thoa	24/06/1988	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5241	252	Nguyễn Thị Anh	Tân	12/02/1980	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5242	253	Trần Minh	Thủy	02/03/1991	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5243	254	Phạm Hồng	Ánh	02/11/1993	Nữ	Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5244	255	Trần Thùy	Linh	20/4/1985	Nữ	Thụy Lương, Thái Thụy, Thái Bình	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5245	256	Nguyễn Kim	Hoa	04/06/1972	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5246	257	Cao Thị Thu	Phương	12/12/1982	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5247	258	Lê Thị	Lan	20/04/1979	Nữ	Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 3		
5248	259	An Thùy	Linh	01/09/1992	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5249	260	Lục Anh	Tuấn	05/02/1986	Nam	Uy Lỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5250	261	Dương Thị Hà	Trang	05/09/1993	Nữ	Hồng Quang, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Thanh Xuân	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5251	262	Phạm Hồng	Hạnh	24/10/1990	Nữ	Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5252	263	Phan Anh	Dũng	06/10/1987	Nam	Cẩm Hội, Hai Bà Trưng, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B1		
5253	264	Trịnh Kim	Hường	19/05/1988	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5254	265	Phùng Thị Phương	Nga	26/11/1988	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5255	266	Nguyễn Quỳnh	Nga	01/04/1997	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Hoàng Mai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5256	267	Đặng Thị Phương	Anh	18/07/1978	Nữ	Ngã Tư Sở, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Long Biên	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
5257	268	Phạm Tùng	Long	19/09/1992	Nam	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5258	269	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	01/08/1988	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Long Biên	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5259	270	Nguyễn Đức	Kiên	10/10/1983	Nam	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5260	271	Nguyễn Thị Hải	Yến	09/09/1990	Nữ	Nam Hồng, Đông Anh , Hà Nội	TTYT Đông Anh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5261	272	Vũ Thị Thùy	Linh	02/01/1989	Nữ	Dương Nội- Hà Đông-Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5262	273	Nguyễn Thị Mai	Hương	29/08/1987	Nữ	Mai Đình, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5263	274	Ngo Thị	Khái	20/01/1987	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5264	275	Trần Ngọc Anh	Thư	11/11/1991	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	IC 3	A2		
5265	276	Hoàng Ngọc	Châm	25/06/1991	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B	DTTS	
5266	277	Phùng Thị	Diệu	21/04/1993	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
5267	278	Nguyễn Thị Thanh	Hợp	22/07/1991	Nữ	Võng Xuyên, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	A2		
5268	279	Lương Thị	Huyền	05/10/1990	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5269	280	Nguyễn Thanh	Loan	23/09/1993	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
5270	281	Nguyễn Thị Bích	Thảo	23/09/1992	Nữ	Vật Lại, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
5271	282	Ninh Thị	Thúy	26/10/1990	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	A2		
5272	283	Hà Thanh	Nga	14/01/1988	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5273	284	Đào Thị	Hạnh	13/11/1993	Nữ	Đắc Tín, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5274	285	Lê Thị	Thúy	07/09/1987	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	TTYT Thanh Oai	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5275	286	Nguyễn Thị Bích	Lợi	03/04/1981	Nữ	Phù Lưu Tế, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5276	287	Trần Thị	Luyến	07/01/1990	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5277	288	Nguyễn Thị Bích	Nụ	22/11/1989	Nữ	Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	C	CBB	
5278	289	Trịnh Thị Phương	Thảo	16/05/1995	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5279	290	Vũ Thị Thu	Hoài	10/12/1994	Nữ	Châu Can, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5280	291	Nguyễn Thị Bích	Hồng	15/11/1988	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5281	292	Ngô Thị	Liên	18/12/1982	Nữ	TT Phú Xuyên,Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5282	293	Phạm Phương	Thoan	19/04/1986	Nữ	Đại Thắng, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Trung cấp Công nghệ thông tin	A2		
5283	294	Kiều Thị	Hường	15/10/1987	Nữ	Vân Nam, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5284	295	Phạm Nguyễn	Thành	08/08/1981	Nam	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5285	296	Đỗ Thị Vân	Anh	30/10/1992	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5286	297	Đỗ Thị Thu	Hiền	04/5/1990	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5287	298	Cao Thị Khánh	Huyền	27/01/1995	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
5288	299	Nguyễn Thị	Trang	21/7/1986	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5289	300	Đào Thùy	Trang	03/12/1993	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5290	301	Nguyễn Thị	Vân	03/9/1986	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
		27. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KẾ TOÁN VIÊN CAO ĐẲNG - 06a.031													
5291	1	Nguyễn Ngọc	Ánh	20/11/1991	Nữ	La Khê, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		
5292	2	Nguyễn Thị	Hiền	05/05/1983	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		
5293	3	Nguyễn Mai	Lam	30/05/1990	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		
5294	4	Nguyễn Dương	Anh	27/05/1993	Nam	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		
5295	5	Đàm Thị	Nga	04/10/1991	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5296	6	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	23/08/1991	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5297	7	Lê Thị	Phượng	26/09/1996	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5298	8	Phùng Thị Ngọc	Ánh	24/10/1992	Nữ	Phong Vân, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5299	9	Phan Thị Hương	Giang	24/03/1990	Nữ	Sơn Lộc, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5300	10	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	04/07/1982	Nữ	Tây Đằng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5301	11	Trần Thị Xuân	Lành	02/09/1987	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5302	12	Nguyễn Thị Trang	Nhung	26/09/1990	Nữ	Phú Cường, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5303	13	Lê Thị	Phương	21/10/1994	Nữ	Sơn Đà, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5304	14	Nguyễn Văn	Thanh	14/06/1991	Nam	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	C		
5305	15	Nguyễn Thanh	Tú	06/04/1979	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5306	16	Lê Thị Thanh	Yến	27/01/1984	Nữ	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		
5307	17	Nguyễn Thị Thu	Hương	19/01/1988	Nữ	Thổ Quan, Đống Đa, Hà Nội	BV Phổi Hà Nội	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5308	18	Đặng Xuân	Dung	27/9/1990	Nữ	Thị trấn Sóc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5309	19	Tạ Thị	Gấm	19/02/1988	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5310	20	Lê Thị Mỹ	Hạnh	26/4/1983	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5311	21	Nguyễn Thị Bích	Lê	18/8/1979	Nữ	Tân Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5312	22	Trần Thị	Liên	07/11/1986	Nữ	Nam Sơn, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5313	23	Nguyễn Thị Thu	Luyến	05/12/1983	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Đại học Kế toán	B	C		
5314	24	Trần Ánh	Nhi	01/06/1995	Nữ	Thanh Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2	CBB	
5315	25	Vương Thị	Tuyến	21/8/1993	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		
5316	26	Tô Thị	Dịu	22/06/1987	Nữ	Cẩm Đình, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5317	27	Nguyễn Thị Thu	Hà	04/06/1993	Nữ	Tuyết Nghĩa, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5318	28	Kiều Thị	Tâm	12/03/1993	Nữ	Thị trấn Phúc Thọ, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		
5319	29	Dương Thị	Thơm	14/11/1985	Nữ	Ngọc Tảo, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		
5320	30	Tạ Thị Hoa	Mai	12/03/1992	Nữ	Liên Mạc, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		
5321	31	Phùng Thị	Tuyến	27/01/1992	Nữ	Thạch Đà, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	A2		
5322	32	Bùi Thị Thu	Dung	29/08/1989	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5323	33	Nguyễn Thị Thu	Thủy	09/10/1989	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5324	34	Âu Hồng	Vân	16/04/1993	Nữ	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5325	35	Trần Thị	Dung	13/12/1989	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		
5326	36	Phan Thị Kim	Dung	21/03/1985	Nữ	Kim Chung, Hoài Đức, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5327	37	Nguyễn Thanh	Huyền	21/07/1989	Nữ	Mỹ đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B2		
		28. CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP - 06.032													
5328	1	Đặng Thị Thúy	Hà	26/10/1978	Nữ	Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Mắt Hà Nội	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	A2		
5329	2	Vũ Thị	Cửi	10/04/1977	Nữ	Tư Đình, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	Tài chính Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5330	3	Nguyễn Thị	Duyên	25/08/1989	Nữ	Chàng Sơn, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	Tài chính Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		Quy đổi theo Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5331	4	Trần Thu	Hiền	28/07/1978	Nữ	Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	Tài chính Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5332	5	Quách Thị Mai	Nga	29/12/1969	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	Tài chính Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5333	6	Nguyễn Thanh	Thủy	08/07/1973	Nữ	Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	Tài chính Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5334	7	Nguyễn Huyền	Trang	04/10/1986	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	Tài chính Kế toán	TC	Kế toán	B	C		
5335	8	Nguyễn Thị	Vượng	27/07/1989	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	Tài chính Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	C		
5336	9	Nguyễn Thị Hiền	Mai	10/06/1970	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	B	Bậc 2		
5337	10	Nguyễn Minh	Phượng	06/08/1988	Nữ	Bưởi, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5338	11	Đỗ Bích	Thủy	25/07/1988	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5339	12	Đặng Ngọc	Lan	16/03/1986	Nữ	Quang Trung, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	B	C		
5340	13	Phạm Thị Minh	Thu	07/09/1986	Nữ	Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5341	14	Đoàn Vân	Anh	17/03/1990	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5342	15	Đỗ Thị	Hà	18/10/1991	Nữ	Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5343	16	Nghiêm Thị Tuyết	Hạnh	11/08/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B1		
5344	17	Đinh Thị	Hồng	10/03/1995	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	C		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5345	18	Lê Tuyết	Mai	22/04/1987	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5346	19	Nguyễn Văn	Minh	06/01/1981	Nam	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5347	20	Dương Thị Minh	Tâm	06/09/1987	Nữ	Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5348	21	Phùng Thị	Hải	15/09/1989	Nữ	Tuy Lai, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5349	22	Nguyễn Thị	Hoa	07/04/1985	Nữ	Liên Bạt, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5350	23	Nguyễn Thị Lan	Phương	26/12/1987	Nữ	Thị trấn Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5351	24	Ngô Văn	Hải	28/07/1988	Nam	Liên Hà, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5352	25	Đỗ Thị Thùy	Dương	12/11/1984	Nữ	Vân Tảo, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5353	26	Đinh Minh	Đức	06/06/1991	Nam	Tô Hiệu, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán tổng hợp	Ứng dụng CNTT cơ bản	Bậc 2		
5354	27	Nguyễn Quỳnh	Hoa	18/12/1991	Nữ	Chí Thủy, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5355	28	Vũ Thị Ánh	Nguyệt	24/10/1994	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		
5356	29	Hoàng Thị	Ánh	12/3/1988	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		
5357	30	Nguyễn Thị Thu	Hằng	17/10/1992	Nữ	Phụng Thượng, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5358	31	Đào Thị Thu	Hoài	20/03/1982	Nữ	Cẩm Đình, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
5359	32	Trần Thị	Hồng	09/06/1980	Nữ	Bình Yên, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	B	Có bằng tốt nghiệp đại học về ngoại ngữ		
5360	33	Vũ Thị	Thảo	04/03/1984	Nữ	Cẩm Đình, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5361	34	Kiều Thị	Thủy	05/01/1990	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5362	35	Nguyễn Thị	Xuân	03/08/1988	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5363	36	Hoàng Thanh	Hằng	01/12/1995	Nữ	Đan Phượng, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	B		
5364	37	Đinh Thị	Quý	15/01/1989	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B	CBB	
5365	38	Văn Thị Mai	Hoa	28/07/1986	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5366	39	Phan Thanh	Hương	24/12/1988	Nữ	Dương Liễu, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5367	40	Phí Thị	Khuyên	20/04/1989	Nữ	Sơn Đồng, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	A2		
5368	41	Nguyễn Thị	Ngân	20/09/1992	Nữ	Sài Sơn, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5369	42	Trần Thị	Thủy	08/05/1988	Nữ	Yên Sở, Hoài Đức, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5370	43	Nguyễn Thị	Hà	07/09/1985	Nữ	Thống Nhất, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5371	44	Nguyễn Thị	Nga	10/08/1987	Nữ	Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	B		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
5372	45	Tống Thị	Thủy	29/10/1990	Nữ	TT Chúc Sơn, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Tương đương A2		
5373	46	Vũ Hà	Bắc	13/03/1984	Nam	Phúc Tiến, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5374	47	Nguyễn Thị	Ngọc	01/03/1986	Nữ	Thị trấn Phú Minh, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5375	48	Lê Thùy	Dung	06/01/1982	Nữ	Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5376	49	Đỗ Thị Thụy	Anh	02/12/1976	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5377	50	Nguyễn Thị	Dư	28/12/1992	Nữ	Hồng Kỳ, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5378	51	Trần Thị	Hằng	23/03/1991	Nữ	Việt Long, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5379	52	Ngô Thị Xuân	Thu	12/10/1990	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		
5380	53	Tạ Thị	Tuyền	02/09/1988	Nữ	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	Ths	Thạc sĩ Kế toán	B	B1	CBB	
5381	54	Trần Thị	Vân	20/09/1990	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	B		
5382	55	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	18/07/1992	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	C		
5383	56	Đoàn Thị Thanh	Tảo	25/09/1982	Nữ	Phúc Hoà, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT thị xã Sơn Tây	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	A2		

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2019

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THAM DỰ XÉT TUYỂN (VÒNG 2)

(Kèm theo Thông báo số 1051/TB-HĐXT ngày 23 /11/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2019)

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
		I. THÍ SINH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN TỪ 02 ĐƠN VỊ TUYỂN DỤNG TRỞ LÊN													
1	1	Phạm Phong	Lan	02/06/1988	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	B	Anh B		
2	2	Phạm Phong	Lan	02/06/1988	Nữ	Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược	B	Anh B		
3	3	Phạm Đông	Phong	20/05/1990	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
4	4	Phạm Đông	Phong	20/05/1990	Nam	Hợp Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
5	5	Đỗ Đình	Long	15/11/1995	Nam	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
6	6	Đỗ Đình	Long	15/11/1995	Nam	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
7	7	Đỗ Đình	Long	15/11/1995	Nam	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Thanh Trì	Dược hạng IV	**Dược**	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
		II. KHÔNG ĐẢM BẢO YÊU CẦU TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO VỀ TIN HỌC (Chứng chỉ Tin học của Đại học Y Hà Nội cấp, chứng chỉ MOS, sơ cấp nghề và không có trình độ đào tạo)													
8	1	Nguyễn Thị Phương	Thảo	02/05/1991	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	Ths	Bác sỹ Y học dự phòng (thạc sỹ y học dự phòng)	Tin học	Anh B1		Chứng chỉ tin học của ĐH Y Hà Nội
9	2	Nguyễn Thị	Dung	12/09/1982	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)	Tin học	Anh C		Chứng chỉ tin học của ĐH Y Hà Nội
10	3	Nguyễn Anh	Tuấn	31/05/1987	Nam	Lương Châu, Sông Công, Thái Nguyên	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	Ths	Bác sỹ Răng hàm mặt (thạc sỹ Răng hàm mặt)	Tin học	Anh B1		Chứng chỉ tin học của ĐH Y Hà Nội

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
11	4	Đỗ Thị Thanh	Bình	18/02/1998	Nữ	Hải Phúc, Hải Hậu, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Tin học	Anh A2		
12	5	Phạm Thị	Hằng	02/12/1988	Nữ	Quảng Phú Cầu, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Tin học	Anh B		
13	6	Nguyễn Thị	Hồng	07/01/1991	Nữ	Dị Nậu, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Tin học	Anh B		
14	7	Nguyễn Thị Kim	Oanh	25/10/1988	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Tin học	Anh A2	CTB-CĐCĐ	
15	8	Nguyễn Việt	Dũng	10/02/1993	Nam	Hà Hồi, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Thường Tín	Kỹ sư (hạng III)	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử	ĐH	Công nghệ kỹ thuật điện điện tử		Anh A2		
16	9	Đỗ Văn	Quân	10/03/1994	Nam	Tiên Dược, Sóc Sơn, Hà Nội	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh B		
17	10	Lê Thị	Đào	04/03/1984	Nữ	Tảo Dương Văn, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	Quản trị kinh doanh	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	Tin học văn phòng	Anh B		
18	11	Ngô Thị Bích	Hiền	16/02/1989	Nữ	Kim Sơn, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Đại học Kế toán	Tin học văn phòng	Anh B		
19	12	Lê Thị	Hạnh	10/03/1991	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Cao đẳng Kế toán	Tin học văn phòng nâng cao	Anh B		
20	13	Trần Thị	Hương	23/10/1987	Nữ	Tây Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Tin học văn phòng căn bản	Anh C		
21	14	Tạ Việt	Cường	24/06/1985	Nam	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	Luật	ĐH	Đại học Luật	Tin học ứng dụng văn phòng	Anh B		
22	15	Nguyễn Thị Hồng	Lượng	11/11/1976	Nữ	Kim Quan, Thạch Thất, Hà Nội	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Trung cấp Điều dưỡng	Tin học văn phòng - Kế toán	Anh C	CTB, HTNV	
23	16	Nguyễn Thị Mai	Linh	22/05/1984	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Đại học Dược	Tin học cơ bản	Anh C		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
24	17	Phan Ngọc	Linh	29/8/1995	Nữ	Trung Hưng, Sơn Tây, Hà Nội	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Cao đẳng Điều dưỡng	Tin học ứng dụng	Anh B		
25	18	Nguyễn Thị	Trinh	20/11/1995	Nữ	Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Kỹ năng tin học MOS	Anh B1		
26	19	Sỹ Thị	Thúy	09/02/1997	Nữ	Cần Hữu, Quốc Oai, Hà Nội	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Kỹ năng tin học MOS	Anh B1		
27	20	Đoàn Phương	Hà	18/12/1995	Nữ	Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội	TTYT Hai Bà Trưng	Dân số viên hạng III	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	Kỹ năng tin học MOS	Anh B2		
28	21	Nguyễn Thị	Khánh	30/03/1996	Nữ	Lại Yên, Hoài Đức, Hà Nội	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Cao đẳng Hộ sinh	Sơ cấp nghề tin học văn phòng	Anh A2		
29	22	Phạm Thị	Chinh	02/02/1990	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai, Hà Nội	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Sơ cấp nghề tin học văn phòng	Anh A2		
		III. KHÔNG ĐẢM BẢO YÊU CẦU TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO VỀ NGOẠI NGỮ													
		1. Chứng chỉ Ngoại ngữ của Đại học Y Hà Nội cấp													
30	1	Trần Ngọc	Hưng	13/10/1987	Nam	Trưng Vương, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Mắt	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
31	2	Nguyễn Thế	Vinh	19/10/1986	Nam	Yên Nghĩa, Hà Đông, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Mắt	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)	Văn phòng B	Anh B1	CBB	
32	3	Nguyễn Thị Bích	Hường	11/05/1971	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Tai mũi họng	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Tai mũi họng)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
33	4	Nguyễn Thị	Hằng	12/04/1989	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Y học cổ truyền	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Trung B1		
		2. Ngoại ngữ không rõ trình độ đào tạo (chứng chỉ tiếng Anh giao tiếp và không rõ trình độ)													
34	1	Đặng Thị	Hà	27/01/1990	Nữ	Đông Phương Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Trung cấp Dược	A	Tiếng Anh giao tiếp		
35	2	Bùi Thị Thùy	Linh	13/11/1989	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	Tài chính ngân hàng	ĐH	Tài chính ngân hàng	B			
36	3	Lê Thị Mỹ	Hảo	01/12/1996	Nữ	Hòa Bình, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Tin học văn phòng			
37	4	Nguyễn Quang	Huy	14/06/1998	Nam	Liêm Chính, Phủ Lý, Hà Nam	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản			
38	5	Nguyễn Thị	Hằng	17/01/1990	Nữ	Bích Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản			
39	6	Nguyễn Ngọc	Ánh	22/10/1997	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
40	7	Đức Thị	Chuyên	27/04/1990	Nữ	Hoa Sơn. Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B			
41	8	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	05/02/1988	Nữ	TT Phú Xuyên, Phú Xuyên, Hà Nội	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Văn phòng B			
		3. Trình độ Ngoại ngữ không đáp ứng yêu cầu đào tạo theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của vị trí dự tuyển (bậc 1)													
42	1	Đinh Thị	Hằng	31/01/1997	Nữ	Liên Hiệp -Phúc Thọ, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEIC 195 (A1)		
43	2	Nguyễn Duyên	Hà	01/01/1982	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEIC 165 (A1)		
		IV. KHÔNG ĐẢM BẢO YÊU CẦU TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO VỀ NGOẠI NGỮ, TIN HỌC													

Số TT	TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
								Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
44	1	Nguyễn Thị	Hằng	10/11/1991	Nữ	Đức Long, Quế Võ, Bắc Ninh	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Sản khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Tin học			
45	2	Nguyễn Đình	Thiên	21/07/1998	Nam	Thị trấn Thường Tín, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Tin học			
46	3	Hồ Thị	Hoài	04/06/1992	Nữ	Hưng Lĩnh, Hưng Nguyễn, Nghệ An	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Tin học			

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2019

DANH SÁCH THÍ SINH CÓ ĐƠN KHÔNG TIẾP TỤC THAM GIA KỲ TUYỂN DỤNG

(Kèm theo Thông báo số 1051 /TB-HĐXT ngày 23 /11/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2019)

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
1	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Trần Thu	Hương	27/09/1997	Nữ	Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Tin học ứng dụng	Anh A2		
2	Phạm Quỳnh	Anh	20/10/1992	Nữ	Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
3	Nguyễn Ngọc	Sơn	26/01/1979	Nam	Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)	Văn phòng B	Có bằng tốt nghiệp sau đại học tại nước ngoài		
4	Ngô Thùy	Dung	19/05/1991	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
5	Đinh Thị Hằng	Nga	10/09/1989	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Có bằng tốt nghiệp đại học tại nước ngoài		
6	Lê Thị	Thương	20/01/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
7	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/03/1989	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Pháp delf B1		
8	Nguyễn Thị Vân	Anh	31/07/1992	Nữ	Chu Văn An, Vĩnh Trại, Lạng Sơn	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa				

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
9	Nguyễn Thị	Hà	06/03/1992	Nữ	Phú Sơn, Ba Vì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Tin học văn phòng	Anh A2		
10	Ngô Thị	Hiền	13/10/1992	Nữ	Tri Trung, Phú Xuyên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
11	Nguyễn Thị	Hợp	04/02/1992	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh A2		
12	Lê Xuân	Hưng	03/09/1991	Nam	Cổ Nhuế 2, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	B	Anh B		
13	Trần Mỹ	Linh	26/11/1994	Nữ	Đông Mỹ, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
14	Nguyễn Văn	Long	06/04/1990	Nam	Vân Côn, Hoài Đức, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		Anh bậc 2		
15	Lê Xuân	Lực	06/09/1990	Nam	Tây Hồ, Thọ Xuân, Thanh Hóa	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
16	Vũ Thị	Mai	13/11/1992	Nữ	Nam Cường, Nam Trực, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
17	Võ Thị Thanh	Nga	30/10/1992	Nữ	Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Tin học văn phòng	Anh C		
18	Nguyễn Thị Kim	Ngân	06/07/1991	Nữ	Cổ Nhuế 1, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Pháp Delf A2		
19	Lê Đoàn	Ngọc	25/03/1992	Nam	Hàng Bột, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh A2		
20	Vũ Khang	Ninh	29/11/1990	Nam	Hải Bối, Đông Anh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Tin học văn phòng	Anh C		
21	Dương Thúy	Quỳnh	04/07/1993	Nữ	Tiên Hưng, Lục Nam, Bắc Giang	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Tin học văn phòng	Anh A2		
22	Dương Văn	Tân	05/01/1991	Nam	Tân Lãng, Lương Tài, Bắc Ninh	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B		
23	Đỗ Phương	Thảo	06/12/1989	Nữ	Ninh Sở, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	Văn phòng B	Anh B		

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
24	Nguyễn Thị	Thảo	14/11/1994	Nữ	Vĩnh Hồng, Bình Giang, Hải Dương	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh TOEFL 363		
25	Nguyễn Văn	Thuyên	03/07/1992	Nam	Văn Tảo, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa				
26	Lê Minh	Tiến	23/11/1993	Nam	Hải Triều, Tiên Lữ, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh B		
27	Nguyễn Ngọc	Trung	19/04/1991	Nam	Đại Đồng, Thạch Thất, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng			
28	Lê Thanh	Tùng	27/07/1992	Nam	Thúy Lĩnh, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
29	Dương Thị	Tuyết	02/05/1995	Nữ	Trung Hòa, Yên Mỹ, Hưng Yên	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh TOEIC 205		
30	Trần Thu	Hiền	07/12/1991	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản lý kinh doanh	Ứng dụng CNTT cơ bản			
31	Lê Việt	Hưng	28/03/1991	Nam	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
32	Nguyễn Phương	Thảo	11/09/1994	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		Anh TOEFL (bậc 2)		
33	Nguyễn Thu	Trang	14/08/1995	Nữ	Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
34	Nguyễn Anh	Tuấn	30/10/1994	Nam	Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
35	Lê Phương	Anh	31/10/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	Anh B		
36	Lương Thị Lan	Anh	06/12/1987	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	B	Anh A2		
37	Nguyễn Thị	Anh	26/09/1994	Nữ	Tân Minh, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
38	Vũ Ngọc	Anh	02/07/1995	Nữ	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
39	Nguyễn Mai	Anh	28/11/1996	Nữ	Kim Liên, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
40	Nguyễn Vân	Anh	05/12/1983	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng				
41	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	20/10/1993	Nữ	Trầm Lộng, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
42	Nguyễn Trịnh Hồng	Bảy	17/05/1996	Nữ	Thắng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
43	Nguyễn Ngọc	Bích	13/03/1977	Nữ	Quỳnh Lôi, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Tin học văn phòng	Anh B		
44	Nguyễn Thị	Điệp	01/09/1990	Nữ	Thanh Lương, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
45	Phạm Thị	Dung	22/01/1995	Nữ	Đông Cường, Đông Hưng, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
46	Nguyễn Thu	Hà	10/02/1995	Nữ	Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
47	Dương Thị Thanh	Hoa	07/01/1991	Nữ	Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Tin học văn phòng	Anh B		
48	Nguyễn Thị Thu	Hương	09/11/1976	Nữ	Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A		
49	Đinh Thu	Hường	07/06/1985	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
50	Trần Thị Hoa	Huyền	15/04/1996	Nữ	Nhật Tân, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
51	Đào Thị Thu	Huyền	15/01/1997	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
52	Ngô Thị Hà	Linh	29/06/1995	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
53	Nguyễn Thị	Loan	05/03/1993	Nữ	Thanh Thùy, Thanh Oai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
54	Nguyễn Thảo	Ly	21/04/1995	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
55	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	12/01/1985	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
56	Đinh Thị Hồng	Nhung	17/02/1981	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	Anh A2		
57	Nguyễn Thị Lan	Phương	25/05/1987	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh A2		
58	Trần Thị	Thơm	04/04/1985	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Tin học văn phòng			
59	Đào Hoài	Thu	26/04/1997	Nữ	Vũ Quý, Kiến Xương, Thái Bình	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	Anh B		
60	Trần Thị Mai	Trang	04/02/1993	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
61	Lê Khắc	Tú	01/12/1987	Nam	Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
62	Nguyễn Thị	Tuyết	17/10/1995	Nữ	Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng B	Anh bậc 2		
63	Nguyễn Cao	Việt	07/12/1982	Nam	Tiền Phong, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Tin học văn phòng	Anh B		
64	Nguyễn Thị	Yến	25/03/1994	Nữ	Phú Lương, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		Anh B		
65	Nguyễn Hồng	Hà	08/03/1970	Nữ	Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	B	Anh B		
66	Nguyễn Thị	Hồng	22/08/1979	Nữ	Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		Anh B		
67	Nguyễn Ngọc	Oanh	27/07/1970	Nữ	Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Văn phòng B	Anh B		
68	Nguyễn Thị Ninh	Anh	11/05/1996	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh		Anh A2		

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
69	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	27/12/1995	Nữ	Liên Ninh, Thanh Trì, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh		Anh A2		
70	Nguyễn Thị	Hải	12/07/1985	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Tin học văn phòng		CTB	
71	Nguyễn Thị Minh	Hiền	18/12/1973	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
72	Lê Thị	Huê	06/08/1990	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFL 385	CTB	
73	Kiều Phương	Thu	12/09/1994	Nữ	Phú La, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh				
74	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	13/07/1971	Nữ	Hà Cầu, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán				
75	Đỗ Thị	Huệ	20/06/1979	Nữ	Hà Trì, Hà Đông, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản			
76	Hoàng Thị	Nhung	07/12/1990	Nữ	Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Tin học văn phòng	Anh TOEIC 435		
77	Nguyễn Thị Hải	Yến	23/09/1980	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
78	Trần Thị	Nga	10/11/1996	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Tin học văn phòng	Anh A2		
79	Nguyễn Văn	Nghiệp	07/04/1992	Nam	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Văn phòng B	Anh B		
80	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/05/1990	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm	CĐ	Xét nghiệm	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
81	Nguyễn Anh	Nguyên	18/05/1994	Nam	Viên Nội, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Văn phòng B	Anh B		
82	Thẩm Văn	Sơn	16/05/1994	Nam	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng B1	Anh B		
83	Phạm Văn	Thịnh	10/06/1995	Nam	Kim Đường, Ứng Hòa, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
84	Vũ Thị Xuân	Thu	21/05/1991	Nữ	Thăng Lợi, Thường Tín, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật hình ảnh y học	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Tin học văn phòng	Anh B		

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
85	Nguyễn Ngọc	Toàn	28/09/1994	Nam	Tiến Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học				
86	Trần Thị Diệu	Huyền	17/10/1992	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
87	Nguyễn Văn	Thắng	17/08/1993	Nam	Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2	CĐCĐ	
88	Ngô Thị	Thảo	28/03/1994	Nữ	Tân Trung, Tân Yên, Bắc Giang	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh bậc 2		
89	Nguyễn Thanh	Huyền	30/07/1995	Nữ	Thanh Nhàn, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
90	Nguyễn Quỳnh	Như	06/09/1994	Nữ	Khương Đình, Thanh Xuân, Hà Nội	BV YHCT Hà Đông	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
91	Dương Thị Huyền	My	16/08/1995	Nữ	TT Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản			
92	Tạ Thị	Vân	16/06/1990	Nữ	Trường Yên, Chương Mỹ, Hà Nội	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Tin học văn phòng			
93	Triệu Bích	Hải	26/06/1994	Nữ	Thọ An, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
94	Đào Thị	Huyền	30/07/1997	Nữ	Thọ Xuân, Đan Phượng, Hà Nội	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng				
95	Lê Thị	Ngân	12/03/1986	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	Tin học văn phòng	Anh B2		
96	Trần Đức	Anh	01/11/1986	Nam	Ngô Thì Nhậm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Da liễu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
97	Nguyễn Thị	Liệu	08/04/1995	Nữ	Yên Cường, Ý Yên, Nam Định	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFL 360		
98	Nguyễn Đắc Tuấn	Cường	24/04/1994	Nam	Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật				

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
99	Nguyễn Chí	Công	08/01/1989	Nam	Nguyên Lý, Lý Nhân, Hà Nam	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa	B	Anh B		
100	Ngô Văn	Duy	20/09/1990	Nam	Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Văn phòng B	Anh B1		
101	Nguyễn Thị Cẩm	Hà	20/02/1989	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Thần kinh	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Thần kinh)	B	Anh B1		
102	Trịnh Thị Phương	Hạnh	12/04/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Nhi	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	B	Anh B		
103	Trần Thị	Hiền	20/12/1995	Nữ	Chấn Đông, Hoàn Long, Yên Mỹ, Hưng Yên	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản			
104	Doãn Vũ	Linh	12/10/1988	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Hồi sức cấp cứu	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
105	Đặng Thùy	Linh	23/10/1992	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Huyết học truyền máu	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Huyết học truyền máu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
106	Phan Hà	Oanh	31/10/1992	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Thần kinh	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Thần kinh)	B	Anh B1		
107	Phạm Thu	Phương	07/05/1987	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh IELTS 6.0		
108	Mai Hương	Thảo	14/04/1993	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
109	Lê Anh	Đức	25/01/1992	Nam	Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	Tài chính kế toán	ĐH	Tài chính và kế toán	Tin học văn phòng	Có bằng tốt nghiệp ĐH tại cơ sở		
110	Lưu Thị Lệ	Hằng	16/10/1987	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng III	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
111	Nguyễn Tuấn	Anh	19/12/1994	Nam	Đông Hội, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
112	Âu Lan	Anh	26/10/1994	Nữ	Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
113	Nguyễn Ngọc	Anh	30/05/1993	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	B	Anh B		
114	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/11/1991	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
115	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/04/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh C		
116	Lê Quang	Đại	10/11/1994	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
117	Nguyễn Huy	Đạt	21/07/1993	Nam	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh B		
118	Nguyễn Thị Phương	Dung	17/04/1991	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
119	Tô Xuân	Dũng	23/03/1993	Nam	Cửu Cao, Văn Giang, Hưng Yên	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
120	Nguyễn Thùy	Dương	13/12/1995	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
121	Cao Thị	Giang	03/07/1991	Nữ	Sơn Hà, Hữu Lũng, Lạng Sơn	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
122	Dương Tuấn	Hanh	14/11/1996	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
123	Vũ Thị Thu	Hiền	21/09/1996	Nữ	Giang Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
124	Lưu Ngọc	Hoan	06/08/1993	Nam	Dương Quang, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
125	Nguyễn Nhật	Hồng	24/05/1996	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh Toefl 363 (A2)		
126	Đoàn Thị	Hương	11/06/1990	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
127	Bùi Thị	Huyền	24/05/1995	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
128	Nguyễn Thị	Ngọc	09/04/1993	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
129	Nguyễn Thị Thu	Phương	12/03/1991	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Văn phòng B	Anh bậc 2		
130	Trần Thị	Phượng	02/02/1995	Nữ	Châu Khê, Từ Sơn, Bắc Ninh	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
131	Đào Thị Hồng	Thái	10/09/1994	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
132	Hoàng Thị Hồng	Thắm	17/07/1994	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
133	Phạm Thị	Thoa	10/02/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
134	Bùi Phương	Thúy	16/11/1993	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		Anh A2		
135	Bùi Thị Thu	Thủy	04/06/1994	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
136	Kiều Thị Thu	Trang	11/09/1988	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
137	Ngô Thùy	Duyên	13/11/1995	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2	CTB	
138	Đào Thị	Hằng	24/02/1994	Nữ	Cự Khối, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
139	Hoàng Thị Phương	Hoa	04/11/1994	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
140	Kiều Thị Thanh	Hương	13/03/1992	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
141	Nguyễn Thị Kim	Liên	11/02/1993	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
142	Lê Thị Thủy	Tiên	15/08/1994	Nữ	Nghi Mỹ, Nghi Lộc, Nghệ An	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Văn phòng B	Anh B1	CTB	
143	Dương Thị Thủy	Trang	24/12/1994	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
144	Đỗ Thị	Trang	28/10/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	Hộ sinh	CĐ	Hộ sinh	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
145	Lê Thị	Hiền	18/12/1979	Nữ	Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	Anh C		
146	Phạm Mến	Thương	12/09/1984	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	Anh B		
147	Hà Quốc	Hưng	26/12/1992	Nam	Quang Hưng, Phù Cừ, Hưng Yên	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	B	Anh B		
148	Nguyễn Thị	Phương	24/12/1993	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	Văn phòng B	Anh B		
149	Nguyễn Thị Minh	Trâm	22/10/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán		Anh B		
150	Lê Hà Kiều	Anh	21/12/1993	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
151	Cao Văn	Hải	10/07/1992	Nam	Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
152	Doãn Huy	Hoàng	03/03/1992	Nam	Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
153	Nguyễn Thị Thảo	Linh	15/11/1996	Nữ	Bát Tràng, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Xét nghiệm y học	CĐ	Xét nghiệm y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B1		
154	Nguyễn Đức	Phương	10/04/1980	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
155	Trần Văn	Nam	17/11/1992	Nam	Hải Thanh, Tĩnh Gia, Thanh Hóa	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Hồi sức cấp cứu	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
156	Lại Xuân	Giang	25/01/1995	Nam	Đông Dư, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	TOEFL 357		
157	Nguyễn Thị Thu	Hòa	29/10/1988	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	B	Anh C		
158	Tăng Đức	Cương	03/12/1981	Nam	Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ chuyên khoa Sản	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
159	Lý Việt	Hải	06/10/1981	Nam	Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Hồi sức cấp cứu	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Hồi sức cấp cứu)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
160	Phạm Ngọc	Thanh	14/10/1994	Nam	Ninh Hòa, Hoa Lư, Ninh Bình	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
161	Đỗ Tiến	Thuận	12/10/1981	Nam	Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
162	Vũ Anh	Tuấn	28/11/1981	Nam	Định Công, Hoàng Mai, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Chẩn đoán hình ảnh)	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
163	Dương Hồng	Quân	18/11/1991	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
164	Nguyễn Thị	Lan	15/02/1977	Nữ	Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
165	Trần Thị	Hằng	09/09/1987	Nữ	Liên Mạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	BVĐK Hòe Nhai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm Ký sinh trùng, Côn trùng**	TC	Xét nghiệm Ký sinh trùng, Côn trùng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
166	Phạm Thị	Duyên	15/08/1993	Nữ	Cẩm Liên, Cẩm Thủy, Thanh Hóa	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		Anh TOEFL 343	DTTS	
167	Lê Hà	Trang	08/03/1994	Nữ	Ngọc Trung, Ngọc Lặc, Thanh Hóa	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFL 403		
168	Đào Bá	Cường	16/10/1992	Nam	Văn Khê, Mê Linh, Hà Nội	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	ĐH	Kỹ thuật hình ảnh y học		Anh A2		
169	Nguyễn Vân	Anh	02/09/1989	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Văn phòng A			
170	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/07/1994	Nữ	Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	Tin học văn phòng			
171	Phạm Thị	Phương	08/12/1996	Nữ	Minh Đức, Ứng Hòa, Hà Nội	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Dược	Ứng dụng B			
172	Bùi Thị	Dung	28/12/1990	Nữ	Hạ Bằng, Thạch Thất, Hà Nội	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	Tin học văn phòng		CBB	
173	Trịnh Đình	An	15/02/1989	Nam	Cự Khê, Thanh Oai, Hà Nội	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh A2		
174	Đào Nguyên	Chính	22/08/1993	Nam	Vĩnh Quỳnh, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)	Tin học văn phòng			
175	Nguyễn Thị	Nhung	06/11/1992	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	BSNT	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Nhi khoa)		Anh B1		
176	Nguyễn Thúy	Ngân	02/03/1992	Nữ	Kiêu Kỵ, Gia Lâm, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
177	Nguyễn Thanh	Phương	30/06/1981	Nữ	Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	Văn phòng B			
178	Nguyễn Thị	Liễu	09/04/1994	Nữ	Phố Ràng, Bảo Yên, Lào Cai	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		Anh A2		
179	Trần Khôi	Nguyên	30/06/1989	Nam	Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội	BVĐK YHCT Hà Nội	Chuyên viên	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ Thông tin	Ứng dụng B	Anh TOEIC 340		

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
180	Nguyễn Anh	Tuấn	24/04/1977	Nam	Khu 10, Tân Bình, Hải Dương	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh TOEFL (A2)		
181	Đồng Thị Thùy	Hương	29/07/1994	Nữ	Trung Sơn, Việt Yên, Bắc Giang	TTYT Ba Vì	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	Bác sỹ y học dự phòng	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	Ứng dụng CNTT cơ bản			
182	Phan Thị Hà	Giang	27/07/1995	Nữ	Phú Châu, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Tin học ứng dụng	Anh A2		
183	Phùng Thùy	Trang	29/08/1995	Nữ	Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFL 427		
184	Nguyễn Thị	Hiền	09/09/1992	Nữ	Thái Hòa, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
185	Lương Xuân	Mạnh	14/01/1991	Nam	Tòng Bạt, Ba Vì, Hà Nội	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		
186	Công Hồng	Ánh	14/07/1992	Nữ	Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Tin học văn phòng	Anh B		
187	Bùi Huy	Hoàng	01/02/1991	Nam	Phù Đổng, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ	Tin học văn phòng	Anh B		
188	Lê Thị	Lan	03/03/1994	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ		Anh B		
189	Nguyễn Thị	Ngà	23/12/1992	Nữ	Vân Đình, Ứng Hòa, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Văn phòng C	Anh B		
190	Vũ Thị Bích	Trâm	15/12/1992	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	TTYT Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEIC 455		
191	Trịnh Thị Thúy	Lan	09/09/1985	Nữ	Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội	TTYT Hoàn Kiếm	Chuyên viên	Kế toán	ĐH	Kế toán	Tin học văn phòng	Anh B		
192	Đào Văn	Khẩn	25/12/1995	Nam	Giang Biên, Long Biên	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
193	Nguyễn Thị	Khoa	16/09/1985	Nữ	Long Biên, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
194	Đỗ Thị Lan	Ly	05/12/1989	Nữ	Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
195	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	11/12/1990	Nữ	Kim Lan, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Thông tin về trình độ đào tạo của thí sinh khai trong phiếu đăng ký dự tuyển				Diện ưu tiên	Ghi chú
							Vị trí việc làm	Ngành, chuyên ngành cần tuyển	Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ Tin học	Trình độ Ngoại ngữ		
196	Âu Thị Thúy	Vinh	14/11/1978	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
197	Nguyễn Hương	Giang	11/06/1993	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
198	Nguyễn Xuân	Thắng	30/10/1978	Nam	Trung Mầu, Gia Lâm, Hà Nội	TTYT Long Biên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
199	Nguyễn Vũ	Duy	02/10/1986	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
200	Triệu Thị	Chi	21/06/1990	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
201	Nguyễn Quân	Hoàng	11/03/1995	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
202	Đoàn Thị Nhật	Nga	02/07/1990	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh A2		
203	Nguyễn Văn	Tập	04/10/1986	Nam	Đại Thịnh, Mê Linh, Hà Nội	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Chứng chỉ tin học hệ thống thông tin VP	Anh bậc 2		
204	Vũ Thị Lan	Anh	17/03/1998	Nữ	An Tiến, Mỹ Đức, Hà Nội	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh B		
205	Nguyễn Thị	Hằng	16/07/1992	Nữ	Sen Chiểu, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Tin học văn phòng	Anh B		
206	Đinh Thị Ngọc	Lan	14/05/1993	Nữ	Thượng Cốc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa				
207	Nguyễn Thị	Linh	29/06/1994	Nữ	Thọ Lộc, Phúc Thọ, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh TOEFL 185		
208	Hà Thị	Ngân	08/01/1993	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây, Hà Nội	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa				
209	Trần Thu	Huyền	22/08/1993	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	TTYT Tây Hồ	Chuyên viên	Tài chính ngân hàng	ĐH	Tài chính ngân hàng	Ứng dụng CNTT cơ bản	Anh bậc 2		

SỞ Y TẾ HÀ NỘI

HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2019

DANH SÁCH TRIỆU TẬP THÍ SINH THAM DỰ XÉT TUYỂN (VÒNG 2)

(Kèm theo Thông báo số 4051 /TB-HĐXT ngày 23 /11/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2019)

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP BÁC SĨ (HẠNG III) - V.08.01.03													
1	BS-0001	05/12/2020	1	1	Nguyễn Thị Phúc	An	10/10/1983	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)		
2	BS-0002	05/12/2020	1	1	Tạ Văn	An	04/11/1989	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CTB	
3	BS-0003	05/12/2020	1	1	Lê Thị	An	22/12/1993	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
4	BS-0004	05/12/2020	1	1	Phi Thúy	An	10/09/1990	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
5	BS-0005	05/12/2020	1	1	Nguyễn Văn	Ân	12/01/1989	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CBB	
6	BS-0006	05/12/2020	1	1	Thành Xuân	Anh	05/12/1987	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
7	BS-0007	05/12/2020	1	1	Phạm Đức	Anh	19/11/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
8	BS-0008	05/12/2020	1	1	Nguyễn Ngọc	Anh	14/11/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
9	BS-0009	05/12/2020	2	1	Lê Ngọc	Anh	01/01/1990	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
10	BS-0010	05/12/2020	2	1	Nguyễn Hoàng	Anh	19/03/1990	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
11	BS-0011	05/12/2020	2	1	Trần Thị Giang	Anh	14/02/1992	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
12	BS-0012	05/12/2020	2	1	Trương Thị Lan	Anh	10/07/1991	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
13	BS-0013	05/12/2020	2	1	Đỗ Thị Lan	Anh	20/05/1995	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
14	BS-0014	05/12/2020	2	1	Đỗ Thị Trâm	Anh	27/06/1988	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
15	BS-0015	05/12/2020	2	1	Vũ Thị Quỳnh	Anh	06/10/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
16	BS-0016	05/12/2020	3	1	Trịnh Thị Hoàng	Anh	25/08/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)		
17	BS-0017	05/12/2020	3	1	Nguyễn Thị Hải	Anh	14/07/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
18	BS-0018	05/12/2020	3	1	Nguyễn Trung	Anh	30/01/1995	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
19	BS-0019	05/12/2020	3	1	Hoàng Thị	Anh	04/03/1993	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)		
20	BS-0020	05/12/2020	3	1	Kiều Vân	Anh	20/12/1991	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
21	BS-0021	05/12/2020	3	1	Đào Hải	Anh	11/12/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
22	BS-0022	05/12/2020	3	1	Trần Thị Vân	Anh	02/02/1994	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
23	BS-0023	05/12/2020	3	1	Nguyễn Tiến	Anh	11/05/1992	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
24	BS-0024	05/12/2020	4	1	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	11/03/1992	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
25	BS-0025	05/12/2020	4	1	Lê Tuấn	Anh	27/07/1986	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Giải phẫu bệnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Giải phẫu bệnh)		
26	BS-0026	05/12/2020	4	1	Đặng Tiến	Anh	03/07/1991	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
27	BS-0027	05/12/2020	4	1	Nguyễn Thị Hồng	Anh	09/06/1991	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
28	BS-0028	05/12/2020	4	1	Nguyễn Thị Lan	Anh	28/05/1994	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
29	BS-0029	05/12/2020	4	1	Nguyễn Bá	Anh	26/09/1990	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
30	BS-0030	05/12/2020	4	1	Nguyễn Thị	Anh	05/11/1988	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
31	BS-0031	05/12/2020	1	2	Nguyễn Thị Mai	Anh	20/09/1991	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ		
32	BS-0032	05/12/2020	1	2	Dương Việt	Anh	28/09/1984	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
33	BS-0033	05/12/2020	1	2	Võ Thị Lan	Anh	30/01/1973	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CTB	
34	BS-0034	05/12/2020	1	2	Trần Ngọc	Anh	20/05/1990	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
35	BS-0035	05/12/2020	1	2	Ngô Doãn Trung	Anh	27/10/1995	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
36	BS-0036	05/12/2020	1	2	Đoàn	Anh	07/11/1994	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
37	BS-0037	05/12/2020	1	2	Lưu Thế	Anh	17/04/1994	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
38	BS-0038	05/12/2020	1	2	Khuất Duy Đức	Anh	02/06/1993	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
39	BS-0039	05/12/2020	2	2	Vũ Thị Vân	Anh	19/09/1995	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
40	BS-0040	05/12/2020	2	2	Đào Thị Vân	Anh	03/12/1993	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
41	BS-0041	05/12/2020	2	2	Nguyễn Lan	Anh	14/01/1995	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
42	BS-0042	05/12/2020	2	2	Phạm Công	Anh	14/10/1993	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
43	BS-0043	05/12/2020	2	2	Lưu Thị Hải	Anh	10/08/1993	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
44	BS-0044	05/12/2020	2	2	Nguyễn Quỳnh	Anh	10/11/1992	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
45	BS-0045	05/12/2020	2	2	Phạm Thị Hồng	Anh	28/08/1990	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
46	BS-0046	05/12/2020	3	2	Bùi Thị Thúy	Anh	01/05/1995	TTYT Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
47	BS-0047	05/12/2020	3	2	Nguyễn Vân	Anh	30/01/1994	TTYT Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
48	BS-0048	05/12/2020	3	2	Lê Thị Vân	Anh	25/06/1988	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
49	BS-0049	05/12/2020	3	2	Phùng Tuấn	Anh	14/07/1990	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
50	BS-0050	05/12/2020	3	2	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/05/1993	TTYT Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
51	BS-0051	05/12/2020	3	2	Vũ Xuân	Ánh	28/11/1989	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)		
52	BS-0052	05/12/2020	3	2	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/1995	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
53	BS-0053	05/12/2020	3	2	Vũ Thị Ngọc	Ánh	10/12/1994	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
54	BS-0054	05/12/2020	4	2	Lê Ngọc	Ánh	02/03/1993	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
55	BS-0055	05/12/2020	4	2	Nguyễn Văn	Ánh	26/10/1994	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
56	BS-0056	05/12/2020	4	2	Nguyễn Khắc	Ba	04/04/1987	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
57	BS-0057	05/12/2020	4	2	Lê	Bách	22/01/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
58	BS-0058	05/12/2020	4	2	Lê Xuân	Bách	08/10/1995	TTYT Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
59	BS-0059	05/12/2020	4	2	Hoàng Văn	Ban	08/06/1991	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
60	BS-0060	05/12/2020	4	2	Dương Ngọc	Bích	27/07/1991	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
61	BS-0061	05/12/2020	1	3	Nguyễn Thị	Bích	29/06/1993	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
62	BS-0062	05/12/2020	1	3	Phạm Văn	Biên	06/09/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
63	BS-0063	05/12/2020	1	3	Phạm Thị	Biển	10/08/1989	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)		
64	BS-0064	05/12/2020	1	3	Nguyễn Quang	Bình	13/09/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
65	BS-0065	05/12/2020	1	3	Phạm Thị Thanh	Bình	12/12/1991	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
66	BS-0066	05/12/2020	1	3	Nguyễn Trọng	Bình	25/10/1972	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
67	BS-0067	05/12/2020	1	3	Phạm Công	Bình	24/10/1972	TTYT Tây Hồ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
68	BS-0068	05/12/2020	1	3	Hoàng Thanh	Bình	04/08/1991	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
69	BS-0069	05/12/2020	2	3	Phạm Khắc	Cẩn	20/10/1982	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
70	BS-0070	05/12/2020	2	3	Nguyễn Quang	Cận	04/06/1988	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
71	BS-0071	05/12/2020	2	3	Nguyễn Thị	Cảnh	13/09/1989	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
72	BS-0072	05/12/2020	2	3	Nguyễn Văn	Cao	21/03/1988	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
73	BS-0073	05/12/2020	2	3	Đỗ Xuân	Cát	23/09/1995	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
74	BS-0074	05/12/2020	2	3	Lê Thị Hương	Chà	26/02/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)		
75	BS-0075	05/12/2020	2	3	Nguyễn Thị Mai	Châm	12/03/1993	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
76	BS-0076	05/12/2020	3	3	Phạm Huyền	Chang	04/05/1986	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
77	BS-0077	05/12/2020	3	3	Trần Bảo	Châu	02/10/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)		
78	BS-0078	05/12/2020	3	3	Đỗ Hà	Châu	28/09/1993	TTYT Bắc Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
79	BS-0079	05/12/2020	3	3	Đinh Kim	Chi	27/10/1991	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
80	BS-0080	05/12/2020	3	3	Phạm Thị Kim	Chi	08/07/1991	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Ths	Bác sỹ Y học cổ truyền (thạc sỹ Y học cổ truyền)		
81	BS-0081	05/12/2020	3	3	Chu Thị Khánh	Chi	18/02/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
82	BS-0082	05/12/2020	3	3	Tô Yến	Chi	25/02/1990	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
83	BS-0083	05/12/2020	3	3	Nguyễn Thị Thùy	Chi	07/05/1993	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
84	BS-0084	05/12/2020	4	3	Nguyễn Thành	Chí	02/11/1993	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
85	BS-0085	05/12/2020	4	3	Hà Văn	Chiến	26/01/1994	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
86	BS-0086	05/12/2020	4	3	Lưu Thị	Chinh	26/09/1991	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
87	BS-0087	05/12/2020	4	3	Hoàng Đức	Chinh	13/07/1991	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
88	BS-0088	05/12/2020	4	3	Lê Thị Kim	Chính	11/09/1990	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
89	BS-0089	05/12/2020	4	3	Nguyễn Văn	Chính	20/11/1992	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
90	BS-0090	05/12/2020	4	3	Lê Thành	Chung	23/09/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
91	BS-0091	05/12/2020	1	4	Trịnh Đắc	Chung	27/04/1989	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)		
92	BS-0092	05/12/2020	1	4	Vương Thị Thủy	Chung	06/03/1995	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
93	BS-0093	05/12/2020	1	4	Nguyễn Tiến	Chung	21/09/1991	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
94	BS-0094	05/12/2020	1	4	Lê Hồng	Chung	12/09/1990	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
95	BS-0095	05/12/2020	1	4	Chử Quốc	Công	22/11/1982	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Chẩn đoán hình ảnh)		
96	BS-0096	05/12/2020	1	4	Nguyễn Đình	Công	10/03/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
97	BS-0097	05/12/2020	1	4	Nguyễn Văn	Công	29/08/1990	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
98	BS-0098	05/12/2020	1	4	Nguyễn Trí	Cương	19/04/1991	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
99	BS-0099	05/12/2020	2	4	Trương Văn	Cường	21/10/1980	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
100	BS-0100	05/12/2020	2	4	Nguyễn Đức	Cường	26/03/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
101	BS-0101	05/12/2020	2	4	Lưu Việt	Cường	18/10/1982	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa trung Y**	TS	Trung y (tiến sỹ Ngoại khoa trung y)		
102	BS-0102	05/12/2020	2	4	Nguyễn Việt	Cường	23/05/1994	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
103	BS-0103	05/12/2020	2	4	Ngô Thế	Cường	11/11/1994	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
104	BS-0104	05/12/2020	2	4	Nguyễn Đức	Cường	25/06/1983	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	SQQN	
105	BS-0105	05/12/2020	2	4	Nguyễn Mạnh	Cường	15/08/1992	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
106	BS-0106	05/12/2020	3	4	Trần Đức	Cường	29/09/1969	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
107	BS-0107	05/12/2020	3	4	Tạ Văn	Cường	07/10/1992	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
108	BS-0108	05/12/2020	3	4	Nguyễn Phú	Cường	17/05/1989	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
109	BS-0109	05/12/2020	3	4	Hà Mạnh	Cường	07/05/1995	TT Giám định y khoa Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
110	BS-0110	05/12/2020	3	4	Trần Văn	Cường	14/08/1982	TTYT Hoàng Mai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
111	BS-0111	05/12/2020	3	4	Nguyễn Mạnh	Cường	31/01/1995	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
112	BS-0112	05/12/2020	3	4	Nguyễn Đức	Đa	12/07/1992	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
113	BS-0113	05/12/2020	3	4	Vũ Văn	Đại	23/08/1991	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
114	BS-0114	05/12/2020	4	4	Lê Quang	Đại	05/12/1982	BVTT Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
115	BS-0115	05/12/2020	4	4	Bàn Thị	Dần	25/09/1987	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Vi sinh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Vi sinh)	**DTTS**	
116	BS-0116	05/12/2020	4	4	Nguyễn Viết	Đăng	06/02/1987	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)		
117	BS-0117	05/12/2020	4	4	Nguyễn Hải	Đăng	11/08/1993	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
118	BS-0118	05/12/2020	4	4	Đỗ Đình	Đăng	20/01/1993	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
119	BS-0119	05/12/2020	4	4	Nguyễn Thị	Đào	19/02/1972	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
120	BS-0120	05/12/2020	4	4	Hà Danh	Đạo	01/06/1980	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Tai mũi họng)		
121	BS-0121	05/12/2020	1	5	Lê Đỗ	Đạt	01/12/1992	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
122	BS-0122	05/12/2020	1	5	Lê Bá	Đạt	07/11/1988	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)		
123	BS-0123	05/12/2020	1	5	Nguyễn Tài	Đạt	07/11/1994	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
124	BS-0124	05/12/2020	1	5	Bùi Minh	Đạt	05/05/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
125	BS-0125	05/12/2020	1	5	Ngô Minh	Đạt	23/04/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
126	BS-0126	05/12/2020	1	5	Nguyễn Mạnh	Đạt	11/12/1992	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
127	BS-0127	05/12/2020	1	5	Nguyễn Tiến	Đạt	09/11/1994	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
128	BS-0128	05/12/2020	1	5	Nguyễn Trọng	Đạt	14/10/1990	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
129	BS-0129	05/12/2020	2	5	Phí Mạnh	Đạt	19/05/1991	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
130	BS-0130	05/12/2020	2	5	Nguyễn Công	Đạt	29/11/1986	TTYT Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
131	BS-0131	05/12/2020	2	5	Lê Trần	Diễm	07/01/1984	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CBB	
132	BS-0132	05/12/2020	2	5	Lê Thị Ngọc	Diệp	16/01/1992	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
133	BS-0133	05/12/2020	2	5	Dương Thị	Diệp	26/08/1992	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
134	BS-0134	05/12/2020	2	5	Trịnh Ngọc	Diệp	05/7/1982	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
135	BS-0135	05/12/2020	2	5	Trần Xuân	Điệp	05/09/1989	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
136	BS-0136	05/12/2020	3	5	Lê Công	Định	30/11/1984	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
137	BS-0137	05/12/2020	3	5	Lê Thị	Dịu	31/05/1990	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
138	BS-0138	05/12/2020	3	5	Phạm Đắc	Đông	21/12/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
139	BS-0139	05/12/2020	3	5	Nguyễn Văn	Đông	08/03/1990	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
140	BS-0140	05/12/2020	3	5	Hà Minh	Đức	22/11/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
141	BS-0141	05/12/2020	3	5	Nguyễn Như	Đức	13/06/1995	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
142	BS-0142	05/12/2020	3	5	Nguyễn Trung	Đức	12/07/1992	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
143	BS-0143	05/12/2020	3	5	Lê Thị Mỹ	Dung	11/01/1995	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
144	BS-0144	05/12/2020	4	5	Nguyễn Thị	Dung	25/05/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
145	BS-0145	05/12/2020	4	5	Mai Thùy	Dung	16/04/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)		
146	BS-0146	05/12/2020	4	5	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	04/11/1994	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
147	BS-0147	05/12/2020	4	5	Phạm Kim	Dung	28/07/1981	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CTB	
148	BS-0148	05/12/2020	4	5	Trần Tuyết	Dung	03/10/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
149	BS-0149	05/12/2020	4	5	Nguyễn Thị	Dung	26/05/1992	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
150	BS-0150	05/12/2020	4	5	Lê Thị Kim	Dung	16/11/1988	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
151	BS-0151	05/12/2020	1	6	Trần Văn	Dũng	02/04/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
152	BS-0152	05/12/2020	1	6	Tôn Việt	Dũng	30/03/1991	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
153	BS-0153	05/12/2020	1	6	Đặng Anh	Dũng	01/01/1988	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Tai mũi họng)		
154	BS-0154	05/12/2020	1	6	Lê Anh	Dũng	12/10/1989	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
155	BS-0155	05/12/2020	1	6	Nguyễn Tiến	Dũng	09/03/1994	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức tích cực**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)		
156	BS-0156	05/12/2020	1	6	Nguyễn Văn	Dũng	02/12/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
157	BS-0157	05/12/2020	1	6	Nguyễn Đôn	Dũng	10/10/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
158	BS-0158	05/12/2020	1	6	Phan Tiến	Dũng	09/06/1994	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
159	BS-0159	05/12/2020	2	6	Nguyễn Phương	Dũng	16/09/1994	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
160	BS-0160	05/12/2020	2	6	Nguyễn Mạnh	Dũng	18/05/1986	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
161	BS-0161	05/12/2020	2	6	Nguyễn Văn	Dũng	10/03/1991	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
162	BS-0162	05/12/2020	2	6	Đàm Thận	Dũng	20/04/1983	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Ngoại khoa)		
163	BS-0163	05/12/2020	2	6	Lê Đoàn	Dũng	06/10/1990	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
164	BS-0164	05/12/2020	2	6	Nguyễn Thái	Dũng	05/04/1991	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
165	BS-0165	05/12/2020	2	6	Nguyễn Hữu	Dũng	23/07/1988	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
166	BS-0166	05/12/2020	3	6	Lê Tuấn	Dũng	08/10/1993	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
167	BS-0167	05/12/2020	3	6	Đồng Thế	Dũng	14/07/1991	TTYT Bắc Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
168	BS-0168	05/12/2020	3	6	Nguyễn Hoàng	Dương	20/08/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
169	BS-0169	05/12/2020	3	6	Lê Thị Thùy	Dương	14/10/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
170	BS-0170	05/12/2020	3	6	Nguyễn Thùy	Dương	29/10/1991	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
171	BS-0171	05/12/2020	3	6	Trịnh Tuấn	Dương	13/06/1990	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
172	BS-0172	05/12/2020	3	6	Nguyễn Thị Thùy	Dương	25/06/1995	TTYT Nam Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
173	BS-0173	05/12/2020	3	6	Nguyễn Chính	Đường	02/03/1992	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
174	BS-0174	05/12/2020	4	6	Nguyễn Đình	Duy	15/06/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)		
175	BS-0175	05/12/2020	4	6	Lê Bá	Duy	01/11/1992	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
176	BS-0176	05/12/2020	4	6	Nguyễn Thị Phương	Duy	11/09/1993	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
177	BS-0177	05/12/2020	4	6	Trần Thanh	Duy	28/08/1992	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
178	BS-0178	05/12/2020	4	6	Vũ Thị Hồng	Duyên	08/12/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
179	BS-0179	05/12/2020	4	6	Mai Thị	Duyên	21/07/1994	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
180	BS-0180	05/12/2020	4	6	Nguyễn Thị	Duyên	29/11/1994	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
181	BS-0181	05/12/2020	1	7	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	22/11/1991	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
182	BS-0182	05/12/2020	1	7	Nguyễn Hoàng	Duyệt	26/01/1990	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
183	BS-0183	05/12/2020	1	7	Nguyễn Thị	Gấm	06/03/1991	BVTT Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
184	BS-0184	05/12/2020	1	7	Lê Thị Hồng	Gấm	15/02/1985	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CĐCĐ	
185	BS-0185	05/12/2020	1	7	Phạm Chu Long	Gia	02/09/1993	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
186	BS-0186	05/12/2020	1	7	Lương Thị Trà	Giang	17/12/1987	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Xét nghiệm)	DTTS	
187	BS-0187	05/12/2020	1	7	Đào Trường	Giang	16/10/1989	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	CTB	
188	BS-0188	05/12/2020	1	7	Vũ Thị	Giang	30/08/1995	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
189	BS-0189	05/12/2020	2	7	Nguyễn Văn	Giang	27/05/1989	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
190	BS-0190	05/12/2020	2	7	Dương Thị Hương	Giang	24/06/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
191	BS-0191	05/12/2020	2	7	Nguyễn Hương	Giang	29/06/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
192	BS-0192	05/12/2020	2	7	Nguyễn Thị Hương	Giang	10/11/1991	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
193	BS-0193	05/12/2020	2	7	Nguyễn Thu	Giang	28/10/1990	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
194	BS-0194	05/12/2020	2	7	Phạm Thế	Giang	12/02/1987	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
195	BS-0195	05/12/2020	2	7	Phùng Hương	Giang	19/08/1993	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
196	BS-0196	05/12/2020	3	7	Chẩu Quỳnh	Giang	01/10/1992	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	**DTTS**	
197	BS-0197	05/12/2020	3	7	Vương Đắc	Giang	05/07/1987	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	**CTB**	
198	BS-0198	05/12/2020	3	7	Đào Công	Giang	26/05/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
199	BS-0199	05/12/2020	3	7	Trần Phan	Giang	27/02/1989	TTYT Bắc Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Đông y (định hướng Y học cổ truyền)		
200	BS-0200	05/12/2020	3	7	Nguyễn Văn	Giáp	03/09/1986	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)		
201	BS-0201	05/12/2020	3	7	Trịnh Thu	Hà	25/08/1992	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
202	BS-0202	05/12/2020	3	7	Trần Thanh	Hà	18/10/1988	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ung thư)		
203	BS-0203	05/12/2020	3	7	Đỗ Khánh	Hà	25/11/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
204	BS-0204	05/12/2020	4	7	Nguyễn Đình Hoàng	Hà	30/07/1994	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
205	BS-0205	05/12/2020	4	7	Bùi Thế	Hà	22/04/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
206	BS-0206	05/12/2020	4	7	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/12/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
207	BS-0207	05/12/2020	4	7	Đặng Mạnh	Hà	21/03/1991	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
208	BS-0208	05/12/2020	4	7	Nguyễn Thị	Hà	28/10/1987	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
209	BS-0209	05/12/2020	4	7	Nguyễn Thị Việt	Hà	18/08/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CĐCĐ	
210	BS-0210	05/12/2020	4	7	Phan Thị	Hà	18/11/1994	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
211	BS-0211	05/12/2020	1	8	Nguyễn Ngân	Hà	01/10/1991	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
212	BS-0212	05/12/2020	1	8	Phương Thị	Hà	23/12/1994	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
213	BS-0213	05/12/2020	1	8	Nguyễn Thị Thu	Hà	20/05/1988	BV Phục hồi chức năng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
214	BS-0214	05/12/2020	1	8	Nguyễn Việt	Hà	29/09/1995	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
215	BS-0215	05/12/2020	1	8	Nguyễn Việt	Hà	15/03/1995	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
216	BS-0216	05/12/2020	1	8	Đỗ Thị Thu	Hà	13/08/1994	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
217	BS-0217	05/12/2020	1	8	Trần Thị Thu	Hà	27/10/1993	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
218	BS-0218	05/12/2020	1	8	Nguyễn Thị Thu	Hà	04/12/1992	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
219	BS-0219	05/12/2020	2	8	Nguyễn Thu	Hà	18/09/1990	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
220	BS-0220	05/12/2020	2	8	Nguyễn Thị	Hà	08/11/1992	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
221	BS-0221	05/12/2020	2	8	Lưu Thị Thu	Hà	27/11/1994	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
222	BS-0222	05/12/2020	2	8	Nguyễn Thị Thanh	Hà	03/09/1990	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
223	BS-0223	05/12/2020	2	8	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/12/1991	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
224	BS-0224	05/12/2020	2	8	Phạm Thị	Hà	28/03/1993	TTYT Ba Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
225	BS-0225	05/12/2020	2	8	Hoàng Thái	Hà	06/10/1992	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
226	BS-0226	05/12/2020	3	8	Cù Ngọc	Hà	22/12/1988	TTYT Tây Hồ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
227	BS-0227	05/12/2020	3	8	Nguyễn Linh	Hà	14/10/1993	TTYT Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ**	ĐH	Bác sỹ y học cổ truyền		
228	BS-0228	05/12/2020	3	8	Đỗ Xuân	Hai	12/03/1985	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)		
229	BS-0229	05/12/2020	3	8	Đào Xuân	Hải	02/09/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths, BSNT	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Sản phụ khoa)	CĐCĐ	
230	BS-0230	05/12/2020	3	8	Nguyễn Thị	Hải	01/11/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Giải phẫu bệnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Giải phẫu bệnh)		
231	BS-0231	05/12/2020	3	8	Trần Vương	Hải	11/09/1987	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)		
232	BS-0232	05/12/2020	3	8	Nguyễn Đăng	Hải	01/06/1992	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
233	BS-0233	05/12/2020	3	8	Bùi Thanh	Hải	20/03/1995	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
234	BS-0234	05/12/2020	4	8	Nguyễn Hoàng	Hải	09/06/1993	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)		
235	BS-0235	05/12/2020	4	8	Ngô Văn	Hải	11/08/1986	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại khoa)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
236	BS-0236	05/12/2020	4	8	Phạm Thị	Hải	27/12/1987	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Ths	Bác sỹ Y học cổ truyền (thạc sỹ Y học cổ truyền)		
237	BS-0237	05/12/2020	4	8	Nguyễn Đức	Hải	03/12/1983	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
238	BS-0238	05/12/2020	4	8	Phạm Ngọc	Hân	27/11/1994	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
239	BS-0239	05/12/2020	4	8	Hồ Trọng	Hân	04/06/1987	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
240	BS-0240	05/12/2020	4	8	Nguyễn Thị Thu	Hằng	19/02/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
241	BS-0241	05/12/2020	1	9	Đặng Thị	Hằng	04/02/1988	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
242	BS-0242	05/12/2020	1	9	Trần Thị	Hằng	07/11/1987	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)		
243	BS-0243	05/12/2020	1	9	Đoàn Thị Thu	Hằng	30/08/1993	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CTB	
244	BS-0244	05/12/2020	1	9	Đào Thúy	Hằng	18/06/1994	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
245	BS-0245	05/12/2020	1	9	Lê Thị Thu	Hằng	29/07/1995	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
246	BS-0246	05/12/2020	1	9	Nguyễn Thị Bích	Hằng	11/12/1990	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ		
247	BS-0247	05/12/2020	1	9	Nguyễn Thúy	Hằng	01/01/1978	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)		
248	BS-0248	05/12/2020	1	9	Nguyễn Thị	Hằng	20/04/1991	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
249	BS-0249	05/12/2020	2	9	Lưu Hồng	Hạnh	22/11/1992	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
250	BS-0250	05/12/2020	2	9	Đinh Thị Hồng	Hạnh	08/01/1994	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
251	BS-0251	05/12/2020	2	9	Nguyễn Thị Mai	Hạnh	07/05/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
252	BS-0252	05/12/2020	2	9	Nguyễn Thị	Hạnh	13/09/1991	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Xét nghiệm)		
253	BS-0253	05/12/2020	2	9	Nguyễn Hồng	Hạnh	06/12/1994	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
254	BS-0254	05/12/2020	2	9	Đặng Thị	Hạnh	24/06/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
255	BS-0255	05/12/2020	2	9	Vũ Thị	Hạnh	22/08/1994	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
256	BS-0256	05/12/2020	3	9	Phạm Thị Hồng	Hạnh	22/06/1992	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
257	BS-0257	05/12/2020	3	9	Nguyễn Trung Hồng	Hạnh	28/11/1990	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CBB	
258	BS-0258	05/12/2020	3	9	Lê Mỹ	Hạnh	26/08/1994	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
259	BS-0259	05/12/2020	3	9	Phạm Quang	Hào	02/11/1995	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
260	BS-0260	05/12/2020	3	9	Nguyễn Thị	Hào	12/05/1995	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
261	BS-0261	05/12/2020	3	9	Kiều Văn	Hào	03/02/1982	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	CTB	
262	BS-0262	05/12/2020	3	9	Lăng Thị	Hảo	15/02/1993	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
263	BS-0263	05/12/2020	3	9	Nguyễn Thị	Hậu	09/06/1990	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
264	BS-0264	05/12/2020	4	9	Nguyễn Thị	Hậu	21/02/1994	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
265	BS-0265	05/12/2020	4	9	Nguyễn Thị	Hậu	10/12/1992	TTYT Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
266	BS-0266	05/12/2020	4	9	Hoàng Thị	Hiên	03/03/1993	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
267	BS-0267	05/12/2020	4	9	Đặng Thị Thu	Hiền	06/06/1983	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)		
268	BS-0268	05/12/2020	4	9	Trần Thị	Hiền	21/09/1992	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
269	BS-0269	05/12/2020	4	9	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	27/10/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
270	BS-0270	05/12/2020	4	9	Nguyễn Thị Thu	Hiền	03/10/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
271	BS-0271	05/12/2020	1	10	Trần Thu	Hiền	01/11/1987	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Trung y (định hướng Y học cổ truyền)		
272	BS-0272	05/12/2020	1	10	Đỗ Thu	Hiền	23/11/1992	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
273	BS-0273	05/12/2020	1	10	Nguyễn Thị	Hiền	30/06/1993	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
274	BS-0274	05/12/2020	1	10	Nguyễn Duy	Hiệp	20/11/1991	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)		
275	BS-0275	05/12/2020	1	10	Nguyễn Thị	Hiệp	12/02/1994	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CBB	
276	BS-0276	05/12/2020	1	10	Nguyễn Tiến	Hiệp	01/04/1994	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
277	BS-0277	05/12/2020	1	10	Nguyễn Đức	Hiệp	29/01/1981	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CBB, CĐCĐ	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
278	BS-0278	05/12/2020	1	10	Lê Xuân	Hiếu	18/02/1990	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
279	BS-0279	05/12/2020	2	10	Phùng Văn	Hiếu	01/03/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Răng miệng, định hướng Hàm mặt)		
280	BS-0280	05/12/2020	2	10	Nguyễn Đức	Hiếu	10/09/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
281	BS-0281	05/12/2020	2	10	Nguyễn Chí	Hiếu	07/04/1990	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Phẫu thuật tạo hình**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phẫu thuật tạo hình và thẩm mỹ)		
282	BS-0282	05/12/2020	2	10	Tạ Đình	Hiếu	29/08/1985	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Truyền nhiễm**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Truyền nhiễm)		
283	BS-0283	05/12/2020	2	10	Đỗ Văn	Hiếu	01/11/1986	TTYT Long Biên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
284	BS-0284	05/12/2020	2	10	Ngô Thị	Hoa	04/10/1988	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
285	BS-0285	05/12/2020	2	10	Nguyễn Thị	Hoa	19/11/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
286	BS-0286	05/12/2020	3	10	Nguyễn Thị Phương	Hoa	06/02/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
287	BS-0287	05/12/2020	3	10	Hoàng Thị Hồng	Hoa	15/03/1993	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
288	BS-0288	05/12/2020	3	10	Trần Thị Kim	Hoa	27/10/1989	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)		
289	BS-0289	05/12/2020	3	10	Hồ Thị	Hoa	15/04/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
290	BS-0290	05/12/2020	3	10	Bùi Thị Kim	Hoa	23/11/1988	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
291	BS-0291	05/12/2020	3	10	Nguyễn Thị	Hoa	11/08/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
292	BS-0292	05/12/2020	3	10	Nguyễn Thị	Hoa	05/01/1983	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CTB	
293	BS-0293	05/12/2020	3	10	Trần Hiệp	Hòa	23/12/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
294	BS-0294	05/12/2020	4	10	Nguyễn Hoàng	Hòa	03/05/1972	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại)		
295	BS-0295	05/12/2020	4	10	Trần Thị	Hòa	09/07/1991	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
296	BS-0296	05/12/2020	4	10	Ngô Thị	Hòa	10/05/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
297	BS-0297	05/12/2020	4	10	Trương Cộng	Hòa	24/06/1993	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
298	BS-0298	05/12/2020	4	10	Nguyễn Thị	Hòa	15/02/1994	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
299	BS-0299	05/12/2020	4	10	Nguyễn Trọng	Hòa	19/12/1987	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
300	BS-0300	05/12/2020	4	10	Nguyễn Thị	Hòa	29/08/1988	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
301	BS-0301	05/12/2020	1	11	Vũ Thu	Hoài	22/05/1991	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)		
302	BS-0302	05/12/2020	1	11	Nguyễn Thị Minh	Hoài	12/02/1990	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Chẩn đoán hình ảnh)		
303	BS-0303	05/12/2020	1	11	Nguyễn Thị Thu	Hoài	27/04/1995	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
304	BS-0304	05/12/2020	1	11	Trần Thị Thu	Hoài	12/12/1993	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
305	BS-0305	05/12/2020	1	11	Nguyễn Thị Thu	Hoài	02/09/1992	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
306	BS-0306	05/12/2020	1	11	Nguyễn Đăng	Hoàn	29/05/1989	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
307	BS-0307	05/12/2020	1	11	Nguyễn Vũ	Hoàn	26/03/1983	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
308	BS-0308	05/12/2020	1	11	Lê Phi	Hoàng	04/10/1991	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	BSNT	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Nhãn khoa)		
309	BS-0309	05/12/2020	2	11	Trần Việt	Hoàng	04/06/1990	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
310	BS-0310	05/12/2020	2	11	Đinh Văn	Hoàng	25/08/1989	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
311	BS-0311	05/12/2020	2	11	Nguyễn Minh	Hoàng	04/11/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
312	BS-0312	05/12/2020	2	11	Trương Quý	Hoàng	15/11/1990	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)		
313	BS-0313	05/12/2020	2	11	Trần Duy	Hoàng	26/07/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	DTTS	
314	BS-0314	05/12/2020	2	11	Đoàn Huy	Hoàng	18/06/1993	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
315	BS-0315	05/12/2020	2	11	Đào Thị	Hoạt	17/01/1989	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
316	BS-0316	05/12/2020	3	11	Vũ Dương	Hồng	17/12/1991	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
317	BS-0317	05/12/2020	3	11	Bùi Thị Bông	Hồng	17/02/1994	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
318	BS-0318	05/12/2020	3	11	Hà Mạnh	Hồng	05/01/1991	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
319	BS-0319	05/12/2020	3	11	Đỗ Thị	Hồng	18/09/1993	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
320	BS-0320	05/12/2020	3	11	Bùi Thị	Hồng	28/03/1993	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
321	BS-0321	05/12/2020	3	11	Nguyễn Thị	Hồng	26/01/1994	TTYT Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
322	BS-0322	05/12/2020	3	11	Trần Đăng	Huân	21/03/1993	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)		
323	BS-0323	05/12/2020	3	11	Ngô Thị	Huê	02/12/1992	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	BSNT	Bác sỹ Gây mê hồi sức		
324	BS-0324	05/12/2020	4	11	Đỗ Thị	Huế	04/07/1994	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
325	BS-0325	05/12/2020	4	11	Quách Trọng	Huế	18/05/1995	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
326	BS-0326	05/12/2020	4	11	Phạm Văn	Huế	10/01/1993	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
327	BS-0327	05/12/2020	4	11	Phạm Thị Kim	Huệ	16/08/1989	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)		
328	BS-0328	05/12/2020	4	11	Trịnh Thị	Huệ	20/12/1982	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
329	BS-0329	05/12/2020	4	11	Bùi Thị	Huệ	06/03/1990	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
330	BS-0330	05/12/2020	4	11	Nguyễn Thị	Huệ	16/07/1993	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
331	BS-0331	05/12/2020	1	12	Trần Mạnh	Hùng	17/05/1993	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)		
332	BS-0332	05/12/2020	1	12	Cấn Duy	Hùng	28/07/1991	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
333	BS-0333	05/12/2020	1	12	Nguyễn Hữu	Hùng	27/06/1991	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
334	BS-0334	05/12/2020	1	12	Vũ Quốc	Hùng	04/09/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
335	BS-0335	05/12/2020	1	12	Nguyễn Việt	Hùng	17/04/1995	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
336	BS-0336	05/12/2020	1	12	Ngô Thanh	Hùng	05/01/1994	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
337	BS-0337	05/12/2020	1	12	Nguyễn Đức	Hùng	16/11/1994	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)		
338	BS-0338	05/12/2020	1	12	Nguyễn Việt	Hùng	10/10/1989	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
339	BS-0339	05/12/2020	2	12	Nguyễn Việt	Hùng	28/08/1991	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
340	BS-0340	05/12/2020	2	12	Phùng Huy	Hùng	04/11/1995	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
341	BS-0341	05/12/2020	2	12	Nguyễn Viết	Hùng	14/12/1986	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
342	BS-0342	05/12/2020	2	12	Phạm Xuân	Hưng	28/09/1991	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
343	BS-0343	05/12/2020	2	12	Nguyễn Thị	Hưng	20/06/1991	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
344	BS-0344	05/12/2020	2	12	Vũ Thị Minh	Hương	14/06/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
345	BS-0345	05/12/2020	2	12	Đinh Thị Lan	Hương	04/07/1993	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
346	BS-0346	05/12/2020	3	12	Nguyễn Thị	Hương	10/06/1990	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	Ths	Bác sỹ Y học cổ truyền (thạc sỹ Y học cổ truyền)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
347	BS-0347	05/12/2020	3	12	Đàm Thanh	Hương	07/12/1993	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sinh hóa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hóa sinh)		
348	BS-0348	05/12/2020	3	12	Nguyễn Thị	Hương	29/05/1994	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
349	BS-0349	05/12/2020	3	12	Lê Thị Thu	Hương	22/05/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
350	BS-0350	05/12/2020	3	12	Nguyễn Thu	Hương	28/10/1987	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
351	BS-0351	05/12/2020	3	12	Phạm Thị	Hương	25/11/1995	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
352	BS-0352	05/12/2020	3	12	Nguyễn Thị Mai	Hương	09/07/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
353	BS-0353	05/12/2020	3	12	Phùng Thị Mai	Hương	01/12/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
354	BS-0354	05/12/2020	4	12	Nguyễn Diệu	Hương	25/04/1992	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
355	BS-0355	05/12/2020	4	12	Hoàng Thị Thanh	Hương	22/11/1994	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
356	BS-0356	05/12/2020	4	12	Ngô Quỳnh	Hương	10/10/1992	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
357	BS-0357	05/12/2020	4	12	Đào Thị Mai	Hương	30/03/1992	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
358	BS-0358	05/12/2020	4	12	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/11/1993	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
359	BS-0359	05/12/2020	4	12	Hà Thu	Hương	04/09/1990	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
360	BS-0360	05/12/2020	4	12	Trần Thị	Hương	07/08/1988	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
361	BS-0361	05/12/2020	1	13	Đào Thị Mai	Hương	24/07/1990	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Y học cổ truyền	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
362	BS-0362	05/12/2020	1	13	Khuất Thị Thu	Hương	14/06/1991	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
363	BS-0363	05/12/2020	1	13	Hà Thị	Hương	30/10/1993	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Y học cổ truyền	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
364	BS-0364	05/12/2020	1	13	Trần Thị Mai	Hương	28/10/1989	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
365	BS-0365	05/12/2020	1	13	Nguyễn Minh	Hương	22/03/1993	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Y học cổ truyền	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
366	BS-0366	05/12/2020	1	13	Nguyễn Thị Thu	Hương	29/06/1991	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Y học cổ truyền	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
367	BS-0367	05/12/2020	1	13	Đặng Thiên	Hương	08/03/1991	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
368	BS-0368	05/12/2020	1	13	Hoàng Thị	Hương	30/08/1987	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
369	BS-0369	05/12/2020	2	13	Đào Văn	Hướng	19/11/1991	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
370	BS-0370	05/12/2020	2	13	Đào Quang	Hướng	22/10/1991	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Y học cổ truyền	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
371	BS-0371	05/12/2020	2	13	Đỗ Thị	Hường	29/04/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Y học cổ truyền	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
372	BS-0372	05/12/2020	2	13	Nguyễn Thị Vũ	Hường	25/06/1993	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Y học cổ truyền	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
373	BS-0373	05/12/2020	2	13	Nguyễn Thu	Hường	13/06/1986	TT Giám định y khoa Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
374	BS-0374	05/12/2020	2	13	Phùng Văn	Hường	22/11/1985	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
375	BS-0375	05/12/2020	2	13	Nguyễn Đức Quang	Huy	07/12/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
376	BS-0376	05/12/2020	3	13	Đinh Lê	Huy	20/11/1987	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
377	BS-0377	05/12/2020	3	13	Phạm Quang	Huy	25/05/1992	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
378	BS-0378	05/12/2020	3	13	Ngô Thọ	Huy	18/05/1987	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CTB	
379	BS-0379	05/12/2020	3	13	Nguyễn Quang	Huy	01/06/1986	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
380	BS-0380	05/12/2020	3	13	Nguyễn Văn	Huy	07/06/1977	TTYT Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
381	BS-0381	05/12/2020	3	13	Vũ Thị Mai	Huyền	19/12/1994	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)		
382	BS-0382	05/12/2020	3	13	Phạm Thanh	Huyền	20/11/1982	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
383	BS-0383	05/12/2020	3	13	Hoàng Thanh	Huyền	17/08/1992	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	Ths	Bác sỹ Hồi sức cấp cứu		
384	BS-0384	05/12/2020	4	13	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	26/12/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
385	BS-0385	05/12/2020	4	13	Chu Thị	Huyền	26/08/1992	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
386	BS-0386	05/12/2020	4	13	Trần Thị Thanh	Huyền	16/08/1985	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
387	BS-0387	05/12/2020	4	13	Nguyễn Thanh	Huyền	11/04/1994	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
388	BS-0388	05/12/2020	4	13	Nguyễn Thị Thu	Huyền	25/11/1993	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
389	BS-0389	05/12/2020	4	13	Nguyễn Thị	Huyền	08/04/1990	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
390	BS-0390	05/12/2020	4	13	Lương Thị Thu	Huyền	18/03/1995	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
391	BS-0391	05/12/2020	1	14	Chu Thị	Huyền	10/02/1992	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
392	BS-0392	05/12/2020	1	14	Phạm Thị Ngọc	Huyền	26/07/1993	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
393	BS-0393	05/12/2020	1	14	Nguyễn Thị	Huyền	20/7/1990	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
394	BS-0394	05/12/2020	1	14	Đinh Thị	Huyền	08/04/1991	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
395	BS-0395	05/12/2020	1	14	Đặng Thị	Huyền	12/10/1995	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
396	BS-0396	05/12/2020	1	14	Nguyễn Quang	Huynh	14/02/1992	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
397	BS-0397	05/12/2020	1	14	Nguyễn Văn	Khải	01/01/1987	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
398	BS-0398	05/12/2020	1	14	Trần Xuân	Khải	08/01/1991	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CTB	
399	BS-0399	05/12/2020	2	14	Nguyễn Văn Tuấn	Khang	28/11/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
400	BS-0400	05/12/2020	2	14	Trần Quốc	Khánh	03/09/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
401	BS-0401	05/12/2020	2	14	Vũ Kim	Khánh	20/09/1994	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
402	BS-0402	05/12/2020	2	14	Trần Quang	Khánh	27/12/1989	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
403	BS-0403	05/12/2020	2	14	Nguyễn Văn	Khiêm	09/06/1994	TTYT Ba Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
404	BS-0404	05/12/2020	2	14	Nguyễn Duy	Khoa	29/06/1989	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
405	BS-0405	05/12/2020	2	14	Lương Như	Khôi	10/07/1983	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
406	BS-0406	05/12/2020	3	14	Nguyễn Văn	Khước	06/08/1991	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)		
407	BS-0407	05/12/2020	3	14	Nguyễn Đức	Khương	16/10/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
408	BS-0408	05/12/2020	3	14	Đinh Thị	Khuyên	12/12/1991	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)		
409	BS-0409	05/12/2020	3	14	Lê Trung	Kiên	12/09/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
410	BS-0410	05/12/2020	3	14	Lê Văn	Kiên	25/06/1995	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
411	BS-0411	05/12/2020	3	14	Lương Trung	Kiên	05/05/1983	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
412	BS-0412	05/12/2020	3	14	Vũ Viết	Ký	29/10/1992	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
413	BS-0413	05/12/2020	3	14	Nguyễn Tùng	Lâm	02/10/1995	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CBB	
414	BS-0414	05/12/2020	4	14	Hoàng Ngọc	Lâm	23/08/1993	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
415	BS-0415	05/12/2020	4	14	Tạ Khắc	Lâm	19/10/1994	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
416	BS-0416	05/12/2020	4	14	Nguyễn Thị	Lâm	05/11/1994	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
417	BS-0417	05/12/2020	4	14	Đỗ Thị Phương	Lan	02/06/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
418	BS-0418	05/12/2020	4	14	Nguyễn Thị Phương	Lan	20/12/1987	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
419	BS-0419	05/12/2020	4	14	Quách Thị	Lan	20/01/1988	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)		
420	BS-0420	05/12/2020	4	14	Nguyễn Thị	Lan	26/05/1993	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
421	BS-0421	05/12/2020	1	15	Danh Thị	Lan	14/03/1995	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
422	BS-0422	05/12/2020	1	15	Phạm Thị	Lan	19/10/1993	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
423	BS-0423	05/12/2020	1	15	Cao Thị	Lan	11/12/1995	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
424	BS-0424	05/12/2020	1	15	Phan Tiến	Lăng	26/04/1991	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
425	BS-0425	05/12/2020	1	15	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	19/08/1987	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Da liễu)		
426	BS-0426	05/12/2020	1	15	Nguyễn Nhật	Lệ	17/08/1991	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
427	BS-0427	05/12/2020	1	15	Phạm Thị	Liên	23/03/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Huyết học truyền máu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Huyết học truyền máu)	CTB	
428	BS-0428	05/12/2020	1	15	Đỗ Thị Thùy	Liên	23/02/1994	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
429	BS-0429	05/12/2020	2	15	Nguyễn Thị Diệu	Liên	20/12/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội tiết**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội tiết đái tháo đường)		
430	BS-0430	05/12/2020	2	15	Trịnh Thị Mai	Liên	23/11/1984	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
431	BS-0431	05/12/2020	2	15	Nguyễn Thị Phương	Liên	23/10/1993	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
432	BS-0432	05/12/2020	2	15	Nguyễn Thị Thùy	Liên	22/09/1994	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	**CTB**	
433	BS-0433	05/12/2020	2	15	Phạm Thị	Liên	17/05/1993	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
434	BS-0434	05/12/2020	2	15	Nguyễn Thị Bích	Liên	03/01/1995	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
435	BS-0435	05/12/2020	2	15	Bùi Thị Kim	Liên	17/10/1995	TTYT Nam Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
436	BS-0436	05/12/2020	3	15	Trần Thùy	Linh	06/10/1987	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)		
437	BS-0437	05/12/2020	3	15	Lê Phương	Linh	29/12/1981	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
438	BS-0438	05/12/2020	3	15	Phan Thị Diệu	Linh	09/04/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
439	BS-0439	05/12/2020	3	15	Đỗ Thùy	Linh	17/09/1992	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)		
440	BS-0440	05/12/2020	3	15	Cao Xuân	Linh	27/12/1990	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)		
441	BS-0441	05/12/2020	3	15	Đặng Thị Thư	Linh	17/08/1993	BVĐK Hòe Nhai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
442	BS-0442	05/12/2020	3	15	Nguyễn Thị	Linh	11/03/1988	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
443	BS-0443	05/12/2020	3	15	Lê Thúy	Linh	24/11/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
444	BS-0444	05/12/2020	4	15	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/01/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
445	BS-0445	05/12/2020	4	15	Nguyễn Phương	Linh	26/09/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
446	BS-0446	05/12/2020	4	15	Trần Phương	Linh	16/01/1995	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
447	BS-0447	05/12/2020	4	15	Phạm Duy	Linh	09/06/1991	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Phẫu thuật tạo hình**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phẫu thuật tạo hình)		
448	BS-0448	05/12/2020	4	15	Trần Diệu	Linh	14/11/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
449	BS-0449	05/12/2020	4	15	Nguyễn Thị Thùy	Linh	15/06/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
450	BS-0450	05/12/2020	4	15	Lại Phú Tâm	Linh	15/02/1985	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
451	BS-0451	05/12/2020	1	16	Phạm Diệu	Linh	02/03/1994	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
452	BS-0452	05/12/2020	1	16	Nguyễn Thị Hoàng	Linh	31/05/1993	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
453	BS-0453	05/12/2020	1	16	Bùi Thị Thủy	Linh	01/05/1995	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
454	BS-0454	05/12/2020	1	16	Nguyễn Thủy	Linh	15/02/1992	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
455	BS-0455	05/12/2020	1	16	Chu Hồng Ngọc	Linh	05/12/1993	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
456	BS-0456	05/12/2020	1	16	Nguyễn Thùy	Linh	26/11/1993	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tâm thần**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tâm thần)		
457	BS-0457	05/12/2020	1	16	Lê Nhật	Linh	24/10/1995	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
458	BS-0458	05/12/2020	1	16	Nguyễn Khánh	Linh	19/12/1984	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
459	BS-0459	05/12/2020	2	16	Tống Khánh	Linh	23/12/1995	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
460	BS-0460	05/12/2020	2	16	Lê Việt	Linh	19/08/1992	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
461	BS-0461	05/12/2020	2	16	Trần Diệu	Linh	27/10/1989	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
462	BS-0462	05/12/2020	2	16	Vũ Thị	Linh	06/09/1993	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
463	BS-0463	05/12/2020	2	16	Trần Lê Thùy	Linh	07/08/1991	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
464	BS-0464	05/12/2020	2	16	Nguyễn Thị Khánh	Linh	09/03/1994	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
465	BS-0465	05/12/2020	2	16	Nguyễn Bảo	Linh	20/01/1990	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
466	BS-0466	05/12/2020	3	16	Nguyễn Ngọc	Linh	14/08/1993	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
467	BS-0467	05/12/2020	3	16	Nguyễn Trí Khánh	Linh	27/08/1994	TTYT Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
468	BS-0468	05/12/2020	3	16	Nguyễn Thị Phương	Loan	01/11/1992	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
469	BS-0469	05/12/2020	3	16	Phạm Thị Hồng	Loan	10/09/1991	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
470	BS-0470	05/12/2020	3	16	Tô Thị	Loan	06/11/1994	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
471	BS-0471	05/12/2020	3	16	Kiều	Loan	19/12/1992	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
472	BS-0472	05/12/2020	3	16	Phạm Thị Thanh	Loan	19/08/1990	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
473	BS-0473	05/12/2020	3	16	Nguyễn Thị Thanh	Loan	31/07/1986	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Đông y (định hướng Y học cổ truyền)		
474	BS-0474	05/12/2020	4	16	Lê Thị Thanh	Loan	26/01/1995	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CBB	
475	BS-0475	05/12/2020	4	16	Nguyễn Đắc	Lộc	01/02/1992	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
476	BS-0476	05/12/2020	4	16	Trương Vinh	Long	17/05/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
477	BS-0477	05/12/2020	4	16	Phan Kim	Long	20/11/1991	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
478	BS-0478	05/12/2020	4	16	Nguyễn Đắc	Long	02/10/1989	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
479	BS-0479	05/12/2020	4	16	Bùi Thành	Long	10/10/1988	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
480	BS-0480	05/12/2020	4	16	Kim Thị	Lụa	19/02/1991	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
481	BS-0481	05/12/2020	1	17	Nguyễn Thị	Lụa	31/03/1991	TTYT Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ**	ĐH	Bác sỹ y học cổ truyền		
482	BS-0482	05/12/2020	1	17	Đỗ Minh	Luân	11/11/1994	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
483	BS-0483	05/12/2020	1	17	Nguyễn Thị	Lương	12/10/1988	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
484	BS-0484	05/12/2020	1	17	Lương Thị	Luyến	16/07/1993	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
485	BS-0485	05/12/2020	1	17	Phạm Quỳnh	Ly	17/09/1991	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
486	BS-0486	05/12/2020	1	17	Chu Thị Hà	Ly	16/08/1992	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
487	BS-0487	05/12/2020	1	17	Nguyễn Thị	Ly	05/09/1993	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
488	BS-0488	05/12/2020	1	17	Hoàng Thị Ly	Ly	24/06/1995	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	DTTS	
489	BS-0489	05/12/2020	2	17	Trần Khánh	Ly	19/12/1991	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
490	BS-0490	05/12/2020	2	17	Nguyễn Thị Yến	Ly	28/03/1995	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
491	BS-0491	05/12/2020	2	17	Vũ Thị	Lý	26/07/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
492	BS-0492	05/12/2020	2	17	Nguyễn Thành Sao	Mai	14/09/1991	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	CTB	
493	BS-0493	05/12/2020	2	17	Đào Ngọc	Mai	10/09/1992	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
494	BS-0494	05/12/2020	2	17	Trần Thị Tuyết	Mai	07/01/1992	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
495	BS-0495	05/12/2020	2	17	Nguyễn Thị	Mai	11/06/1994	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
496	BS-0496	05/12/2020	3	17	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	03/08/1991	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
497	BS-0497	05/12/2020	3	17	Nguyễn Thị Như	Mai	29/10/1986	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
498	BS-0498	05/12/2020	3	17	Lưu Ngọc	Mai	26/07/1992	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
499	BS-0499	05/12/2020	3	17	Nguyễn Thị Phương	Mai	14/04/1995	TTYT Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
500	BS-0500	05/12/2020	3	17	Phạm Thị Ngọc	Mai	16/06/1993	TTYT Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
501	BS-0501	05/12/2020	3	17	Nguyễn Đức	Mạnh	10/03/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)		
502	BS-0502	05/12/2020	3	17	Nguyễn Quang	Mạnh	04/11/1994	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
503	BS-0503	05/12/2020	3	17	Nguyễn Tiến	Mạnh	14/03/1986	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
504	BS-0504	05/12/2020	4	17	Lê Thị Thanh	Mến	28/02/1993	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
505	BS-0505	05/12/2020	4	17	Phạm Nhật	Minh	06/07/1991	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)		
506	BS-0506	05/12/2020	4	17	Hồ Ngọc	Minh	05/10/1992	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
507	BS-0507	05/12/2020	4	17	Hoàng Ngọc	Minh	07/10/1987	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
508	BS-0508	05/12/2020	4	17	Phạm Thị Thái	Minh	11/11/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
509	BS-0509	05/12/2020	4	17	Trần Thị Hồng	Minh	03/02/1980	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
510	BS-0510	05/12/2020	4	17	Đào Văn	Minh	21/05/1993	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
511	BS-0511	05/12/2020	1	18	Trần Thanh	Minh	21/06/1987	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
512	BS-0512	05/12/2020	1	18	Lê Văn	Minh	14/04/1993	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
513	BS-0513	05/12/2020	1	18	Nguyễn Quang	Minh	30/12/1991	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	HTNV	
514	BS-0514	05/12/2020	1	18	Nguyễn Thị	Mùa	04/06/1992	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
515	BS-0515	05/12/2020	1	18	Vương Ngọc	Mừng	06/04/1994	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
516	BS-0516	05/12/2020	1	18	Nguyễn Thị	Mười	13/11/1993	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
517	BS-0517	05/12/2020	1	18	Nguyễn Thị Huyền	My	14/01/1995	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
518	BS-0518	05/12/2020	1	18	Khuất Thị Thúy	My	06/10/1994	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
519	BS-0519	05/12/2020	2	18	Nguyễn Thị	My	09/5/1994	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CTB	
520	BS-0520	05/12/2020	2	18	Hồ Hoàng	Nam	12/03/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
521	BS-0521	05/12/2020	2	18	Phùng Ngọc	Nam	10/04/1990	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
522	BS-0522	05/12/2020	2	18	Nguyễn Hoài	Nam	30/11/1989	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
523	BS-0523	05/12/2020	2	18	Quách Văn	Nam	16/12/1992	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
524	BS-0524	05/12/2020	2	18	Nguyễn Hùng	Nam	30/09/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
525	BS-0525	05/12/2020	2	18	Nguyễn Hoài	Nam	10/04/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
526	BS-0526	05/12/2020	3	18	Trần Hoài	Nam	08/09/1990	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)	HTNV	
527	BS-0527	05/12/2020	3	18	Nguyễn Thành	Nam	21/11/1993	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
528	BS-0528	05/12/2020	3	18	Phan Ngọc	Nam	27/01/1993	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
529	BS-0529	05/12/2020	3	18	Chu Thị	Nết	27/10/1984	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
530	BS-0530	05/12/2020	3	18	Nguyễn Thị	Nga	11/03/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
531	BS-0531	05/12/2020	3	18	Đặng Thị	Nga	20/04/1992	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sinh hóa**	BSNT	Bác sỹ đa khoa (Bác sỹ nội trú Hóa sinh)		
532	BS-0532	05/12/2020	3	18	Võ Hằng	Nga	02/01/1995	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
533	BS-0533	05/12/2020	3	18	Trần Thị	Nga	10/07/1979	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
534	BS-0534	05/12/2020	4	18	Nguyễn Thị Thúy	Nga	16/6/1993	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
535	BS-0535	05/12/2020	4	18	Nguyễn Hằng	Nga	06/11/1992	TTYT Hoàng Mai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
536	BS-0536	05/12/2020	4	18	Trần Thị	Nga	27/01/1983	TTYT Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CTB	
537	BS-0537	05/12/2020	4	18	Trương Thị	Ngà	03/05/1989	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
538	BS-0538	05/12/2020	4	18	Lê Thúy	Ngân	18/06/1989	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
539	BS-0539	05/12/2020	4	18	Kiều Thúy	Ngân	05/11/1990	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
540	BS-0540	05/12/2020	4	18	Trần Thị Thúy	Ngân	14/05/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
541	BS-0541	05/12/2020	1	19	Bùi Bích	Ngân	12/09/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)		
542	BS-0542	05/12/2020	1	19	Nguyễn Thị	Ngân	23/02/1988	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
543	BS-0543	05/12/2020	1	19	Phạm Thị Kim	Ngân	16/04/1994	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
544	BS-0544	05/12/2020	1	19	Nghiêm Thị	Ngân	06/04/1991	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
545	BS-0545	05/12/2020	1	19	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	25/01/1995	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
546	BS-0546	05/12/2020	1	19	Nguyễn Trung	Nghĩa	13/09/1988	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Nha khoa		
547	BS-0547	05/12/2020	1	19	Nguyễn Trọng	Nghĩa	22/06/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
548	BS-0548	05/12/2020	1	19	Hoàng Công	Nghĩa	27/03/1983	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
549	BS-0549	05/12/2020	2	19	Phạm Văn	Nghĩa	17/08/1992	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Phẫu thuật tạo hình**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phẫu thuật tạo hình)		
550	BS-0550	05/12/2020	2	19	Nguyễn Thị	Nghĩa	15/06/1993	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
551	BS-0551	05/12/2020	2	19	Lê Thị	Ngoan	08/10/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
552	BS-0552	05/12/2020	2	19	Lê Thị	Ngoan	02/01/1988	TTYT Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
553	BS-0553	05/12/2020	2	19	Đỗ Minh	Ngọc	05/12/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
554	BS-0554	05/12/2020	2	19	Trần Thị Như	Ngọc	10/03/1994	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
555	BS-0555	05/12/2020	2	19	Hà Viết	Ngọc	01/09/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
556	BS-0556	05/12/2020	3	19	Nguyễn Thị Như	Ngọc	15/04/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
557	BS-0557	05/12/2020	3	19	Dương Minh	Ngọc	28/05/1992	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)	CTB	
558	BS-0558	05/12/2020	3	19	Lê Thị	Ngọc	27/11/1992	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Vi sinh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Vi sinh)		
559	BS-0559	05/12/2020	3	19	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	24/09/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
560	BS-0560	05/12/2020	3	19	Phạm Minh	Ngọc	27/09/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
561	BS-0561	05/12/2020	3	19	Nguyễn Văn	Ngọc	16/11/1991	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
562	BS-0562	05/12/2020	3	19	Đào Thị Mai	Ngọc	20/10/1993	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
563	BS-0563	05/12/2020	3	19	Hoàng Đình	Ngọc	22/01/1993	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
564	BS-0564	05/12/2020	4	19	Lã Thị Cẩm	Ngọc	11/04/1989	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	CKI	Bác sỹ Y học cổ truyền (chuyên khoa cấp I Y học cổ truyền)		
565	BS-0565	05/12/2020	4	19	Đỗ Thị	Ngọc	07/09/1980	TTYT Hoàng Mai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
566	BS-0566	05/12/2020	4	19	Nguyễn Thị	Ngọc	05/04/1992	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
567	BS-0567	05/12/2020	4	19	Nguyễn Thị Mai	Ngọc	04/10/1993	TTYT Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
568	BS-0568	05/12/2020	4	19	Phạm Văn	Nguyên	13/06/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
569	BS-0569	05/12/2020	4	19	Phạm Văn	Nguyên	23/07/1984	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)		
570	BS-0570	05/12/2020	4	19	Kiều Thị Thủy	Nguyên	12/04/1995	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
571	BS-0571	05/12/2020	1	20	Nguyễn Văn	Nguyên	14/03/1993	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
572	BS-0572	05/12/2020	1	20	Nguyễn Thị	Nguyệt	15/08/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
573	BS-0573	05/12/2020	1	20	Lê Thị	Nguyệt	04/06/1982	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Gây mê hồi sức)		
574	BS-0574	05/12/2020	1	20	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	18/07/1990	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
575	BS-0575	05/12/2020	1	20	Lê Thị Thu	Nguyệt	17/09/1995	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CTB	
576	BS-0576	05/12/2020	1	20	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt	19/03/1995	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
577	BS-0577	05/12/2020	1	20	Vũ Thị Ánh	Nguyệt	04/05/1995	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
578	BS-0578	05/12/2020	1	20	Phạm Thị	Nguyệt	15/10/1983	TTYT Hoàng Mai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
579	BS-0579	05/12/2020	2	20	Lê Thị	Nhài	22/10/1991	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)		
580	BS-0580	05/12/2020	2	20	Đỗ Thị	Nhâm	03/07/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
581	BS-0581	05/12/2020	2	20	Phạm Thanh	Nhan	08/04/1991	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
582	BS-0582	05/12/2020	2	20	Lưu Thị	Nhàn	06/02/1994	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
583	BS-0583	05/12/2020	2	20	Đặng Thanh	Nhàn	30/12/1994	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
584	BS-0584	05/12/2020	2	20	Trương Xuân	Nhân	24/08/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
585	BS-0585	05/12/2020	2	20	Nguyễn Đức	Nhân	03/07/1992	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
586	BS-0586	05/12/2020	3	20	Đặng Quang	Nhật	25/10/1991	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
587	BS-0587	05/12/2020	3	20	Phùng Minh	Nhật	19/09/1992	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
588	BS-0588	05/12/2020	3	20	Phí Ngọc Yến	Nhi	11/04/1994	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
589	BS-0589	05/12/2020	3	20	Vũ Đình	Nho	18/10/1993	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
590	BS-0590	05/12/2020	3	20	Trần Hồng	Nhung	02/03/1992	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
591	BS-0591	05/12/2020	3	20	Nguyễn Hồng	Nhung	18/02/1994	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
592	BS-0592	05/12/2020	3	20	Phạm Hồng	Nhung	10/07/1990	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
593	BS-0593	05/12/2020	3	20	Trần Thị Hồng	Nhung	27/10/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
594	BS-0594	05/12/2020	4	20	Nguyễn Thị	Nhung	25/09/1995	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
595	BS-0595	05/12/2020	4	20	Nguyễn Thị	Nhung	12/09/1993	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Phục hồi chức năng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Phục hồi chức năng)		
596	BS-0596	05/12/2020	4	20	Bùi Thị	Nhung	10/12/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)		
597	BS-0597	05/12/2020	4	20	Trần Thị Hồng	Nhung	11/10/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
598	BS-0598	05/12/2020	4	20	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	07/03/1994	TTYT Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
599	BS-0599	05/12/2020	4	20	Trần Thị	Nụ	20/04/1990	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
600	BS-0600	05/12/2020	4	20	Trần Thị	Nữ	19/04/1992	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
601	BS-0601	05/12/2020	1	21	Phạm Thị	Oanh	02/11/1995	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
602	BS-0602	05/12/2020	1	21	Cao Thị Kim	Oanh	06/04/1993	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
603	BS-0603	05/12/2020	1	21	Nguyễn Thị	Oanh	09/12/1993	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
604	BS-0604	05/12/2020	1	21	Nguyễn Thị	Oanh	08/05/1991	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
605	BS-0605	05/12/2020	1	21	Nguyễn Thị	Oanh	28/10/1995	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
606	BS-0606	05/12/2020	1	21	Nguyễn Thị	Oanh	27/09/1993	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
607	BS-0607	05/12/2020	1	21	Nguyễn Bá	Phổ	10/09/1979	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
608	BS-0608	05/12/2020	1	21	Nguyễn Tuấn	Phong	24/07/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
609	BS-0609	05/12/2020	2	21	Nguyễn Thạch	Phong	30/04/1990	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
610	BS-0610	05/12/2020	2	21	Đặng Việt	Phong	19/01/1994	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
611	BS-0611	05/12/2020	2	21	Nguyễn Đình	Phòng	30/07/1979	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
612	BS-0612	05/12/2020	2	21	Nguyễn Đức	Phú	22/10/1986	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
613	BS-0613	05/12/2020	2	21	Đoàn Văn	Phú	07/02/1993	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
614	BS-0614	05/12/2020	2	21	Ngô Minh	Phúc	18/09/1993	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
615	BS-0615	05/12/2020	2	21	Đinh Việt	Phúc	02/09/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
616	BS-0616	05/12/2020	3	21	Khuất Văn	Phúc	20/03/1994	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
617	BS-0617	05/12/2020	3	21	Nguyễn Thanh	Phương	05/07/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
618	BS-0618	05/12/2020	3	21	Phạm Hoài	Phương	04/09/1992	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
619	BS-0619	05/12/2020	3	21	Tô Lan	Phương	06/12/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
620	BS-0620	05/12/2020	3	21	Ngô Thị	Phương	08/10/1994	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)		
621	BS-0621	05/12/2020	3	21	Nguyễn Thị	Phương	03/06/1993	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
622	BS-0622	05/12/2020	3	21	Trần Thị Bích	Phương	01/11/1992	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
623	BS-0623	05/12/2020	3	21	Phan Thị	Phương	26/05/1994	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
624	BS-0624	05/12/2020	4	21	Vũ Thị	Phương	10/08/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
625	BS-0625	05/12/2020	4	21	Nguyễn Thị	Phương	05/11/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
626	BS-0626	05/12/2020	4	21	Lê Minh	Phương	26/12/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
627	BS-0627	05/12/2020	4	21	Hoàng Thị	Phương	20/12/1991	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
628	BS-0628	05/12/2020	4	21	Đồng Thị	Phương	26/04/1989	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt	CTB	
629	BS-0629	05/12/2020	4	21	Tạ Thị	Phương	14/08/1993	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
630	BS-0630	05/12/2020	4	21	Vũ Minh	Phương	29/01/1990	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ		
631	BS-0631	05/12/2020	1	22	Nguyễn Thị	Phương	23/10/1994	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
632	BS-0632	05/12/2020	1	22	Nguyễn Hồng	Phương	14/08/1995	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
633	BS-0633	05/12/2020	1	22	Nguyễn Thị Thu	Phương	31/03/1995	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
634	BS-0634	05/12/2020	1	22	Phùng Thanh	Phương	06/04/1990	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
635	BS-0635	05/12/2020	1	22	Đỗ Thị	Phương	15/08/1995	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
636	BS-0636	05/12/2020	1	22	Phạm Thị	Phương	11/02/1995	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
637	BS-0637	05/12/2020	1	22	Nguyễn Hà	Phương	20/12/1993	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
638	BS-0638	05/12/2020	1	22	Trần Thu	Phương	19/02/1991	TTYT Nam Từ Liêm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
639	BS-0639	05/12/2020	2	22	Nguyễn Thị Thu	Phương	20/10/1985	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
640	BS-0640	05/12/2020	2	22	Ngô Thị	Phượng	28/12/1991	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
641	BS-0641	05/12/2020	2	22	Lê Thị	Phượng	29/01/1995	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
642	BS-0642	05/12/2020	2	22	Lê Thị	Phượng	18/07/1990	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
643	BS-0643	05/12/2020	2	22	Nguyễn Văn	Quân	12/01/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
644	BS-0644	05/12/2020	2	22	Vũ Tạ Hồng	Quân	06/08/1994	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
645	BS-0645	05/12/2020	2	22	Nguyễn Long	Quân	11/11/1984	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
646	BS-0646	05/12/2020	3	22	Nguyễn Hữu	Quân	02/01/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)		
647	BS-0647	05/12/2020	3	22	Nguyễn Ngọc	Quân	08/09/1989	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)		
648	BS-0648	05/12/2020	3	22	Lê Hồng	Quân	09/10/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
649	BS-0649	05/12/2020	3	22	Nguyễn Hồng	Quân	01/11/1994	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
650	BS-0650	05/12/2020	3	22	Nguyễn Thế	Quân	17/11/1992	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	**DTTS**	
651	BS-0651	05/12/2020	3	22	Lương Minh	Quang	30/03/1986	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
652	BS-0652	05/12/2020	3	22	Đỗ Hồng	Quang	18/10/1989	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
653	BS-0653	05/12/2020	3	22	Đoàn Minh	Quang	12/06/1987	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	**CBB**	
654	BS-0654	05/12/2020	4	22	Lê Văn	Quang	01/01/1991	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
655	BS-0655	05/12/2020	4	22	Đào Thiện	Quang	04/12/1992	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
656	BS-0656	05/12/2020	4	22	Kiều Thanh	Quang	28/08/1986	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	**CBB**	
657	BS-0657	05/12/2020	4	22	Lê Khắc	Quảng	03/11/1983	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
658	BS-0658	05/12/2020	4	22	Trương Văn	Quý	05/03/1993	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
659	BS-0659	05/12/2020	4	22	Nguyễn Đức	Quý	20/03/1993	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
660	BS-0660	05/12/2020	4	22	Nguyễn Văn	Qúy	18/08/1992	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
661	BS-0661	05/12/2020	1	23	Đoàn Thị Ngọc	Quyên	14/07/1989	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
662	BS-0662	05/12/2020	1	23	Nguyễn Thị	Quyên	26/07/1993	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
663	BS-0663	05/12/2020	1	23	Bùi Thị Hạnh	Quyến	13/02/1995	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	**DTTS**	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
664	BS-0664	05/12/2020	1	23	Nguyễn Trọng	Quyền	10/09/1995	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CTB	
665	BS-0665	05/12/2020	1	23	Nguyễn Đình	Quyền	04/09/1993	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại)		
666	BS-0666	05/12/2020	1	23	Nguyễn Minh	Quyền	19/04/1992	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
667	BS-0667	05/12/2020	1	23	Hoàng Tiến	Quyền	31/07/1991	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
668	BS-0668	05/12/2020	1	23	Đỗ Anh	Quyền	18/12/1992	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
669	BS-0669	05/12/2020	2	23	Trần	Quyết	10/09/1987	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại khoa)		
670	BS-0670	05/12/2020	2	23	Nguyễn Trọng	Quyết	17/01/1994	BV 09	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
671	BS-0671	05/12/2020	2	23	Nguyễn Trọng	Quỳnh	10/11/1982	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Ngoại khoa)		
672	BS-0672	05/12/2020	2	23	Hoàng Văn	Quỳnh	13/01/1995	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
673	BS-0673	05/12/2020	2	23	Trần Như	Quỳnh	04/12/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
674	BS-0674	05/12/2020	2	23	Trần Hương	Quỳnh	16/10/1994	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
675	BS-0675	05/12/2020	2	23	Nguyễn Xuân	Sà	15/03/1976	TTYT Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
676	BS-0676	05/12/2020	3	23	Nguyễn Tiến	Sang	29/09/1992	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
677	BS-0677	05/12/2020	3	23	Trương Như	Sáng	28/02/1994	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
678	BS-0678	05/12/2020	3	23	Vũ Văn	Sáng	20/05/1995	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
679	BS-0679	05/12/2020	3	23	Trần Thị	Sáu	17/02/1988	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
680	BS-0680	05/12/2020	3	23	Hoàng Thị	Sen	03/11/1992	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tim mạch**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tim mạch)		
681	BS-0681	05/12/2020	3	23	Hoàng Văn	Sĩ	06/06/1991	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
682	BS-0682	05/12/2020	3	23	Hoàng Đặng An	Sinh	07/06/1992	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
683	BS-0683	05/12/2020	3	23	Phương Văn	Sơn	15/04/1992	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội khoa)		
684	BS-0684	05/12/2020	4	23	Đỗ Anh	Sơn	01/10/1990	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
685	BS-0685	05/12/2020	4	23	Chu Hoàng	Sơn	04/11/1995	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
686	BS-0686	05/12/2020	4	23	Ngô Hoàng	Sơn	06/04/1991	BV Phục hồi chức năng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
687	BS-0687	05/12/2020	4	23	Nguyễn Trung	Sơn	01/10/1995	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
688	BS-0688	05/12/2020	4	23	Nguyễn Phúc	Sơn	01/04/1995	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
689	BS-0689	05/12/2020	4	23	Lê Minh	Sơn	25/10/1994	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
690	BS-0690	05/12/2020	4	23	Chu Hòa	Sơn	06/07/1991	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
691	BS-0691	05/12/2020	1	24	Nguyễn Đắc	Sơn	27/01/1993	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
692	BS-0692	05/12/2020	1	24	Phạm Thanh	Sơn	15/08/1990	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
693	BS-0693	05/12/2020	1	24	Lê Hữu	Sỹ	09/03/1985	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CBB	
694	BS-0694	05/12/2020	1	24	Hoàng Anh	Tài	24/04/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
695	BS-0695	05/12/2020	1	24	Phùng Thế	Tài	12/05/1987	TTYT Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
696	BS-0696	05/12/2020	1	24	Trịnh Thị Thanh	Tâm	21/04/1995	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
697	BS-0697	05/12/2020	1	24	Tô Thanh	Tâm	17/06/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
698	BS-0698	05/12/2020	1	24	Nguyễn Thị	Tâm	12/10/1983	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
699	BS-0699	05/12/2020	2	24	Nguyễn Chí	Tâm	17/09/1985	BVTT Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CTB	
700	BS-0700	05/12/2020	2	24	Đàm Thị Thanh	Tâm	03/03/1992	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
701	BS-0701	05/12/2020	2	24	Đặng Đức	Tâm	16/09/1991	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CTB	
702	BS-0702	05/12/2020	2	24	Đăng Thị	Tâm	30/08/1993	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi)		
703	BS-0703	05/12/2020	2	24	Nguyễn Đức	Tâm	18/09/1990	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
704	BS-0704	05/12/2020	2	24	Đỗ Thành	Tâm	26/03/1993	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
705	BS-0705	05/12/2020	2	24	Nguyễn Hữu	Tân	30/03/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
706	BS-0706	05/12/2020	3	24	Hoàng Cao	Tân	09/05/1991	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
707	BS-0707	05/12/2020	3	24	Nông Thị Thanh	Tần	22/03/1991	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	DTTS	
708	BS-0708	05/12/2020	3	24	Vũ Hồng	Thái	03/01/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
709	BS-0709	05/12/2020	3	24	Nguyễn Thị	Thái	09/11/1991	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
710	BS-0710	05/12/2020	3	24	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	17/04/1994	TTYT Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
711	BS-0711	05/12/2020	3	24	Trần Đình	Thăng	02/04/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)		
712	BS-0712	05/12/2020	3	24	Chu Đức	Thắng	28/05/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
713	BS-0713	05/12/2020	3	24	Phạm Văn	Thắng	13/09/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
714	BS-0714	05/12/2020	4	24	Dương Nam	Thắng	17/11/1989	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
715	BS-0715	05/12/2020	4	24	Lê Minh	Thắng	24/07/1992	BV Phục hồi chức năng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
716	BS-0716	05/12/2020	4	24	Vũ Văn	Thắng	10/01/1993	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
717	BS-0717	05/12/2020	4	24	Nguyễn Văn	Thắng	13/02/1993	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
718	BS-0718	05/12/2020	4	24	Trần Vũ	Thắng	11/02/1992	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CBB	
719	BS-0719	05/12/2020	4	24	Đỗ Duy	Thắng	25/07/1994	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
720	BS-0720	05/12/2020	4	24	Lê Quyết	Thắng	08/09/1978	TTYT Long Biên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
721	BS-0721	05/12/2020	1	25	Lê Đức	Thắng	01/10/1990	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
722	BS-0722	05/12/2020	1	25	Vũ Phương	Thanh	25/01/1989	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)		
723	BS-0723	05/12/2020	1	25	Trần Duy	Thanh	09/11/1994	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội soi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội soi tiêu hóa)		
724	BS-0724	05/12/2020	1	25	Trần Văn	Thanh	10/09/1990	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội soi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nội soi tiêu hóa)		
725	BS-0725	05/12/2020	1	25	Lê Thị	Thanh	17/07/1981	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Răng hàm mặt)		
726	BS-0726	05/12/2020	1	25	Phạm Văn	Thanh	10/02/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
727	BS-0727	05/12/2020	1	25	Nguyễn Thị	Thanh	10/06/1991	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
728	BS-0728	05/12/2020	1	25	Nguyễn Thị	Thanh	25/07/1990	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
729	BS-0729	05/12/2020	2	25	Vi Thị Hương	Thanh	16/06/1992	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
730	BS-0730	05/12/2020	2	25	Lê Huy	Thành	20/06/1986	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Gây mê hồi sức)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
731	BS-0731	05/12/2020	2	25	Lê Thế	Thành	06/10/1994	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
732	BS-0732	05/12/2020	2	25	Nguyễn Thọ	Thành	15/08/1995	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
733	BS-0733	05/12/2020	2	25	Khuất Duy	Thành	01/06/1977	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
734	BS-0734	05/12/2020	2	25	Phan Thị	Thành	20/02/1990	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
735	BS-0735	05/12/2020	2	25	Lê Thái	Thành	07/08/1991	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
736	BS-0736	05/12/2020	3	25	Phạm Lý	Thành	24/09/1990	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
737	BS-0737	05/12/2020	3	25	Nguyễn Phúc	Thành	15/08/1992	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
738	BS-0738	05/12/2020	3	25	Trương Thị Thanh	Thảo	21/11/1988	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nhãn khoa)		
739	BS-0739	05/12/2020	3	25	Nguyễn Thị	Thảo	12/04/1977	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
740	BS-0740	05/12/2020	3	25	Phan Thị Thu	Thảo	28/02/1990	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
741	BS-0741	05/12/2020	3	25	Nguyễn Thị	Thảo	30/07/1989	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
742	BS-0742	05/12/2020	3	25	Phạm Phương	Thảo	09/06/1982	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Răng hàm mặt)		
743	BS-0743	05/12/2020	3	25	Lê Hương	Thảo	14/06/1989	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
744	BS-0744	05/12/2020	4	25	Ngô Thị	Thảo	03/12/1991	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Hồi sức cấp cứu)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
745	BS-0745	05/12/2020	4	25	Nguyễn Thị Bích	Thảo	11/10/1995	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
746	BS-0746	05/12/2020	4	25	Nguyễn Thị	Thảo	18/09/1994	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
747	BS-0747	05/12/2020	4	25	Quách Văn	Thảo	05/12/1991	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
748	BS-0748	05/12/2020	4	25	Lưu Thị Phương	Thảo	27/09/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)	DTTS	
749	BS-0749	05/12/2020	4	25	Nguyễn Thị	Thảo	08/07/1988	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
750	BS-0750	05/12/2020	4	25	Trần Thị Thu	Thảo	12/02/1994	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
751	BS-0751	05/12/2020	1	26	Nguyễn Phương	Thảo	14/10/1993	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
752	BS-0752	05/12/2020	1	26	Bùi Phương	Thảo	18/12/1993	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
753	BS-0753	05/12/2020	1	26	Đàm Thị	Thảo	14/10/1993	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
754	BS-0754	05/12/2020	1	26	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	25/10/1995	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
755	BS-0755	05/12/2020	1	26	Trần Thị Thu	Thảo	19/11/1991	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
756	BS-0756	05/12/2020	1	26	Trần Phương	Thảo	20/11/1993	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
757	BS-0757	05/12/2020	1	26	Vi Thị	Thảo	25/07/1994	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
758	BS-0758	05/12/2020	1	26	Cao Phương	Thảo	04/10/1994	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
759	BS-0759	05/12/2020	2	26	Bá Thị	Thảo	12/01/1990	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
760	BS-0760	05/12/2020	2	26	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20/11/1989	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CTB	
761	BS-0761	05/12/2020	2	26	Đinh Thị Hương	Thảo	04/03/1991	TTYT Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
762	BS-0762	05/12/2020	2	26	Trần Thị	The	07/3/1983	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
763	BS-0763	05/12/2020	2	26	Nguyễn Thế	Thiên	29/07/1992	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
764	BS-0764	05/12/2020	2	26	Đỗ Quang	Thiết	01/12/1992	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
765	BS-0765	05/12/2020	2	26	Nguyễn Văn	Thiệu	25/05/1992	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
766	BS-0766	05/12/2020	3	26	Lại Việt	Thịnh	13/11/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
767	BS-0767	05/12/2020	3	26	Ngô Đức	Thịnh	10/11/1992	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
768	BS-0768	05/12/2020	3	26	Nguyễn Văn	Thịnh	10/10/1985	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CĐCĐ	
769	BS-0769	05/12/2020	3	26	Phạm Thị	Tho	05/11/1987	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
770	BS-0770	05/12/2020	3	26	Bùi Thị	Thơ	03/01/1994	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
771	BS-0771	05/12/2020	3	26	Hoàng Thị	Thoa	07/03/1992	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CBB	
772	BS-0772	05/12/2020	3	26	Lê Kim	Thoa	19/07/1992	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
773	BS-0773	05/12/2020	3	26	Đỗ Thị	Thoa	02/10/1994	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)		
774	BS-0774	05/12/2020	4	26	Nguyễn Thị	Thòa	07/09/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
775	BS-0775	05/12/2020	4	26	Đinh Thúy	Thơm	05/12/1992	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CTB	
776	BS-0776	05/12/2020	4	26	Lương Thị	Thơm	20/08/1994	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
777	BS-0777	05/12/2020	4	26	Nghiêm Thọ	Thông	04/10/1976	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)		
778	BS-0778	05/12/2020	4	26	Đỗ Minh	Thu	28/08/1991	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	CTB	
779	BS-0779	05/12/2020	4	26	Phan Thị	Thu	25/02/1993	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
780	BS-0780	05/12/2020	4	26	Trần Minh	Thu	22/10/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
781	BS-0781	05/12/2020	1	27	Đồng Thị Diệu	Thu	01/06/1994	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
782	BS-0782	05/12/2020	1	27	Hoàng Thị	Thu	07/03/1993	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
783	BS-0783	05/12/2020	1	27	Đoàn Thị Thanh	Thư	18/04/1994	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CTB	
784	BS-0784	05/12/2020	1	27	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/01/1994	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
785	BS-0785	05/12/2020	1	27	Đào Thị	Thư	23/03/1994	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
786	BS-0786	05/12/2020	1	27	Cao Văn	Thụ	16/08/1979	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
787	BS-0787	05/12/2020	1	27	Nguyễn Đức	Thụ	25/01/1992	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CĐCĐ	
788	BS-0788	05/12/2020	1	27	Nguyễn Thạc	Thụ	18/07/1992	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
789	BS-0789	05/12/2020	2	27	Lê Minh	Thuấn	22/06/1994	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
790	BS-0790	05/12/2020	2	27	Nguyễn Thị	Thuần	16/03/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
791	BS-0791	05/12/2020	2	27	Từ Thị	Thuần	20/12/1993	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
792	BS-0792	05/12/2020	2	27	Trần Đình	Thuận	24/12/1992	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
793	BS-0793	05/12/2020	2	27	Bùi Minh	Thuận	12/12/1980	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
794	BS-0794	05/12/2020	2	27	Đỗ Văn	Thuận	19/03/1995	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
795	BS-0795	05/12/2020	2	27	Bùi Trí	Thức	01/11/1993	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
796	BS-0796	05/12/2020	3	27	Phùng Ngọc	Thương	20/04/1992	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tâm thần**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tâm thần)		
797	BS-0797	05/12/2020	3	27	Đào Công	Thường	20/04/1991	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Hồi sức cấp cứu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Hồi sức cấp cứu)		
798	BS-0798	05/12/2020	3	27	Bùi Trọng	Thượng	25/06/1995	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
799	BS-0799	05/12/2020	3	27	Vũ Thị	Thúy	21/12/1989	BV Mắt Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhãn khoa)		
800	BS-0800	05/12/2020	3	27	Lê Thị	Thúy	01/02/1993	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
801	BS-0801	05/12/2020	3	27	Nguyễn Thiện Thanh	Thúy	02/07/1991	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
802	BS-0802	05/12/2020	3	27	Nguyễn Thị	Thúy	13/05/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)		
803	BS-0803	05/12/2020	3	27	Trần Thị	Thúy	28/03//1992	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
804	BS-0804	05/12/2020	4	27	Nguyễn Thị	Thúy	17/11/1991	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	ĐH	Bác sỹ Răng hàm mặt		
805	BS-0805	05/12/2020	4	27	Đặng Thị	Thúy	13/03/1993	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
806	BS-0806	05/12/2020	4	27	Nguyễn Thị Minh	Thúy	08/05/1993	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
807	BS-0807	05/12/2020	4	27	Đỗ Thị Bích	Thúy	30/03/1987	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Đông y (định hướng Y học cổ truyền)		
808	BS-0808	05/12/2020	4	27	Nguyễn Thị	Thúy	14/10/1985	BVĐK Thường Tín	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
809	BS-0809	05/12/2020	4	27	Lê Thị	Thúy	02/09/1994	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
810	BS-0810	05/12/2020	4	27	Nguyễn Nguyên	Thủy	02/11/1988	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ung thư**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung thư)		
811	BS-0811	05/12/2020	1	28	Nguyễn Thu	Thủy	04/11/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
812	BS-0812	05/12/2020	1	28	Dương Thị Thu	Thủy	02/06/1990	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
813	BS-0813	05/12/2020	1	28	Nguyễn Thị	Thủy	17/03/1991	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
814	BS-0814	05/12/2020	1	28	Lê Thị	Thủy	17/12/1994	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
815	BS-0815	05/12/2020	1	28	Nguyễn Thu	Thủy	17/10/1995	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
816	BS-0816	05/12/2020	1	28	Phạm Thị Thanh	Thủy	22/08/1993	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
817	BS-0817	05/12/2020	1	28	Lê Thị	Thủy	14/12/1995	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
818	BS-0818	05/12/2020	1	28	Nguyễn Thanh	Thủy	20/01/1989	TTYT Long Biên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
819	BS-0819	05/12/2020	2	28	Nguyễn Thị Bích	Thụy	07/04/1993	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
820	BS-0820	05/12/2020	2	28	Nguyễn Quang	Tích	20/09/1991	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
821	BS-0821	05/12/2020	2	28	Trần Quyết	Tiến	29/05/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
822	BS-0822	05/12/2020	2	28	Nguyễn Huy	Tiến	18/10/1993	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
823	BS-0823	05/12/2020	2	28	Nguyễn Ngọc	Tiến	13/05/1985	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
824	BS-0824	05/12/2020	2	28	Nguyễn Ngọc	Tiến	15/02/1984	TTYT Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
825	BS-0825	05/12/2020	2	28	Nguyễn Hồng	Tiến	06/09/1988	TTYT Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
826	BS-0826	05/12/2020	3	28	Nguyễn Đức	Tim	07/11/1994	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
827	BS-0827	05/12/2020	3	28	Nguyễn Khắc	Toàn	23/06/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)	CTB	
828	BS-0828	05/12/2020	3	28	Nguyễn Văn	Toàn	01/05/1987	BVĐK Vân Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CTB	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
829	BS-0829	05/12/2020	3	28	Trần Thanh	Toàn	24/10/1993	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
830	BS-0830	05/12/2020	3	28	Phạm Ngọc	Toàn	10/02/1982	TT Giám định y khoa Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
831	BS-0831	05/12/2020	3	28	Nguyễn Khánh	Toàn	22/05/1995	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
832	BS-0832	05/12/2020	3	28	Đinh Công	Toàn	25/10/1982	TTYT Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
833	BS-0833	05/12/2020	3	28	Nguyễn Đình	Tới	04/01/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
834	BS-0834	05/12/2020	4	28	Nguyễn Văn	Tới	10/04/1990	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
835	BS-0835	05/12/2020	4	28	Vũ Thuận Thanh	Trà	16/10/1992	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)		
836	BS-0836	05/12/2020	4	28	Trần Thanh	Trà	10/11/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
837	BS-0837	05/12/2020	4	28	Dương Thị Thanh	Trà	19/10/1992	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
838	BS-0838	05/12/2020	4	28	Đặng Duy	Trai	04/11/1994	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
839	BS-0839	05/12/2020	4	28	Đồng Thu	Trang	17/10/1986	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Sản phụ khoa)		
840	BS-0840	05/12/2020	4	28	Nguyễn Thị Hà	Trang	12/05/1993	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
841	BS-0841	05/12/2020	1	29	Nguyễn Huyền	Trang	21/04/1995	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
842	BS-0842	05/12/2020	1	29	Lê Thu	Trang	24/11/1987	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Xét nghiệm**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Xét nghiệm)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
843	BS-0843	05/12/2020	1	29	Ngô Thị Thu	Trang	06/09/1985	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nội**	Ths	Bác sỹ đa khoa (thạc sỹ Nội chung)	CBB	
844	BS-0844	05/12/2020	1	29	Ngô Thị	Trang	16/01/1994	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
845	BS-0845	05/12/2020	1	29	Tiêu Thị Thu	Trang	14/12/1991	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
846	BS-0846	05/12/2020	1	29	Phùng Huyền	Trang	24/11/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
847	BS-0847	05/12/2020	1	29	Đào Quỳnh	Trang	15/10/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
848	BS-0848	05/12/2020	1	29	Nguyễn Thu	Trang	11/06/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
849	BS-0849	05/12/2020	2	29	Vũ Thị	Trang	26/07/1991	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
850	BS-0850	05/12/2020	2	29	Nguyễn Thị Vân	Trang	15/07/1991	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
851	BS-0851	05/12/2020	2	29	Nguyễn Thị Hà	Trang	10/03/1991	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
852	BS-0852	05/12/2020	2	29	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/06/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)		
853	BS-0853	05/12/2020	2	29	Nguyễn Thị Thu	Trang	09/09/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
854	BS-0854	05/12/2020	2	29	Ngô Thị Lan	Trang	26/10/1988	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
855	BS-0855	05/12/2020	2	29	Trịnh Thị Linh	Trang	08/09/1993	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
856	BS-0856	05/12/2020	3	29	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/07/1991	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
857	BS-0857	05/12/2020	3	29	Hà Thị Kiều	Trang	25/11/1992	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
858	BS-0858	05/12/2020	3	29	Nguyễn Hồng	Trang	21/07/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
859	BS-0859	05/12/2020	3	29	Trần Thị Thùy	Trang	11/12/1990	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
860	BS-0860	05/12/2020	3	29	Vũ Thị	Trang	20/10/1991	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
861	BS-0861	05/12/2020	3	29	Nguyễn Thị Thu	Trang	11/09/1991	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
862	BS-0862	05/12/2020	3	29	Ngô Thùy	Trang	09/10/1993	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
863	BS-0863	05/12/2020	3	29	Phạm Thu	Trang	31/08/1995	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
864	BS-0864	05/12/2020	4	29	Phùng Công	Trang	13/09/1992	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
865	BS-0865	05/12/2020	4	29	Phạm Thị	Trang	16/06/1989	BV 09	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
866	BS-0866	05/12/2020	4	29	Lại Thị Kiều	Trang	19/08/1992	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)		
867	BS-0867	05/12/2020	4	29	Nguyễn Thùy	Trang	27/02/1994	BV Thận HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
868	BS-0868	05/12/2020	4	29	Dương Thu	Trang	13/02/1995	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
869	BS-0869	05/12/2020	4	29	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/06/1993	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
870	BS-0870	05/12/2020	4	29	Chu Quỳnh	Trang	15/09/1990	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
871	BS-0871	05/12/2020	1	30	Nguyễn Thị Hà	Trang	27/03/1994	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
872	BS-0872	05/12/2020	1	30	Lê Quỳnh	Trang	20/08/1992	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	CBB	
873	BS-0873	05/12/2020	1	30	Đặng Thị Thu	Trang	15/03/1981	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
874	BS-0874	05/12/2020	1	30	Nguyễn Thị Huyền	Trang	01/10/1992	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền	CTB	
875	BS-0875	05/12/2020	1	30	Lê Thị Quỳnh	Trang	29/12/1993	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
876	BS-0876	05/12/2020	1	30	Nguyễn Huyền	Trang	14/01/1988	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
877	BS-0877	05/12/2020	1	30	Nguyễn Thu	Trang	30/08/1992	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
878	BS-0878	05/12/2020	1	30	Nguyễn Huyền	Trang	25/11/1988	TTYT Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
879	BS-0879	05/12/2020	2	30	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	29/05/1985	TTYT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
880	BS-0880	05/12/2020	2	30	Nguyễn Thị Kim	Tri	06/06/1995	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
881	BS-0881	05/12/2020	2	30	Phan Thị Thục	Trinh	16/06/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
882	BS-0882	05/12/2020	2	30	Lê Thị Thùy	Trinh	06/03/1993	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
883	BS-0883	05/12/2020	2	30	Lê Khánh	Trình	22/02/1990	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
884	BS-0884	05/12/2020	2	30	Nguyễn Văn	Trọng	26/06/1988	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
885	BS-0885	05/12/2020	2	30	Vũ Thị	Trúc	01/07/1987	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)		
886	BS-0886	05/12/2020	3	30	Đinh Quang	Trung	13/04/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
887	BS-0887	05/12/2020	3	30	Hoàng Mạnh	Trung	15/01/1994	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
888	BS-0888	05/12/2020	3	30	Trần Bảo	Trung	16/10/1991	BV Phổi Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
889	BS-0889	05/12/2020	3	30	Nguyễn Quang	Trung	03/03/1972	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
890	BS-0890	05/12/2020	3	30	Đoàn Ngọc	Trung	24/05/1992	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
891	BS-0891	05/12/2020	3	30	Phạm Kiên	Trung	23/05/1993	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
892	BS-0892	05/12/2020	3	30	Phạm Xuân	Trường	14/12/1983	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Sản phụ khoa)		
893	BS-0893	05/12/2020	3	30	Hoàng Bá Xuyên	Trường	07/10/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
894	BS-0894	05/12/2020	4	30	Nguyễn Xuân	Trường	01/09/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại chung)		
895	BS-0895	05/12/2020	4	30	Lê Mạnh	Trường	17/06/1991	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Nhi**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Nhi khoa)		
896	BS-0896	05/12/2020	4	30	Nguyễn Xuân	Trường	21/03/1988	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
897	BS-0897	05/12/2020	4	30	Nguyễn Xuân	Trường	21/12/1985	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Y học cổ truyền	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
898	BS-0898	05/12/2020	4	30	Nguyễn Quốc	Trường	13/06/1994	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
899	BS-0899	05/12/2020	4	30	Nguyễn Văn	Trường	28/12/1995	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
900	BS-0900	05/12/2020	4	30	Nguyễn Xuân	Tú	14/10/1989	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
901	BS-0901	05/12/2020	1	31	Lê Quang	Tú	19/07/1983	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
902	BS-0902	05/12/2020	1	31	Nguyễn Tuấn	Tú	03/12/1987	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
903	BS-0903	05/12/2020	1	31	Nguyễn Huy	Tú	29/03/1994	TTYT Hoàn Kiếm	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
904	BS-0904	05/12/2020	1	31	Ngô Xuân	Tú	22/05/1986	TTYT Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Y học cổ truyền	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
905	BS-0905	05/12/2020	1	31	Phạm Văn	Tuân	03/01/1992	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Y học cổ truyền	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
906	BS-0906	05/12/2020	1	31	Nguyễn Quang	Tuấn	05/01/1990	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Ung thư	CKI	Bác sỹ đa khoa (chuyên khoa cấp I Ung thư)		
907	BS-0907	05/12/2020	1	31	Trần Văn	Tuấn	17/08/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
908	BS-0908	05/12/2020	1	31	Bùi Anh	Tuấn	06/05/1994	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ đa khoa	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
909	BS-0909	05/12/2020	2	31	Vũ Nhật	Tuấn	10/09/1990	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Ung bướu	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ung bướu)		
910	BS-0910	05/12/2020	2	31	Nguyễn Anh	Tuấn	24/11/1995	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	Bác sỹ Y học cổ truyền	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
911	BS-0911	05/12/2020	2	31	Nguyễn Trung	Tuấn	03/11/1992	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
912	BS-0912	05/12/2020	2	31	Nguyễn Văn	Tuấn	29/07/1992	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
913	BS-0913	05/12/2020	2	31	Đỗ Văn	Tuấn	29/05/1984	BVĐK Hoài Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
914	BS-0914	05/12/2020	2	31	Trần Văn	Tuấn	10/08/1982	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
915	BS-0915	05/12/2020	2	31	Nguyễn Văn	Tuấn	20/10/1995	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
916	BS-0916	05/12/2020	3	31	Đoàn Quang	Tuệ	25/12/1990	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Gây mê hồi sức**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Gây mê hồi sức)		
917	BS-0917	05/12/2020	3	31	Phạm Sơn	Tùng	01/10/1992	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
918	BS-0918	05/12/2020	3	31	Hoàng Huy	Tùng	30/12/1991	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
919	BS-0919	05/12/2020	3	31	Đỗ Sơn	Tùng	16/03/1994	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
920	BS-0920	05/12/2020	3	31	Đặng Hữu	Tùng	20/09/1989	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
921	BS-0921	05/12/2020	3	31	Trần Thanh	Tùng	24/10/1994	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
922	BS-0922	05/12/2020	3	31	Nguyễn Văn	Tùng	03/07/1990	BVĐK Phúc Thọ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
923	BS-0923	05/12/2020	3	31	Nguyễn Đăng	Tùng	08/08/1981	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tai mũi họng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tai mũi họng)		
924	BS-0924	05/12/2020	4	31	Hoàng Duy	Tùng	01/06/1986	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
925	BS-0925	05/12/2020	4	31	Khuất Duy	Tùng	06/10/1990	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
926	BS-0926	05/12/2020	4	31	Nguyễn Thị	Tươi	16/11/1991	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
927	BS-0927	05/12/2020	4	31	Vũ Thị Thùy	Tươi	06/06/1994	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
928	BS-0928	05/12/2020	4	31	Hoàng Thị	Tươi	07/07/1994	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
929	BS-0929	05/12/2020	4	31	Nguyễn Mạnh	Tường	06/07/1991	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
930	BS-0930	05/12/2020	4	31	Lê Mạnh	Tường	01/04/1989	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
931	BS-0931	05/12/2020	1	32	Trần Trọng	Tường	27/07/1989	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
932	BS-0932	05/12/2020	1	32	Nguyễn Đình	Tuyên	14/09/1995	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
933	BS-0933	05/12/2020	1	32	Nguyễn Thế	Tuyên	17/11/1983	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	CKI	Bác sỹ Y học lâm sàng (chuyên khoa cấp I Ngoại khoa)		
934	BS-0934	05/12/2020	1	32	Mầu Thị	Tuyến	01/11/1991	BV Ung Bướu HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Huyết học truyền máu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Huyết học truyền máu)		
935	BS-0935	05/12/2020	1	32	Lê Thị	Tuyến	09/10/1993	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
936	BS-0936	05/12/2020	1	32	Lương Đức	Tuyến	05/09/1990	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
937	BS-0937	05/12/2020	1	32	Lê Thanh	Tuyền	19/09/1995	BVĐK Văn Đình	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
938	BS-0938	05/12/2020	1	32	Nguyễn Duy	Tuyền	02/06/1991	BVĐK Chương Mỹ	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
939	BS-0939	05/12/2020	2	32	Lê Thị Ánh	Tuyết	15/10/1983	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
940	BS-0940	05/12/2020	2	32	Vũ Thị Ánh	Tuyết	26/09/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
941	BS-0941	05/12/2020	2	32	Nguyễn Thị	Tuyết	12/01/1995	BVĐK Gia Lâm	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
942	BS-0942	05/12/2020	2	32	Nguyễn Thị	Út	15/10/1993	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
943	BS-0943	05/12/2020	2	32	Nguyễn Thị Thu	Uyên	12/06/1991	BV Mắt Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Mắt**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Mắt)		
944	BS-0944	05/12/2020	2	32	Trần Thị Thảo	Uyên	16/05/1993	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
945	BS-0945	05/12/2020	2	32	Nguyễn Thị Lệ	Uyên	19/10/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
946	BS-0946	05/12/2020	3	32	Hà Phương	Uyên	15/8/1975	TTYT Thanh Xuân	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
947	BS-0947	05/12/2020	3	32	Thiều Thị Thanh	Vân	31/08/1991	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
948	BS-0948	05/12/2020	3	32	Phạm Thị Cẩm	Vân	09/09/1991	BVĐK Đống Đa	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
949	BS-0949	05/12/2020	3	32	Nguyễn Thị Hồng	Vân	06/12/1991	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
950	BS-0950	05/12/2020	3	32	Hoàng Hải	Vân	20/12/1994	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
951	BS-0951	05/12/2020	3	32	Nguyễn Thị Tuyết	Vân	20/02/1995	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
952	BS-0952	05/12/2020	3	32	Vũ Thị	Vân	15/09/1994	BVĐK Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
953	BS-0953	05/12/2020	3	32	Hà Thị	Vân	03/01/1991	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
954	BS-0954	05/12/2020	4	32	Hồ Thị	Vân	11/11/1994	BVĐK Mê Linh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
955	BS-0955	05/12/2020	4	32	Nguyễn Ngọc	Văn	18/05/1976	BV 09	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
956	BS-0956	05/12/2020	4	32	Hoàng Văn	Vạn	09/02/1992	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại chung)		
957	BS-0957	05/12/2020	4	32	Chu Như	Viên	02/06/1990	BVĐK Mỹ Đức	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
958	BS-0958	05/12/2020	4	32	Nguyễn Hữu	Viện	17/10/1992	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Ngoại**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Ngoại khoa)		
959	BS-0959	05/12/2020	4	32	Nguyễn Xuân	Việt	30/09/1995	BVĐK Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
960	BS-0960	05/12/2020	4	32	Nguyễn Đức	Việt	30/04/1985	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
961	BS-0961	05/12/2020	1	33	Đỗ Quang	Vinh	23/02/1993	BV Tâm thần HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Tâm thần**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Tâm thần)		
962	BS-0962	05/12/2020	1	33	Nguyễn Huy	Vinh	20/12/1992	BV 09	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
963	BS-0963	05/12/2020	1	33	Phạm Văn	Vinh	09/05/1990	BVĐK Phú Xuyên	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
964	BS-0964	05/12/2020	1	33	Nguyễn Văn	Vĩnh	25/07/1991	BVĐK Thạch Thất	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
965	BS-0965	05/12/2020	1	33	Đinh Trần	Vũ	18/08/1990	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
966	BS-0966	05/12/2020	1	33	Phạm Khương	Vũ	12/03/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Sản phụ khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
967	BS-0967	05/12/2020	1	33	Bùi Tuấn	Vũ	10/01/1991	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)	CTB	
968	BS-0968	05/12/2020	1	33	Nguyễn Thạc	Vũ	06/11/1992	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
969	BS-0969	05/12/2020	2	33	Nguyễn Tiến	Vui	17/09/1981	TTYT Hai Bà Trưng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
970	BS-0970	05/12/2020	2	33	Nguyễn Minh	Vương	01/04/1983	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Răng hàm mặt**	CKI	Bác sỹ Răng hàm mặt (chuyên khoa cấp I Răng hàm mặt)		
971	BS-0971	05/12/2020	2	33	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	18/10/1989	BV Thanh Nhàn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
972	BS-0972	05/12/2020	2	33	Phạm Thị	Xuân	01/04/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
973	BS-0973	05/12/2020	2	33	Triệu Thị	Xuân	16/01/1991	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
974	BS-0974	05/12/2020	2	33	Nguyễn Thị	Xuân	11/06/1992	BVĐK Sơn Tây	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
975	BS-0975	05/12/2020	2	33	Lê Thanh	Xuân	10/05/1991	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
976	BS-0976	05/12/2020	3	33	Nguyễn Thị Diệu	Xuân	04/02/1993	BV YHCT Hà Đông	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
977	BS-0977	05/12/2020	3	33	Phạm Thị	Xuân	12/02/1994	BVĐK Thanh Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
978	BS-0978	05/12/2020	3	33	Phạm Thị Bích	Xuân	11/04/1992	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
979	BS-0979	05/12/2020	3	33	Đào Thị	Xuê	02/04/1992	BVĐK Đan Phượng	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
980	BS-0980	05/12/2020	3	33	Nguyễn Thu	Yên	30/09/1987	BVĐK Đức Giang	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Dị ứng miễn dịch lâm sàng**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Dị ứng miễn dịch lâm sàng)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
981	BS-0981	05/12/2020	3	33	Lê Hải	Yến	09/10/1994	BV Da liễu Hà Nội	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Da liễu**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Da liễu)		
982	BS-0982	05/12/2020	3	33	Võ Hải	Yến	12/03/1993	BVĐK Xanh Pôn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Chẩn đoán hình ảnh**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Chẩn đoán hình ảnh)		
983	BS-0983	05/12/2020	3	33	Dương Thị Hải	Yến	15/08/1994	BVĐK Đông Anh	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
984	BS-0984	05/12/2020	4	33	Nguyễn Thị Hải	Yến	30/10/1991	BVĐK Quốc Oai	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ chuyên khoa Sản**	ĐH	Bác sỹ đa khoa (định hướng Sản phụ khoa)		
985	BS-0985	05/12/2020	4	33	Nguyễn Thị Hoàng	Yến	09/08/1995	BV Bắc Thăng Long	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
986	BS-0986	05/12/2020	4	33	Phùng Hải	Yến	11/05/1995	BVĐK Thanh Trì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ Y học cổ truyền**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền		
987	BS-0987	05/12/2020	4	33	Ngô Thị Hải	Yến	15/05/1992	BVĐK Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
988	BS-0988	05/12/2020	4	33	Nguyễn Thị Hải	Yến	14/10/1992	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
989	BS-0989	05/12/2020	4	33	Nguyễn Thị	Yến	09/05/1990	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa		
990	BS-0990	05/12/2020	4	33	Cao Hải	Yến	03/05/1992	TTYT Ba Vì	Bác sỹ (hạng III)	**Bác sỹ đa khoa**	ĐH	Bác sỹ đa khoa	DTTS	
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV - V.08.05.13													
991	ĐDIV-0991	05/12/2020	1	34	Nguyễn Thúy	An	02/05/1998	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
992	ĐDIV-0992	05/12/2020	1	34	Nguyễn Thị Thúy	An	23/03/1994	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
993	ĐDIV-0993	05/12/2020	1	34	Lê Ngọc	An	17/07/1995	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
994	ĐDIV-0994	05/12/2020	1	34	Kim Văn	An	27/8/1998	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
995	ĐDIV-0995	05/12/2020	1	34	Nguyễn Doãn Thị	An	20/11/1990	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
996	ĐDIV-0996	05/12/2020	1	34	Nguyễn Thị Hoài	An	12/10/1997	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
997	ĐDIV-0997	05/12/2020	1	34	Nguyễn Văn	Áng	01/01/1991	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	HTNV	
998	ĐDIV-0998	05/12/2020	1	34	Nguyễn Diệu	Anh	17/12/1995	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
999	ĐDIV-0999	05/12/2020	2	34	Nguyễn Vân	Anh	17/04/1984	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1000	ĐDIV-1000	05/12/2020	2	34	Trương Thị	Anh	22/01/1982	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1001	ĐDIV-1001	05/12/2020	2	34	Lê Thị Phương	Anh	05/09/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1002	ĐDIV-1002	05/12/2020	2	34	Đỗ Thị Mai	Anh	16/08/1995	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1003	ĐDIV-1003	05/12/2020	2	34	Nguyễn Thị Vân	Anh	13/01/1995	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1004	ĐDIV-1004	05/12/2020	2	34	Chử Thị Lan	Anh	03/06/1980	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1005	ĐDIV-1005	05/12/2020	2	34	Đặng Thị Lan	Anh	22/04/1979	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1006	ĐDIV-1006	05/12/2020	2	34	Võ Thị Lan	Anh	19/08/1979	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1007	ĐDIV-1007	05/12/2020	3	34	Nguyễn Vân	Anh	09/07/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1008	ĐDIV-1008	05/12/2020	3	34	Phương Lai	Anh	15/07/1992	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1009	ĐDIV-1009	05/12/2020	3	34	Lê Thị Việt	Anh	14/09/1985	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1010	ĐDIV-1010	05/12/2020	3	34	Phạm Thị Phương	Anh	23/09/1979	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1011	ĐDIV-1011	05/12/2020	3	34	Nguyễn Vân	Anh	18/11/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1012	ĐDIV-1012	05/12/2020	3	34	Đỗ Hải	Anh	26/03/1995	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1013	ĐDIV-1013	05/12/2020	3	34	Vương Thị Lan	Anh	30/07/1992	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1014	ĐDIV-1014	05/12/2020	3	34	Lê Tuấn	Anh	20/10/1989	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1015	ĐDIV-1015	05/12/2020	4	34	Nguyễn Thị Vân	Anh	08/09/1980	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1016	ĐDIV-1016	05/12/2020	4	34	Vũ Phương	Anh	21/12/1998	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1017	ĐDIV-1017	05/12/2020	4	34	Đỗ Thị Phương	Anh	18/08/1993	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1018	ĐDIV-1018	05/12/2020	4	34	Nguyễn Thị Kiều	Anh	28/08/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1019	ĐDIV-1019	05/12/2020	4	34	Nguyễn Thị Kim	Anh	18/01/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1020	ĐDIV-1020	05/12/2020	4	34	Nguyễn Ngọc	Anh	14/09/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1021	ĐDIV-1021	05/12/2020	4	34	Nguyễn Thị Thảo	Anh	08/10/1996	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1022	ĐDIV-1022	05/12/2020	1	35	Bùi Hoàng	Anh	10/01/1998	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1023	ĐDIV-1023	05/12/2020	1	35	Mai Ngọc	Anh	11/07/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1024	ĐDIV-1024	05/12/2020	1	35	Nguyễn Thị	Anh	17/09/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1025	ĐDIV-1025	05/12/2020	1	35	Quản Duy	Anh	07/04/1997	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1026	ĐDIV-1026	05/12/2020	1	35	Nguyễn Việt	Anh	03/04/1998	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1027	ĐDIV-1027	05/12/2020	1	35	Dương Thị Hà	Anh	25/03/1993	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1028	ĐDIV-1028	05/12/2020	1	35	Đỗ Ngọc	Anh	09/02/1995	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1029	ĐDIV-1029	05/12/2020	1	35	Ngô Thị Hải	Anh	22/01/1994	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1030	ĐDIV-1030	05/12/2020	2	35	Chu Mai Ngọc	Anh	17/09/1998	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1031	ĐDIV-1031	05/12/2020	2	35	Phạm Kiều	Anh	26/02/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1032	ĐDIV-1032	05/12/2020	2	35	Lê Thị Mai	Anh	19/04/1996	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1033	ĐDIV-1033	05/12/2020	2	35	Lê Lan	Anh	08/09/1993	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1034	ĐDIV-1034	05/12/2020	2	35	Hoàng Ngọc	Anh	16/10/1993	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1035	ĐDIV-1035	05/12/2020	2	35	Nguyễn Thị Phương	Anh	12/07/1993	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1036	ĐDIV-1036	05/12/2020	2	35	Mai Thị Vân	Anh	15/06/1990	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1037	ĐDIV-1037	05/12/2020	3	35	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	16/12/1998	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1038	ĐDIV-1038	05/12/2020	3	35	Trần Thị Hồng	Anh	30/12/1997	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1039	ĐDIV-1039	05/12/2020	3	35	Nguyễn Ngọc	Anh	14/12/1996	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1040	ĐDIV-1040	05/12/2020	3	35	Dương Thị Lan	Anh	31/05/1996	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1041	ĐDIV-1041	05/12/2020	3	35	Phùng Trung	Anh	21/11/1997	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1042	ĐDIV-1042	05/12/2020	3	35	Bùi Kim	Anh	22/12/1994	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1043	ĐDIV-1043	05/12/2020	3	35	Nguyễn Lan	Anh	20/4/1996	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1044	ĐDIV-1044	05/12/2020	3	35	Vũ Tuấn	Anh	30/09/1992	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1045	ĐDIV-1045	05/12/2020	4	35	Bùi Ngọc	Anh	05/10/1992	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1046	ĐDIV-1046	05/12/2020	4	35	Nguyễn Thị Kim	Anh	05/11/1996	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1047	ĐDIV-1047	05/12/2020	4	35	Bùi Thị Hoàng	Anh	18/7/1984	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
1048	ĐDIV-1048	05/12/2020	4	35	Trần Vân	Anh	18/7/1997	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1049	ĐDIV-1049	05/12/2020	4	35	Lê Hải	Anh	01/09/1996	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1050	ĐDIV-1050	05/12/2020	4	35	Nguyễn Thị Vân	Anh	30/10/1994	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1051	ĐDIV-1051	05/12/2020	4	35	Đặng Thị Vân	Anh	08/02/1995	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1052	ĐDIV-1052	05/12/2020	1	36	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/11/1996	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1053	ĐDIV-1053	05/12/2020	1	36	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/02/1993	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1054	ĐDIV-1054	05/12/2020	1	36	Vương Ngọc	Anh	19/12/1993	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1055	ĐDIV-1055	05/12/2020	1	36	Nguyễn Thị Lan	Anh	20/01/1993	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1056	ĐDIV-1056	05/12/2020	1	36	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/06/1993	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1057	ĐDIV-1057	05/12/2020	1	36	Lê Thị Hồng	Anh	10/09/1998	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1058	ĐDIV-1058	05/12/2020	1	36	Chu Thị Kim	Anh	17/07/1991	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1059	ĐDIV-1059	05/12/2020	1	36	Nguyễn Thị Vân	Anh	23/07/1998	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1060	ĐDIV-1060	05/12/2020	2	36	Trương Thị Vân	Anh	24/04/1997	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1061	ĐDIV-1061	05/12/2020	2	36	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/05/1995	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1062	ĐDIV-1062	05/12/2020	2	36	Lê Thị Lan	Anh	03/04/1994	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1063	ĐDIV-1063	05/12/2020	2	36	Ngô Thị Vân	Anh	04/09/1992	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1064	ĐDIV-1064	05/12/2020	2	36	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/09/1990	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1065	ĐDIV-1065	05/12/2020	2	36	Lưu Thị Ngọc	Anh	21/11/1996	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1066	ĐDIV-1066	05/12/2020	2	36	Nguyễn Thị Kim	Anh	08/11/1997	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1067	ĐDIV-1067	05/12/2020	3	36	Ngô Thế	Anh	02/09/1996	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1068	ĐDIV-1068	05/12/2020	3	36	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	02/06/1995	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1069	ĐDIV-1069	05/12/2020	3	36	Phạm Việt	Anh	30/10/1997	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1070	ĐDIV-1070	05/12/2020	3	36	Vũ Minh	Anh	24/12/1997	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1071	ĐDIV-1071	05/12/2020	3	36	Đỗ Thị Kim	Anh	11/6/1993	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1072	ĐDIV-1072	05/12/2020	3	36	Trần Minh	Anh	29/12/1997	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1073	ĐDIV-1073	05/12/2020	3	36	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	24/05/1994	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1074	ĐDIV-1074	05/12/2020	3	36	Phạm Tuấn	Anh	04/10/1995	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1075	ĐDIV-1075	05/12/2020	4	36	Nguyễn Thị Linh	Anh	22/01/1994	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1076	ĐDIV-1076	05/12/2020	4	36	Trần Quế	Anh	03/02/1997	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1077	ĐDIV-1077	05/12/2020	4	36	Đào Kiều	Anh	29/08/1993	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1078	ĐDIV-1078	05/12/2020	4	36	Nguyễn Thị Thùy	Anh	01/10/1997	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1079	ĐDIV-1079	05/12/2020	4	36	Đỗ Thị Lan	Anh	16/06/1994	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1080	ĐDIV-1080	05/12/2020	4	36	Nguyễn Kim	Anh	05/03/1995	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1081	ĐDIV-1081	05/12/2020	4	36	Nguyễn Nữ Hoàng	Anh	18/04/1997	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1082	ĐDIV-1082	05/12/2020	1	37	Đỗ Thị Ngọc	Anh	08/04/1995	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1083	ĐDIV-1083	05/12/2020	1	37	Nguyễn Hoài	Anh	18/11/1991	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1084	ĐDIV-1084	05/12/2020	1	37	Hà Huệ	Anh	16/12/1995	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1085	ĐDIV-1085	05/12/2020	1	37	Nguyễn Thị Bảo	Anh	11/10/1995	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1086	ĐDIV-1086	05/12/2020	1	37	Nguyễn Thị Kim	Anh	12/10/1996	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1087	ĐDIV-1087	05/12/2020	1	37	Lê Mai	Anh	11/10/1998	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1088	ĐDIV-1088	05/12/2020	1	37	Nguyễn Thị	Ánh	27/08/1991	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1089	ĐDIV-1089	05/12/2020	1	37	Vũ Thị Ngọc	Ánh	13/10/1996	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1090	ĐDIV-1090	05/12/2020	2	37	Trương Thị Ngọc	Ánh	04/08/1990	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1091	ĐDIV-1091	05/12/2020	2	37	Trần Thị Hồng	Ánh	19/12/1990	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1092	ĐDIV-1092	05/12/2020	2	37	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	02/05/1994	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1093	ĐDIV-1093	05/12/2020	2	37	Nông Thị Ngọc	Ánh	06/05/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	DTTS	
1094	ĐDIV-1094	05/12/2020	2	37	Phạm Thị Ngọc	Ánh	21/10/1997	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1095	ĐDIV-1095	05/12/2020	2	37	Nguyễn Thị	Ánh	02/09/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1096	ĐDIV-1096	05/12/2020	2	37	Lương Ngọc	Ánh	22/03/1996	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1097	ĐDIV-1097	05/12/2020	3	37	Phạm Thị Ngọc	Ánh	23/06/1989	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1098	ĐDIV-1098	05/12/2020	3	37	Đinh Thị	Ánh	04/01/1997	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1099	ĐDIV-1099	05/12/2020	3	37	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/03/1998	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1100	ĐDIV-1100	05/12/2020	3	37	Tô Ngọc	Ánh	06/11/1997	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1101	ĐDIV-1101	05/12/2020	3	37	Phạm Thị	Ánh	14/06/1996	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1102	ĐDIV-1102	05/12/2020	3	37	Tạ Thị Ngọc	Ánh	09/05/1995	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1103	ĐDIV-1103	05/12/2020	3	37	Đặng Thị Ngọc	Ánh	06/11/1998	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1104	ĐDIV-1104	05/12/2020	3	37	Đào Thị Ngọc	Ánh	14/04/1991	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1105	ĐDIV-1105	05/12/2020	4	37	Nguyễn Thị	Ánh	01/06/1992	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1106	ĐDIV-1106	05/12/2020	4	37	Nguyễn Thị Minh	Ánh	05/07/1996	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1107	ĐDIV-1107	05/12/2020	4	37	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	19/10/1990	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1108	ĐDIV-1108	05/12/2020	4	37	Phạm Thị	Ánh	04/04/1994	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1109	ĐDIV-1109	05/12/2020	4	37	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	06/01/1998	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1110	ĐDIV-1110	05/12/2020	4	37	Nguyễn Hữu	Báo	14/10/1995	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1111	ĐDIV-1111	05/12/2020	4	37	Phạm Thị	Bé	17/05/1990	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1112	ĐDIV-1112	05/12/2020	1	38	Đặng Thị	Bích	25/09/1992	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
1113	ĐDIV-1113	05/12/2020	1	38	Nguyễn Thị	Bích	17/05/1990	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1114	ĐDIV-1114	05/12/2020	1	38	Đinh Thị Ngọc	Bích	06/12/1997	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	DTTS	
1115	ĐDIV-1115	05/12/2020	1	38	Nguyễn Thị	Bích	04/05/1993	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1116	ĐDIV-1116	05/12/2020	1	38	Nghiêm Thị Thúy	Bích	04/01/1995	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1117	ĐDIV-1117	05/12/2020	1	38	Nguyễn Thị	Bích	24/05/1992	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1118	ĐDIV-1118	05/12/2020	1	38	Nguyễn Thị	Bích	22/05/1993	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1119	ĐDIV-1119	05/12/2020	1	38	Nguyễn Thị Phương	Bích	04/06/1993	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1120	ĐDIV-1120	05/12/2020	2	38	Chu Văn	Biên	04/11/1992	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
1121	ĐDIV-1121	05/12/2020	2	38	Nguyễn Thị	Biên	22/12/1992	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1122	ĐDIV-1122	05/12/2020	2	38	Nguyễn Hải	Bình	27/11/1995	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1123	ĐDIV-1123	05/12/2020	2	38	Đào Thị	Bình	15/02/1991	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1124	ĐDIV-1124	05/12/2020	2	38	Trần Thị	Bình	19/02/1994	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1125	ĐDIV-1125	05/12/2020	2	38	Nguyễn Thái	Bình	13/03/1998	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1126	ĐDIV-1126	05/12/2020	2	38	Trần Thị Nguyệt	Cầm	15/05/1992	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1127	ĐDIV-1127	05/12/2020	3	38	Lê Thị Huyền	Cầm	09/07/1998	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1128	ĐDIV-1128	05/12/2020	3	38	Trần Văn	Cảm	21/12/1989	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	HTNV	
1129	ĐDIV-1129	05/12/2020	3	38	Bùi Phương	Châm	31/01/1991	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1130	ĐDIV-1130	05/12/2020	3	38	Nguyễn Thị Ngọc	Châm	05/08/1993	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1131	ĐDIV-1131	05/12/2020	3	38	Nguyễn Thị	Châm	30/04/1996	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1132	ĐDIV-1132	05/12/2020	3	38	Nguyễn Thị	Châm	27/07/1990	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	CTB	
1133	ĐDIV-1133	05/12/2020	3	38	Lê Thị	Châm	19/01/1996	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1134	ĐDIV-1134	05/12/2020	3	38	Trần Thị Huyền	Chang	31/08/1993	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1135	ĐDIV-1135	05/12/2020	4	38	Lê Minh	Châu	25/08/1994	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
1136	ĐDIV-1136	05/12/2020	4	38	Lê Thị Kim	Chi	24/07/1984	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CBB	
1137	ĐDIV-1137	05/12/2020	4	38	Trịnh Lan	Chi	29/11/1996	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1138	ĐDIV-1138	05/12/2020	4	38	Lê Thị Yến	Chi	08/06/1995	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1139	ĐDIV-1139	05/12/2020	4	38	Đoàn Linh	Chi	18/3/1994	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1140	ĐDIV-1140	05/12/2020	4	38	Đoàn Thị Kim	Chi	01/09/1994	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1141	ĐDIV-1141	05/12/2020	4	38	Ngô Hồng	Chiêm	02/09/1989	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1142	ĐDIV-1142	05/12/2020	1	39	Trần Thị Hồng	Chiêm	27/11/1989	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1143	ĐDIV-1143	05/12/2020	1	39	Hoàng Thị	Chiên.	22/07/1989	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1144	ĐDIV-1144	05/12/2020	1	39	Lê Thị Hồng	Chiên	15/08/1992	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1145	ĐDIV-1145	05/12/2020	1	39	Nguyễn Thị	Chiên	10/3/1994	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1146	ĐDIV-1146	05/12/2020	1	39	Lê Đình	Chiến	28/08/1997	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1147	ĐDIV-1147	05/12/2020	1	39	Phạm Thị Tuyết	Chinh	28/02/1987	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1148	ĐDIV-1148	05/12/2020	1	39	Khuất Thị Phương	Chinh	19/3/1996	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1149	ĐDIV-1149	05/12/2020	1	39	Phạm Thị Tuyết	Chinh	17/12/1995	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1150	ĐDIV-1150	05/12/2020	2	39	Phan Văn	Chính	09/02/1993	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1151	ĐDIV-1151	05/12/2020	2	39	Lê Thị	Chúc	05/08/1991	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1152	ĐDIV-1152	05/12/2020	2	39	Nguyễn Kim	Chung	13/06/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1153	ĐDIV-1153	05/12/2020	2	39	Nguyễn Thị Kim	Chung	24/10/1998	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1154	ĐDIV-1154	05/12/2020	2	39	Nguyễn Thị	Chung	18/3/1996	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1155	ĐDIV-1155	05/12/2020	2	39	Nguyễn Thị Kim	Chung	22/07/1995	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CBB	
1156	ĐDIV-1156	05/12/2020	2	39	Phùng Văn	Chương	30/04/1987	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1157	ĐDIV-1157	05/12/2020	3	39	Lý Thị	Chủy	30/11/1991	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1158	ĐDIV-1158	05/12/2020	3	39	Bùi Thị	Chuyển	24/05/1994	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1159	ĐDIV-1159	05/12/2020	3	39	Lê Văn	Cơ	24/11/1998	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1160	ĐDIV-1160	05/12/2020	3	39	Trương Thành	Công	19/08/1995	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1161	ĐDIV-1161	05/12/2020	3	39	Nguyễn Thành	Công	05/9/1995	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1162	ĐDIV-1162	05/12/2020	3	39	Nguyễn Thị	Cúc	26/03/1994	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1163	ĐDIV-1163	05/12/2020	3	39	Nguyễn Thị	Cúc	02/11/1992	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1164	ĐDIV-1164	05/12/2020	3	39	Vương Thị	Cúc	10/02/1993	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1165	ĐDIV-1165	05/12/2020	4	39	Phùng Thị	Cúc	09/08/1987	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1166	ĐDIV-1166	05/12/2020	4	39	Đặng Trần	Cương	30/04/1984	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1167	ĐDIV-1167	05/12/2020	4	39	Nguyễn Mạnh	Cường	26/07/1994	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1168	ĐDIV-1168	05/12/2020	4	39	Phan Mạnh	Cường	07/04/1993	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1169	ĐDIV-1169	05/12/2020	4	39	Nguyễn Văn	Đại	15/09/1994	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1170	ĐDIV-1170	05/12/2020	4	39	Dương Văn	Đang	10/09/1996	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1171	ĐDIV-1171	05/12/2020	4	39	Phan Thị	Đáng	03/05/1993	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1172	ĐDIV-1172	05/12/2020	1	40	Đỗ Phương	Đào	18/02/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1173	ĐDIV-1173	05/12/2020	1	40	Hữu Thị	Đào	25/07/1992	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1174	ĐDIV-1174	05/12/2020	1	40	Đỗ Thị Bích	Đào	15/09/1996	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1175	ĐDIV-1175	05/12/2020	1	40	Nguyễn Trung	Đạt	11/07/1998	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1176	ĐDIV-1176	05/12/2020	1	40	Nguyễn Thị	Đạt	06/11/1992	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1177	ĐDIV-1177	05/12/2020	1	40	Phạm Văn	Đạt	20/06/1998	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1178	ĐDIV-1178	05/12/2020	1	40	Phan Danh	Đạt	18/03/1994	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1179	ĐDIV-1179	05/12/2020	1	40	Chu Thị	Dâu	05/01/1989	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1180	ĐDIV-1180	05/12/2020	2	40	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	07/06/1996	TTYT Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1181	ĐDIV-1181	05/12/2020	2	40	Phạm Văn	Điền	31/10/1992	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1182	ĐDIV-1182	05/12/2020	2	40	Phan Nữ Quý	Diệp	05/04/1993	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1183	ĐDIV-1183	05/12/2020	2	40	Ngô Ngọc	Diệp	26/01/1998	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1184	ĐDIV-1184	05/12/2020	2	40	Hoàng Thị Ngọc	Diệp	17/3/1993	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1185	ĐDIV-1185	05/12/2020	2	40	Đào Bích	Diệp	28/08/1991	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1186	ĐDIV-1186	05/12/2020	2	40	Trần Thị Ngọc	Diệp	11/01/1997	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1187	ĐDIV-1187	05/12/2020	3	40	Ngô Thị	Điệp	01/05/1988	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1188	ĐDIV-1188	05/12/2020	3	40	Trần Thị	Điệp	11/10/1991	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1189	ĐDIV-1189	05/12/2020	3	40	Hà Huy	Điệp	02/05/1985	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1190	ĐDIV-1190	05/12/2020	3	40	Cao Thị	Điệp	16/06/1988	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1191	ĐDIV-1191	05/12/2020	3	40	Lê Minh	Điệp	24/06/1994	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1192	ĐDIV-1192	05/12/2020	3	40	Phạm Thị	Định	26/09/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1193	ĐDIV-1193	05/12/2020	3	40	Nguyễn Thị	Định	17/01/1994	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1194	ĐDIV-1194	05/12/2020	3	40	Nguyễn Thị	Dịu	12/12/1994	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1195	ĐDIV-1195	05/12/2020	4	40	Nguyễn Thị	Dịu	09/03/1985	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1196	ĐDIV-1196	05/12/2020	4	40	Đinh Công	Đoàn	01/8/1995	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1197	ĐDIV-1197	05/12/2020	4	40	Lê Thị	Đơn	19/5/1987	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1198	ĐDIV-1198	05/12/2020	4	40	Đoàn Thanh	Đông	10/01/1984	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1199	ĐDIV-1199	05/12/2020	4	40	Đặng Thanh	Đông	01/11/1995	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1200	ĐDIV-1200	05/12/2020	4	40	Trần Thị	Đông	01/10/1985	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1201	ĐDIV-1201	05/12/2020	4	40	Nguyễn Hữu	Đồng	25/11/1997	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1202	ĐDIV-1202	05/12/2020	1	41	Trần Bá	Đức	13/11/1995	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1203	ĐDIV-1203	05/12/2020	1	41	Trần Quang	Đức	08/08/1994	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1204	ĐDIV-1204	05/12/2020	1	41	Trương Văn	Đức	04/02/1993	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1205	ĐDIV-1205	05/12/2020	1	41	Chu Minh	Đức	06/07/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1206	ĐDIV-1206	05/12/2020	1	41	Đỗ Văn	Đức	05/9/1989	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1207	ĐDIV-1207	05/12/2020	1	41	Đỗ Văn	Đức	27/11/1993	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1208	ĐDIV-1208	05/12/2020	1	41	Nguyễn Văn	Đức	10/04/1995	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1209	ĐDIV-1209	05/12/2020	1	41	Nguyễn Minh	Đức	03/03/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1210	ĐDIV-1210	05/12/2020	2	41	Đặng Văn	Đức	24/12/1991	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1211	ĐDIV-1211	05/12/2020	2	41	Nguyễn Phương	Dung	01/05/1986	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1212	ĐDIV-1212	05/12/2020	2	41	Nhân Thị Thùy	Dung	03/03/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1213	ĐDIV-1213	05/12/2020	2	41	Nguyễn Thị Thúy	Dung	06/07/1984	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1214	ĐDIV-1214	05/12/2020	2	41	Đặng Thị Phương	Dung	30/04/1990	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1215	ĐDIV-1215	05/12/2020	2	41	Nguyễn Thị Kim	Dung	02/12/1989	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1216	ĐDIV-1216	05/12/2020	2	41	Nguyễn Thị Phương	Dung	25/11/1990	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1217	ĐDIV-1217	05/12/2020	3	41	Kiều Thị	Dung	15/05/1987	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1218	ĐDIV-1218	05/12/2020	3	41	Nguyễn Thuỳ	Dung	20/11/1996	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1219	ĐDIV-1219	05/12/2020	3	41	Nguyễn Thị Kim	Dung	25/05/1997	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1220	ĐDIV-1220	05/12/2020	3	41	Vũ Thị	Dung	20/10/1986	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1221	ĐDIV-1221	05/12/2020	3	41	Trần Thị Hồng	Dung	09/09/1997	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1222	ĐDIV-1222	05/12/2020	3	41	Nguyễn Phương	Dung	05/01/1994	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1223	ĐDIV-1223	05/12/2020	3	41	Nguyễn Thùy	Dung	16/07/1992	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1224	ĐDIV-1224	05/12/2020	3	41	Nguyễn Thùy	Dung	27/09/1990	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1225	ĐDIV-1225	05/12/2020	4	41	Nguyễn Thị Kim	Dung	23/11/1995	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1226	ĐDIV-1226	05/12/2020	4	41	Nguyễn Thị Thanh	Dung	29/10/1995	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1227	ĐDIV-1227	05/12/2020	4	41	Hoàng Thị Thùy	Dung	12/10/1988	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1228	ĐDIV-1228	05/12/2020	4	41	Đỗ Thị	Dung	25/09/1998	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1229	ĐDIV-1229	05/12/2020	4	41	Đinh Thị Thùy	Dung	01/9/1995	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1230	ĐDIV-1230	05/12/2020	4	41	Nguyễn Thị	Dung	23/8/1998	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1231	ĐDIV-1231	05/12/2020	4	41	Ngô Thị Kim	Dung	09/07/1990	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1232	ĐDIV-1232	05/12/2020	1	42	Nguyễn Thị	Dung	11/07/1991	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1233	ĐDIV-1233	05/12/2020	1	42	Hoàng Thị	Dung	07/10/1990	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1234	ĐDIV-1234	05/12/2020	1	42	Lê Thị	Dung	03/12/1993	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1235	ĐDIV-1235	05/12/2020	1	42	Nguyễn Thị	Dung	20/02/1991	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1236	ĐDIV-1236	05/12/2020	1	42	Trần Thị	Dung	03/12/1997	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
1237	ĐDIV-1237	05/12/2020	1	42	Phạm Thị	Dung	16/07/1989	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	CBB	
1238	ĐDIV-1238	05/12/2020	1	42	Nguyễn Thị	Dung	20/07/1995	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1239	ĐDIV-1239	05/12/2020	1	42	Nguyễn Thị	Dung	08/12/1995	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1240	ĐDIV-1240	05/12/2020	2	42	Nguyễn Văn	Dũng	11/01/1986	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1241	ĐDIV-1241	05/12/2020	2	42	Lê Trung	Dũng	24/06/1987	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1242	ĐDIV-1242	05/12/2020	2	42	Phạm Hùng	Dũng	15/11/1993	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1243	ĐDIV-1243	05/12/2020	2	42	Nguyễn Tấn	Dũng	30/12/1998	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1244	ĐDIV-1244	05/12/2020	2	42	Nông Tiến	Dũng	27/04/1995	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	DTTS	
1245	ĐDIV-1245	05/12/2020	2	42	Nguyễn Tiến	Dũng	27/05/1994	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1246	ĐDIV-1246	05/12/2020	2	42	Cao Văn	Dũng	13/03/1993	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	HTNV	
1247	ĐDIV-1247	05/12/2020	3	42	Nguyễn Mạnh	Dũng	14/09/1991	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1248	ĐDIV-1248	05/12/2020	3	42	Võ Tiến	Dũng	19/01/1989	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	HTNV	
1249	ĐDIV-1249	05/12/2020	3	42	Kiều Văn	Dụng	02/06/1991	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1250	ĐDIV-1250	05/12/2020	3	42	Nguyễn Như	Được	03/08/1996	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1251	ĐDIV-1251	05/12/2020	3	42	Nguyễn Thắm Thùy	Dương	05/03/1981	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1252	ĐDIV-1252	05/12/2020	3	42	Nguyễn Thị Thùy	Dương	13/10/1982	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1253	ĐDIV-1253	05/12/2020	3	42	Trương Khánh	Dương	20/02/1988	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1254	ĐDIV-1254	05/12/2020	3	42	Phạm Tùng	Dương	20/10/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1255	ĐDIV-1255	05/12/2020	4	42	Nguyễn Duy	Dương	08/03/1988	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1256	ĐDIV-1256	05/12/2020	4	42	Lã Thị Thùy	Dương	29/06/1990	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1257	ĐDIV-1257	05/12/2020	4	42	Nguyễn Thị Thùy	Dương	03/03/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1258	ĐDIV-1258	05/12/2020	4	42	Lê Thùy	Dương	17/02/1993	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1259	ĐDIV-1259	05/12/2020	4	42	Lê Thị Thùy	Dương	25/09/1984	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	CBB	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1260	ĐDIV-1260	05/12/2020	4	42	Nguyễn Thị Thùy	Dương	26/09/1993	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1261	ĐDIV-1261	05/12/2020	4	42	Khuất Thị Thùy	Dương	20/07/1995	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1262	ĐDIV-1262	05/12/2020	1	43	Nguyễn Ngọc	Dương	08/09/1993	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1263	ĐDIV-1263	05/12/2020	1	43	Nguyễn Thị Thùy	Dương	03/09/1995	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1264	ĐDIV-1264	05/12/2020	1	43	Lê Thị Thùy	Dương	22/10/1997	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1265	ĐDIV-1265	05/12/2020	1	43	Doãn Thị Thùy	Dương	04/04/1995	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1266	ĐDIV-1266	05/12/2020	1	43	Kiều Thị	Đương	25/10/1992	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1267	ĐDIV-1267	05/12/2020	1	43	Phan Khánh	Duy	19/08/1993	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng Gây mê hồi sức**	CĐ	Điều dưỡng Gây mê hồi sức		
1268	ĐDIV-1268	05/12/2020	1	43	Nguyễn Linh	Duy	07/06/1991	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
1269	ĐDIV-1269	05/12/2020	1	43	Trần Văn	Duy	13/8/1997	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1270	ĐDIV-1270	05/12/2020	2	43	Bùi Thị	Duyên	02/06/1989	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1271	ĐDIV-1271	05/12/2020	2	43	Lê Thị	Duyên	08/02/1992	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	CBB	
1272	ĐDIV-1272	05/12/2020	2	43	Nguyễn Thị Tân	Duyên	01/01/1992	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1273	ĐDIV-1273	05/12/2020	2	43	Nguyễn Thị	Duyên	24/10/1994	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1274	ĐDIV-1274	05/12/2020	2	43	Nguyễn Thị	Duyên	21/7/1994	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1275	ĐDIV-1275	05/12/2020	2	43	Nguyễn Thị	Duyên	01/10/1995	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1276	ĐDIV-1276	05/12/2020	2	43	Nguyễn Thị	Duyên	10/02/1994	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1277	ĐDIV-1277	05/12/2020	3	43	Đỗ Thị	Duyên	17/12/1996	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1278	ĐDIV-1278	05/12/2020	3	43	Nguyễn Thị	Duyên	31/08/1980	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1279	ĐDIV-1279	05/12/2020	3	43	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	23/01/1988	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1280	ĐDIV-1280	05/12/2020	3	43	Đỗ Thị	Duyên	19/11/1998	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1281	ĐDIV-1281	05/12/2020	3	43	Chu Thị	Duyên	14/01/1995	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1282	ĐDIV-1282	05/12/2020	3	43	Mầu Thị	Duyên	15/08/1996	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
1283	ĐDIV-1283	05/12/2020	3	43	Dương Thị	Duyên	24/10/1997	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1284	ĐDIV-1284	05/12/2020	3	43	Nguyễn Thị	Gấm	15/07/1989	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1285	ĐDIV-1285	05/12/2020	4	43	Lê Thị	Giang	23/09/1993	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1286	ĐDIV-1286	05/12/2020	4	43	Chu Thị Hương	Giang	15/10/1981	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1287	ĐDIV-1287	05/12/2020	4	43	Lê Hương	Giang	09/02/1992	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1288	ĐDIV-1288	05/12/2020	4	43	Phan Thị Hương	Giang	01/09/1997	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1289	ĐDIV-1289	05/12/2020	4	43	Trịnh Thị	Giang	21/02/1995	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1290	ĐDIV-1290	05/12/2020	4	43	Nguyễn Thị	Giang	04/08/1997	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1291	ĐDIV-1291	05/12/2020	4	43	Lê Thị Linh	Giang	22/03/1983	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1292	ĐDIV-1292	05/12/2020	1	44	Phùng Thị Chà	Giang	23/10/1984	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1293	ĐDIV-1293	05/12/2020	1	44	Nguyễn Thị	Giang	07/07/1993	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1294	ĐDIV-1294	05/12/2020	1	44	Nguyễn Hoài	Giang	10/08/1996	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1295	ĐDIV-1295	05/12/2020	1	44	Lê Thị Thanh	Giang	22/3/1989	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1296	ĐDIV-1296	05/12/2020	1	44	Đỗ Thị Minh	Giang	28/10/1995	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1297	ĐDIV-1297	05/12/2020	1	44	Nguyễn Thu	Giang	11/02/1990	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1298	ĐDIV-1298	05/12/2020	1	44	Vương Thị	Giang	20/07/1993	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1299	ĐDIV-1299	05/12/2020	1	44	Nguyễn Thị	Giang	05/09/1990	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1300	ĐDIV-1300	05/12/2020	2	44	Lê Thị Phương	Giang	10/06/1982	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1301	ĐDIV-1301	05/12/2020	2	44	Phạm Hương	Giang	11/07/1991	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1302	ĐDIV-1302	05/12/2020	2	44	Nguyễn Thị	Giang	18/8/1991	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1303	ĐDIV-1303	05/12/2020	2	44	Hoàng Quỳnh	Giang	22/10/1995	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1304	ĐDIV-1304	05/12/2020	2	44	Nguyễn Thị Hương	Giang	11/09/1993	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1305	ĐDIV-1305	05/12/2020	2	44	Ngô Hương	Giang	28/7/1998	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1306	ĐDIV-1306	05/12/2020	2	44	Nguyễn Thị	Giang	24/12/1992	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1307	ĐDIV-1307	05/12/2020	3	44	Phùng Hương	Giang	22/12/1993	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1308	ĐDIV-1308	05/12/2020	3	44	Phạm Thế	Giáp	23/01/1995	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1309	ĐDIV-1309	05/12/2020	3	44	Nguyễn Thị Thu	Hà	01/12/1996	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1310	ĐDIV-1310	05/12/2020	3	44	Nguyễn Thị Khánh	Hà	04/09/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1311	ĐDIV-1311	05/12/2020	3	44	Cảnh Thị	Hà	23/09/1992	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1312	ĐDIV-1312	05/12/2020	3	44	Nguyễn Trương Ngân	Hà	24/05/1995	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1313	ĐDIV-1313	05/12/2020	3	44	Hứa Thị	Hà	26/03/1992	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1314	ĐDIV-1314	05/12/2020	3	44	Chu Thị	Hà	31/08/1988	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1315	ĐDIV-1315	05/12/2020	4	44	Nguyễn Thị	Hà	22/09/1990	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1316	ĐDIV-1316	05/12/2020	4	44	Nguyễn Đăng Ngọc	Hà	01/07/1996	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1317	ĐDIV-1317	05/12/2020	4	44	Nguyễn Trọng Hoàng	Hà	06/10/1997	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1318	ĐDIV-1318	05/12/2020	4	44	Nguyễn Thu	Hà	10/02/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1319	ĐDIV-1319	05/12/2020	4	44	Lê Thu	Hà	18/10/1996	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1320	ĐDIV-1320	05/12/2020	4	44	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/12/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1321	ĐDIV-1321	05/12/2020	4	44	Kiều Thị	Hà	28/10/1998	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1322	ĐDIV-1322	05/12/2020	1	45	Lê Ngân	Hà	12/04/1983	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1323	ĐDIV-1323	05/12/2020	1	45	Nguyễn Thu	Hà	13/07/1996	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1324	ĐDIV-1324	05/12/2020	1	45	Hoàng Thị Thu	Hà	02/04/1994	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1325	ĐDIV-1325	05/12/2020	1	45	Phạm Ngọc	Hà	26/09/1992	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1326	ĐDIV-1326	05/12/2020	1	45	Dương Thị Thu	Hà	27/05/1996	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1327	ĐDIV-1327	05/12/2020	1	45	Lương Thu	Hà	09/05/1993	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1328	ĐDIV-1328	05/12/2020	1	45	Nguyễn Thị	Hà	16/4/1988	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1329	ĐDIV-1329	05/12/2020	1	45	Đoàn Thị Thu	Hà	01/10/1997	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1330	ĐDIV-1330	05/12/2020	2	45	Ngô Thu	Hà	11/5/1997	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1331	ĐDIV-1331	05/12/2020	2	45	Đỗ Thị Thu	Hà	11/10/1983	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1332	ĐDIV-1332	05/12/2020	2	45	Phạm Thị Thu	Hà	16/02/1996	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1333	ĐDIV-1333	05/12/2020	2	45	Kiều Hồng	Hà	26/04/1994	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1334	ĐDIV-1334	05/12/2020	2	45	Nguyễn Thị Thu	Hà	17/01/1995	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1335	ĐDIV-1335	05/12/2020	2	45	Nguyễn Thị Thu	Hà	10/07/1997	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1336	ĐDIV-1336	05/12/2020	2	45	Trịnh Thị	Hà	10/07/1992	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1337	ĐDIV-1337	05/12/2020	3	45	Vũ Thị Thu	Hà	11/04/1992	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1338	ĐDIV-1338	05/12/2020	3	45	Lương Thu	Hà	01/04/1994	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1339	ĐDIV-1339	05/12/2020	3	45	Vũ Thúy	Hà	22/11/1996	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1340	ĐDIV-1340	05/12/2020	3	45	Nguyễn Thị	Hà	02/07/1989	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1341	ĐDIV-1341	05/12/2020	3	45	Nguyễn Thị	Hà	13/11/1984	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1342	ĐDIV-1342	05/12/2020	3	45	Phan Thị Thu	Hà	05/05/1995	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1343	ĐDIV-1343	05/12/2020	3	45	Ngô Thị	Hà	19/05/1997	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1344	ĐDIV-1344	05/12/2020	3	45	Bùi Ngân	Hà	22/03/1996	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1345	ĐDIV-1345	05/12/2020	4	45	Nguyễn Thị	Hà	17/02/1984	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1346	ĐDIV-1346	05/12/2020	4	45	Trần Thị Thu	Hà	10/05/1994	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1347	ĐDIV-1347	05/12/2020	4	45	Vũ Thị Hồng	Hà	12/02/1986	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1348	ĐDIV-1348	05/12/2020	4	45	Lê Thanh	Hà	22/11/1991	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1349	ĐDIV-1349	05/12/2020	4	45	Trịnh Thị	Hà	18/10/1992	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1350	ĐDIV-1350	05/12/2020	4	45	Nguyễn Thị Bích	Hà	13/07/1985	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1351	ĐDIV-1351	05/12/2020	4	45	Phạm Thị	Hà	22/06/1990	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1352	ĐDIV-1352	05/12/2020	1	46	Hoàng Thị Hồng	Hà	03/10/1995	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1353	ĐDIV-1353	05/12/2020	1	46	Nguyễn Thị	Hà	08/03/1990	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1354	ĐDIV-1354	05/12/2020	1	46	Lưu Thanh	Hà	02/12/1993	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1355	ĐDIV-1355	05/12/2020	1	46	Trần Thị Phương	Hà	01/01/1995	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1356	ĐDIV-1356	05/12/2020	1	46	Vũ Thị Thu	Hà	07/06/1996	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1357	ĐDIV-1357	05/12/2020	1	46	Chu Thị	Hà	15/08/1987	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1358	ĐDIV-1358	05/12/2020	1	46	Phạm Thị	Hà	25/06/1994	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1359	ĐDIV-1359	05/12/2020	1	46	Nguyễn Thị	Hà	27/09/1984	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1360	ĐDIV-1360	05/12/2020	2	46	Hà Văn	Hải	15/08/1979	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1361	ĐDIV-1361	05/12/2020	2	46	Nguyễn Bá	Hải	09/03/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1362	ĐDIV-1362	05/12/2020	2	46	Nguyễn Văn	Hải	11/11/1991	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1363	ĐDIV-1363	05/12/2020	2	46	Vũ Ngọc	Hải	12/09/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1364	ĐDIV-1364	05/12/2020	2	46	Nguyễn Bá	Hải	14/12/1998	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1365	ĐDIV-1365	05/12/2020	2	46	Nguyễn Thị	Hải	02/09/1990	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1366	ĐDIV-1366	05/12/2020	2	46	Hoàng Đình	Hải	27/11/1992	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1367	ĐDIV-1367	05/12/2020	3	46	Hoàng Thị Ngọc	Hải	10/06/1998	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1368	ĐDIV-1368	05/12/2020	3	46	Đức Thị	Hải	15/10/1992	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1369	ĐDIV-1369	05/12/2020	3	46	Nguyễn Thị Thanh	Hải	13/3/1995	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1370	ĐDIV-1370	05/12/2020	3	46	Nguyễn Thanh	Hải	15/08/1993	TTYT Cầu Giấy	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1371	ĐDIV-1371	05/12/2020	3	46	Phạm Thị Thanh	Hải	10/11/1993	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1372	ĐDIV-1372	05/12/2020	3	46	Bùi Thị	Hải	27/10/1992	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1373	ĐDIV-1373	05/12/2020	3	46	Nguyễn Thị	Hải	20/11/1988	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1374	ĐDIV-1374	05/12/2020	3	46	Nguyễn Thị	Hải	23/11/1998	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1375	ĐDIV-1375	05/12/2020	4	46	Nguyễn Thị	Hân	27/10/1980	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CLS	
1376	ĐDIV-1376	05/12/2020	4	46	Lê Ngọc	Hân	29/01/1998	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1377	ĐDIV-1377	05/12/2020	4	46	Chu Thị	Hân	17/12/1994	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1378	ĐDIV-1378	05/12/2020	4	46	Chu Thị Bích	Hằng	08/01/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1379	ĐDIV-1379	05/12/2020	4	46	Lê Thị	Hằng	28/02/1993	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1380	ĐDIV-1380	05/12/2020	4	46	Bùi Thị	Hằng	16/09/1987	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
1381	ĐDIV-1381	05/12/2020	4	46	Đỗ Thị Thu	Hằng	16/08/1980	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1382	ĐDIV-1382	05/12/2020	1	47	Lê Thị	Hằng	08/07/1986	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1383	ĐDIV-1383	05/12/2020	1	47	Nguyễn Lệ	Hằng	07/06/1995	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1384	ĐDIV-1384	05/12/2020	1	47	Phạm Thị Thúy	Hằng	26/01/1983	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1385	ĐDIV-1385	05/12/2020	1	47	Bùi Thanh	Hằng	16/08/1981	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1386	ĐDIV-1386	05/12/2020	1	47	Nguyễn Thị	Hằng	07/03/1994	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1387	ĐDIV-1387	05/12/2020	1	47	Phạm Thị Thúy	Hằng	07/08/1994	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1388	ĐDIV-1388	05/12/2020	1	47	Dư Thúy	Hằng	07/11/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1389	ĐDIV-1389	05/12/2020	1	47	Đinh Thị	Hằng	20/4/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1390	ĐDIV-1390	05/12/2020	2	47	Vũ Thị Thúy	Hằng	14/06/1994	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1391	ĐDIV-1391	05/12/2020	2	47	Phan Thị	Hằng	26/06/1998	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1392	ĐDIV-1392	05/12/2020	2	47	Trần Thị Thu	Hằng	03/08/1995	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1393	ĐDIV-1393	05/12/2020	2	47	Phạm Thị	Hằng	20/9/1990	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1394	ĐDIV-1394	05/12/2020	2	47	Dương Thị Thanh	Hằng	27/10/1994	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1395	ĐDIV-1395	05/12/2020	2	47	Nguyễn Thị	Hằng	15/11/1993	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
1396	ĐDIV-1396	05/12/2020	2	47	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	19/09/1997	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1397	ĐDIV-1397	05/12/2020	3	47	Nguyễn Thị Việt	Hằng	22/12/1987	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1398	ĐDIV-1398	05/12/2020	3	47	Trần Thị Thu	Hằng	10/03/1993	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1399	ĐDIV-1399	05/12/2020	3	47	Nguyễn Thị	Hằng	06/08/1991	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1400	ĐDIV-1400	05/12/2020	3	47	Nguyễn Thanh	Hằng	18/7/1989	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1401	ĐDIV-1401	05/12/2020	3	47	Vũ Thị	Hằng	05/12/1992	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1402	ĐDIV-1402	05/12/2020	3	47	Đặng Thị	Hằng	29/12/1991	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1403	ĐDIV-1403	05/12/2020	3	47	Nguyễn Thị	Hằng	21/12/1990	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1404	ĐDIV-1404	05/12/2020	3	47	Trần Thị Bích	Hằng	31/10/1992	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1405	ĐDIV-1405	05/12/2020	4	47	Nguyễn Thị Thu	Hằng	18/07/1995	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1406	ĐDIV-1406	05/12/2020	4	47	Phạm Thị	Hằng	03/04/1993	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1407	ĐDIV-1407	05/12/2020	4	47	Nguyễn Thị	Hằng	29/11/1995	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1408	ĐDIV-1408	05/12/2020	4	47	Hoàng Thị Thu	Hằng	06/10/1994	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1409	ĐDIV-1409	05/12/2020	4	47	Quách Thị	Hằng	06/05/1988	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1410	ĐDIV-1410	05/12/2020	4	47	Phạm Thị Thanh	Hằng	20/01/1996	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1411	ĐDIV-1411	05/12/2020	4	47	Nguyễn Thu	Hằng	16/04/1994	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1412	ĐDIV-1412	05/12/2020	1	48	Nguyễn Thị	Hằng	17/11/1991	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	CTB	
1413	ĐDIV-1413	05/12/2020	1	48	Nguyễn Thu	Hằng	17/5/1994	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1414	ĐDIV-1414	05/12/2020	1	48	Nguyễn Minh	Hằng	03/01/1994	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1415	ĐDIV-1415	05/12/2020	1	48	Cấn Thị Thanh	Hằng	01/12/1997	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1416	ĐDIV-1416	05/12/2020	1	48	Hoàng Thị	Hằng	10/11/1997	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1417	ĐDIV-1417	05/12/2020	1	48	Nguyễn Thu	Hằng	09/12/1997	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1418	ĐDIV-1418	05/12/2020	1	48	Nguyễn Thu	Hằng	19/08/1993	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1419	ĐDIV-1419	05/12/2020	1	48	Lê Thanh	Hằng	01/03/1993	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1420	ĐDIV-1420	05/12/2020	2	48	Nguyễn Thị Thu	Hằng	24/05/1992	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1421	ĐDIV-1421	05/12/2020	2	48	Phan Thúy	Hằng	19/02/1995	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1422	ĐDIV-1422	05/12/2020	2	48	Nguyễn Thị	Hằng	10/06/1995	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1423	ĐDIV-1423	05/12/2020	2	48	Trần Thị Mỹ	Hằng	26/11/1993	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1424	ĐDIV-1424	05/12/2020	2	48	Phan Thị Thu	Hằng	12/05/1993	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1425	ĐDIV-1425	05/12/2020	2	48	Đỗ Thị Bích	Hằng	30/09/1995	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1426	ĐDIV-1426	05/12/2020	2	48	Kiều Thị	Hằng	01/11/1990	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1427	ĐDIV-1427	05/12/2020	3	48	Đàm Thị	Hằng	15/09/1986	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1428	ĐDIV-1428	05/12/2020	3	48	Nguyễn Thị	Hằng	01/3/1992	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1429	ĐDIV-1429	05/12/2020	3	48	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	11/06/1985	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1430	ĐDIV-1430	05/12/2020	3	48	Trần Thị	Hạnh	24/11/1983	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1431	ĐDIV-1431	05/12/2020	3	48	Nguyễn Thị	Hạnh	30/07/1979	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1432	ĐDIV-1432	05/12/2020	3	48	Nguyễn Thị	Hạnh	17/02/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1433	ĐDIV-1433	05/12/2020	3	48	Trần Thị Hồng	Hạnh	26/04/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1434	ĐDIV-1434	05/12/2020	3	48	Bá Thị Hồng	Hạnh	30/01/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1435	ĐDIV-1435	05/12/2020	4	48	Nguyễn Thị	Hạnh	16/03/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1436	ĐDIV-1436	05/12/2020	4	48	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	18/07/1980	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1437	ĐDIV-1437	05/12/2020	4	48	Nguyễn Thị	Hạnh	25/08/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1438	ĐDIV-1438	05/12/2020	4	48	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	07/05/1993	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1439	ĐDIV-1439	05/12/2020	4	48	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	14/05/1996	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1440	ĐDIV-1440	05/12/2020	4	48	Trần Thị	Hạnh	15/05/1994	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1441	ĐDIV-1441	05/12/2020	4	48	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	20/07/1989	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1442	ĐDIV-1442	05/12/2020	1	49	Chu Thị Hồng	Hạnh	25/10/1998	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1443	ĐDIV-1443	05/12/2020	1	49	Nguyễn Bích	Hạnh	15/07/1984	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1444	ĐDIV-1444	05/12/2020	1	49	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	11/11/1997	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1445	ĐDIV-1445	05/12/2020	1	49	Trịnh Thị Phương	Hạnh	02/7/1996	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
1446	ĐDIV-1446	05/12/2020	1	49	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	22/01/1994	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1447	ĐDIV-1447	05/12/2020	1	49	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	30/05/1996	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1448	ĐDIV-1448	05/12/2020	1	49	Hà Thị	Hạnh	07/02/1982	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
1449	ĐDIV-1449	05/12/2020	1	49	Đặng Thị Hồng	Hạnh	31/05/1994	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1450	ĐDIV-1450	05/12/2020	2	49	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	21/01/1993	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1451	ĐDIV-1451	05/12/2020	2	49	Trần Thị Thu	Hạnh	07/09/1996	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1452	ĐDIV-1452	05/12/2020	2	49	Lê Thị	Hạnh	16/11/1991	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1453	ĐDIV-1453	05/12/2020	2	49	Hoàng Thị Hồng	Hảo	10/10/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1454	ĐDIV-1454	05/12/2020	2	49	Đỗ Minh	Hảo	22/03/1994	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1455	ĐDIV-1455	05/12/2020	2	49	Dương Thị	Hảo	26/12/1994	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1456	ĐDIV-1456	05/12/2020	2	49	Trịnh Thị Bích	Hảo	15/02/1995	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1457	ĐDIV-1457	05/12/2020	3	49	Nguyễn Thị	Hậu	28/11/1998	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1458	ĐDIV-1458	05/12/2020	3	49	Đỗ Thị	Hậu	14/08/1992	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1459	ĐDIV-1459	05/12/2020	3	49	Nguyễn Thị	Hiên	18/07/1996	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1460	ĐDIV-1460	05/12/2020	3	49	Nguyễn Phương	Hiên	25/05/1992	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1461	ĐDIV-1461	05/12/2020	3	49	Vũ Thị	Hiên	21/3/1991	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
1462	ĐDIV-1462	05/12/2020	3	49	Dương Thị	Hiên	11/3/1992	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1463	ĐDIV-1463	05/12/2020	3	49	Nguyễn Thị Hoa	Hiên	08/12/1977	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1464	ĐDIV-1464	05/12/2020	3	49	Nguyễn Thị	Hiên	06/10/1995	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1465	ĐDIV-1465	05/12/2020	4	49	Khuất Thị Bích	Hiên	02/12/1991	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1466	ĐDIV-1466	05/12/2020	4	49	Đỗ Ngọc	Hiển	21/12/1976	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CBB	
1467	ĐDIV-1467	05/12/2020	4	49	Nguyễn Thị	Hiền	15/11/1991	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1468	ĐDIV-1468	05/12/2020	4	49	Lê Thị Thu	Hiền	25/11/1986	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1469	ĐDIV-1469	05/12/2020	4	49	Nguyễn Thị	Hiền	21/03/1995	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1470	ĐDIV-1470	05/12/2020	4	49	Nguyễn Thị	Hiền	23/08/1981	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1471	ĐDIV-1471	05/12/2020	4	49	Thế Thị	Hiền	30/03/1989	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1472	ĐDIV-1472	05/12/2020	1	50	Nguyễn Thị Thu	Hiền	26/11/1975	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1473	ĐDIV-1473	05/12/2020	1	50	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/12/1993	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1474	ĐDIV-1474	05/12/2020	1	50	Nguyễn Thu	Hiền	09/06/1996	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1475	ĐDIV-1475	05/12/2020	1	50	Hoàng Thu	Hiền	29/11/1996	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1476	ĐDIV-1476	05/12/2020	1	50	Phạm Thị Thanh	Hiền	02/10/1990	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1477	ĐDIV-1477	05/12/2020	1	50	Nguyễn Thị Thu	Hiền	08/01/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1478	ĐDIV-1478	05/12/2020	1	50	Nguyễn Thị	Hiền	23/6/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1479	ĐDIV-1479	05/12/2020	1	50	Nguyễn Thị	Hiền	27/12/1992	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1480	ĐDIV-1480	05/12/2020	2	50	Vương Thị	Hiền	29/10/1992	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1481	ĐDIV-1481	05/12/2020	2	50	Chử Thị	Hiền	02/09/1994	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1482	ĐDIV-1482	05/12/2020	2	50	Đàm Minh	Hiền	14/02/1986	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1483	ĐDIV-1483	05/12/2020	2	50	Nguyễn Thị	Hiền	09/10/1993	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1484	ĐDIV-1484	05/12/2020	2	50	Lê Thị	Hiền	06/5/1993	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1485	ĐDIV-1485	05/12/2020	2	50	Trần Thị Thu	Hiền	03/5/1998	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1486	ĐDIV-1486	05/12/2020	2	50	Nguyễn Thị	Hiền	15/07/1992	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1487	ĐDIV-1487	05/12/2020	3	50	Đỗ Thị	Hiền	18/05/1996	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1488	ĐDIV-1488	05/12/2020	3	50	Phí Thị	Hiền	08/07/1994	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1489	ĐDIV-1489	05/12/2020	3	50	Nguyễn Thị Thu	Hiền	04/06/1993	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1490	ĐDIV-1490	05/12/2020	3	50	Tạ Thúy	Hiền	16/05/1997	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1491	ĐDIV-1491	05/12/2020	3	50	Cao Thị	Hiền	17/10/1996	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1492	ĐDIV-1492	05/12/2020	3	50	Nguyễn Thị Thu	Hiền	14/01/1996	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1493	ĐDIV-1493	05/12/2020	3	50	Lê Thị	Hiền	06/04/1992	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1494	ĐDIV-1494	05/12/2020	3	50	Nguyễn Thu	Hiền	24/05/1990	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1495	ĐDIV-1495	05/12/2020	4	50	Nguyễn Xuân	Hiền	04/07/1990	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1496	ĐDIV-1496	05/12/2020	4	50	Nguyễn Thị	Hiền	19/09/1992	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1497	ĐDIV-1497	05/12/2020	4	50	Chu Thị Kim	Hiền	01/06/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1498	ĐDIV-1498	05/12/2020	4	50	Lê Thị	Hiền	07/12/1994	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1499	ĐDIV-1499	05/12/2020	4	50	Nguyễn Thị Thu	Hiền	06/07/1992	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1500	ĐDIV-1500	05/12/2020	4	50	Mai Thu	Hiền	06/03/1996	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1501	ĐDIV-1501	05/12/2020	4	50	Nguyễn Thu	Hiền	18/06/1996	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1502	ĐDIV-1502	05/12/2020	1	51	Bùi Thị	Hiền	01/11/1984	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1503	ĐDIV-1503	05/12/2020	1	51	Nguyễn Thị	Hiền	16/04/1994	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1504	ĐDIV-1504	05/12/2020	1	51	Đào Thị	Hiền	20/04/1994	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1505	ĐDIV-1505	05/12/2020	1	51	Đào Thị	Hiền	04/06/1990	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	**CTB, CBB**	
1506	ĐDIV-1506	05/12/2020	1	51	Tạ Thu	Hiền	12/05/1994	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1507	ĐDIV-1507	05/12/2020	1	51	Đoàn Thị	Hiền	26/05/1992	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1508	ĐDIV-1508	05/12/2020	1	51	Hoàng Trọng	Hiệp	22/9/1993	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1509	ĐDIV-1509	05/12/2020	1	51	Ngô Xuân	Hiệp	01/01/1993	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1510	ĐDIV-1510	05/12/2020	2	51	Nguyễn Thị	Hiệp	14/09/1986	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1511	ĐDIV-1511	05/12/2020	2	51	Nguyễn Văn	Hiếu	18/04/1995	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1512	ĐDIV-1512	05/12/2020	2	51	Phùng Thị Minh	Hiếu	25/05/1980	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1513	ĐDIV-1513	05/12/2020	2	51	Trần Trung	Hiếu	18/08/1994	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1514	ĐDIV-1514	05/12/2020	2	51	Hoàng Minh	Hiếu	14/10/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1515	ĐDIV-1515	05/12/2020	2	51	Nguyễn Trung	Hiếu	07/04/1992	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1516	ĐDIV-1516	05/12/2020	2	51	Nguyễn Thị	Hiếu	29/12/1984	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1517	ĐDIV-1517	05/12/2020	3	51	Hoàng Trung	Hiếu	11/10/1990	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1518	ĐDIV-1518	05/12/2020	3	51	Chu Thị	Hoa	30/05/1993	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1519	ĐDIV-1519	05/12/2020	3	51	Trần Thị	Hoa	08/02/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1520	ĐDIV-1520	05/12/2020	3	51	Nguyễn Xuân	Hoa	03/03/1994	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1521	ĐDIV-1521	05/12/2020	3	51	Nguyễn Thị Như	Hoa	16/05/1992	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	HTNV	
1522	ĐDIV-1522	05/12/2020	3	51	Lê Thị	Hoa	29/07/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1523	ĐDIV-1523	05/12/2020	3	51	Vũ Thị Mai	Hoa	23/12/1994	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1524	ĐDIV-1524	05/12/2020	3	51	Chu Thị Nguyệt	Hoa	17/11/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1525	ĐDIV-1525	05/12/2020	4	51	Cao Thị	Hoa	18/08/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1526	ĐDIV-1526	05/12/2020	4	51	Lê Thị Bích	Hoa	01/11/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1527	ĐDIV-1527	05/12/2020	4	51	Vương Thị	Hoa	28/03/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1528	ĐDIV-1528	05/12/2020	4	51	Nguyễn Thị	Hoa	29/01/1975	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1529	ĐDIV-1529	05/12/2020	4	51	Nguyễn Thị	Hoa	07/7/1992	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1530	ĐDIV-1530	05/12/2020	4	51	Trần Thị Thanh	Hoa	01/12/1991	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1531	ĐDIV-1531	05/12/2020	4	51	Đỗ Thị Yến	Hoa	21/07/1990	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1532	ĐDIV-1532	05/12/2020	1	52	Nguyễn Thị	Hoa	11/03/1991	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1533	ĐDIV-1533	05/12/2020	1	52	Quách Thị Mai	Hoa	28/03/1995	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
1534	ĐDIV-1534	05/12/2020	1	52	Nguyễn Thị	Hoa	24/09/1992	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1535	ĐDIV-1535	05/12/2020	1	52	Nguyễn Tuyết	Hoa	04/05/1998	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1536	ĐDIV-1536	05/12/2020	1	52	Trần Thị	Hoa	15/08/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1537	ĐDIV-1537	05/12/2020	1	52	Vương Thị	Hoa	28/12/1993	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1538	ĐDIV-1538	05/12/2020	1	52	Trần Thị	Hoa	04/04/1994	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1539	ĐDIV-1539	05/12/2020	1	52	Phan Thị	Hoa	05/09/1985	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1540	ĐDIV-1540	05/12/2020	2	52	Vũ Thị	Hoa	07/02/1993	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1541	ĐDIV-1541	05/12/2020	2	52	Vũ Thanh	Hoa	10/11/1995	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1542	ĐDIV-1542	05/12/2020	2	52	Vũ Thị Thanh	Hoa	16/5/1990	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1543	ĐDIV-1543	05/12/2020	2	52	Lê Thị	Hoa	05/7/1987	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1544	ĐDIV-1544	05/12/2020	2	52	Phạm Thị	Hoa	10/8/1990	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
1545	ĐDIV-1545	05/12/2020	2	52	Nguyễn Thị	Hoa	20/7/1996	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1546	ĐDIV-1546	05/12/2020	2	52	Nguyễn Thị	Hoa	29/01/1993	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1547	ĐDIV-1547	05/12/2020	3	52	Phạm Thị	Hoa	02/04/1993	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1548	ĐDIV-1548	05/12/2020	3	52	Nguyễn Thị	Hoa	25/11/1995	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1549	ĐDIV-1549	05/12/2020	3	52	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/08/1992	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1550	ĐDIV-1550	05/12/2020	3	52	Đặng Thị Thanh	Hoa	16/08/1992	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1551	ĐDIV-1551	05/12/2020	3	52	Nguyễn Thị	Hoa	14/12/1996	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1552	ĐDIV-1552	05/12/2020	3	52	Đào Thị	Hoa	10/02/1991	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1553	ĐDIV-1553	05/12/2020	3	52	Phạm Thị	Hòa	13/08/1997	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1554	ĐDIV-1554	05/12/2020	3	52	Bùi Văn	Hòa	16/05/1992	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1555	ĐDIV-1555	05/12/2020	4	52	Nguyễn Thị	Hòa	03/06/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1556	ĐDIV-1556	05/12/2020	4	52	Nguyễn Thị	Hòa	05/06/1994	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	DTTS	
1557	ĐDIV-1557	05/12/2020	4	52	Mai Thị	Hòa	18/3/1995	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1558	ĐDIV-1558	05/12/2020	4	52	Nguyễn Thị	Hòa	06/11/1998	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1559	ĐDIV-1559	05/12/2020	4	52	Nguyễn Minh	Hòa	19/09/1997	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1560	ĐDIV-1560	05/12/2020	4	52	Trần Thị	Hòa	02/09/1996	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1561	ĐDIV-1561	05/12/2020	4	52	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/12/1992	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1562	ĐDIV-1562	05/12/2020	1	53	Lý Thị	Hòa	14/12/1994	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1563	ĐDIV-1563	05/12/2020	1	53	Nguyễn Thị	Hòa	07/04/1994	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1564	ĐDIV-1564	05/12/2020	1	53	Phi Thúy	Hoài	17/05/1995	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1565	ĐDIV-1565	05/12/2020	1	53	Lưu Thị Hải	Hoài	12/10/1997	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1566	ĐDIV-1566	05/12/2020	1	53	Nguyễn Thu	Hoài	22/01/1995	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1567	ĐDIV-1567	05/12/2020	1	53	Nguyễn Thị Thu	Hoài	18/01/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1568	ĐDIV-1568	05/12/2020	1	53	Nguyễn Thị Thu	Hoài	06/12/1996	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1569	ĐDIV-1569	05/12/2020	1	53	Nguyễn Duy	Hoàn	01/09/1995	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1570	ĐDIV-1570	05/12/2020	2	53	Phạm Văn	Hoàn	03/03/1987	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1571	ĐDIV-1571	05/12/2020	2	53	Bùi Thị Thu	Hoàn	11/12/1994	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
1572	ĐDIV-1572	05/12/2020	2	53	Đỗ Huy	Hoàng	18/09/1994	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1573	ĐDIV-1573	05/12/2020	2	53	Lê Văn	Hoàng	20/06/1985	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1574	ĐDIV-1574	05/12/2020	2	53	Đoàn Thị	Hợi	18/02/1996	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1575	ĐDIV-1575	05/12/2020	2	53	Nguyễn Thị	Hồng	24/02/1992	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1576	ĐDIV-1576	05/12/2020	2	53	Chu Thị	Hồng	06/11/1981	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1577	ĐDIV-1577	05/12/2020	3	53	Đỗ Thị	Hồng	16/05/1978	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1578	ĐDIV-1578	05/12/2020	3	53	Đinh Thị	Hồng	12/07/1988	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1579	ĐDIV-1579	05/12/2020	3	53	Võ Thị	Hồng	23/03/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1580	ĐDIV-1580	05/12/2020	3	53	Nguyễn Thị Lý	Hồng	26/07/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1581	ĐDIV-1581	05/12/2020	3	53	Nguyễn Thị	Hồng	11/07/1991	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1582	ĐDIV-1582	05/12/2020	3	53	Phạm Thị Ánh	Hồng	16/01/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1583	ĐDIV-1583	05/12/2020	3	53	Dư Thanh	Hồng	14/02/1998	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1584	ĐDIV-1584	05/12/2020	3	53	Đặng Thị	Hồng	22/11/1992	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1585	ĐDIV-1585	05/12/2020	4	53	Nguyễn Thị Thu	Hồng	15/12/1994	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1586	ĐDIV-1586	05/12/2020	4	53	Nguyễn Thị	Hồng	16/8/1992	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1587	ĐDIV-1587	05/12/2020	4	53	Nguyễn Thị	Hồng	02/11/1995	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1588	ĐDIV-1588	05/12/2020	4	53	Nguyễn Thị	Hồng	28/11/1996	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1589	ĐDIV-1589	05/12/2020	4	53	Đỗ Thúy	Hồng	03/12/1996	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1590	ĐDIV-1590	05/12/2020	4	53	Nguyễn Thị	Hồng	12/12/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1591	ĐDIV-1591	05/12/2020	4	53	Ứng Thị	Hồng	24/3/1994	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1592	ĐDIV-1592	05/12/2020	1	54	Nguyễn Thị	Hồng	30/11/1980	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1593	ĐDIV-1593	05/12/2020	1	54	Ngô Thị Thu	Hồng	01/11/1995	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1594	ĐDIV-1594	05/12/2020	1	54	Hà Thị	Hồng	26/11/1993	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1595	ĐDIV-1595	05/12/2020	1	54	Nguyễn Kim	Hồng	10/06/1995	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1596	ĐDIV-1596	05/12/2020	1	54	Bùi Thị	Hợp	15/01/1994	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1597	ĐDIV-1597	05/12/2020	1	54	Đỗ Thị Phượng	Huế	04/02/1995	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1598	ĐDIV-1598	05/12/2020	1	54	Lê Thị	Huế	12/03/1992	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1599	ĐDIV-1599	05/12/2020	1	54	Nguyễn Thị	Huế	05/08/1996	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1600	ĐDIV-1600	05/12/2020	2	54	Chu Thị	Huế	25/09/1992	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1601	ĐDIV-1601	05/12/2020	2	54	Nguyễn Thị	Huế	15/06/1994	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1602	ĐDIV-1602	05/12/2020	2	54	Phan Thị Thu	Huệ	27/06/1987	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1603	ĐDIV-1603	05/12/2020	2	54	Đinh Thị	Huệ	19/10/1998	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1604	ĐDIV-1604	05/12/2020	2	54	Phạm Thị	Huệ	29/09/1992	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1605	ĐDIV-1605	05/12/2020	2	54	Đỗ Minh	Huệ	03/07/1995	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1606	ĐDIV-1606	05/12/2020	2	54	Đỗ Đình	Huệ	21/7/1994	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1607	ĐDIV-1607	05/12/2020	3	54	Bùi Thị	Huệ	01/8/1990	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1608	ĐDIV-1608	05/12/2020	3	54	Nguyễn Thị	Huệ	27/03/1995	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1609	ĐDIV-1609	05/12/2020	3	54	Lê Thị Kim	Huệ	17/11/1995	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1610	ĐDIV-1610	05/12/2020	3	54	Phạm Thị	Huệ	19/09/1993	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1611	ĐDIV-1611	05/12/2020	3	54	Trần Thị	Huệ	09/9/1992	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1612	ĐDIV-1612	05/12/2020	3	54	Hà Thị Ngọc	Huệ	31/05/1994	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
1613	ĐDIV-1613	05/12/2020	3	54	Bùi Thị	Huệ	07/06/1990	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1614	ĐDIV-1614	05/12/2020	3	54	Cao Thị	Huệ	29/05/1998	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1615	ĐDIV-1615	05/12/2020	4	54	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	08/09/1990	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1616	ĐDIV-1616	05/12/2020	4	54	Phi Thị	Huệ	19/08/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1617	ĐDIV-1617	05/12/2020	4	54	Tạ Việt	Hùng	03/6/1996	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1618	ĐDIV-1618	05/12/2020	4	54	Đỗ Duy	Hưng	17/02/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1619	ĐDIV-1619	05/12/2020	4	54	Nguyễn Bá	Hưng	07/08/1996	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1620	ĐDIV-1620	05/12/2020	4	54	Nguyễn Văn	Hưng	04/5/1997	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1621	ĐDIV-1621	05/12/2020	4	54	Nguyễn Công	Hưng	17/4/1996	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1622	ĐDIV-1622	05/12/2020	1	55	Nguyễn Thị	Hừng	27/04/1994	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1623	ĐDIV-1623	05/12/2020	1	55	Nguyễn Thị	Hương	21/01/1997	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1624	ĐDIV-1624	05/12/2020	1	55	Trương Thu	Hương	06/04/1985	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1625	ĐDIV-1625	05/12/2020	1	55	Thái Thu	Hương	11/12/1995	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1626	ĐDIV-1626	05/12/2020	1	55	Lê Thị Lan	Hương	29/03/1990	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1627	ĐDIV-1627	05/12/2020	1	55	Nguyễn Thị	Hương	05/07/1986	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1628	ĐDIV-1628	05/12/2020	1	55	Nguyễn Thị Mai	Hương	29/12/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1629	ĐDIV-1629	05/12/2020	1	55	Nguyễn Thị Lan	Hương	13/09/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1630	ĐDIV-1630	05/12/2020	2	55	Ngô Thị Mai	Hương	01/11/1979	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1631	ĐDIV-1631	05/12/2020	2	55	Nguyễn Thu	Hương	22/12/1980	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1632	ĐDIV-1632	05/12/2020	2	55	Đào Thị	Hương	05/05/1979	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1633	ĐDIV-1633	05/12/2020	2	55	Nguyễn Thị Mai	Hương	12/07/1997	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1634	ĐDIV-1634	05/12/2020	2	55	Nguyễn Thị Thu	Hương	01/03/1980	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1635	ĐDIV-1635	05/12/2020	2	55	Nghiêm Thị	Hương	23/04/1994	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1636	ĐDIV-1636	05/12/2020	2	55	Nguyễn Thị	Hương	12/04/1984	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1637	ĐDIV-1637	05/12/2020	3	55	Nguyễn Thị Mai	Hương	20/05/1992	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1638	ĐDIV-1638	05/12/2020	3	55	Nguyễn Thị Thanh	Hương	22/10/1997	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1639	ĐDIV-1639	05/12/2020	3	55	Nguyễn Thị	Hương	22/10/1994	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1640	ĐDIV-1640	05/12/2020	3	55	Nguyễn Thị Thu	Hương	13/01/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1641	ĐDIV-1641	05/12/2020	3	55	Nguyễn Thị	Hương	10/08/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1642	ĐDIV-1642	05/12/2020	3	55	Nguyễn Thu	Hương	23/09/1987	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1643	ĐDIV-1643	05/12/2020	3	55	Nguyễn Thị Mai	Hương	19/09/1989	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1644	ĐDIV-1644	05/12/2020	3	55	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	02/09/1994	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1645	ĐDIV-1645	05/12/2020	4	55	Nguyễn Thị	Hương	07/11/1992	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1646	ĐDIV-1646	05/12/2020	4	55	Vương Thị	Hương	20/05/1993	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1647	ĐDIV-1647	05/12/2020	4	55	Bùi Thị Thu	Hương	18/5/1991	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1648	ĐDIV-1648	05/12/2020	4	55	Trần Thị Thanh	Hương	23/05/1998	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1649	ĐDIV-1649	05/12/2020	4	55	Vũ Thị Thanh	Hương	07/07/1984	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1650	ĐDIV-1650	05/12/2020	4	55	Nguyễn Thị Thu	Hương	10/10/1996	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1651	ĐDIV-1651	05/12/2020	4	55	Nguyễn Thị Hồng	Hương	18/05/1998	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1652	ĐDIV-1652	05/12/2020	1	56	Nguyễn Thị	Hương	13/02/1993	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1653	ĐDIV-1653	05/12/2020	1	56	Trần Thị Mai	Hương	15/11/1997	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1654	ĐDIV-1654	05/12/2020	1	56	Nguyễn Thanh	Hương	08/10/1996	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1655	ĐDIV-1655	05/12/2020	1	56	Phạm Thị Thu	Hương	18/12/1991	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1656	ĐDIV-1656	05/12/2020	1	56	Khuất Thị Thanh	Hương	29/11/1992	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1657	ĐDIV-1657	05/12/2020	1	56	Phùng Thị Thu	Hương	09/01/1997	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1658	ĐDIV-1658	05/12/2020	1	56	Trần Thu	Hương	09/11/1989	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1659	ĐDIV-1659	05/12/2020	1	56	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/11/1986	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1660	ĐDIV-1660	05/12/2020	2	56	Nguyễn Thị	Hương	18/05/1991	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1661	ĐDIV-1661	05/12/2020	2	56	Kiều Lan	Hương	06/06/1994	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1662	ĐDIV-1662	05/12/2020	2	56	Nguyễn Thị	Hương	19/06/1996	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1663	ĐDIV-1663	05/12/2020	2	56	Nguyễn Thị	Hương	16/04/1995	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1664	ĐDIV-1664	05/12/2020	2	56	Nguyễn Thị	Hương	02/01/1997	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1665	ĐDIV-1665	05/12/2020	2	56	Đỗ Thị	Hương	24/08/1991	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1666	ĐDIV-1666	05/12/2020	2	56	Lê Diệu	Hương	07/12/1995	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1667	ĐDIV-1667	05/12/2020	3	56	Nguyễn Thị Thanh	Hương	30/09/1981	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1668	ĐDIV-1668	05/12/2020	3	56	Nguyễn Thị Thu	Hương	09/12/1990	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1669	ĐDIV-1669	05/12/2020	3	56	Bùi Thu	Hương	04/9/1990	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1670	ĐDIV-1670	05/12/2020	3	56	Phạm Thị	Hương	20/03/1993	TTYT Cầu Giấy	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1671	ĐDIV-1671	05/12/2020	3	56	Đào Lan	Hương	10/06/1994	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1672	ĐDIV-1672	05/12/2020	3	56	Nguyễn Thị Lan	Hương	25/05/1995	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1673	ĐDIV-1673	05/12/2020	3	56	Nguyễn Thu	Hương	26/10/1997	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1674	ĐDIV-1674	05/12/2020	3	56	Phan Thị	Hương	22/11/1993	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1675	ĐDIV-1675	05/12/2020	4	56	Cấn Thị	Hương	15/09/1989	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1676	ĐDIV-1676	05/12/2020	4	56	Nguyễn Thị Thanh	Hương	26/11/1993	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1677	ĐDIV-1677	05/12/2020	4	56	Đinh Thị	Hương	26/02/1992	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1678	ĐDIV-1678	05/12/2020	4	56	Nguyễn Thị Mai	Hương	06/10/1992	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1679	ĐDIV-1679	05/12/2020	4	56	Chu Thanh	Hương	16/08/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1680	ĐDIV-1680	05/12/2020	4	56	Mầu Thị	Hương	17/09/1994	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1681	ĐDIV-1681	05/12/2020	4	56	Nguyễn Thị	Hương	21/10/1992	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1682	ĐDIV-1682	05/12/2020	1	57	Cao Thị	Hương	02/12/1995	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1683	ĐDIV-1683	05/12/2020	1	57	Đinh Thị Thu	Hường	29/10/1987	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1684	ĐDIV-1684	05/12/2020	1	57	Nguyễn Thị	Hường	06/11/1978	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1685	ĐDIV-1685	05/12/2020	1	57	Lê Thị	Hường	12/07/1990	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1686	ĐDIV-1686	05/12/2020	1	57	Phạm Thị	Hường	04/07/1996	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1687	ĐDIV-1687	05/12/2020	1	57	Trịnh Thị Thu	Hường	24/05/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1688	ĐDIV-1688	05/12/2020	1	57	Nguyễn Thị Thúy	Hường	10/12/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1689	ĐDIV-1689	05/12/2020	1	57	Nguyễn Thị Thu	Hường	16/11/1991	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1690	ĐDIV-1690	05/12/2020	2	57	Nguyễn Thị Thu	Hường	28/11/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1691	ĐDIV-1691	05/12/2020	2	57	Phan Thị Thu	Hường	13/12/1993	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1692	ĐDIV-1692	05/12/2020	2	57	Nguyễn Thu	Hường	27/06/1994	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1693	ĐDIV-1693	05/12/2020	2	57	Nguyễn Thị	Hường	14/09/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1694	ĐDIV-1694	05/12/2020	2	57	Đặng Thị Thu	Hường	26/08/1993	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1695	ĐDIV-1695	05/12/2020	2	57	Nguyễn Thị	Hường	05/6/1995	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1696	ĐDIV-1696	05/12/2020	2	57	Ngô Thị	Hường	18/01/1992	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1697	ĐDIV-1697	05/12/2020	3	57	Phạm Thị	Hường	20/10/1985	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1698	ĐDIV-1698	05/12/2020	3	57	Ngô Thị Thu	Hường	12/9/1979	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1699	ĐDIV-1699	05/12/2020	3	57	Trần Thị	Hường	28/08/1990	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1700	ĐDIV-1700	05/12/2020	3	57	Khuất Thị	Hường	30/11/1995	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1701	ĐDIV-1701	05/12/2020	3	57	Nguyễn Thị	Hường	06/02/1990	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1702	ĐDIV-1702	05/12/2020	3	57	Nguyễn Thanh	Hường	27/06/1990	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1703	ĐDIV-1703	05/12/2020	3	57	Nguyễn Thu	Hường	28/07/1991	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1704	ĐDIV-1704	05/12/2020	3	57	Đặng Thị	Hường	11/12/1992	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1705	ĐDIV-1705	05/12/2020	4	57	Nguyễn Thị	Hường	11/01/1991	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1706	ĐDIV-1706	05/12/2020	4	57	Vương Thị	Hường	11/9/1998	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1707	ĐDIV-1707	05/12/2020	4	57	Lương Thị	Hường	25/05/1994	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1708	ĐDIV-1708	05/12/2020	4	57	Trần Đình	Hữu	14/05/1988	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1709	ĐDIV-1709	05/12/2020	4	57	Hoàng Quốc	Huy	02/08/1996	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1710	ĐDIV-1710	05/12/2020	4	57	Nguyễn Quốc	Huy	09/04/1994	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1711	ĐDIV-1711	05/12/2020	4	57	Lê Văn	Huy	28/07/1990	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1712	ĐDIV-1712	05/12/2020	1	58	Chu Cao	Huy	06/11/1992	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	HTNV	
1713	ĐDIV-1713	05/12/2020	1	58	Nguyễn Thị	Huyền	04/03/1997	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1714	ĐDIV-1714	05/12/2020	1	58	Phạm Thanh	Huyền	09/12/1985	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1715	ĐDIV-1715	05/12/2020	1	58	Triệu Ngọc	Huyền	02/06/1996	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1716	ĐDIV-1716	05/12/2020	1	58	Vũ Thị Thu	Huyền	03/06/1985	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	CTB	
1717	ĐDIV-1717	05/12/2020	1	58	Chu Thị Thu	Huyền	05/12/1984	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
1718	ĐDIV-1718	05/12/2020	1	58	Nguyễn Thị Thương	Huyền	15/06/1995	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1719	ĐDIV-1719	05/12/2020	1	58	Đỗ Ngọc	Huyền	15/05/1992	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1720	ĐDIV-1720	05/12/2020	2	58	Vũ Thanh	Huyền	26/10/1987	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1721	ĐDIV-1721	05/12/2020	2	58	Đặng Thị	Huyền	23/07/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1722	ĐDIV-1722	05/12/2020	2	58	Đào Thanh	Huyền	18/09/1994	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1723	ĐDIV-1723	05/12/2020	2	58	Đỗ Thị	Huyền	31/08/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1724	ĐDIV-1724	05/12/2020	2	58	Lưu Thị	Huyền	09/05/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1725	ĐDIV-1725	05/12/2020	2	58	Nguyễn Thị Thu	Huyền	26/09/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1726	ĐDIV-1726	05/12/2020	2	58	Trần Thị Thu	Huyền	09/05/1993	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
1727	ĐDIV-1727	05/12/2020	3	58	Phạm Thị Thu	Huyền	18/05/1988	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1728	ĐDIV-1728	05/12/2020	3	58	Nguyễn Thị	Huyền	05/02/1998	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1729	ĐDIV-1729	05/12/2020	3	58	Nguyễn Thị	Huyền	06/04/1977	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
1730	ĐDIV-1730	05/12/2020	3	58	Nguyễn Thị	Huyền	07/09/1989	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1731	ĐDIV-1731	05/12/2020	3	58	Nguyễn Thị Lệ	Huyền	20/07/1984	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1732	ĐDIV-1732	05/12/2020	3	58	Ngô Thị Thu	Huyền	04/9/1995	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1733	ĐDIV-1733	05/12/2020	3	58	Đỗ Thị Thanh	Huyền	21/12/1981	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1734	ĐDIV-1734	05/12/2020	3	58	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	24/5/1994	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1735	ĐDIV-1735	05/12/2020	4	58	Lê Thị	Huyền	01/10/1997	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1736	ĐDIV-1736	05/12/2020	4	58	Nguyễn Thị Thu	Huyền	15/12/1987	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1737	ĐDIV-1737	05/12/2020	4	58	Nguyễn Thị Thu	Huyền	22/12/1992	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1738	ĐDIV-1738	05/12/2020	4	58	Vương Thị	Huyền	30/09/1989	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1739	ĐDIV-1739	05/12/2020	4	58	Nguyễn Thị	Huyền	10/08/1993	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	CTB	
1740	ĐDIV-1740	05/12/2020	4	58	Nguyễn Thị Thu	Huyền	10/06/1993	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1741	ĐDIV-1741	05/12/2020	4	58	Phạm Thị	Huyền	27/08/1987	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1742	ĐDIV-1742	05/12/2020	1	59	Nguyễn Thị	Huyền	08/06/1995	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1743	ĐDIV-1743	05/12/2020	1	59	Nguyễn Thị Thu	Huyền	30/03/1993	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1744	ĐDIV-1744	05/12/2020	1	59	Đỗ Thanh	Huyền	15/12/1997	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1745	ĐDIV-1745	05/12/2020	1	59	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	27/09/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1746	ĐDIV-1746	05/12/2020	1	59	Vũ Thị Thu	Huyền	04/05/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1747	ĐDIV-1747	05/12/2020	1	59	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	18/04/1994	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1748	ĐDIV-1748	05/12/2020	1	59	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	21/11/1995	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1749	ĐDIV-1749	05/12/2020	1	59	Lê Thanh	Huyền	08/12/1996	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1750	ĐDIV-1750	05/12/2020	2	59	Trần Thị Thanh	Huyền	13/10/1996	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1751	ĐDIV-1751	05/12/2020	2	59	Nguyễn Thị	Huyền	07/07/1997	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1752	ĐDIV-1752	05/12/2020	2	59	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	10/12/1994	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1753	ĐDIV-1753	05/12/2020	2	59	Chu Thanh	Huyền	22/08/1997	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1754	ĐDIV-1754	05/12/2020	2	59	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/04/1991	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1755	ĐDIV-1755	05/12/2020	2	59	Viết Thị	Huyền	27/11/1993	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1756	ĐDIV-1756	05/12/2020	2	59	Khuất Thị Minh	Huyền	11/09/1996	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1757	ĐDIV-1757	05/12/2020	3	59	Lê Thị	Huyền	15/03/1988	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1758	ĐDIV-1758	05/12/2020	3	59	Hoàng Diệu	Huyền	02/05/1990	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1759	ĐDIV-1759	05/12/2020	3	59	Trần Thu	Huyền	10/09/1994	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1760	ĐDIV-1760	05/12/2020	3	59	Nguyễn Minh	Huyền	07/09/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1761	ĐDIV-1761	05/12/2020	3	59	Vương Thu	Huyền	11/11/1988	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1762	ĐDIV-1762	05/12/2020	3	59	Nguyễn Trung Thị Thanh	Huyền	28/06/1998	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1763	ĐDIV-1763	05/12/2020	3	59	Trần Thị	Huyền	10/05/1990	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1764	ĐDIV-1764	05/12/2020	3	59	Nguyễn Văn	Huynh	14/11/1993	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	HTNV	
1765	ĐDIV-1765	05/12/2020	4	59	Nguyễn Như	Huỳnh	18/01/1981	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1766	ĐDIV-1766	05/12/2020	4	59	Nguyễn Xuân	Kha	20/08/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1767	ĐDIV-1767	05/12/2020	4	59	Nguyễn Thị	Khá	24/12/1990	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1768	ĐDIV-1768	05/12/2020	4	59	Ngô Quang	Khải	20/10/1996	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1769	ĐDIV-1769	05/12/2020	4	59	Bùi Công	Khanh	19/03/1969	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1770	ĐDIV-1770	05/12/2020	4	59	Đỗ Thị Ngọc	Khanh	04/09/1992	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1771	ĐDIV-1771	05/12/2020	4	59	Cảnh Chi	Khánh	22/11/1987	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1772	ĐDIV-1772	05/12/2020	1	60	Lê Thị	Khiêm	23/11/1993	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1773	ĐDIV-1773	05/12/2020	1	60	Nguyễn Thị	Khiên	04/09/1989	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1774	ĐDIV-1774	05/12/2020	1	60	Bùi Văn	Khoa	28/02/1990	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1775	ĐDIV-1775	05/12/2020	1	60	Lương Thị	Khương	27/04/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1776	ĐDIV-1776	05/12/2020	1	60	Nguyễn Thị	Khuyên	23/03/1992	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1777	ĐDIV-1777	05/12/2020	1	60	Nguyễn Văn	Kiểm	30/05/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1778	ĐDIV-1778	05/12/2020	1	60	Vũ Trung	Kiên	20/07/1991	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1779	ĐDIV-1779	05/12/2020	1	60	Cao Thị Thanh	Kiều	13/07/1992	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1780	ĐDIV-1780	05/12/2020	2	60	Lê Đình	Kỳ	20/05/1990	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	HTNV	
1781	ĐDIV-1781	05/12/2020	2	60	Vũ Thị Thanh	Lam	11/05/1995	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1782	ĐDIV-1782	05/12/2020	2	60	Nguyễn Thị Thanh	Lam	29/05/1993	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1783	ĐDIV-1783	05/12/2020	2	60	Vương Hoàng	Lan	01/04/1998	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1784	ĐDIV-1784	05/12/2020	2	60	Trần Thị Phương	Lan	22/12/1987	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1785	ĐDIV-1785	05/12/2020	2	60	Nguyễn Thị	Lan	14/08/1997	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1786	ĐDIV-1786	05/12/2020	2	60	Chu Thị Phương	Lan	16/12/1990	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1787	ĐDIV-1787	05/12/2020	3	60	Lê Thị	Lan	19/11/1990	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1788	ĐDIV-1788	05/12/2020	3	60	Nguyễn Thị Thanh	Lan	30/10/1981	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1789	ĐDIV-1789	05/12/2020	3	60	Nguyễn Thị	Lan	28/09/1990	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1790	ĐDIV-1790	05/12/2020	3	60	Nguyễn Thị Phương	Lan	14/08/1991	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1791	ĐDIV-1791	05/12/2020	3	60	Nguyễn Thị	Lan	10/08/1990	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1792	ĐDIV-1792	05/12/2020	3	60	Phạm Thị	Lan	23/09/1997	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1793	ĐDIV-1793	05/12/2020	3	60	Nguyễn Thị	Lan	12/05/1980	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1794	ĐDIV-1794	05/12/2020	3	60	Nguyễn Thị Hương	Lan	07/10/1994	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1795	ĐDIV-1795	05/12/2020	4	60	Nguyễn Thị	Lan	12/04/1993	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1796	ĐDIV-1796	05/12/2020	4	60	Nguyễn Thanh	Lan	31/08/1991	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1797	ĐDIV-1797	05/12/2020	4	60	Nguyễn Thị Phương	Lan	15/01/1992	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1798	ĐDIV-1798	05/12/2020	4	60	Đoàn Thị Hương	Lan	12/05/1998	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1799	ĐDIV-1799	05/12/2020	4	60	Nguyễn Thị	Lan	15/12/1991	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1800	ĐDIV-1800	05/12/2020	4	60	Nguyễn Thị	Lan	17/09/1983	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1801	ĐDIV-1801	05/12/2020	4	60	Tạ Thị	Lan	11/06/1993	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1802	ĐDIV-1802	05/12/2020	1	61	Lưu Thị	Lan	23/07/1995	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1803	ĐDIV-1803	05/12/2020	1	61	Lê Ngọc	Lan	21/02/1992	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1804	ĐDIV-1804	05/12/2020	1	61	Đoàn Thị	Lan	22/01/1990	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1805	ĐDIV-1805	05/12/2020	1	61	Nguyễn Thị	Lan	25/02/1994	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1806	ĐDIV-1806	05/12/2020	1	61	Nguyễn Thị	Lan	04/08/1990	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1807	ĐDIV-1807	05/12/2020	1	61	Phan Thị	Lan	04/07/1997	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1808	ĐDIV-1808	05/12/2020	1	61	Nguyễn Thị	Lân	30/06/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1809	ĐDIV-1809	05/12/2020	1	61	Dương Ngọc	Lân	24/8/1994	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1810	ĐDIV-1810	05/12/2020	2	61	Bạch Hồng	Lê	06/06/1979	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1811	ĐDIV-1811	05/12/2020	2	61	Vũ Thị Hoa	Lệ	18/08/1992	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1812	ĐDIV-1812	05/12/2020	2	61	Ngô Thị	Lệ	05/12/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1813	ĐDIV-1813	05/12/2020	2	61	Nguyễn Thị	Lệ	11/05/1993	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1814	ĐDIV-1814	05/12/2020	2	61	Lê Thị	Lệ	13/10/1992	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
1815	ĐDIV-1815	05/12/2020	2	61	Đinh Thị	Lệ	06/06/1992	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1816	ĐDIV-1816	05/12/2020	2	61	Nguyễn Thị	Lệ	05/8/1991	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1817	ĐDIV-1817	05/12/2020	3	61	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	04/03/1993	TTYT Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1818	ĐDIV-1818	05/12/2020	3	61	Lê Thị	Liêm	16/12/1993	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1819	ĐDIV-1819	05/12/2020	3	61	Hoàng Công	Liêm	30/04/1992	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1820	ĐDIV-1820	05/12/2020	3	61	Nguyễn Thị	Liên	05/09/1992	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1821	ĐDIV-1821	05/12/2020	3	61	Nguyễn Thị	Liên	22/02/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1822	ĐDIV-1822	05/12/2020	3	61	Cao Thị	Liên	20/02/1992	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1823	ĐDIV-1823	05/12/2020	3	61	Phùng Thị Mai	Liên	16/01/1992	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1824	ĐDIV-1824	05/12/2020	3	61	Ngô Thị Quỳnh	Liên	23/07/1992	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1825	ĐDIV-1825	05/12/2020	4	61	Nguyễn Thị	Liên	28/04/1984	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1826	ĐDIV-1826	05/12/2020	4	61	Lê Thị	Liên	10/5/1987	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1827	ĐDIV-1827	05/12/2020	4	61	Nguyễn Thị	Liên	11/11/1993	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1828	ĐDIV-1828	05/12/2020	4	61	Chu Thị Hồng	Liên	16/10/1998	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1829	ĐDIV-1829	05/12/2020	4	61	Lê Thị	Liên	30/05/1994	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1830	ĐDIV-1830	05/12/2020	4	61	Vũ Thị Bích	Liên	14/12/1995	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1831	ĐDIV-1831	05/12/2020	4	61	Quản Thị	Liên	29/04/1988	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1832	ĐDIV-1832	05/12/2020	1	62	Nguyễn Thị Hồng	Liên	03/03/1992	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1833	ĐDIV-1833	05/12/2020	1	62	Hoàng Thị	Liên	13/09/1993	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1834	ĐDIV-1834	05/12/2020	1	62	Tạ Thị	Liên	15/07/1989	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1835	ĐDIV-1835	05/12/2020	1	62	Phan Thị Phương	Liên	20/02/1991	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1836	ĐDIV-1836	05/12/2020	1	62	Bùi Thị Thanh	Liễu	20/10/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1837	ĐDIV-1837	05/12/2020	1	62	Trần Thị	Liễu	30/04/1990	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1838	ĐDIV-1838	05/12/2020	1	62	Nguyễn Thị	Liễu	24/04/1993	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1839	ĐDIV-1839	05/12/2020	1	62	Nguyễn Thị	Liễu	06/12/1991	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1840	ĐDIV-1840	05/12/2020	2	62	Đỗ Thị	Liễu	02/03/1993	TT Giám định y khoa Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1841	ĐDIV-1841	05/12/2020	2	62	Bùi Thị Diệu	Linh	15/01/1996	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1842	ĐDIV-1842	05/12/2020	2	62	Nguyễn Thùy	Linh	19/08/1998	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1843	ĐDIV-1843	05/12/2020	2	62	Nguyễn Thị Nga	Linh	18/08/1992	BVĐK Hòe Nhai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1844	ĐDIV-1844	05/12/2020	2	62	Cao Thị Mỹ	Linh	24/11/1994	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1845	ĐDIV-1845	05/12/2020	2	62	Vũ Diệu	Linh	13/12/1995	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1846	ĐDIV-1846	05/12/2020	2	62	Đinh Ngọc	Linh	15/09/1994	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1847	ĐDIV-1847	05/12/2020	3	62	Trương Ngọc	Linh	04/03/1984	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1848	ĐDIV-1848	05/12/2020	3	62	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/11/1994	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1849	ĐDIV-1849	05/12/2020	3	62	Trần Thị Phương	Linh	06/01/1998	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1850	ĐDIV-1850	05/12/2020	3	62	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/03/1998	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1851	ĐDIV-1851	05/12/2020	3	62	Nguyễn Thị Huyền	Linh	04/01/1990	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	CBB	
1852	ĐDIV-1852	05/12/2020	3	62	Vương Thị Diệu	Linh	14/03/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1853	ĐDIV-1853	05/12/2020	3	62	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	04/10/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1854	ĐDIV-1854	05/12/2020	3	62	Trịnh Thị	Linh	28/05/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1855	ĐDIV-1855	05/12/2020	4	62	Phạm Mạnh	Linh	20/04/1992	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1856	ĐDIV-1856	05/12/2020	4	62	Nguyễn Diệu	Linh	04/01/1993	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1857	ĐDIV-1857	05/12/2020	4	62	Lưu Thùy	Linh	07/06/1990	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
1858	ĐDIV-1858	05/12/2020	4	62	Nguyễn Thị Đào	Linh	21/01/1990	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1859	ĐDIV-1859	05/12/2020	4	62	Nguyễn Thị Thùy	Linh	07/07/1997	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1860	ĐDIV-1860	05/12/2020	4	62	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/08/1996	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1861	ĐDIV-1861	05/12/2020	4	62	Bùi Thị Diệu	Linh	14/10/1995	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1862	ĐDIV-1862	05/12/2020	1	63	Đinh Thị Thùy	Linh	19/04/1996	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1863	ĐDIV-1863	05/12/2020	1	63	Bùi Mỹ	Linh	17/04/1998	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1864	ĐDIV-1864	05/12/2020	1	63	Lê Thị Thúy	Linh	29/04/1995	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1865	ĐDIV-1865	05/12/2020	1	63	Nguyễn Thị	Linh	29/11/1995	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1866	ĐDIV-1866	05/12/2020	1	63	Nguyễn Khánh	Linh	13/02/1998	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1867	ĐDIV-1867	05/12/2020	1	63	Bùi Diệu	Linh	20/08/1998	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1868	ĐDIV-1868	05/12/2020	1	63	Đỗ Thị	Linh	06/11/1996	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1869	ĐDIV-1869	05/12/2020	1	63	Nguyễn Thị Trang	Linh	30/04/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1870	ĐDIV-1870	05/12/2020	2	63	Hoàng Diệu	Linh	16/03/1995	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1871	ĐDIV-1871	05/12/2020	2	63	Hoàng Thị Diệu	Linh	22/05/1995	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1872	ĐDIV-1872	05/12/2020	2	63	Lê Thị Thùy	Linh	24/10/1995	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1873	ĐDIV-1873	05/12/2020	2	63	Lê Thùy	Linh	15/11/1995	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1874	ĐDIV-1874	05/12/2020	2	63	Phạm Thùy	Linh	30/07/1997	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1875	ĐDIV-1875	05/12/2020	2	63	Hứa Thị	Linh	21/05/1996	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1876	ĐDIV-1876	05/12/2020	2	63	Nguyễn Thị Diệu	Linh	01/12/1991	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1877	ĐDIV-1877	05/12/2020	3	63	Nguyễn Thùy	Linh	27/10/1994	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1878	ĐDIV-1878	05/12/2020	3	63	Trần Thị	Linh	27/09/1998	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1879	ĐDIV-1879	05/12/2020	3	63	Nguyễn Thị	Linh	18/07/1993	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1880	ĐDIV-1880	05/12/2020	3	63	Tạ Mỹ	Linh	31/12/1993	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1881	ĐDIV-1881	05/12/2020	3	63	Nguyễn Khánh	Linh	02/08/1996	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1882	ĐDIV-1882	05/12/2020	3	63	Lê Thị Thùy	Linh	20/12/1994	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1883	ĐDIV-1883	05/12/2020	3	63	Nguyễn Thị	Linh	08/06/1994	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1884	ĐDIV-1884	05/12/2020	3	63	Nguyễn Như Thị Phương	Linh	07/02/1997	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1885	ĐDIV-1885	05/12/2020	4	63	Trần Thị	Linh	01/09/1998	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1886	ĐDIV-1886	05/12/2020	4	63	Đào Huyền	Linh	13/12/1995	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1887	ĐDIV-1887	05/12/2020	4	63	Hoàng Phương	Linh	24/04/1994	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1888	ĐDIV-1888	05/12/2020	4	63	Nguyễn Thanh	Loan	26/03/1976	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1889	ĐDIV-1889	05/12/2020	4	63	Nguyễn Thị	Loan	22/10/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1890	ĐDIV-1890	05/12/2020	4	63	Nguyễn Thị	Loan	16/04/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1891	ĐDIV-1891	05/12/2020	4	63	Nguyễn Thị Hồng	Loan	22/07/1994	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1892	ĐDIV-1892	05/12/2020	1	64	Nguyễn Thị	Loan	07/01/1989	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1893	ĐDIV-1893	05/12/2020	1	64	Ngô Thị	Loan	16/10/1987	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1894	ĐDIV-1894	05/12/2020	1	64	Nguyễn Mai	Loan	05/04/1991	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1895	ĐDIV-1895	05/12/2020	1	64	Văn Thị	Loan	26/03/1991	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1896	ĐDIV-1896	05/12/2020	1	64	Nguyễn Thị	Loan	07/10/1992	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1897	ĐDIV-1897	05/12/2020	1	64	Nguyễn Thị Kim	Loan	28/01/1998	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1898	ĐDIV-1898	05/12/2020	1	64	Ngô Thị Thúy	Loan	09/09/1990	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1899	ĐDIV-1899	05/12/2020	1	64	Nguyễn Trọng	Long	18/12/1992	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1900	ĐDIV-1900	05/12/2020	2	64	Đặng Đình	Long	01/10/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1901	ĐDIV-1901	05/12/2020	2	64	Nguyễn Thị	Lụa	28/8/1993	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1902	ĐDIV-1902	05/12/2020	2	64	Đỗ Thành	Luân	09/09/1992	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1903	ĐDIV-1903	05/12/2020	2	64	Nguyễn Thị	Luận	25/10/1990	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1904	ĐDIV-1904	05/12/2020	2	64	Trần Thị	Luật	29/08/1991	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1905	ĐDIV-1905	05/12/2020	2	64	Nguyễn Văn	Lực	13/02/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1906	ĐDIV-1906	05/12/2020	2	64	Nguyễn Hiền	Lương	13/04/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1907	ĐDIV-1907	05/12/2020	3	64	Đặng Thị Hiền	Lương	19/01/1979	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1908	ĐDIV-1908	05/12/2020	3	64	Đỗ Thị	Lương	11/07/1992	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1909	ĐDIV-1909	05/12/2020	3	64	Nguyễn Thùy	Lương	11/10/1992	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1910	ĐDIV-1910	05/12/2020	3	64	Lê Thị	Lương	24/06/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1911	ĐDIV-1911	05/12/2020	3	64	Tạ Thị	Lương	27/04/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1912	ĐDIV-1912	05/12/2020	3	64	Nguyễn Thị	Lương	16/08/1992	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1913	ĐDIV-1913	05/12/2020	3	64	Đặng Thị Quỳnh	Lương	11/10/1987	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1914	ĐDIV-1914	05/12/2020	3	64	Ngô Thị	Lượng	15/07/1994	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1915	ĐDIV-1915	05/12/2020	4	64	Nguyễn Thị Hồng	Lưu	24/11/1997	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1916	ĐDIV-1916	05/12/2020	4	64	Nguyễn Thị	Luyến	18/01/1997	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1917	ĐDIV-1917	05/12/2020	4	64	Nguyễn Thị	Luyến	12/01/1982	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng	CBB	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1918	ĐDIV-1918	05/12/2020	4	64	Lê Thị Kim	Luyến	07/08/1997	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1919	ĐDIV-1919	05/12/2020	4	64	Nguyễn Thị	Luyến	30/05/1995	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1920	ĐDIV-1920	05/12/2020	4	64	Trịnh Thị Khánh	Ly	18/08/1995	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1921	ĐDIV-1921	05/12/2020	4	64	Nguyễn Thị	Ly	29/12/1992	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1922	ĐDIV-1922	05/12/2020	1	65	Đoàn Khánh	Ly	21/10/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1923	ĐDIV-1923	05/12/2020	1	65	Phạm Thị	Ly	20/02/1992	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1924	ĐDIV-1924	05/12/2020	1	65	Lâm Thị Hồng	Ly	15/3/1992	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1925	ĐDIV-1925	05/12/2020	1	65	Nguyễn Thị Phương	Ly	04/04/1996	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1926	ĐDIV-1926	05/12/2020	1	65	Hoàng Thị	Ly	05/10/1992	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1927	ĐDIV-1927	05/12/2020	1	65	Nguyễn Trang	Ly	21/08/1997	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1928	ĐDIV-1928	05/12/2020	1	65	Phạm Xuân	Ly	21/01/1996	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1929	ĐDIV-1929	05/12/2020	1	65	Phùng Thị Minh	Lý	24/02/1992	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1930	ĐDIV-1930	05/12/2020	2	65	Nguyễn Thị Hương	Lý	16/07/1993	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1931	ĐDIV-1931	05/12/2020	2	65	Dương Thị	Lý	31/07/1991	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1932	ĐDIV-1932	05/12/2020	2	65	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	07/02/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1933	ĐDIV-1933	05/12/2020	2	65	Nguyễn Thị	Lý	28/01/1992	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1934	ĐDIV-1934	05/12/2020	2	65	Vũ Thị	Lý	30/7/1996	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1935	ĐDIV-1935	05/12/2020	2	65	Phan Thị	Lý	20/10/1993	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1936	ĐDIV-1936	05/12/2020	2	65	Trần Thị Thiên	Lý	01/3/1985	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1937	ĐDIV-1937	05/12/2020	3	65	Nguyễn Ngọc	Mai	18/05/1993	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1938	ĐDIV-1938	05/12/2020	3	65	Nguyễn Thị Thanh	Mai	30/01/1982	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1939	ĐDIV-1939	05/12/2020	3	65	Lê Thị Hoa	Mai	19/01/1991	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1940	ĐDIV-1940	05/12/2020	3	65	Đỗ Thanh	Mai	13/09/1997	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1941	ĐDIV-1941	05/12/2020	3	65	Trương Thị Thanh	Mai	19/05/1998	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1942	ĐDIV-1942	05/12/2020	3	65	Nguyễn Thị Bích	Mai	15/12/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1943	ĐDIV-1943	05/12/2020	3	65	Nguyễn Thị	Mai	21/12/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1944	ĐDIV-1944	05/12/2020	3	65	Ngô Thị	Mai	30/06/1991	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1945	ĐDIV-1945	05/12/2020	4	65	Hồ Thị	Mai	02/03/1991	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1946	ĐDIV-1946	05/12/2020	4	65	Nguyễn Thị	Mai	20/10/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1947	ĐDIV-1947	05/12/2020	4	65	Nguyễn Thị	Mai	14/07/1995	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB, CBB, CĐCĐ	
1948	ĐDIV-1948	05/12/2020	4	65	Chu Thị	Mai	13/09/1992	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1949	ĐDIV-1949	05/12/2020	4	65	Chu Thị	Mai	14/04/1998	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1950	ĐDIV-1950	05/12/2020	4	65	Trần Thị	Mai	07/3/1993	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1951	ĐDIV-1951	05/12/2020	4	65	Nguyễn Thị	Mai	30/4/1993	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1952	ĐDIV-1952	05/12/2020	1	66	Trần Thị Phương	Mai	31/12/1994	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1953	ĐDIV-1953	05/12/2020	1	66	Nguyễn Thị	Mai	23/05/1992	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1954	ĐDIV-1954	05/12/2020	1	66	Lê Thị Ngọc	Mai	21/08/1994	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1955	ĐDIV-1955	05/12/2020	1	66	Đỗ Thị	Mai	22/11/1998	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1956	ĐDIV-1956	05/12/2020	1	66	Nguyễn Thị	Mai	24/03/1993	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1957	ĐDIV-1957	05/12/2020	1	66	Trần Thị Chi	Mai	31/03/1994	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1958	ĐDIV-1958	05/12/2020	1	66	Trung Thị	Mai	25/05/1992	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1959	ĐDIV-1959	05/12/2020	1	66	Nguyễn Thị	Mai	26/11/1987	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1960	ĐDIV-1960	05/12/2020	2	66	Trần Thị	Mai	01/01/1990	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1961	ĐDIV-1961	05/12/2020	2	66	Phạm Thị Hồng	Mai	04/7/1987	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1962	ĐDIV-1962	05/12/2020	2	66	Hoàng Xuân	Mai	28/08/1996	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1963	ĐDIV-1963	05/12/2020	2	66	Đỗ Thị Quỳnh	Mai	01/11/1995	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1964	ĐDIV-1964	05/12/2020	2	66	Phạm Ngọc	Mạnh	20/11/1995	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1965	ĐDIV-1965	05/12/2020	2	66	Bùi Đức	Mạnh	19/05/1991	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1966	ĐDIV-1966	05/12/2020	2	66	Lã Đức	Mạnh	15/11/1995	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1967	ĐDIV-1967	05/12/2020	3	66	Nguyễn Thế	Mạnh	26/10/1990	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CBB	
1968	ĐDIV-1968	05/12/2020	3	66	Hoàng Văn	Mạnh	20/05/1992	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1969	ĐDIV-1969	05/12/2020	3	66	Đinh Xuân	Mạnh	04/04/1994	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1970	ĐDIV-1970	05/12/2020	3	66	Tạ Thị	Mây	26/08/1990	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1971	ĐDIV-1971	05/12/2020	3	66	Nguyễn Thị	Mây	19/09/1993	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
1972	ĐDIV-1972	05/12/2020	3	66	Chu Ngọc	Mây	08/09/1996	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
1973	ĐDIV-1973	05/12/2020	3	66	Trịnh Thị	Mến	23/06/1998	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1974	ĐDIV-1974	05/12/2020	3	66	Lê Thị	Mến	16/3/1991	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1975	ĐDIV-1975	05/12/2020	4	66	Nguyễn Thị Diễm	Mi	30/09/1994	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1976	ĐDIV-1976	05/12/2020	4	66	Bùi Thị	Miền	08/01/1997	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1977	ĐDIV-1977	05/12/2020	4	66	Nguyễn Thị	Miền	29/01/1994	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1978	ĐDIV-1978	05/12/2020	4	66	Nguyễn Quang	Minh	15/01/1989	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1979	ĐDIV-1979	05/12/2020	4	66	Nguyễn Thị Bình	Minh	18/10/1983	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
1980	ĐDIV-1980	05/12/2020	4	66	Hoàng Thế	Minh	19/03/1994	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1981	ĐDIV-1981	05/12/2020	4	66	Vũ Thị	Minh	04/07/1981	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1982	ĐDIV-1982	05/12/2020	1	67	Lê Hồng	Minh	27/10/1994	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1983	ĐDIV-1983	05/12/2020	1	67	Nguyễn Thị	Minh	21/03/1993	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1984	ĐDIV-1984	05/12/2020	1	67	Phan Nữ Thái	Minh	05/08/1997	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1985	ĐDIV-1985	05/12/2020	1	67	Phạm Thị	Minh	09/08/1993	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1986	ĐDIV-1986	05/12/2020	1	67	Nguyễn Thị	Mơ	18/02/1980	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1987	ĐDIV-1987	05/12/2020	1	67	Đỗ Thị	Mơ	16/09/1992	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1988	ĐDIV-1988	05/12/2020	1	67	Nguyễn Thị	Mơ	10/11/1996	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1989	ĐDIV-1989	05/12/2020	1	67	Xuân Thị	Mơ	17/07/1994	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1990	ĐDIV-1990	05/12/2020	2	67	Nguyễn Thị Hương	Mơ	27/10/1995	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1991	ĐDIV-1991	05/12/2020	2	67	Đỗ Thị Thu	Mùi	05/01/1991	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1992	ĐDIV-1992	05/12/2020	2	67	Nguyễn Thị	Mùi	02/12/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1993	ĐDIV-1993	05/12/2020	2	67	Đỗ Hữu	Mừng	16/10/1992	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1994	ĐDIV-1994	05/12/2020	2	67	Ngô Thị	Mừng	10/06/1987	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
1995	ĐDIV-1995	05/12/2020	2	67	Phan Thị	Mừng	26/09/1994	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1996	ĐDIV-1996	05/12/2020	2	67	Nguyễn Hà	My	01/10/1994	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng Gây mê hồi sức**	CĐ	Điều dưỡng Gây mê hồi sức		
1997	ĐDIV-1997	05/12/2020	3	67	Nguyễn Thị Trà	My	14/04/1997	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	DTTS	
1998	ĐDIV-1998	05/12/2020	3	67	Nguyễn Thị Trà	My	20/8/1998	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
1999	ĐDIV-1999	05/12/2020	3	67	Hoàng Phương	Nam	13/12/1994	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2000	ĐDIV-2000	05/12/2020	3	67	Lê Hoài	Nam	02/10/1989	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2001	ĐDIV-2001	05/12/2020	3	67	Nguyễn Thị	Nam	06/03/1997	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2002	ĐDIV-2002	05/12/2020	3	67	Nguyễn Như	Nam	18/03/1988	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2003	ĐDIV-2003	05/12/2020	3	67	Nguyễn Thị	Nết	02/08/1987	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
2004	ĐDIV-2004	05/12/2020	3	67	Nguyễn Thị	Nga	14/10/1985	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2005	ĐDIV-2005	05/12/2020	4	67	Nguyễn Phương	Nga	05/06/1976	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2006	ĐDIV-2006	05/12/2020	4	67	Lê Thị Quỳnh	Nga	15/03/1978	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2007	ĐDIV-2007	05/12/2020	4	67	Nguyễn Quỳnh	Nga	30/10/1993	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2008	ĐDIV-2008	05/12/2020	4	67	Kiều Thị	Nga	02/06/1988	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2009	ĐDIV-2009	05/12/2020	4	67	Nguyễn Thị	Nga	22/06/1988	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2010	ĐDIV-2010	05/12/2020	4	67	Trần Thị	Nga	19/12/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2011	ĐDIV-2011	05/12/2020	4	67	Hoàng Thị Thúy	Nga	12/07/1994	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2012	ĐDIV-2012	05/12/2020	1	68	Nguyễn Thị	Nga	07/10/1992	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2013	ĐDIV-2013	05/12/2020	1	68	Nguyễn Thị	Nga	01/08/1995	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2014	ĐDIV-2014	05/12/2020	1	68	Vũ Thị Thúy	Nga	30/06/1993	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2015	ĐDIV-2015	05/12/2020	1	68	Ngô Thu	Nga	02/02/1994	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2016	ĐDIV-2016	05/12/2020	1	68	Nguyễn Hoàng Thị	Nga	29/06/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2017	ĐDIV-2017	05/12/2020	1	68	Nguyễn Thị	Nga	19/01/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2018	ĐDIV-2018	05/12/2020	1	68	Lê Thị	Nga	08/11/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2019	ĐDIV-2019	05/12/2020	1	68	Đỗ Thị	Nga	28/04/1994	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2020	ĐDIV-2020	05/12/2020	2	68	Nguyễn Thị	Nga	06/12/1995	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2021	ĐDIV-2021	05/12/2020	2	68	Nguyễn Thúy	Nga	28/01/1990	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2022	ĐDIV-2022	05/12/2020	2	68	Hoàng Thị Hằng	Nga	09/11/1983	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2023	ĐDIV-2023	05/12/2020	2	68	Lê Thúy	Nga	15/05/1996	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2024	ĐDIV-2024	05/12/2020	2	68	Nhân Thị	Nga	07/01/1994	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2025	ĐDIV-2025	05/12/2020	2	68	Trần Thị Thanh	Nga	09/09/1994	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2026	ĐDIV-2026	05/12/2020	2	68	Vũ Thị	Nga	25/06/1992	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2027	ĐDIV-2027	05/12/2020	3	68	Nguyễn Thị	Nga	27/07/1993	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2028	ĐDIV-2028	05/12/2020	3	68	Nguyễn Thị	Nga	26/12/1995	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2029	ĐDIV-2029	05/12/2020	3	68	Phạm Thị Huyền	Nga	20/09/1996	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2030	ĐDIV-2030	05/12/2020	3	68	Tô Thị	Nga	19/06/1991	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2031	ĐDIV-2031	05/12/2020	3	68	Phan Thị Thúy	Nga	10/04/1991	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2032	ĐDIV-2032	05/12/2020	3	68	Lương Thị	Nga	29/11/1993	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2033	ĐDIV-2033	05/12/2020	3	68	Nguyễn Thị Thu	Nga	10/07/1995	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2034	ĐDIV-2034	05/12/2020	3	68	Nguyễn Thanh	Nga	24/12/1992	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2035	ĐDIV-2035	05/12/2020	4	68	Nguyễn Thị	Ngà	10/01/1987	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
2036	ĐDIV-2036	05/12/2020	4	68	Ngô Thị Bích	Ngâm	02/01/1992	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2037	ĐDIV-2037	05/12/2020	4	68	Lê Thị Thu	Ngân	17/08/1988	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2038	ĐDIV-2038	05/12/2020	4	68	Nguyễn Thị	Ngân	25/10/1994	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2039	ĐDIV-2039	05/12/2020	4	68	Hoàng Thị	Ngân	05/10/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2040	ĐDIV-2040	05/12/2020	4	68	Dương Tuyết	Ngân	10/10/1989	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2041	ĐDIV-2041	05/12/2020	4	68	Vũ Thị	Ngân	08/07/1986	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2042	ĐDIV-2042	05/12/2020	1	69	Đặng Quế	Ngân	20/12/1989	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2043	ĐDIV-2043	05/12/2020	1	69	Nguyễn Thị	Ngân	27/04/1986	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2044	ĐDIV-2044	05/12/2020	1	69	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/07/1992	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2045	ĐDIV-2045	05/12/2020	1	69	Trần Thị Kim	Ngân	06/04/1990	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2046	ĐDIV-2046	05/12/2020	1	69	Đặng Thị	Ngân	07/04/1991	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2047	ĐDIV-2047	05/12/2020	1	69	Nguyễn Thanh	Ngân	12/11/1983	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2048	ĐDIV-2048	05/12/2020	1	69	Kiều Thu	Ngân	19/03/1993	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2049	ĐDIV-2049	05/12/2020	1	69	Đào Thị Kim	Ngân	08/02/1992	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2050	ĐDIV-2050	05/12/2020	2	69	Nguyễn Thị	Ngân	30/10/1995	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2051	ĐDIV-2051	05/12/2020	2	69	Chu Thị	Ngần	13/11/1991	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2052	ĐDIV-2052	05/12/2020	2	69	Bùi Thị Thúy	Ngần	28/08/1989	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CBB	
2053	ĐDIV-2053	05/12/2020	2	69	Vương Thị	Ngát	11/06/1983	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2054	ĐDIV-2054	05/12/2020	2	69	Trần Danh	Nghĩa	04/11/1990	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2055	ĐDIV-2055	05/12/2020	2	69	Nguyễn Thị Bích	Ngoan	05/04/1995	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2056	ĐDIV-2056	05/12/2020	2	69	Nguyễn Thị	Ngoan	02/05/1985	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2057	ĐDIV-2057	05/12/2020	3	69	Đặng Thị Thanh	Ngoan	24/12/1996	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2058	ĐDIV-2058	05/12/2020	3	69	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	04/12/1980	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2059	ĐDIV-2059	05/12/2020	3	69	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	07/05/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2060	ĐDIV-2060	05/12/2020	3	69	Lê Thị Hồng	Ngọc	22/02/1990	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
2061	ĐDIV-2061	05/12/2020	3	69	Phạm Thị Bích	Ngọc	24/04/1995	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2062	ĐDIV-2062	05/12/2020	3	69	Tạ Bảo	Ngọc	13/01/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2063	ĐDIV-2063	05/12/2020	3	69	Khắc Thị	Ngọc	26/09/1994	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2064	ĐDIV-2064	05/12/2020	3	69	Nguyễn Thị	Ngọc	03/12/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2065	ĐDIV-2065	05/12/2020	4	69	Nguyễn Thị	Ngọc	25/12/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2066	ĐDIV-2066	05/12/2020	4	69	Nguyễn Hồng	Ngọc	05/01/1994	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2067	ĐDIV-2067	05/12/2020	4	69	Trần Thị Minh	Ngọc	26/12/1996	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2068	ĐDIV-2068	05/12/2020	4	69	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	22/05/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2069	ĐDIV-2069	05/12/2020	4	69	Lê Thị	Ngọc	24/01/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2070	ĐDIV-2070	05/12/2020	4	69	Nguyễn Bảo	Ngọc	12/01/1991	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2071	ĐDIV-2071	05/12/2020	4	69	Nguyễn Hồng	Ngọc	14/08/1992	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2072	ĐDIV-2072	05/12/2020	1	70	Lê Thị Bích	Ngọc	12/10/1987	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2073	ĐDIV-2073	05/12/2020	1	70	Đinh Thị Bích	Ngọc	16/07/1997	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2074	ĐDIV-2074	05/12/2020	1	70	Nguyễn Bảo	Ngọc	22/12/1992	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2075	ĐDIV-2075	05/12/2020	1	70	Đỗ Bích	Ngọc	02/10/1995	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2076	ĐDIV-2076	05/12/2020	1	70	Trương Minh	Ngọc	02/10/1997	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2077	ĐDIV-2077	05/12/2020	1	70	Nguyễn Thị	Ngọc	13/12/1992	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2078	ĐDIV-2078	05/12/2020	1	70	Đỗ Thị	Ngọc	24/4/1992	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2079	ĐDIV-2079	05/12/2020	1	70	Đặng Bảo	Ngọc	12/01/1998	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2080	ĐDIV-2080	05/12/2020	2	70	Nguyễn Như	Ngọc	24/01/1996	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2081	ĐDIV-2081	05/12/2020	2	70	Ngô Thị Bích	Ngọc	02/08/1997	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2082	ĐDIV-2082	05/12/2020	2	70	Nguyễn Bích	Ngọc	25/03/1997	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2083	ĐDIV-2083	05/12/2020	2	70	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	02/11/1987	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2084	ĐDIV-2084	05/12/2020	2	70	Nguyễn Văn	Ngọc	30/01/1994	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2085	ĐDIV-2085	05/12/2020	2	70	Nguyễn Thị	Ngọc	27/05/1994	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2086	ĐDIV-2086	05/12/2020	2	70	Trần Thanh	Ngọc	04/09/1995	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2087	ĐDIV-2087	05/12/2020	3	70	Đặng Bích	Ngọc	09/10/1993	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2088	ĐDIV-2088	05/12/2020	3	70	Hồ Thị Bích	Ngọc	25/11/1997	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2089	ĐDIV-2089	05/12/2020	3	70	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	24/08/1995	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2090	ĐDIV-2090	05/12/2020	3	70	Phạm Thị	Ngọc	10/10/1982	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2091	ĐDIV-2091	05/12/2020	3	70	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	26/10/1993	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2092	ĐDIV-2092	05/12/2020	3	70	Nguyễn Thị Mai	Ngọc	10/03/1995	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2093	ĐDIV-2093	05/12/2020	3	70	Nguyễn Thị	Ngọc	28/11/1996	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2094	ĐDIV-2094	05/12/2020	3	70	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	27/06/1992	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2095	ĐDIV-2095	05/12/2020	4	70	Nguyễn Như	Ngọc	10/09/1998	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2096	ĐDIV-2096	05/12/2020	4	70	Trần Kim	Ngọc	09/08/1993	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2097	ĐDIV-2097	05/12/2020	4	70	Lê Đăng Thảo	Nguyên	10/04/1991	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2098	ĐDIV-2098	05/12/2020	4	70	Nguyễn Thị	Nguyên	08/09/1984	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2099	ĐDIV-2099	05/12/2020	4	70	Nguyễn Công	Nguyên	11/11/1991	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2100	ĐDIV-2100	05/12/2020	4	70	Công Đinh	Nguyên	13/01/1993	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2101	ĐDIV-2101	05/12/2020	4	70	Đào Bích	Nguyệt	01/01/1994	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2102	ĐDIV-2102	05/12/2020	1	71	Nguyễn Thị	Nguyệt	11/12/1990	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2103	ĐDIV-2103	05/12/2020	1	71	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	18/01/1990	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2104	ĐDIV-2104	05/12/2020	1	71	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	11/09/1994	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2105	ĐDIV-2105	05/12/2020	1	71	Nguyễn Thị	Nguyệt	17/09/1996	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2106	ĐDIV-2106	05/12/2020	1	71	Nguyễn Hồng	Nguyệt	16/10/1995	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2107	ĐDIV-2107	05/12/2020	1	71	Hồ Thị Minh	Nguyệt	03/11/1992	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2108	ĐDIV-2108	05/12/2020	1	71	Trần Thị Ánh	Nguyệt	10/05/1983	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
2109	ĐDIV-2109	05/12/2020	1	71	Phong Thị	Nguyệt	09/11/1996	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2110	ĐDIV-2110	05/12/2020	2	71	Tống Thị	Nguyệt	15/03/1995	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
2111	ĐDIV-2111	05/12/2020	2	71	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt	04/02/1990	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2112	ĐDIV-2112	05/12/2020	2	71	Nguyễn Thị Hương	Nhài	14/08/1993	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2113	ĐDIV-2113	05/12/2020	2	71	Khuất Phương	Nhâm	14/04/1990	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2114	ĐDIV-2114	05/12/2020	2	71	Chu Thị	Nhàn	16/07/1989	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2115	ĐDIV-2115	05/12/2020	2	71	Nguyễn Thị	Nhàn	11/03/1994	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2116	ĐDIV-2116	05/12/2020	2	71	Nguyễn Thị	Nhàn	22/07/1991	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2117	ĐDIV-2117	05/12/2020	3	71	Phùng Thị Thanh	Nhạn	08/09/1996	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2118	ĐDIV-2118	05/12/2020	3	71	Đỗ Thị	Nhật	08/10/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2119	ĐDIV-2119	05/12/2020	3	71	Dương Quang	Nhật	24/08/1995	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2120	ĐDIV-2120	05/12/2020	3	71	Bùi Minh	Nhật	20/09/1994	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2121	ĐDIV-2121	05/12/2020	3	71	Đỗ Thị	Nhi	14/06/1995	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2122	ĐDIV-2122	05/12/2020	3	71	Nguyễn Thanh	Nhi	13/11/1997	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2123	ĐDIV-2123	05/12/2020	3	71	Nguyễn Phương	Nhi	07/10/1995	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2124	ĐDIV-2124	05/12/2020	3	71	Trần Thị	Nhinh	06/01/1993	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2125	ĐDIV-2125	05/12/2020	4	71	Nguyễn Thị	Nhớ	25/11/1989	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2126	ĐDIV-2126	05/12/2020	4	71	Tạ Thị	Như	07/04/1994	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2127	ĐDIV-2127	05/12/2020	4	71	Nguyễn Thị	Như	29/12/1995	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2128	ĐDIV-2128	05/12/2020	4	71	Hoàng Thị	Nhuận	01/09/1977	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2129	ĐDIV-2129	05/12/2020	4	71	Hoàng Thị Trang	Nhung	21/05/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2130	ĐDIV-2130	05/12/2020	4	71	Đặng Thị Cẩm	Nhung	27/09/1993	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
2131	ĐDIV-2131	05/12/2020	4	71	Nguyễn Thị	Nhung	08/07/1985	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2132	ĐDIV-2132	05/12/2020	1	72	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	17/12/1994	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2133	ĐDIV-2133	05/12/2020	1	72	Phạm Thị	Nhung	06/08/1988	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2134	ĐDIV-2134	05/12/2020	1	72	Nguyễn Thị	Nhung	09/04/1995	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2135	ĐDIV-2135	05/12/2020	1	72	Phạm Tuyết	Nhung	26/03/1988	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2136	ĐDIV-2136	05/12/2020	1	72	Nguyễn Thị	Nhung	02/03/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2137	ĐDIV-2137	05/12/2020	1	72	Tống Thị	Nhung	20/10/1997	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2138	ĐDIV-2138	05/12/2020	1	72	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	01/11/1998	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2139	ĐDIV-2139	05/12/2020	1	72	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04/01/1991	BVĐK Văn Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2140	ĐDIV-2140	05/12/2020	2	72	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	16/04/1992	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2141	ĐDIV-2141	05/12/2020	2	72	Đào Thị	Nhung	18/07/1996	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2142	ĐDIV-2142	05/12/2020	2	72	Lê Thị	Nhung	10/12/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2143	ĐDIV-2143	05/12/2020	2	72	Nguyễn Thị Phương	Nhung	08/11/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2144	ĐDIV-2144	05/12/2020	2	72	Trần Thị Hồng	Nhung	05/07/1995	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2145	ĐDIV-2145	05/12/2020	2	72	Lê Thị	Nhung	08/06/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2146	ĐDIV-2146	05/12/2020	2	72	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/10/1993	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2147	ĐDIV-2147	05/12/2020	3	72	Kiều Thị	Nhung	01/09/1990	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2148	ĐDIV-2148	05/12/2020	3	72	Phạm Thị	Nhung	14/10/1995	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2149	ĐDIV-2149	05/12/2020	3	72	Trần Thị Thùy	Nhung	26/05/1986	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2150	ĐDIV-2150	05/12/2020	3	72	Lê Thị Hồng	Nhung	23/09/1993	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2151	ĐDIV-2151	05/12/2020	3	72	Trần Thị Hồng	Nhung	22/11/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2152	ĐDIV-2152	05/12/2020	3	72	Ngô Thị	Nhung	03/10/1986	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2153	ĐDIV-2153	05/12/2020	3	72	Nguyễn Hồng	Nhung	14/08/1998	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2154	ĐDIV-2154	05/12/2020	3	72	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	30/12/1988	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2155	ĐDIV-2155	05/12/2020	4	72	Phan Thị	Nhung	08/01/1989	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2156	ĐDIV-2156	05/12/2020	4	72	Bùi Thị Tuyết	Nhung	08/11/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2157	ĐDIV-2157	05/12/2020	4	72	Vũ Thị Hồng	Nhung	14/10/1994	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2158	ĐDIV-2158	05/12/2020	4	72	Nguyễn Thùy	Nhung	21/01/1998	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2159	ĐDIV-2159	05/12/2020	4	72	Trần Thị	Nhung	13/06/1990	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2160	ĐDIV-2160	05/12/2020	4	72	Lê Thị Tuyết	Nhung	19/09/1994	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2161	ĐDIV-2161	05/12/2020	4	72	Phùng Thị Hồng	Nhung	21/11/1998	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2162	ĐDIV-2162	05/12/2020	1	73	Đinh Thị	Nhung	10/10/1991	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2163	ĐDIV-2163	05/12/2020	1	73	Nguyễn Thị	Nhung	26/05/1993	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2164	ĐDIV-2164	05/12/2020	1	73	Đặng Hồng	Nhung	15/11/1993	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2165	ĐDIV-2165	05/12/2020	1	73	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/7/1997	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
2166	ĐDIV-2166	05/12/2020	1	73	Đoàn Tuyết	Nhung	30/04/1984	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2167	ĐDIV-2167	05/12/2020	1	73	Phạm Thị Hồng	Nhung	05/03/1994	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2168	ĐDIV-2168	05/12/2020	1	73	Nguyễn Mạnh	Ninh	10/10/1992	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2169	ĐDIV-2169	05/12/2020	1	73	Phạm Phương	Ninh	15/10/1997	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2170	ĐDIV-2170	05/12/2020	2	73	Bùi Văn	Ninh	25/09/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2171	ĐDIV-2171	05/12/2020	2	73	Nguyễn Thị	Nụ	06/03/1991	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2172	ĐDIV-2172	05/12/2020	2	73	Phạm Thị	Nữ	30/11/1992	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2173	ĐDIV-2173	05/12/2020	2	73	Lưu Bá	Oai	11/08/1996	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2174	ĐDIV-2174	05/12/2020	2	73	Trần Kim	Oanh	02/10/1995	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2175	ĐDIV-2175	05/12/2020	2	73	Bùi Thị	Oanh	23/02/1984	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CBB	
2176	ĐDIV-2176	05/12/2020	2	73	Ngô Thị Kim	Oanh	16/8/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2177	ĐDIV-2177	05/12/2020	3	73	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	01/07/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2178	ĐDIV-2178	05/12/2020	3	73	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	07/10/1997	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2179	ĐDIV-2179	05/12/2020	3	73	Nguyễn Thị Tuyết	Oanh	22/05/1992	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2180	ĐDIV-2180	05/12/2020	3	73	Từ Thị	Oanh	24/04/1991	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2181	ĐDIV-2181	05/12/2020	3	73	Đào Thị	Oanh	02/05/1990	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2182	ĐDIV-2182	05/12/2020	3	73	Trịnh Thị	Oanh	12/3/1995	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2183	ĐDIV-2183	05/12/2020	3	73	Nguyễn Thị	Oanh	01/04/1992	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2184	ĐDIV-2184	05/12/2020	3	73	Nguyễn Thị	Oanh	10/08/1994	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2185	ĐDIV-2185	05/12/2020	4	73	Nguyễn Thị Kim	Oanh	23/06/1995	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2186	ĐDIV-2186	05/12/2020	4	73	Nguyễn Thị	Oanh	04/03/1992	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2187	ĐDIV-2187	05/12/2020	4	73	Nguyễn Phương	Oanh	19/01/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2188	ĐDIV-2188	05/12/2020	4	73	Đỗ Thị	Oanh	27/10/1998	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2189	ĐDIV-2189	05/12/2020	4	73	Lê Thị	Oánh	27/11/1993	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2190	ĐDIV-2190	05/12/2020	4	73	Nguyễn Thanh	Phán	20/11/1985	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2191	ĐDIV-2191	05/12/2020	4	73	Đoàn Thị	Phấn	16/08/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2192	ĐDIV-2192	05/12/2020	1	74	Đỗ Thị	Phấn	07/05/1991	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2193	ĐDIV-2193	05/12/2020	1	74	Nguyễn Quang	Phong	14/02/1998	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2194	ĐDIV-2194	05/12/2020	1	74	Lê Anh	Phòng	10/05/1990	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2195	ĐDIV-2195	05/12/2020	1	74	Dương Mạnh	Phú	23/05/1994	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
2196	ĐDIV-2196	05/12/2020	1	74	Ngô Văn	Phú	09/05/1995	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2197	ĐDIV-2197	05/12/2020	1	74	Đỗ Mạnh	Phú	08/05/1988	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2198	ĐDIV-2198	05/12/2020	1	74	Ngô Thị	Phụ	10/9/1987	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2199	ĐDIV-2199	05/12/2020	1	74	Nguyễn Thị	Phúc	24/11/1993	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2200	ĐDIV-2200	05/12/2020	2	74	Nguyễn Đức	Phước	08/08/1992	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2201	ĐDIV-2201	05/12/2020	2	74	Nguyễn Bích	Phương	20/03/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	DTTS	
2202	ĐDIV-2202	05/12/2020	2	74	Lê Hoa	Phương	05/05/1993	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2203	ĐDIV-2203	05/12/2020	2	74	Hoàng Hà	Phương	30/05/1994	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2204	ĐDIV-2204	05/12/2020	2	74	Phùng Nhã	Phương	09/12/1984	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2205	ĐDIV-2205	05/12/2020	2	74	Đặng Thị	Phương	01/02/1992	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2206	ĐDIV-2206	05/12/2020	2	74	Phạm Thị Thu	Phương	10/12/1982	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2207	ĐDIV-2207	05/12/2020	3	74	Lê Thị Thu	Phương	06/07/1994	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2208	ĐDIV-2208	05/12/2020	3	74	Nguyễn Thu	Phương	17/04/1980	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2209	ĐDIV-2209	05/12/2020	3	74	Nguyễn Thị Minh	Phương	07/07/1992	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2210	ĐDIV-2210	05/12/2020	3	74	Nguyễn Thị	Phương	27/04/1994	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2211	ĐDIV-2211	05/12/2020	3	74	Đặng Thị Anh	Phương	18/03/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2212	ĐDIV-2212	05/12/2020	3	74	Nguyễn Thị Thu	Phương	11/10/1990	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2213	ĐDIV-2213	05/12/2020	3	74	Nguyễn Thị Thu	Phương	26/01/1996	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2214	ĐDIV-2214	05/12/2020	3	74	Trần Thị Lan	Phương	04/08/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2215	ĐDIV-2215	05/12/2020	4	74	Nguyễn Thị Hà	Phương	25/05/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2216	ĐDIV-2216	05/12/2020	4	74	Nguyễn Thị Hà	Phương	25/9/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2217	ĐDIV-2217	05/12/2020	4	74	Lê Thị Mai	Phương	19/08/1989	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2218	ĐDIV-2218	05/12/2020	4	74	Phạm Thảo	Phương	13/7/1996	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2219	ĐDIV-2219	05/12/2020	4	74	Tạ Thị Lan	Phương	08/07/1997	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2220	ĐDIV-2220	05/12/2020	4	74	Nguyễn Thị	Phương	05/06/1991	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2221	ĐDIV-2221	05/12/2020	4	74	Nguyễn Lan	Phương	04/01/1993	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2222	ĐDIV-2222	05/12/2020	1	75	Nguyễn Thị Mai	Phương	10/08/1994	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2223	ĐDIV-2223	05/12/2020	1	75	Cấn Thị Thu	Phương	03/10/1988	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2224	ĐDIV-2224	05/12/2020	1	75	Lê Hồng	Phương	28/10/1986	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2225	ĐDIV-2225	05/12/2020	1	75	Nguyễn Huyền	Phương	15/12/1990	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2226	ĐDIV-2226	05/12/2020	1	75	Nguyễn Thị Hà	Phương	17/11/1994	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2227	ĐDIV-2227	05/12/2020	1	75	Nguyễn Thị Hải	Phương	13/10/1991	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2228	ĐDIV-2228	05/12/2020	1	75	Dương Thị	Phương	18/04/1995	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2229	ĐDIV-2229	05/12/2020	1	75	Lê Thị Lan	Phương	18/08/1994	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2230	ĐDIV-2230	05/12/2020	2	75	Nguyễn Thị Hà	Phương	15/04/1997	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2231	ĐDIV-2231	05/12/2020	2	75	Nguyễn Thị Mai	Phương	24/07/1994	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2232	ĐDIV-2232	05/12/2020	2	75	Nguyễn Thị	Phương	18/02/1995	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2233	ĐDIV-2233	05/12/2020	2	75	Nguyễn Thị	Phương	10/07/1993	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2234	ĐDIV-2234	05/12/2020	2	75	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/07/1996	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2235	ĐDIV-2235	05/12/2020	2	75	Phạm Thị	Phương	17/02/1990	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2236	ĐDIV-2236	05/12/2020	2	75	Tuấn Thị Hoài	Phương	23/06/1991	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2237	ĐDIV-2237	05/12/2020	3	75	Nguyễn Thanh	Phương	24/09/1995	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2238	ĐDIV-2238	05/12/2020	3	75	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/11/1988	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2239	ĐDIV-2239	05/12/2020	3	75	Nguyễn Mai	Phương	09/01/1997	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2240	ĐDIV-2240	05/12/2020	3	75	Nguyễn Thị	Phương	27/03/1995	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2241	ĐDIV-2241	05/12/2020	3	75	Đặng Thị Thu	Phương	12/10/1993	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2242	ĐDIV-2242	05/12/2020	3	75	Nguyễn Thị Mai	Phương	07/05/1988	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2243	ĐDIV-2243	05/12/2020	3	75	Nguyễn Thị Minh	Phương	16/03/1984	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2244	ĐDIV-2244	05/12/2020	3	75	Trần Thị Hoài	Phương	15/01/1995	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2245	ĐDIV-2245	05/12/2020	4	75	Hoàng Thị Thu	Phương	28/07/1988	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2246	ĐDIV-2246	05/12/2020	4	75	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/04/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2247	ĐDIV-2247	05/12/2020	4	75	Nguyễn Thị	Phượng	18/08/1990	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2248	ĐDIV-2248	05/12/2020	4	75	Nguyễn Thị	Phượng	30/10/1977	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2249	ĐDIV-2249	05/12/2020	4	75	Bùi Thị	Phượng	03/06/1992	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2250	ĐDIV-2250	05/12/2020	4	75	Đỗ Thị	Phượng	08/10/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2251	ĐDIV-2251	05/12/2020	4	75	Hoàng Thị	Phượng	27/09/1995	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2252	ĐDIV-2252	05/12/2020	1	76	Nguyễn Thị Ngọc	Phượng	23/01/1996	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2253	ĐDIV-2253	05/12/2020	1	76	Chí Thị	Phượng	23/02/1994	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2254	ĐDIV-2254	05/12/2020	1	76	Trịnh Thị	Phượng	28/8/1992	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2255	ĐDIV-2255	05/12/2020	1	76	Nguyễn Thị	Phượng	24/04/1987	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2256	ĐDIV-2256	05/12/2020	1	76	Nguyễn Thị	Phượng	26/10/1988	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2257	ĐDIV-2257	05/12/2020	1	76	Trịnh Thị Bích	Phượng	19/08/1996	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2258	ĐDIV-2258	05/12/2020	1	76	Doãn Thị	Phượng	30/05/1994	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2259	ĐDIV-2259	05/12/2020	1	76	Nguyễn Thị	Phượng	20/02/1983	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2260	ĐDIV-2260	05/12/2020	2	76	Nguyễn Hồng	Quân	13/03/1991	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2261	ĐDIV-2261	05/12/2020	2	76	Trần Mạnh	Quân	20/01/1994	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2262	ĐDIV-2262	05/12/2020	2	76	Đỗ Trường	Quân	04/09/1993	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2263	ĐDIV-2263	05/12/2020	2	76	Phan Văn	Quang	27/10/1978	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng	HTNV	
2264	ĐDIV-2264	05/12/2020	2	76	Trần Vinh	Quang	08/02/1984	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2265	ĐDIV-2265	05/12/2020	2	76	Nguyễn Huy	Quế	03/07/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2266	ĐDIV-2266	05/12/2020	2	76	Nguyễn Trọng	Quý	29/08/1993	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2267	ĐDIV-2267	05/12/2020	3	76	Nguyễn Thị	Quý	19/09/1986	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2268	ĐDIV-2268	05/12/2020	3	76	Phùng Thị Nguyệt	Quý	24/03/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2269	ĐDIV-2269	05/12/2020	3	76	Nguyễn Khắc	Quý	18/07/1990	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2270	ĐDIV-2270	05/12/2020	3	76	Hà Thị Mai	Quyên	04/06/1995	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2271	ĐDIV-2271	05/12/2020	3	76	Nguyễn Thị	Quyên	18/10/1997	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2272	ĐDIV-2272	05/12/2020	3	76	Tạ Thị	Quyên	13/10/1991	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2273	ĐDIV-2273	05/12/2020	3	76	Nguyễn Thị	Quyên	03/12/1994	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2274	ĐDIV-2274	05/12/2020	3	76	Trần Ngọc	Quyên	29/12/1993	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2275	ĐDIV-2275	05/12/2020	4	76	Phạm Bảo	Quyên	07/08/1994	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2276	ĐDIV-2276	05/12/2020	4	76	Nguyễn Thị	Quyên	22/11/1992	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2277	ĐDIV-2277	05/12/2020	4	76	Nguyễn Thị	Quyên	04/09/1990	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2278	ĐDIV-2278	05/12/2020	4	76	Trương Ngọc	Quyền	22/07/1989	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2279	ĐDIV-2279	05/12/2020	4	76	Ngô Tiến	Quyết	09/08/1991	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2280	ĐDIV-2280	05/12/2020	4	76	Phí Thị	Quyết	21/09/1992	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2281	ĐDIV-2281	05/12/2020	4	76	Dương Như	Quỳnh	12/12/1997	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2282	ĐDIV-2282	05/12/2020	1	77	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/07/1990	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2283	ĐDIV-2283	05/12/2020	1	77	Lê Thị Thúy	Quỳnh	07/12/1996	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2284	ĐDIV-2284	05/12/2020	1	77	Vũ Thị Thúy	Quỳnh	02/08/1987	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2285	ĐDIV-2285	05/12/2020	1	77	Nguyễn Thúy	Quỳnh	14/12/1995	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2286	ĐDIV-2286	05/12/2020	1	77	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	28/2/1994	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2287	ĐDIV-2287	05/12/2020	1	77	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	30/7/1996	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2288	ĐDIV-2288	05/12/2020	1	77	Nguyễn Thư	Quỳnh	01/03/1997	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2289	ĐDIV-2289	05/12/2020	1	77	Đỗ Thị	Quỳnh	06/03/1994	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2290	ĐDIV-2290	05/12/2020	2	77	Lê Thị Lệ	Sa	08/05/1993	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2291	ĐDIV-2291	05/12/2020	2	77	Nguyễn Hữu	Sâm	23/02/1996	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2292	ĐDIV-2292	05/12/2020	2	77	Phạm Thị	Sang	10/03/1985	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2293	ĐDIV-2293	05/12/2020	2	77	Lê Thị	Sen	06/08/1993	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2294	ĐDIV-2294	05/12/2020	2	77	Nguyễn Thị	Sen	11/04/1995	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2295	ĐDIV-2295	05/12/2020	2	77	Đào Thị	Sinh	27/01/1994	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2296	ĐDIV-2296	05/12/2020	2	77	Nguyễn Hồng	Sơn	08/09/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2297	ĐDIV-2297	05/12/2020	3	77	Lê Ngọc	Sơn	24/08/1995	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2298	ĐDIV-2298	05/12/2020	3	77	Nguyễn	Sơn	18/01/1995	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2299	ĐDIV-2299	05/12/2020	3	77	Hà Cao	Sơn	12/02/1996	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2300	ĐDIV-2300	05/12/2020	3	77	Nguyễn Thị	Sứ	13/09/1992	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2301	ĐDIV-2301	05/12/2020	3	77	Nguyễn Văn	Sự	13/09/1991	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2302	ĐDIV-2302	05/12/2020	3	77	Đoàn Văn	Tài	12/6/1994	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2303	ĐDIV-2303	05/12/2020	3	77	Nguyễn Thị Minh	Tâm	22/03/1976	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2304	ĐDIV-2304	05/12/2020	3	77	Đặng Thị	Tâm	10/07/1993	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2305	ĐDIV-2305	05/12/2020	4	77	Phạm Thị Thanh	Tâm	19/05/1992	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2306	ĐDIV-2306	05/12/2020	4	77	Lê Thị Minh	Tâm	03/09/1991	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2307	ĐDIV-2307	05/12/2020	4	77	Phan Thị Huyền	Tâm	04/11/1982	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2308	ĐDIV-2308	05/12/2020	4	77	Đoàn Văn	Tân	06/10/1994	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2309	ĐDIV-2309	05/12/2020	4	77	Lê Huy	Tân	23/09/1993	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2310	ĐDIV-2310	05/12/2020	4	77	Nguyễn Trường	Tấn	25/12/1991	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2311	ĐDIV-2311	05/12/2020	4	77	Nguyễn Thị	Tần	04/06/1980	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2312	ĐDIV-2312	05/12/2020	1	78	Nguyễn Thị	Thà	27/04/1996	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2313	ĐDIV-2313	05/12/2020	1	78	Phùng Thị	Thái	03/09/1992	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2314	ĐDIV-2314	05/12/2020	1	78	Đinh Thị	Thắm	30/07/1994	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2315	ĐDIV-2315	05/12/2020	1	78	Đinh Thị	Thắm	15/08/1995	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2316	ĐDIV-2316	05/12/2020	1	78	Trần Thị	Thắm	02/09/1985	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
2317	ĐDIV-2317	05/12/2020	1	78	Đoàn Thị Hồng	Thắm	07/04/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2318	ĐDIV-2318	05/12/2020	1	78	Ngô Thị	Thắm	05/12/1992	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2319	ĐDIV-2319	05/12/2020	1	78	Lê Hồng	Thắm	04/04/1980	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2320	ĐDIV-2320	05/12/2020	2	78	Phạm Hồng	Thắm	25/11/1990	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2321	ĐDIV-2321	05/12/2020	2	78	Hoàng Thị Thu	Thắm	20/02/1991	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2322	ĐDIV-2322	05/12/2020	2	78	Nguyễn Thị	Thắm	28/05/1997	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2323	ĐDIV-2323	05/12/2020	2	78	Nguyễn Thị	Thân	06/10/1992	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2324	ĐDIV-2324	05/12/2020	2	78	Đinh Văn	Thăng	12/11/1996	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2325	ĐDIV-2325	05/12/2020	2	78	Nguyễn Mạnh	Thắng	27/08/1997	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2326	ĐDIV-2326	05/12/2020	2	78	Bùi Văn	Thắng	07/10/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2327	ĐDIV-2327	05/12/2020	3	78	Trương Đức	Thắng	28/12/1995	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2328	ĐDIV-2328	05/12/2020	3	78	Phạm Văn	Thắng	11/01/1995	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2329	ĐDIV-2329	05/12/2020	3	78	Bùi Đức	Thắng	02/12/1992	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2330	ĐDIV-2330	05/12/2020	3	78	Cấn Thị	Thắng	12/03/1983	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2331	ĐDIV-2331	05/12/2020	3	78	Trần Hồng	Thanh	11/03/1993	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2332	ĐDIV-2332	05/12/2020	3	78	Đỗ Thị Thanh	Thanh	18/02/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2333	ĐDIV-2333	05/12/2020	3	78	Trần Thị	Thanh	07/04/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2334	ĐDIV-2334	05/12/2020	3	78	Phạm Thị	Thanh	09/03/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2335	ĐDIV-2335	05/12/2020	4	78	Huỳnh Thị	Thanh	09/04/1993	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2336	ĐDIV-2336	05/12/2020	4	78	Nguyễn Thị	Thanh	31/07/1996	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2337	ĐDIV-2337	05/12/2020	4	78	Lê Yến	Thanh	19/06/1998	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2338	ĐDIV-2338	05/12/2020	4	78	Phùng Tiến	Thanh	27/06/1998	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2339	ĐDIV-2339	05/12/2020	4	78	Đào Thị	Thanh	19/9/1998	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2340	ĐDIV-2340	05/12/2020	4	78	Nguyễn Thị	Thanh	15/7/1986	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2341	ĐDIV-2341	05/12/2020	4	78	Nghiêm Thị	Thanh	03/02/1991	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
2342	ĐDIV-2342	05/12/2020	1	79	Nguyễn Thị	Thanh	13/06/1992	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CBB	
2343	ĐDIV-2343	05/12/2020	1	79	Đỗ Hồng	Thanh	08/01/1991	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2344	ĐDIV-2344	05/12/2020	1	79	Nguyễn Thị	Thanh	19/08/1991	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2345	ĐDIV-2345	05/12/2020	1	79	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	19/07/1993	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2346	ĐDIV-2346	05/12/2020	1	79	Đỗ Hoài	Thanh	06/04/1996	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2347	ĐDIV-2347	05/12/2020	1	79	Trần Thị Thu	Thanh	17/01/1995	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2348	ĐDIV-2348	05/12/2020	1	79	Trần Thị	Thanh	28/06/1995	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2349	ĐDIV-2349	05/12/2020	1	79	Hoàng Thị Phương	Thanh	11/01/1985	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2350	ĐDIV-2350	05/12/2020	2	79	Phạm Mai	Thanh	17/07/1985	TTYT Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2351	ĐDIV-2351	05/12/2020	2	79	Hà Thị Thu	Thanh	15/02/1992	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2352	ĐDIV-2352	05/12/2020	2	79	Bùi Thị Thanh	Thanh	26/04/1993	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2353	ĐDIV-2353	05/12/2020	2	79	Lê Duy	Thành	13/05/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2354	ĐDIV-2354	05/12/2020	2	79	Nguyễn Thị	Thành	05/02/1971	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	HTNV	
2355	ĐDIV-2355	05/12/2020	2	79	Trịnh Tiến	Thành	06/01/1991	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2356	ĐDIV-2356	05/12/2020	2	79	Hà Đức	Thành	06/02/1994	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2357	ĐDIV-2357	05/12/2020	3	79	Nguyễn Thị Trung	Thành	13/08/1982	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2358	ĐDIV-2358	05/12/2020	3	79	Đinh Thị Bích	Thành	27/02/1987	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2359	ĐDIV-2359	05/12/2020	3	79	Nguyễn Kim	Thao	27/5/1992	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2360	ĐDIV-2360	05/12/2020	3	79	Hoàng Thu	Thảo	11/05/1997	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2361	ĐDIV-2361	05/12/2020	3	79	Nguyễn Phương	Thảo	22/06/1995	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2362	ĐDIV-2362	05/12/2020	3	79	Hoàng Thị	Thảo	20/06/1995	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2363	ĐDIV-2363	05/12/2020	3	79	Nguyễn Phương	Thảo	05/03/1986	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2364	ĐDIV-2364	05/12/2020	3	79	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27/05/1996	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2365	ĐDIV-2365	05/12/2020	4	79	Nguyễn Thị	Thảo	18/11/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2366	ĐDIV-2366	05/12/2020	4	79	Vũ Phương	Thảo	10/09/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2367	ĐDIV-2367	05/12/2020	4	79	Lê Thị Phương	Thảo	08/12/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2368	ĐDIV-2368	05/12/2020	4	79	Nguyễn Phương	Thảo	02/05/1998	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2369	ĐDIV-2369	05/12/2020	4	79	Nguyễn Thị	Thảo	29/09/1996	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2370	ĐDIV-2370	05/12/2020	4	79	Nguyễn Thu	Thảo	27/10/1996	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2371	ĐDIV-2371	05/12/2020	4	79	Phùng Thị	Thảo	19/03/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2372	ĐDIV-2372	05/12/2020	1	80	Ngô Thị Thu	Thảo	09/06/1996	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2373	ĐDIV-2373	05/12/2020	1	80	Nguyễn Phương	Thảo	23/10/1992	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2374	ĐDIV-2374	05/12/2020	1	80	Đào Thị Thu	Thảo	22/04/1996	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2375	ĐDIV-2375	05/12/2020	1	80	Vương Thị	Thảo	23/12/1992	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2376	ĐDIV-2376	05/12/2020	1	80	Nguyễn Thị	Thảo	18/09/1993	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2377	ĐDIV-2377	05/12/2020	1	80	Bùi Ngọc	Thảo	01/12/1992	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2378	ĐDIV-2378	05/12/2020	1	80	Nguyễn Thị	Thảo	17/10/1997	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2379	ĐDIV-2379	05/12/2020	1	80	Trần Phương	Thảo	15/9/1981	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CĐCĐ	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2380	ĐDIV-2380	05/12/2020	2	80	Nguyễn Thị Hương	Thảo	06/10/1998	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2381	ĐDIV-2381	05/12/2020	2	80	Lê Thị Phương	Thảo	26/10/1997	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2382	ĐDIV-2382	05/12/2020	2	80	Nguyễn Thị	Thảo	14/08/1997	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2383	ĐDIV-2383	05/12/2020	2	80	Nguyễn Thị	Thảo	10/06/1990	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2384	ĐDIV-2384	05/12/2020	2	80	Vũ Thị	Thảo	19/06/1998	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2385	ĐDIV-2385	05/12/2020	2	80	Phùng Thị	Thảo	06/05/1995	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2386	ĐDIV-2386	05/12/2020	2	80	Hoàng Thị Phương	Thảo	20/01/1989	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
2387	ĐDIV-2387	05/12/2020	3	80	Đàm Thị Phương	Thảo	27/11/1995	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2388	ĐDIV-2388	05/12/2020	3	80	Lương Thị Thanh	Thảo	09/07/1998	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2389	ĐDIV-2389	05/12/2020	3	80	Phạm Thu	Thảo	15/06/1995	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2390	ĐDIV-2390	05/12/2020	3	80	Bùi Thanh	Thảo	05/05/1994	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2391	ĐDIV-2391	05/12/2020	3	80	Kim Thị Thu	Thảo	13/03/1993	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2392	ĐDIV-2392	05/12/2020	3	80	Tạ Thị	Thảo	19/4/1994	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2393	ĐDIV-2393	05/12/2020	3	80	Nguyễn Thị Phương	Thảo	31/07/1993	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2394	ĐDIV-2394	05/12/2020	3	80	Lê Thị Phương	Thảo	01/01/1994	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2395	ĐDIV-2395	05/12/2020	4	80	Trịnh Phương	Thảo	28/03/1995	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2396	ĐDIV-2396	05/12/2020	4	80	Trần Thị	Thảo	10/12/1988	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2397	ĐDIV-2397	05/12/2020	4	80	Đặng Phương	Thảo	07/08/1995	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CBB	
2398	ĐDIV-2398	05/12/2020	4	80	Lưu Thị Phương	Thảo	30/12/1996	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2399	ĐDIV-2399	05/12/2020	4	80	Tạ Quang	Thật	06/09/1993	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2400	ĐDIV-2400	05/12/2020	4	80	Phùng Thị	Thêu	26/10/1996	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2401	ĐDIV-2401	05/12/2020	4	80	Trương Công	Thích	05/05/1992	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2402	ĐDIV-2402	05/12/2020	1	81	Nguyễn Thị	Thiệp	30/03/1991	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2403	ĐDIV-2403	05/12/2020	1	81	Phan Thị	Thiết	09/10/1993	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2404	ĐDIV-2404	05/12/2020	1	81	Phạm Đăng	Thiếu	16/05/1995	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2405	ĐDIV-2405	05/12/2020	1	81	Đặng Tiến	Thịnh	06/04/1987	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2406	ĐDIV-2406	05/12/2020	1	81	Phùng Thị	Tho	03/09/1993	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2407	ĐDIV-2407	05/12/2020	1	81	Vũ Thị	Thơ	04/04/1975	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2408	ĐDIV-2408	05/12/2020	1	81	Bùi Thị Thanh	Thơ	12/12/1991	BVĐK Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2409	ĐDIV-2409	05/12/2020	1	81	Vương Thị	Thơ	17/09/1993	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2410	ĐDIV-2410	05/12/2020	2	81	Nguyễn Thị	Thoa	06/04/1997	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2411	ĐDIV-2411	05/12/2020	2	81	Nguyễn Thị	Thoa	03/02/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2412	ĐDIV-2412	05/12/2020	2	81	Nguyễn Thị	Thoa	26/12/1998	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2413	ĐDIV-2413	05/12/2020	2	81	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/11/1995	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2414	ĐDIV-2414	05/12/2020	2	81	Ngô Thị	Thoa	10/08/1992	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2415	ĐDIV-2415	05/12/2020	2	81	Nguyễn Thị	Thoa	10/07/1995	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2416	ĐDIV-2416	05/12/2020	2	81	Nguyễn Thị	Thoa	17/12/1995	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2417	ĐDIV-2417	05/12/2020	3	81	Nguyễn Thị	Thoa	08/09/1989	TTYT Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng	CĐCĐ	
2418	ĐDIV-2418	05/12/2020	3	81	Nguyễn Thị	Thoan	19/10/1997	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2419	ĐDIV-2419	05/12/2020	3	81	Lương Thị	Thoan	06/12/1994	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2420	ĐDIV-2420	05/12/2020	3	81	Nguyễn Thị	Thới	25/08/1996	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2421	ĐDIV-2421	05/12/2020	3	81	Phương Thị	Thơm	06/10/1979	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2422	ĐDIV-2422	05/12/2020	3	81	Thế Thị	Thơm	30/10/1992	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
2423	ĐDIV-2423	05/12/2020	3	81	Vũ Thị	Thơm	15/01/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CBB	
2424	ĐDIV-2424	05/12/2020	3	81	Đỗ Thị	Thơm	26/03/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2425	ĐDIV-2425	05/12/2020	4	81	Lê Văn	Thơm	24/11/1993	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2426	ĐDIV-2426	05/12/2020	4	81	Phạm Thị	Thơm	24/11/1993	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2427	ĐDIV-2427	05/12/2020	4	81	Nguyễn Thị	Thơm	10/02/1988	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2428	ĐDIV-2428	05/12/2020	4	81	Đặng Hồng	Thu	13/09/1983	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2429	ĐDIV-2429	05/12/2020	4	81	Đặng Thị	Thu	05/04/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2430	ĐDIV-2430	05/12/2020	4	81	Vũ Hoài	Thu	06/09/1982	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2431	ĐDIV-2431	05/12/2020	4	81	Đào Thị	Thu	14/06/1994	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2432	ĐDIV-2432	05/12/2020	1	82	Phùng Thị	Thu	12/09/1993	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2433	ĐDIV-2433	05/12/2020	1	82	Ngô Thị	Thu	17/11/1994	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2434	ĐDIV-2434	05/12/2020	1	82	Đỗ Thị	Thu	26/3/1996	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2435	ĐDIV-2435	05/12/2020	1	82	Trần Thị Thanh	Thu	23/09/1991	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CTB	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2436	ĐDIV-2436	05/12/2020	1	82	Đỗ Thị	Thu	07/06/1988	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2437	ĐDIV-2437	05/12/2020	1	82	Nguyễn Thị	Thu	08/06/1991	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2438	ĐDIV-2438	05/12/2020	1	82	Đỗ Thị	Thu	29/08/1989	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2439	ĐDIV-2439	05/12/2020	1	82	Hoàng Thị	Thu	06/05/1992	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
2440	ĐDIV-2440	05/12/2020	2	82	Đỗ Thị Hoài	Thu	06/06/1995	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2441	ĐDIV-2441	05/12/2020	2	82	Vũ Thị	Thu	20/08/1984	TTYT Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2442	ĐDIV-2442	05/12/2020	2	82	Phùng Thị Anh	Thư	21/8/1997	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2443	ĐDIV-2443	05/12/2020	2	82	Phạm Thị	Thư	04/11/1994	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2444	ĐDIV-2444	05/12/2020	2	82	Nguyễn Thanh	Thư	10/04/1995	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2445	ĐDIV-2445	05/12/2020	2	82	Nguyễn Thị	Thư	25/10/1995	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2446	ĐDIV-2446	05/12/2020	2	82	Lê Thị	Thư	21/01/1991	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2447	ĐDIV-2447	05/12/2020	3	82	Trần Thị Anh	Thư	27/06/1994	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2448	ĐDIV-2448	05/12/2020	3	82	Bùi Thanh	Thư	05/05/1994	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2449	ĐDIV-2449	05/12/2020	3	82	Nguyễn Thị Thanh	Thư	11/08/1994	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2450	ĐDIV-2450	05/12/2020	3	82	Lê Thị	Thư	17/11/1993	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2451	ĐDIV-2451	05/12/2020	3	82	Lê Thị Bích	Thuần	30/12/1991	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2452	ĐDIV-2452	05/12/2020	3	82	Nguyễn Văn	Thuận	22/04/1995	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2453	ĐDIV-2453	05/12/2020	3	82	Nguyễn Thị	Thuận	20/10/1995	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CĐCĐ	
2454	ĐDIV-2454	05/12/2020	3	82	Bùi Thị	Thức	25/10/1993	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2455	ĐDIV-2455	05/12/2020	4	82	Nguyễn Thị	Thực	18/03/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2456	ĐDIV-2456	05/12/2020	4	82	Nguyễn Thị Diệu	Thương	06/11/1994	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2457	ĐDIV-2457	05/12/2020	4	82	Trần Thị	Thương	04/04/1987	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2458	ĐDIV-2458	05/12/2020	4	82	Nguyễn Thị	Thương	17/05/1987	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2459	ĐDIV-2459	05/12/2020	4	82	Nguyễn Văn	Thương	15/10/1979	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2460	ĐDIV-2460	05/12/2020	4	82	Phan Thị	Thương	28/03/1997	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2461	ĐDIV-2461	05/12/2020	4	82	Nguyễn Thị	Thương	10/02/1987	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2462	ĐDIV-2462	05/12/2020	1	83	Lê Thị	Thường	26/05/1988	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2463	ĐDIV-2463	05/12/2020	1	83	Đỗ Xuân	Thường	25/05/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2464	ĐDIV-2464	05/12/2020	1	83	Nguyễn Bá	Thưởng	31/08/1994	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2465	ĐDIV-2465	05/12/2020	1	83	Vương Huy	Thưởng	15/10/1991	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2466	ĐDIV-2466	05/12/2020	1	83	Lê Thị	Thuý	15/02/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2467	ĐDIV-2467	05/12/2020	1	83	Bùi Thị	Thúy	25/07/1995	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2468	ĐDIV-2468	05/12/2020	1	83	Nguyễn Thị Phương	Thúy	21/12/1994	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2469	ĐDIV-2469	05/12/2020	1	83	Nguyễn Thị	Thúy	10/01/1994	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
2470	ĐDIV-2470	05/12/2020	2	83	Bùi Thị	Thúy	08/11/1992	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2471	ĐDIV-2471	05/12/2020	2	83	Nguyễn Thị	Thúy	08/12/1985	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2472	ĐDIV-2472	05/12/2020	2	83	Nguyễn Thị	Thúy	19/10/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2473	ĐDIV-2473	05/12/2020	2	83	Hoàng Minh	Thúy	09/02/1998	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2474	ĐDIV-2474	05/12/2020	2	83	Trịnh Thị	Thúy	01/11/1991	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2475	ĐDIV-2475	05/12/2020	2	83	Nguyễn Thị	Thúy	21/03/1991	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2476	ĐDIV-2476	05/12/2020	2	83	Dương Thị	Thúy	20/10/1992	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2477	ĐDIV-2477	05/12/2020	3	83	Đặng Minh	Thúy	30/05/1992	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2478	ĐDIV-2478	05/12/2020	3	83	Nguyễn Thị Phương	Thúy	01/02/1993	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2479	ĐDIV-2479	05/12/2020	3	83	Lê Văn	Thúy	09/10/1994	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2480	ĐDIV-2480	05/12/2020	3	83	Nguyễn Thị Bích	Thúy	08/11/1992	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2481	ĐDIV-2481	05/12/2020	3	83	Đỗ Thị Phương	Thúy	03/03/1994	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2482	ĐDIV-2482	05/12/2020	3	83	Vũ Thị Minh	Thúy	21/04/1997	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2483	ĐDIV-2483	05/12/2020	3	83	Lê Thị	Thúy	15/08/1990	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2484	ĐDIV-2484	05/12/2020	3	83	Khúc Thị Phương	Thúy	13/11/1996	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
2485	ĐDIV-2485	05/12/2020	4	83	Đỗ Thị Thu	Thúy	13/10/1995	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2486	ĐDIV-2486	05/12/2020	4	83	Hoàng Thị	Thúy	10/12/1996	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2487	ĐDIV-2487	05/12/2020	4	83	Đinh Thị Ngọc	Thúy	13/9/1995	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2488	ĐDIV-2488	05/12/2020	4	83	Nguyễn Thị	Thúy	05/01/1992	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2489	ĐDIV-2489	05/12/2020	4	83	Lê Thị	Thúy	04/05/1991	TTYT Cầu Giấy	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
2490	ĐDIV-2490	05/12/2020	4	83	Trần Thị Minh	Thúy	10/08/1993	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2491	ĐDIV-2491	05/12/2020	4	83	Đàm Thị	Thúy	29/04/1993	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2492	ĐDIV-2492	05/12/2020	1	84	Nguyễn Phương	Thúy	17/05/1994	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2493	ĐDIV-2493	05/12/2020	1	84	Đỗ Minh	Thúy	19/07/1996	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2494	ĐDIV-2494	05/12/2020	1	84	Trịnh Thị	Thúy	09/12/1992	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2495	ĐDIV-2495	05/12/2020	1	84	Nguyễn Thị	Thúy	11/04/1988	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2496	ĐDIV-2496	05/12/2020	1	84	Vũ Ngọc	Thúy	16/04/1994	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2497	ĐDIV-2497	05/12/2020	1	84	Đào Thị	Thúy	15/11/1992	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2498	ĐDIV-2498	05/12/2020	1	84	Đỗ Thị	Thúy	23/01/1990	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2499	ĐDIV-2499	05/12/2020	1	84	Phạm Thị	Thúy	28/10/1992	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2500	ĐDIV-2500	05/12/2020	2	84	Kim Thị	Thúy	18/10/1990	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2501	ĐDIV-2501	05/12/2020	2	84	Hoàng Thị	Thúy	14/12/1995	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2502	ĐDIV-2502	05/12/2020	2	84	Bùi Phương	Thúy	25/11/1997	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2503	ĐDIV-2503	05/12/2020	2	84	Nguyễn Thị	Thúy	25/11/1997	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2504	ĐDIV-2504	05/12/2020	2	84	Vũ Thị Thanh	Thúy	15/11/1990	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2505	ĐDIV-2505	05/12/2020	2	84	Lê Thị Thu	Thúy	06/08/1994	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2506	ĐDIV-2506	05/12/2020	2	84	Bùi Thị	Thùy	18/09/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2507	ĐDIV-2507	05/12/2020	3	84	Nguyễn Minh	Thùy	02/04/1987	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2508	ĐDIV-2508	05/12/2020	3	84	Nguyễn Thị Bích	Thùy	21/04/1994	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2509	ĐDIV-2509	05/12/2020	3	84	Vũ Thị	Thùy	13/11/1993	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2510	ĐDIV-2510	05/12/2020	3	84	Nguyễn Văn	Thùy	23/02/1991	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2511	ĐDIV-2511	05/12/2020	3	84	Nguyễn Thị Biên	Thùy	03/03/1991	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2512	ĐDIV-2512	05/12/2020	3	84	Nguyễn Thị	Thùy	15/01/1991	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2513	ĐDIV-2513	05/12/2020	3	84	Phạm Thị	Thùy	30/12/1993	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2514	ĐDIV-2514	05/12/2020	3	84	Lý Thị	Thùy	03/04/1996	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	**DTTS**	
2515	ĐDIV-2515	05/12/2020	4	84	Nguyễn Thị Thu	Thùy	27/09/1993	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2516	ĐDIV-2516	05/12/2020	4	84	Từ Thị Thu	Thủy	14/12/1993	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2517	ĐDIV-2517	05/12/2020	4	84	Nguyễn Thanh	Thủy	29/12/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2518	ĐDIV-2518	05/12/2020	4	84	Nguyễn Thị Bích	Thủy	20/11/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2519	ĐDIV-2519	05/12/2020	4	84	Trần Thị Thu	Thủy	16/11/1991	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2520	ĐDIV-2520	05/12/2020	4	84	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	27/10/1990	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2521	ĐDIV-2521	05/12/2020	4	84	Nguyễn Phương Thanh	Thủy	07/11/1994	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2522	ĐDIV-2522	05/12/2020	1	85	Đỗ Thị	Thủy	01/11/1994	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2523	ĐDIV-2523	05/12/2020	1	85	Vũ Thanh	Thủy	25/04/1997	BV Phục hồi chức năng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2524	ĐDIV-2524	05/12/2020	1	85	Phạm Thanh	Thủy	25/09/1985	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2525	ĐDIV-2525	05/12/2020	1	85	Phạm Thị Thu	Thủy	28/9/1994	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2526	ĐDIV-2526	05/12/2020	1	85	Phạm Thị Thanh	Thủy	11/8/1987	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2527	ĐDIV-2527	05/12/2020	1	85	Chu Thị	Thủy	27/01/1998	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2528	ĐDIV-2528	05/12/2020	1	85	Kiều Thị	Thủy	20/2/1995	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2529	ĐDIV-2529	05/12/2020	1	85	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	02/8/1991	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2530	ĐDIV-2530	05/12/2020	2	85	Nguyễn Thị Thu	Thủy	15/11/1995	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2531	ĐDIV-2531	05/12/2020	2	85	Vũ Thu	Thủy	24/03/1992	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2532	ĐDIV-2532	05/12/2020	2	85	Lệnh Thị	Thủy	30/11/1996	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2533	ĐDIV-2533	05/12/2020	2	85	Phan Thanh	Thủy	01/12/1991	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2534	ĐDIV-2534	05/12/2020	2	85	Nguyễn Thị Bích	Thủy	27/03/1994	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2535	ĐDIV-2535	05/12/2020	2	85	Hoàng Thị	Thủy	17/02/1993	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2536	ĐDIV-2536	05/12/2020	2	85	Nguyễn Thị Thu	Thủy	12/02/1992	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2537	ĐDIV-2537	05/12/2020	3	85	Đặng Thị	Thủy	08/06/1992	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2538	ĐDIV-2538	05/12/2020	3	85	Đinh Thị	Thủy	13/06/1991	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2539	ĐDIV-2539	05/12/2020	3	85	Nguyễn Thị	Thủy	18/10/1991	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2540	ĐDIV-2540	05/12/2020	3	85	Nguyễn Thị Thu	Thủy	01/09/1992	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2541	ĐDIV-2541	05/12/2020	3	85	Nguyễn Thị Thu	Thủy	20/11/1998	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2542	ĐDIV-2542	05/12/2020	3	85	Lê Thị	Thủy	06/09/1990	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2543	ĐDIV-2543	05/12/2020	3	85	Phạm Thị	Thủy	20/09/1993	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2544	ĐDIV-2544	05/12/2020	3	85	Phạm Thị Thu	Thủy	02/03/1993	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2545	ĐDIV-2545	05/12/2020	4	85	Đỗ Thị	Thủy	10/10/1997	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2546	ĐDIV-2546	05/12/2020	4	85	Nguyễn Ngọc	Thủy	29/12/1990	TTYT Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2547	ĐDIV-2547	05/12/2020	4	85	Nguyễn Thị	Thủy	16/03/1990	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2548	ĐDIV-2548	05/12/2020	4	85	Hoàng Thị	Thủy	09/03/1992	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2549	ĐDIV-2549	05/12/2020	4	85	Hoàng Thị	Thủy	14/09/1994	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2550	ĐDIV-2550	05/12/2020	4	85	Nguyễn Thị	Thủy	27/05/1992	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2551	ĐDIV-2551	05/12/2020	4	85	Đinh Thị	Thủy	08/03/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2552	ĐDIV-2552	05/12/2020	1	86	Trần Thị Thủy	Tiên	21/05/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2553	ĐDIV-2553	05/12/2020	1	86	Nguyễn Thủy	Tiên	09/12/1995	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2554	ĐDIV-2554	05/12/2020	1	86	Đinh Nữ Thủy	Tiên	17/05/1989	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2555	ĐDIV-2555	05/12/2020	1	86	Ngô Văn	Tiến	08/05/1991	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2556	ĐDIV-2556	05/12/2020	1	86	Nguyễn Ngọc	Tiến	24/03/1984	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2557	ĐDIV-2557	05/12/2020	1	86	Trần Ngọc	Tiến	11/01/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2558	ĐDIV-2558	05/12/2020	1	86	Nguyễn Đình	Tiến	20/07/1992	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2559	ĐDIV-2559	05/12/2020	1	86	Nguyễn Khắc	Tiến	16/09/1997	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2560	ĐDIV-2560	05/12/2020	2	86	Mai Văn	Tiệp	08/03/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
2561	ĐDIV-2561	05/12/2020	2	86	Ngô Văn	Tiệp	06/01/1994	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2562	ĐDIV-2562	05/12/2020	2	86	Đinh Công	Tín	25/12/1991	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	DTTS	
2563	ĐDIV-2563	05/12/2020	2	86	Ngô Văn	Tình	27/09/1987	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2564	ĐDIV-2564	05/12/2020	2	86	Nguyễn Thị	Toan	19/03/1974	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
2565	ĐDIV-2565	05/12/2020	2	86	Bùi Đăng	Toàn	28/03/1991	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2566	ĐDIV-2566	05/12/2020	2	86	Nguyễn Chu	Toàn	17/06/1986	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2567	ĐDIV-2567	05/12/2020	3	86	Nguyễn Đình	Toàn	09/11/1996	TT Giám định y khoa Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2568	ĐDIV-2568	05/12/2020	3	86	Nguyễn Thị	Toàn	14/5/1989	TTYT Hoàn Kiếm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2569	ĐDIV-2569	05/12/2020	3	86	Nguyễn Song	Toàn	23/10/1988	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2570	ĐDIV-2570	05/12/2020	3	86	Nguyễn Quang	Tôn	20/08/1990	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
2571	ĐDIV-2571	05/12/2020	3	86	Ngô Thu	Trà	21/10/1994	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2572	ĐDIV-2572	05/12/2020	3	86	Đoàn Thị	Trâm	10/11/1991	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2573	ĐDIV-2573	05/12/2020	3	86	Nguyễn Thu	Trang	24/10/1990	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2574	ĐDIV-2574	05/12/2020	3	86	Hoàng Thu	Trang	08/03/1984	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2575	ĐDIV-2575	05/12/2020	4	86	Mai Thị Quỳnh	Trang	02/09/1997	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2576	ĐDIV-2576	05/12/2020	4	86	Trần Thị Đài	Trang	22/12/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2577	ĐDIV-2577	05/12/2020	4	86	Nguyễn Thị Thúy	Trang	29/07/1990	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2578	ĐDIV-2578	05/12/2020	4	86	Nguyễn Thu	Trang	19/04/1995	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2579	ĐDIV-2579	05/12/2020	4	86	Phạm Thị Thu	Trang	20/03/1996	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2580	ĐDIV-2580	05/12/2020	4	86	Đỗ Huyền	Trang	02/02/1994	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2581	ĐDIV-2581	05/12/2020	4	86	Cao Thu	Trang	02/02/1991	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2582	ĐDIV-2582	05/12/2020	1	87	Trần Thu	Trang	18/03/1995	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2583	ĐDIV-2583	05/12/2020	1	87	Chử Thị	Trang	03/01/1993	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2584	ĐDIV-2584	05/12/2020	1	87	Lê Thị	Trang	16/07/1987	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2585	ĐDIV-2585	05/12/2020	1	87	Vũ Thị Kim	Trang	12/10/1977	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2586	ĐDIV-2586	05/12/2020	1	87	Nguyễn Thu	Trang	11/06/1991	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2587	ĐDIV-2587	05/12/2020	1	87	Nguyễn Thị	Trang	07/07/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2588	ĐDIV-2588	05/12/2020	1	87	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/09/1986	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2589	ĐDIV-2589	05/12/2020	1	87	Nguyễn Thị	Trang	08/02/1996	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2590	ĐDIV-2590	05/12/2020	2	87	Đinh Thị	Trang	07/08/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2591	ĐDIV-2591	05/12/2020	2	87	Vũ Thị Huyền	Trang	16/07/1996	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2592	ĐDIV-2592	05/12/2020	2	87	Lê Thị Huyền	Trang	12/07/1992	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2593	ĐDIV-2593	05/12/2020	2	87	Nguyễn Thị Huyền	Trang	26/07/1992	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2594	ĐDIV-2594	05/12/2020	2	87	Đào Thị Thu	Trang	26/05/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2595	ĐDIV-2595	05/12/2020	2	87	Nguyễn Thu	Trang	18/09/1996	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2596	ĐDIV-2596	05/12/2020	2	87	Nguyễn Thị Minh	Trang	11/07/1992	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2597	ĐDIV-2597	05/12/2020	3	87	Đặng Thị Kiều	Trang	03/01/1996	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2598	ĐDIV-2598	05/12/2020	3	87	Lê Thị	Trang	10/11/1997	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2599	ĐDIV-2599	05/12/2020	3	87	Nguyễn Thị Minh	Trang	17/02/1996	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
2600	ĐDIV-2600	05/12/2020	3	87	Phạm Thị Minh	Trang	23/02/1994	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2601	ĐDIV-2601	05/12/2020	3	87	Hoàng Thị Phương	Trang	03/09/1994	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2602	ĐDIV-2602	05/12/2020	3	87	Trần Thị	Trang	28/03/1992	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2603	ĐDIV-2603	05/12/2020	3	87	Nguyễn Thuỳ	Trang	09/10/1989	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2604	ĐDIV-2604	05/12/2020	3	87	Đỗ Thị	Trang	28/11/1994	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2605	ĐDIV-2605	05/12/2020	4	87	Nguyễn Hồng	Trang	25/10/1996	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2606	ĐDIV-2606	05/12/2020	4	87	Nguyễn Thị	Trang	22/08/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2607	ĐDIV-2607	05/12/2020	4	87	Doãn Thị Huyền	Trang	12/12/1989	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2608	ĐDIV-2608	05/12/2020	4	87	Trần Thị Tuyết	Trang	11/10/1991	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2609	ĐDIV-2609	05/12/2020	4	87	Lê Thị Huyền	Trang	29/05/1991	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2610	ĐDIV-2610	05/12/2020	4	87	Đỗ Huyền	Trang	16/12/1997	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2611	ĐDIV-2611	05/12/2020	4	87	Trần Thị	Trang	11/04/1994	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2612	ĐDIV-2612	05/12/2020	1	88	Nguyễn Thảo	Trang	22/4/1994	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2613	ĐDIV-2613	05/12/2020	1	88	Đặng Thị	Trang	20/7/1986	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2614	ĐDIV-2614	05/12/2020	1	88	Đỗ Phương Huyền	Trang	28/7/1995	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2615	ĐDIV-2615	05/12/2020	1	88	Nguyễn Thị Huyền	Trang	17/10/1995	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2616	ĐDIV-2616	05/12/2020	1	88	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/10/1996	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2617	ĐDIV-2617	05/12/2020	1	88	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/09/1993	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2618	ĐDIV-2618	05/12/2020	1	88	Đặng Thị	Trang	11/09/1995	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2619	ĐDIV-2619	05/12/2020	1	88	Nguyễn Mai	Trang	20/02/1996	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2620	ĐDIV-2620	05/12/2020	2	88	Đỗ Thị Huyền	Trang	04/03/1992	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2621	ĐDIV-2621	05/12/2020	2	88	Nguyễn Ngọc	Trang	20/10/1995	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2622	ĐDIV-2622	05/12/2020	2	88	Nguyễn Huyền	Trang	01/06/1990	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2623	ĐDIV-2623	05/12/2020	2	88	Dương Huyền	Trang	04/11/1997	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2624	ĐDIV-2624	05/12/2020	2	88	Nguyễn Thị Huyền	Trang	13/03/1993	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2625	ĐDIV-2625	05/12/2020	2	88	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27/02/1991	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2626	ĐDIV-2626	05/12/2020	2	88	Nguyễn Thị	Trang	09/03/1996	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2627	ĐDIV-2627	05/12/2020	3	88	Vũ Thị Quỳnh	Trang	26/08/1995	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2628	ĐDIV-2628	05/12/2020	3	88	Vũ Thị	Trang	30/09/1994	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2629	ĐDIV-2629	05/12/2020	3	88	Bùi Thị Huyền	Trang	26/07/1994	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2630	ĐDIV-2630	05/12/2020	3	88	Nguyễn Thị	Trang	13/09/1992	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2631	ĐDIV-2631	05/12/2020	3	88	Bùi Thị	Trang	03/04/1996	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2632	ĐDIV-2632	05/12/2020	3	88	Hà Thị	Trang	03/01/1993	TTYT Hai Bà Trưng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2633	ĐDIV-2633	05/12/2020	3	88	Lê Thị Ngọc	Trang	13/05/1995	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2634	ĐDIV-2634	05/12/2020	3	88	Nguyễn Thu	Trang	27/09/1986	TTYT Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2635	ĐDIV-2635	05/12/2020	4	88	Thế Thị Thu	Trang	20/09/1989	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2636	ĐDIV-2636	05/12/2020	4	88	Nguyễn Hà	Trang	08/02/1994	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2637	ĐDIV-2637	05/12/2020	4	88	Lã Thị Huyền	Trang	13/02/1994	TTYT Thanh Trì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2638	ĐDIV-2638	05/12/2020	4	88	Nguyễn Thị	Trang	05/09/1990	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2639	ĐDIV-2639	05/12/2020	4	88	Dương Thị Thu	Trang	26/12/1997	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2640	ĐDIV-2640	05/12/2020	4	88	Vũ Thị	Trang	15/03/1989	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2641	ĐDIV-2641	05/12/2020	4	88	Nguyễn Hà	Trang	25/04/1993	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2642	ĐDIV-2642	05/12/2020	1	89	Đông Thị Huyền	Trang	21/07/1993	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2643	ĐDIV-2643	05/12/2020	1	89	Phí Thị Huyền	Trang	17/09/1992	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2644	ĐDIV-2644	05/12/2020	1	89	Phùng Thị	Trang	07/07/1993	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2645	ĐDIV-2645	05/12/2020	1	89	Lê Thị Kiều	Trang	07/02/1994	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2646	ĐDIV-2646	05/12/2020	1	89	Lê Thị	Trang	28/3/1995	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2647	ĐDIV-2647	05/12/2020	1	89	Cao Huyền	Trang	17/7/1997	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2648	ĐDIV-2648	05/12/2020	1	89	Nguyễn Thị Vân	Trang	04/09/1998	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2649	ĐDIV-2649	05/12/2020	1	89	Hoàng Thị Thùy	Trang	30/04/1993	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2650	ĐDIV-2650	05/12/2020	2	89	Đỗ Thị Thùy	Trang	24/10/1995	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
2651	ĐDIV-2651	05/12/2020	2	89	Trần Thị	Tranh	29/11/1991	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2652	ĐDIV-2652	05/12/2020	2	89	Lương Thị Minh	Trí	24/07/1992	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2653	ĐDIV-2653	05/12/2020	2	89	Đỗ Thị	Triển	05/10/1986	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2654	ĐDIV-2654	05/12/2020	2	89	Nguyễn Tuyết	Trinh	25/06/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2655	ĐDIV-2655	05/12/2020	2	89	Nguyễn Thị	Trinh	19/05/1996	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2656	ĐDIV-2656	05/12/2020	2	89	Quàng Mai	Trinh	20/05/1996	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	DTTS	
2657	ĐDIV-2657	05/12/2020	3	89	Phạm Tú	Trinh	09/7/1996	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2658	ĐDIV-2658	05/12/2020	3	89	Đặng Thị Tuyết	Trinh	06/09/1987	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2659	ĐDIV-2659	05/12/2020	3	89	Nguyễn Văn	Trọng	15/09/1988	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2660	ĐDIV-2660	05/12/2020	3	89	Nguyễn Văn	Trọng	29/05/1990	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2661	ĐDIV-2661	05/12/2020	3	89	Bùi Đức	Trung	30/01/1983	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng	CBB	
2662	ĐDIV-2662	05/12/2020	3	89	Nguyễn Văn	Trung	11/06/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2663	ĐDIV-2663	05/12/2020	3	89	Lê Mạnh	Trường	16/07/1982	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2664	ĐDIV-2664	05/12/2020	3	89	Nguyễn Xuân	Trường	15/06/1991	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2665	ĐDIV-2665	05/12/2020	4	89	Nguyễn Văn	Trường	29/01/1992	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2666	ĐDIV-2666	05/12/2020	4	89	Đỗ Thị	Tú	04/03/1995	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2667	ĐDIV-2667	05/12/2020	4	89	Nguyễn Minh	Tú	02/10/1994	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2668	ĐDIV-2668	05/12/2020	4	89	Nguyễn Cẩm	Tú	04/07/1994	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2669	ĐDIV-2669	05/12/2020	4	89	Nguyễn Khắc	Tú	27/05/1992	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		
2670	ĐDIV-2670	05/12/2020	4	89	Vũ Phương	Tú	02/05/1982	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2671	ĐDIV-2671	05/12/2020	4	89	Đào Ngọc	Tuân	10/10/1993	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2672	ĐDIV-2672	05/12/2020	1	90	Nguyễn Mạnh	Tuấn	20/02/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	CĐ	Điều dưỡng		
2673	ĐDIV-2673	05/12/2020	1	90	Đỗ Mạnh	Tuấn	28/09/1988	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	**Điều dưỡng**	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2674	ĐDIV-2674	05/12/2020	1	90	Vũ Anh	Tuấn	06/09/1993	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2675	ĐDIV-2675	05/12/2020	1	90	Nguyễn Văn	Tuấn	04/11/1993	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2676	ĐDIV-2676	05/12/2020	1	90	Trần Đăng	Tuấn	24/10/1994	TTYT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2677	ĐDIV-2677	05/12/2020	1	90	Đặng Đình	Tuấn	17/02/1995	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2678	ĐDIV-2678	05/12/2020	1	90	Nguyễn Đức	Tùng	22/03/1987	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CTB	
2679	ĐDIV-2679	05/12/2020	1	90	Nguyễn Đàm	Tùng	01/04/1997	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2680	ĐDIV-2680	05/12/2020	2	90	Lê Thị	Tươi	23/05/1987	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2681	ĐDIV-2681	05/12/2020	2	90	Vũ Thị	Tươi	20/06/1979	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2682	ĐDIV-2682	05/12/2020	2	90	Nguyễn Thị	Tươi	21/10/1988	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2683	ĐDIV-2683	05/12/2020	2	90	Trịnh Thị	Tươi	03/05/1994	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2684	ĐDIV-2684	05/12/2020	2	90	Nguyễn Thị	Tươi	17/10/1991	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2685	ĐDIV-2685	05/12/2020	2	90	Vũ Mạnh Cường	Tươi	10/12/1995	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2686	ĐDIV-2686	05/12/2020	2	90	Đinh Thị	Tươi	26/05/1995	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2687	ĐDIV-2687	05/12/2020	3	90	Vương Thị	Tươi	14/10/1989	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2688	ĐDIV-2688	05/12/2020	3	90	Nguyễn Ngọc	Tuyên	22/03/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2689	ĐDIV-2689	05/12/2020	3	90	Đào Thu	Tuyên	04/01/1989	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2690	ĐDIV-2690	05/12/2020	3	90	Tạ Thị	Tuyên	21/02/1991	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CĐCĐ	
2691	ĐDIV-2691	05/12/2020	3	90	Đỗ Đắc	Tuyên	16/08/1994	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2692	ĐDIV-2692	05/12/2020	3	90	Ngô Thị Kim	Tuyên	11/05/1995	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2693	ĐDIV-2693	05/12/2020	3	90	Lã Thị Kim	Tuyên	04/08/1985	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2694	ĐDIV-2694	05/12/2020	3	90	Đặng Kim	Tuyên	08/02/1994	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2695	ĐDIV-2695	05/12/2020	4	90	Nguyễn Thị Kim	Tuyên	11/11/1989	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2696	ĐDIV-2696	05/12/2020	4	90	Nguyễn Thị Kim	Tuyên	15/5/1997	TTYT Thanh Xuân	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2697	ĐDIV-2697	05/12/2020	4	90	Nguyễn Thị Hương	Tuyên	14/10/1996	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2698	ĐDIV-2698	05/12/2020	4	90	Đào Thanh	Tuyên	12/12/1988	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2699	ĐDIV-2699	05/12/2020	4	90	Nguyễn Hồng	Tuyết	06/06/1998	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2700	ĐDIV-2700	05/12/2020	4	90	Nguyễn Thị	Tuyết	10/11/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2701	ĐDIV-2701	05/12/2020	4	90	Bạch Thị	Tuyết	29/12/1989	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2702	ĐDIV-2702	05/12/2020	1	91	Cao Thị	Tuyết	10/04/1993	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2703	ĐDIV-2703	05/12/2020	1	91	Bùi Thị	Tuyết	23/01/1991	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2704	ĐDIV-2704	05/12/2020	1	91	Nguyễn Thị	Tuyết	01/05/1995	BV 09	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2705	ĐDIV-2705	05/12/2020	1	91	Nguyễn Thị Minh	Tuyết	22/10/1987	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2706	ĐDIV-2706	05/12/2020	1	91	Bùi Thị	Tuyết	11/03/1993	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2707	ĐDIV-2707	05/12/2020	1	91	Nguyễn Thị	Tuyết	11/09/1997	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2708	ĐDIV-2708	05/12/2020	1	91	Nguyễn Thị	Tuyết	20/03/1996	TTYT Ba Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2709	ĐDIV-2709	05/12/2020	1	91	Lê Thị Ánh	Tuyết	01/09/1990	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2710	ĐDIV-2710	05/12/2020	2	91	Đỗ Thị	Tuyết	29/08/1992	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2711	ĐDIV-2711	05/12/2020	2	91	Trần Thị	Tuyết	10/06/1986	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2712	ĐDIV-2712	05/12/2020	2	91	Nguyễn Thị	Tuyết	13/08/1992	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2713	ĐDIV-2713	05/12/2020	2	91	Hoàng Thị	Út	01/05/1991	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2714	ĐDIV-2714	05/12/2020	2	91	Phan Thị	Út	22/12/1991	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2715	ĐDIV-2715	05/12/2020	2	91	Chu Thị Tố	Uyên	21/01/1989	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2716	ĐDIV-2716	05/12/2020	2	91	Đỗ Thị Tú	Uyên	04/10/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2717	ĐDIV-2717	05/12/2020	3	91	Đào Thu	Uyên	27/01/1997	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2718	ĐDIV-2718	05/12/2020	3	91	Trần Thị	Uyên	04/11/1992	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2719	ĐDIV-2719	05/12/2020	3	91	Hà Tố	Uyên	03/08/1995	TTYT thị xã Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2720	ĐDIV-2720	05/12/2020	3	91	Nguyễn Thị Thanh	Uyên	09/09/1993	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2721	ĐDIV-2721	05/12/2020	3	91	Phan Thị Thu	Uyên	17/02/1998	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2722	ĐDIV-2722	05/12/2020	3	91	Nguyễn Hồng	Vân	08/03/1977	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2723	ĐDIV-2723	05/12/2020	3	91	Đỗ Thị Thảo	Vân	12/03/1995	BV Mắt Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2724	ĐDIV-2724	05/12/2020	3	91	Nguyễn Thị	Vân	26/10/1985	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2725	ĐDIV-2725	05/12/2020	4	91	Đỗ Thị Hải	Vân	25/12/1979	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2726	ĐDIV-2726	05/12/2020	4	91	Nguyễn Thị	Vân	06/11/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2727	ĐDIV-2727	05/12/2020	4	91	Đỗ Thị	Vân	21/10/1992	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2728	ĐDIV-2728	05/12/2020	4	91	Đặng Thị	Vân	26/01/1994	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2729	ĐDIV-2729	05/12/2020	4	91	Tạ Văn	Vân	28/02/1995	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2730	ĐDIV-2730	05/12/2020	4	91	Trần Thị Ngọc	Vân	13/02/1995	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2731	ĐDIV-2731	05/12/2020	4	91	Phí Thị Hồng	Vân	13/03/1998	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2732	ĐDIV-2732	05/12/2020	1	92	Đào Thị Hồng	Vân	16/06/1997	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2733	ĐDIV-2733	05/12/2020	1	92	Nguyễn Thị	Vân	15/01/1991	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2734	ĐDIV-2734	05/12/2020	1	92	Trịnh Hồng	Vân	26/11/1984	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2735	ĐDIV-2735	05/12/2020	1	92	Lê Nguyễn Mộng	Vân	14/11/1995	TTYT Ba Vì	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2736	ĐDIV-2736	05/12/2020	1	92	Trung Thị	Vân	29/04/1994	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2737	ĐDIV-2737	05/12/2020	1	92	Trần Thanh	Vân	24/05/1993	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2738	ĐDIV-2738	05/12/2020	1	92	Vũ Thị	Vân	28/09/1990	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2739	ĐDIV-2739	05/12/2020	1	92	Đỗ Thị	Vân	19/01/1995	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng	CĐCĐ	
2740	ĐDIV-2740	05/12/2020	2	92	Nguyễn Thị Thúy	Vân	12/11/1989	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2741	ĐDIV-2741	05/12/2020	2	92	Nguyễn Thị	Vân	28/02/1989	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2742	ĐDIV-2742	05/12/2020	2	92	Đinh Thị	Vân	25/05/1988	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2743	ĐDIV-2743	05/12/2020	2	92	Nguyễn Thị	Vê	01/11/1993	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2744	ĐDIV-2744	05/12/2020	2	92	Nguyễn Thị Thùy	Vi	10/12/1979	TTYT Thường Tín	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2745	ĐDIV-2745	05/12/2020	2	92	Nguyễn Thị	Viên	10/09/1989	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2746	ĐDIV-2746	05/12/2020	2	92	Nghiêm Huy	Việt	09/06/1989	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2747	ĐDIV-2747	05/12/2020	3	92	Nguyễn Tiến	Vũ	13/07/1990	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2748	ĐDIV-2748	05/12/2020	3	92	Nguyễn Thị	Vui	27/07/1991	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2749	ĐDIV-2749	05/12/2020	3	92	Nguyễn Văn	Vượng	22/09/1990	BVĐK Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2750	ĐDIV-2750	05/12/2020	3	92	Nguyễn Thị	Xiêm	08/08/1994	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2751	ĐDIV-2751	05/12/2020	3	92	Nguyễn Thị	Xoan	26/5/1985	TTYT Ứng Hòa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2752	ĐDIV-2752	05/12/2020	3	92	Phạm Thị	Xuân	23/07/1992	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2753	ĐDIV-2753	05/12/2020	3	92	Lê Thị	Xuân	02/04/1985	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2754	ĐDIV-2754	05/12/2020	3	92	Hoàng Thị	Xuân	21/10/1996	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2755	ĐDIV-2755	05/12/2020	4	92	Ngô Cao	Xuân	15/02/1991	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2756	ĐDIV-2756	05/12/2020	4	92	Đào Kim	Xuân	07/10/1994	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2757	ĐDIV-2757	05/12/2020	4	92	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	21/04/1989	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2758	ĐDIV-2758	05/12/2020	4	92	Phạm Thị	Xuyến	16/03/1995	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2759	ĐDIV-2759	05/12/2020	4	92	Nguyễn Thị	Xuyến	20/07/1991	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2760	ĐDIV-2760	05/12/2020	4	92	Vũ Châu	Yên	14/11/1997	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2761	ĐDIV-2761	05/12/2020	4	92	Phạm Hải	Yến	23/11/1993	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2762	ĐDIV-2762	05/12/2020	1	93	Nguyễn Thị Hải	Yến	18/06/1995	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2763	ĐDIV-2763	05/12/2020	1	93	Nguyễn Thị	Yến	30/09/1988	BVĐK Hòe Nhai	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2764	ĐDIV-2764	05/12/2020	1	93	Đặng Thị Hải	Yến	30/01/1977	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2765	ĐDIV-2765	05/12/2020	1	93	Nguyễn Hoàng	Yến	01/06/1997	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2766	ĐDIV-2766	05/12/2020	1	93	Hồ Thị	Yến	10/03/1996	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2767	ĐDIV-2767	05/12/2020	1	93	Nguyễn Thị Hải	Yến	05/04/1996	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2768	ĐDIV-2768	05/12/2020	1	93	Nguyễn Thị Hải	Yến	21/07/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2769	ĐDIV-2769	05/12/2020	1	93	Trần Thị	Yến	09/05/1997	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2770	ĐDIV-2770	05/12/2020	2	93	Nguyễn Thị Hải	Yến	15/10/1994	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2771	ĐDIV-2771	05/12/2020	2	93	Vương Thị	Yến	22/12/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2772	ĐDIV-2772	05/12/2020	2	93	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/09/1990	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2773	ĐDIV-2773	05/12/2020	2	93	Bùi Thị Hải	Yến	28/09/1991	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2774	ĐDIV-2774	05/12/2020	2	93	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/08/1995	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2775	ĐDIV-2775	05/12/2020	2	93	Nguyễn Thị Hải	Yến	19/10/1993	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2776	ĐDIV-2776	05/12/2020	2	93	Trần Thị	Yến	21/10/1997	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2777	ĐDIV-2777	05/12/2020	3	93	Trần Thị Hải	Yến	01/06/1993	BVTT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2778	ĐDIV-2778	05/12/2020	3	93	Hoàng Thị	Yến	11/6/1991	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2779	ĐDIV-2779	05/12/2020	3	93	Hoàng Thị Hải	Yến	18/12/1994	BV YHCT Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		
2780	ĐDIV-2780	05/12/2020	3	93	Đặng Hải	Yến	04/09/1990	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2781	ĐDIV-2781	05/12/2020	3	93	Nguyễn Thị Hải	Yến	06/02/1992	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2782	ĐDIV-2782	05/12/2020	3	93	Nguyễn Thị	Yến	14/06/1995	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2783	ĐDIV-2783	05/12/2020	3	93	Nguyễn Hải	Yến	29/10/1994	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2784	ĐDIV-2784	05/12/2020	3	93	Phạm Thị Hải	Yến	12/07/1990	TTYT Bắc Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	ĐH	Điều dưỡng		
2785	ĐDIV-2785	05/12/2020	4	93	Nguyễn Thị Hải	Yến	01/09/1991	TTYT Nam Từ Liêm	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	TC	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2786	ĐDIV-2786	05/12/2020	4	93	Dương Thị	Yến	26/02/1995	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2787	ĐDIV-2787	05/12/2020	4	93	Nguyễn Thị	Yến	27/11/1992	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2788	ĐDIV-2788	05/12/2020	4	93	Nguyễn Thị Thanh Thủ	Yến	05/12/1997	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2789	ĐDIV-2789	05/12/2020	4	93	Tô Thị	Yến	16/11/1998	BVĐK Hoài Đức	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2790	ĐDIV-2790	05/12/2020	4	93	Nguyễn Thị	Yến	02/03/1991	TTYT Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		
2791	ĐDIV-2791	05/12/2020	4	93	Nguyễn Văn	Yêu	01/12/1998	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng IV	Điều dưỡng	CĐ	Điều dưỡng		

SỞ Y TẾ HÀ NỘI

HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2019

DANH SÁCH TRIỆU TẬP THÍ SINH THAM DỰ XÉT TUYỂN (VÒNG 2)

(Kèm theo Thông báo số 1051 /TB-HĐXT ngày 23 /11/2020 của Hội đồng xét tuyển viên chức năm 2019)

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG (HẠNG III) - V.08.02.06													
1	BSDP-2792	06/12/2020	1	94	Đinh Việt	Anh	15/05/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
2	BSDP-2793	06/12/2020	1	94	Nguyễn Việt	Anh	31/07/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
3	BSDP-2794	06/12/2020	1	94	Lê Thị Hoàng	Anh	13/11/1995	TTYT Nam Từ Liêm	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
4	BSDP-2795	06/12/2020	1	94	Mai Thị Hồng	Ánh	23/11/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
5	BSDP-2796	06/12/2020	1	94	Trần Thị Thùy	Dung	16/04/1990	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	DTTS	
6	BSDP-2797	06/12/2020	1	94	Ngô Thị Thùy	Dung	10/10/1993	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
7	BSDP-2798	06/12/2020	1	94	Nguyễn Đức	Dũng	08/07/1991	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
8	BSDP-2799	06/12/2020	2	94	Nguyễn Trung	Dũng	10/09/1993	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
9	BSDP-2800	06/12/2020	2	94	Lê Thị	Dung	21/03/1990	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
10	BSDP-2801	06/12/2020	2	94	Phạm Thị Thùy	Dương	28/05/1994	TTYT Đống Đa	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
11	BSDP-2802	06/12/2020	2	94	Hoàng Thu	Giang	02/11/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
12	BSDP-2803	06/12/2020	2	94	Nguyễn Thu	Hà	13/11/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
13	BSDP-2804	06/12/2020	2	94	Nguyễn Thị Thu	Hà	11/09/1993	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
14	BSDP-2805	06/12/2020	3	94	Dương Thị Thanh	Hải	24/11/1995	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
15	BSDP-2806	06/12/2020	3	94	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	27/01/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
16	BSDP-2807	06/12/2020	3	94	Nguyễn Thị	Hiền	03/10/1991	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
17	BSDP-2808	06/12/2020	3	94	Nguyễn Hòa	Hiệp	22/07/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
18	BSDP-2809	06/12/2020	3	94	Nguyễn Hữu	Hiệp	07/06/1995	TTYT Long Biên	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
19	BSDP-2810	06/12/2020	3	94	Phạm Thị	Hiếu	23/05/1990	TTYT Ba Vì	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
20	BSDP-2811	06/12/2020	3	94	Vũ Thị	Hoài	13/06/1995	TTYT Thanh Trì	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
21	BSDP-2812	06/12/2020	4	94	Nguyễn Bá	Hoàn	21/09/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
22	BSDP-2813	06/12/2020	4	94	Triệu Thị	Hồng	26/08/1995	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	DTTS	
23	BSDP-2814	06/12/2020	4	94	Đỗ Mạnh	Hùng	19/10/1994	TTYT Long Biên	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
24	BSDP-2815	06/12/2020	4	94	Nguyễn Thị Thanh	Hương	25/12/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
25	BSDP-2816	06/12/2020	4	94	Bùi Thiên	Hương	04/10/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
26	BSDP-2817	06/12/2020	4	94	Đinh Thị Mỹ	Hương	11/08/1995	TTYT Ba Đình	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
27	BSDP-2818	06/12/2020	1	95	Nguyễn Công	Huy	26/08/1989	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
28	BSDP-2819	06/12/2020	1	95	Nguyễn Ngọc	Huy	06/04/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
29	BSDP-2820	06/12/2020	1	95	Nguyễn Văn	Khiêm	09/08/1989	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
30	BSDP-2821	06/12/2020	1	95	Lâm Hùng	Khoa	15/07/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	ĐTTS	
31	BSDP-2822	06/12/2020	1	95	Trịnh Thị	Kiện	15/03/1983	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
32	BSDP-2823	06/12/2020	1	95	Nguyễn Thị Mai	Lan	12/07/1992	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
33	BSDP-2824	06/12/2020	1	95	Nguyễn Thị	Liên	31/05/1995	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
34	BSDP-2825	06/12/2020	2	95	Phạm Thùy	Liên	29/03/1995	TTYT Mê Linh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
35	BSDP-2826	06/12/2020	2	95	Phùng Thảo	Linh	14/10/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
36	BSDP-2827	06/12/2020	2	95	Nguyễn Thị Phương	Linh	23/09/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
37	BSDP-2828	06/12/2020	2	95	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/06/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
38	BSDP-2829	06/12/2020	2	95	Nguyễn Thị	Linh	24/10/1994	TTYT Thanh Xuân	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
39	BSDP-2830	06/12/2020	2	95	Phạm Thị Kiều	Loan	24/09/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
40	BSDP-2831	06/12/2020	3	95	Đỗ Hồng	Lữ	26/08/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
41	BSDP-2832	06/12/2020	3	95	Nguyễn Thị	Mai	28/10/1994	TTYT Mê Linh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
42	BSDP-2833	06/12/2020	3	95	Hoàng Hà	My	17/06/1995	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
43	BSDP-2834	06/12/2020	3	95	Đỗ Thị	Nga	23/01/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
44	BSDP-2835	06/12/2020	3	95	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18/02/1990	TTYT Long Biên	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
45	BSDP-2836	06/12/2020	3	95	Vũ Trung	Nghĩa	03/12/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
46	BSDP-2837	06/12/2020	3	95	Nguyễn Thị Như	Ngọc	20/09/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
47	BSDP-2838	06/12/2020	4	95	Đỗ Hồng	Ngọc	17/05/1991	TTYT Chương Mỹ	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
48	BSDP-2839	06/12/2020	4	95	Nguyễn Bích	Nguyệt	12/01/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
49	BSDP-2840	06/12/2020	4	95	Nguyễn Thị	Nhàn	10/11/1995	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	CTB	
50	BSDP-2841	06/12/2020	4	95	Lường Thành	Nhơn	13/12/1994	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	DTTS	
51	BSDP-2842	06/12/2020	4	95	Đỗ Thị	Nhung	07/02/1991	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
52	BSDP-2843	06/12/2020	4	95	Nguyễn Thị	Nhung	28/11/1993	TTYT Đống Đa	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
53	BSDP-2844	06/12/2020	1	96	Bùi Phương	Nhung	04/04/1995	TTYT Chương Mỹ	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng	DTTS	
54	BSDP-2845	06/12/2020	1	96	Trần Thu	Phương	10/07/1992	TTYT Thanh Trì	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
55	BSDP-2846	06/12/2020	1	96	Vũ Hồng	Quân	02/09/1993	TTYT Ba Đình	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
56	BSDP-2847	06/12/2020	1	96	Bùi Văn	Quân	10/01/1995	TTYT Long Biên	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
57	BSDP-2848	06/12/2020	1	96	Đinh Văn	Quý	01/08/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
58	BSDP-2849	06/12/2020	1	96	Trần Nguyệt	Quỳnh	10/08/1990	TTYT Cầu Giấy	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
59	BSDP-2850	06/12/2020	1	96	Hoàng Ngọc	Sơn	18/06/1992	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
60	BSDP-2851	06/12/2020	2	96	Nguyễn Thái	Sơn	24/01/1995	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
61	BSDP-2852	06/12/2020	2	96	Trần Thị Thanh	Tâm	20/04/1995	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
62	BSDP-2853	06/12/2020	2	96	Vương Công	Thắng	10/09/1994	TTYT Thạch Thất	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
63	BSDP-2854	06/12/2020	2	96	Trần Thị	Thanh	06/08/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
64	BSDP-2855	06/12/2020	2	96	Bùi Phương	Thảo	03/04/1995	TTYT Đống Đa	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
65	BSDP-2856	06/12/2020	2	96	Hoàng Thị Kim	Thi	03/02/1992	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
66	BSDP-2857	06/12/2020	3	96	Phạm Thị	Thơm	20/07/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
67	BSDP-2858	06/12/2020	3	96	Vũ Thị	Thu	05/08/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
68	BSDP-2859	06/12/2020	3	96	Nguyễn Thị Lệ	Thu	18/08/1995	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
69	BSDP-2860	06/12/2020	3	96	Nguyễn Tiến	Toàn	10/03/1988	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
70	BSDP-2861	06/12/2020	3	96	Hoàng Thị	Toàn	20/02/1992	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
71	BSDP-2862	06/12/2020	3	96	Phạm Ngọc	Trâm	26/05/1989	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
72	BSDP-2863	06/12/2020	3	96	Nguyễn Thị	Trang	05/01/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
73	BSDP-2864	06/12/2020	4	96	Phạm Quang	Trung	04/08/1989	TTYT Đống Đa	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
74	BSDP-2865	06/12/2020	4	96	Nguyễn Anh	Tuấn	11/11/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
75	BSDP-2866	06/12/2020	4	96	Trần Văn	Tuấn	31/08/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
76	BSDP-2867	06/12/2020	4	96	Nguyễn Đức	Tuấn	24/01/1991	TTYT Sóc Sơn	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
77	BSDP-2868	06/12/2020	4	96	Danh Thị	Vân	28/03/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
78	BSDP-2869	06/12/2020	4	96	Lê Đàm Hải	Yến	04/03/1994	TTYT Đông Anh	Bác sỹ y học dự phòng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP Y SỸ (HẠNG IV) - V.08.03.07													
79	YS-2870	06/12/2020	1	97	Dương Thanh	An	12/05/1993	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
80	YS-2871	06/12/2020	1	97	Lê Thị Phương	Anh	30/03/1994	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
81	YS-2872	06/12/2020	1	97	Đào Đức	Anh	09/02/1993	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
82	YS-2873	06/12/2020	1	97	Hoàng Đức	Anh	26/11/1995	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
83	YS-2874	06/12/2020	1	97	Nguyễn Kim	Anh	14/06/1995	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
84	YS-2875	06/12/2020	1	97	Vũ Tuấn	Anh	21/11/1987	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
85	YS-2876	06/12/2020	1	97	Nguyễn Ngọc	Anh	13/09/1995	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
86	YS-2877	06/12/2020	1	97	Đinh Tuấn	Anh	07/01/1992	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
87	YS-2878	06/12/2020	2	97	Nguyễn Khánh Đức	Anh	16/09/1994	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
88	YS-2879	06/12/2020	2	97	Trần Thị Hoàng	Anh	25/12/1995	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
89	YS-2880	06/12/2020	2	97	Nguyễn Tuấn	Anh	21/01/1994	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
90	YS-2881	06/12/2020	2	97	Nguyễn Thế	Anh	30/09/1997	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
91	YS-2882	06/12/2020	2	97	Lại Vân	Anh	30/11/1995	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
92	YS-2883	06/12/2020	2	97	Nguyễn Hùng	Anh	29/10/1990	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
93	YS-2884	06/12/2020	2	97	Chu Ngọc	Anh	20/06/1995	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
94	YS-2885	06/12/2020	2	97	Nguyễn Hải	Anh	05/5/1991	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
95	YS-2886	06/12/2020	3	97	Trần Đức	Anh	22/09/1997	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
96	YS-2887	06/12/2020	3	97	Nguyễn Phương	Anh	14/11/1993	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
97	YS-2888	06/12/2020	3	97	Trần Thị	Ánh	25/06/1996	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
98	YS-2889	06/12/2020	3	97	Nguyễn Thị Kim	Ánh	06/12/1979	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
99	YS-2890	06/12/2020	3	97	Nguyễn Xuân	Bách	18/08/1996	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
100	YS-2891	06/12/2020	3	97	Trần Thị Thanh	Bình	02/10/1994	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
101	YS-2892	06/12/2020	3	97	Lâm Tăng	Bình	04/09/1981	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
102	YS-2893	06/12/2020	3	97	Nguyễn Văn	Cầu	28/06/1993	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
103	YS-2894	06/12/2020	4	97	Ninh Thị	Châm	03/08/1991	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
104	YS-2895	06/12/2020	4	97	Đào Linh	Chi	09/11/1996	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
105	YS-2896	06/12/2020	4	97	Lưu Viết	Chính	16/10/1990	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
106	YS-2897	06/12/2020	4	97	Nguyễn Xuân	Chính	06/02/1990	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	HTNV	
107	YS-2898	06/12/2020	4	97	Lê Thị	Chuyên	24/12/1996	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
108	YS-2899	06/12/2020	4	97	Phùng Văn	Công	04/10/1993	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
109	YS-2900	06/12/2020	4	97	Nguyễn Quốc	Đại	15/05/1990	TT cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
110	YS-2901	06/12/2020	1	98	Giang Công	Đàm	04/04/1995	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**HTNV**	
111	YS-2902	06/12/2020	1	98	Phạm Thị Anh	Đào	25/09/1994	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
112	YS-2903	06/12/2020	1	98	Phùng Thị	Đào	28/11/1990	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
113	YS-2904	06/12/2020	1	98	Nguyễn Tiến	Đạo	09/05/1992	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
114	YS-2905	06/12/2020	1	98	Nguyễn Thành	Đạt	30/10/1992	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ		
115	YS-2906	06/12/2020	1	98	Nguyễn Văn	Đoàn	07/07/1995	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
116	YS-2907	06/12/2020	1	98	Nguyễn Đức	Doanh	15/08/1979	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
117	YS-2908	06/12/2020	1	98	Nguyễn Văn	Đốc	15/08/1991	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
118	YS-2909	06/12/2020	2	98	Kiều Thị	Dư	27/03/1991	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
119	YS-2910	06/12/2020	2	98	Trịnh Việt	Đức	26/06/1989	TT Pháp y Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
120	YS-2911	06/12/2020	2	98	Nguyễn Minh	Đức	01/06/1996	TTYT Ba Đình	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
121	YS-2912	06/12/2020	2	98	Nguyễn Trọng	Đức	22/07/1993	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
122	YS-2913	06/12/2020	2	98	Phùng Anh	Đức	12/11/1994	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
123	YS-2914	06/12/2020	2	98	Lê Văn	Đức	03/06/1998	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
124	YS-2915	06/12/2020	2	98	Lê Sỹ	Đức	08/05/1988	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
125	YS-2916	06/12/2020	3	98	Lê Thị Ngọc	Dung	26/10/1972	TTYT Đống Đa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ Sản nhi		
126	YS-2917	06/12/2020	3	98	Nguyễn Thị	Dung	01/11/1992	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
127	YS-2918	06/12/2020	3	98	Đỗ Thị	Dung	01/11/1993	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
128	YS-2919	06/12/2020	3	98	Nguyễn Thị	Dung	12/09/1995	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
129	YS-2920	06/12/2020	3	98	Lê Thanh	Dung	30/09/1990	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
130	YS-2921	06/12/2020	3	98	Nguyễn Thị	Dung	28/12/1989	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
131	YS-2922	06/12/2020	3	98	Nguyễn Đình	Dũng	16/02/1995	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
132	YS-2923	06/12/2020	3	98	Phùng Anh	Dũng	12/03/1988	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	HTNV	
133	YS-2924	06/12/2020	4	98	Đỗ Mạnh	Dũng	14/07/1996	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
134	YS-2925	06/12/2020	4	98	Nguyễn Văn	Dũng	01/02/1990	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
135	YS-2926	06/12/2020	4	98	Trần Thị	Dưỡng	02/07/1980	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	CBB	
136	YS-2927	06/12/2020	4	98	Nguyễn Thế	Duy	11/08/1994	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
137	YS-2928	06/12/2020	4	98	Phạm Hùng	Duy	06/08/1995	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
138	YS-2929	06/12/2020	4	98	Đặng Văn	Duy	28/02/1996	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
139	YS-2930	06/12/2020	4	98	Nguyễn Duy	Gia	03/06/1990	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
140	YS-2931	06/12/2020	1	99	Đặng Thị Minh	Giang	15/08/1992	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
141	YS-2932	06/12/2020	1	99	Đinh Thị Hương	Giang	27/08/1993	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ đa khoa		
142	YS-2933	06/12/2020	1	99	Nguyễn Văn	Giang	13/01/1989	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
143	YS-2934	06/12/2020	1	99	Nguyễn Thu	Giang	09/12/1992	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
144	YS-2935	06/12/2020	1	99	Nguyễn Văn	Giảng	01/06/1994	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
145	YS-2936	06/12/2020	1	99	Phạm Thế	Giảng	19/05/1994	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
146	YS-2937	06/12/2020	1	99	Phùng Đình	Giáp	03/04/1994	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
147	YS-2938	06/12/2020	1	99	Ngô Ngọc	Hà	18/10/1997	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ		
148	YS-2939	06/12/2020	2	99	Đoàn Thái	Hà	08/10/1991	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**CTB**	
149	YS-2940	06/12/2020	2	99	Trần Thu	Hà	24/10/1994	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
150	YS-2941	06/12/2020	2	99	Nguyễn Thị	Hà	17/11/1991	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
151	YS-2942	06/12/2020	2	99	Nguyễn Hoàng	Hải	17/11/1992	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
152	YS-2943	06/12/2020	2	99	Phạm Sơn	Hải	18/11/1994	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
153	YS-2944	06/12/2020	2	99	Vũ Xuân	Hải	07/11/1986	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ		
154	YS-2945	06/12/2020	2	99	Vũ Văn	Hải	16/10/1993	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
155	YS-2946	06/12/2020	3	99	Phạm Danh	Hải	20/03/1997	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
156	YS-2947	06/12/2020	3	99	Tạ Trọng	Hán	10/06/1997	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**HTNV**	
157	YS-2948	06/12/2020	3	99	La Thị Thu	Hằng	29/09/1994	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
158	YS-2949	06/12/2020	3	99	Lê Thị Thu	Hằng	08/08/1994	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
159	YS-2950	06/12/2020	3	99	Lê Thị	Hằng	28/02/1985	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
160	YS-2951	06/12/2020	3	99	Nguyễn Thị	Hằng	09/05/1994	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
161	YS-2952	06/12/2020	3	99	Phan Thị	Hằng	12/04/1993	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
162	YS-2953	06/12/2020	3	99	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12/07/1993	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ đa khoa		
163	YS-2954	06/12/2020	4	99	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	19/05/1998	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
164	YS-2955	06/12/2020	4	99	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	23/07/1976	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
165	YS-2956	06/12/2020	4	99	Quách Thị Mỹ	Hạnh	16/04/1995	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**DTTS**	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
166	YS-2957	06/12/2020	4	99	Nguyễn Hồng	Hạnh	15/04/1993	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền		
167	YS-2958	06/12/2020	4	99	Lại Thị	Hạnh	01/11/1991	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền		
168	YS-2959	06/12/2020	4	99	Nguyễn Văn	Hảo	05/09/1989	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
169	YS-2960	06/12/2020	4	99	Phan Thị Thúy	Hảo	12/07/1996	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
170	YS-2961	06/12/2020	1	100	Đỗ Thị Phương	Hậu	02/05/1980	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
171	YS-2962	06/12/2020	1	100	Hoàng Thị Thu	Hiền	27/07/1992	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
172	YS-2963	06/12/2020	1	100	Vũ Thị Thu	Hiền	02/06/1994	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
173	YS-2964	06/12/2020	1	100	Đinh Thành	Hiển	28/02/1991	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
174	YS-2965	06/12/2020	1	100	Nguyễn Trung	Hiếu	16/11/1984	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền		
175	YS-2966	06/12/2020	1	100	Nguyễn Trung	Hiếu	26/11/1995	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
176	YS-2967	06/12/2020	1	100	Kiều Hải	Hồ	21/04/1994	TTYT Đống Đa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ		
177	YS-2968	06/12/2020	1	100	Trần Liên	Hoa	29/08/1991	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
178	YS-2969	06/12/2020	2	100	Nguyễn Thị	Hòa	18/03/1997	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền		
179	YS-2970	06/12/2020	2	100	Tái Phương	Hòa	22/11/1997	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
180	YS-2971	06/12/2020	2	100	Lê Đức	Hòa	03/10/1995	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
181	YS-2972	06/12/2020	2	100	Đặng Thị	Hòa	15/07/1991	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
182	YS-2973	06/12/2020	2	100	Nguyễn Thị	Hòa	23/04/1994	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
183	YS-2974	06/12/2020	2	100	Nguyễn Thị	Hoan	24/11/1980	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
184	YS-2975	06/12/2020	2	100	Nguyễn Thị	Hoàn	05/09/1990	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
185	YS-2976	06/12/2020	3	100	Trịnh Văn	Hoàn	17/10/1991	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
186	YS-2977	06/12/2020	3	100	Lê Đức	Hoàng	16/11/1994	TTYT Ba Đình	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
187	YS-2978	06/12/2020	3	100	Nguyễn Thị	Hồng	22/10/1990	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
188	YS-2979	06/12/2020	3	100	Nguyễn Thị	Hồng	22/12/1995	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
189	YS-2980	06/12/2020	3	100	Bùi Thị	Hồng	17/02/1994	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
190	YS-2981	06/12/2020	3	100	Đỗ Công	Huân	26/03/1993	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
191	YS-2982	06/12/2020	3	100	Nguyễn Thị Ba	Huế	30/05/1996	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
192	YS-2983	06/12/2020	3	100	Nguyễn Thị	Huế	13/04/1992	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
193	YS-2984	06/12/2020	4	100	Lê Xuân	Hùng	09/08/1995	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
194	YS-2985	06/12/2020	4	100	Nguyễn Văn	Hùng	05/07/1991	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ đa khoa		
195	YS-2986	06/12/2020	4	100	Nguyễn Mạnh	Hùng	06/11/1992	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
196	YS-2987	06/12/2020	4	100	Lê Đức	Hùng	17/08/1996	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
197	YS-2988	06/12/2020	4	100	Nguyễn Văn	Hùng	09/07/1994	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
198	YS-2989	06/12/2020	4	100	Bùi Đình	Hùng	15/01/1996	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
199	YS-2990	06/12/2020	4	100	Nguyễn Hải	Hưng	25/07/1998	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
200	YS-2991	06/12/2020	1	101	Nguyễn Minh	Hưng	23/10/1993	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
201	YS-2992	06/12/2020	1	101	Hà Thị Thanh	Hương	19/06/1991	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ đa khoa		
202	YS-2993	06/12/2020	1	101	Nguyễn Thị	Hương	27/06/1996	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ đa khoa		
203	YS-2994	06/12/2020	1	101	Trần Thu	Hương	16/11/1993	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
204	YS-2995	06/12/2020	1	101	Đoàn Trọng Lan	Hương	30/07/1995	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
205	YS-2996	06/12/2020	1	101	Chu Thị	Hương	12/09/1988	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
206	YS-2997	06/12/2020	1	101	Nguyễn Thị	Hương	22/08/1994	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
207	YS-2998	06/12/2020	1	101	Nguyễn Thị Việt	Hương	10/11/1991	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	DTTS	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
208	YS-2999	06/12/2020	2	101	Trần Thị Thanh	Hương	14/07/1993	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
209	YS-3000	06/12/2020	2	101	Phạm Thị	Hương	13/09/1982	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
210	YS-3001	06/12/2020	2	101	Nguyễn Thị Mai	Hương	20/07/1991	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
211	YS-3002	06/12/2020	2	101	Nguyễn Thị	Hương	06/06/1989	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
212	YS-3003	06/12/2020	2	101	Nguyễn Thị	Hương	03/11/1995	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
213	YS-3004	06/12/2020	2	101	Nguyễn Thị Bích	Hường	22/05/1992	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
214	YS-3005	06/12/2020	2	101	Nguyễn Quang	Huy	08/10/1993	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
215	YS-3006	06/12/2020	3	101	Nguyễn Viết	Huy	25/08/1992	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
216	YS-3007	06/12/2020	3	101	Nguyễn Trung	Huy	23/06/1994	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
217	YS-3008	06/12/2020	3	101	Nguyễn Sỹ	Huy	26/10/1994	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
218	YS-3009	06/12/2020	3	101	Nguyễn Thị	Huyền	09/12/1986	TTYT Đống Đa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ đa khoa		
219	YS-3010	06/12/2020	3	101	Nguyễn Thị	Huyền	17/08/1995	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
220	YS-3011	06/12/2020	3	101	Phí Thị Thu	Huyền	26/03/1999	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
221	YS-3012	06/12/2020	3	101	Nguyễn Minh	Huyền	09/08/1995	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
222	YS-3013	06/12/2020	3	101	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	29/04/1993	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**CTB**	
223	YS-3014	06/12/2020	4	101	Trần Thị Thanh	Huyền	20/10/1993	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
224	YS-3015	06/12/2020	4	101	Nguyễn Thị	Huyền	28/03/1995	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
225	YS-3016	06/12/2020	4	101	Nguyễn Thị Thu	Huyền	16/10/1994	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
226	YS-3017	06/12/2020	4	101	Nguyễn Văn	Khải	10/10/1987	TT Pháp y Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
227	YS-3018	06/12/2020	4	101	Phùng Bá	Khanh	11/08/1984	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
228	YS-3019	06/12/2020	4	101	Trịnh Duy	Khánh	11/06/1997	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
229	YS-3020	06/12/2020	4	101	Nguyễn Quốc	Khánh	22/09/1991	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
230	YS-3021	06/12/2020	1	102	Nguyễn Văn	Khoa	10/10/1976	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**CTB**	
231	YS-3022	06/12/2020	1	102	Lê Mạnh	Khỏe	08/08/1988	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
232	YS-3023	06/12/2020	1	102	Trần Huy	Khôi	16/08/1997	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
233	YS-3024	06/12/2020	1	102	Phùng Thị Mai	Khuyên	19/09/1992	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
234	YS-3025	06/12/2020	1	102	Nguyễn Thị	Lai	02/09/1991	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
235	YS-3026	06/12/2020	1	102	Nguyễn Văn	Lâm	19/10/1991	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
236	YS-3027	06/12/2020	1	102	Nguyễn Tùng	Lâm	07/05/1994	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
237	YS-3028	06/12/2020	1	102	Phạm Thị	Lan	10/11/1996	TTYT Tây Hồ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
238	YS-3029	06/12/2020	2	102	Đinh Ngọc	Lan	20/11/1993	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
239	YS-3030	06/12/2020	2	102	Đinh Thị	Lan	12/01/1995	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
240	YS-3031	06/12/2020	2	102	Nguyễn Thanh	Lịch	30/12/1991	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
241	YS-3032	06/12/2020	2	102	Hoàng Thị	Liên	23/01/1972	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ sản nhi**	TC	Y sỹ định hướng sản nhi		
242	YS-3033	06/12/2020	2	102	Nguyễn Thị Khánh	Linh	08/08/1995	TT Pháp y Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
243	YS-3034	06/12/2020	2	102	Nguyễn Mai	Linh	14/07/1992	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
244	YS-3035	06/12/2020	2	102	Nguyễn Thị Thúy	Linh	06/07/1994	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
245	YS-3036	06/12/2020	3	102	Hoàng Diệu	Linh	23/12/1995	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
246	YS-3037	06/12/2020	3	102	Tô Thị	Linh	06/10/1995	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**CBB**	
247	YS-3038	06/12/2020	3	102	Trịnh Duy	Linh	21/01/1993	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
248	YS-3039	06/12/2020	3	102	Hoàng Khánh	Linh	13/05/1991	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
249	YS-3040	06/12/2020	3	102	Bùi Thị Phương	Linh	20/10/1992	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
250	YS-3041	06/12/2020	3	102	Trần Nguyệt	Linh	16/05/1995	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
251	YS-3042	06/12/2020	3	102	Nguyễn Thị Nhật	Linh	26/02/1994	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
252	YS-3043	06/12/2020	3	102	Lưu Thị Thùy	Linh	21/12/1991	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
253	YS-3044	06/12/2020	4	102	Nguyễn Mỹ	Linh	01/10/1994	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
254	YS-3045	06/12/2020	4	102	Phùng Thị	Loan	14/11/1991	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
255	YS-3046	06/12/2020	4	102	Nguyễn Khắc	Lợi	08/01/1991	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
256	YS-3047	06/12/2020	4	102	Quách Mạnh	Long	20/12/1994	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**CBB**	
257	YS-3048	06/12/2020	4	102	Nguyễn Tiến	Long	02/06/1991	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
258	YS-3049	06/12/2020	4	102	Chu Thị	Long	27/03/1988	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
259	YS-3050	06/12/2020	4	102	Đinh Thế	Luân	23/08/1983	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
260	YS-3051	06/12/2020	1	103	Hà Minh	Luân	15/01/1994	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
261	YS-3052	06/12/2020	1	103	Nguyễn Tiến	Lực	28/01/1986	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
262	YS-3053	06/12/2020	1	103	Nguyễn Thị	Lừng	02/02/1980	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
263	YS-3054	06/12/2020	1	103	Vương Thị	Lương	13/11/1980	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
264	YS-3055	06/12/2020	1	103	Đỗ Thị	Lương	31/03/1995	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
265	YS-3056	06/12/2020	1	103	Nguyễn Thị	Lương	05/11/1991	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
266	YS-3057	06/12/2020	1	103	Ngô Huy	Lượng	02/02/1993	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
267	YS-3058	06/12/2020	1	103	Phùng Phương	Ly	12/05/1998	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
268	YS-3059	06/12/2020	2	103	Nguyễn Thị	Ly	09/11/1994	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
269	YS-3060	06/12/2020	2	103	Trần Bá	Lý	28/01/1989	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
270	YS-3061	06/12/2020	2	103	Phạm Thị	Lý	31/07/1993	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
271	YS-3062	06/12/2020	2	103	Trần Nắng	Mai	20/09/1992	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
272	YS-3063	06/12/2020	2	103	Lưu Thị	Mai	03/06/1990	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
273	YS-3064	06/12/2020	2	103	Nguyễn Văn	Mạnh	18/09/1991	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
274	YS-3065	06/12/2020	2	103	Nguyễn Mậu	Mạnh	01/08/1997	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
275	YS-3066	06/12/2020	3	103	Nguyễn Thị	Mến	14/04/1991	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
276	YS-3067	06/12/2020	3	103	Nguyễn Văn	Minh	03/01/1990	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền		
277	YS-3068	06/12/2020	3	103	Phạm Thị Trà	My	02/07/1998	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
278	YS-3069	06/12/2020	3	103	Bạch Thị	My	03/11/1995	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
279	YS-3070	06/12/2020	3	103	Đỗ Bùi Trà	My	20/12/1994	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
280	YS-3071	06/12/2020	3	103	Nguyễn Thành	Nam	22/10/1981	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
281	YS-3072	06/12/2020	3	103	Nguyễn Thành	Nam	25/04/1995	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
282	YS-3073	06/12/2020	3	103	Khuất Hoàng	Nam	25/08/1998	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
283	YS-3074	06/12/2020	4	103	Nguyễn Kiều Tố	Nga	31/05/1990	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
284	YS-3075	06/12/2020	4	103	Đặng Thanh	Ngà	12/05/1995	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
285	YS-3076	06/12/2020	4	103	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	20/11/1995	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền		
286	YS-3077	06/12/2020	4	103	Phạm Thị Kim	Ngân	07/06/1998	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
287	YS-3078	06/12/2020	4	103	Phan Thị	Ngân	05/02/1992	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
288	YS-3079	06/12/2020	4	103	Phạm Ánh	Ngọc	15/11/1992	TTYT Ba Đình	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
289	YS-3080	06/12/2020	4	103	Trần Thị	Ngọc	11/04/1989	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
290	YS-3081	06/12/2020	1	104	Đỗ Thị	Ngọc	05/05/1993	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
291	YS-3082	06/12/2020	1	104	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	17/07/1994	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
292	YS-3083	06/12/2020	1	104	Nguyễn Phúc	Nguyên	09/11/1999	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
293	YS-3084	06/12/2020	1	104	Phạm Văn	Nhân	21/07/1990	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
294	YS-3085	06/12/2020	1	104	Đào Mai	Nhi	14/05/1998	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
295	YS-3086	06/12/2020	1	104	Âu Thành	Nho	04/07/1993	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
296	YS-3087	06/12/2020	1	104	Đinh Hồng	Như	07/11/1988	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
297	YS-3088	06/12/2020	1	104	Nghiêm Thị Anh	Nhung	28/10/1991	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
298	YS-3089	06/12/2020	2	104	Nghiêm Hồng	Nhung	14/07/1997	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
299	YS-3090	06/12/2020	2	104	Phạm Thị	Nhung	24/08/1996	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
300	YS-3091	06/12/2020	2	104	Vũ An	Ninh	16/08/1988	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
301	YS-3092	06/12/2020	2	104	Nguyễn Thị	Nụ	12/10/1993	TTYT Tây Hồ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
302	YS-3093	06/12/2020	2	104	Nguyễn Thị	Nương	17/04/1994	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
303	YS-3094	06/12/2020	2	104	Bùi Thị	Oanh	18/05/1990	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
304	YS-3095	06/12/2020	2	104	Phạm Thị Ngọc	Oanh	01/07/1997	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
305	YS-3096	06/12/2020	3	104	Nguyễn Đức	Phong	07/10/1993	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	HTNV	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
306	YS-3097	06/12/2020	3	104	Nguyễn Duy	Phong	28/03/1986	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
307	YS-3098	06/12/2020	3	104	Dương Thị Thu	Phương	16/02/1989	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
308	YS-3099	06/12/2020	3	104	Nguyễn Thúy	Phương	10/08/1991	TTYT Thanh Xuân	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ		
309	YS-3100	06/12/2020	3	104	Nguyễn Minh	Phương	30/10/1993	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ đa khoa		
310	YS-3101	06/12/2020	3	104	Trần	Phương	20/10/1994	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
311	YS-3102	06/12/2020	3	104	Nguyễn Thùy	Phương	16/09/1994	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
312	YS-3103	06/12/2020	3	104	Đỗ Thị	Phương	03/02/1991	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
313	YS-3104	06/12/2020	4	104	Mai Thị	Phương	23/03/1993	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
314	YS-3105	06/12/2020	4	104	Nguyễn Thị Thu	Phương	03/06/1994	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
315	YS-3106	06/12/2020	4	104	Nguyễn Ánh	Phượng	27/07/1995	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
316	YS-3107	06/12/2020	4	104	Nguyễn Thị	Phượng	15/10/1993	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
317	YS-3108	06/12/2020	4	104	Nguyễn Thị	Phượng	06/10/1993	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
318	YS-3109	06/12/2020	4	104	Nguyễn Thị	Phượng	06/11/1991	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
319	YS-3110	06/12/2020	4	104	Ngô Minh	Quân	07/10/1988	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
320	YS-3111	06/12/2020	1	105	Phạm Đăng	Quảng	10/02/1987	TT Pháp y Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
321	YS-3112	06/12/2020	1	105	Công Thị	Quyên	15/11/1991	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
322	YS-3113	06/12/2020	1	105	Đào Xuân	Quyền	22/02/1982	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
323	YS-3114	06/12/2020	1	105	Vương Thị	Quyền	06/02/1994	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
324	YS-3115	06/12/2020	1	105	Đặng Đình	Quyền	05/03/1993	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
325	YS-3116	06/12/2020	1	105	Đỗ Văn	Quyết	08/08/1990	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
326	YS-3117	06/12/2020	1	105	Phạm Thúy	Quỳnh	20/09/1993	TTYT Bắc Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
327	YS-3118	06/12/2020	1	105	Phạm Thị	Riệu	24/01/1992	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền		
328	YS-3119	06/12/2020	2	105	Đỗ Thị Thanh	Sâm	25/05/1991	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
329	YS-3120	06/12/2020	2	105	Đinh Hữu	Sang	02/03/1993	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
330	YS-3121	06/12/2020	2	105	Đào Thị	Sáng	28/09/1987	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
331	YS-3122	06/12/2020	2	105	Nguyễn Xuân	Sinh	14/07/1990	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
332	YS-3123	06/12/2020	2	105	Lưu Đình	Sơn	10/08/1989	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
333	YS-3124	06/12/2020	2	105	Hoàng Văn	Sơn	17/03/1991	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
334	YS-3125	06/12/2020	2	105	Ngô Hùng	Sơn	25/06/1983	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	HTNV	
335	YS-3126	06/12/2020	3	105	Nguyễn Ngọc	Sơn	27/09/1993	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
336	YS-3127	06/12/2020	3	105	Nguyễn Khắc	Sơn	26/05/1992	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	HTNV	
337	YS-3128	06/12/2020	3	105	Nguyễn Đình	Sơn	22/01/1987	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
338	YS-3129	06/12/2020	3	105	Trần Thị Thanh	Tâm	10/03/1995	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
339	YS-3130	06/12/2020	3	105	Lê Thị Thanh	Tâm	10/02/1994	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
340	YS-3131	06/12/2020	3	105	Cung Thanh	Tân	15/11/1988	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
341	YS-3132	06/12/2020	3	105	Lê Thị	Thái	07/05/1990	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
342	YS-3133	06/12/2020	3	105	Đoàn Văn	Thái	23/01/1990	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
343	YS-3134	06/12/2020	4	105	Nguyễn Thị	Thắm	25/12/1986	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
344	YS-3135	06/12/2020	4	105	Hoàng Việt	Thắng	17/08/1994	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
345	YS-3136	06/12/2020	4	105	Đào Quyết	Thắng	25/09/1994	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
346	YS-3137	06/12/2020	4	105	Lê Văn	Thanh	05/09/1989	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
347	YS-3138	06/12/2020	4	105	Đinh Thị Huyền	Thanh	09/06/1998	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
348	YS-3139	06/12/2020	4	105	Nguyễn Văn	Thanh	08/09/1988	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**HTNV**	
349	YS-3140	06/12/2020	4	105	Nguyễn Thị	Thanh	21/10/1991	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
350	YS-3141	06/12/2020	1	106	Nguyễn Đình	Thành	04/01/1991	TTYT Bắc Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
351	YS-3142	06/12/2020	1	106	Đinh Quang	Thành	20/04/1992	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
352	YS-3143	06/12/2020	1	106	Nguyễn Bằng Lộc	Thành	13/10/1983	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền		
353	YS-3144	06/12/2020	1	106	Nguyễn Vũ Thanh	Thảo	22/07/1978	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
354	YS-3145	06/12/2020	1	106	Phạm Phương	Thảo	02/08/1999	TTYT Hoàng Mai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
355	YS-3146	06/12/2020	1	106	Nguyễn Thị	Thảo	15/11/1997	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
356	YS-3147	06/12/2020	1	106	Nguyễn Thị	Thảo	16/09/1994	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
357	YS-3148	06/12/2020	1	106	Dương Thị Phương	Thảo	11/08/1993	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
358	YS-3149	06/12/2020	2	106	Nguyễn Thị	Thảo	22/11/1992	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
359	YS-3150	06/12/2020	2	106	Tạ Đức	Thiện	27/09/1995	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
360	YS-3151	06/12/2020	2	106	Lê Thị Thu	Thìn	27/03/1990	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ Y học cổ truyền**	TC	Y sỹ Y học cổ truyền	**CTB**	
361	YS-3152	06/12/2020	2	106	Trần Văn	Thịnh	04/11/1997	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
362	YS-3153	06/12/2020	2	106	Nguyễn Thị	Thơ	14/07/1994	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
363	YS-3154	06/12/2020	2	106	Nguyễn Văn	Thoan	24/03/1994	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
364	YS-3155	06/12/2020	2	106	Hoàng Thị Lệ	Thu	10/02/1992	TTYT Hai Bà Trưng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
365	YS-3156	06/12/2020	3	106	Đỗ Thị	Thu	06/08/1989	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
366	YS-3157	06/12/2020	3	106	Nguyễn Thị Hà	Thu	13/05/1994	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
367	YS-3158	06/12/2020	3	106	Lê Thị	Thu	02/06/1983	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
368	YS-3159	06/12/2020	3	106	Vũ Văn	Thưng	05/02/1979	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**CTB**	
369	YS-3160	06/12/2020	3	106	Nguyễn Thị	Thuỷ	20/07/1990	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
370	YS-3161	06/12/2020	3	106	Nguyễn Phương	Thúy	29/12/1988	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ**	TC	Y sỹ đa khoa		
371	YS-3162	06/12/2020	3	106	Vinh Thị	Thúy	02/04/1991	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
372	YS-3163	06/12/2020	3	106	Nguyễn Minh	Thủy	31/01/1994	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
373	YS-3164	06/12/2020	4	106	Vương Thị	Thủy	27/07/1988	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
374	YS-3165	06/12/2020	4	106	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	14/04/1993	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
375	YS-3166	06/12/2020	4	106	Nguyễn Viết	Tiến	19/10/1995	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
376	YS-3167	06/12/2020	4	106	Trương Duy	Tiến	25/10/1979	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
377	YS-3168	06/12/2020	4	106	Hoàng Trung	Tin	13/12/1996	TTYT Đan Phượng	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
378	YS-3169	06/12/2020	4	106	Bùi Thị	Tình	10/03/1988	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**DTTS**	
379	YS-3170	06/12/2020	4	106	Lê Thị	Tình	13/03/1985	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
380	YS-3171	06/12/2020	1	107	Lương Thị	Tình	05/09/1983	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
381	YS-3172	06/12/2020	1	107	Hoàng Văn	Tình	12/10/1979	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**CLS**	
382	YS-3173	06/12/2020	1	107	Hà Thị	Tình	09/01/1993	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
383	YS-3174	06/12/2020	1	107	Nguyễn Văn	Toàn	31/01/1993	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
384	YS-3175	06/12/2020	1	107	Ngô Văn	Toàn	03/09/1977	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
385	YS-3176	06/12/2020	1	107	Trần Minh	Toàn	19/04/1993	TTYT Hoàn Kiếm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
386	YS-3177	06/12/2020	1	107	Vũ Thị Thanh	Trà	15/04/1991	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
387	YS-3178	06/12/2020	1	107	Phùng Thị Ngọc	Trâm	30/09/1995	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
388	YS-3179	06/12/2020	2	107	Trần Ngọc	Trâm	16/06/1996	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
389	YS-3180	06/12/2020	2	107	Phạm Hồng	Trang	26/09/1986	TTYT Long Biên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
390	YS-3181	06/12/2020	2	107	Dương Thị Thu	Trang	11/09/1989	TTYT Gia Lâm	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ	TC	Y sỹ		
391	YS-3182	06/12/2020	2	107	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	28/11/1993	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
392	YS-3183	06/12/2020	2	107	Hà Thị Thu	Trang	09/10/1993	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
393	YS-3184	06/12/2020	2	107	Lê Thị	Trang	11/12/1995	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
394	YS-3185	06/12/2020	2	107	Nguyễn Thị	Trang	30/11/1992	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
395	YS-3186	06/12/2020	3	107	Dương Thị Thanh	Trang	04/10/1990	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
396	YS-3187	06/12/2020	3	107	Đào Hoàng Thiên	Trang	22/08/1992	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
397	YS-3188	06/12/2020	3	107	Khuất Thị Đài	Trang	19/08/1995	TTYT thị xã Sơn Tây	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
398	YS-3189	06/12/2020	3	107	Trịnh Thị Quỳnh	Trang	03/11/1992	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa	CTB	
399	YS-3190	06/12/2020	3	107	Phạm Thị Thu	Trang	12/07/1993	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
400	YS-3191	06/12/2020	3	107	Nguyễn Văn	Trọng	27/11/1990	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
401	YS-3192	06/12/2020	3	107	Kiều Doãn	Trọng	22/10/1992	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
402	YS-3193	06/12/2020	3	107	Nguyễn Xuân	Trọng	05/11/1990	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		
403	YS-3194	06/12/2020	4	107	Nguyễn Chí	Trung	27/09/1996	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	Y sỹ đa khoa	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
404	YS-3195	06/12/2020	4	107	Nguyễn Đình Minh	Trung	14/07/1999	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
405	YS-3196	06/12/2020	4	107	Tạ Xuân	Trường	06/01/1998	TTYT Thường Tín	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
406	YS-3197	06/12/2020	4	107	Ngô Huy	Tú	01/06/1998	TTYT Hà Đông	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
407	YS-3198	06/12/2020	4	107	Tô Đình	Tuân	02/02/1984	TTYT Thanh Oai	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	HTNV	
408	YS-3199	06/12/2020	4	107	Nguyễn Anh	Tuấn	30/01/1993	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
409	YS-3200	06/12/2020	4	107	Đinh Duy	Tùng	22/09/1994	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	CBB	
410	YS-3201	06/12/2020	1	108	Nguyễn Thanh	Tùng	18/03/1995	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
411	YS-3202	06/12/2020	1	108	Vũ Đức	Tùng	23/10/1996	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
412	YS-3203	06/12/2020	1	108	Bùi Văn	Tùng	25/02/1994	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
413	YS-3204	06/12/2020	1	108	Phương Văn	Tuyên	29/12/1995	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
414	YS-3205	06/12/2020	1	108	Nguyễn Tu	Tuyến	05/09/1979	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
415	YS-3206	06/12/2020	1	108	Nguyễn Thị Hồng	Tuyến	24/11/1992	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
416	YS-3207	06/12/2020	1	108	Nguyễn Quang	Tuyền	02/02/1974	TTYT Sóc Sơn	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
417	YS-3208	06/12/2020	1	108	Nguyễn Thị	Tuyết	06/05/1991	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
418	YS-3209	06/12/2020	2	108	Nghiêm Thị	Vân	06/08/1992	TTYT Thạch Thất	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
419	YS-3210	06/12/2020	2	108	Đỗ Thị	Vân	04/12/1989	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
420	YS-3211	06/12/2020	2	108	Nguyễn Thị Mộng	Vân	26/10/1993	TTYT Phú Xuyên	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
421	YS-3212	06/12/2020	2	108	Trương Văn	Văn	19/12/1993	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	HTNV	
422	YS-3213	06/12/2020	2	108	Nguyễn Anh	Văn	01/11/1994	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
423	YS-3214	06/12/2020	2	108	Nguyễn Thị	Vi	19/12/1991	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
424	YS-3215	06/12/2020	2	108	Dương Minh	Việt	12/07/1992	TTYT Tây Hồ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
425	YS-3216	06/12/2020	3	108	Lê Đức	Việt	06/01/1995	TTYT Chương Mỹ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	CBB	
426	YS-3217	06/12/2020	3	108	Trần Trọng	Việt	25/01/1993	TTYT Ứng Hòa	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
427	YS-3218	06/12/2020	3	108	Phi Thị	Vinh	03/04/1986	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
428	YS-3219	06/12/2020	3	108	Nguyễn Anh	Vũ	16/10/1994	TTYT Thanh Trì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
429	YS-3220	06/12/2020	3	108	Trần Văn	Vũ	06/07/1994	TTYT Mỹ Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
430	YS-3221	06/12/2020	3	108	Nguyễn Thị	Vui	01/06/1990	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
431	YS-3222	06/12/2020	3	108	Trần Thị Hồng	Xiêm	19/11/1989	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
432	YS-3223	06/12/2020	3	108	Nguyễn Thị	Xuân	27/07/1994	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa	**DTTS**	
433	YS-3224	06/12/2020	4	108	Đỗ Thị Kim	Xuyến	01/09/1990	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
434	YS-3225	06/12/2020	4	108	Trần Thị	Xuyến	10/10/1985	TTYT Mê Linh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
435	YS-3226	06/12/2020	4	108	Trần Thị	Yến	26/06/1987	TTYT Đông Anh	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
436	YS-3227	06/12/2020	4	108	Nguyễn Thị Hải	Yến	13/10/1991	TTYT Nam Từ Liêm	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
437	YS-3228	06/12/2020	4	108	Lê Thị	Yến	02/06/1993	TTYT Ba Vì	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
438	YS-3229	06/12/2020	4	108	Hoàng Thị Kim	Yến	10/02/1994	TTYT Phúc Thọ	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
439	YS-3230	06/12/2020	4	108	Khuất Thị Hải	Yến	19/02/1995	TTYT Hoài Đức	Y sỹ (hạng IV)	**Y sỹ đa khoa**	TC	Y sỹ đa khoa		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP Y TẾ CÔNG CỘNG (HẠNG III) - V.08.04.10													
440	YTCC-3231	06/12/2020	1	109	Nguyễn Văn	An	20/12/1991	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)	**HTNV**	
441	YTCC-3232	06/12/2020	1	109	Vũ Huyền	Anh	30/09/1993	BV Da liễu Hà Nội	Y tế công cộng (hạng III)	**Bác sỹ Y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ Y học dự phòng		
442	YTCC-3233	06/12/2020	1	109	Nguyễn Thị Lan	Anh	12/01/1990	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
443	YTCC-3234	06/12/2020	1	109	Vũ Thị Lan	Anh	11/05/1991	BVĐK Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Bác sỹ y học dự phòng**	ĐH	Bác sỹ y học dự phòng		
444	YTCC-3235	06/12/2020	1	109	Hà Ngọc	Anh	24/11/1996	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	**DTTS**	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
445	YTCC-3236	06/12/2020	1	109	Lê Thị Quỳnh	Anh	27/11/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
446	YTCC-3237	06/12/2020	1	109	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	24/11/1989	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
447	YTCC-3238	06/12/2020	2	109	Đỗ Tú	Anh	18/12/1997	TTYT Phú Xuyên	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
448	YTCC-3239	06/12/2020	2	109	Ngô Thị Ngọc	Ánh	27/12/1993	TTYT Sóc Sơn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
449	YTCC-3240	06/12/2020	2	109	Nguyễn Thị	Bằng	10/04/1982	TTYT Chương Mỹ	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
450	YTCC-3241	06/12/2020	2	109	Nguyễn Văn	Chấn	25/01/1997	TTYT Hoài Đức	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
451	YTCC-3242	06/12/2020	2	109	Đỗ Thị Thùy	Chi	11/06/1989	TTYT Bắc Từ Liêm	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)		
452	YTCC-3243	06/12/2020	2	109	Nguyễn Thiên	Đức	20/01/1997	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
453	YTCC-3244	06/12/2020	2	109	Lê Thị	Dung	05/07/1992	TTYT Sóc Sơn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
454	YTCC-3245	06/12/2020	3	109	Lê Xuân	Dũng	06/11/1994	BVĐK Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
455	YTCC-3246	06/12/2020	3	109	Đoàn Lê	Duyên	21/04/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
456	YTCC-3247	06/12/2020	3	109	Hoàng Thu	Hà	05/12/1997	BVĐK Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
457	YTCC-3248	06/12/2020	3	109	Nguyễn Thị	Hà	20/11/1995	BVĐK Phú Xuyên	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
458	YTCC-3249	06/12/2020	3	109	Đỗ Thị Thu	Hà	19/09/1991	TTYT Thanh Trì	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
459	YTCC-3250	06/12/2020	3	109	Đỗ Thị	Hà	05/06/1994	TTYT Sóc Sơn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
460	YTCC-3251	06/12/2020	3	109	Phạm Thị Thái	Hà	03/09/1994	TTYT Hai Bà Trưng	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
461	YTCC-3252	06/12/2020	4	109	Vũ Thị	Hăng	01/06/1988	BVĐK Ba Vì	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Xã hội học (thạc sỹ Y tế công cộng)		
462	YTCC-3253	06/12/2020	4	109	Hán Minh	Hằng	14/11/1991	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
463	YTCC-3254	06/12/2020	4	109	Ngô Thị Vân	Hằng	08/06/1990	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)		
464	YTCC-3255	06/12/2020	4	109	Nguyễn Thị	Hiên	08/02/1994	TTYT Mỹ Đức	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
465	YTCC-3256	06/12/2020	4	109	Nguyễn Thị	Hiền	25/08/1992	BVTT Mỹ Đức	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
466	YTCC-3257	06/12/2020	4	109	Phạm Thu	Hiền	09/09/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
467	YTCC-3258	06/12/2020	4	109	Lê Thu	Hiền	15/11/1992	TTYT Thanh Xuân	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
468	YTCC-3259	06/12/2020	1	110	Đỗ Thanh	Hoài	04/08/1995	TTYT Sóc Sơn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
469	YTCC-3260	06/12/2020	1	110	Vũ Thị Kim	Hoàn	12/04/1996	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
470	YTCC-3261	06/12/2020	1	110	Bùi Thị	Hồng	16/03/1994	TTYT Hoài Đức	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
471	YTCC-3262	06/12/2020	1	110	Phùng Đình	Huấn	26/12/1994	TTYT Mê Linh	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
472	YTCC-3263	06/12/2020	1	110	Nguyễn Văn	Hùng	04/08/1992	BVĐK YHCT Hà Nội	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
473	YTCC-3264	06/12/2020	1	110	Nguyễn Thành	Hưng	10/04/1997	TTYT Cầu Giấy	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
474	YTCC-3265	06/12/2020	1	110	Phạm Thị	Hương	26/05/1996	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
475	YTCC-3266	06/12/2020	2	110	Đỗ Thị Thúy	Hường	25/01/1993	BVĐK Thạch Thất	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
476	YTCC-3267	06/12/2020	2	110	Nguyễn Thị Thu	Hường	04/03/1997	TTYT Hoài Đức	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
477	YTCC-3268	06/12/2020	2	110	Nguyễn Thu	Huyền	29/09/1986	BVĐK Thanh Trì	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
478	YTCC-3269	06/12/2020	2	110	Lê Thanh Diệu	Huyền	20/06/1995	TTYT Thanh Xuân	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
479	YTCC-3270	06/12/2020	2	110	Vũ Thị	Huyền	06/12/1992	TTYT Phú Xuyên	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
480	YTCC-3271	06/12/2020	2	110	Nguyễn Thị	Lập	27/10/1990	BV Thận HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
481	YTCC-3272	06/12/2020	2	110	Lê Thị	Liên	20/05/1997	TTYT Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
482	YTCC-3273	06/12/2020	3	110	Phạm Hà	Linh	07/12/1997	BV Thận HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
483	YTCC-3274	06/12/2020	3	110	Nguyễn Hoài	Linh	10/11/1995	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
484	YTCC-3275	06/12/2020	3	110	Đỗ Thị Hà	Linh	06/10/1994	TTYT Ba Đình	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
485	YTCC-3276	06/12/2020	3	110	Phạm Yến	Linh	23/01/1994	TTYT Nam Từ Liêm	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
486	YTCC-3277	06/12/2020	3	110	Hồ Phương	Mai	28/12/1994	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		
487	YTCC-3278	06/12/2020	3	110	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	30/08/1996	TTYT thị xã Sơn Tây	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		
488	YTCC-3279	06/12/2020	3	110	Đinh Thị	Minh	07/04/1994	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		
489	YTCC-3280	06/12/2020	4	110	Hoàng Thị	Ngân	21/11/1993	BVĐK Ba Vì	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)		
490	YTCC-3281	06/12/2020	4	110	Nguyễn Thị	Ngân	09/01/1990	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		
491	YTCC-3282	06/12/2020	4	110	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	19/02/1996	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		
492	YTCC-3283	06/12/2020	4	110	Vũ Thị Kim	Ngân	11/12/1990	TTYT Hoàng Mai	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		
493	YTCC-3284	06/12/2020	4	110	Nguyễn Thu	Ngân	24/01/1992	TTYT Hoài Đức	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		
494	YTCC-3285	06/12/2020	4	110	Trần Thị	Ngọc	25/05/1990	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		
495	YTCC-3286	06/12/2020	4	110	Đào Thị	Nhung	14/06/1993	TTYT Đan Phượng	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		
496	YTCC-3287	06/12/2020	1	111	Nguyễn Thị	Nhung	16/01/1995	TTYT Mê Linh	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		
497	YTCC-3288	06/12/2020	1	111	Dương Thị	Nhương	22/04/1994	BV Ung Bướu HN	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		
498	YTCC-3289	06/12/2020	1	111	Lê Thị Thu	Phương	16/12/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		
499	YTCC-3290	06/12/2020	1	111	Cao Bùi Bích	Phương	23/08/1995	BVĐK Thạch Thất	Y tế công cộng (hạng III)	Y tế công cộng	ĐH	Y tế công cộng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
500	YTCC-3291	06/12/2020	1	111	Đỗ Duy	Phương	24/05/1991	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
501	YTCC-3292	06/12/2020	1	111	Đào Thị Lan	Phương	12/12/1993	TTYT thị xã Sơn Tây	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
502	YTCC-3293	06/12/2020	1	111	Nguyễn Thu	Phương	06/09/1995	TTYT Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
503	YTCC-3294	06/12/2020	2	111	Triệu Hương	Quỳnh	18/07/1997	TTYT Hà Đông	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
504	YTCC-3295	06/12/2020	2	111	Nguyễn Viết	Sơn	06/08/1997	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
505	YTCC-3296	06/12/2020	2	111	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	28/07/1993	BV Tâm thần HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
506	YTCC-3297	06/12/2020	2	111	Nguyễn Thị	Tâm	10/02/1993	TTYT Mê Linh	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
507	YTCC-3298	06/12/2020	2	111	Cao Ngọc	Tân	19/05/1991	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
508	YTCC-3299	06/12/2020	2	111	Nguyễn Hiền	Thanh	12/06/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
509	YTCC-3300	06/12/2020	2	111	Nguyễn Công	Thành	17/10/1991	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
510	YTCC-3301	06/12/2020	3	111	Nguyễn Thị Diệu	Thu	13/10/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)		
511	YTCC-3302	06/12/2020	3	111	Nguyễn Thị Thu	Thủy	08/07/1991	TTYT Đan Phượng	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)		
512	YTCC-3303	06/12/2020	3	111	Nguyễn Mạnh	Tiến	17/02/1996	TTYT Bắc Từ Liêm	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
513	YTCC-3304	06/12/2020	3	111	Trịnh Thị Khánh	Trà	19/09/1994	TTYT Chương Mỹ	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
514	YTCC-3305	06/12/2020	3	111	Nguyễn Huyền	Trang	26/02/1987	BVĐK Xanh Pôn	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
515	YTCC-3306	06/12/2020	3	111	Đoàn Thu	Trang	21/07/1992	TTYT Hai Bà Trưng	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
516	YTCC-3307	06/12/2020	3	111	Đinh Hà	Trang	13/11/1996	TTYT Đan Phượng	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
517	YTCC-3308	06/12/2020	4	111	Nguyễn Thành	Trung	03/03/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng	DTTS	
518	YTCC-3309	06/12/2020	4	111	Chu Anh	Tú	05/12/1991	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
519	YTCC-3310	06/12/2020	4	111	Nguyễn Quang	Tuấn	19/11/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
520	YTCC-3311	06/12/2020	4	111	Phạm Anh	Tuấn	06/02/1993	BV Ung Bướu HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
521	YTCC-3312	06/12/2020	4	111	Trần Quang	Vinh	08/03/1995	TTYT Nam Từ Liêm	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
522	YTCC-3313	06/12/2020	4	111	Nguyễn Hiền	Vương	04/04/1986	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	Ths	Y tế công cộng (thạc sỹ Y tế công cộng)		
523	YTCC-3314	06/12/2020	4	111	Nguyễn Trần Bảo	Yến	24/07/1993	TTYT Phú Xuyên	Y tế công cộng (hạng III)	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III - V.08.05.12													
524	ĐDIII-3315	06/12/2020	1	112	Phùng Thị	An	28/07/1995	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
525	ĐDIII-3316	06/12/2020	1	112	Nguyễn Tuấn	Anh	15/02/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
526	ĐDIII-3317	06/12/2020	1	112	Nguyễn Thị Việt	Anh	22/02/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
527	ĐDIII-3318	06/12/2020	1	112	Dương Thị Vân	Anh	18/06/1988	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
528	ĐDIII-3319	06/12/2020	1	112	Nguyễn Thị Vân	Anh	18/05/1995	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
529	ĐDIII-3320	06/12/2020	1	112	Đỗ Hoàng	Anh	30/11/1981	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
530	ĐDIII-3321	06/12/2020	1	112	Nguyễn Thị Vân	Anh	04/06/1993	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
531	ĐDIII-3322	06/12/2020	1	112	Trần Thị Hải	Anh	07/10/1994	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
532	ĐDIII-3323	06/12/2020	2	112	Nguyễn Ngọc	Anh	18/01/1984	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
533	ĐDIII-3324	06/12/2020	2	112	Trần Quỳnh	Anh	27/10/1995	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
534	ĐDIII-3325	06/12/2020	2	112	Nguyễn Thị Vân	Anh	05/01/1995	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
535	ĐDIII-3326	06/12/2020	2	112	Nguyễn Thị Hà	Anh	08/10/1993	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
536	ĐDIII-3327	06/12/2020	2	112	Lê Ngọc	Anh	12/04/1990	TTYT Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
537	ĐDIII-3328	06/12/2020	2	112	Nguyễn Ngọc	Bích	22/09/1993	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
538	ĐDIII-3329	06/12/2020	2	112	Nguyễn Thị	Châm	17/04/1993	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
539	ĐDIII-3330	06/12/2020	3	112	Đinh Thị Kim	Chi	24/04/1992	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
540	ĐDIII-3331	06/12/2020	3	112	Nguyễn Thị	Chinh	04/01/1990	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
541	ĐDIII-3332	06/12/2020	3	112	Lý Thị	Chinh	12/02/1993	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
542	ĐDIII-3333	06/12/2020	3	112	Phí Mạnh	Công	01/03/1997	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
543	ĐDIII-3334	06/12/2020	3	112	Nguyễn Thị	Cúc	17/08/1991	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
544	ĐDIII-3335	06/12/2020	3	112	Nguyễn Thị	Cúc	18/11/1991	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
545	ĐDIII-3336	06/12/2020	3	112	Nguyễn Mạnh	Cường	26/06/1984	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
546	ĐDIII-3337	06/12/2020	4	112	Nguyễn Thị	Diệu	17/06/1987	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
547	ĐDIII-3338	06/12/2020	4	112	Tạ Thị	Đức	29/07/1994	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
548	ĐDIII-3339	06/12/2020	4	112	Phạm Thị	Dung	10/01/1995	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
549	ĐDIII-3340	06/12/2020	4	112	Phạm Thị	Duyên	20/10/1993	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
550	ĐDIII-3341	06/12/2020	4	112	Nguyễn Thị	Duyên	16/12/1996	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
551	ĐDIII-3342	06/12/2020	4	112	Đinh Thị	Duyên	20/06/1994	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
552	ĐDIII-3343	06/12/2020	4	112	Nguyễn Hương	Giang	23/09/1993	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
553	ĐDIII-3344	06/12/2020	1	113	Mã Thị	Hà	25/12/1992	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
554	ĐDIII-3345	06/12/2020	1	113	Hoàng Ngọc	Hà	02/05/1990	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
555	ĐDIII-3346	06/12/2020	1	113	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/05/1988	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
556	ĐDIII-3347	06/12/2020	1	113	Nguyễn Thị	Hà	14/12/1990	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
557	ĐDIII-3348	06/12/2020	1	113	Nguyễn Thu	Hà	21/07/1992	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
558	ĐDIII-3349	06/12/2020	1	113	Trần Thị	Hải	22/06/1989	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
559	ĐDIII-3350	06/12/2020	1	113	Lê Thị	Hằng	25/12/1985	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
560	ĐDIII-3351	06/12/2020	1	113	Đặng Thu	Hằng	01/11/1994	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
561	ĐDIII-3352	06/12/2020	2	113	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	16/11/1997	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
562	ĐDIII-3353	06/12/2020	2	113	Nguyễn Thị	Hằng	27/12/1992	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
563	ĐDIII-3354	06/12/2020	2	113	Đào Thị Hồng	Hạnh	17/10/1992	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
564	ĐDIII-3355	06/12/2020	2	113	Nguyễn Thu	Hậu	18/11/1993	TTYT Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
565	ĐDIII-3356	06/12/2020	2	113	Đào Thị Việt	Hiền	03/03/1983	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
566	ĐDIII-3357	06/12/2020	2	113	Vũ Thị Thanh	Hiền	29/07/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
567	ĐDIII-3358	06/12/2020	2	113	Kiều Thị	Hiền	24/02/1996	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
568	ĐDIII-3359	06/12/2020	3	113	Ngô Thị Thu	Hiền	12/11/1979	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
569	ĐDIII-3360	06/12/2020	3	113	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	16/10/1994	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
570	ĐDIII-3361	06/12/2020	3	113	Đỗ Thị	Hiền	12/02/1978	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
571	ĐDIII-3362	06/12/2020	3	113	Trần Thị	Hiền	23/08/1987	TTYT Long Biên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
572	ĐDIII-3363	06/12/2020	3	113	Lê Thị	Hiệp	30/04/1993	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Điều dưỡng gây mê hồi sức		
573	ĐDIII-3364	06/12/2020	3	113	Nguyễn Thu	Hiếu	13/07/1985	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
574	ĐDIII-3365	06/12/2020	3	113	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	09/09/1992	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
575	ĐDIII-3366	06/12/2020	4	113	Nguyễn Thị Thu	Hoa	28/10/1985	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
576	ĐDIII-3367	06/12/2020	4	113	Ngô Thị	Hoa	21/09/1995	BVĐK Thanh Trì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
577	ĐDIII-3368	06/12/2020	4	113	Lê Thị Kim	Hoa	29/05/1980	TT Pháp y Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
578	ĐDIII-3369	06/12/2020	4	113	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	26/10/1989	TTYT Hoàng Mai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
579	ĐDIII-3370	06/12/2020	4	113	Phạm Thị	Hoa	30/01/1991	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
580	ĐDIII-3371	06/12/2020	4	113	Nguyễn Thị Thúy	Hoàn	19/07/1995	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
581	ĐDIII-3372	06/12/2020	4	113	Hoàng Thị	Hợi	13/03/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
582	ĐDIII-3373	06/12/2020	1	114	Phương Thu	Hồng	20/09/1985	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
583	ĐDIII-3374	06/12/2020	1	114	Lê Thị	Hồng	08/04/1987	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
584	ĐDIII-3375	06/12/2020	1	114	Trần Thị Thúy	Hồng	18/10/1969	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
585	ĐDIII-3376	06/12/2020	1	114	Đinh Thị	Hồng	11/05/1995	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
586	ĐDIII-3377	06/12/2020	1	114	Tô Thị	Hồng	18/01/1994	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
587	ĐDIII-3378	06/12/2020	1	114	Nguyễn Thị	Huế	24/01/1990	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
588	ĐDIII-3379	06/12/2020	1	114	Nguyễn Thị	Huệ	03/07/1981	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
589	ĐDIII-3380	06/12/2020	1	114	Tạ Thị Kim	Huệ	18/12/1992	TTYT Tây Hồ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
590	ĐDIII-3381	06/12/2020	2	114	Nguyễn Thị	Huệ	22/08/1987	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
591	ĐDIII-3382	06/12/2020	2	114	Phạm Thị	Hương	09/11/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	CTB	
592	ĐDIII-3383	06/12/2020	2	114	Nguyễn Thị Thu	Hương	30/12/1983	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
593	ĐDIII-3384	06/12/2020	2	114	Hồ Thanh	Hương	12/07/1983	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
594	ĐDIII-3385	06/12/2020	2	114	Dương Thị Lan	Hương	20/06/1995	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
595	ĐDIII-3386	06/12/2020	2	114	Nguyễn Thị Thu	Hương	03/08/1983	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
596	ĐDIII-3387	06/12/2020	2	114	Đặng Xuân	Hướng	05/07/1990	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
597	ĐDIII-3388	06/12/2020	3	114	Vũ Thị	Hường	14/10/1981	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
598	ĐDIII-3389	06/12/2020	3	114	Đào Thị Thu	Hường	23/06/1982	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
599	ĐDIII-3390	06/12/2020	3	114	Nguyễn Thị	Hường	27/11/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
600	ĐDIII-3391	06/12/2020	3	114	Bùi Thị Thu	Hường	30/01/1983	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	**CTB**	
601	ĐDIII-3392	06/12/2020	3	114	Nguyễn Thị	Hường	18/08/1990	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
602	ĐDIII-3393	06/12/2020	3	114	Nguyễn Thị	Hường	17/01/1993	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
603	ĐDIII-3394	06/12/2020	3	114	Lê Thị	Hường	11/02/1989	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
604	ĐDIII-3395	06/12/2020	4	114	Nguyễn Thị	Hường	27/08/1992	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
605	ĐDIII-3396	06/12/2020	4	114	Lê Thị	Huyên	19/04/1990	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
606	ĐDIII-3397	06/12/2020	4	114	Nguyễn Thị Hồng	Huyên	11/07/1982	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	**CĐCĐ**	
607	ĐDIII-3398	06/12/2020	4	114	Phạm Hoàng Mai	Huyền	16/11/1995	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
608	ĐDIII-3399	06/12/2020	4	114	Lê Thị	Huyền	14/04/1981	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
609	ĐDIII-3400	06/12/2020	4	114	Đỗ Phương	Huyền	19/04/1994	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
610	ĐDIII-3401	06/12/2020	4	114	Phùng Thị Thanh	Huyền	01/05/1997	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
611	ĐDIII-3402	06/12/2020	1	115	Phạm Thị	Huyền	18/08/1996	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
612	ĐDIII-3403	06/12/2020	1	115	Đào Ngọc	Huỳnh	16/07/1997	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
613	ĐDIII-3404	06/12/2020	1	115	Trần Văn	Kha	18/04/1993	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
614	ĐDIII-3405	06/12/2020	1	115	Phạm Thị	Khanh	02/03/1992	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
615	ĐDIII-3406	06/12/2020	1	115	Trần Thị Hồng	Khuyên	10/07/1997	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
616	ĐDIII-3407	06/12/2020	1	115	Tống Thị	Kiên	25/05/1983	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
617	ĐDIII-3408	06/12/2020	1	115	Tô Thị	La	14/03/1995	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
618	ĐDIII-3409	06/12/2020	1	115	Nguyễn Quỳnh	Lan	22/07/1986	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
619	ĐDIII-3410	06/12/2020	2	115	Phí Thị	Lành	12/10/1997	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
620	ĐDIII-3411	06/12/2020	2	115	Nguyễn Thị	Liên	05/09/1988	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
621	ĐDIII-3412	06/12/2020	2	115	Đỗ Thị Kim	Liên	27/07/1995	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
622	ĐDIII-3413	06/12/2020	2	115	Cấn Thị	Liên	01/10/1997	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
623	ĐDIII-3414	06/12/2020	2	115	Đỗ Thị	Liên	28/12/1992	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
624	ĐDIII-3415	06/12/2020	2	115	Phạm Thị	Liễu	16/05/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
625	ĐDIII-3416	06/12/2020	2	115	Phạm Thị	Liễu	04/06/1996	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
626	ĐDIII-3417	06/12/2020	3	115	Đoàn Thị	Linh	02/09/1994	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
627	ĐDIII-3418	06/12/2020	3	115	Lê Thị Thùy	Linh	23/02/1995	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
628	ĐDIII-3419	06/12/2020	3	115	Phạm Thùy	Linh	14/05/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
629	ĐDIII-3420	06/12/2020	3	115	Đỗ Thị	Linh	10/10/1997	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
630	ĐDIII-3421	06/12/2020	3	115	Mai Lý Hoài	Linh	29/06/1996	TTYT Đống Đa	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	CĐCĐ	
631	ĐDIII-3422	06/12/2020	3	115	Nguyễn Diệu	Linh	27/06/1994	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
632	ĐDIII-3423	06/12/2020	3	115	Dương Thị	Loan	04/01/1986	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
633	ĐDIII-3424	06/12/2020	4	115	Nguyễn Thị	Lụa	28/04/1997	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
634	ĐDIII-3425	06/12/2020	4	115	Phạm Tiến	Luận	16/03/1997	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
635	ĐDIII-3426	06/12/2020	4	115	Đỗ Thị	Lương	22/09/1993	BV Da liễu Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
636	ĐDIII-3427	06/12/2020	4	115	Đặng Thị	Luyến	11/05/1996	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
637	ĐDIII-3428	06/12/2020	4	115	Đỗ Thị	Lý	04/10/1997	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
638	ĐDIII-3429	06/12/2020	4	115	Trần Thị Tuyết	Mai	29/03/1976	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
639	ĐDIII-3430	06/12/2020	4	115	Lê Thị Ngọc	Mai	07/10/1993	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
640	ĐDIII-3431	06/12/2020	1	116	Trần Thị	Mai	13/05/1989	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
641	ĐDIII-3432	06/12/2020	1	116	Nguyễn Thị	Mai	11/03/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
642	ĐDIII-3433	06/12/2020	1	116	Đỗ Thị	Mai	03/07/1993	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Điều dưỡng gây mê hồi sức		
643	ĐDIII-3434	06/12/2020	1	116	Nguyễn Thanh	Mai	29/12/1997	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
644	ĐDIII-3435	06/12/2020	1	116	Trần Thị	Mến	10/09/1993	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	CBB	
645	ĐDIII-3436	06/12/2020	1	116	Nguyễn Thị	Miền	15/10/1991	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
646	ĐDIII-3437	06/12/2020	1	116	Lã Thị Nguyệt	Minh	10/02/1994	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
647	ĐDIII-3438	06/12/2020	1	116	Nguyễn Thanh	Minh	13/02/1984	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
648	ĐDIII-3439	06/12/2020	2	116	Trương Thị	My	20/11/1993	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
649	ĐDIII-3440	06/12/2020	2	116	Trương Thảo	My	27/11/1995	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
650	ĐDIII-3441	06/12/2020	2	116	Nguyễn Trà	My	06/03/1983	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
651	ĐDIII-3442	06/12/2020	2	116	Hoàng Thị Lệ	Mỹ	01/11/1991	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
652	ĐDIII-3443	06/12/2020	2	116	Hàn Thị	Năm	17/01/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
653	ĐDIII-3444	06/12/2020	2	116	Vũ Thị	Nga	09/08/1993	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
654	ĐDIII-3445	06/12/2020	2	116	Nguyễn Thị Thúy	Nga	10/04/1993	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
655	ĐDIII-3446	06/12/2020	3	116	Nguyễn Thị	Nga	07/02/1995	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
656	ĐDIII-3447	06/12/2020	3	116	Ngô Thị Kim	Ngân	25/11/1986	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
657	ĐDIII-3448	06/12/2020	3	116	Nguyễn Thị Kim	Ngân	09/11/1992	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
658	ĐDIII-3449	06/12/2020	3	116	Hồ Thị	Ngân	10/08/1991	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
659	ĐDIII-3450	06/12/2020	3	116	Hoàng Thị Thúy	Ngần	11/02/1990	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
660	ĐDIII-3451	06/12/2020	3	116	Dương Thị Hồng	Ngát	11/05/1993	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
661	ĐDIII-3452	06/12/2020	3	116	Đoàn Thị	Ngoan	30/04/1994	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
662	ĐDIII-3453	06/12/2020	4	116	Vũ Thị	Ngọc	24/03/1994	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
663	ĐDIII-3454	06/12/2020	4	116	Nguyễn Xuân	Ngũ	19/05/1966	BVĐK Sóc Sơn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
664	ĐDIII-3455	06/12/2020	4	116	Phạm Thị	Nguyên	03/09/1993	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
665	ĐDIII-3456	06/12/2020	4	116	Nguyễn Thị	Nguyệt	24/05/1985	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
666	ĐDIII-3457	06/12/2020	4	116	Bùi Thanh	Nhàn	22/07/1981	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
667	ĐDIII-3458	06/12/2020	4	116	Nguyễn Thị	Nhung	05/10/1982	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
668	ĐDIII-3459	06/12/2020	4	116	Lương Thị	Nhung	25/11/1990	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	CBB	
669	ĐDIII-3460	06/12/2020	1	117	Dương Thị Hồng	Nhung	15/02/1980	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
670	ĐDIII-3461	06/12/2020	1	117	Nguyễn Thị	Nhung	16/02/1996	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
671	ĐDIII-3462	06/12/2020	1	117	Đỗ Thị	Nhung	02/11/1989	BV Phổi Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
672	ĐDIII-3463	06/12/2020	1	117	Phạm Phương	Nhung	12/10/1997	BVĐK Sơn Tây	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
673	ĐDIII-3464	06/12/2020	1	117	Nguyễn Thị Thúy	Nhung	05/06/1992	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
674	ĐDIII-3465	06/12/2020	1	117	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	17/12/1994	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
675	ĐDIII-3466	06/12/2020	1	117	Vũ Thị Hồng	Nhung	09/09/1993	BVĐK Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
676	ĐDIII-3467	06/12/2020	1	117	Nguyễn Thị Quỳnh	Nhung	14/11/1993	TTYT Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
677	ĐDIII-3468	06/12/2020	2	117	Lưu Thị	Nhung	29/10/1993	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
678	ĐDIII-3469	06/12/2020	2	117	Đỗ Thị Kim	Oanh	16/12/1996	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
679	ĐDIII-3470	06/12/2020	2	117	Trịnh Thị	Oanh	26/04/1993	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
680	ĐDIII-3471	06/12/2020	2	117	Lê Thị	Phong	30/08/1990	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
681	ĐDIII-3472	06/12/2020	2	117	Phạm Văn	Phúc	24/11/1990	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
682	ĐDIII-3473	06/12/2020	2	117	Nguyễn Thị	Phúc	19/04/1989	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
683	ĐDIII-3474	06/12/2020	2	117	Đỗ Thị Minh	Phương	18/01/1995	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
684	ĐDIII-3475	06/12/2020	3	117	Nguyễn Thị Mai	Phương	17/12/1984	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
685	ĐDIII-3476	06/12/2020	3	117	Hoàng Thu	Phương	15/01/1991	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
686	ĐDIII-3477	06/12/2020	3	117	Đào Thị	Phương	15/07/1988	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
687	ĐDIII-3478	06/12/2020	3	117	Tạ Lan	Phương	28/10/1993	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
688	ĐDIII-3479	06/12/2020	3	117	Nguyễn Thị	Phượng	04/02/1993	TTYT Phú Xuyên	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
689	ĐDIII-3480	06/12/2020	3	117	Trần Hà	Quang	19/10/1994	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
690	ĐDIII-3481	06/12/2020	3	117	Nguyễn Thị	Quyên	10/05/1992	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
691	ĐDIII-3482	06/12/2020	4	117	Lê Thúy	Quỳnh	19/11/1992	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
692	ĐDIII-3483	06/12/2020	4	117	Nguyễn Thị	Tâm	18/09/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
693	ĐDIII-3484	06/12/2020	4	117	Ngô Thị	Tâm	26/01/1994	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
694	ĐDIII-3485	06/12/2020	4	117	Đỗ Thanh	Tâm	08/03/1996	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
695	ĐDIII-3486	06/12/2020	4	117	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	02/05/1993	BVĐK Thạch Thất	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
696	ĐDIII-3487	06/12/2020	4	117	Nguyễn Thị	Tâm	27/08/1994	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
697	ĐDIII-3488	06/12/2020	4	117	Nguyễn Thị	Thắm	25/02/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
698	ĐDIII-3489	06/12/2020	1	118	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	24/07/1993	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
699	ĐDIII-3490	06/12/2020	1	118	Nguyễn Tuấn	Thanh	13/12/1976	BVĐK YHCT Hà Nội	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
700	ĐDIII-3491	06/12/2020	1	118	Vũ Thị Băng	Thanh	05/03/1991	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
701	ĐDIII-3492	06/12/2020	1	118	Nguyễn Thị	Thành	09/12/1995	BV Bắc Thăng Long	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
702	ĐDIII-3493	06/12/2020	1	118	Nguyễn Thị	Thảo	24/06/1993	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
703	ĐDIII-3494	06/12/2020	1	118	Tạ Thị Phương	Thảo	28/02/1995	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
704	ĐDIII-3495	06/12/2020	1	118	Nguyễn Thị Bích	Thảo	05/01/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
705	ĐDIII-3496	06/12/2020	2	118	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/03/1991	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
706	ĐDIII-3497	06/12/2020	2	118	Nguyễn Thị	Thảo	11/05/1997	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
707	ĐDIII-3498	06/12/2020	2	118	Vũ Phương	Thảo	14/04/1994	TTYT Hoài Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng	**CBB**	
708	ĐDIII-3499	06/12/2020	2	118	Tạ Minh	Thơm	30/10/1996	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
709	ĐDIII-3500	06/12/2020	2	118	Phan Thị	Thơm	11/12/1996	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
710	ĐDIII-3501	06/12/2020	2	118	Phạm Thị	Thơm	10/08/1992	BVĐK Thường Tín	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
711	ĐDIII-3502	06/12/2020	2	118	Bùi Thị	Thơm	08/04/1988	BV Mắt Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
712	ĐDIII-3503	06/12/2020	3	118	Đỗ Duy	Thông	07/02/1987	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
713	ĐDIII-3504	06/12/2020	3	118	Hoàng Thị	Thu	06/12/1992	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Điều dưỡng gây mê hồi sức		
714	ĐDIII-3505	06/12/2020	3	118	Tô Thị	Thu	25/04/1989	BVĐK Đông Anh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
715	ĐDIII-3506	06/12/2020	3	118	Nguyễn Thị Bích	Thu	24/06/1990	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
716	ĐDIII-3507	06/12/2020	3	118	Đào Thị	Thu	10/02/1989	BV Thận HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
717	ĐDIII-3508	06/12/2020	3	118	Nguyễn Thị	Thu	05/10/1996	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
718	ĐDIII-3509	06/12/2020	3	118	Chu Thị	Thúy	19/09/1995	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Điều dưỡng gây mê hồi sức		
719	ĐDIII-3510	06/12/2020	4	118	Phạm Minh	Thúy	29/08/1982	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
720	ĐDIII-3511	06/12/2020	4	118	Phạm Thị	Thúy	25/10/1987	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
721	ĐDIII-3512	06/12/2020	4	118	Chu Thanh	Thúy	15/01/1987	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
722	ĐDIII-3513	06/12/2020	4	118	Phan Thị	Thúy	08/05/1997	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
723	ĐDIII-3514	06/12/2020	4	118	Nguyễn Thị	Thúy	24/07/1993	BVĐK Vân Đình	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
724	ĐDIII-3515	06/12/2020	4	118	Nguyễn Thị	Thúy	27/05/1997	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
725	ĐDIII-3516	06/12/2020	4	118	Nguyễn Thị	Thúy	16/01/1989	BVĐK Gia Lâm	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
726	ĐDIII-3517	06/12/2020	1	119	Nguyễn Thị	Thúy	22/06/1983	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
727	ĐDIII-3518	06/12/2020	1	119	Mai Thị Thanh	Thúy	10/03/1994	BV Ung Bướu HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
728	ĐDIII-3519	06/12/2020	1	119	Đặng Thị	Thúy	01/03/1996	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng gây mê hồi sức**	ĐH	Điều dưỡng gây mê hồi sức		
729	ĐDIII-3520	06/12/2020	1	119	Nguyễn Thị Thu	Thúy	10/09/1989	TTYT Mỹ Đức	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
730	ĐDIII-3521	06/12/2020	1	119	Nguyễn Thị	Tình	08/05/1989	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
731	ĐDIII-3522	06/12/2020	1	119	Nguyễn Thị	Toan	01/05/1977	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
732	ĐDIII-3523	06/12/2020	1	119	Đặng Quỳnh	Trang	04/04/1997	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
733	ĐDIII-3524	06/12/2020	2	119	Hoàng Thị Huyền	Trang	23/04/1987	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
734	ĐDIII-3525	06/12/2020	2	119	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/12/1991	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
735	ĐDIII-3526	06/12/2020	2	119	Hoàng Thị	Trang	16/04/1988	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
736	ĐDIII-3527	06/12/2020	2	119	Đỗ Linh	Trang	28/12/1994	BVĐK Hà Đông	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
737	ĐDIII-3528	06/12/2020	2	119	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/10/1988	BVĐK Đức Giang	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
738	ĐDIII-3529	06/12/2020	2	119	Nguyễn Thị Huyền	Trang	22/07/1988	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
739	ĐDIII-3530	06/12/2020	2	119	Nguyễn Thị Thu	Trang	19/03/1995	BVĐK Quốc Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
740	ĐDIII-3531	06/12/2020	3	119	Trần Thị Thu	Trang	05/02/1993	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
741	ĐDIII-3532	06/12/2020	3	119	Đỗ Thị	Trang	12/10/1990	BVĐK Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
742	ĐDIII-3533	06/12/2020	3	119	Phạm Thị Kiều	Trinh	15/03/1994	BVĐK Chương Mỹ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
743	ĐDIII-3534	06/12/2020	3	119	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	04/01/1996	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
744	ĐDIII-3535	06/12/2020	3	119	Kim Anh	Tuấn	24/09/1992	TTYT Đan Phượng	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
745	ĐDIII-3536	06/12/2020	3	119	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	05/11/1979	BVĐK Hòe Nhai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
746	ĐDIII-3537	06/12/2020	3	119	Trương Thị	Tuyết	17/02/1985	BV Tâm thần HN	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
747	ĐDIII-3538	06/12/2020	4	119	Đào Thị Hồng	Vân	08/11/1990	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
748	ĐDIII-3539	06/12/2020	4	119	Phạm Thị Thanh	Vân	23/04/1996	BVĐK Thanh Oai	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
749	ĐDIII-3540	06/12/2020	4	119	Lã Quốc	Việt	06/06/1995	BVĐK Ba Vì	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
750	ĐDIII-3541	06/12/2020	4	119	Hán Thị	Việt	24/06/1993	BVĐK Mê Linh	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
751	ĐDIII-3542	06/12/2020	4	119	Ngô Văn	Vinh	18/10/1992	BVĐK Xanh Pôn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
752	ĐDIII-3543	06/12/2020	4	119	Chu Thị	Yên	30/07/1990	BV Thanh Nhàn	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
753	ĐDIII-3544	06/12/2020	4	119	Nguyễn Thị	Yến	04/05/1994	BVĐK Phúc Thọ	Điều dưỡng hạng III	**Điều dưỡng**	ĐH	Điều dưỡng		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP HỘ SINH HẠNG IV - V.08.06.16													
754	HSIV-3545	06/12/2020	1	120	Đào Thị Thảo	An	27/01/1998	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
755	HSIV-3546	06/12/2020	1	120	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/08/1995	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
756	HSIV-3547	06/12/2020	1	120	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	24/06/1994	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
757	HSIV-3548	06/12/2020	1	120	Trần Thị Vân	Anh	24/09/1995	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
758	HSIV-3549	06/12/2020	1	120	Khổng Thị Cẩm	Anh	10/11/1996	BVĐK Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
759	HSIV-3550	06/12/2020	1	120	Nguyễn Thị Hồng	Anh	06/10/1991	BVĐK Phúc Thọ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
760	HSIV-3551	06/12/2020	1	120	Bùi Thị Phương	Anh	03/05/1995	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
761	HSIV-3552	06/12/2020	1	120	Ngô Thị Kim	Anh	12/02/1998	BVĐK Thường Tín	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
762	HSIV-3553	06/12/2020	2	120	Phạm Hồng	Anh	18/10/1993	TTYT Hai Bà Trưng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
763	HSIV-3554	06/12/2020	2	120	Ngô Mai	Anh	18/07/1996	TTYT Tây Hồ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
764	HSIV-3555	06/12/2020	2	120	Hà Thục	Anh	07/09/1996	TTYT Long Biên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
765	HSIV-3556	06/12/2020	2	120	Đỗ Thị Vân	Anh	11/07/1994	TTYT Sóc Sơn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
766	HSIV-3557	06/12/2020	2	120	Nguyễn Thị Lan	Anh	08/12/1996	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
767	HSIV-3558	06/12/2020	2	120	Vũ Thị Lan	Anh	06/4/1988	TTYT Thanh Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
768	HSIV-3559	06/12/2020	2	120	Nguyễn Thị Lệ	Bình	24/12/1985	TTYT Thanh Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
769	HSIV-3560	06/12/2020	3	120	Nguyễn Thị	Châm	04/02/1991	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
770	HSIV-3561	06/12/2020	3	120	Vương Thị	Chinh	15/02/1998	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
771	HSIV-3562	06/12/2020	3	120	Nguyễn Thu	Cúc	23/09/1995	TTYT Thanh Trì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
772	HSIV-3563	06/12/2020	3	120	Lê Thị	Diêm	20/05/1984	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
773	HSIV-3564	06/12/2020	3	120	Trương Thị	Điển	01/01/1993	TTYT Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
774	HSIV-3565	06/12/2020	3	120	Vũ Thị Mỹ	Dinh	02/09/1996	BVĐK Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
775	HSIV-3566	06/12/2020	3	120	Nguyễn Thị	Dinh	25/09/1996	TTYT Sóc Sơn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
776	HSIV-3567	06/12/2020	3	120	Lê Thị	Định	29/05/1990	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
777	HSIV-3568	06/12/2020	4	120	Nguyễn Thị	Dịu	18/07/1996	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
778	HSIV-3569	06/12/2020	4	120	Đào Thị	Dung	20/3/1993	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
779	HSIV-3570	06/12/2020	4	120	Nguyễn Thị	Dung	23/10/1992	TTYT Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
780	HSIV-3571	06/12/2020	4	120	Đỗ Thị	Dung	19/11/1987	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
781	HSIV-3572	06/12/2020	4	120	Nguyễn Thị Phương	Dung	01/12/1986	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
782	HSIV-3573	06/12/2020	4	120	Nguyễn Thị	Duyên	09/12/1994	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
783	HSIV-3574	06/12/2020	4	120	Dương Thị	Duyến	28/01/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
784	HSIV-3575	06/12/2020	1	121	Trịnh Thị	Gấm	16/04/1996	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
785	HSIV-3576	06/12/2020	1	121	Lê Thị	Giang	25/08/1987	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
786	HSIV-3577	06/12/2020	1	121	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/08/1995	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
787	HSIV-3578	06/12/2020	1	121	Phùng Thị Hương	Giang	11/02/1995	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
788	HSIV-3579	06/12/2020	1	121	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/03/1993	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
789	HSIV-3580	06/12/2020	1	121	Đinh Thị	Hà	20/04/1994	BVĐK Văn Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
790	HSIV-3581	06/12/2020	1	121	Nguyễn Thu	Hà	28/10/1996	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
791	HSIV-3582	06/12/2020	1	121	Nguyễn Thị	Hà	15/07/1989	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
792	HSIV-3583	06/12/2020	2	121	Ngô Thị	Hải	26/06/1995	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
793	HSIV-3584	06/12/2020	2	121	Lưu Thị Thu	Hằng	12/05/1986	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
794	HSIV-3585	06/12/2020	2	121	Đinh Thị	Hằng	21/08/1994	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
795	HSIV-3586	06/12/2020	2	121	Nguyễn Thị	Hằng	15/04/1995	BVĐK Phúc Thọ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
796	HSIV-3587	06/12/2020	2	121	Đào Thị	Hằng	16/06/1989	TTYT Ba Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
797	HSIV-3588	06/12/2020	2	121	Vương Thị Thu	Hằng	24/11/1994	TTYT Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
798	HSIV-3589	06/12/2020	2	121	Chu Thanh	Hằng	15/10/1995	TTYT Ứng Hòa	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
799	HSIV-3590	06/12/2020	3	121	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	01/02/1985	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
800	HSIV-3591	06/12/2020	3	121	Trần Thị Thanh	Hảo	13/07/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
801	HSIV-3592	06/12/2020	3	121	Nguyễn Thị	Hậu	02/09/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
802	HSIV-3593	06/12/2020	3	121	Phùng Thị	Hậu	03/06/1993	TTYT Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
803	HSIV-3594	06/12/2020	3	121	Đỗ Thị	Hiên	03/04/1987	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
804	HSIV-3595	06/12/2020	3	121	Nguyễn Thị Thu	Hiền	06/12/1996	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
805	HSIV-3596	06/12/2020	3	121	Nguyễn Thị Thu	Hiền	29/05/1987	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
806	HSIV-3597	06/12/2020	3	121	Nguyễn Thị	Hiền	23/10/1994	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
807	HSIV-3598	06/12/2020	4	121	Nguyễn Thị	Hiền	22/08/1994	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
808	HSIV-3599	06/12/2020	4	121	Nguyễn Thị Thu	Hiền	25/09/1996	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
809	HSIV-3600	06/12/2020	4	121	Bá Thị	Hiền	07/10/1996	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
810	HSIV-3601	06/12/2020	4	121	Nguyễn Quỳnh	Hoa	15/11/1995	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
811	HSIV-3602	06/12/2020	4	121	Nguyễn Thị	Hoa	08/11/1989	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
812	HSIV-3603	06/12/2020	4	121	Ngô Thị	Hoa	25/10/1996	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
813	HSIV-3604	06/12/2020	4	121	Nguyễn Thị	Hoa	09/08/1991	TTYT Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
814	HSIV-3605	06/12/2020	1	122	Phan Thị	Hoàn	11/07/1994	TTYT Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
815	HSIV-3606	06/12/2020	1	122	Vũ Thị Nụ	Hòe	04/12/1986	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
816	HSIV-3607	06/12/2020	1	122	Nguyễn Thúy	Hồng	12/12/1998	BVĐK Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
817	HSIV-3608	06/12/2020	1	122	Phạm Thị	Hồng	08/09/1992	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
818	HSIV-3609	06/12/2020	1	122	Đỗ Thị	Huệ	26/12/1996	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
819	HSIV-3610	06/12/2020	1	122	Chử Thị Thanh	Huệ	25/02/1988	TTYT Thanh Trì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
820	HSIV-3611	06/12/2020	1	122	Cao Thị	Hương	05/09/1998	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
821	HSIV-3612	06/12/2020	1	122	Nguyễn Mai	Hương	30/08/1996	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
822	HSIV-3613	06/12/2020	2	122	Nguyễn Thị Mai	Hương	10/10/1994	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
823	HSIV-3614	06/12/2020	2	122	Tạ Thị Lan	Hương	05/08/1998	BVĐK Phúc Thọ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
824	HSIV-3615	06/12/2020	2	122	Nguyễn Thị Lan	Hương	20/07/1991	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
825	HSIV-3616	06/12/2020	2	122	Trần Thị Thu	Hương	24/07/1993	BVĐK Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
826	HSIV-3617	06/12/2020	2	122	Nguyễn Thị	Hương	23/10/1994	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
827	HSIV-3618	06/12/2020	2	122	Tào Thị	Hường	15/08/1992	BVĐK Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
828	HSIV-3619	06/12/2020	2	122	Kiều Thị	Hường	03/03/1995	TTYT Hoàn Kiếm	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
829	HSIV-3620	06/12/2020	3	122	Nguyễn Thị	Hường	05/07/1990	TTYT Thanh Trì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
830	HSIV-3621	06/12/2020	3	122	Đặng Thúy	Huyền	21/01/1992	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
831	HSIV-3622	06/12/2020	3	122	Nguyễn Thanh	Huyền	04/01/1996	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
832	HSIV-3623	06/12/2020	3	122	Cấn Thị	Huyền	02/03/1997	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
833	HSIV-3624	06/12/2020	3	122	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	17/07/1996	BVĐK Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
834	HSIV-3625	06/12/2020	3	122	Cù Thanh	Huyền	13/02/1996	TTYT Hoàn Kiếm	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh	CTB	
835	HSIV-3626	06/12/2020	3	122	Nguyễn Thị Thu	Huyền	03/07/1997	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
836	HSIV-3627	06/12/2020	3	122	Bùi Thị	Huyền	15/08/1994	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
837	HSIV-3628	06/12/2020	4	122	Nguyễn Thị	Huyền	24/03/1992	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
838	HSIV-3629	06/12/2020	4	122	Trung Thị	Huyền	10/06/1996	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
839	HSIV-3630	06/12/2020	4	122	Lê Thị	Khuyên	06/09/1994	TTYT Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
840	HSIV-3631	06/12/2020	4	122	Nguyễn Thị	Khuyến	12/10/1989	TTYT Mỹ Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
841	HSIV-3632	06/12/2020	4	122	Nguyễn Thị Chung	Kiên	14/03/1987	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
842	HSIV-3633	06/12/2020	4	122	Nguyễn Thị	Lan	04/10/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
843	HSIV-3634	06/12/2020	4	122	Nguyễn Thị	Lan	14/05/1986	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
844	HSIV-3635	06/12/2020	1	123	Nguyễn Thị	Lan	01/11/1992	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
845	HSIV-3636	06/12/2020	1	123	Nguyễn Hồng	Lê	02/11/1994	TTYT Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
846	HSIV-3637	06/12/2020	1	123	Phùng Thị	Liên	02/11/1996	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
847	HSIV-3638	06/12/2020	1	123	Nguyễn Thị	Liễu	27/01/1993	TTYT Tây Hồ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
848	HSIV-3639	06/12/2020	1	123	Trần Thị	Liễu	26/02/1990	TTYT Sóc Sơn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
849	HSIV-3640	06/12/2020	1	123	Nguyễn Thị Nhật	Linh	15/10/1995	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
850	HSIV-3641	06/12/2020	1	123	Hoàng Hạnh	Linh	02/03/1993	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
851	HSIV-3642	06/12/2020	1	123	Bùi Thị	Linh	28/11/1996	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
852	HSIV-3643	06/12/2020	2	123	Lưu Ly	Linh	07/12/1992	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
853	HSIV-3644	06/12/2020	2	123	Tống Khánh	Linh	04/07/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
854	HSIV-3645	06/12/2020	2	123	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/05/1989	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
855	HSIV-3646	06/12/2020	2	123	Khương Thị Thùy	Linh	18/02/1996	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
856	HSIV-3647	06/12/2020	2	123	Nghiêm Thị Diệu	Linh	01/8/1994	TTYT Ứng Hòa	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
857	HSIV-3648	06/12/2020	2	123	Phạm Thị	Long	01/11/1996	TTYT Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
858	HSIV-3649	06/12/2020	2	123	Chu Thị	Luyến	17/06/1987	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
859	HSIV-3650	06/12/2020	3	123	Lê Thị	Luyến	23/10/1989	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
860	HSIV-3651	06/12/2020	3	123	Doãn Thị	Lý	26/12/1988	TTYT Hoàn Kiếm	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
861	HSIV-3652	06/12/2020	3	123	Trần Thị Xuân	Mai	14/10/1996	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
862	HSIV-3653	06/12/2020	3	123	Dương Ngọc	Mai	16/02/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
863	HSIV-3654	06/12/2020	3	123	Nguyễn Thị	Mai	02/10/1993	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
864	HSIV-3655	06/12/2020	3	123	Tạ Thị Ngọc	Mai	05/09/1996	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
865	HSIV-3656	06/12/2020	3	123	Nguyễn Thị	Mai	07/12/1990	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
866	HSIV-3657	06/12/2020	3	123	Nguyễn Thị	Mùi	24/02/1993	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
867	HSIV-3658	06/12/2020	4	123	Bùi Trà	My	22/11/1998	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	**CTB**	
868	HSIV-3659	06/12/2020	4	123	Lê Thị	Nga	28/12/1992	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
869	HSIV-3660	06/12/2020	4	123	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/07/1984	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
870	HSIV-3661	06/12/2020	4	123	Nguyễn Thị Thu	Ngân	10/03/1991	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
871	HSIV-3662	06/12/2020	4	123	Đinh Thị Thu	Ngân	12/01/1994	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
872	HSIV-3663	06/12/2020	4	123	Đoàn Thị	Ngân	30/10/1992	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
873	HSIV-3664	06/12/2020	4	123	Nguyễn Thị Kim	Ngân	07/01/1998	BVĐK Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	**CBB**	
874	HSIV-3665	06/12/2020	1	124	Nguyễn Thị	Ngát	14/08/1996	TTYT Sóc Sơn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
875	HSIV-3666	06/12/2020	1	124	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	28/01/1997	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
876	HSIV-3667	06/12/2020	1	124	Vũ Thị Hồng	Ngọc	29/04/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
877	HSIV-3668	06/12/2020	1	124	Nguyễn Hồng	Ngọc	19/06/1993	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
878	HSIV-3669	06/12/2020	1	124	Nguyễn Thị	Ngọc	15/10/1987	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
879	HSIV-3670	06/12/2020	1	124	Khiếu Thị Như	Ngọc	26/10/1994	TTYT Thanh Xuân	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
880	HSIV-3671	06/12/2020	1	124	Đặng Thị Minh	Nguyệt	10/03/1987	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
881	HSIV-3672	06/12/2020	1	124	Lê Thanh	Nhã	19/05/1992	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
882	HSIV-3673	06/12/2020	2	124	Nguyễn Thị	Nhàn	13/03/1995	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
883	HSIV-3674	06/12/2020	2	124	Phạm Thị	Nhân	03/09/1991	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
884	HSIV-3675	06/12/2020	2	124	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	09/11/1992	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
885	HSIV-3676	06/12/2020	2	124	Dương Thị	Nhung	30/01/1997	BVĐK Mỹ Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
886	HSIV-3677	06/12/2020	2	124	Nguyễn Thị	Nhung	01/11/1996	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
887	HSIV-3678	06/12/2020	2	124	Phạm Thị Lâm	Oanh	12/08/1995	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
888	HSIV-3679	06/12/2020	2	124	Phạm Thị Kiều	Oanh	04/09/1995	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
889	HSIV-3680	06/12/2020	3	124	Đỗ Thị Phương	Oanh	05/02/1993	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
890	HSIV-3681	06/12/2020	3	124	Nguyễn Thị Kim	Oanh	02/01/1993	TTYT Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
891	HSIV-3682	06/12/2020	3	124	Xuân Thị Nguyệt	Oanh	30/01/1994	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
892	HSIV-3683	06/12/2020	3	124	Đinh Thị	Phương	08/08/1997	BVĐK Vân Đình	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
893	HSIV-3684	06/12/2020	3	124	Bùi Thị	Phương	05/05/1996	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
894	HSIV-3685	06/12/2020	3	124	Phạm Thị	Phương	18/05/1992	BVĐK Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
895	HSIV-3686	06/12/2020	3	124	Vũ Thị Minh	Phương	24/06/1997	BVĐK Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
896	HSIV-3687	06/12/2020	3	124	Nguyễn Thị	Phương	17/07/1989	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
897	HSIV-3688	06/12/2020	4	124	Nguyễn Minh	Phượng	26/10/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
898	HSIV-3689	06/12/2020	4	124	Cao Thị	Phượng	25/11/1993	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
899	HSIV-3690	06/12/2020	4	124	Ngô Thị Hồng	Phượng	13/06/1988	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
900	HSIV-3691	06/12/2020	4	124	Phạm Thị	Phượng	28/02/1991	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
901	HSIV-3692	06/12/2020	4	124	Đỗ Thị	Phượng	18/11/1998	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
902	HSIV-3693	06/12/2020	4	124	Đặng Thị	Quyên	09/04/1992	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
903	HSIV-3694	06/12/2020	4	124	Lê Thị	Quỳnh	23/10/1990	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
904	HSIV-3695	06/12/2020	1	125	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	24/09/1995	TTYT Long Biên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
905	HSIV-3696	06/12/2020	1	125	Vũ Thị	Quỳnh	29/01/1990	TTYT Thanh Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
906	HSIV-3697	06/12/2020	1	125	Phạm Thị	Sao	22/08/1988	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
907	HSIV-3698	06/12/2020	1	125	Nguyễn Thị	Thắm	08/01/1993	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
908	HSIV-3699	06/12/2020	1	125	Phạm Hồng	Thanh	28/10/1997	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
909	HSIV-3700	06/12/2020	1	125	Nguyễn Thị	Thanh	12/09/1993	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
910	HSIV-3701	06/12/2020	1	125	Vũ Thị	Thanh	17/02/1994	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
911	HSIV-3702	06/12/2020	1	125	Nguyễn Thị	Thanh	04/11/1989	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
912	HSIV-3703	06/12/2020	2	125	Hoàng Thị Thu	Thảo	08/05/1993	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
913	HSIV-3704	06/12/2020	2	125	Đặng Thị	Thảo	27/08/1996	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
914	HSIV-3705	06/12/2020	2	125	Lê Thị	Thảo	18/08/1986	TTYT thị xã Sơn Tây	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
915	HSIV-3706	06/12/2020	2	125	Hoàng Minh	Thoa	03/11/1994	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
916	HSIV-3707	06/12/2020	2	125	Trần Thị	Thoa	15/11/1994	TTYT Ba Vì	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
917	HSIV-3708	06/12/2020	2	125	Đặng Thị Hà	Thu	20/12/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
918	HSIV-3709	06/12/2020	2	125	Bùi Thị Kiều	Thu	30/04/1997	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
919	HSIV-3710	06/12/2020	3	125	Nguyễn Thị	Thu	11/02/1992	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
920	HSIV-3711	06/12/2020	3	125	Nguyễn Thị	Thu	29/08/1987	BVĐK Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
921	HSIV-3712	06/12/2020	3	125	Bùi Thị	Thu	07/09/1998	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
922	HSIV-3713	06/12/2020	3	125	Trần Lệ	Thu	23/08/1998	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
923	HSIV-3714	06/12/2020	3	125	Ngô Hoài	Thu	27/04/1995	TTYT Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
924	HSIV-3715	06/12/2020	3	125	Đào Thị Hà	Thư	07/02/1994	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
925	HSIV-3716	06/12/2020	3	125	Nguyễn Anh	Thư	18/05/1993	BVĐK Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
926	HSIV-3717	06/12/2020	4	125	Nguyễn Thị	Thuận	02/06/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
927	HSIV-3718	06/12/2020	4	125	Dương Hoài	Thương	10/06/1995	BV Thanh Nhàn	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
928	HSIV-3719	06/12/2020	4	125	Trần Thị Phương	Thúy	08/09/1985	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
929	HSIV-3720	06/12/2020	4	125	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	07/10/1998	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
930	HSIV-3721	06/12/2020	4	125	Lâm Thị Thanh	Thúy	15/10/1997	BVĐK Thường Tín	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
931	HSIV-3722	06/12/2020	4	125	Nguyễn Thanh	Thúy	09/10/1990	BVĐK Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
932	HSIV-3723	06/12/2020	4	125	Đặng Thị	Thủy	24/9/1991	TTYT Thanh Xuân	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
933	HSIV-3724	06/12/2020	1	126	Phạm Thị	Thủy	03/02/1996	TTYT Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
934	HSIV-3725	06/12/2020	1	126	Nguyễn Thị	Thủy	21/06/1988	TTYT Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
935	HSIV-3726	06/12/2020	1	126	Trịnh Thị	Thủy	25/11/1994	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
936	HSIV-3727	06/12/2020	1	126	Nguyễn Thị Thu	Thủy	12/11/1986	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
937	HSIV-3728	06/12/2020	1	126	Nguyễn Thị	Thủy	07/10/1988	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
938	HSIV-3729	06/12/2020	1	126	Nguyễn Thu	Thủy	19/06/1995	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
939	HSIV-3730	06/12/2020	1	126	Đoàn Thị	Tình	02/05/1990	BVĐK Mỹ Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh	CTB	
940	HSIV-3731	06/12/2020	1	126	Vũ Thị	Toản	02/03/1994	TTYT Phú Xuyên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
941	HSIV-3732	06/12/2020	2	126	Vương Thị Minh	Trang	20/09/1995	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
942	HSIV-3733	06/12/2020	2	126	Vũ Huyền	Trang	14/12/1993	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
943	HSIV-3734	06/12/2020	2	126	Trần Thu	Trang	17/03/1991	BVĐK Đức Giang	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
944	HSIV-3735	06/12/2020	2	126	Nguyễn Thị	Trang	29/01/1996	BVĐK Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
945	HSIV-3736	06/12/2020	2	126	Đoàn Thị Thùy	Trang	19/10/1998	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
946	HSIV-3737	06/12/2020	2	126	Lê Thị	Trang	19/5/1995	TTYT Thanh Xuân	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
947	HSIV-3738	06/12/2020	2	126	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/08/1985	TTYT Long Biên	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
948	HSIV-3739	06/12/2020	3	126	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	03/03/1994	TTYT Thạch Thất	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
949	HSIV-3740	06/12/2020	3	126	Cấn Thị Huyền	Trang	27/08/1995	TTYT Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
950	HSIV-3741	06/12/2020	3	126	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/11/1996	TTYT Quốc Oai	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
951	HSIV-3742	06/12/2020	3	126	Cấn Thị Thu	Trang	15/04/1992	TTYT Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
952	HSIV-3743	06/12/2020	3	126	Phan Thị Huyền	Trang	03/09/1997	TTYT Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
953	HSIV-3744	06/12/2020	3	126	Nguyễn Thị	Tứ	11/08/1984	BV Phụ Sản Hà Nội	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
954	HSIV-3745	06/12/2020	3	126	Nguyễn Thị Minh	Tuyến	08/10/1993	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
955	HSIV-3746	06/12/2020	4	126	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	12/02/1994	TTYT Đông Anh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
956	HSIV-3747	06/12/2020	4	126	Nguyễn Lê Tú	Uyên	01/12/1991	BVĐK Hà Đông	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
957	HSIV-3748	06/12/2020	4	126	Trần Thị Hạ	Vân	12/06/1997	BVĐK Đan Phượng	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
958	HSIV-3749	06/12/2020	4	126	Trịnh Thị	Vân	25/09/1995	BVĐK Chương Mỹ	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
959	HSIV-3750	06/12/2020	4	126	Nguyễn Thị Hồng	Vân	13/05/1984	BVĐK Mê Linh	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
960	HSIV-3751	06/12/2020	4	126	Vương Thị	Vui	30/06/1994	TTYT Gia Lâm	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	CĐ	Hộ sinh		
961	HSIV-3752	06/12/2020	4	126	Chu Thị	Yến	28/11/1995	TTYT Hoài Đức	Hộ sinh hạng IV	**Hộ sinh**	TC	Hộ sinh		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ THUẬT Y HẠNG III - V.08.07.18													
962	KTYIII-3753	06/12/2020	1	127	Nguyễn Hùng	Anh	26/12/1995	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
963	KTYIII-3754	06/12/2020	1	127	Nguyễn Thị Mai	Anh	08/04/1994	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm		
964	KTYIII-3755	06/12/2020	1	127	Trần Tuấn	Anh	16/10/1993	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng		
965	KTYIII-3756	06/12/2020	1	127	Vũ Thị	Bắc	03/03/1979	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Sinh học**	ĐH	Sinh học (thạc sỹ vi sinh y học)		
966	KTYIII-3757	06/12/2020	1	127	Nguyễn Văn	Cam	10/01/1986	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng		
967	KTYIII-3758	06/12/2020	1	127	Vũ Thị	Châm	29/03/1993	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm y học		
968	KTYIII-3759	06/12/2020	1	127	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	15/03/1996	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
969	KTYIII-3760	06/12/2020	2	127	Nguy Thị	Điệp	19/02/1987	BV Thận HN	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật y học**	Ths	Kỹ thuật y học (thạc sỹ y học chức năng)		
970	KTYIII-3761	06/12/2020	2	127	Trần Thị	Dinh	06/02/1994	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm		
971	KTYIII-3762	06/12/2020	2	127	Phạm Văn	Đức	10/08/1992	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng	CBB	
972	KTYIII-3763	06/12/2020	2	127	Lê Thị	Dung	15/06/1991	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
973	KTYIII-3764	06/12/2020	2	127	Vũ Phương	Dung	18/6/1995	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu**	ĐH	Vật lý trị liệu/ phục hồi chức năng		
974	KTYIII-3765	06/12/2020	2	127	Giang Văn	Dũng	18/05/1992	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	ĐH	Kỹ thuật hình ảnh y học		
975	KTYIII-3766	06/12/2020	3	127	Nguyễn Tiến	Dũng	11/12/1994	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
976	KTYIII-3767	06/12/2020	3	127	Nguyễn Văn	Dương	18/11/1991	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng		
977	KTYIII-3768	06/12/2020	3	127	Nguyễn Thị Hà	Giang	05/12/1993	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm		
978	KTYIII-3769	06/12/2020	3	127	Lê Thị Thu	Hà	27/07/1996	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
979	KTYIII-3770	06/12/2020	3	127	Nguyễn Thị Thu	Hà	22/01/1996	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm Y học**	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
980	KTYIII-3771	06/12/2020	4	127	Nguyễn Thị	Hà	20/09/1992	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm Y học**	ĐH	Xét nghiệm		
981	KTYIII-3772	06/12/2020	4	127	Nguyễn Văn	Hải	26/06/1997	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng		
982	KTYIII-3773	06/12/2020	4	127	Trần Thị	Hằng	22/09/1996	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
983	KTYIII-3774	06/12/2020	4	127	Nguyễn Thị	Hằng	10/09/1991	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
984	KTYIII-3775	06/12/2020	4	127	Nguyễn Thị	Hằng	10/10/1996	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm		
985	KTYIII-3776	06/12/2020	1	128	Đỗ Thị	Hằng	04/09/1990	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu**	ĐH	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu		
986	KTYIII-3777	06/12/2020	1	128	Đỗ Thị Hồng	Hạnh	15/09/1997	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
987	KTYIII-3778	06/12/2020	1	128	Lê Thị	Hoa	26/08/1990	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm y học		
988	KTYIII-3779	06/12/2020	1	128	Nguyễn Đức	Hồng	20/12/1990	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	ĐH	Kỹ thuật hình ảnh y học		
989	KTYIII-3780	06/12/2020	1	128	Nguyễn Thị Mai	Hương	25/07/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
990	KTYIII-3781	06/12/2020	1	128	Dương Thị Thu	Hương	16/04/1994	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
991	KTYIII-3782	06/12/2020	1	128	Phạm Thị	Hương	01/08/1990	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm y học		
992	KTYIII-3783	06/12/2020	2	128	Nguyễn Thị	Hường	29/01/1994	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm		
993	KTYIII-3784	06/12/2020	2	128	Hà Minh	Khải	02/09/1984	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật y học		
994	KTYIII-3785	06/12/2020	2	128	Ngô Tuấn	Khanh	22/12/1981	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
995	KTYIII-3786	06/12/2020	2	128	Khổng Thị Thúy	Kiều	01/10/1995	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm		
996	KTYIII-3787	06/12/2020	2	128	Phạm Thế	Linh	20/12/1993	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng		
997	KTYIII-3788	06/12/2020	2	128	Trịnh Thị Diệu	Linh	12/11/1996	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm đa khoa		
998	KTYIII-3789	06/12/2020	3	128	Nguyễn Tiến	Long	31/10/1993	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm		
999	KTYIII-3790	06/12/2020	3	128	Trịnh Văn	Long	13/10/1994	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
1000	KTYIII-3791	06/12/2020	3	128	Nguyễn Tiến	Lượng	10/11/1995	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1001	KTYIII-3792	06/12/2020	3	128	Nguyễn Thị	Luyến	01/01/1996	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm Y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1002	KTYIII-3793	06/12/2020	3	128	Dương Thị	Lý	05/05/1996	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1003	KTYIII-3794	06/12/2020	4	128	Đinh Thị	Mai	30/09/1996	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm		
1004	KTYIII-3795	06/12/2020	4	128	Nguyễn Thị	Mùi	14/10/1991	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Kỹ thuật y học		
1005	KTYIII-3796	06/12/2020	4	128	Bùi Thị	Nga	15/10/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1006	KTYIII-3797	06/12/2020	4	128	Dương Thu	Nga	22/09/1991	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng		
1007	KTYIII-3798	06/12/2020	4	128	Đỗ Bích	Ngọc	14/02/1996	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm		
1008	KTYIII-3799	06/12/2020	1	129	Phạm Thị	Nhài	01/10/1994	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1009	KTYIII-3800	06/12/2020	1	129	Phan Thị	Nhàn	20/09/1992	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm		
1010	KTYIII-3801	06/12/2020	1	129	Trần Thị Diệu	Ninh	25/10/1993	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1011	KTYIII-3802	06/12/2020	1	129	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	29/05/1996	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm Y học**	ĐH	Xét nghiệm Y học		
1012	KTYIII-3803	06/12/2020	1	129	Trần Thị Lan	Phương	16/03/1991	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng		
1013	KTYIII-3804	06/12/2020	1	129	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	15/09/1995	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm Y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1014	KTYIII-3805	06/12/2020	2	129	Cù Thanh	Tâm	12/05/1996	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1015	KTYIII-3806	06/12/2020	2	129	Nguyễn Quyết	Thắng	01/12/1995	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng		
1016	KTYIII-3807	06/12/2020	2	129	Đỗ Thị	Thu	12/12/1991	TTYT Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1017	KTYIII-3808	06/12/2020	2	129	Nguyễn Thị	Thức	27/04/1986	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1018	KTYIII-3809	06/12/2020	2	129	Nguyễn Thị	Thúy	23/03/1991	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1019	KTYIII-3810	06/12/2020	2	129	Trần Thị	Thùy	06/11/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1020	KTYIII-3811	06/12/2020	3	129	Nguyễn Thị	Thùy	12/12/1990	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1021	KTYIII-3812	06/12/2020	3	129	Phan Thị Thu	Thùy	06/05/1991	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật y học		
1022	KTYIII-3813	06/12/2020	3	129	Vũ Thị Thùy	Trang	19/05/1992	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Kỹ thuật y học		
1023	KTYIII-3814	06/12/2020	3	129	Trần Thu	Trang	19/08/1993	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm		
1024	KTYIII-3815	06/12/2020	3	129	Phạm Đình	Văn	11/02/1997	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm		
1025	KTYIII-3816	06/12/2020	4	129	Tống Duy	Văn	09/03/1988	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu**	ĐH	Kỹ thuật viên vật lý trị liệu		
1026	KTYIII-3817	06/12/2020	4	129	Nguyễn Đình Minh	Vương	14/09/1995	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1027	KTYIII-3818	06/12/2020	4	129	Hoàng Thị	Yến	12/09/1997	BV Mắt Hà Đông	Kỹ thuật y hạng III	**Khúc xạ nhãn khoa**	ĐH	Khúc xạ nhãn khoa		
1028	KTYIII-3819	06/12/2020	4	129	Nguyễn Hải	Yến	08/01/1992	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng III	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1029	KTYIII-3820	06/12/2020	4	129	Hoàng Hải	Yến	15/10/1996	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng III	**Xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm đa khoa		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ THUẬT Y HẠNG IV - V.08.07.19													
1030	KTYIV-3821	06/12/2020	1	130	Đào Văn	An	08/03/1992	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1031	KTYIV-3822	06/12/2020	1	130	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	15/12/1996	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1032	KTYIV-3823	06/12/2020	1	130	Nguyễn Thị Vân	Anh	10/08/1996	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1033	KTYIV-3824	06/12/2020	1	130	Nguyễn Quỳnh	Anh	30/04/1991	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1034	KTYIV-3825	06/12/2020	1	130	Lưu Thị Lan	Anh	08/04/1997	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1035	KTYIV-3826	06/12/2020	1	130	Nguyễn Thị Vân	Anh	07/05/1994	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1036	KTYIV-3827	06/12/2020	1	130	Lương Tuấn	Anh	21/12/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1037	KTYIV-3828	06/12/2020	1	130	Trần Thị Vân	Anh	07/11/1989	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1038	KTYIV-3829	06/12/2020	2	130	Nguyễn Ngọc	Anh	23/04/1998	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1039	KTYIV-3830	06/12/2020	2	130	Nguyễn Đức	Anh	28/11/1994	BVTT Mỹ Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Xét nghiệm y học		
1040	KTYIV-3831	06/12/2020	2	130	Đỗ Minh	Anh	12/01/1994	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm		
1041	KTYIV-3832	06/12/2020	2	130	Lê Quang	Anh	02/01/1995	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1042	KTYIV-3833	06/12/2020	2	130	Lê Mai	Anh	13/9/1997	BV YHCT Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1043	KTYIV-3834	06/12/2020	2	130	Đào Thị Kim	Anh	01/12/1998	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
1044	KTYIV-3835	06/12/2020	2	130	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/1992	TTYT Hai Bà Trưng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật xét nghiệm		
1045	KTYIV-3836	06/12/2020	3	130	Nguyễn Tiểu	Anh	17/9/1996	TTYT Cầu Giấy	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	DTTS	
1046	KTYIV-3837	06/12/2020	3	130	Nguyễn Tuấn	Anh	25/11/1993	TTYT Tây Hồ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học dự phòng**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học dự phòng		
1047	KTYIV-3838	06/12/2020	3	130	Đặng Thị Ngọc	Anh	01/11/1995	TTYT Mỹ Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1048	KTYIV-3839	06/12/2020	3	130	Trần Thị Ngọc	Ánh	29/10/1994	BV Mắt Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1049	KTYIV-3840	06/12/2020	3	130	Trần Thị Minh	Ánh	28/08/1998	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1050	KTYIV-3841	06/12/2020	3	130	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	14/10/1998	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1051	KTYIV-3842	06/12/2020	3	130	Nguyễn Thị	Bình	03/10/1989	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Vật lý trị liệu/phục hồi chức năng		
1052	KTYIV-3843	06/12/2020	4	130	Lê Quốc	Chí	19/08/1994	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1053	KTYIV-3844	06/12/2020	4	130	Trần Anh	Chiến	23/09/1989	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học		
1054	KTYIV-3845	06/12/2020	4	130	Nguyễn Văn	Chiến	27/07/1997	TTYT Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm Y học		
1055	KTYIV-3846	06/12/2020	4	130	Khuất Thị Anh	Chinh	18/01/1993	BVĐK Sơn Tây	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1056	KTYIV-3847	06/12/2020	4	130	Nguyễn Văn	Chung	05/11/1998	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1057	KTYIV-3848	06/12/2020	4	130	Trần Thị	Chuyên	14/10/1995	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Phục hồi chức năng		
1058	KTYIV-3849	06/12/2020	4	130	Nguyễn Thành	Công	29/10/1995	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Vật lý trị liệu - phục hồi chức năng		
1059	KTYIV-3850	06/12/2020	1	131	Hoàng Kim	Cương	11/03/1989	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	**CTB**	
1060	KTYIV-3851	06/12/2020	1	131	Nguyễn Mạnh	Cường	04/07/1994	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng**	CĐ	Phục hồi chức năng		
1061	KTYIV-3852	06/12/2020	1	131	Nguyễn Đức	Cường	19/11/1994	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1062	KTYIV-3853	06/12/2020	1	131	Phạm Văn	Đàn	19/07/1994	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1063	KTYIV-3854	06/12/2020	1	131	Đỗ Thị Ngọc	Diệp	17/06/1994	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1064	KTYIV-3855	06/12/2020	1	131	Chu Thị	Doan	25/06/1992	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1065	KTYIV-3856	06/12/2020	1	131	Đỗ Hồng	Đoàn	23/11/1992	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1066	KTYIV-3857	06/12/2020	1	131	Nguyễn Duy	Đoàn	19/02/1989	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1067	KTYIV-3858	06/12/2020	2	131	Nguyễn Văn	Đông	11/08/1993	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1068	KTYIV-3859	06/12/2020	2	131	Nguyễn Văn	Đông	23/10/1994	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1069	KTYIV-3860	06/12/2020	2	131	Nguyễn Đức	Đông	17/07/1994	TTYT Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1070	KTYIV-3861	06/12/2020	2	131	Lâm Quang	Đức	24/04/1986	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1071	KTYIV-3862	06/12/2020	2	131	Nguyễn Anh	Đức	20/12/1996	BV Tâm thần HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1072	KTYIV-3863	06/12/2020	2	131	Trần Minh	Đức	28/06/1997	TTYT Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học	**CTB**	
1073	KTYIV-3864	06/12/2020	2	131	Nguyễn Thị Thùy	Dung	09/09/1995	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1074	KTYIV-3865	06/12/2020	3	131	Vũ Thị Lê	Dung	28/03/1994	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học		
1075	KTYIV-3866	06/12/2020	3	131	Đỗ Tiến	Dũng	09/04/1994	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1076	KTYIV-3867	06/12/2020	3	131	Nguyễn Văn	Dũng	04/06/1993	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1077	KTYIV-3868	06/12/2020	3	131	Nguyễn Viết	Dương	27/11/1999	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	TC	Vật lý trị liệu và phục hồi chức năng		
1078	KTYIV-3869	06/12/2020	3	131	Nguyễn Chí	Dương	14/12/1994	TTYT Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm đa khoa**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa		
1079	KTYIV-3870	06/12/2020	3	131	Bùi Văn	Duy	04/12/1991	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1080	KTYIV-3871	06/12/2020	3	131	Nguyễn Thị Lệ	Duyên	14/04/1996	TTYT Quốc Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Xét nghiệm		
1081	KTYIV-3872	06/12/2020	4	131	Quản Trường	Gia	03/04/1993	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1082	KTYIV-3873	06/12/2020	4	131	Nguyễn Thị	Giang	27/06/1990	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1083	KTYIV-3874	06/12/2020	4	131	Đặng Đình	Giang	12/11/1987	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Xét nghiệm		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1084	KTYIV-3875	06/12/2020	4	131	Đoàn Thị Hồng	Hà	17/08/1997	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Xét nghiệm y học		
1085	KTYIV-3876	06/12/2020	4	131	Ngô Thu	Hà	20/12/1993	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1086	KTYIV-3877	06/12/2020	4	131	Lại Hải	Hà	12/11/1992	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1087	KTYIV-3878	06/12/2020	4	131	Bùi Lương	Hà	08/07/1996	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1088	KTYIV-3879	06/12/2020	1	132	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/03/1982	BV 09	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	CTB	
1089	KTYIV-3880	06/12/2020	1	132	Đỗ Hằng	Hà	19/11/1996	TTYT Bắc Từ Liêm	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật Xét nghiệm y học		
1090	KTYIV-3881	06/12/2020	1	132	Đoàn Sơn	Hải	11/10/1993	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1091	KTYIV-3882	06/12/2020	1	132	Nguyễn Văn	Hải	05/10/1990	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1092	KTYIV-3883	06/12/2020	1	132	Nguyễn Duy	Hải	30/10/1994	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1093	KTYIV-3884	06/12/2020	1	132	Trần Văn	Hải	04/10/1995	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học		
1094	KTYIV-3885	06/12/2020	1	132	Đỗ Thu	Hằng	19/09/1996	BVĐK Quốc Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1095	KTYIV-3886	06/12/2020	2	132	Nguyễn Thị Thu	Hằng	02/01/1990	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm		
1096	KTYIV-3887	06/12/2020	2	132	Nguyễn Thị Thu	Hằng	30/6/1994	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1097	KTYIV-3888	06/12/2020	2	132	Nguyễn Thị	Hằng	06/11/1997	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1098	KTYIV-3889	06/12/2020	2	132	Phạm Thúy	Hằng	05/09/1996	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Xét nghiệm y học		
1099	KTYIV-3890	06/12/2020	2	132	Vũ Thị Bích	Hạnh	22/11/1996	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1100	KTYIV-3891	06/12/2020	2	132	Hoàng Thu	Hạnh	16/05/1997	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
1101	KTYIV-3892	06/12/2020	2	132	Đào Thúy	Hạnh	03/06/1995	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1102	KTYIV-3893	06/12/2020	3	132	Đỗ Thị	Hạnh	26/04/1997	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1103	KTYIV-3894	06/12/2020	3	132	Hà Quang	Hào	07/08/1995	TTYT Thanh Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1104	KTYIV-3895	06/12/2020	3	132	Đặng Thị	Hậu	18/11/1991	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1105	KTYIV-3896	06/12/2020	3	132	Nguyễn Ngọc	Hiến	08/05/1987	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1106	KTYIV-3897	06/12/2020	3	132	Trương Thị	Hiền	26/12/1991	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1107	KTYIV-3898	06/12/2020	3	132	Lê Ngọc	Hiển	08/03/1983	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1108	KTYIV-3899	06/12/2020	3	132	Nguyễn Mạnh	Hiệp	08/06/1998	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1109	KTYIV-3900	06/12/2020	4	132	Hà Huy	Hiếu	12/03/1981	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng**	CĐ	Vật lý trị liệu, Phục hồi chức năng		
1110	KTYIV-3901	06/12/2020	4	132	Nguyễn Đức	Hiếu	18/05/1989	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1111	KTYIV-3902	06/12/2020	4	132	Nguyễn Trung	Hiếu	09/11/1995	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1112	KTYIV-3903	06/12/2020	4	132	Bùi Văn	Hiếu	16/12/1990	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên phục hồi chức năng**	CĐ	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng		
1113	KTYIV-3904	06/12/2020	4	132	Nguyễn Duy	Hiếu	08/10/1994	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học		
1114	KTYIV-3905	06/12/2020	4	132	Nguyễn Huy	Hòa	14/06/1996	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1115	KTYIV-3906	06/12/2020	4	132	Nghiêm Khắc	Hoàng	06/07/1990	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1116	KTYIV-3907	06/12/2020	1	133	Nguyễn Minh	Hoàng	13/11/1992	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1117	KTYIV-3908	06/12/2020	1	133	Ngô Mạnh	Hùng	17/05/1994	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Phục hồi chức năng		
1118	KTYIV-3909	06/12/2020	1	133	Đỗ Việt	Hưng	08/09/1993	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1119	KTYIV-3910	06/12/2020	1	133	Nguyễn Thanh	Hưng	01/11/1992	TTYT Hoàn Kiếm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1120	KTYIV-3911	06/12/2020	1	133	Vũ Lan	Hương	23/10/1998	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm		
1121	KTYIV-3912	06/12/2020	1	133	Nguyễn Thị Mai	Hương	15/07/1995	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1122	KTYIV-3913	06/12/2020	1	133	Đỗ Mai	Hương	22/05/1995	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1123	KTYIV-3914	06/12/2020	2	133	Nguyễn Thị	Hương	11/03/1994	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1124	KTYIV-3915	06/12/2020	2	133	Vũ Thị Lan	Hương	07/04/1994	BVĐK Thanh Trì	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm Y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1125	KTYIV-3916	06/12/2020	2	133	Nguyễn Lan	Hương	25/02/1988	TTYT Hoàn Kiếm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	ĐH	Xét nghiệm y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1126	KTYIV-3917	06/12/2020	2	133	Nguyễn Thu	Hương	14/12/1990	TTYT Hoàng Mai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật xét nghiệm		
1127	KTYIV-3918	06/12/2020	2	133	Đỗ Thị Thu	Hương	07/02/1992	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1128	KTYIV-3919	06/12/2020	2	133	Trần Thị	Hường	10/09/1996	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1129	KTYIV-3920	06/12/2020	2	133	Nguyễn Thị Thu	Hường	13/03/1992	TTYT Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1130	KTYIV-3921	06/12/2020	3	133	Nguyễn Khắc	Huy	06/11/1993	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1131	KTYIV-3922	06/12/2020	3	133	Nguyễn Quốc	Huy	29/12/1995	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
1132	KTYIV-3923	06/12/2020	3	133	Đinh Gia	Huy	07/12/1996	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	TC	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1133	KTYIV-3924	06/12/2020	3	133	Vũ Ngọc	Huyền	19/11/1981	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1134	KTYIV-3925	06/12/2020	3	133	Phạm Thị Thanh	Huyền	11/08/1997	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1135	KTYIV-3926	06/12/2020	3	133	Nguyễn Khánh	Huyền	06/07/1990	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm		
1136	KTYIV-3927	06/12/2020	3	133	Phạm Thu	Huyền	28/10/1997	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học		
1137	KTYIV-3928	06/12/2020	4	133	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/10/1997	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1138	KTYIV-3929	06/12/2020	4	133	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/07/1995	TTYT Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1139	KTYIV-3930	06/12/2020	4	133	Xuân Thị	Huyền	17/03/1995	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm Y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1140	KTYIV-3931	06/12/2020	4	133	Nguyễn Xuân	Khu	27/06/1977	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật viên X. Quang		
1141	KTYIV-3932	06/12/2020	4	133	Nguyễn Thị	Khương	30/11/1989	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm đa khoa		
1142	KTYIV-3933	06/12/2020	4	133	Nguyễn Chi	Khương	08/08/1998	TTYT Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm Y học		
1143	KTYIV-3934	06/12/2020	4	133	Đỗ Minh	Khương	01/09/1990	BV Mắt Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Xét nghiệm	HTNV	
1144	KTYIV-3935	06/12/2020	1	134	Nguyễn Thị	Khuyên	15/09/1995	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1145	KTYIV-3936	06/12/2020	1	134	Nguyễn Phú	Kiên	01/01/1979	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Kỹ thuật vật lý trị liệu Phục hồi chức năng		
1146	KTYIV-3937	06/12/2020	1	134	Trần Trọng	Lân	09/08/1994	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1147	KTYIV-3938	06/12/2020	1	134	Phạm Thị Phương	Liên	28/01/1990	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học		
1148	KTYIV-3939	06/12/2020	1	134	Nguyễn Thị	Liên	09/08/1990	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Vật lý trị liệu**	CĐ	Vật lý trị liệu		
1149	KTYIV-3940	06/12/2020	1	134	Đàm Đình	Linh	04/10/1990	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1150	KTYIV-3941	06/12/2020	1	134	Đỗ Thùy	Linh	02/10/1992	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1151	KTYIV-3942	06/12/2020	2	134	Nguyễn Mạnh	Linh	22/02/1994	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1152	KTYIV-3943	06/12/2020	2	134	Hoàng Thị Thùy	Linh	06/11/1995	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1153	KTYIV-3944	06/12/2020	2	134	Đoàn Tuấn	Linh	18/01/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1154	KTYIV-3945	06/12/2020	2	134	Chu Ngọc	Linh	25/09/1996	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1155	KTYIV-3946	06/12/2020	2	134	Cấn Thị Mỹ	Linh	10/12/1993	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1156	KTYIV-3947	06/12/2020	2	134	Đỗ Thị Phương	Linh	26/06/1989	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Xét nghiệm y học		
1157	KTYIV-3948	06/12/2020	2	134	Lê Nhật	Linh	20/6/1993	TTYT Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	TC	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1158	KTYIV-3949	06/12/2020	3	134	Nguyễn Hải	Linh	17/3/1992	TTYT Cầu Giấy	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa		
1159	KTYIV-3950	06/12/2020	3	134	Nguyễn Khánh	Linh	27/10/1995	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm Y học		
1160	KTYIV-3951	06/12/2020	3	134	Nguyễn Thị Kim	Loan	19/05/1995	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
1161	KTYIV-3952	06/12/2020	3	134	Dương Văn	Long	18/11/1993	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1162	KTYIV-3953	06/12/2020	3	134	Trịnh Ngọc	Luật	16/02/1994	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học		
1163	KTYIV-3954	06/12/2020	3	134	Nghiêm Thị	Mai	26/11/1990	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học		
1164	KTYIV-3955	06/12/2020	3	134	Bùi Đức	Mạnh	15/03/1995	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm		
1165	KTYIV-3956	06/12/2020	4	134	Phạm Thị	Mi	22/11/1994	BV Mắt Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1166	KTYIV-3957	06/12/2020	4	134	Dương Văn	Min	16/01/1991	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
1167	KTYIV-3958	06/12/2020	4	134	Nguyễn Thị	Minh	20/08/1992	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1168	KTYIV-3959	06/12/2020	4	134	Trần Văn	Minh	21/10/1994	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm Y học		
1169	KTYIV-3960	06/12/2020	4	134	Trịnh Thị Hồng	Minh	28/06/1994	TTYT Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1170	KTYIV-3961	06/12/2020	4	134	Đỗ Thị	Mơ	26/06/1989	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng	**CTB**	
1171	KTYIV-3962	06/12/2020	4	134	Tạ Thị	Mùi	30/12/1990	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1172	KTYIV-3963	06/12/2020	1	135	Phạm Thị Trà	My	03/06/1995	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1173	KTYIV-3964	06/12/2020	1	135	Nguyễn Thị	My	04/12/1979	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa	**CTB**	
1174	KTYIV-3965	06/12/2020	1	135	Phạm Xuân	Nam	20/07/1993	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1175	KTYIV-3966	06/12/2020	1	135	Lê Thị Thúy	Nga	23/11/1995	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1176	KTYIV-3967	06/12/2020	1	135	Dương Hồng	Ngân	27/12/1997	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm		
1177	KTYIV-3968	06/12/2020	1	135	Đỗ Thị Kim	Ngân	24/05/1995	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Phục hồi chức năng		
1178	KTYIV-3969	06/12/2020	1	135	Nguyễn Thị Thu	Ngân	16/04/1996	TTYT Hoàng Mai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1179	KTYIV-3970	06/12/2020	2	135	Ngô Văn	Nghĩa	25/09/1992	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa		
1180	KTYIV-3971	06/12/2020	2	135	Đỗ Thị	Ngọc	31/07/1995	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1181	KTYIV-3972	06/12/2020	2	135	Vũ Hồng	Ngọc	30/11/1998	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1182	KTYIV-3973	06/12/2020	2	135	Lê Thị Bích	Ngọc	25/11/1978	TTYT thị xã Sơn Tây	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm	**CBB**	
1183	KTYIV-3974	06/12/2020	2	135	Tống Phương	Nhung	08/11/1994	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1184	KTYIV-3975	06/12/2020	2	135	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	13/06/1990	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm		
1185	KTYIV-3976	06/12/2020	2	135	Đào Thị	Nhung	20/01/1992	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1186	KTYIV-3977	06/12/2020	3	135	Khổng Hồng	Nhung	12/11/1993	TTYT Hoàn Kiếm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1187	KTYIV-3978	06/12/2020	3	135	Lê Thị Hồng	Nhung	05/12/1993	TTYT Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa		
1188	KTYIV-3979	06/12/2020	3	135	Nguyễn Thị	Nhường	28/09/1995	TTYT Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Xét nghiệm		
1189	KTYIV-3980	06/12/2020	3	135	Đào Thị	Ninh	12/11/1993	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1190	KTYIV-3981	06/12/2020	3	135	Ngô Thị Phương	Oanh	02/04/1996	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	ĐH	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
1191	KTYIV-3982	06/12/2020	3	135	Đỗ Thị Kim	Oanh	17/05/1998	BVĐK Quốc Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1192	KTYIV-3983	06/12/2020	3	135	Lê Thanh	Phong	13/05/1995	TT Pháp y Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	TC	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1193	KTYIV-3984	06/12/2020	4	135	Cấn Đình	Phong	26/06/1990	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1194	KTYIV-3985	06/12/2020	4	135	Nguyễn Văn	Phú	24/02/1989	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học		
1195	KTYIV-3986	06/12/2020	4	135	Phạm Thị Hồng	Phúc	15/07/1995	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1196	KTYIV-3987	06/12/2020	4	135	Bỳ Việt	Phước	10/11/1997	BV Tâm thần HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1197	KTYIV-3988	06/12/2020	4	135	Dương Đức	Phương	20/01/1993	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1198	KTYIV-3989	06/12/2020	4	135	Nguyễn Thị	Phương	22/10/1993	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1199	KTYIV-3990	06/12/2020	4	135	Nguyễn Mai	Phương	09/10/1992	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1200	KTYIV-3991	06/12/2020	1	136	Trần Văn	Phương	21/01/1980	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên phục hồi chức năng**	TC	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng		
1201	KTYIV-3992	06/12/2020	1	136	Phạm Thị Thu	Phương	03/11/1996	BV 09	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1202	KTYIV-3993	06/12/2020	1	136	Nguyễn Thị	Phương	03/4/1993	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
1203	KTYIV-3994	06/12/2020	1	136	Nguyễn Thị Thu	Phương	08/02/1998	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1204	KTYIV-3995	06/12/2020	1	136	Trần Thị Hoài	Phương	20/01/1995	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1205	KTYIV-3996	06/12/2020	1	136	Trần Thị Thu	Phương	24/01/1998	TTYT Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm đa khoa**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm y học		
1206	KTYIV-3997	06/12/2020	1	136	Lê Thị	Phượng	12/11/1992	BVĐK Sơn Tây	Kỹ thuật y hạng IV	**Vật lý trị liệu/ Phục hồi chức năng**	ĐH	Phục hồi chức năng		
1207	KTYIV-3998	06/12/2020	2	136	Phan Hồng	Quân	28/05/1995	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1208	KTYIV-3999	06/12/2020	2	136	Quách Đức	Quân	23/09/1992	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1209	KTYIV-4000	06/12/2020	2	136	Vũ Hồng	Quân	05/01/1998	BVĐK Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1210	KTYIV-4001	06/12/2020	2	136	Nguyễn Văn	Quân	12/06/1996	TTYT Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm Y học**	TC	Xét nghiệm		
1211	KTYIV-4002	06/12/2020	2	136	Lê Văn	Quân	01/10/1995	TTYT Thanh Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1212	KTYIV-4003	06/12/2020	2	136	Nguyễn Đình	Quang	12/02/1988	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1213	KTYIV-4004	06/12/2020	2	136	Lê Văn	Quang	07/12/1996	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1214	KTYIV-4005	06/12/2020	3	136	Dương Văn	Quang	26/03/1993	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm Y học		
1215	KTYIV-4006	06/12/2020	3	136	Phùng Quang	Quang	06/11/1997	TTYT Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm Y học		
1216	KTYIV-4007	06/12/2020	3	136	Nguyễn Văn	Quyết	15/08/1995	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học		
1217	KTYIV-4008	06/12/2020	3	136	Lê Văn	Quỳnh	17/06/1993	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1218	KTYIV-4009	06/12/2020	3	136	Nguyễn Phương	Quỳnh	31/12/1995	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1219	KTYIV-4010	06/12/2020	3	136	Lưu Tiến	Sinh	06/12/1996	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
1220	KTYIV-4011	06/12/2020	3	136	Nguyễn Lâm	Sơn	26/08/1995	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1221	KTYIV-4012	06/12/2020	4	136	Nguyễn Thái	Sơn	01/07/1995	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1222	KTYIV-4013	06/12/2020	4	136	Nguyễn Ngọc	Sơn	19/01/1992	BV Thận HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1223	KTYIV-4014	06/12/2020	4	136	Bùi Hải	Sơn	17/11/1995	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1224	KTYIV-4015	06/12/2020	4	136	Nguyễn Đồng	Sơn	19/11/1989	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1225	KTYIV-4016	06/12/2020	4	136	Nguyễn Xuân	Tài	24/06/1993	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1226	KTYIV-4017	06/12/2020	4	136	Lê Thanh	Tâm	16/03/1996	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên phục hồi chức năng**	TC	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu/Phục hồi chức năng		
1227	KTYIV-4018	06/12/2020	4	136	Phạm Quang	Tạo	05/06/1990	TT Pháp y Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật xét nghiệm		
1228	KTYIV-4019	06/12/2020	1	137	Nguyễn Thị	Thắm	08/6/1993	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1229	KTYIV-4020	06/12/2020	1	137	Đinh Mạnh	Thắng	07/01/1991	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1230	KTYIV-4021	06/12/2020	1	137	Nguyễn Thị	Thắng	06/08/1994	TTYT Thanh Oai	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa		
1231	KTYIV-4022	06/12/2020	1	137	Phạm Thị Thanh	Thanh	10/04/1992	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm		
1232	KTYIV-4023	06/12/2020	1	137	Nguyễn Đình	Thành	28/11/1992	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm		
1233	KTYIV-4024	06/12/2020	1	137	Nguyễn Quốc	Thành	29/06/1995	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học	HTNV	
1234	KTYIV-4025	06/12/2020	1	137	Đinh Trọng	Thành	10/06/1998	TTYT Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học		
1235	KTYIV-4026	06/12/2020	2	137	Nguyễn Thị	Thao	12/06/1993	BV Ung Bướu HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1236	KTYIV-4027	06/12/2020	2	137	Vương Thị	Thảo	05/09/1993	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1237	KTYIV-4028	06/12/2020	2	137	Bùi Hồng	Thảo	21/09/1995	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1238	KTYIV-4029	06/12/2020	2	137	Nguyễn Thị	Thảo	27/01/1997	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1239	KTYIV-4030	06/12/2020	2	137	Nguyễn Thị Phương	Thảo	10/02/1998	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		
1240	KTYIV-4031	06/12/2020	2	137	Nguyễn Phương	Thảo	08/09/1995	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1241	KTYIV-4032	06/12/2020	2	137	Chu Thị	Thi	17/9/1992	BVĐK Sơn Tây	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1242	KTYIV-4033	06/12/2020	3	137	Nguyễn Thị	Thiêm	02/10/1992	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa		
1243	KTYIV-4034	06/12/2020	3	137	Đoàn Đức	Thiện	20/05/1981	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1244	KTYIV-4035	06/12/2020	3	137	Phùng Kim	Thịnh	01/08/1995	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	TC	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1245	KTYIV-4036	06/12/2020	3	137	Phạm Qúy	Thịnh	08/10/1995	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1246	KTYIV-4037	06/12/2020	3	137	Lương Thị	Thu	21/11/1992	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1247	KTYIV-4038	06/12/2020	3	137	Nguyễn Thị Anh	Thư	10/8/1991	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1248	KTYIV-4039	06/12/2020	3	137	Trịnh Thị	Thư	01/08/1993	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1249	KTYIV-4040	06/12/2020	4	137	Nguyễn Thị	Thư	04/07/1995	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm Y học		
1250	KTYIV-4041	06/12/2020	4	137	Trần Thị Hồng	Thương	20/11/1993	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm		
1251	KTYIV-4042	06/12/2020	4	137	Nguyễn Thị	Thúy	24/08/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1252	KTYIV-4043	06/12/2020	4	137	Lê Thị	Thúy	01/07/1993	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Phục hồi chức năng		
1253	KTYIV-4044	06/12/2020	4	137	Trần Thị	Thúy	19/12/1994	TTYT Gia Lâm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1254	KTYIV-4045	06/12/2020	4	137	Dương Thị Thu	Thúy	16/01/1998	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật viên phục hồi chức năng**	CĐ	Phục hồi chức năng		
1255	KTYIV-4046	06/12/2020	4	137	Nguyễn Thị Thu	Thúy	08/09/1995	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1256	KTYIV-4047	06/12/2020	1	138	Đặng Thị Thu	Thúy	12/08/1993	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1257	KTYIV-4048	06/12/2020	1	138	Trịnh Thị	Thúy	18/04/1987	BVĐK Thường Tín	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Kỹ thuật xét nghiệm y học		
1258	KTYIV-4049	06/12/2020	1	138	Nguyễn Bá	Toàn	09/09/1995	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1259	KTYIV-4050	06/12/2020	1	138	Phan Thị	Toàn	21/10/1992	BV Tâm thần HN	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1260	KTYIV-4051	06/12/2020	1	138	Nguyễn Thị Huyền	Trang	04/05/1995	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1261	KTYIV-4052	06/12/2020	1	138	Lê Thu	Trang	30/04/1994	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm		
1262	KTYIV-4053	06/12/2020	1	138	Thái Thị Quỳnh	Trang	29/01/1998	BV Bắc Thăng Long	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Kỹ thuật viên xét nghiệm		
1263	KTYIV-4054	06/12/2020	2	138	Nguyễn Kiều	Trang	12/02/1996	TT Pháp y Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật xét nghiệm		
1264	KTYIV-4055	06/12/2020	2	138	Nguyễn Thu	Trang	11/02/1996	TTYT Hoàn Kiếm	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật y xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm y học		
1265	KTYIV-4056	06/12/2020	2	138	Nguyễn Thu	Trang	02/12/1996	BVĐK Hoài Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm Y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1266	KTYIV-4057	06/12/2020	2	138	Trần Đức	Trung	24/07/1994	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1267	KTYIV-4058	06/12/2020	2	138	Cấn Anh	Tú	18/01/1995	BVĐK Thạch Thất	Kỹ thuật y hạng IV	**Hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1268	KTYIV-4059	06/12/2020	2	138	Nguyễn Quốc	Tuân	11/12/1989	BVTT Mỹ Đức	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1269	KTYIV-4060	06/12/2020	2	138	Nguyễn Thanh	Tuấn	31/10/1992	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Vật lý trị liệu Phục hồi chức năng		
1270	KTYIV-4061	06/12/2020	3	138	Trần Anh	Tuấn	30/08/1995	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa		
1271	KTYIV-4062	06/12/2020	3	138	Phan Anh	Tuấn	05/10/1994	BVĐK Ba Vì	Kỹ thuật y hạng IV	**Phục hồi chức năng**	CĐ	Kỹ thuật Vật lý trị liệu và Phục hồi chức năng		
1272	KTYIV-4063	06/12/2020	3	138	Đoàn Trọng	Tuấn	13/08/1995	TTYT Phúc Thọ	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh Y học		
1273	KTYIV-4064	06/12/2020	3	138	Trần Văn	Tùng	30/12/1992	BV Phổi Hà Nội	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1274	KTYIV-4065	06/12/2020	3	138	Lã Văn	Tuyến	14/07/1995	BVĐK Hà Đông	Kỹ thuật y hạng IV	**Chẩn đoán hình ảnh**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1275	KTYIV-4066	06/12/2020	3	138	Trần Văn	Việt	10/09/1995	BV Thanh Nhàn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1276	KTYIV-4067	06/12/2020	3	138	Nguyễn Tuấn	Việt	06/07/1989	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật viên hình ảnh y học		
1277	KTYIV-4068	06/12/2020	4	138	Phạm Quang	Vinh	20/02/1991	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học	CTB	
1278	KTYIV-4069	06/12/2020	4	138	Hoàng Ngọc	Vương	03/09/1996	BVĐK Đan Phượng	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	CĐ	Xét nghiệm		
1279	KTYIV-4070	06/12/2020	4	138	Trần Quang	Xinh	29/01/1993	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	CĐ	Xét nghiệm y học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1280	KTYIV-4071	06/12/2020	4	138	Nguyễn Đức	Xuân	14/10/1981	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ thuật y hạng IV	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	CĐ	Kỹ thuật hình ảnh y học		
1281	KTYIV-4072	06/12/2020	4	138	Dương Thị	Yên	05/6/1993	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Xét nghiệm y học		
1282	KTYIV-4073	06/12/2020	4	138	Nguyễn Thị	Yến	28/10/1994	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm**	TC	Kỹ thuật viên xét nghiệm đa khoa		
1283	KTYIV-4074	06/12/2020	4	138	Quách Hải	Yến	04/10/1989	TTYT Ba Đình	Kỹ thuật y hạng IV	**Xét nghiệm y học**	TC	Xét nghiệm Y học		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DƯỢC SĨ (HẠNG III) - V.08.08.22													
1284	DSIII-4075	06/12/2020	1	139	Trần Thị Thu	An	25/07/1991	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1285	DSIII-4076	06/12/2020	1	139	Nguyễn Thị Thùy	Anh	20/11/1995	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1286	DSIII-4077	06/12/2020	1	139	Hoàng Thị Lan	Anh	10/01/1983	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	Ths	Dược (thạc sỹ dược lý lâm sàng)		
1287	DSIII-4078	06/12/2020	1	139	Mẫn Thị Vân	Anh	08/07/1991	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1288	DSIII-4079	06/12/2020	1	139	Dương Thị Hồng	Anh	22/5/1996	BVĐK Sơn Tây	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1289	DSIII-4080	06/12/2020	1	139	Nguyễn Tuấn	Anh	02/08/1991	BV YHCT Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1290	DSIII-4081	06/12/2020	1	139	Nguyễn Thị Việt	Anh	03/04/1991	TT Pháp y Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1291	DSIII-4082	06/12/2020	2	139	Phạm Việt	Anh	19/5/1989	TTYT Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1292	DSIII-4083	06/12/2020	2	139	Mai Thị Thanh	Bình	11/5/1975	TTYT Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1293	DSIII-4084	06/12/2020	2	139	Điều Thị Ngọc	Châu	14/01/1996	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1294	DSIII-4085	06/12/2020	2	139	Nguyễn Hoàng	Đạt	14/07/1995	BVĐK Sóc Sơn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1295	DSIII-4086	06/12/2020	2	139	Nguyễn Trọng	Đồng	18/03/1974	TTYT Tây Hồ	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược (chuyên khoa cấp I tổ chức quản lý dược)		
1296	DSIII-4087	06/12/2020	2	139	Đỗ Thị Mai	Dung	02/12/1985	BV YHCT Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1297	DSIII-4088	06/12/2020	2	139	Đinh Thị Thùy	Dung	01/08/1989	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược	**DTTS**	
1298	DSIII-4089	06/12/2020	3	139	Bạch Văn	Dương	04/12/1994	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1299	DSIII-4090	06/12/2020	3	139	Lê Thị Cẩm	Giang	05/12/1986	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1300	DSIII-4091	06/12/2020	3	139	Nguyễn Thị	Hải	09/07/1985	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1301	DSIII-4092	06/12/2020	3	139	Nguyễn Thanh	Hải	28/10/1986	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1302	DSIII-4093	06/12/2020	3	139	Bùi Hoàng	Hải	16/04/1995	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1303	DSIII-4094	06/12/2020	3	139	Ngụy Thị	Hằng	11/05/1992	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1304	DSIII-4095	06/12/2020	3	139	Nghiêm Thị	Hào	07/05/1988	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1305	DSIII-4096	06/12/2020	4	139	Trịnh Thị Thu	Hiền	19/10/1992	BV YHCT Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1306	DSIII-4097	06/12/2020	4	139	Trần Thị	Hiện	12/11/1992	BVĐK Thanh Trì	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1307	DSIII-4098	06/12/2020	4	139	Nguyễn Thị Kim	Hiếu	24/08/1996	TTYT Đan Phượng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1308	DSIII-4099	06/12/2020	4	139	Nguyễn Xuân	Hòa	09/10/1996	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1309	DSIII-4100	06/12/2020	4	139	Đào Thị	Hồng	24/04/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1310	DSIII-4101	06/12/2020	4	139	Nguyễn Thúy	Hồng	10/09/1995	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1311	DSIII-4102	06/12/2020	1	140	Nguyễn Bích	Huệ	01/5/1982	BVĐK Sóc Sơn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1312	DSIII-4103	06/12/2020	1	140	Hoàng Thị	Huệ	24/02/1995	BVĐK Chương Mỹ	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1313	DSIII-4104	06/12/2020	1	140	Hoàng Mạnh	Hùng	25/12/1983	BVĐK Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1314	DSIII-4105	06/12/2020	1	140	Phạm Lan	Hương	20/11/1984	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1315	DSIII-4106	06/12/2020	1	140	Đỗ Thu	Hương	11/12/1991	BV Tâm thần HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1316	DSIII-4107	06/12/2020	1	140	Lưu Thị	Hương	27/10/1983	TTYT Hoàng Mai	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1317	DSIII-4108	06/12/2020	1	140	Hứa Thị Thu	Huyền	17/07/1986	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược)	CĐCĐ	
1318	DSIII-4109	06/12/2020	2	140	Nguyễn Thu	Huyền	07/12/1995	BVĐK Chương Mỹ	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1319	DSIII-4110	06/12/2020	2	140	Lê Đình	Khoa	23/03/1990	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	CTB	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1320	DSIII-4111	06/12/2020	2	140	Bùi Quốc	Kiên	23/12/1978	TTYT Quốc Oai	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1321	DSIII-4112	06/12/2020	2	140	Nguyễn Phương	Lan	16/12/1990	BVĐK Thanh Trì	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1322	DSIII-4113	06/12/2020	2	140	Nguyễn Thị	Lan	01/04/1991	TTYT Đan Phượng	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1323	DSIII-4114	06/12/2020	2	140	Nguyễn Phương	Linh	28/04/1996	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1324	DSIII-4115	06/12/2020	2	140	Nguyễn Thị	Loan	23/10/1988	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1325	DSIII-4116	06/12/2020	3	140	Vũ Hồng	Loan	02/12/1992	TTYT Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1326	DSIII-4117	06/12/2020	3	140	Nguyễn Thị	Lương	28/03/1993	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1327	DSIII-4118	06/12/2020	3	140	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	28/10/1987	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược (chuyên khoa I tổ chức quản lý Dược)		
1328	DSIII-4119	06/12/2020	3	140	Đào Thị	Mai	12/08/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1329	DSIII-4120	06/12/2020	3	140	Nguyễn Thị	Mai	03/06/1989	BV Phục hồi chức năng	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1330	DSIII-4121	06/12/2020	3	140	Nguyễn Thị	Mai	28/02/1995	TTYT Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược	**CBB**	
1331	DSIII-4122	06/12/2020	3	140	Vũ Hồng	Minh	12/04/1995	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược	**CĐCĐ**	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1332	DSIII-4123	06/12/2020	4	140	Cao	Minh	10/03/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1333	DSIII-4124	06/12/2020	4	140	Hoàng Thị	Minh	17/08/1996	TTYT Đan Phượng	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1334	DSIII-4125	06/12/2020	4	140	Bùi Thị Thúy	Nga	04/03/1996	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1335	DSIII-4126	06/12/2020	4	140	Trần Thị	Nga	14/12/1995	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1336	DSIII-4127	06/12/2020	4	140	Vương Thị	Ngân	11/11/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1337	DSIII-4128	06/12/2020	4	140	Ngô Thị Kiều	Ngân	15/01/1996	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1338	DSIII-4129	06/12/2020	1	141	Nguyễn Kim	Ngân	29/09/1992	TTYT Quốc Oai	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1339	DSIII-4130	06/12/2020	1	141	Vũ Thị Hồng	Ngọc	14/09/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1340	DSIII-4131	06/12/2020	1	141	Đỗ Thị Bích	Ngọc	06/03/1996	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược	**CĐCĐ**	
1341	DSIII-4132	06/12/2020	1	141	Trần Nguyên	Ngọc	06/09/1993	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1342	DSIII-4133	06/12/2020	1	141	Nguyễn Thị	Nguyệt	22/05/1991	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1343	DSIII-4134	06/12/2020	1	141	Cao Thị Hồng	Nhung	11/11/1994	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1344	DSIII-4135	06/12/2020	1	141	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	08/03/1991	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1345	DSIII-4136	06/12/2020	2	141	Nông Thị Thanh	Phương	23/10/1991	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	Ths	Dược (thạc sỹ dược lý lâm sàng)	**DTTS**	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1346	DSIII-4137	06/12/2020	2	141	Trần Ngọc	Phương	17/02/1992	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	Ths	Dược (thạc sỹ dược)		
1347	DSIII-4138	06/12/2020	2	141	Lưu Vân	Phương	04/02/1996	BVĐK Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1348	DSIII-4139	06/12/2020	2	141	Nguyễn Thị Lý	Phương	30/11/1994	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1349	DSIII-4140	06/12/2020	2	141	Ngô Thị	Phượng	06/04/1988	TTYT Ba Vì	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1350	DSIII-4141	06/12/2020	2	141	Nguyễn Minh	Quý	30/09/1993	BVĐK Gia Lâm	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1351	DSIII-4142	06/12/2020	2	141	Trần Thị Thu	Quỳnh	05/07/1988	BVĐK Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1352	DSIII-4143	06/12/2020	3	141	Nguyễn Thúy	Quỳnh	16/10/1990	TT Pháp y Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1353	DSIII-4144	06/12/2020	3	141	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	10/01/1993	TTYT Thạch Thất	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược	CBB	
1354	DSIII-4145	06/12/2020	3	141	Trịnh Thị	Quỳnh	28/01/1987	TTYT Sóc Sơn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1355	DSIII-4146	06/12/2020	3	141	Nguyễn Trường	Sơn	24/10/1990	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	Ths	Dược (thạc sỹ dược)		
1356	DSIII-4147	06/12/2020	3	141	Chu Bá	Sơn	30/03/1980	TTYT Gia Lâm	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1357	DSIII-4148	06/12/2020	3	141	Nguyễn Thị	Tâm	20/11/1982	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1358	DSIII-4149	06/12/2020	4	141	Vương Thị	Tâm	22/09/1990	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1359	DSIII-4150	06/12/2020	4	141	Dương Thanh	Tâm	23/07/1994	BVĐK Đông Anh	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1360	DSIII-4151	06/12/2020	4	141	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	03/5/1995	BVĐK Sơn Tây	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược	**CBB**	
1361	DSIII-4152	06/12/2020	4	141	Lê Thị	Tâm	19/03/1994	BV Thận HN	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1362	DSIII-4153	06/12/2020	4	141	Hoàng Hạnh	Tâm	15/10/1996	TTYT Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1363	DSIII-4154	06/12/2020	4	141	Phạm Hồng	Thái	03/07/1989	BVĐK Đống Đa	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1364	DSIII-4155	06/12/2020	1	142	Nguyễn Thị Phương	Thảo	14/02/1994	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1365	DSIII-4156	06/12/2020	1	142	Đỗ Xuân	Thi	20/06/1985	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1366	DSIII-4157	06/12/2020	1	142	Nguyễn Xuân	Thịnh	10/09/1986	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược	**HTNV**	
1367	DSIII-4158	06/12/2020	1	142	Đặng Hoài	Thu	31/10/1994	BV Ung Bướu HN	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1368	DSIII-4159	06/12/2020	1	142	Đỗ Thị	Thu	16/12/1996	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		
1369	DSIII-4160	06/12/2020	1	142	Hà Thị Thu	Thương	25/10/1991	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	Ths	Dược (thạc sỹ dược)	**CBB**	
1370	DSIII-4161	06/12/2020	1	142	Toàn Thu	Thủy	15/10/1994	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược	**DTTS**	
1371	DSIII-4162	06/12/2020	2	142	Nguyễn Thị Thu	Thủy	13/01/1993	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược sỹ (hạng III)	**Dược**	ĐH	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1372	DSIII-4163	06/12/2020	2	142	Lê Thu	Thủy	09/081988	TTYT Long Biên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1373	DSIII-4164	06/12/2020	2	142	Trần Thị Minh	Trang	11/08/1992	BVĐK Xanh Pôn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược)		
1374	DSIII-4165	06/12/2020	2	142	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/03/1993	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1375	DSIII-4166	06/12/2020	2	142	Bùi Thị Thu	Trang	25/6/1991	BVĐK Sơn Tây	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1376	DSIII-4167	06/12/2020	2	142	Trần Thị Thu	Trang	23/5/1995	BVĐK Sơn Tây	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1377	DSIII-4168	06/12/2020	2	142	Nguyễn Thị Thu	Trang	18/09/1994	BVĐK Phú Xuyên	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1378	DSIII-4169	06/12/2020	3	142	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	01/10/1994	BV Thận HN	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1379	DSIII-4170	06/12/2020	3	142	Nguyễn Quang	Trường	06/11/1990	BV Phục hồi chức năng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1380	DSIII-4171	06/12/2020	3	142	Hoàng Minh	Tú	07/07/1996	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1381	DSIII-4172	06/12/2020	3	142	Ngô Anh	Tuấn	29/05/1994	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1382	DSIII-4173	06/12/2020	3	142	Đặng Bảo	Tuấn	02/10/1991	BVĐK Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1383	DSIII-4174	06/12/2020	3	142	Nguyễn Công	Tuấn	15/11/1988	BV Mắt Hà Đông	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1384	DSIII-4175	06/12/2020	4	142	Nguyễn Văn	Tuyến	26/04/1993	BVĐK Quốc Oai	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1385	DSIII-4176	06/12/2020	4	142	Quách Thị Ánh	Tuyết	10/07/1988	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược	DTTS	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1386	DSIII-4177	06/12/2020	4	142	Nguyễn Thị	Tuyết	15/05/1987	TTYT Đan Phượng	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1387	DSIII-4178	06/12/2020	4	142	Vũ Đăng Hoàng	Yến	03/02/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược học)		
1388	DSIII-4179	06/12/2020	4	142	Nguyễn Ngọc	Yến	09/08/1995	BV Thanh Nhàn	Dược sỹ (hạng III)	Dược	ĐH	Dược		
1389	DSIII-4180	06/12/2020	4	142	Lương Thị Hải	Yến	11/07/1993	BVĐK Chương Mỹ	Dược sỹ (hạng III)	Dược	Ths	Dược (thạc sỹ dược)		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DƯỢC HẠNG IV - V.08.08.23													
1390	DSIV-4181	06/12/2020	1	143	Cao Hoài	Anh	16/04/1978	BV Mắt Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1391	DSIV-4182	06/12/2020	1	143	Nguyễn Thị Vân	Anh	27/12/1995	BV Tâm thần HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1392	DSIV-4183	06/12/2020	1	143	Nguyễn Thị Vân	Anh	08/4/1987	BVĐK Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1393	DSIV-4184	06/12/2020	1	143	Hoàng Thị Kim	Anh	02/03/1985	BV Thận HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1394	DSIV-4185	06/12/2020	1	143	Bùi Thị Thùy	Anh	13/11/1991	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1395	DSIV-4186	06/12/2020	1	143	Nguyễn Thị Phương	Anh	10/09/1987	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1396	DSIV-4187	06/12/2020	1	143	Nguyễn Thị Vân	Anh	29/05/1987	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1397	DSIV-4188	06/12/2020	1	143	Hoàng Châm	Anh	20/10/1990	TTYT Nam Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1398	DSIV-4189	06/12/2020	2	143	Nguyễn Thị Hồng	Anh	09/11/1988	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1399	DSIV-4190	06/12/2020	2	143	Hoàng Thị Quế	Anh	29/09/1989	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1400	DSIV-4191	06/12/2020	2	143	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/01/1989	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1401	DSIV-4192	06/12/2020	2	143	Phùng Thị Minh	Anh	06/08/1998	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1402	DSIV-4193	06/12/2020	2	143	Nguyễn Ngọc	Anh	07/06/1987	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1403	DSIV-4194	06/12/2020	2	143	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	17/08/1998	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1404	DSIV-4195	06/12/2020	2	143	Dương Thị	Ánh	16/09/1990	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1405	DSIV-4196	06/12/2020	2	143	Nguyễn Xuân	Bảo	27/08/1986	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	CTB	
1406	DSIV-4197	06/12/2020	3	143	Nguyễn Thị	Bảo	12/10/1985	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1407	DSIV-4198	06/12/2020	3	143	Nông Thị	Bích	16/10/1994	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	DTTS	
1408	DSIV-4199	06/12/2020	3	143	Trần Thị	Bích	04/07/1987	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1409	DSIV-4200	06/12/2020	3	143	Lê Thị	Bích	10/04/1990	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1410	DSIV-4201	06/12/2020	3	143	Trương Thanh	Bình	26/08/1992	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	CBB	
1411	DSIV-4202	06/12/2020	3	143	Lê Thị	Bình	18/12/1991	BVĐK Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1412	DSIV-4203	06/12/2020	3	143	Trần Thị	Bình	27/10/1990	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1413	DSIV-4204	06/12/2020	3	143	Nguyễn Thị	Châm	20/03/1985	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1414	DSIV-4205	06/12/2020	4	143	Lê Minh	Châu	20/12/1991	TTYT Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1415	DSIV-4206	06/12/2020	4	143	Lê Thành	Chung	29/11/1977	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1416	DSIV-4207	06/12/2020	4	143	Đào Thị	Cử	10/9/1992	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1417	DSIV-4208	06/12/2020	4	143	Nguyễn Thị	Cúc	30/09/1996	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1418	DSIV-4209	06/12/2020	4	143	Đặng Thị	Cúc	12/03/1994	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1419	DSIV-4210	06/12/2020	4	143	Nguyễn Thị	Cúc	11/12/1991	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1420	DSIV-4211	06/12/2020	4	143	Nguyễn Thị	Đào	20/11/1989	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1421	DSIV-4212	06/12/2020	4	143	Nguyễn Thị	Đào	21/10/1990	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1422	DSIV-4213	06/12/2020	1	144	Nguyễn Thị	Dịu	18/02/1988	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1423	DSIV-4214	06/12/2020	1	144	Nguyễn Thị	Đoan	26/10/1996	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1424	DSIV-4215	06/12/2020	1	144	Nguyễn Hoàng	Đức	09/04/1986	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1425	DSIV-4216	06/12/2020	1	144	Giang Nguyên	Dung	02/09/1984	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1426	DSIV-4217	06/12/2020	1	144	Nguyễn Thị Thùy	Dung	09/01/1984	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1427	DSIV-4218	06/12/2020	1	144	Đào Thị Thùy	Dung	26/7/1990	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1428	DSIV-4219	06/12/2020	1	144	Trần Thị Thanh	Dung	10/12/1985	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1429	DSIV-4220	06/12/2020	1	144	Hoàng Thị	Dung	30/08/1994	TTYT Phúc Thọ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1430	DSIV-4221	06/12/2020	2	144	Ngô Thị Kim	Dung	04/12/1992	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1431	DSIV-4222	06/12/2020	2	144	Nguyễn Viết Thị Thu	Dung	09/04/1982	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	CTB	
1432	DSIV-4223	06/12/2020	2	144	Nguyễn Thị	Dung	16/11/1996	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1433	DSIV-4224	06/12/2020	2	144	Vương Quốc	Dũng	08/08/1989	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1434	DSIV-4225	06/12/2020	2	144	Nguyễn Tiến	Dũng	21/10/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1435	DSIV-4226	06/12/2020	2	144	Nguyễn Đăng	Dũng	30/01/1993	BVĐK Thanh Trì	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Dược		
1436	DSIV-4227	06/12/2020	2	144	Nguyễn Trung	Dũng	17/04/1986	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1437	DSIV-4228	06/12/2020	2	144	Mai Văn	Đúng	01/01/1988	TTYT Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Dược		
1438	DSIV-4229	06/12/2020	3	144	Nguyễn Thị Thùy	Dương	21/01/1991	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1439	DSIV-4230	06/12/2020	3	144	Bùi Minh	Dương	20/09/1993	TTYT Nam Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1440	DSIV-4231	06/12/2020	3	144	Nguyễn Thị	Dưỡng	19/10/1988	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1441	DSIV-4232	06/12/2020	3	144	Nguyễn Thị Hồng	Duyên	15/02/1990	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1442	DSIV-4233	06/12/2020	3	144	Nguyễn Thị	Duyên	26/11/1976	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1443	DSIV-4234	06/12/2020	3	144	Cao Thị	Giang	02/02/1995	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1444	DSIV-4235	06/12/2020	3	144	Lê Hương	Giang	06/02/1995	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1445	DSIV-4236	06/12/2020	3	144	Nguyễn Thị Hương	Giang	08/08/1982	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1446	DSIV-4237	06/12/2020	4	144	Nguyễn Thị Hương	Giang	19/06/1988	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1447	DSIV-4238	06/12/2020	4	144	Nguyễn Trường	Giang	12/12/1996	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1448	DSIV-4239	06/12/2020	4	144	Đoàn Nguyễn Thị	Hà	04/04/1994	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1449	DSIV-4240	06/12/2020	4	144	Trịnh Thị	Hà	10/12/1993	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1450	DSIV-4241	06/12/2020	4	144	Lê Ngọc	Hà	24/06/1986	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1451	DSIV-4242	06/12/2020	4	144	Phạm Thúy	Hà	29/03/1989	BV Thận HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1452	DSIV-4243	06/12/2020	4	144	Trần Thị Thu	Hà	16/02/1987	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1453	DSIV-4244	06/12/2020	4	144	Nguyễn Thị	Hà	16/02/1992	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1454	DSIV-4245	06/12/2020	1	145	Bùi Thị Thu	Hà	28/12/1994	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1455	DSIV-4246	06/12/2020	1	145	Đỗ Thị Thu	Hà	19/05/1985	TTYT Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1456	DSIV-4247	06/12/2020	1	145	Lã Thanh	Hải	06/7/1986	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1457	DSIV-4248	06/12/2020	1	145	Lê Hồng	Hải	16/10/1994	TTYT Ba Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1458	DSIV-4249	06/12/2020	1	145	Khất Minh	Hải	27/05/1989	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1459	DSIV-4250	06/12/2020	1	145	Nguyễn Tiến	Hải	27/07/1989	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1460	DSIV-4251	06/12/2020	1	145	Đỗ Viết	Hải	03/05/1994	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1461	DSIV-4252	06/12/2020	1	145	Nguyễn Thị	Hân	02/12/1993	Bv Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1462	DSIV-4253	06/12/2020	2	145	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	02/11/1990	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1463	DSIV-4254	06/12/2020	2	145	Nguyễn Thị	Hằng	13/08/1983	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1464	DSIV-4255	06/12/2020	2	145	Bùi Thị Lệ	Hằng	23/02/1985	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1465	DSIV-4256	06/12/2020	2	145	Hà Thị	Hằng	27/10/1984	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1466	DSIV-4257	06/12/2020	2	145	Nguyễn Thị Thu	Hằng	16/03/1983	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1467	DSIV-4258	06/12/2020	2	145	Trần Thị	Hằng	29/09/1993	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1468	DSIV-4259	06/12/2020	2	145	Lê Thu	Hằng	14/01/1993	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1469	DSIV-4260	06/12/2020	2	145	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	01/06/1979	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1470	DSIV-4261	06/12/2020	3	145	Trần Thị	Hằng	15/02/1984	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1471	DSIV-4262	06/12/2020	3	145	Nguyễn Thị	Hằng	01/11/1993	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1472	DSIV-4263	06/12/2020	3	145	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/08/1996	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1473	DSIV-4264	06/12/2020	3	145	Trần Thị	Hằng	03/02/1993	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	CTB	
1474	DSIV-4265	06/12/2020	3	145	Đào Thị	Hằng	01/08/1989	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1475	DSIV-4266	06/12/2020	3	145	Trần Hồng	Hạnh	20/10/1983	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1476	DSIV-4267	06/12/2020	3	145	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	29/01/1992	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1477	DSIV-4268	06/12/2020	3	145	Lê Thị	Hạnh	10/06/1985	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1478	DSIV-4269	06/12/2020	4	145	Đào Thị Hồng	Hạnh	14/04/1994	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1479	DSIV-4270	06/12/2020	4	145	Đặng Thị	Hảo	24/08/1992	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1480	DSIV-4271	06/12/2020	4	145	Tạ Thị	Hảo	02/11/1988	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1481	DSIV-4272	06/12/2020	4	145	Nguyễn Thị	Hậu	21/7/1987	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1482	DSIV-4273	06/12/2020	4	145	Đỗ Thị	Hay	26/09/1984	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1483	DSIV-4274	06/12/2020	4	145	Nguyễn Thị	Hiền	13/12/1991	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1484	DSIV-4275	06/12/2020	4	145	Đỗ Thị	Hiền	01/07/1984	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	CBB	
1485	DSIV-4276	06/12/2020	4	145	Nguyễn Minh	Hiền	27/09/1987	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1486	DSIV-4277	06/12/2020	1	146	Dương Thị	Hiền	04/10/1997	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1487	DSIV-4278	06/12/2020	1	146	Nguyễn Thị	Hiền	30/01/1985	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1488	DSIV-4279	06/12/2020	1	146	Lê Thị	Hiền	28/12/1993	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1489	DSIV-4280	06/12/2020	1	146	Nguyễn Thị	Hiền	26/12/1990	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1490	DSIV-4281	06/12/2020	1	146	Trí Thị	Hiền	25/02/1990	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1491	DSIV-4282	06/12/2020	1	146	Trịnh Thu	Hiền	04/07/1979	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1492	DSIV-4283	06/12/2020	1	146	Phạm Thị	Hiền	29/06/1985	TTYT Bắc Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1493	DSIV-4284	06/12/2020	1	146	Nguyễn Văn	Hiệp	30/6/1995	BVĐK Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1494	DSIV-4285	06/12/2020	2	146	Lê Thị	Hiệp	10/07/1992	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1495	DSIV-4286	06/12/2020	2	146	Lê Minh	Hiếu	16/08/1992	TTYT Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1496	DSIV-4287	06/12/2020	2	146	Nguyễn Thị Thúy	Hiếu	12/03/1989	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1497	DSIV-4288	06/12/2020	2	146	Đỗ Thị Quỳnh	Hoa	16/10/1983	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1498	DSIV-4289	06/12/2020	2	146	Nguyễn Thị	Hoa	29/07/1994	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1499	DSIV-4290	06/12/2020	2	146	Phạm Thị	Hoa	15/06/1989	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	CTB	
1500	DSIV-4291	06/12/2020	2	146	Cao Như	Hoa	28/02/1994	TTYT Tây Hồ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1501	DSIV-4292	06/12/2020	2	146	Lương Thị Quế	Hoa	27/10/1973	TTYT Gia Lâm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1502	DSIV-4293	06/12/2020	3	146	Nguyễn Thị	Hoa	09/08/1993	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1503	DSIV-4294	06/12/2020	3	146	Vũ Nhật Hồng	Hoa	06/11/1994	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1504	DSIV-4295	06/12/2020	3	146	Đào Thị	Hòa	20/12/1990	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1505	DSIV-4296	06/12/2020	3	146	Ngô Thị	Hòa	26/11/1990	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1506	DSIV-4297	06/12/2020	3	146	Trần Thị	Hòa	19/10/1980	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	CĐCĐ	
1507	DSIV-4298	06/12/2020	3	146	Đỗ Thị	Hòa	02/05/1992	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1508	DSIV-4299	06/12/2020	3	146	Phạm Thị	Hoàn	21/09/1985	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1509	DSIV-4300	06/12/2020	3	146	Nguyễn Thị Phương	Hồng	15/01/1972	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1510	DSIV-4301	06/12/2020	4	146	Thiều Thị	Hồng	01/11/1985	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1511	DSIV-4302	06/12/2020	4	146	Hà Thị Bích	Hồng	09/05/1985	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	CTB	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1512	DSIV-4303	06/12/2020	4	146	Đỗ Thị	Hồng	11/03/1988	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1513	DSIV-4304	06/12/2020	4	146	Nguyễn Thị	Hồng	24/09/1990	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1514	DSIV-4305	06/12/2020	4	146	Trương Thị	Hồng	07/03/1986	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1515	DSIV-4306	06/12/2020	4	146	Lê Thị	Huê	06/08/1990	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1516	DSIV-4307	06/12/2020	4	146	Lương Thị	Huế	12/11/1993	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1517	DSIV-4308	06/12/2020	4	146	Nguyễn Thị	Huệ	20/03/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1518	DSIV-4309	06/12/2020	1	147	Nguyễn Thị	Huệ	19/08/1995	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1519	DSIV-4310	06/12/2020	1	147	Nguyễn Thị Minh	Huệ	07/01/1998	TTYT Ba Đình	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1520	DSIV-4311	06/12/2020	1	147	Phạm Thị Thanh	Huệ	06/11/1985	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1521	DSIV-4312	06/12/2020	1	147	Hoàng Thị Thanh	Huệ	13/11/1983	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1522	DSIV-4313	06/12/2020	1	147	Hoàng Thị	Huệ	13/09/1987	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1523	DSIV-4314	06/12/2020	1	147	Nguyễn Văn	Hùng	17/09/1988	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1524	DSIV-4315	06/12/2020	1	147	Bùi Mạnh	Hùng	28/11/1994	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1525	DSIV-4316	06/12/2020	1	147	Nguyễn Hoàng	Hưng	23/10/1994	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1526	DSIV-4317	06/12/2020	2	147	Phạm Thị Thu	Hương	30/01/1986	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1527	DSIV-4318	06/12/2020	2	147	Nguyễn Thị Mai	Hương	22/9/1986	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1528	DSIV-4319	06/12/2020	2	147	Nguyễn Thị	Hương	16/11/1983	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	CĐCĐ	
1529	DSIV-4320	06/12/2020	2	147	Trần Thị	Hương	23/6/1981	TTYT Hoàn Kiếm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1530	DSIV-4321	06/12/2020	2	147	Nguyễn Thị	Hương	25/04/1978	TTYT Gia Lâm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1531	DSIV-4322	06/12/2020	2	147	Đỗ Thị Mai	Hương	02/11/1992	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1532	DSIV-4323	06/12/2020	2	147	Trần Thị	Hương	15/12/1991	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1533	DSIV-4324	06/12/2020	2	147	Lương Thị Mỹ	Hương	18/11/1987	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1534	DSIV-4325	06/12/2020	3	147	Hoàng Thị	Hương	01/03/1998	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1535	DSIV-4326	06/12/2020	3	147	Đỗ Thị Nên	Hương	27/02/1991	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1536	DSIV-4327	06/12/2020	3	147	Nguyễn Thị	Hường	06/01/1986	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1537	DSIV-4328	06/12/2020	3	147	Vương Thị	Hường	27/10/1993	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1538	DSIV-4329	06/12/2020	3	147	Nguyễn Thị	Hường	20/04/1981	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1539	DSIV-4330	06/12/2020	3	147	Nguyễn Thị	Hường	20/08/1981	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1540	DSIV-4331	06/12/2020	3	147	Nguyễn Thị	Huyên	16/01/1994	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1541	DSIV-4332	06/12/2020	3	147	Phạm Thu	Huyền	22/07/1996	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1542	DSIV-4333	06/12/2020	4	147	Nguyễn Thị	Huyền	06/03/1995	BVĐK Đức Giang	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1543	DSIV-4334	06/12/2020	4	147	Hoàng Thị	Huyền	16/10/1986	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1544	DSIV-4335	06/12/2020	4	147	Trần Thị Mỹ	Huyền	08/04/1994	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1545	DSIV-4336	06/12/2020	4	147	Nguyễn Ánh	Huyền	27/4/1990	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1546	DSIV-4337	06/12/2020	4	147	Nguyễn Thanh	Huyền	24/12/1988	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1547	DSIV-4338	06/12/2020	4	147	Lý Thị Thanh	Huyền	11/08/1993	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	DTTS	
1548	DSIV-4339	06/12/2020	4	147	Đặng Thị	Huyền	24/08/1994	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1549	DSIV-4340	06/12/2020	4	147	Lê Mỹ	Huyền	25/03/1987	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1550	DSIV-4341	06/12/2020	1	148	Ngô Thị	Huyền	13/05/1994	TTYT Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1551	DSIV-4342	06/12/2020	1	148	Phùng Thị Thu	Huyền	11/02/1977	TTYT thị xã Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1552	DSIV-4343	06/12/2020	1	148	Đỗ Thị Thu	Huyền	24/4/1990	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1553	DSIV-4344	06/12/2020	1	148	Dương Thị	Khánh	22/08/1997	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1554	DSIV-4345	06/12/2020	1	148	Nguyễn Trung	Kiên	07/07/1988	BV Da liễu Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1555	DSIV-4346	06/12/2020	1	148	Lưu Thanh	Lam	26/4/1994	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1556	DSIV-4347	06/12/2020	1	148	Lê Thị	Lan	22/12/1985	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1557	DSIV-4348	06/12/2020	1	148	Nguyễn Thị	Lan	10/08/1996	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1558	DSIV-4349	06/12/2020	2	148	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	07/12/1984	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1559	DSIV-4350	06/12/2020	2	148	Trần Thị	Lập	21/11/1978	TTYT Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1560	DSIV-4351	06/12/2020	2	148	Trần Thị Tú	Lệ	16/6/1992	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1561	DSIV-4352	06/12/2020	2	148	Nguyễn Thị	Liên	10/12/1984	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1562	DSIV-4353	06/12/2020	2	148	Đặng Thị	Liên	29/05/1992	TTYT Phúc Thọ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1563	DSIV-4354	06/12/2020	2	148	Lê Cầm	Linh	16/12/1987	BVĐK Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1564	DSIV-4355	06/12/2020	2	148	Lê Khánh	Linh	22/10/1986	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1565	DSIV-4356	06/12/2020	2	148	Cao Thùy	Linh	29/06/1988	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1566	DSIV-4357	06/12/2020	3	148	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	01/06/1998	TTYT Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1567	DSIV-4358	06/12/2020	3	148	Lê Thị Diệu	Linh	24/04/1997	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
1568	DSIV-4359	06/12/2020	3	148	Dương Thùy	Linh	18/06/1993	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
1569	DSIV-4360	06/12/2020	3	148	Lê Thị Nhật	Linh	17/03/1994	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Dược		
1570	DSIV-4361	06/12/2020	3	148	Nguyễn Phương	Linh	17/09/1994	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
1571	DSIV-4362	06/12/2020	3	148	Nguyễn Thị Thùy	Linh	08/6/1987	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Dược		
1572	DSIV-4363	06/12/2020	3	148	Nguyễn Thị Thanh	Loan	12/06/1994	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Dược		
1573	DSIV-4364	06/12/2020	3	148	Lương Thị Song	Loan	09/09/1995	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
1574	DSIV-4365	06/12/2020	4	148	Nguyễn Thị	Loan	15/01/1994	TTYT Thanh Trì	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
1575	DSIV-4366	06/12/2020	4	148	Chu Thị	Loan	08/03/1995	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
1576	DSIV-4367	06/12/2020	4	148	Lê Thị	Loan	15/06/1994	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
1577	DSIV-4368	06/12/2020	4	148	Cao Thị	Loan	13/01/1988	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Dược		
1578	DSIV-4369	06/12/2020	4	148	Nguyễn Hữu	Lộc	11/12/1990	TTYT Cầu Giấy	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược	HTNV	
1579	DSIV-4370	06/12/2020	4	148	Trương Thị	Long	31/12/1990	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Dược		
1580	DSIV-4371	06/12/2020	4	148	Đoàn Như	Lữ	11/03/1987	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1581	DSIV-4372	06/12/2020	4	148	Phùng Thị	Luân	28/05/1989	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1582	DSIV-4373	06/12/2020	1	149	Mai Thị	Luyến	15/05/1990	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1583	DSIV-4374	06/12/2020	1	149	Uông Thị	Ly	14/02/1987	BVĐK Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1584	DSIV-4375	06/12/2020	1	149	Nguyễn Thị Khánh	Ly	27/09/1985	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1585	DSIV-4376	06/12/2020	1	149	Nguyễn Hương	Ly	18/01/1995	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1586	DSIV-4377	06/12/2020	1	149	Đỗ Thị	Lý	05/02/1992	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1587	DSIV-4378	06/12/2020	1	149	Nguyễn Thị Hồng	Mai	10/01/1972	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1588	DSIV-4379	06/12/2020	1	149	Vũ Thị	Mai	08/07/1998	TTYT Nam Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1589	DSIV-4380	06/12/2020	1	149	Nguyễn Thị	Mai	24/04/1991	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1590	DSIV-4381	06/12/2020	2	149	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	18/01/1990	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	CTB	
1591	DSIV-4382	06/12/2020	2	149	Đặng Quỳnh	Mai	10/03/1995	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1592	DSIV-4383	06/12/2020	2	149	Bùi Thị	Mai	04/03/1989	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1593	DSIV-4384	06/12/2020	2	149	Trần Thị	Mái	27/04/1989	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	CTB	
1594	DSIV-4385	06/12/2020	2	149	Lê Thị	Mến	14/01/1989	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1595	DSIV-4386	06/12/2020	2	149	Nguyễn Thị	Miền	05/08/1996	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1596	DSIV-4387	06/12/2020	2	149	Phạm Thị	Miền	12/09/1985	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1597	DSIV-4388	06/12/2020	2	149	Phan Thị Thu	Minh	26/03/1989	TTYT thị xã Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1598	DSIV-4389	06/12/2020	3	149	Nguyễn Tiến	Mừng	20/07/1981	TT Pháp y Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1599	DSIV-4390	06/12/2020	3	149	Nguyễn Thị Trà	My	28/12/1990	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1600	DSIV-4391	06/12/2020	3	149	Nguyễn Thị	Năm	22/04/1993	BV Tâm thần HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1601	DSIV-4392	06/12/2020	3	149	Lê Thị Thanh	Nga	07/12/1994	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1602	DSIV-4393	06/12/2020	3	149	Kiều Thị Quỳnh	Nga	04/12/1998	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1603	DSIV-4394	06/12/2020	3	149	Nguyễn Thị	Nga	29/12/1991	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1604	DSIV-4395	06/12/2020	3	149	Vũ Thị	Nga	14/11/1993	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1605	DSIV-4396	06/12/2020	3	149	Nguyễn Thị	Nga	05/03/1990	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1606	DSIV-4397	06/12/2020	4	149	Lê Thu	Nga	05/12/1992	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1607	DSIV-4398	06/12/2020	4	149	Nguyễn Thị Kim	Ngân	13/05/1997	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1608	DSIV-4399	06/12/2020	4	149	Bùi Thị	Ngân	05/06/1983	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1609	DSIV-4400	06/12/2020	4	149	Trần Thị Bích	Ngọc	27/12/1984	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1610	DSIV-4401	06/12/2020	4	149	Nguyễn Thị	Ngọc	01/08/1996	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1611	DSIV-4402	06/12/2020	4	149	Nguyễn Thị	Ngọc	01/9/1998	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1612	DSIV-4403	06/12/2020	4	149	Lê Ánh	Ngọc	08/11/1992	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1613	DSIV-4404	06/12/2020	4	149	Lê Thị	Nguyệt	23/07/1986	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1614	DSIV-4405	06/12/2020	1	150	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	31/12/1998	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	DTTS	
1615	DSIV-4406	06/12/2020	1	150	Nguyễn Thị	Nguyệt	29/01/1995	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1616	DSIV-4407	06/12/2020	1	150	Bạch Thị	Nhài	28/09/1991	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1617	DSIV-4408	06/12/2020	1	150	Đặng Thanh	Nhàn	10/06/1995	BV YHCT Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1618	DSIV-4409	06/12/2020	1	150	Nguyễn Thị Hồng	Nhật	15/12/1989	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1619	DSIV-4410	06/12/2020	1	150	Trần Thị Châu	Nhi	23/02/1997	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	DTTS	
1620	DSIV-4411	06/12/2020	1	150	Cù Thị	Nhỏ	26/10/1990	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1621	DSIV-4412	06/12/2020	1	150	Lê Thị Hồng	Nhung	29/10/1991	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1622	DSIV-4413	06/12/2020	2	150	Vũ Thị Hồng	Nhung	11/11/1997	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1623	DSIV-4414	06/12/2020	2	150	Nguyễn Trang	Nhung	15/4/1989	BV YHCT Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1624	DSIV-4415	06/12/2020	2	150	Phan Thị	Nhung	17/11/1987	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1625	DSIV-4416	06/12/2020	2	150	Nguyễn Thị	Nhung	06/04/1995	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1626	DSIV-4417	06/12/2020	2	150	Nguyễn Thị	Nhung	09/12/1982	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1627	DSIV-4418	06/12/2020	2	150	Nguyễn Thị	Nhung	16/12/1993	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1628	DSIV-4419	06/12/2020	2	150	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	15/10/1984	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1629	DSIV-4420	06/12/2020	2	150	Nguyễn Thị	Nhung	22/03/1990	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1630	DSIV-4421	06/12/2020	3	150	Phạm Thị	Nhung	11/11/1992	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1631	DSIV-4422	06/12/2020	3	150	Nguyễn Thị Mỹ	Ninh	04/11/1997	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1632	DSIV-4423	06/12/2020	3	150	Lê Thị	Ninh	21/08/1995	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1633	DSIV-4424	06/12/2020	3	150	Nguyễn Thị	Núi	20/06/1984	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1634	DSIV-4425	06/12/2020	3	150	Nguyễn Phương	Oanh	29/09/1992	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1635	DSIV-4426	06/12/2020	3	150	Nguyễn Văn	Phán	05/02/1984	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1636	DSIV-4427	06/12/2020	3	150	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	24/02/1991	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1637	DSIV-4428	06/12/2020	3	150	Lã Thanh	Phương	13/11/1980	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Dược		
1638	DSIV-4429	06/12/2020	4	150	Nguyễn Thị	Phương	03/11/1993	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1639	DSIV-4430	06/12/2020	4	150	Lê Thị	Phương	27/6/1990	BVĐK Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1640	DSIV-4431	06/12/2020	4	150	Hoàng Minh	Phương	09/07/1994	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1641	DSIV-4432	06/12/2020	4	150	Phùng Thị	Phương	08/12/1996	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1642	DSIV-4433	06/12/2020	4	150	Ngô Minh	Phương	12/01/1995	TTYT Hoàn Kiếm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1643	DSIV-4434	06/12/2020	4	150	Nguyễn Thị	Phương	24/04/1988	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	CBB	
1644	DSIV-4435	06/12/2020	4	150	Trần Thị	Phương	10/02/1998	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1645	DSIV-4436	06/12/2020	4	150	Nguyễn Thị Thu	Phương	11/10/1994	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1646	DSIV-4437	06/12/2020	1	151	Phí Thị	Phương	01/12/1995	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1647	DSIV-4438	06/12/2020	1	151	Đỗ Thị	Phương	22/02/1989	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1648	DSIV-4439	06/12/2020	1	151	Nguyễn Thị	Phương	09/01/1989	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1649	DSIV-4440	06/12/2020	1	151	Đinh Thanh	Phương	24/08/1996	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1650	DSIV-4441	06/12/2020	1	151	Đoàn Thị Bích	Phượng	07/05/1988	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1651	DSIV-4442	06/12/2020	1	151	Hoàng Thị	Phượng	06/09/1995	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1652	DSIV-4443	06/12/2020	1	151	Phạm Thị Minh	Phượng	13/09/1987	TTYT Ba Đình	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1653	DSIV-4444	06/12/2020	1	151	Nguyễn Thị	Phượng	03/12/1980	TTYT Bắc Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	CTB	
1654	DSIV-4445	06/12/2020	2	151	Tuấn Anh	Quân	22/04/1977	TTYT Ba Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1655	DSIV-4446	06/12/2020	2	151	Phạm Thị	Quế	14/06/1987	TTYT Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1656	DSIV-4447	06/12/2020	2	151	Nguyễn Đức	Quí	16/10/1989	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1657	DSIV-4448	06/12/2020	2	151	Ngô Thùy	Quyên	16/08/1984	BV Phổi Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1658	DSIV-4449	06/12/2020	2	151	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	19/02/1997	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1659	DSIV-4450	06/12/2020	2	151	Lê Thị	Quỳnh	30/11/1991	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1660	DSIV-4451	06/12/2020	2	151	Nguyễn Hữu	Quỳnh	18/01/1989	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1661	DSIV-4452	06/12/2020	2	151	Lê Thị	Sen	22/10/1995	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1662	DSIV-4453	06/12/2020	3	151	Lê Thị Hồng	Sơn	28/12/1991	BVĐK Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1663	DSIV-4454	06/12/2020	3	151	Phạm Thị Hồng	Sơn	13/01/1980	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1664	DSIV-4455	06/12/2020	3	151	Lương Văn	Tài	19/06/1991	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1665	DSIV-4456	06/12/2020	3	151	Nguyễn Thị	Tâm	08/3/1993	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1666	DSIV-4457	06/12/2020	3	151	Cao Thanh	Tâm	27/8/1984	TTYT Hoàn Kiếm	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1667	DSIV-4458	06/12/2020	3	151	Nguyễn Thị Minh	Tâm	04/03/1996	TTYT Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1668	DSIV-4459	06/12/2020	3	151	Nguyễn Thị	Tâm	26/09/1986	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	CBB	
1669	DSIV-4460	06/12/2020	3	151	Nguyễn Thị	Tâm	03/05/1990	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1670	DSIV-4461	06/12/2020	4	151	Nguyễn Văn	Tân	18/12/1984	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Dược		
1671	DSIV-4462	06/12/2020	4	151	Nguyễn Thị Cẩm	Thạch	11/09/1996	TTYT Thường Tín	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1672	DSIV-4463	06/12/2020	4	151	Nguyễn Thị	Thắm	07/10/1986	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1673	DSIV-4464	06/12/2020	4	151	Nguyễn Thị	Thắm	30/03/1994	TTYT Hoàng Mai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	CBB	
1674	DSIV-4465	06/12/2020	4	151	Nguyễn Thị	Thắm	27/08/1995	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1675	DSIV-4466	06/12/2020	4	151	Lại Quang	Thắng	02/08/1994	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1676	DSIV-4467	06/12/2020	4	151	Nguyễn Hà	Thanh	23/11/1995	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1677	DSIV-4468	06/12/2020	4	151	Lê Thị	Thanh	06/02/1995	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1678	DSIV-4469	06/12/2020	1	152	Nguyễn Thị	Thanh	21/10/1990	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1679	DSIV-4470	06/12/2020	1	152	Kiều Thị	Thao	25/01/1989	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1680	DSIV-4471	06/12/2020	1	152	Phạm Thị	Thảo	12/01/1995	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1681	DSIV-4472	06/12/2020	1	152	Trịnh Thị	Thảo	23/12/1994	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1682	DSIV-4473	06/12/2020	1	152	Vũ Thị Phương	Thảo	22/09/1995	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1683	DSIV-4474	06/12/2020	1	152	Nguyễn Thị Bích	Thảo	08/03/1983	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1684	DSIV-4475	06/12/2020	1	152	Nguyễn Phương	Thảo	30/03/1991	TTYT Bắc Từ Liêm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1685	DSIV-4476	06/12/2020	1	152	Nguyễn Thị	Thảo	13/12/1994	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1686	DSIV-4477	06/12/2020	2	152	Nguyễn Phương	Thảo	15/07/1993	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	DTTS	
1687	DSIV-4478	06/12/2020	2	152	Nguyễn Thị	Thêu	28/08/1990	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1688	DSIV-4479	06/12/2020	2	152	Đỗ Thị	Thêu	18/06/1988	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1689	DSIV-4480	06/12/2020	2	152	Trần Thị	Tho	06/11/1986	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1690	DSIV-4481	06/12/2020	2	152	Trần Thị	Thoan	17/11/1995	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1691	DSIV-4482	06/12/2020	2	152	Bùi Thị	Thơm	14/09/1998	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1692	DSIV-4483	06/12/2020	2	152	Nguyễn Thị	Thơm	03/07/1983	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	CTB	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1693	DSIV-4484	06/12/2020	2	152	Nguyễn Thị Kim	Thu	01/03/1993	BVĐK Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1694	DSIV-4485	06/12/2020	3	152	Nguyễn Thị	Thu	06/7/1994	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1695	DSIV-4486	06/12/2020	3	152	Lê Thị	Thu	12/09/1993	BVĐK Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1696	DSIV-4487	06/12/2020	3	152	Dương Thị	Thu	12/09/1995	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1697	DSIV-4488	06/12/2020	3	152	Lê Thị	Thu	01/12/1995	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1698	DSIV-4489	06/12/2020	3	152	Lê Thanh	Thư	09/12/1996	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1699	DSIV-4490	06/12/2020	3	152	Dương Thị	Thuật	26/01/1986	TTYT Gia Lâm	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1700	DSIV-4491	06/12/2020	3	152	Nguyễn Thị	Thức	12/12/1990	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1701	DSIV-4492	06/12/2020	3	152	Đào Thị	Thương	17/04/1995	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1702	DSIV-4493	06/12/2020	4	152	Lê Thị	Thúy	09/08/1986	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1703	DSIV-4494	06/12/2020	4	152	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	14/04/1989	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	CBB	
1704	DSIV-4495	06/12/2020	4	152	Nguyễn Thị	Thúy	11/03/1992	TTYT Phúc Thọ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1705	DSIV-4496	06/12/2020	4	152	Mai Thị	Thúy	28/08/1990	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1706	DSIV-4497	06/12/2020	4	152	Nguyễn Thị	Thúy	29/12/1991	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1707	DSIV-4498	06/12/2020	4	152	Đỗ Phương	Thủy	04/11/1995	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1708	DSIV-4499	06/12/2020	4	152	Vũ Thị	Thủy	07/08/1996	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1709	DSIV-4500	06/12/2020	1	153	Vũ Thị Thanh	Thủy	21/12/1993	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1710	DSIV-4501	06/12/2020	1	153	Mai Thị	Thủy	18/03/1988	TTYT Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1711	DSIV-4502	06/12/2020	1	153	Hoàng Thị Thanh	Thủy	21/10/1988	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1712	DSIV-4503	06/12/2020	1	153	Nguyễn Thị	Thủy	18/04/1988	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Dược		
1713	DSIV-4504	06/12/2020	1	153	Trần Thị Thu	Thủy	18/10/1993	BV Phổi Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1714	DSIV-4505	06/12/2020	1	153	Tạ Thị	Thủy	25/10/1997	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1715	DSIV-4506	06/12/2020	1	153	Nguyễn Thị	Thủy	12/05/1986	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1716	DSIV-4507	06/12/2020	1	153	Chu Ngọc	Thủy	30/10/1981	TTYT Hoàn Kiếm	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1717	DSIV-4508	06/12/2020	2	153	Lê Thị	Thủy	08/02/1988	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1718	DSIV-4509	06/12/2020	2	153	Dương Kim	Tiến	04/09/1993	TTYT Đông Anh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1719	DSIV-4510	06/12/2020	2	153	Nguyễn Thị	Tiếp	28/05/1992	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1720	DSIV-4511	06/12/2020	2	153	Hà Ngọc	Tín	09/9/1981	BVĐK Sơn Tây	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1721	DSIV-4512	06/12/2020	2	153	Nguyễn Thị	Tĩnh	04/04/1990	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1722	DSIV-4513	06/12/2020	2	153	Phạm Thị Bích	Trà	09/10/1982	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1723	DSIV-4514	06/12/2020	2	153	Dương Thị	Trầm	28/06/1995	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1724	DSIV-4515	06/12/2020	2	153	Lê Thị Huyền	Trang	03/11/1991	BV Mắt Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1725	DSIV-4516	06/12/2020	3	153	Nguyễn Huyền	Trang	05/09/1990	BVĐK Xanh Pôn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1726	DSIV-4517	06/12/2020	3	153	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	18/12/1995	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1727	DSIV-4518	06/12/2020	3	153	Hoàng Thị Minh	Trang	13/7/1987	BVĐK Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược	DTTS	
1728	DSIV-4519	06/12/2020	3	153	Hoàng Thị Mai	Trang	15/02/1997	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1729	DSIV-4520	06/12/2020	3	153	Phạm Thu	Trang	12/09/1991	BV Phổi Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1730	DSIV-4521	06/12/2020	3	153	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/08/1996	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1731	DSIV-4522	06/12/2020	3	153	Nguyễn Huyền	Trang	01/09/1994	TTYT Thanh Trì	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1732	DSIV-4523	06/12/2020	3	153	Nguyễn Thị Mai	Trang	10/09/1991	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1733	DSIV-4524	06/12/2020	4	153	Nguyễn Thị Hà	Trang	03/03/1996	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1734	DSIV-4525	06/12/2020	4	153	Vũ Thị	Trang	17/09/1987	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1735	DSIV-4526	06/12/2020	4	153	Phạm Thị Thu	Trang	17/01/1993	TTYT Thanh Oai	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1736	DSIV-4527	06/12/2020	4	153	Đoàn Thị Thu	Trang	19/04/1995	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1737	DSIV-4528	06/12/2020	4	153	Đinh Thị Kiều	Trang	15/06/1990	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1738	DSIV-4529	06/12/2020	4	153	Hoàng Thị Thu	Trang	01/02/1998	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1739	DSIV-4530	06/12/2020	4	153	Nguyễn Thị Huyền	Trang	19/10/1989	TTYT Ứng Hòa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1740	DSIV-4531	06/12/2020	1	154	Hồ Thị Hồng	Trinh	08/06/1998	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1741	DSIV-4532	06/12/2020	1	154	Nguyễn Thành	Trung	16/02/1980	TTYT Cầu Giấy	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1742	DSIV-4533	06/12/2020	1	154	Nguyễn Văn	Trường	31/03/1986	TTYT Chương Mỹ	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1743	DSIV-4534	06/12/2020	1	154	Võ Thị Thanh	Tú	22/10/1982	BVĐK YHCT Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1744	DSIV-4535	06/12/2020	1	154	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	04/02/1988	BVĐK Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1745	DSIV-4536	06/12/2020	1	154	Nguyễn Thanh	Tú	16/05/1998	TTYT Hoài Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1746	DSIV-4537	06/12/2020	1	154	Lê Anh	Tuấn	19/11/1987	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1747	DSIV-4538	06/12/2020	1	154	Nguyễn Anh	Tuấn	02/11/1983	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	HTNV	
1748	DSIV-4539	06/12/2020	2	154	Nguyễn Thanh	Tùng	12/10/1990	TTYT Cầu Giấy	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1749	DSIV-4540	06/12/2020	2	154	Thạc Thị Kim	Tuyến	14/09/1984	BVĐK Đan Phượng	Dược hạng IV	Dược	ĐH	Dược		
1750	DSIV-4541	06/12/2020	2	154	Lê Thị	Tuyết	24/12/1997	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1751	DSIV-4542	06/12/2020	2	154	Nguyễn Thị	Tuyết	14/03/1991	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1752	DSIV-4543	06/12/2020	2	154	Tạ Ánh	Tuyết	08/01/1992	TTYT Đống Đa	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1753	DSIV-4544	06/12/2020	2	154	Trần Thị	Tuyết	26/10/1990	TTYT Sóc Sơn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1754	DSIV-4545	06/12/2020	2	154	Nguyễn Thị	Tuyết	09/02/1992	TTYT Thạch Thất	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược	DTTS	
1755	DSIV-4546	06/12/2020	2	154	Đinh Thị	Tuyết	21/04/1996	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1756	DSIV-4547	06/12/2020	3	154	Trần Hồng	Vân	14/03/1990	BV Phụ Sản Hà Nội	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1757	DSIV-4548	06/12/2020	3	154	Trương Thị	Vân	07/01/1990	BV Thanh Nhàn	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1758	DSIV-4549	06/12/2020	3	154	Trương Thị	Vân	02/08/1990	BVĐK Đức Giang	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1759	DSIV-4550	06/12/2020	3	154	Chu Thị	Vân	12/12/1991	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1760	DSIV-4551	06/12/2020	3	154	Đỗ Thị	Vân	30/07/1997	TTYT Mê Linh	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		
1761	DSIV-4552	06/12/2020	3	154	Trương Thị	Vi	10/04/1991	BVĐK Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	CĐ	Dược		
1762	DSIV-4553	06/12/2020	3	154	Đặng Thị Tường	Vi	08/08/1984	TTYT Phú Xuyên	Dược hạng IV	Dược	TC	Dược		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1763	DSIV-4554	06/12/2020	3	154	Lê Tuấn	Việt	10/10/1990	TT kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà nội	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
1764	DSIV-4555	06/12/2020	4	154	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	09/06/1989	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
1765	DSIV-4556	06/12/2020	4	154	Đỗ Thị Thanh	Xuân	04/02/1997	BVĐK Vân Đình	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
1766	DSIV-4557	06/12/2020	4	154	Trần Thị	Xuân	13/01/1991	BVĐK Mê Linh	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
1767	DSIV-4558	06/12/2020	4	154	Nguyễn Hải	Yến	05/08/1996	BVĐK Hà Đông	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
1768	DSIV-4559	06/12/2020	4	154	Chu Thị Hải	Yến	23/10/1992	BVĐK Ba Vì	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Dược		
1769	DSIV-4560	06/12/2020	4	154	Đặng Thị	Yến	14/07/1992	TTYT Quốc Oai	Dược hạng IV	**Dược**	TC	Dược		
1770	DSIV-4561	06/12/2020	4	154	Bùi Thị Hải	Yến	15/07/1991	TTYT Mỹ Đức	Dược hạng IV	**Dược**	CĐ	Dược		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DÂN SỐ VIÊN HẠNG III - V.08.10.28													
1771	DSVIII-4562	06/12/2020	1	155	Nguyễn Mạnh	Cường	05/01/1987	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng III	**Quản trị doanh nghiệp (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Quản trị doanh nghiệp (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**CTB**	
1772	DSVIII-4563	06/12/2020	1	155	Nguyễn Thùy	Dương	18/10/1991	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng III	**Quản lý nhà nước (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Quản lý nhà nước (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1773	DSVIII-4564	06/12/2020	1	155	Đỗ Thúy	Hà	03/01/1982	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1774	DSVIII-4565	06/12/2020	1	155	Trần Thanh	Hằng	01/09/1994	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng III	**Tâm lý giáo dục (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Tâm lý giáo dục (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1775	DSVIII-4566	06/12/2020	1	155	Hoàng Thị	Hảo	10/8/1992	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Văn hóa học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Văn hóa học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1776	DSVIII-4567	06/12/2020	1	155	Lê Thị Kim	Huệ	20/05/1985	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng III	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1777	DSVIII-4568	06/12/2020	1	155	Nghiêm Thu	Huyền	06/09/1974	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng III	**Tài chính (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Tài chính (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1778	DSVIII-4569	06/12/2020	2	155	Lưu Thị Thanh	Huyền	29/11/1992	TTYT Ba Vì	Dân số viên hạng III	**Chính trị học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Chính trị học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1779	DSVIII-4570	06/12/2020	2	155	Đinh Thị	Lộc	04/7/1994	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng III	**Kỹ sư hạ tầng và phát triển nông thôn (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1780	DSVIII-4571	06/12/2020	2	155	Đinh Thị	Lý	16/6/1981	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Tài chính ngân hàng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Tài chính ngân hàng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1781	DSVIII-4572	06/12/2020	2	155	Phạm Thị Tố	Nga	16/02/1989	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng III	**Bác sỹ Y học cổ truyền (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Bác sỹ Y học cổ truyền (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1782	DSVIII-4573	06/12/2020	2	155	Đặng Thúy	Ngần	10/08/1989	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng III	**Y tế công cộng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Y tế công cộng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1783	DSVIII-4574	06/12/2020	2	155	Đỗ Bích	Ngọc	25/9/1985	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1784	DSVIII-4575	06/12/2020	2	155	Nguyễn Ánh	Ngọc	02/10/1984	TTYT Hai Bà Trưng	Dân số viên hạng III	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1785	DSVIII-4576	06/12/2020	3	155	Lý Thị Minh	Phương	27/07/1987	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng III	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1786	DSVIII-4577	06/12/2020	3	155	Đặng Thị	Phượng	01/12/1984	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng III	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1787	DSVIII-4578	06/12/2020	3	155	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	14/01/1989	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng III	**Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1788	DSVIII-4579	06/12/2020	3	155	Nguyễn Thị	Vượng	10/10/1983	TTYT Mỹ Đức	Dân số viên hạng III	**Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1789	DSVIII-4580	06/12/2020	3	155	Đoàn Thị	Xuân	12/02/1985	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng III	**Quản trị kinh doanh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Quản trị kinh doanh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1790	DSVIII-4581	06/12/2020	3	155	Trần Thị Hải	Yến	21/02/1980	TTYT Cầu Giấy	Dân số viên hạng III	**Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	CTB	
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DÂN SỐ VIÊN HẠNG IV - V.08.10.29													

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1791	DSVIV-4582	06/12/2020	1	156	Phan Kiều	Anh	10/10/1974	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1792	DSVIV-4583	06/12/2020	1	156	Nguyễn Thị Lan	Anh	26/11/1984	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1793	DSVIV-4584	06/12/2020	1	156	Bùi Lan	Anh	02/12/1997	TTYT Thạch Thất	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1794	DSVIV-4585	06/12/2020	1	156	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	15/11/1993	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1795	DSVIV-4586	06/12/2020	1	156	Quách Thị	Ánh	06/08/1989	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1796	DSVIV-4587	06/12/2020	1	156	Vũ Thị Hương	Chi	17/05/1978	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1797	DSVIV-4588	06/12/2020	1	156	Đàm Hữu	Chung	06/06/1975	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Khai thác vận tải sắt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Khai thác vận tải sắt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1798	DSVIV-4589	06/12/2020	1	156	Vũ Thị	Định	06/10/1982	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng IV	**Hộ sinh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Hộ sinh (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1799	DSVIV-4590	06/12/2020	2	156	Lê Thị Hồng	Gấm	05/05/1987	TTYT Mê Linh	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1800	DSVIV-4591	06/12/2020	2	156	Nguyễn Trà	Giang	19/5/1993	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**CBB**	
1801	DSVIV-4592	06/12/2020	2	156	Nguyễn Thị Ly	Giang	25/09/1983	TTYT Mê Linh	Dân số viên hạng IV	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Pháp luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1802	DSVIV-4593	06/12/2020	2	156	Đào Thu	Hà	09/04/1982	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1803	DSVIV-4594	06/12/2020	2	156	Mai Thu	Hà	22/10/1995	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1804	DSVIV-4595	06/12/2020	2	156	Hoàng Thu	Hà	23/05/1997	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1805	DSVIV-4596	06/12/2020	2	156	Ngô Minh	Hải	21/8/1994	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1806	DSVIV-4597	06/12/2020	3	156	Bùi Thanh	Hằng	28/10/1981	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1807	DSVIV-4598	06/12/2020	3	156	Nguyễn Thị	Hạnh	21/05/1970	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Tin học văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Tin học văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1808	DSVIV-4599	06/12/2020	3	156	Nguyễn Thị	Hiên	29/03/1992	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1809	DSVIV-4600	06/12/2020	3	156	Đặng Thị	Hiên	28/6/1993	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1810	DSVIV-4601	06/12/2020	3	156	Giang Thị Phương	Hoa	03/10/1993	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Công tác xã hội (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1811	DSVIV-4602	06/12/2020	3	156	Bùi Thị Thanh	Hoa	04/06/1993	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1812	DSVIV-4603	06/12/2020	3	156	Nguyễn Thị	Hoa	18/7/1994	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1813	DSVIV-4604	06/12/2020	4	156	Trần Quang	Hoàn	15/02/1991	TTYT Đan Phượng	Dân số viên hạng IV	**Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1814	DSVIV-4605	06/12/2020	4	156	Nguyễn Thu	Hồng	27/10/1992	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Giáo dục tiểu học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Giáo dục tiểu học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1815	DSVIV-4606	06/12/2020	4	156	Nguyễn Thị	Huế	25/01/1994	TTYT Đan Phượng	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1816	DSVIV-4607	06/12/2020	4	156	Đặng Thị Bích	Huệ	26/05/1979	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1817	DSVIV-4608	06/12/2020	4	156	Phạm Thu	Hương	02/06/1992	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1818	DSVIV-4609	06/12/2020	4	156	Đỗ Thị Thu	Hương	09/12/1991	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1819	DSVIV-4610	06/12/2020	4	156	Phạm Thị Mỹ	Hương	09/08/1991	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1820	DSVIV-4611	06/12/2020	1	157	Lê Thị Thu	Hường	29/06/1979	TTYT Hoàng Mai	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1821	DSVIV-4612	06/12/2020	1	157	Nguyễn Thị	Hường	10/02/1995	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1822	DSVIV-4613	06/12/2020	1	157	Phùng Thị	Huyên	17/02/1982	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Trồng trọt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Trồng trọt (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệ vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	CBB	
1823	DSVIV-4614	06/12/2020	1	157	Vũ Thị Thanh	Huyền	30/07/1990	TTYT Hai Bà Trưng	Dân số viên hạng IV	**Dân số, y tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1824	DSVIV-4615	06/12/2020	1	157	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	18/04/1978	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1825	DSVIV-4616	06/12/2020	1	157	Hoàng Thị Thanh	Huyền	07/08/1993	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1826	DSVIV-4617	06/12/2020	1	157	Nguyễn Thị	Khuyên	24/08/1991	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1827	DSVIV-4618	06/12/2020	1	157	Nguyễn Phương	Lâm	04/9/1994	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1828	DSVIV-4619	06/12/2020	2	157	Nguyễn Thị Tuyết	Lan	06/10/1993	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1829	DSVIV-4620	06/12/2020	2	157	Phạm Thị Thùy	Linh	29/08/1996	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1830	DSVIV-4621	06/12/2020	2	157	Đặng Thị Thùy	Linh	24/03/1995	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1831	DSVIV-4622	06/12/2020	2	157	Đỗ Thị Kim	Loan	24/07/1986	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1832	DSVIV-4623	06/12/2020	2	157	Nguyễn Thị	Lụa	30/09/1985	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1833	DSVIV-4624	06/12/2020	2	157	Nguyễn Ngọc	Mai	03/02/1993	TTYT Long Biên	Dân số viên hạng IV	**Y tế - Dân số (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Xã hội học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1834	DSVIV-4625	06/12/2020	2	157	Bùi Thị	Mai	04/11/1989	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng IV	**Quản trị kinh doanh-Tài chính- Kế toán du lịch (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Quản trị kinh doanh-Tài chính- Kế toán du lịch (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1835	DSVIV-4626	06/12/2020	3	157	Lê Thị	Mến	15/01/1989	TTYT Thạch Thất	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1836	DSVIV-4627	06/12/2020	3	157	Nguyễn Đình	Môn	27/03/1990	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1837	DSVIV-4628	06/12/2020	3	157	Nguyễn Thị Huyền	My	02/02/1995	TTYT Đống Đa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1838	DSVIV-4629	06/12/2020	3	157	Lưu Thị Trà	My	30/12/1992	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng IV	**Dân số - Y tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dân số (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1839	DSVIV-4630	06/12/2020	3	157	Nguyễn Phú	Nam	09/11/1996	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1840	DSVIV-4631	06/12/2020	3	157	Nguyễn Thanh	Nga	21/04/1995	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Quản lý kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Quản lý kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**CTB**	
1841	DSVIV-4632	06/12/2020	3	157	Phạm Thị	Nga	20/02/1970	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Luật kinh tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1842	DSVIV-4633	06/12/2020	4	157	Nguyễn Thị	Nga	15/07/1984	TTYT Thạch Thất	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**CBB**	
1843	DSVIV-4634	06/12/2020	4	157	Đinh Thị	Ngà	04/02/1986	TTYT Đông Anh	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1844	DSVIV-4635	06/12/2020	4	157	Đặng Thị Phương	Ngân	14/12/1989	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Sư phạm mầm non (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Sư phạm mầm non (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1845	DSVIV-4636	06/12/2020	4	157	Nguyễn Thị Xuân	Ngọc	16/02/1997	TTYT Quốc Oai	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1846	DSVIV-4637	06/12/2020	4	157	Nguyễn Viết Ánh	Nguyệt	29/01/1991	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1847	DSVIV-4638	06/12/2020	4	157	Phạm Thị Ánh	Nhung	29/06/1990	TTYT Hoàng Mai	Dân số viên hạng IV	**Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Báo chí (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1848	DSVIV-4639	06/12/2020	4	157	Đinh Thị Thanh	Nhường	29/03/1996	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Hành chính văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Hành chính văn phòng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1849	DSVIV-4640	06/12/2020	1	158	Đoàn Thị	Oanh	24/01/1986	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1850	DSVIV-4641	06/12/2020	1	158	Nguyễn Thị	Oanh	30/11/1989	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1851	DSVIV-4642	06/12/2020	1	158	Nguyễn Thị	Phấn	20/10/1972	TTYT Hoàng Mai	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1852	DSVIV-4643	06/12/2020	1	158	Vũ Nhật	Phương	27/04/1991	TTYT Hoàn Kiếm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1853	DSVIV-4644	06/12/2020	1	158	Nguyễn Thị	Phương	24/10/1988	TTYT Gia Lâm	Dân số viên hạng IV	**Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Kế toán (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1854	DSVIV-4645	06/12/2020	1	158	Phí Thị	Phương	12/07/1986	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1855	DSVIV-4646	06/12/2020	1	158	Nguyễn Thanh	Phương	01/10/1989	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1856	DSVIV-4647	06/12/2020	1	158	Nguyễn Thị	Phương	12/01/1987	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1857	DSVIV-4648	06/12/2020	2	158	Nguyễn Thị	Quyên	11/03/1986	TTYT Thạch Thất	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	DTTS	
1858	DSVIV-4649	06/12/2020	2	158	Lê Đăng	Sang	05/10/1993	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1859	DSVIV-4650	06/12/2020	2	158	Nguyễn Thị	Thắm	10/04/1988	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1860	DSVIV-4651	06/12/2020	2	158	Đỗ Thị	Thảo	27/05/1985	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Tin học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Công nghệ thông tin (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1861	DSVIV-4652	06/12/2020	2	158	Bạch Thị Phương	Thảo	17/05/1993	TTYT Thường Tín	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1862	DSVIV-4653	06/12/2020	2	158	Nguyễn Thị	Thiết	10/01/1993	TTYT Mê Linh	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1863	DSVIV-4654	06/12/2020	2	158	Nguyễn Lệ	Thương	17/12/1990	TTYT Ba Đình	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1864	DSVIV-4655	06/12/2020	3	158	Kiều Thị	Thủy	05/07/1979	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1865	DSVIV-4656	06/12/2020	3	158	Đỗ Thị Thanh	Thủy	26/08/1993	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1866	DSVIV-4657	06/12/2020	3	158	Nguyễn Thị	Thủy	10/10/1993	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1867	DSVIV-4658	06/12/2020	3	158	Nguyễn Thị	Toản	09/08/1984	TTYT Hà Đông	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1868	DSVIV-4659	06/12/2020	3	158	Dương Thị Thu	Trang	24/03/1976	TTYT Sóc Sơn	Dân số viên hạng IV	**Tin học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Tin học (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1869	DSVIV-4660	06/12/2020	3	158	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28/05/1987	TTYT Chương Mỹ	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1870	DSVIV-4661	06/12/2020	3	158	Nguyễn Tài	Trí	11/10/1978	TTYT Nam Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	CBB	
1871	DSVIV-4662	06/12/2020	4	158	Đoàn Thị Cẩm	Tú	17/02/1991	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1872	DSVIV-4663	06/12/2020	4	158	Nguyễn Thị	Tuyết	10/06/1990	TTYT Phúc Thọ	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	CĐ	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)	**CTB**	
1873	DSVIV-4664	06/12/2020	4	158	Đặng Thị Minh	Tuyết	28/04/1991	TTYT thị xã Sơn Tây	Dân số viên hạng IV	**Y sỹ đa khoa (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Y sỹ đa khoa (Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ Dân số - Kế hoạch hoá gia đình đạt chuẩn viên chức dân số)		
1874	DSVIV-4665	06/12/2020	4	158	Nguyễn Thanh	Vân	16/01/1993	TTYT Hai Bà Trưng	Dân số viên hạng IV	**Dân số, y tế (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1875	DSVIV-4666	06/12/2020	4	158	Đỗ Thị Thu	Vân	25/05/1988	TTYT Bắc Từ Liêm	Dân số viên hạng IV	**Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Dược (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1876	DSVIV-4667	06/12/2020	4	158	Phạm Văn	Việt	13/02/1991	TTYT Phú Xuyên	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	ĐH	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
1877	DSVIV-4668	06/12/2020	4	158	Lê Thị Hải	Yến	07/8/1989	TTYT Ứng Hòa	Dân số viên hạng IV	**Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)**	TC	Điều dưỡng (chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - KHHGĐ đạt chuẩn viên chức dân số)		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CÔNG TÁC XÃ HỘI VIÊN (HẠNG III) - V.09.04.02													
1878	CTXHIII-4669	06/12/2020	1	159	Phương Thị Thanh	An	17/02/1996	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1879	CTXHIII-4670	06/12/2020	1	159	Trần Thị Kim	Anh	10/07/1994	BVĐK Hà Đông	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1880	CTXHIII-4671	06/12/2020	1	159	Lê Trần	Anh	08/02/1991	BVĐK Đức Giang	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Quan hệ công chúng**	ĐH	Quan hệ công chúng		
1881	CTXHIII-4672	06/12/2020	1	159	Nguyễn Thảo	Anh	05/05/1993	BVĐK YHCT Hà Nội	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1882	CTXHIII-4673	06/12/2020	1	159	Nguyễn Minh	Châu	17/03/1985	BVĐK Đan Phượng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1883	CTXHIII-4674	06/12/2020	1	159	Nguyễn Ngọc	Diệp	05/10/1988	BVĐK Đức Giang	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý xã hội**	ĐH	Tâm lý học xã hội		
1884	CTXHIII-4675	06/12/2020	1	159	Nguyễn Thị Thùy	Dung	23/07/1993	BV Mắt Hà Đông	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1885	CTXHIII-4676	06/12/2020	2	159	Cù Thị Thu	Hà	14/05/1995	BV Phục hồi chức năng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1886	CTXHIII-4677	06/12/2020	2	159	Lê Thị	Hà	10/05/1980	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý học**	ĐH	Tâm lý học		
1887	CTXHIII-4678	06/12/2020	2	159	Bùi Thu	Hằng	19/09/1995	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1888	CTXHIII-4679	06/12/2020	2	159	Hoàng Thị Thu	Hiền	26/05/1992	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý học**	Ths	Tâm lý học (thạc sỹ tâm lý học)		
1889	CTXHIII-4680	06/12/2020	2	159	Đào Thu	Hiền	30/11/1997	BVĐK Đan Phượng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1890	CTXHIII-4681	06/12/2020	2	159	Nguyễn Quốc	Hưng	25/04/1994	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1891	CTXHIII-4682	06/12/2020	2	159	Phùng Thị Thanh	Huyền	06/03/1991	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1892	CTXHIII-4683	06/12/2020	3	159	Nguyễn Thị	Khanh	08/11/1992	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý học**	ĐH	Tâm lý học		
1893	CTXHIII-4684	06/12/2020	3	159	Nguyễn Thị Thùy	Liên	15/11/1996	BVĐK Sơn Tây	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1894	CTXHIII-4685	06/12/2020	3	159	Phạm Khánh	Linh	02/09/1996	BV Da liễu Hà Nội	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1895	CTXHIII-4686	06/12/2020	3	159	Nguyễn Diệu	Linh	24/10/1993	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	Ths	Công tác xã hội (thạc sĩ công tác xã hội)		
1896	CTXHIII-4687	06/12/2020	3	159	Nguyễn Hương	Ly	08/04/1994	BVĐK Đan Phượng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1897	CTXHIII-4688	06/12/2020	3	159	Bùi Thị Thanh	Mai	27/07/1994	BVĐK Hà Đông	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1898	CTXHIII-4689	06/12/2020	1	160	Tống Quang	Mạnh	10/08/1985	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1899	CTXHIII-4690	06/12/2020	1	160	Phùng Thị	Ngà	13/07/1992	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1900	CTXHIII-4691	06/12/2020	1	160	Nguyễn Minh	Ngọc	14/11/1996	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1901	CTXHIII-4692	06/12/2020	1	160	Nguyễn Thị Kim	Oanh	19/12/1977	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Ngân hàng (chứng chỉ nghiệp vụ Công tác xã hội trong bệnh viện)		
1902	CTXHIII-4693	06/12/2020	1	160	Đinh Thúy	Quỳnh	05/07/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1903	CTXHIII-4694	06/12/2020	1	160	Nguyễn Mậu	Thái	23/10/1994	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý giáo dục**	ĐH	Tâm lý giáo dục		
1904	CTXHIII-4695	06/12/2020	1	160	Dương Thị Oanh	Thanh	16/07/1987	BV Phục hồi chức năng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1905	CTXHIII-4696	06/12/2020	2	160	Tô Thị	Thanh	15/07/1985	BV Tâm thần HN	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Tâm lý giáo dục**	Ths	SP tâm lý giáo dục (thạc sỹ Tâm lý học)		
1906	CTXHIII-4697	06/12/2020	2	160	Trần Thị	Thành	21/02/1990	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1907	CTXHIII-4698	06/12/2020	2	160	Lý Thị Phương	Thảo	11/12/1994	BVĐK Sơn Tây	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội	DTTS	
1908	CTXHIII-4699	06/12/2020	2	160	Phùng Thị Lan	Thương	17/12/1994	BVĐK Sơn Tây	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1909	CTXHIII-4700	06/12/2020	2	160	Lê Phương	Thúy	16/02/1985	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	Ths	Khoa học xã hội và nhân văn (thạc sĩ công tác xã hội)		
1910	CTXHIII-4701	06/12/2020	2	160	Nguyễn Thị	Thúy	12/6/1993	BVĐK Sơn Tây	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1911	CTXHIII-4702	06/12/2020	3	160	Đậu Thị	Tình	04/02/1988	BVĐK Hà Đông	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
1912	CTXHIII-4703	06/12/2020	3	160	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	19/12/1974	BV Phục hồi chức năng	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Giáo dục chính trị (chứng chỉ công tác xã hội)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1913	CTXHIII-4704	06/12/2020	3	160	Lê Thị Quỳnh	Trang	15/10/1991	BVĐK Xanh Pôn	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ThS	Công tác xã hội (thạc sĩ công tác xã hội)	DTTS	
1914	CTXHIII-4705	06/12/2020	3	160	Đặng Thị Kim	Tuyến	03/09/1993	BVĐK Ba Vì	Công tác xã hội viên (hạng III)	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI (HẠNG IV) - V.09.04.03													
1915	NVCTXH-4706	06/12/2020	3	160	Nguyễn Thị Phương	Châm	08/10/1991	BVĐK Đan Phượng	Nhân viên công tác xã hội (hạng IV)	**Công tác xã hội**	CĐ	Công tác xã hội		
1916	NVCTXH-4707	06/12/2020	3	160	Nguyễn Thị	Hồng	29/05/1983	BVĐK Đan Phượng	Nhân viên công tác xã hội (hạng IV)	**Công tác xã hội**	CĐ	Công tác xã hội		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ SƯ (HẠNG III) - V.05.02.07													
1917	KS-4708	06/12/2020	1	161	Nguyễn Phương	Anh	26/12/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ThS	Công nghệ kỹ thuật môi trường (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)		
1918	KS-4709	06/12/2020	1	161	Nguyễn Ngọc	Anh	15/08/1992	TTYT Ba Vì	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học		
1919	KS-4710	06/12/2020	1	161	Phí Kim	Bảo	19/12/1990	BV Thanh Nhàn	Kỹ sư (hạng III)	**Sư phạm kỹ thuật điện tử**	ĐH	Sư phạm kỹ thuật điện tử		
1920	KS-4711	06/12/2020	1	161	Vũ Minh	Châu	29/08/1997	BVĐK Thanh Trì	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1921	KS-4712	06/12/2020	1	161	Lê Thị Minh	Châu	24/12/1991	TTYT Nam Từ Liêm	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Công nghệ thực phẩm		
1922	KS-4713	06/12/2020	1	161	Nguyễn Văn	Công	07/02/1990	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ sư (hạng III)	**Điện tử viễn thông**	ĐH	Điện tử viễn thông		
1923	KS-4714	06/12/2020	1	161	Lê Huy	Cường	02/04/1990	BVĐK Gia Lâm	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1924	KS-4715	06/12/2020	1	161	Nguyễn Tiến	Đạt	15/11/1990	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Sinh học**	ThS	Sư phạm sinh học (có bằng thạc sỹ Sinh học)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1925	KS-4716	06/12/2020	2	161	Nguyễn Tiến	Đông	04/10/1987	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1926	KS-4717	06/12/2020	2	161	Trần Anh	Đức	31/08/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	ĐH	Kỹ thuật điện tử viễn thông		
1927	KS-4718	06/12/2020	2	161	Nguyễn Chí	Đức	01/09/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ sư điện công nghiệp và dân dụng**	ĐH	Điện công nghiệp và dân dụng		
1928	KS-4719	06/12/2020	2	161	Hoàng Anh	Đức	06/03/1984	BV Ung Bướu HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1929	KS-4720	06/12/2020	2	161	Hồng Ngọc	Giang	14/12/1991	BVĐK Đống Đa	Kỹ sư (hạng III)	**Tin học ứng dụng**	ĐH	Tin học ứng dụng		
1930	KS-4721	06/12/2020	2	161	Nguyễn Trường	Giang	19/07/1980	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học môi trường**	ĐH	Công nghệ môi trường		
1931	KS-4722	06/12/2020	2	161	Nguyễn Sơn	Hà	28/02/1986	BVĐK Thạch Thất	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học máy tính**	ĐH	Khoa học máy tính		
1932	KS-4723	06/12/2020	3	161	Hoàng Thị Thu	Hà	24/04/1995	TT Pháp y Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học		
1933	KS-4724	06/12/2020	3	161	Trần Thị	Hà	02/7/1981	TTYT Bắc Từ Liêm	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1934	KS-4725	06/12/2020	3	161	Đinh Xuân	Hải	20/03/1986	BV 09	Kỹ sư (hạng III)	**Tin học ứng dụng**	ĐH	Tin học ứng dụng		
1935	KS-4726	06/12/2020	3	161	Phạm Bùi	Hải	19/09/1995	BVĐK Thanh Trì	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1936	KS-4727	06/12/2020	3	161	Đỗ Thanh	Hải	23/02/1985	BV Thận HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1937	KS-4728	06/12/2020	3	161	Nguyễn Thị Thu	Hằng	23/07/1988	BVĐK Hoài Đức	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1938	KS-4729	06/12/2020	3	161	Nguyễn Thị Thu	Hiền	07/05/1990	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1939	KS-4730	06/12/2020	4	161	Trần Như	Hiếu	03/10/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Công nghệ thực phẩm		
1940	KS-4731	06/12/2020	4	161	Hoàng Thị Trung	Hiếu	16/06/1980	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học môi trường**	Ths	Khoa học môi trường (có bằng thạc sỹ khoa học môi trường)		
1941	KS-4732	06/12/2020	4	161	Trần Thị Thanh	Hồng	25/09/1989	BVĐK Thạch Thất	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học máy tính**	ĐH	Khoa học máy tính		
1942	KS-4733	06/12/2020	4	161	Võ Văn	Hùng	29/03/1984	BVĐK YHCT Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật y sinh**	ĐH	Kỹ thuật y sinh		
1943	KS-4734	06/12/2020	4	161	Nguyễn Quang	Hưng	24/01/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1944	KS-4735	06/12/2020	4	161	Nguyễn Lan	Hương	03/10/1991	BVĐK Sơn Tây	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1945	KS-4736	06/12/2020	4	161	Tống Thị	Hương	05/12/1995	BV YHCT Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	**Hệ thống thông tin**		
1946	KS-4737	06/12/2020	1	162	Vũ Quỳnh	Hương	13/11/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học môi trường**	Ths	Địa lý (thạc sỹ Khoa học môi trường)	**CBB**	
1947	KS-4738	06/12/2020	1	162	Lê Thị	Hường	12/02/1995	BVĐK Vân Đình	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1948	KS-4739	06/12/2020	1	162	Đặng	Hữu	25/10/1980	BVĐK Chương Mỹ	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1949	KS-4740	06/12/2020	1	162	Mai Thị Thu	Huyền	15/03/1987	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học môi trường**	Ths	Môi trường (có bằng thạc sỹ Khoa học môi trường)		
1950	KS-4741	06/12/2020	1	162	Nguyễn Đăng	Khoa	31/12/1987	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ sư (hạng III)	**Tin học ứng dụng**	ĐH	Tin học ứng dụng		
1951	KS-4742	06/12/2020	1	162	Đặng Văn	Kiên	15/04/1985	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1952	KS-4743	06/12/2020	1	162	Nguyễn Sơn	Lâm	24/04/1979	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật y sinh**	ĐH	Kỹ thuật y sinh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1953	KS-4744	06/12/2020	2	162	Nguyễn Sơn	Lâm	08/05/1986	BV Tâm thần HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1954	KS-4745	06/12/2020	2	162	Nguyễn Thị Hồng	Lê	06/08/1982	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Công nghệ thực phẩm		
1955	KS-4746	06/12/2020	2	162	Phạm Thị Thanh	Lịch	02/07/1987	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	Ths	Công nghệ thực phẩm (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)		
1956	KS-4747	06/12/2020	2	162	Trần Thị Trang	Liên	08/10/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Công nghệ thực phẩm		
1957	KS-4748	06/12/2020	2	162	Nguyễn Ngọc	Linh	14/06/1985	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1958	KS-4749	06/12/2020	2	162	Nguyễn Thùy	Linh	04/03/1995	TTYT Nam Từ Liêm	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Công nghệ thực phẩm		
1959	KS-4750	06/12/2020	2	162	Nguyễn Thị	Loan	02/09/1987	TTYT Tây Hồ	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin và công nghệ máy tính**	ĐH	**Công nghệ thông tin và công nghệ máy tính**		
1960	KS-4751	06/12/2020	3	162	Đỗ Tuấn	Long	27/5/1985	BVĐK Sơn Tây	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1961	KS-4752	06/12/2020	3	162	Trần Huy	Long	03/01/1989	BVĐK Đan Phượng	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1962	KS-4753	06/12/2020	3	162	Phí Văn	Mạnh	30/09/1990	BVĐK Thạch Thất	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật y sinh**	ĐH	Kỹ thuật y sinh		
1963	KS-4754	06/12/2020	3	162	Đỗ Hữu	Minh	04/08/1984	BVĐK Đan Phượng	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1964	KS-4755	06/12/2020	3	162	Dương Anh	Nam	23/03/1990	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1965	KS-4756	06/12/2020	3	162	Bùi Hưng	Nam	15/08/1981	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1966	KS-4757	06/12/2020	3	162	Quách Giang	Nam	07/03/1993	BV Tâm thần HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	**CTB**	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1967	KS-4758	06/12/2020	4	162	Nguyễn Đức	Nam	09/10/1989	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1968	KS-4759	06/12/2020	4	162	Mai Trọng	Nghĩa	23/02/1989	TTYT Thanh Oai	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1969	KS-4760	06/12/2020	4	162	Nguyễn Đình	Nhất	25/12/1987	BV Thanh Nhàn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	**HTNV**	
1970	KS-4761	06/12/2020	4	162	Phan Thanh	Phương	10/09/1990	TTYT Ba Vì	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học		
1971	KS-4762	06/12/2020	4	162	Lại Thị	Phượng	08/12/1989	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học		
1972	KS-4763	06/12/2020	4	162	Bùi Đăng	Quân	01/08/1984	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin	**CBB**	
1973	KS-4764	06/12/2020	4	162	Khuất Tiến	Quân	27/5/1982	BVTT Mỹ Đức	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Tin học		
1974	KS-4765	06/12/2020	1	163	Lưu	Quang	18/12/1990	BVĐK Ba Vì	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1975	KS-4766	06/12/2020	1	163	Đào Đình	Quyết	23/03/1984	TTYT Long Biên	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	Ths	Công nghệ sinh học (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)		
1976	KS-4767	06/12/2020	1	163	Trần Nhật	Tân	25/07/1983	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện**	Ths	Điện (bằng thạc sĩ chuyên ngành sư phạm kỹ thuật)		
1977	KS-4768	06/12/2020	1	163	Tạ Thị	Thắm	09/01/1986	TTYT Long Biên	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Đại học Công nghệ thực phẩm	**CLS**	
1978	KS-4769	06/12/2020	1	163	Đỗ Thị Thạch	Thảo	02/04/1994	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Công nghệ thực phẩm		
1979	KS-4770	06/12/2020	1	163	Lê Thị Đích	Thạo	05/03/1987	BVĐK Vân Đình	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1980	KS-4771	06/12/2020	1	163	Lê Hà	Thêm	29/12/1982	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện**	ĐH	Kỹ thuật điện		
1981	KS-4772	06/12/2020	2	163	Trần Thị	Thêu	15/08/1979	BV Phổi Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1982	KS-4773	06/12/2020	2	163	Mai Trọng	Thiên	24/11/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	ĐH	Điện tử viễn thông		
1983	KS-4774	06/12/2020	2	163	Nguyễn Thị	Thủy	03/09/1987	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	Ths	Tin học (có bằng thạc sỹ Khoa học máy tính)		
1984	KS-4775	06/12/2020	2	163	Nguyễn Thị	Thủy	01/06/1991	TTYT Long Biên	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Công nghệ thực phẩm		
1985	KS-4776	06/12/2020	2	163	Nguyễn Minh	Tiến	19/04/1988	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học	**CTB, CĐCĐ**	
1986	KS-4777	06/12/2020	2	163	Bùi Quang	Toàn	01/08/1992	BVĐK Đông Anh	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật y sinh**	ĐH	Kỹ thuật y sinh		
1987	KS-4778	06/12/2020	2	163	Lê Đào Mai	Trang	13/10/1985	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1988	KS-4779	06/12/2020	3	163	Phạm Thị	Trang	21/04/1989	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	ĐH	Công nghệ thực phẩm		
1989	KS-4780	06/12/2020	3	163	Lưu Quang	Trung	25/05/1991	BVĐK Đức Giang	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1990	KS-4781	06/12/2020	3	163	Hoàng Thanh	Tú	13/09/1986	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học		
1991	KS-4782	06/12/2020	3	163	Nguyễn Thanh	Tuấn	07/10/1982	BVĐK Thạch Thất	Kỹ sư (hạng III)	**Khoa học máy tính**	ĐH	Khoa học máy tính	**CTB**	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1992	KS-4783	06/12/2020	3	163	Đào Đức	Tùng	09/11/1987	BV Phổi Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1993	KS-4784	06/12/2020	3	163	Hứa Minh	Tùng	22/11/1987	BVĐK Sơn Tây	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1994	KS-4785	06/12/2020	3	163	Nguyễn Thị	Tuyết	05/07/1992	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thực phẩm**	Ths	Công nghệ thực phẩm (thạc sỹ Công nghệ thực phẩm)		
1995	KS-4786	06/12/2020	4	163	Lê Thị Tố	Uyên	25/11/1996	BVĐK Hà Đông	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học		
1996	KS-4787	06/12/2020	4	163	Trần Minh	Việt	16/04/1968	BVĐK Xanh Pôn	Kỹ sư (hạng III)	**Điện tử viễn thông**	ĐH	Điện tử viễn thông		
1997	KS-4788	06/12/2020	4	163	Đặng Duy	Vũ	21/04/1991	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
1998	KS-4789	06/12/2020	4	163	Nguyễn Thị	Vững	20/10/1979	BV Phụ Sản Hà Nội	Kỹ sư (hạng III)	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	ĐH	Điện tử viễn thông		
1999	KS-4790	06/12/2020	4	163	Lỗ Thị Thanh	Xuân	30/03/1989	BVĐK Mê Linh	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
2000	KS-4791	06/12/2020	4	163	Nguyễn Thị	Yến	30/05/1994	BVĐK Đan Phượng	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Công nghệ thông tin		
2001	KS-4792	06/12/2020	4	163	Đỗ Thị Hồng	Yến	03/01/1991	TTYT Hai Bà Trưng	Kỹ sư (hạng III)	**Công nghệ sinh học**	ĐH	Công nghệ sinh học		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KỸ THUẬT VIÊN (HẠNG IV) - V.05.02.08													
2002	KTV-4793	06/12/2020	1	164	Vũ Ngọc	Ánh	29/10/1987	BV Phục hồi chức năng	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kỹ thuật điện tử viễn thông**	TC	Điện tử viễn thông		
2003	KTV-4794	06/12/2020	1	164	Lê Văn	Bình	21/08/1982	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Cơ điện**	CĐ	Cơ điện		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2004	KTV-4795	06/12/2020	1	164	Nguyễn Bá	Bình	26/02/1969	TTYT Hoài Đức	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Công nghệ thông tin		
2005	KTV-4796	06/12/2020	1	164	Vũ Mạnh	Cường	28/08/1993	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kỹ thuật viên thiết bị điện tử y tế**	CĐ	Kỹ thuật thiết bị điện tử y tế		
2006	KTV-4797	06/12/2020	1	164	Trần Thị Kim	Dung	15/08/1988	BVĐK Mê Linh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	ĐH	Tin học		
2007	KTV-4798	06/12/2020	1	164	Bùi Thị Thanh	Giang	21/11/1991	BV Tâm thần HN	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Bảo quản và chế biến nông sản**	ĐH	Bảo quản và chế biến nông sản	CTB	
2008	KTV-4799	06/12/2020	2	164	Chu Thị Minh	Hằng	27/5/1991	BVĐK Sóc Sơn	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kỹ thuật môi trường**	CĐ	Kỹ thuật môi trường		
2009	KTV-4800	06/12/2020	2	164	Đỗ Thúy	Lệ	17/02/1996	BVĐK Vân Đình	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Công nghệ thông tin		
2010	KTV-4801	06/12/2020	2	164	Trương Đức	Lợi	10/07/1997	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Kỹ thuật viên thiết bị điện tử y tế**	CĐ	Điện tử y tế		
2011	KTV-4802	06/12/2020	2	164	Nguyễn Thành	Long	06/08/1988	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Công nghệ thông tin		
2012	KTV-4803	06/12/2020	2	164	Ngô Thị	Nhung	19/05/1991	BVĐK Đống Đa	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Công nghệ thông tin		
2013	KTV-4804	06/12/2020	2	164	Lê Cao	Quý	11/09/1982	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Điện công nghiệp**	TC	Điện công nghiệp		
2014	KTV-4805	06/12/2020	3	164	Nguyễn Xuân	Quý	03/04/1985	BVĐK Đức Giang	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Điện lạnh**	CĐ	Điện lạnh		
2015	KTV-4806	06/12/2020	3	164	Nguyễn Duy	Quý	13/11/1983	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Công nghệ thông tin		
2016	KTV-4807	06/12/2020	3	164	Lại Duy	Tiến	24/06/1987	BVĐK Đông Anh	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	CĐ	Sư phạm tin học		
2017	KTV-4808	06/12/2020	3	164	Đỗ Phương	Trường	08/10/1991	BVĐK Mỹ Đức	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**KĨ thuật thiết bị điện tử y tế**	CĐ	KĨ thuật thiết bị điện tử y tế		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2018	KTV-4809	06/12/2020	3	164	Nguyễn Văn	Tú	12/12/1989	BVĐK Phú Xuyên	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Lập trình máy tính**	CĐ	Lập trình máy tính		
2019	KTV-4810	06/12/2020	3	164	Nguyễn Anh	Tuấn	29/06/1993	BVĐK Gia Lâm	Kỹ thuật viên (hạng IV)	**Công nghệ thông tin**	TC	Công nghệ thông tin		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHUYÊN VIÊN - 01.003													
2020	CV-4811	06/12/2020	1	165	Trần Thị Mai	An	15/12/1974	BVĐK Xanh Pôn	Chuyên viên	**Tài chính**	ĐH	Tài chính		
2021	CV-4812	06/12/2020	1	165	Vương Hoài	Anh	02/10/1991	BVĐK Xanh Pôn	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2022	CV-4813	06/12/2020	1	165	Vũ Thị Kim	Anh	20/09/1980	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2023	CV-4814	06/12/2020	1	165	Phùng Thị Quỳnh	Anh	18/03/1996	BVĐK Ba Vì	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2024	CV-4815	06/12/2020	1	165	Nguyễn Ngọc	Anh	26/12/1993	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2025	CV-4816	06/12/2020	1	165	Chẩu Thị Vân	Anh	19/01/1986	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2026	CV-4817	06/12/2020	1	165	Vũ Phương	Anh	19/05/1983	TTYT Hai Bà Trưng	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2027	CV-4818	06/12/2020	2	165	Nguyễn Mai	Anh	27/04/1993	TTYT Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	Ths	Quản trị nhân lực (thạc sỹ quản trị nhân lực)		
2028	CV-4819	06/12/2020	2	165	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/07/1991	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	**Khoa học thư viện**	ĐH	Khoa học thư viện		
2029	CV-4820	06/12/2020	2	165	Nguyễn Thị	Ánh	29/07/1992	BVĐK Đông Anh	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2030	CV-4821	06/12/2020	2	165	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	26/10/1995	BVĐK Sơn Tây	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực		
2031	CV-4822	06/12/2020	2	165	Bùi Thị Ngọc	Bích	27/06/1992	BV Ung Bướu HN	Chuyên viên	**Kinh tế đầu tư**	ĐH	Kinh tế đầu tư		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2032	CV-4823	06/12/2020	2	165	Nguyễn Thị Minh	Châu	13/11/1991	BVĐK Xanh Pôn	Chuyên viên	**Quản lý công và doanh nghiệp**	Ths	Tiếng Pháp (thạc sỹ Quản lý công và doanh nghiệp)		
2033	CV-4824	06/12/2020	2	165	Ngô Thị Phương	Chi	22/02/1992	TTYT Ba Đình	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2034	CV-4825	06/12/2020	3	165	Nguyễn Bá	Chiến	27/02/1992	BVĐK Ba Vì	Chuyên viên	**Hành chính học**	ĐH	Hành chính học		
2035	CV-4826	06/12/2020	3	165	Vũ Thị	Chuyên	09/04/1991	TTYT Chương Mỹ	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2036	CV-4827	06/12/2020	3	165	Lê Văn	Chuyển	02/06/1988	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Kinh tế**	ĐH	Kinh tế		
2037	CV-4828	06/12/2020	3	165	Mai Văn	Cương	30/06/1983	BVĐK Sóc Sơn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	Ths	Kế toán (thạc sỹ Quản trị kinh doanh)		
2038	CV-4829	06/12/2020	3	165	Nguyễn Thế	Duẩn	22/05/1982	TTYT Mỹ Đức	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2039	CV-4830	06/12/2020	3	165	Tạ Thị Kim	Dung	30/10/1994	TTYT Sóc Sơn	Chuyên viên	**Hệ thống thông tin quản lý**	ĐH	Hệ thống thông tin quản lý		
2040	CV-4831	06/12/2020	3	165	Ngô Quý	Dương	11/11/1983	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Kỹ sư Kinh tế xây dựng**	ĐH	Kỹ sư Kinh tế xây dựng	**CTB**	
2041	CV-4832	06/12/2020	4	165	Nguyễn Phan	Dương	21/10/1996	BVĐK Hoài Đức	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực		
2042	CV-4833	06/12/2020	4	165	Phạm Thanh	Duyên	04/11/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Chuyên viên	**Quản lý bệnh viện**	ĐH	Quản lý bệnh viện		
2043	CV-4834	06/12/2020	4	165	Nguyễn Thị	Duyên	14/04/1994	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2044	CV-4835	06/12/2020	4	165	Đặng Thị Hương	Giang	06/05/1979	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2045	CV-4836	06/12/2020	4	165	Triệu Hương	Giang	03/08/1981	TTYT Hà Đông	Chuyên viên	**Quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản lý kinh doanh		
2046	CV-4837	06/12/2020	4	165	Trần Thị Thu	Hà	18/11/1985	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2047	CV-4838	06/12/2020	4	165	Tô Thị Ngọc	Hà	09/12/1993	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2048	CV-4839	06/12/2020	1	166	Chu Thị Thu	Hà	22/05/1980	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	**CĐCĐ**	
2049	CV-4840	06/12/2020	1	166	Nguyễn Việt	Hà	04/12/1992	TTYT Cầu Giấy	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2050	CV-4841	06/12/2020	1	166	Nguyễn Thu	Hà	03/10/1992	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2051	CV-4842	06/12/2020	1	166	Đỗ Thanh	Hải	17/09/1995	BV Phụ Sản Hà Nội	Chuyên viên	**Quản lý bệnh viện**	ĐH	Quản lý bệnh viện		
2052	CV-4843	06/12/2020	1	166	Lê Thị Thúy	Hải	18/03/1972	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2053	CV-4844	06/12/2020	1	166	Nguyễn Hà	Hải	30/11/1984	TTYT Thanh Xuân	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2054	CV-4845	06/12/2020	1	166	Nguyễn Thị Thu	Hằng	20/10/1991	TTYT Thanh Trì	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2055	CV-4846	06/12/2020	2	166	Ngô Thị Bích	Hằng	07/11/1992	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Kinh tế**	ĐH	Kinh tế		
2056	CV-4847	06/12/2020	2	166	Đỗ Nguyễn Thúy	Hằng	02/04/1986	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2057	CV-4848	06/12/2020	2	166	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	19/07/1972	BVĐK Xanh Pôn	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	**CTB**	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2058	CV-4849	06/12/2020	2	166	Nguyễn Mỹ	Hạnh	16/08/1996	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực		
2059	CV-4850	06/12/2020	2	166	Bùi Thị Hồng	Hạnh	21/07/1988	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2060	CV-4851	06/12/2020	2	166	Nguyễn Mỹ	Hạnh	31/12/1995	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2061	CV-4852	06/12/2020	2	166	Nguyễn Thị	Hạnh	07/07/1989	TTYT Bắc Từ Liêm	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2062	CV-4853	06/12/2020	3	166	Dư Thị Hồng	Hảo	18/10/1991	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	Ths	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ tài chính ngân hàng)		
2063	CV-4854	06/12/2020	3	166	Ngô Thừa	Hạo	24/03/1980	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Kinh tế**	ĐH	Kinh tế		
2064	CV-4855	06/12/2020	3	166	Vương Thị	Hậu	07/02/1980	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản lý kinh doanh		
2065	CV-4856	06/12/2020	3	166	Đào Thị Thu	Hiền	02/09/1982	BVĐK Hà Đông	Chuyên viên	**Hành chính học**	ĐH	Hành chính học		
2066	CV-4857	06/12/2020	3	166	Nguyễn Thị	Hiền	25/01/1988	TTYT Thanh Xuân	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2067	CV-4858	06/12/2020	3	166	Nguyễn Chí	Hiếu	02/12/1973	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản lý kinh tế**	ĐH	Quản lý kinh tế		
2068	CV-4859	06/12/2020	3	166	Nguyễn Văn	Hiếu	19/08/1995	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2069	CV-4860	06/12/2020	4	166	Nguyễn Thị	Hoa	26/02/1988	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2070	CV-4861	06/12/2020	4	166	Nguyễn Ngọc	Hoa	27/02/1991	BV Phổi Hà Nội	Chuyên viên	**Quản lý bệnh viện**	Ths, ĐH	Quản lý bệnh viện (thạc sỹ quản lý bệnh viện)		
2071	CV-4862	06/12/2020	4	166	Nguyễn Thị Minh	Hòa	23/07/1985	BVĐK Ba Vì	Chuyên viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2072	CV-4863	06/12/2020	4	166	Đỗ Thị	Hòa	17/9/1994	BVĐK Sơn Tây	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực		
2073	CV-4864	06/12/2020	4	166	Đoàn Công	Hoan	02/10/1975	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2074	CV-4865	06/12/2020	4	166	Phạm Chí	Hùng	04/03/1980	BVĐK YHCT Hà Nội	Chuyên viên	**Quan hệ quốc tế**	ĐH	Quan hệ quốc tế		
2075	CV-4866	06/12/2020	4	166	Ngô Thị Thu	Hương	09/09/1993	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2076	CV-4867	06/12/2020	1	167	Nguyễn Thị	Hương	13/08/1992	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Chuyên viên	**Y tế công cộng**	ĐH	Y tế công cộng		
2077	CV-4868	06/12/2020	1	167	Nguyễn Thị Diệu	Hương	15/10/1991	BV Tâm thần Ban ngày Mai Hương	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2078	CV-4869	06/12/2020	1	167	Nguyễn Thị	Hương	10/10/1991	BVĐK Sóc Sơn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	CBB	
2079	CV-4870	06/12/2020	1	167	Nguyễn Hạnh	Hương	10/08/1990	TT Cấp cứu 115 Hà Nội	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2080	CV-4871	06/12/2020	1	167	Vũ Thị Tuyết	Hương	01/11/1994	TTYT Hoàn Kiếm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2081	CV-4872	06/12/2020	1	167	Nguyễn Thị	Hương	12/9/1986	TTYT Cầu Giấy	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2082	CV-4873	06/12/2020	1	167	Phạm Thị Thanh	Hương	04/10/1996	TTYT Chương Mỹ	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2083	CV-4874	06/12/2020	2	167	Đào Mai Anh	Huy	26/05/1981	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	HTNV	
2084	CV-4875	06/12/2020	2	167	Trần Thu	Huyền	26/10/1975	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2085	CV-4876	06/12/2020	2	167	Phạm Thanh	Huyền	28/09/1991	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2086	CV-4877	06/12/2020	2	167	Trần Thị	Kiều	01/10/1990	TTYT Đống Đa	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2087	CV-4878	06/12/2020	2	167	Nguyễn Bảo	Lâm	15/08/1995	TTYT Mỹ Đức	Chuyên viên	**Quản lý nhà nước**	ĐH	Quản lý nhà nước		
2088	CV-4879	06/12/2020	2	167	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	05/12/1991	BVĐK Gia Lâm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2089	CV-4880	06/12/2020	2	167	Vũ Thị	Lịch	07/07/1987	BV Phổi Hà Nội	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2090	CV-4881	06/12/2020	3	167	Nguyễn Ngọc	Linh	14/08/1996	BV Da liễu Hà Nội	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2091	CV-4882	06/12/2020	3	167	Bùi Thùy	Linh	29/12/1997	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực		
2092	CV-4883	06/12/2020	3	167	Quách Thị Thùy	Linh	07/11/1993	BVĐK Sóc Sơn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2093	CV-4884	06/12/2020	3	167	Trịnh Phương	Linh	10/05/1991	TTYT Hoàn Kiếm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2094	CV-4885	06/12/2020	3	167	Nguyễn Thị Khánh	Linh	18/12/1995	TTYT Đống Đa	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2095	CV-4886	06/12/2020	3	167	Lưu Thùy	Linh	18/9/1996	TTYT Cầu Giấy	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật	**DTTS**	
2096	CV-4887	06/12/2020	3	167	Nguyễn Thị Hồng	Linh	19/10/1992	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2097	CV-4888	06/12/2020	4	167	Nguyễn Thị	Loan	21/10/1992	BVĐK Phúc Thọ	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2098	CV-4889	06/12/2020	4	167	Phạm Thị	Loan	11/02/1993	TTYT Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực		
2099	CV-4890	06/12/2020	4	167	Dương Thị	Lợi	16/06/1983	BV 09	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2100	CV-4891	06/12/2020	4	167	Dương Đức	Long	08/08/1988	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2101	CV-4892	06/12/2020	4	167	Nguyễn Thị	Luyến	26/09/1989	BVĐK Gia Lâm	Chuyên viên	**Luật kinh tế**	ĐH	Luật kinh tế		
2102	CV-4893	06/12/2020	4	167	La Thị	Lý	27/08/1988	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật	**DTTS**	
2103	CV-4894	06/12/2020	4	167	Phạm Nguyễn Bạch	Mai	11/11/1998	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2104	CV-4895	06/12/2020	1	168	Vũ Nguyễn Nhật	Minh	21/02/1997	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	**Luật quốc tế**	ĐH	Luật quốc tế		
2105	CV-4896	06/12/2020	1	168	Trần Thị	Nga	27/02/1985	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	**Công nghệ môi trường**	ĐH	Công nghệ môi trường		
2106	CV-4897	06/12/2020	1	168	Hồ Đại Quỳnh	Nga	18/04/1993	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Hệ thống thông tin quản lý**	ĐH	Hệ thống thông tin quản lý		
2107	CV-4898	06/12/2020	1	168	Đinh Thị Quỳnh	Nga	16/01/1993	BVĐK Chương Mỹ	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2108	CV-4899	06/12/2020	1	168	Đào Thị	Nga	24/04/1985	BVĐK Phú Xuyên	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2109	CV-4900	06/12/2020	1	168	Lê Thanh	Ngân	01/11/1991	BV Phụ Sản Hà Nội	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	Ths	Quản trị nhân lực (thạc sỹ quản trị nhân lực)		
2110	CV-4901	06/12/2020	1	168	Hoàng Thị Thu	Ngân	10/02/1991	BVĐK Đức Giang	Chuyên viên	**Bảo hiểm**	ĐH	Bảo hiểm		
2111	CV-4902	06/12/2020	2	168	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	01/10/1992	BVĐK Đông Anh	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2112	CV-4903	06/12/2020	2	168	Ngọ Hồng	Ngọc	09/11/1993	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2113	CV-4904	06/12/2020	2	168	Lương Minh	Ngọc	05/11/1990	BVĐK Thường Tín	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2114	CV-4905	06/12/2020	2	168	Hoàng Thị Minh	Nguyệt	08/04/1997	TTYT Mỹ Đức	Chuyên viên	**Quản lý nhà nước**	ĐH	Quản lý nhà nước		
2115	CV-4906	06/12/2020	2	168	Lê Thị	Nhớ	21/07/1984	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2116	CV-4907	06/12/2020	2	168	Nguyễn Phương	Nhung	05/01/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Chuyên viên	**Quản lý bệnh viện**	ĐH	Quản lý bệnh viện		
2117	CV-4908	06/12/2020	2	168	Nguyễn Thị	Nhung	01/12/1991	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2118	CV-4909	06/12/2020	3	168	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	12/4/1995	TTYT Đống Đa	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2119	CV-4910	06/12/2020	3	168	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	28/02/1997	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		
2120	CV-4911	06/12/2020	3	168	Nguyễn Minh	Phước	08/04/1992	BV Phục hồi chức năng	Chuyên viên	**Công nghệ môi trường**	ĐH	Công nghệ môi trường		
2121	CV-4912	06/12/2020	3	168	Nguyễn Thị Thu	Phương	16/04/1992	BVĐK Đông Anh	Chuyên viên	**Hành chính học**	Ths	Hành chính học (thạc sỹ quản lý công)		
2122	CV-4913	06/12/2020	3	168	Nguyễn Thị Xuân	Phương	09/08/1995	BV Tâm thần HN	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2123	CV-4914	06/12/2020	3	168	Đỗ Minh	Phượng	19/02/1993	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2124	CV-4915	06/12/2020	3	168	Nguyễn Thị	Phượng	12/12/1988	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2125	CV-4916	06/12/2020	4	168	Nguyễn Kim	Phượng	13/08/1993	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	Ths	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ tài chính ngân hàng)		
2126	CV-4917	06/12/2020	4	168	Nguyễn Thị Hoa	Phượng	03/11/1996	TTYT Ba Vì	Chuyên viên	**Công tác xã hội**	ĐH	Công tác xã hội		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2127	CV-4918	06/12/2020	4	168	Trần Hồng	Quân	10/03/1995	BVĐK YHCT Hà Nội	Chuyên viên	**Hành chính công**	ĐH	Quản lý nhà nước		
2128	CV-4919	06/12/2020	4	168	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	01/11/1989	BVĐK Phúc Thọ	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2129	CV-4920	06/12/2020	4	168	Hoàng Thị Như	Quỳnh	18/03/1984	TTYT Hoàn Kiếm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2130	CV-4921	06/12/2020	4	168	Nguyễn Thị Hồng	Sen	05/02/1985	BVĐK Ba Vì	Chuyên viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Tài chính Kế toán		
2131	CV-4922	06/12/2020	4	168	Kiều Thị Thanh	Tâm	09/8/1993	BVĐK Sơn Tây	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực		
2132	CV-4923	06/12/2020	1	169	Phạm Đức	Tâm	14/7/1987	TTYT Đống Đa	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2133	CV-4924	06/12/2020	1	169	Dương Thị	Thái	28/01/1993	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản Trị Kinh Doanh		
2134	CV-4925	06/12/2020	1	169	Phạm Tuấn	Thắng	23/11/1992	TTYT Thanh Xuân	Chuyên viên	**Kinh tế Quốc tế**	ĐH	Kinh tế Quốc tế		
2135	CV-4926	06/12/2020	1	169	Trần Kim	Thanh	09/03/1976	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2136	CV-4927	06/12/2020	1	169	Nguyễn Văn	Thanh	28/06/1987	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2137	CV-4928	06/12/2020	1	169	Nguyễn Thị	Thanh	12/04/1986	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2138	CV-4929	06/12/2020	1	169	Hà Ngọc	Thành	20/12/1987	BVĐK Hòe Nhai	Chuyên viên	**Kinh tế**	Ths	Kế toán (thạc sỹ Kinh tế)		
2139	CV-4930	06/12/2020	2	169	Vũ Thị	Thảo	02/08/1986	BV Da liễu Hà Nội	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2140	CV-4931	06/12/2020	2	169	Lê Thị	Thảo	04/12/1978	BVĐK Vân Đình	Chuyên viên	**Quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản lý kinh doanh		
2141	CV-4932	06/12/2020	2	169	Phạm Thị	Thảo	28/02/1988	BV 09	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	CTB	
2142	CV-4933	06/12/2020	2	169	Ngô Thị Thanh	Thảo	13/09/1988	BV Thận HN	Chuyên viên	**Thương mại và kinh tế quốc tế**	ĐH	Thương mại và kinh tế quốc tế		
2143	CV-4934	06/12/2020	2	169	Nguyễn Thị Phương	Thảo	22/04/1991	BVĐK Gia Lâm	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2144	CV-4935	06/12/2020	2	169	Nguyễn Lê Phương	Thảo	13/08/1994	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2145	CV-4936	06/12/2020	2	169	Nguyễn Thị Phương	Thảo	11/09/1989	TTYT Hai Bà Trưng	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2146	CV-4937	06/12/2020	3	169	Từ Đức	Thiện	02/11/1993	BVĐK Thạch Thất	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2147	CV-4938	06/12/2020	3	169	Nguyễn Thanh	Thiệp	03/02/1993	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2148	CV-4939	06/12/2020	3	169	Trương Thị Hà	Thu	18/09/1986	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Thông tin thư viện**	ĐH	Thông tin thư viện		
2149	CV-4940	06/12/2020	3	169	Nguyễn Quỳnh	Thu	27/07/1993	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2150	CV-4941	06/12/2020	3	169	Lâm Minh	Thư	10/04/1992	BV Thận HN	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2151	CV-4942	06/12/2020	3	169	Trần Văn	Thuận	16/10/1980	BV Da liễu Hà Nội	Chuyên viên	**Đồ họa quảng cáo**	ĐH	Đồ họa quảng cáo	**CĐCĐ**	
2152	CV-4943	06/12/2020	3	169	Bạch Anh	Thuận	06/04/1993	BVĐK Chương Mỹ	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực		
2153	CV-4944	06/12/2020	4	169	Phạm Thị	Thương	15/10/1993	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Đại học Quản trị kinh doanh	**CTB**	
2154	CV-4945	06/12/2020	4	169	Hoàng Thị Ngọc	Thương	20/10/1991	BVĐK Đông Anh	Chuyên viên	**Hành chính học**	ĐH	Hành chính học		
2155	CV-4946	06/12/2020	4	169	Hoàng Thị Diệu	Thúy	05/01/1983	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Kỹ sư Kinh tế xây dựng**	ĐH	Kỹ sư Kinh tế xây dựng	**CTB**	
2156	CV-4947	06/12/2020	4	169	Cao Thị	Thúy	31/12/1989	TTYT Thạch Thất	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2157	CV-4948	06/12/2020	4	169	Nguyễn Thị	Thúy	22/06/1991	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2158	CV-4949	06/12/2020	4	169	Đặng Thị Thu	Thủy	18/09/1985	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh	**CTB**	
2159	CV-4950	06/12/2020	1	170	Bùi Đức	Tín	08/09/1993	BV Mắt Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực		
2160	CV-4951	06/12/2020	1	170	Nguyễn Thu	Trang	16/01/1995	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực		
2161	CV-4952	06/12/2020	1	170	Nguyễn Thị Thùy	Trang	17/11/1990	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2162	CV-4953	06/12/2020	1	170	Nguyễn Thị Thu	Trang	28/09/1993	TTYT Thạch Thất	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2163	CV-4954	06/12/2020	1	170	Phạm Thu	Trang	19/07/1997	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2164	CV-4955	06/12/2020	1	170	Mai Thu	Trang	22/05/1992	TTYT Thanh Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng tiếng anh		
2165	CV-4956	06/12/2020	1	170	Bùi Đức	Trọng	02/01/1990	BV YHCT Hà Đông	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực		
2166	CV-4957	06/12/2020	2	170	Trần Toàn	Trung	08/10/1988	BVĐK Đống Đa	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2167	CV-4958	06/12/2020	2	170	Nguyễn Hoàng	Tú	05/12/1993	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản Trị Kinh Doanh		
2168	CV-4959	06/12/2020	2	170	Nguyễn Phan Anh	Tú	08/05/1991	TTYT Hoài Đức	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2169	CV-4960	06/12/2020	2	170	Phạm Minh	Tuấn	30/08/1991	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2170	CV-4961	06/12/2020	2	170	Nguyễn Đức	Tùng	21/08/1989	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2171	CV-4962	06/12/2020	2	170	Dương Tiến	Tùng	21/12/1991	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2172	CV-4963	06/12/2020	2	170	Mai Xuân	Tùng	12/09/1996	BV Bắc Thăng Long	Chuyên viên	**Luật**	ĐH	Luật		
2173	CV-4964	06/12/2020	3	170	Võ Thị Cẩm	Vân	28/02/1991	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Tài chính ngân hàng**	ĐH	Tài chính ngân hàng		
2174	CV-4965	06/12/2020	3	170	Nguyễn Thị Quế	Vân	04/05/1987	BVĐK Quốc Oai	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh**	ĐH	Quản Trị Kinh Doanh		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2175	CV-4966	06/12/2020	3	170	Lê Văn	Viên	20/03/1989	BVĐK Phúc Thọ	Chuyên viên	**Quản trị nhân lực**	ĐH	Quản trị nhân lực		
2176	CV-4967	06/12/2020	3	170	Vũ Thị	Xuân	14/06/1988	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Quản trị kinh doanh/quản lý kinh doanh**	ĐH	Quản trị kinh doanh		
2177	CV-4968	06/12/2020	3	170	Nguyễn Thị	Yên	27/09/1988	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2178	CV-4969	06/12/2020	3	170	Dương Hải	Yến	25/05/1991	BV Thanh Nhàn	Chuyên viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2179	CV-4970	06/12/2020	3	170	Đoàn Hải	Yến	25/07/1996	BVĐK YHCT Hà Nội	Chuyên viên	**Hành chính công**	ĐH	Quản lý nhà nước		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CÁN SỰ - 01.004													
2180	CS-4971	06/12/2020	4	170	Phạm Thu	Hằng	15/10/1979	BVĐK Hà Đông	Cán sự	**Thống kê**	CĐ	Thống kê		
2181	CS-4972	06/12/2020	4	170	Phạm Thị Mai	Hoa	20/07/1979	BV Hữu nghị Việt Nam-Cu Ba	Cán sự	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2182	CS-4973	06/12/2020	4	170	Nguyễn Thị	Phương	05/11/1993	BVĐK Vân Đình	Cán sự	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2183	CS-4974	06/12/2020	4	170	Trần Đắc	Thành	02/09/1992	TTYT Sóc Sơn	Cán sự	**Báo chí**	CĐ	Báo chí		
2184	CS-4975	06/12/2020	4	170	Nguyễn Thị	Thương	16/04/1988	BVĐK Vân Đình	Cán sự	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2185	CS-4976	06/12/2020	4	170	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	08/11/1992	TTYT Thanh Xuân	Cán sự	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KẾ TOÁN VIÊN - 06.031													

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2186	KTĐH-4977	06/12/2020	1	171	Dương Thị Phương	Anh	07/01/1992	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2187	KTĐH-4978	06/12/2020	1	171	Nguyễn Ngân	Anh	07/11/1994	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2188	KTĐH-4979	06/12/2020	1	171	Nguyễn Thị Hiền	Anh	15/04/1994	BV Ung Bướu HN	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2189	KTĐH-4980	06/12/2020	1	171	Nguyễn Ngọc	Anh	24/01/1991	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2190	KTĐH-4981	06/12/2020	1	171	Trần Thị Lan	Anh	24/08/1985	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2191	KTĐH-4982	06/12/2020	1	171	Nguyễn Tuấn	Anh	28/03/1990	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2192	KTĐH-4983	06/12/2020	1	171	Vũ Việt	Anh	22/12/1994	BVTT Mỹ Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2193	KTĐH-4984	06/12/2020	1	171	Vũ Thị Mai	Anh	25/10/1993	BV 09	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2194	KTĐH-4985	06/12/2020	2	171	Nguyễn Thị Vân	Anh	24/10/1990	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2195	KTĐH-4986	06/12/2020	2	171	Mai Kiều	Anh	05/08/1996	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2196	KTĐH-4987	06/12/2020	2	171	Đặng Thị Phương	Anh	18/07/1978	TTYT Long Biên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2197	KTĐH-4988	06/12/2020	2	171	Đỗ Thị Vân	Anh	30/10/1992	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2198	KTĐH-4989	06/12/2020	2	171	Đỗ Thị Kim	Anh	28/09/1992	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2199	KTĐH-4990	06/12/2020	2	171	Phạm Thị Ngọc	Ánh	10/10/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	**CTB**	
2200	KTĐH-4991	06/12/2020	2	171	Nguyễn Ngọc	Ánh	29/7/1992	BV YHCT Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2201	KTĐH-4992	06/12/2020	2	171	Phạm Hồng	Ánh	02/11/1993	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2202	KTĐH-4993	06/12/2020	3	171	Phạm Thị Kim	Bảng	07/11/1984	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2203	KTĐH-4994	06/12/2020	3	171	Nguyễn Thị	Bích	04/01/1991	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2204	KTĐH-4995	06/12/2020	3	171	Nguyễn Thị	Bích	30/6/1987	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán tổng hợp		
2205	KTĐH-4996	06/12/2020	3	171	Nguyễn Thị	Bốn	22/02/1984	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	**CBB**	
2206	KTĐH-4997	06/12/2020	3	171	Lưu Danh	Bút	08/02/1984	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2207	KTĐH-4998	06/12/2020	3	171	Đỗ Thị	Cần	12/11/1990	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2208	KTĐH-4999	06/12/2020	3	171	Hoàng Ngọc	Châm	25/06/1991	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	**DTTS**	
2209	KTĐH-5000	06/12/2020	3	171	Nguyễn Thị	Chanh	27/3/1988	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2210	KTĐH-5001	06/12/2020	4	171	Nguyễn Thị Linh	Chi	19/11/1989	BV Phục hồi chức năng	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2211	KTĐH-5002	06/12/2020	4	171	Nguyễn Thị	Chinh	04/12/1984	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2212	KTĐH-5003	06/12/2020	4	171	Hoàng Đức	Công	15/11/1993	BV Da liễu Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2213	KTĐH-5004	06/12/2020	4	171	Phùng Thị	Diệu	21/04/1993	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2214	KTĐH-5005	06/12/2020	4	171	Trần Thị	Định	18/11/1976	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2215	KTĐH-5006	06/12/2020	4	171	Nguyễn Thị	Dư	09/10/1976	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	CLS	
2216	KTĐH-5007	06/12/2020	4	171	Nguyễn Thị	Dung	08/09/1980	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2217	KTĐH-5008	06/12/2020	1	172	Nguyễn Thị Phương	Dung	22/11/1992	BV YHCT Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2218	KTĐH-5009	06/12/2020	1	172	Nguyễn Thị Thùy	Dung	17/12/1989	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2219	KTĐH-5010	06/12/2020	1	172	Phan Anh	Dũng	06/10/1987	TTYT Hoàng Mai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2220	KTĐH-5011	06/12/2020	1	172	Nguyễn Thùy	Dương	19/05/1995	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2221	KTĐH-5012	06/12/2020	1	172	Đỗ Thùy	Dương	30/07/1993	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2222	KTĐH-5013	06/12/2020	1	172	Đồng Thị Hương	Giang	03/10/1989	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2223	KTĐH-5014	06/12/2020	1	172	Đỗ Thị Thu	Giang	08/06/1989	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2224	KTĐH-5015	06/12/2020	1	172	Phan Thị	Giang	31/10/1992	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2225	KTĐH-5016	06/12/2020	2	172	Trần Thị Thu	Hà	08/08/1991	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2226	KTĐH-5017	06/12/2020	2	172	Trần Thị Minh	Hà	08/09/1988	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2227	KTĐH-5018	06/12/2020	2	172	Đỗ Thị Việt	Hà	28/06/1993	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2228	KTĐH-5019	06/12/2020	2	172	Đặng Hồng	Hà	20/10/1988	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2229	KTĐH-5020	06/12/2020	2	172	Nguyễn Thị	Hà	01/06/1985	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2230	KTĐH-5021	06/12/2020	2	172	Khuất Sơn	Hà	04/11/1992	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2231	KTĐH-5022	06/12/2020	2	172	Nguyễn Thị Thúy	Hà	18/3/1973	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	DTTS	
2232	KTĐH-5023	06/12/2020	3	172	Bùi Thu	Hà	02/02/1995	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2233	KTĐH-5024	06/12/2020	3	172	Nguyễn Thị Thu	Hà	30/05/1993	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2234	KTĐH-5025	06/12/2020	3	172	Nguyễn Thị	Hải	05/02/1976	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2235	KTĐH-5026	06/12/2020	3	172	Tạ Thị Ngọc	Hân	17/06/1996	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2236	KTĐH-5027	06/12/2020	3	172	Lê Thị Thu	Hằng	26/08/1978	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2237	KTĐH-5028	06/12/2020	3	172	Nguyễn Thị Minh	Hằng	02/09/1987	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2238	KTĐH-5029	06/12/2020	3	172	Phạm Thu	Hằng	29/12/1984	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2239	KTĐH-5030	06/12/2020	3	172	Bạch Minh	Hằng	02/08/1991	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2240	KTĐH-5031	06/12/2020	4	172	Nguyễn Thúy	Hằng	12/05/1983	BV Thận HN	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2241	KTĐH-5032	06/12/2020	4	172	Nguyễn Thị	Hằng	18/12/1994	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2242	KTĐH-5033	06/12/2020	4	172	Phan Thị Mỹ	Hạnh	27/11/1986	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán, phân tích và kiểm toán		
2243	KTĐH-5034	06/12/2020	4	172	Phạm Hồng	Hạnh	24/10/1990	TTYT Tây Hồ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2244	KTĐH-5035	06/12/2020	4	172	Đào Thị	Hạnh	13/11/1993	TTYT Thanh Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2245	KTĐH-5036	06/12/2020	4	172	Doãn Thị	Hạnh	20/03/1991	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2246	KTĐH-5037	06/12/2020	4	172	Hoàng Thị	Hậu	29/09/1991	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2247	KTĐH-5038	06/12/2020	1	173	Nguyễn Thị	Hiên	19/10/1990	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2248	KTĐH-5039	06/12/2020	1	173	Phạm Thu	Hiền	16/08/1991	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2249	KTĐH-5040	06/12/2020	1	173	Đặng Thị	Hiền	05/09/1991	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2250	KTĐH-5041	06/12/2020	1	173	Nguyễn Thị Thu	Hiền	17/12/1991	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2251	KTĐH-5042	06/12/2020	1	173	Đỗ Thị Thu	Hiền	04/5/1990	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2252	KTĐH-5043	06/12/2020	1	173	Dương Thị	Hiền	15/12/1984	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2253	KTĐH-5044	06/12/2020	1	173	Nguyễn Thị	Hoa	01/05/1977	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2254	KTĐH-5045	06/12/2020	1	173	Kiều Thị	Hoa	16/01/1990	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2255	KTĐH-5046	06/12/2020	2	173	Nguyễn Kim	Hoa	04/06/1972	TTYT Hai Bà Trưng	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2256	KTĐH-5047	06/12/2020	2	173	Vũ Thị Thu	Hoài	10/12/1994	TTYT Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2257	KTĐH-5048	06/12/2020	2	173	Nguyễn Thị	Hòe	06/05/1986	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2258	KTĐH-5049	06/12/2020	2	173	Nguyễn Ánh	Hồng	03/11/1985	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	**CBB**	
2259	KTĐH-5050	06/12/2020	2	173	Nguyễn Thị	Hồng	18/10/1988	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2260	KTĐH-5051	06/12/2020	2	173	Trần Thị	Hồng	24/06/1991	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	**CTB**	
2261	KTĐH-5052	06/12/2020	2	173	Lê Thị	Hồng	03/06/1987	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2262	KTĐH-5053	06/12/2020	3	173	Nguyễn Thị Bích	Hồng	15/11/1988	TTYT Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2263	KTĐH-5054	06/12/2020	3	173	Đỗ Thị Hạnh	Hồng	17/08/1987	BVĐK Thanh Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2264	KTĐH-5055	06/12/2020	3	173	Nguyễn Thị Thanh	Hợp	22/07/1991	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2265	KTĐH-5056	06/12/2020	3	173	Nguyễn Thái	Hùng	19/04/1992	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2266	KTĐH-5057	06/12/2020	3	173	Dương Thị Thu	Hương	15/06/1986	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán	**CTB**	
2267	KTĐH-5058	06/12/2020	3	173	Bùi Thị Thanh	Hương	01/10/1983	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)		
2268	KTĐH-5059	06/12/2020	3	173	Ngô Lan	Hương	25/12/1980	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2269	KTĐH-5060	06/12/2020	3	173	Phạm Thu	Hương	13/11/1986	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2270	KTĐH-5061	06/12/2020	4	173	Trần Thị Thu	Hương	08/08/1991	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2271	KTĐH-5062	06/12/2020	4	173	Đặng Thanh	Hương	30/07/1990	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2272	KTĐH-5063	06/12/2020	4	173	Khuất Thị	Hương	21/7/1989	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2273	KTĐH-5064	06/12/2020	4	173	Trần Thị Thu	Hương	27/01/1976	BV Thận HN	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2274	KTĐH-5065	06/12/2020	4	173	Nguyễn Thị Mai	Hương	29/08/1987	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2275	KTĐH-5066	06/12/2020	4	173	Phạm Thị	Hương	24/09/1989	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2276	KTĐH-5067	06/12/2020	4	173	Nguyễn Thu	Hương	09/02/1982	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2277	KTĐH-5068	06/12/2020	1	174	Đặng Thị	Hường	10/05/1992	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2278	KTĐH-5069	06/12/2020	1	174	Nguyễn Thị Thu	Hường	29/10/1996	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2279	KTĐH-5070	06/12/2020	1	174	Nguyễn Thị	Hường	01/08/1987	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	**CTB**	
2280	KTĐH-5071	06/12/2020	1	174	Nguyễn Thị Thu	Hường	16/10/1976	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2281	KTĐH-5072	06/12/2020	1	174	Trịnh Kim	Hường	19/05/1988	TTYT Hoàng Mai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2282	KTĐH-5073	06/12/2020	1	174	Kiều Thị	Hường	15/10/1987	TTYT thị xã Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2283	KTĐH-5074	06/12/2020	1	174	Nguyễn Thanh	Huyền	26/08/1995	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2284	KTĐH-5075	06/12/2020	1	174	Lưu Thanh	Huyền	02/01/1993	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2285	KTĐH-5076	06/12/2020	2	174	Nguyễn Thị	Huyền	20/9/1986	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2286	KTĐH-5077	06/12/2020	2	174	Nguyễn Thị Thu	Huyền	08/10/1990	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2287	KTĐH-5078	06/12/2020	2	174	Lương Thị	Huyền	05/10/1990	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2288	KTĐH-5079	06/12/2020	2	174	Cao Thị Khánh	Huyền	27/01/1995	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2289	KTĐH-5080	06/12/2020	2	174	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17/02/1986	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2290	KTĐH-5081	06/12/2020	2	174	Ngọ Thị	Khái	20/01/1987	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2291	KTĐH-5082	06/12/2020	2	174	Phạm Thị Kiều	Khánh	02/09/1978	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2292	KTĐH-5083	06/12/2020	3	174	Đoàn Văn	Khoát	26/07/1983	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	**CTB**	
2293	KTĐH-5084	06/12/2020	3	174	Nguyễn Đức	Kiên	10/10/1983	TTYT Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2294	KTĐH-5085	06/12/2020	3	174	Lý Thị Hương	Lam	22/09/1982	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	**CTB**	
2295	KTĐH-5086	06/12/2020	3	174	Phan Hải	Lâm	20/02/1980	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2296	KTĐH-5087	06/12/2020	3	174	Vũ Thị	Lâm	27/10/1989	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2297	KTĐH-5088	06/12/2020	3	174	Đỗ Thị	Lan	11/02/1992	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2298	KTĐH-5089	06/12/2020	3	174	Trần Thị	Lan	19/06/1989	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2299	KTĐH-5090	06/12/2020	3	174	Lê Thị	Lan	20/04/1979	TTYT Thanh Xuân	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2300	KTĐH-5091	06/12/2020	4	174	Nguyễn Thị Hương	Lan	18/11/1982	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)	**CTB**	
2301	KTĐH-5092	06/12/2020	4	174	Phạm Thị	Lệ	25/09/1993	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2302	KTĐH-5093	06/12/2020	4	174	Đỗ Thị Phương	Liên	11/07/1971	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2303	KTĐH-5094	06/12/2020	4	174	Nguyễn Thế Phương	Liên	28/06/1989	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	Ths	Kế toán (thạc sĩ chuyên ngành kế toán)		
2304	KTĐH-5095	06/12/2020	4	174	Nguyễn Thị	Liên	16/08/1990	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2305	KTĐH-5096	06/12/2020	4	174	Lê Thị Kim	Liên	20/11/1985	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2306	KTĐH-5097	06/12/2020	4	174	Ngô Thị	Liên	18/12/1982	TTYT Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2307	KTĐH-5098	06/12/2020	1	175	Nguyễn Thị Thùy	Linh	02/02/1991	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2308	KTĐH-5099	06/12/2020	1	175	Nguyễn Phương	Linh	29/09/1989	BV Mắt Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2309	KTĐH-5100	06/12/2020	1	175	Trần Ngọc	Linh	26/10/1993	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2310	KTĐH-5101	06/12/2020	1	175	Lưu Khánh	Linh	04/10/1994	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2311	KTĐH-5102	06/12/2020	1	175	Lê Diệu	Linh	02/11/1996	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2312	KTĐH-5103	06/12/2020	1	175	Nguyễn Thùy	Linh	23/10/1989	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2313	KTĐH-5104	06/12/2020	1	175	Kiều	Linh	09/10/1983	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2314	KTĐH-5105	06/12/2020	1	175	Nguyễn Mỹ	Linh	23/04/1997	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2315	KTĐH-5106	06/12/2020	2	175	Lê Thùy	Linh	22/12/1992	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2316	KTĐH-5107	06/12/2020	2	175	Cấn Thị Thùy	Linh	21/09/1997	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2317	KTĐH-5108	06/12/2020	2	175	Nguyễn Thị	Linh	10/02/1989	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2318	KTĐH-5109	06/12/2020	2	175	Phùng Thị Thùy	Linh	01/06/1988	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2319	KTĐH-5110	06/12/2020	2	175	Nguyễn Thị Khánh	Linh	15/06/1994	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2320	KTĐH-5111	06/12/2020	2	175	Trần Thùy	Linh	20/4/1985	TT Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2321	KTĐH-5112	06/12/2020	2	175	An Thùy	Linh	01/09/1992	TTYT Thanh Xuân	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2322	KTĐH-5113	06/12/2020	3	175	Vũ Thị Thùy	Linh	02/01/1989	TTYT Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2323	KTĐH-5114	06/12/2020	3	175	Vương Đặng Khánh	Linh	07/09/1996	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Kế toán		
2324	KTĐH-5115	06/12/2020	3	175	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	16/12/1993	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2325	KTĐH-5116	06/12/2020	3	175	Nguyễn Xuân Thùy	Linh	14/10/1990	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2326	KTĐH-5117	06/12/2020	3	175	Nguyễn Phương	Loan	16/01/1988	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2327	KTĐH-5118	06/12/2020	3	175	Nguyễn Thanh	Loan	23/09/1993	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2328	KTĐH-5119	06/12/2020	3	175	Vũ Thị Kiều	Loan	06/09/1997	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2329	KTĐH-5120	06/12/2020	3	175	Nguyễn Thị Bích	Lợi	03/04/1981	TTYT Mỹ Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2330	KTĐH-5121	06/12/2020	4	175	Hồ Vĩnh	Long	28/10/1997	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2331	KTĐH-5122	06/12/2020	4	175	Phạm Tùng	Long	19/09/1992	TTYT Long Biên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2332	KTĐH-5123	06/12/2020	4	175	Nguyễn Thị	Lụa	21/3/1983	BVTT Mỹ Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2333	KTĐH-5124	06/12/2020	4	175	Trần Thị	Luyến	07/01/1990	TTYT Mỹ Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2334	KTĐH-5125	06/12/2020	4	175	Lê Phương	Ly	22/09/1989	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Kế toán		
2335	KTĐH-5126	06/12/2020	4	175	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	08/09/1997	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2336	KTĐH-5127	06/12/2020	4	175	Đinh Thị Thanh	Mai	14/09/1984	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2337	KTĐH-5128	06/12/2020	1	176	Ngô Thị Ánh	Mai	18/11/1993	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2338	KTĐH-5129	06/12/2020	1	176	Vũ Thị Ngọc	Mai	08/09/1989	BV Phổi Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2339	KTĐH-5130	06/12/2020	1	176	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	01/08/1988	TTYT Long Biên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2340	KTĐH-5131	06/12/2020	1	176	Phạm Thị	Mến	23/09/1985	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2341	KTĐH-5132	06/12/2020	1	176	Nguyễn Thị	Minh	18/04/1984	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2342	KTĐH-5133	06/12/2020	1	176	Trần Lê	Minh	16/11/1990	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2343	KTĐH-5134	06/12/2020	1	176	Đỗ Hoàng	Minh	25/07/1993	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2344	KTĐH-5135	06/12/2020	1	176	Nguyễn Thị	Minh	22/11/1988	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2345	KTĐH-5136	06/12/2020	2	176	Nguyễn Ngọc	Mơ	10/09/1993	BVĐK Thanh Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2346	KTĐH-5137	06/12/2020	2	176	Nguyễn Thị	Mừng	15/04/1985	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2347	KTĐH-5138	06/12/2020	2	176	Trịnh Trà	My	01/12/1992	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2348	KTĐH-5139	06/12/2020	2	176	Đào Thị	Mỹ	24/11/1984	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2349	KTĐH-5140	06/12/2020	2	176	Lê Yến	Nga	19/01/1992	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2350	KTĐH-5141	06/12/2020	2	176	Huỳnh Thị Kim	Nga	16/09/1974	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2351	KTĐH-5142	06/12/2020	2	176	Đỗ Thị Hương	Nga	01/08/1991	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2352	KTĐH-5143	06/12/2020	3	176	Nguyễn Thị Thúy	Nga	10/08/1989	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2353	KTĐH-5144	06/12/2020	3	176	Trịnh Thị	Nga	01/10/1987	BV Thận HN	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2354	KTĐH-5145	06/12/2020	3	176	Phùng Thị Phương	Nga	26/11/1988	TTYT Hoàng Mai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2355	KTĐH-5146	06/12/2020	3	176	Nguyễn Quỳnh	Nga	01/04/1997	TTYT Hoàng Mai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2356	KTĐH-5147	06/12/2020	3	176	Hà Thanh	Nga	14/01/1988	TTYT Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2357	KTĐH-5148	06/12/2020	3	176	Phạm Thị	Ngà	29/09/1988	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2358	KTĐH-5149	06/12/2020	3	176	Nguyễn Thúy	Ngà	05/11/1994	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2359	KTĐH-5150	06/12/2020	3	176	Hà Thị	Ngân	05/11/1975	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2360	KTĐH-5151	06/12/2020	4	176	Vũ Hải	Ngân	04/09/1976	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán tổng hợp		
2361	KTĐH-5152	06/12/2020	4	176	Trương Thị Lê	Ngân	02/01/1996	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	CBB	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2362	KTĐH-5153	06/12/2020	4	176	Đỗ Thị Thu	Ngân	24/08/1993	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Kế toán		
2363	KTĐH-5154	06/12/2020	4	176	Đỗ Thị Kim	Ngân	01/06/1997	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2364	KTĐH-5155	06/12/2020	4	176	Bùi Quang	Nghĩa	18/09/1993	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2365	KTĐH-5156	06/12/2020	4	176	Đỗ Thị Bích	Ngọc	22/09/1988	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	CTB	
2366	KTĐH-5157	06/12/2020	4	176	Nguyễn Bích	Ngọc	13/10/1983	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2367	KTĐH-5158	06/12/2020	1	177	Lưu Tuấn	Ngọc	17/08/1994	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2368	KTĐH-5159	06/12/2020	1	177	Lê Tuấn	Ngọc	27/07/1989	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Kế toán		
2369	KTĐH-5160	06/12/2020	1	177	Lê Minh	Nguyệt	09/02/1997	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2370	KTĐH-5161	06/12/2020	1	177	Nguyễn Thị	Nguyệt	18/11/1990	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2371	KTĐH-5162	06/12/2020	1	177	Đào Thị Bích	Nguyệt	27/11/1993	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2372	KTĐH-5163	06/12/2020	1	177	Nguyễn Thị	Nhã	15/05/1981	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2373	KTĐH-5164	06/12/2020	1	177	Đặng Thị	Nhâm	22/03/1992	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2374	KTĐH-5165	06/12/2020	1	177	Nguyễn Thị	Nhàn	05/11/1990	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2375	KTĐH-5166	06/12/2020	2	177	Đặng Thị Phương	Nhiên	15/09/1987	BV Da liễu Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2376	KTĐH-5167	06/12/2020	2	177	Đào Thị	Nhiên	06/09/1990	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2377	KTĐH-5168	06/12/2020	2	177	Ngô Thị Thanh	Nhu	19/02/1981	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2378	KTĐH-5169	06/12/2020	2	177	Lê Thị Quỳnh	Như	04/04/1996	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2379	KTĐH-5170	06/12/2020	2	177	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	05/11/1985	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2380	KTĐH-5171	06/12/2020	2	177	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	23/04/1992	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2381	KTĐH-5172	06/12/2020	2	177	Nguyễn Thị	Nhung	10/03/1993	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2382	KTĐH-5173	06/12/2020	3	177	Nguyễn Thị	Nhung	19/09/1991	BVĐK Thạch Thất	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2383	KTĐH-5174	06/12/2020	3	177	Nguyễn Hồng	Nhung	07/12/1994	BVĐK Thường Tín	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2384	KTĐH-5175	06/12/2020	3	177	Tạ Thị	Ninh	11/07/1991	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2385	KTĐH-5176	06/12/2020	3	177	Đinh Thị	Nụ	24/12/1981	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2386	KTĐH-5177	06/12/2020	3	177	Nguyễn Thị Bích	Nụ	22/11/1989	TTYT Mỹ Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	CBB	
2387	KTĐH-5178	06/12/2020	3	177	Ngô Thị	Oanh	02/08/1985	BV Ung Bướu HN	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán, phân tích và kiểm toán		
2388	KTĐH-5179	06/12/2020	3	177	Lê Thị	Oanh	20/02/1987	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2389	KTĐH-5180	06/12/2020	3	177	Nguyễn Thị Huyền	Oanh	28/11/1982	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2390	KTĐH-5181	06/12/2020	4	177	Nguyễn Thị Thu	Phương	26/10/1975	BV Ung Bướu HN	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2391	KTĐH-5182	06/12/2020	4	177	Nguyễn Minh	Phương	30/09/1988	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	Tài chính Kế toán	ĐH	Kế toán		
2392	KTĐH-5183	06/12/2020	4	177	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	12/12/1989	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2393	KTĐH-5184	06/12/2020	4	177	Nguyễn Việt	Phương	22/03/1997	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2394	KTĐH-5185	06/12/2020	4	177	Nguyễn Thị Minh	Phương	17/04/1990	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2395	KTĐH-5186	06/12/2020	4	177	Cao Thị Thu	Phương	12/12/1982	TTYT Hai Bà Trưng	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2396	KTĐH-5187	06/12/2020	4	177	Nguyễn Thị	Phương	08/11/1991	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2397	KTĐH-5188	06/12/2020	1	178	Đức Thị	Phương	01/05/1990	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2398	KTĐH-5189	06/12/2020	1	178	Lê Thị	Phượng	09/06/1991	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2399	KTĐH-5190	06/12/2020	1	178	Nguyễn Thị Bích	Phượng	16/02/1981	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2400	KTĐH-5191	06/12/2020	1	178	Đào Bá	Quân	26/01/1987	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2401	KTĐH-5192	06/12/2020	1	178	Đỗ Thị	Quy	10/07/1975	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2402	KTĐH-5193	06/12/2020	1	178	Nguyễn Thanh	Quỳnh	30/11/1989	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2403	KTĐH-5194	06/12/2020	1	178	Nguyễn Thúy	Quỳnh	25/07/1990	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên	Kế toán	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2404	KTĐH-5195	06/12/2020	1	178	Phạm Thị Minh	Tâm	05/10/1990	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2405	KTĐH-5196	06/12/2020	2	178	Lê Thị Thanh	Tâm	24/08/1989	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2406	KTĐH-5197	06/12/2020	2	178	Kiều Thị Minh	Tâm	22/12/1989	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Kế toán		
2407	KTĐH-5198	06/12/2020	2	178	Nguyễn Thị	Tân	10/11/1981	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2408	KTĐH-5199	06/12/2020	2	178	Nguyễn Thị Anh	Tân	12/02/1980	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2409	KTĐH-5200	06/12/2020	2	178	Cao Thị	Thắm	23/10/1990	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2410	KTĐH-5201	06/12/2020	2	178	Nguyễn Đình	Thắng	24/08/1989	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2411	KTĐH-5202	06/12/2020	2	178	Vũ Tuyết	Thanh	25/07/1972	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2412	KTĐH-5203	06/12/2020	3	178	Dương Thị	Thanh	19/09/1991	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2413	KTĐH-5204	06/12/2020	3	178	Hà Thị Huyền	Thanh	19/06/1983	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2414	KTĐH-5205	06/12/2020	3	178	Nguyễn Mai	Thanh	25/12/1978	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2415	KTĐH-5206	06/12/2020	3	178	Lê Thị	Thanh	26/9/1991	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2416	KTĐH-5207	06/12/2020	3	178	Kim Thị	Thanh	05/08/1995	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2417	KTĐH-5208	06/12/2020	3	178	Vũ Thị Thu	Thanh	14/07/1982	BV Mắt Hà Đông	Kế toán viên	**Tài chính kế toán**	ĐH	Tài chính kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2418	KTĐH-5209	06/12/2020	3	178	Vũ Thị Kim	Thành	10/12/1991	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2419	KTĐH-5210	06/12/2020	3	178	Phạm Nguyễn	Thành	08/08/1981	TTYT thị xã Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2420	KTĐH-5211	06/12/2020	4	178	Nguyễn Thị Phương	Thảo	08/04/1980	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2421	KTĐH-5212	06/12/2020	4	178	Vũ Phương	Thảo	30/12/1990	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2422	KTĐH-5213	06/12/2020	4	178	Nguyễn Phương	Thảo	12/04/1984	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2423	KTĐH-5214	06/12/2020	4	178	Nguyễn Thị Bích	Thảo	23/09/1992	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2424	KTĐH-5215	06/12/2020	4	178	Trịnh Thị Phương	Thảo	16/05/1995	TTYT Mỹ Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2425	KTĐH-5216	06/12/2020	4	178	Nguyễn Thị Kim	Thoa	24/06/1988	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2426	KTĐH-5217	06/12/2020	4	178	Phạm Phương	Thoan	19/04/1986	TTYT Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2427	KTĐH-5218	06/12/2020	1	179	Kiều Thị	Thơm	12/02/1992	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2428	KTĐH-5219	06/12/2020	1	179	Nguyễn Thị	Thơm	25/03/1993	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2429	KTĐH-5220	06/12/2020	1	179	Phạm Thị	Thu	30/08/1987	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2430	KTĐH-5221	06/12/2020	1	179	Phạm Thị	Thu	04/04/1986	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2431	KTĐH-5222	06/12/2020	1	179	Trần Thị	Thu	03/02/1991	BVĐK Quốc Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	**ĐTTS**	

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2432	KTĐH-5223	06/12/2020	1	179	Hoàng Thị Hoài	Thu	21/10/1982	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2433	KTĐH-5224	06/12/2020	1	179	Trần Ngọc Anh	Thư	11/11/1991	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2434	KTĐH-5225	06/12/2020	1	179	Phùng Thị Sáu	Thư	28/11/1996	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2435	KTĐH-5226	06/12/2020	2	179	Nguyễn Thị Kim	Thương	27/01/1991	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2436	KTĐH-5227	06/12/2020	2	179	Nguyễn Thị Ba	Thủy	04/10/1990	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2437	KTĐH-5228	06/12/2020	2	179	Trần Thị	Thủy	06/06/1985	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2438	KTĐH-5229	06/12/2020	2	179	Vương Thanh	Thủy	25/11/1997	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2439	KTĐH-5230	06/12/2020	2	179	Nguyễn Thị	Thủy	27/08/1989	BVĐK Thạch Thất	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2440	KTĐH-5231	06/12/2020	2	179	Trần Minh	Thủy	02/03/1991	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2441	KTĐH-5232	06/12/2020	2	179	Ninh Thị	Thủy	26/10/1990	TTYT Ba Vì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2442	KTĐH-5233	06/12/2020	3	179	Lê Thị	Thủy	07/09/1987	TTYT Thanh Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2443	KTĐH-5234	06/12/2020	3	179	Phùng Thanh	Thủy	28/03/1994	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2444	KTĐH-5235	06/12/2020	3	179	Nguyễn Thu	Thủy	26/02/1996	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2445	KTĐH-5236	06/12/2020	3	179	Đoàn Minh	Thủy	06/10/1977	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	CTB	
2446	KTĐH-5237	06/12/2020	3	179	Phạm Thị Bích	Thủy	12/10/1987	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2447	KTĐH-5238	06/12/2020	3	179	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	12/07/1993	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2448	KTĐH-5239	06/12/2020	3	179	Đinh Thị	Thủy	20/10/1991	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2449	KTĐH-5240	06/12/2020	3	179	Vũ Thị Thanh	Thủy	12/08/1982	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2450	KTĐH-5241	06/12/2020	4	179	Tô Thị Lệ	Thủy	25/07/1997	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2451	KTĐH-5242	06/12/2020	4	179	Nguyễn Thị Thu	Thủy	08/05/1991	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2452	KTĐH-5243	06/12/2020	4	179	Phạm Thanh	Thủy	28/11/1985	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2453	KTĐH-5244	06/12/2020	4	179	Nguyễn Thị Trung	Thủy	06/04/1990	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2454	KTĐH-5245	06/12/2020	4	179	Nguyễn Huyền	Trang	07/10/1989	BV Phụ Sản Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2455	KTĐH-5246	06/12/2020	4	179	Võ Việt	Trang	10/01/1997	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2456	KTĐH-5247	06/12/2020	4	179	Chu Huyền	Trang	27/06/1987	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2457	KTĐH-5248	06/12/2020	1	180	Nguyễn Như	Trang	03/02/1988	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2458	KTĐH-5249	06/12/2020	1	180	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	05/08/1990	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2459	KTĐH-5250	06/12/2020	1	180	Lê Thị	Trang	15/10/1986	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2460	KTĐH-5251	06/12/2020	1	180	Trịnh Thu	Trang	18/12/1993	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2461	KTĐH-5252	06/12/2020	1	180	Cát Thu	Trang	06/12/1990	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2462	KTĐH-5253	06/12/2020	1	180	Dương Thị Hà	Trang	05/09/1993	TTYT Thanh Xuân	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2463	KTĐH-5254	06/12/2020	1	180	Nguyễn Thị	Trang	21/7/1986	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2464	KTĐH-5255	06/12/2020	1	180	Đào Thùy	Trang	03/12/1993	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2465	KTĐH-5256	06/12/2020	2	180	Nguyễn Văn	Trung	18/12/1989	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2466	KTĐH-5257	06/12/2020	2	180	Trần Thanh	Tú	23/12/1992	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên	**Kế toán**	ThS	Tài chính ngân hàng (thạc sỹ chuyên ngành Kế toán)		
2467	KTĐH-5258	06/12/2020	2	180	Lê Phương	Tú	08/06/1975	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2468	KTĐH-5259	06/12/2020	2	180	Lục Anh	Tuấn	05/02/1986	TTYT Thanh Xuân	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2469	KTĐH-5260	06/12/2020	2	180	Kiều Mạnh	Tùng	19/09/1992	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2470	KTĐH-5261	06/12/2020	2	180	Đỗ Thị	Tuyền	22/08/1991	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2471	KTĐH-5262	06/12/2020	2	180	Đỗ Thị	Tuyết	13/02/1988	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2472	KTĐH-5263	06/12/2020	3	180	Phạm Thị Thu	Uyên	24/01/1983	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2473	KTĐH-5264	06/12/2020	3	180	Phạm Thị	Vân	13/02/1982	BV Mắt Hà Nội	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2474	KTĐH-5265	06/12/2020	3	180	Bùi Thị Hồng	Vân	12/03/1994	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2475	KTĐH-5266	06/12/2020	3	180	Vũ Thị	Vân	10/11/1989	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2476	KTĐH-5267	06/12/2020	3	180	Tống Thị	Vân	09/07/1985	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán	CBB	
2477	KTĐH-5268	06/12/2020	3	180	Ngô Thị Thúy	Vân	26/07/1989	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2478	KTĐH-5269	06/12/2020	3	180	Nguyễn Thị	Vân	03/9/1986	TTYT Ứng Hòa	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2479	KTĐH-5270	06/12/2020	3	180	Nguyễn Bá	Văn	10/05/1986	BVĐK Thanh Oai	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2480	KTĐH-5271	06/12/2020	4	180	Dương Thị	Yến	14/04/1991	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2481	KTĐH-5272	06/12/2020	4	180	Nguyễn Hải	Yến	19/07/1993	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2482	KTĐH-5273	06/12/2020	4	180	Nguyễn Thị	Yến	17/07/1988	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2483	KTĐH-5274	06/12/2020	4	180	Nguyễn Thị	Yến	10/02/1993	BV Bắc Thăng Long	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2484	KTĐH-5275	06/12/2020	4	180	Nguyễn Thị	Yến	20/08/1991	BV YHCT Hà Đông	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2485	KTĐH-5276	06/12/2020	4	180	Nguyễn Thị Hải	Yến	09/09/1990	TTYT Đông Anh	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2486	KTĐH-5277	06/12/2020	4	180	Nguyễn Thị	Yến	22/10/1996	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KẾ TOÁN VIÊN CAO ĐẲNG - 06a.031													
2487	KTCĐ-5278	06/12/2020	1	181	Nguyễn Dương	Anh	27/05/1993	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2488	KTCĐ-5279	06/12/2020	1	181	Nguyễn Ngọc	Ánh	20/11/1991	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2489	KTCĐ-5280	06/12/2020	1	181	Phùng Thị Ngọc	Ánh	24/10/1992	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2490	KTCĐ-5281	06/12/2020	1	181	Tô Thị	Dịu	22/06/1987	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2491	KTCĐ-5282	06/12/2020	1	181	Đặng Xuân	Dung	27/9/1990	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2492	KTCĐ-5283	06/12/2020	1	181	Bùi Thị Thu	Dung	29/08/1989	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2493	KTCĐ-5284	06/12/2020	1	181	Trần Thị	Dung	13/12/1989	TTYT Bắc Từ Liêm	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2494	KTCĐ-5285	06/12/2020	2	181	Phan Thị Kim	Dung	21/03/1985	TTYT Bắc Từ Liêm	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2495	KTCĐ-5286	06/12/2020	2	181	Tạ Thị	Gấm	19/02/1988	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2496	KTCĐ-5287	06/12/2020	2	181	Phan Thị Hương	Giang	24/03/1990	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2497	KTCĐ-5288	06/12/2020	2	181	Nguyễn Thị Thu	Hà	04/06/1993	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2498	KTCĐ-5289	06/12/2020	2	181	Lê Thị Mỹ	Hạnh	26/4/1983	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2499	KTCĐ-5290	06/12/2020	2	181	Nguyễn Thị	Hiền	05/05/1983	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2500	KTCĐ-5291	06/12/2020	3	181	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	04/07/1982	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2501	KTCĐ-5292	06/12/2020	3	181	Nguyễn Thị Thu	Hương	19/01/1988	BV Phổi Hà Nội	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán		
2502	KTCĐ-5293	06/12/2020	3	181	Nguyễn Thanh	Huyền	21/07/1989	TTYT Bắc Từ Liêm	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán		
2503	KTCĐ-5294	06/12/2020	3	181	Nguyễn Mai	Lam	30/05/1990	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán		
2504	KTCĐ-5295	06/12/2020	3	181	Trần Thị Xuân	Lành	02/09/1987	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2505	KTCĐ-5296	06/12/2020	3	181	Nguyễn Thị Bích	Lê	18/8/1979	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2506	KTCĐ-5297	06/12/2020	1	182	Trần Thị	Liên	07/11/1986	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2507	KTCĐ-5298	06/12/2020	1	182	Nguyễn Thị Thu	Luyến	05/12/1983	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Đại học Kế toán		
2508	KTCĐ-5299	06/12/2020	1	182	Tạ Thị Hoa	Mai	12/03/1992	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán		
2509	KTCĐ-5300	06/12/2020	1	182	Đàm Thị	Nga	04/10/1991	BVĐK Đức Giang	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2510	KTCĐ-5301	06/12/2020	1	182	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	23/08/1991	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán		
2511	KTCĐ-5302	06/12/2020	1	182	Trần Ánh	Nhi	01/06/1995	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán	CBB	
2512	KTCĐ-5303	06/12/2020	2	182	Nguyễn Thị Trang	Nhung	26/09/1990	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán		
2513	KTCĐ-5304	06/12/2020	2	182	Lê Thị	Phương	21/10/1994	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán		
2514	KTCĐ-5305	06/12/2020	2	182	Lê Thị	Phượng	26/09/1996	BVĐK Đông Anh	Kế toán viên cao đẳng	Kế toán	CĐ	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2515	KTCĐ-5306	06/12/2020	2	182	Kiều Thị	Tâm	12/03/1993	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2516	KTCĐ-5307	06/12/2020	2	182	Nguyễn Văn	Thanh	14/06/1991	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2517	KTCĐ-5308	06/12/2020	2	182	Dương Thị	Thơm	14/11/1985	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2518	KTCĐ-5309	06/12/2020	3	182	Nguyễn Thị Thu	Thủy	09/10/1989	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2519	KTCĐ-5310	06/12/2020	3	182	Nguyễn Thanh	Tú	06/04/1979	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2520	KTCĐ-5311	06/12/2020	3	182	Vương Thị	Tuyến	21/8/1993	BVĐK Sóc Sơn	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2521	KTCĐ-5312	06/12/2020	3	182	Phùng Thị	Tuyến	27/01/1992	BVĐK Mê Linh	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2522	KTCĐ-5313	06/12/2020	3	182	Âu Hồng	Vân	16/04/1993	BVĐK Gia Lâm	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2523	KTCĐ-5314	06/12/2020	3	182	Lê Thị Thanh	Yến	27/01/1984	BVĐK Ba Vì	Kế toán viên cao đẳng	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP KẾ TOÁN VIÊN TRUNG CẤP - 06.032													
2524	KTTC-5315	06/12/2020	1	183	Đỗ Thị Thụy	Anh	02/12/1976	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2525	KTTC-5316	06/12/2020	1	183	Đoàn Vân	Anh	17/03/1990	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2526	KTTC-5317	06/12/2020	1	183	Hoàng Thị	Ánh	12/3/1988	BVĐK Sơn Tây	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2527	KTTC-5318	06/12/2020	1	183	Vũ Hà	Bắc	13/03/1984	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2528	KTTC-5319	06/12/2020	1	183	Vũ Thị	Cửi	10/04/1977	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	TC	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2529	KTTC-5320	06/12/2020	1	183	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	18/07/1992	TTYT thị xã Sơn Tây	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán		
2530	KTTC-5321	06/12/2020	1	183	Nguyễn Thị	Dư	28/12/1992	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2531	KTTC-5322	06/12/2020	2	183	Đinh Minh	Đức	06/06/1991	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán tổng hợp		
2532	KTTC-5323	06/12/2020	2	183	Lê Thùy	Dung	06/01/1982	TTYT Hoàn Kiếm	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	TC	Kế toán		
2533	KTTC-5324	06/12/2020	2	183	Đỗ Thị Thùy	Dương	12/11/1984	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2534	KTTC-5325	06/12/2020	2	183	Nguyễn Thị	Duyên	25/08/1989	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	Tài chính Kế toán	CĐ	Kế toán		
2535	KTTC-5326	06/12/2020	2	183	Đặng Thị Thúy	Hà	26/10/1978	BV Mắt Hà Nội	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2536	KTTC-5327	06/12/2020	2	183	Đỗ Thị	Hà	18/10/1991	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2537	KTTC-5328	06/12/2020	2	183	Nguyễn Thị	Hà	07/09/1985	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán		
2538	KTTC-5329	06/12/2020	3	183	Phùng Thị	Hải	15/09/1989	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán		
2539	KTTC-5330	06/12/2020	3	183	Ngô Văn	Hải	28/07/1988	BVĐK YHCT Hà Nội	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2540	KTTC-5331	06/12/2020	3	183	Trần Thị	Hằng	23/03/1991	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	ĐH	Kế toán		
2541	KTTC-5332	06/12/2020	3	183	Nguyễn Thị Thu	Hằng	17/10/1992	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán		
2542	KTTC-5333	06/12/2020	3	183	Hoàng Thanh	Hằng	01/12/1995	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên trung cấp	Kế toán	CĐ	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2543	KTTC-5334	06/12/2020	3	183	Nghiêm Thị Tuyết	Hạnh	11/08/1992	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2544	KTTC-5335	06/12/2020	3	183	Trần Thu	Hiền	28/07/1978	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	TC	Kế toán		
2545	KTTC-5336	06/12/2020	4	183	Nguyễn Thị	Hoa	07/04/1985	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2546	KTTC-5337	06/12/2020	4	183	Nguyễn Quỳnh	Hoa	18/12/1991	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2547	KTTC-5338	06/12/2020	4	183	Văn Thị Mai	Hoa	28/07/1986	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2548	KTTC-5339	06/12/2020	4	183	Đào Thị Thu	Hoài	20/03/1982	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2549	KTTC-5340	06/12/2020	4	183	Đinh Thị	Hồng	10/03/1995	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2550	KTTC-5341	06/12/2020	4	183	Trần Thị	Hồng	09/06/1980	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2551	KTTC-5342	06/12/2020	4	183	Phan Thanh	Hương	24/12/1988	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2552	KTTC-5343	06/12/2020	1	184	Phí Thị	Khuyên	20/04/1989	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2553	KTTC-5344	06/12/2020	1	184	Đặng Ngọc	Lan	16/03/1986	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2554	KTTC-5345	06/12/2020	1	184	Nguyễn Thị Hiền	Mai	10/06/1970	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2555	KTTC-5346	06/12/2020	1	184	Lê Tuyết	Mai	22/04/1987	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2556	KTTC-5347	06/12/2020	1	184	Nguyễn Văn	Minh	06/01/1981	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Vị trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2557	KTTC-5348	06/12/2020	1	184	Quách Thị Mai	Nga	29/12/1969	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2558	KTTC-5349	06/12/2020	1	184	Nguyễn Thị	Nga	10/08/1987	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2559	KTTC-5350	06/12/2020	2	184	Nguyễn Thị	Ngân	20/09/1992	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2560	KTTC-5351	06/12/2020	2	184	Nguyễn Thị	Ngọc	01/03/1986	BVĐK Phú Xuyên	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2561	KTTC-5352	06/12/2020	2	184	Vũ Thị Ánh	Nguyệt	24/10/1994	BVĐK Thanh Trì	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2562	KTTC-5353	06/12/2020	2	184	Nguyễn Thị Lan	Phương	26/12/1987	BVĐK Vân Đình	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2563	KTTC-5354	06/12/2020	2	184	Nguyễn Minh	Phượng	06/08/1988	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2564	KTTC-5355	06/12/2020	2	184	Đinh Thị	Quý	15/01/1989	BVĐK Đan Phượng	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Kế toán	**CBB**	
2565	KTTC-5356	06/12/2020	2	184	Dương Thị Minh	Tâm	06/09/1987	BVĐK Hà Đông	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2566	KTTC-5357	06/12/2020	3	184	Đoàn Thị Thanh	Tảo	25/09/1982	TTYT thị xã Sơn Tây	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2567	KTTC-5358	06/12/2020	3	184	Vũ Thị	Thảo	04/03/1984	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2568	KTTC-5359	06/12/2020	3	184	Phạm Thị Minh	Thu	07/09/1986	BVĐK Đống Đa	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2569	KTTC-5360	06/12/2020	3	184	Ngô Thị Xuân	Thu	12/10/1990	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2570	KTTC-5361	06/12/2020	3	184	Nguyễn Thanh	Thủy	08/07/1973	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
2571	KTTC-5362	06/12/2020	3	184	Đỗ Bích	Thủy	25/07/1988	BV Thanh Nhàn	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2572	KTTC-5363	06/12/2020	3	184	Kiều Thị	Thủy	05/01/1990	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2573	KTTC-5364	06/12/2020	4	184	Tống Thị	Thủy	29/10/1990	BVĐK Chương Mỹ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2574	KTTC-5365	06/12/2020	4	184	Trần Thị	Thủy	08/05/1988	BVĐK Hoài Đức	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	TC	Kế toán		
2575	KTTC-5366	06/12/2020	4	184	Nguyễn Huyền	Trang	04/10/1986	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	TC	Kế toán		
2576	KTTC-5367	06/12/2020	4	184	Tạ Thị	Tuyền	02/09/1988	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	Ths	Thạc sĩ Kế toán	**CBB**	
2577	KTTC-5368	06/12/2020	4	184	Trần Thị	Vân	20/09/1990	TTYT Sóc Sơn	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	CĐ	Kế toán		
2578	KTTC-5369	06/12/2020	4	184	Nguyễn Thị	Vượng	27/07/1989	BVĐK Xanh Pôn	Kế toán viên trung cấp	**Tài chính Kế toán**	ĐH	Kế toán		
2579	KTTC-5370	06/12/2020	4	184	Nguyễn Thị	Xuân	03/08/1988	BVĐK Phúc Thọ	Kế toán viên trung cấp	**Kế toán**	ĐH	Kế toán		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DINH DƯỠNG (HẠNG III) - V.08.09.25													
2580	DDIII-5371	06/12/2020	1	185	Lê Thị Ngọc	Anh	02/10/1994	BV Phổi Hà Nội	Dinh dưỡng (hạng III)	Dinh dưỡng	ĐH	Dinh dưỡng		
2581	DDIII-5372	06/12/2020	1	185	Nguyễn Thị	Yến	19/11/1995	BV Phổi Hà Nội	Dinh dưỡng (hạng III)	Dinh dưỡng	ĐH	Dinh dưỡng		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DINH DƯỠNG (HẠNG IV) - V.08.09.26													
2582	DDIV-5373	06/12/2020	1	185	Lê Hoài	Thương	13/08/1989	BVĐK Xanh Pôn	Dinh dưỡng (hạng IV)	Dinh dưỡng	CĐ	Dinh dưỡng tiết chế		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP PHÓNG VIÊN (HẠNG III) - V.11.02.06													

Số TT	Số báo danh	Ngày thi	Ca thi	Bàn thi	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ví trí việc làm và chuyên ngành cần tuyển		Trình độ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Diện ưu tiên	Ghi chú
									Vị trí việc làm	Chuyên ngành cần tuyển				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
2583	PV-5374	06/12/2020	1	186	Ngô Thủy	An	10/08/1993	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Phóng viên (hạng III)	**Báo chí**	Ths	Báo chí (có bằng thạc sỹ Báo chí)		
2584	PV-5375	06/12/2020	1	186	Đặng Văn	Diện	27/06/1983	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Phóng viên (hạng III)	**Báo chí**	ĐH	Báo chí		
2585	PV-5376	06/12/2020	1	186	Tạ Duy	Tuân	13/12/1989	TT Kiểm soát bệnh tật thành phố HN	Phóng viên (hạng III)	**Báo chí**	ĐH	Báo chí		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP LƯU TRỮ VIÊN (HẠNG III) - V.01.02.02													
2586	LTV-5377	06/12/2020	1	187	Nguyễn Thị Lan	Anh	01/09/1991	BVĐK Xanh Pôn	Lưu trữ viên (hạng III)	**Lưu trữ học và quản trị văn phòng**	ĐH	Lưu trữ học và quản trị văn phòng		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VĂN THƯ - 02.007													
2587	VT-5378	06/12/2020	1	187	Lại Thị Thu	Cúc	09/08/1991	BV Bắc Thăng Long	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Thông tin thư viện (Chứng chỉ nghiệp vụ hành chính văn phòng, Văn thư lưu trữ)		
2588	VT-5379	06/12/2020	1	187	Lê Thu	Hà	02/02/1996	BV Bắc Thăng Long	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Lưu trữ học (có bằng tốt nghiệp trung cấp văn thư)		
2589	VT-5380	06/12/2020	1	187	Nguyễn Thị Thu	Hương	11/04/1979	BVĐK Xanh Pôn	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Tiếng Nhật (Trung cấp Văn thư lưu trữ)	CTB	
2590	VT-5381	06/12/2020	1	187	Nguyễn Thị	Loan	07/07/1995	BV Bắc Thăng Long	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Lưu trữ học (chứng chỉ văn thư lưu trữ - Hành chính văn phòng)	DTTS	
2591	VT-5382	06/12/2020	1	187	Lê Thị Thanh	Nga	08/11/1994	BV Bắc Thăng Long	Văn thư	**Văn thư lưu trữ**	ĐH	Lưu trữ học (chứng chỉ văn thư lưu trữ - Hành chính văn phòng)		
	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VĂN THƯ TRUNG CẤP - 02.008													
2592	VTTC-5383	06/12/2020	1	187	Doãn Thị Phương	Thảo	27/12/1994	BVĐK Đống Đa	Văn thư trung cấp	**Văn thư - Lưu trữ**	ĐH	Lưu trữ học (chứng chỉ nghiệp vụ văn thư lưu trữ)		